

**ORHAN
PAMUK**

**TÊN
TỘI
LÀ
ĐÓ**

"Tuyệt diệu" — Spectator

"Kỳ vĩ" — Observer

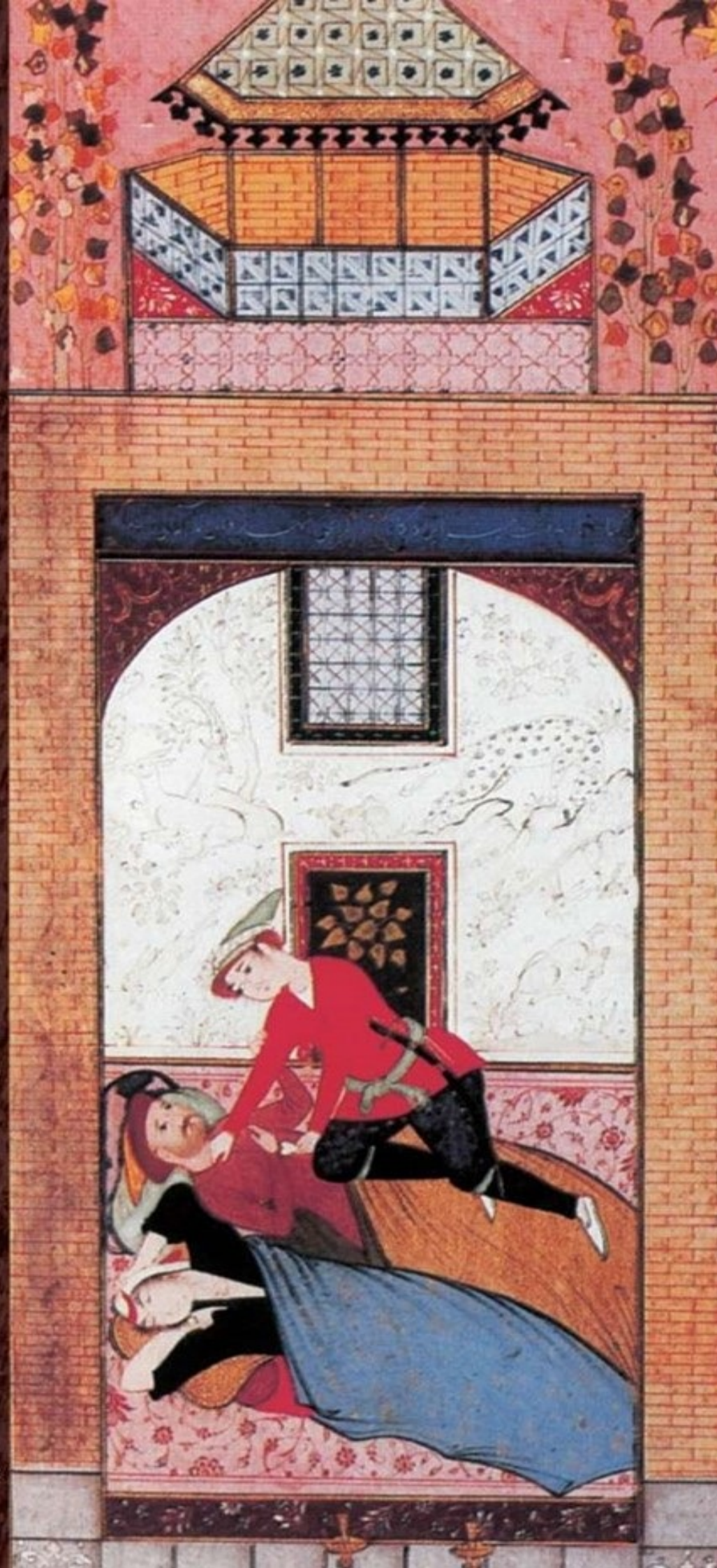
"Lộng lẫy" — New Yorker

"Bất hủ" — Guardian



nh

nhà nam NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Giới Thiệu

Orhan Pamuk, "một trong những tiếng nói mới mẻ và độc đáo nhất trong văn chương đương đại" như lời Independent on Sunday nhận xét, đã viết nhiều cuốn sách, trong đó có Pháo đài trắng và Cuộc đời mới.

O

Năm 2003, ông nhận giải International IMPAC Dublin cho cuốn Tên tôi là Đỏ, và năm 2004, Faber ấn hành bản dịch tiếng Anh cuốn Tuyết của ông, được Margaret Atwood ca ngợi là "cuốn sách không thể thiếu của thời đại chúng ta".

Istanbul, một ghi chép của ông về cuộc sống nơi thành phố này, đã được đề cử giải Samuel Johnson của BBC4, được Kate Hickman trong New Statesman gọi là "đẹp đẽ một cách phi thường và siêu việt", Orhan Pamuk hiện đang sống ở Istanbul.

Tác phẩm của ông có sự phức tạp tinh tế của tám hoa văn Hồi giáo trung cổ, một hiệu quả đã được đánh giá xứng đáng, bởi hiểu biết của Pamuk về quá khứ văn hóa Thổ Nhĩ Kỳ thì chỉ có sự quan tâm của ông đối với triển vọng của các hình thức truyện kể hiện đại mới sánh nổi... Chỉ riêng với tư cách một suy ngẫm về nghệ thuật Tên tôi là Đỏ đã tinh tế một cách điêu luyện, đòi hỏi sự chú tâm sát cao nhất và cũng đáp đền xứng đáng."

Tom Holland, Daily Telegraph.

"Nó bao hàm cả tiểu thuyết trinh thám, khảo luận nghệ thuật và thriller tâm lý. Trên hết người đọc được tiếp xúc với một lời than khóc bi thương và

siêu phàm dành cho tài nghệ truyền thống đã bị lịch sử chôn vùi và bị thời thượng coi rẻ."

Murrough O'Brien, Independenton Sunday.

"Đọc cuốn sách này cũng giống như đang ở trong một giấc mơ phương xa thân diệu. Nhưng nó cũng bao hàm tính trí tuệ thực tế. Pamuk đã viết với niềm vui to lớn... Đó là một cuốn sách bạn có thể chìm đắm vào trong, và ai làm vậy sẽ được nếm trải sự sung sướng."

Alan Massie, The Scotsman.

"Thuyết phục một cách đau lòng... Cuốn sách này về hình thức vừa thông minh, vừa dí dỏm và nói về những vấn đề nghiêm túc. Nhưng ngay có lời mô tả này cũng chưa nói hết được điều theo tôi đã làm nên sự lớn lao đích thực của cuốn tiểu thuyết, vốn nằm ở chỗ nó thực hiện được một cách thoải mái những gì các tiểu thuyết gia vẫn luôn cố gắng vươn tới nhưng rất ít người làm được. Nó truyền đạt lại đời sống hàng ngày giữa vấn vít xúc cảm, óc não và thể xác một cách đầy thuyết phục, và nó thực hiện điều đó với đầy trác ẩn, rộng lượng, nhân tình."

Dick Davis, Times Literary Supplement

"Một cuốn thriller triết học xây dựng xung quanh sự va chạm giữa hai quan niệm về ý nghĩa nghệ thuật, cũng là một vực thẳm giữa hai nền văn minh khác biệt. Những tác phẩm lớn luôn nói về thời đại của mình, trong tuần lễ đầy những vụ đánh bom tự sát ở Mỹ, tiểu thuyết xuất sắc này lớn tiếng đòi ta phải chú ý... Đó là một tác phẩm thâm thúy với căn rễ sâu xa. Vượt xa một 'tiểu thuyết lịch sử' thông thường, nó có một động lực tự sự khó quên thống nhất cả quá khứ lẫn hiện tại, cũng như tài năng nghệ thuật đỉnh cao với tự hấp dẫn đại chúng đã biến Pamuk thành tác giả đương đại lớn nhất Thổ Nhĩ Kỳ... Kinh Koran có nói, "Cả miền đông lẫn miền tây đều nằm trong Thượng đế". Trong tác phẩm hiếm có và tuyệt diệu này, Pamuk đã đưa ra được lời khẳng định tương tự về sự cảm thông thống nhất khi biên giới đó."

Hywel Williams, Guardian.

"Một hỗn hợp sắc bén giữa truyện vụ án, ngụ ngôn hậu hiện đại và tiểu thuyết lãng mạn lịch sử. Tất sẽ gọi ra so sánh với Tên của đóa Hồng của Umberto Eco và quả chúng có những tương đồng rộng lớn, cho dù phong cách mãnh mẽ và cách xây dựng cá tính nhân vật tinh tế của Pamuk là hoàn toàn của riêng ông... Tên tôi là Đỏ với những câu chuyện lồng trong chuyện, tự biện triết học và những nhân vật phức tạp là một minh chứng tuyệt vời về những gì tiểu thuyết có thể làm được... Mê hồn."

S.B.Kelly, Scotland on Sunday

"Kỳ vĩ... Trong cái thế giới toàn hàng giả dễ khiến con người mất lòng tin vào văn học này, Pamuk là thực chất, và cuốn sách này có lẽ cũng thuộc vào số ít những tác phẩm văn chương ra đời gần đây sẽ còn được nhớ đến vào cuối thế kỷ này."

Avkat Altinel, Observer.

"Hơn tất cả mọi cuốn sách khác mà tôi còn nhớ được, nó không chỉ tóm tắt được những mâu thuẫn quá khứ và hiện tại của Istanbul, mà cả cái đẹp kinh hồn, vĩnh hằng của đô thành này. Nói cách khác, nó gần như hoàn thiện. Tất cả những gì nó cần có là một giải Nobel."

Maureen Freely, New Statesman.

"Huyền hoặc, điên đầu, kích thích... khác hoàn toàn so với thể loại thriller lịch sử truyền thống phương Tây... Đây là một cuốn tiểu thuyết tuyệt diệu, mơ màng, nồng nàn và tráng lệ, mang chất phương xa một cách độc đáo và lôi cuốn nhất."

Philip Hensher, Spectator.

"Người phương Tây chúng ta chỉ còn biết tạ ơn trời rằng trên đời có một tiểu thuyết gia như Orhan Pamuk tồn tại, để làm cầu nối giữa chúng ta với một nền văn hóa khác, thuộc một di sản cũng giàu có như của chúng ta vậy."

Tom Holland, Daily Telegraph.

"Pamuk đã chứng tỏ sự kiên nhẫn và khả năng xây dựng của những người kể chuyện thế kỷ 19 và các truyền nhân của họ, Proust và Mann... và năng lực tưởng tượng của ông được gắn kèm với một cảm quan sâu xa về bí ẩn và song nghĩa."

John Updike, The New Yorker.

Istanbul cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XVI. Vua Thổ Nhĩ Kỳ bí mật cho khởi thảo một cuốn sách vĩ đại để ca tụng sinh bình và đế quốc của mình, được trang trí bởi những họa sĩ giỏi nhất thời bấy giờ - theo lối Tây phương. Nhưng khi một trong những nhà tiểu họa bị giết chết, sự phụ của họ đã buộc phải tìm đến sự giúp đỡ từ bên ngoài. Cái chết của người họa sĩ là do kinh địch nghề nghiệp, ghen tuông luyến ái hay là khủng bố tín ngưỡng?

Là một tiểu thuyết vụ án ly kỳ, Tên tôi là Đỏ còn là một chiêm nghiệm tuyệt diệu về tình yêu, đam mê nghệ thuật và những căng thẳng giữa Đông và Tây.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Đôi Lời Của Những Người Dịch

Lời đầu tiên mà chúng tôi muốn thưa cùng bạn đọc là một lời tạ lỗi, vì chúng tôi đã không thể dịch từ tiếng Thổ, ngôn ngữ sáng tác đích thực của tác giả, mà phải dịch qua bản tiếng Anh, nghĩa là chúng tôi không thể uống nước tận nguồn, và như thế chắc chắn đã không thể thấu hiểu và chuyển tải được mọi ý nghĩ tinh tế và thâm trầm (mà chúng tôi có thể mừng tượng được cho dù chỉ đọc qua bản tiếng Anh), của tác giả. Tuy nhiên, chúng tôi cũng mong các bạn chia sẻ niềm tin vào độ trung thực trong bản tiếng Anh của Erdag M. Goknar, vì bản dịch này đã đem về cho tác giả nhiều giải thưởng văn học giá trị của nhiều nước châu Âu và giúp tác giả tiếp cận với độc giả thế giới cũng như ban giám khảo của giải Nobel. Điều thứ nhì, để cứu văn phần nào khuyết điểm nói trên, chúng tôi đã cố gắng giữ lại không khí Istanbul cũng như sắc thái Thổ Nhĩ Kỳ bằng cách trả nhiều địa danh và nhân danh về tiếng Thổ (dĩ nhiên là dưới dạng phiên âm La tinh hóa). Trong bản tiếng Anh, với mục tiêu tạo dễ dàng cho người đọc phương Tây, dịch giả E. Goknar đã chuyển hầu hết địa danh và nhân danh, cũng như các tên tựa của nhiều cổ thư Thổ Nhĩ Kỳ được đề cập trong tác phẩm, sang tiếng Anh. Chúng tôi cho rằng làm như thế là thiếu tôn trọng bản sắc Thổ Nhĩ Kỳ (nghĩa là thiếu tinh thần dân chủ) của nguyên tác. Để làm công việc này, chúng tôi dựa hoàn toàn vào thông tin trên Internet, qua rất nhiều trang web mà chúng tôi không thể liệt kê hết ở đây. Có nhiều tên tựa cổ thư và địa danh không hề có trên Internet, điều này khiến chúng tôi nghĩ rằng chúng là sản phẩm hư cấu của Pamuk, do đó không thể truy nguyên được tên gọi bằng tiếng Thổ ra sao. Với những trường hợp này, chúng tôi đành dịch ra tiếng Việt (theo bản tiếng Anh) và không thể chú thích gì cả.

L

Ví dụ, trong truyện, có năm nhà tiểu họa được đặt nghệ danh riêng. Vì

họ là sản phẩm hư cấu nên không thể có thông tin trên Internet.

Những nghệ danh ấy đã được dịch sang tiếng Anh, chúng tôi không thể biết nguyên gốc tiếng Thổ là gì và do đó đành trả về tiếng Thổ bằng cách sử dụng Tự điển Anh-Thổ một cách tương đối mà không thể biết đích xác cách trả về ấy có đúng nguyên tác không vì như ta biết trong ngôn ngữ nào cũng có nhiều từ đồng nghĩa. Những nghệ danh ấy trong bản tiếng Anh, là Black (Siyah; nghĩa là "Đen"), Butterfly (Kelebek:"Bướm"), Olive (Zeytin: Cây Ô liu), Elegant (Zarif:"Tao nhã" và Stork (Leylek:"Con cò"). Rất mong độc giả lượng thứ cho việc này vì mục tiêu gìn giữ không khí Istanbul của tác phẩm. Những chi tiết nào có thông tin trên mạng, chúng tôi đều đưa vào chú thích để độc giả có thể hiểu tác phẩm rõ hơn. Và như đã nói trên, chúng tôi không muốn làm rườm rà cuốn sách qua việc liệt kê các nguồn thông tin đã sử dụng, tuy rằng việc này có nghĩa là vi phạm tác quyền.

Một chi tiết thú vị mà chúng tôi biết được khi truy nguyên các chi tiết trong tác phẩm là: tên nhân vật Shekure là tên mẹ ruột của tác giả, còn tên Orhan và Shevket (hai đứa con của Shekure) chính là tên của tác giả và người anh của ông, một nhà sử học đang giảng dạy tại Đại học Bogazici ở Istanbul.

Và điều sau cùng, vốn là hệ quả của dòng suy nghĩ nói trên, mà chúng tôi muốn thừa với độc giả bản dịch này là: những điều lý thú mà quý vị cảm nhận được qua bản dịch đều là của tác giả Pamuk, còn những hạt sạn tức những điều khó chịu, trong tiểu thuyết này, chắc chắn là do lỗi của chúng tôi, những người dịch.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 1: Tôi Là Một Tử Thi

Bây giờ tôi chẳng là gì cả ngoài một tử thi, một cái xác ở dưới đáy một cái giếng. Tuy tôi trút hơi thở cuối cùng đã lâu rồi và tim tôi đã ngừng đập, nhưng không một ai, ngoài tên sát nhân xấu xa ấy, biết được chuyện gì đã xảy ra cho tôi. Còn với tên đê tiện đó, nó đã sờ tìm cái ví của tôi và lắng nghe hơi thở của tôi để chắc rằng tôi đã chết, rồi đá vào bụng tôi, vác tôi đến mé giếng, nâng tôi lên và thả tôi xuống dưới. Khi rơi, cái đầu tôi vón bị hấn đập bằng một hòn đá, đã vỡ toác; khuôn mặt tôi, cái trán và hai má, bị giập nát; nhiều xương bị vỡ vụn, và miệng tôi đầy máu.

B

Trong gần bốn ngày tôi mất tích: vợ và các con tôi hẳn đã cố tìm tôi; con gái tôi, rũ liệt vì than khóc, hẳn đang rầu rĩ nhìn ra công trước sân. Phải, tôi biết cả nhà tôi đang ở bên cửa sổ hy vọng thấy tôi trở về.

Nhưng họ có thực sự chờ đợi không? Tôi thậm chí không chắc được điều đó. Có lẽ họ đã quen với sự vắng mặt của tôi - buồn thay! Vì ở đây, phía bên kia, người ta có cảm giác rằng cuộc sống trước đây của mình vẫn tiếp diễn. Trước khi tôi ra đời, đã có thời gian vô định, và sau cái chết của tôi, thời gian bất tận. Tôi chưa từng nghĩ về điều này trước đây: tôi đã sống một cách rục rờ giữa hai khoảng vô tận của bóng đêm.

Tôi hạnh phúc; bây giờ tôi nhận ra rằng mình đã hạnh phúc.

Tôi đã làm được những họa tiết trang trí đẹp nhất trong xưởng của Đức vua; không ai sánh được với tay nghề bậc thầy của tôi.

Qua công việc làm riêng ấy, tôi đã kiếm được chín trăm đồng bạc một tháng. Điều đó, dĩ nhiên, chỉ khiến toàn bộ sự vụ này càng khó chịu đựng

hơn.

Tôi đảm nhiệm việc vẽ hình và trang trí cho những cuốn sách. Tôi tô dát mép trang giấy, sơn vẽ các khoảng lề bằng những họa tiết lá, cành, hoa hồng, các loài hoa khác và chim giống y như thật. Tôi vẽ những đám mây vân vi kiểu Trung Hoa, những đám lá nho chồng lên nhau và những cánh rừng đầy màu sắc che khuất lũ nai, những thuyền buồm, các tiểu vương, cây cối, cung điện, bọn ngựa và các thợ săn. Lúc còn trẻ, tôi có thể trang trí một cái đĩa bàn, hay mặt lưng một chiếc gương, hay một cái rương, hoặc đôi khi trần nhà của một dinh thự hay một tòa nhà nông thôn ở Bosphorus, hoặc thậm chí một cái muống gỗ. Tuy nhiên, trong những năm sau này, tôi chỉ chuyên chú vào những trang bản thảo bởi vì Đức vua của chúng ta trả công hậu hĩnh cho những thứ đó. Bây giờ tôi cũng không thể nói điều đó có vẻ vô nghĩa. Anh vẫn hiểu giá trị của tiền bạc ngay cả khi anh đã chết mà.

Sau khi nghe được tiếng nói như phép lạ của tôi, các vị có thể nghĩ, "Ai thèm quan tâm chuyện ông kiếm được bao nhiêu khi còn sống? Hãy nói cho chúng tôi biết ông nhìn được gì? Có cuộc sống sau cái chết không? Linh hồn của ông ở đâu? Còn Thiên đàng với Địa ngục thì thế nào? Cái chết nó ra làm sao? Ông có đau đớn không?" Các vị nói đúng, người ta cực kỳ tò mò về Kiếp sau. Có lẽ các vị đã nghe được câu chuyện về một người bị thôi thúc bởi nỗi tò mò này đến độ ông ta lang thang giữa các binh sĩ trên trận địa. Ông ta tìm kiếm một người đã từng chết đi và sống lại giữa những lính bị thương đang cố bám lấy cuộc sống, một người lính nào đó có thể nói cho ông ta biết về những bí mật của Thế giới bên kia. Nhưng một trong các chiến binh của Tamerlane 1, vì tưởng ông ta là người của phía quân thù, đã xả ông ta làm hai bằng một nhát đao ngọt xót, khiến ông ta đi tới kết luận rằng trong Cõi mai hậu con người luôn bị chẻ làm hai mảnh.

Nhảm nhí! Hoàn toàn ngược lại, tôi còn thậm chí tin rằng những linh hồn bị chia lìa trong cuộc sống sẽ hòa nhập lại ở Cõi mai hậu. Ngược với những tuyên bố của bọn ngoại đạo đầy tội lỗi vốn đã rơi vào tầm không chế của Quý sứ, quả thực là có một thế giới khác, tạ ơn Thượng đế, và bằng chứng là tôi đang nói chuyện với quý vị từ thế giới ấy đây. Tôi đã chết, song

như quý vị có thể nói rõ ràng, tôi không hề ngừng tồn tại. Đương nhiên tôi phải thú thật, tôi không hề thấy những dòng sông chảy bên những hàng cột vàng và bạc của Thiên đàng, những cội cây có lá to bản trĩu quả no tròn và những trinh nữ xinh đẹp đã được đề cập trong kinh Koran Vinh quang - tuy tôi nhớ rất rõ mình đã tô vẽ thường xuyên và hăng say thế nào những bức tranh về các trinh nữ mắt to tròn như được mô tả trong chương "Những gì sẽ đến." Cũng chẳng hề có dấu vết nào của những dòng sông sữa, rượu vang, nước trong và mật từng được mô tả với xiết bao hoa mỹ, không phải trong kinh Koran, mà bởi những vị chiêm bao thấu thị như Ibn Arabi 2. Nhưng tôi không có ý định thu phục niềm tin của những người vốn đã trải qua một cách công chính những hy vọng và viễn kiến của họ về Thế giới bên kia, nên hãy cho phép tôi tuyên bố rằng tất cả những gì tôi thấy chỉ liên quan cụ thể đến những tình huống rất riêng tư của tôi thôi. Bất kỳ tín hữu nào dù chỉ có rất ít kiến thức về cuộc sống sau cái chết cũng có thể biết rằng một kẻ bất mãn trong tình trạng của tôi cũng rất khó mà nhìn thấy được những con sông ở Thiên đàng.

Tóm lại, tôi, kẻ được gọi là Thọ cả Zarif Effendi 3, đã Chết, những chua được chôn cất, do đó linh hồn tôi chưa hoàn toàn lìa khỏi thân xác. Tình cảnh khác thường này, tuy rằng dĩ nhiên trường hợp của tôi chẳng phải là trường hợp đầu tiên, đã gây ra một nỗi đau khổ kinh hoàng cho cái phần bất tử trong tôi. Tuy chẳng sờ được cái sợ giập nát của mình hay cái thân thể đang thối rữa đầy những vết thương, toàn các xương gãy và ngập một nửa trong nước lạnh giá, nhưng tôi vẫn cảm nhận được nỗi đau khổ sâu xa của linh hồn tôi trong cơn vật vã tuyệt vọng hòng thoát khỏi vòng trói buộc phàm trần của nó. Điều đó tựa như toàn thể thế giới, cùng với thân xác tôi, đã rút gọn lại thành một khối đau thương.

Tôi chỉ có thể so sánh sự rút gọn này với cảm giác kỳ lạ về sự giải phóng mà tôi nhận thấy được trong giây phút vô song của cái chết. Vâng, tôi lập tức hiểu rằng tên dê tiện đó muốn giết tôi khi hắn bất ngờ đập tôi bằng một hòn đá và làm vỡ sọ tôi, nhưng tôi không tin rằng hắn có thể đi tới cùng. Tôi đột nhiên nhận ra rằng mình là một kẻ đầy hy vọng, một điều tôi không ý thức được khi còn sống cái đời mình trong những khoảng tối giữa xưởng làm việc

và gia đình. Tôi bầu lầy cuộc sống một cách quyết liệt với tất cả móng tay, ngón tay và hàm răng vốn đã ngập sâu vào da thịt hần. Tôi sẽ không làm các vị phát chán với những chi tiết đau đớn về những cú đâm đá mà kể đó tôi đã nhận lãnh.

Trong cảnh thống khổ này khi tôi biết mình sẽ chết, một cảm giác nhẹ nhõm không tin được tràn ngập trong tôi. Tôi cảm thấy sự nhẹ nhõm này trong giây phút lia đời; việc tôi đến được phía bên này thật dịu êm, giống như giấc mơ thấy mình đang ngủ vậy.

Đôi giày bám đầy tuyết và bùn của kẻ giết tôi là điều cuối cùng tôi ghi nhận được. Tôi khép mắt lại cứ như sắp ngủ, và tôi nhẹ nhàng lướt đi.

Điều phàn nàn lúc này của tôi không phải là chuyện những chiếc răng đã rụng như hạt cây vào cái miệng đầy máu của tôi, hoặc ngay cả cái mặt tôi bị giập nát đến không thể nhận ra, hoặc cảnh tôi bị bỏ mặc dưới đáy một cái giếng - mà lại là chuyện mọi người cứ cho rằng tôi còn sống. Tám linh hồn bối rối của tôi đau khổ vì gia đình và bạn bè thân thiết của tôi, những người, vâng, dẫu thường xuyên nghĩ đến tôi lại tưởng tượng tôi bị vướng vào công việc lật vật nào đó, ở đâu đó tại Istanbul, hoặc thậm chí đang theo đuổi một phụ nữ khác. Đủ rồi! Hãy tìm ra xác tôi ngay lập tức, cầu nguyện cho tôi và đưa tôi đi chôn. Trên hết, hãy tìm ra kẻ giết tôi! Vì cho dù quý vị có chôn tôi trong ngôi mộ huy hoàng nhất nhưng chùng nào tên khốn nạn đó còn được tự do thì tôi vẫn còn lăn lộn không yên trong huyết mộ chờ đợi, gây cho tất cả quý vị cảm giác không đáng tin cậy. Hãy tìm cho ra kẻ sát nhân con-nhà-đĩ-điểm ấy và tôi sẽ kể tỉ mỉ cho quý vị nghe tôi đã nhìn thấy gì trong cái Kiếp sau này - nhưng hãy hiểu điều này: khi bắt được hần, hần phải bị tra tấn bằng cách chậm rãi bẻ gãy tám hay mười cái xương của hần, tốt nhất là bẻ xương sườn bằng một cái ê-tô trước khi chọc thủng da đầu của hần bằng những cái xiên được các thợ tra tấn chế riêng cho công việc này, và nhổ mái tóc nhơm nhớp ghê tởm của hần từng sợi một, để mỗi lần nhổ hần lại rú lên.

Kẻ sát nhân đó là ai mà chọc giận tôi đến thế? Tại sao hần giết tôi theo kiểu đầy bất ngờ như vậy? Hãy quan tâm và chú ý những chuyện đó. Quý vị

nói cuộc đời này đầy rẫy bọn tội phạm đê tiện và đốn mạt sao? Có lẽ đũa này làm, có lẽ đũa kia làm hả? Nếu thế thì cho tôi cảnh báo quý vị: Cái chết của tôi ẩn chứa một âm mưu ghê rợn nhắm vào đạo giáo của chúng ta, nhắm vào các truyền thống và thế giới quan của chúng ta. Hãy mở to mắt, hãy phát hiện ra tại sao những kẻ thù đối với cuộc đời mà quý vị tin tưởng, cuộc đời mà quý vị đang sống, và đối với đạo Hồi lại hủy diệt tôi. Hãy tìm hiểu tại sao một ngày kia chúng có thể gây ra chuyện tương tự cho quý vị. Từng thứ một, tất cả các thứ đã được tiên đoán bởi đức thầy vĩ đại Nusret Hoia xứ Erzurum 4, người mà tôi đã lắng nghe trong nước mắt, đều đang diễn ra đây.

Hãy cho tôi nói luôn rằng nếu tình cảnh chúng ta rơi vào đã được mô tả trong một cuốn sách, thì ngay cả chuyên gia giỏi nhất trong những tay vẽ tiểu họa 5 cũng không bao giờ mong được minh họa cho nó. Giống như với kinh Koran - Cầu Thượng đế đừng để tôi bị hiểu lầm - sức mạnh kinh thiên của một cuốn sách như thế xuất phát từ tính chất bất khả mô tả của nó. Tôi e rằng quý vị không hiểu thấu được điều này.

Hãy nghe tôi. Khi còn là đũa học việc, tôi cũng sợ hãi và do đó cũng phớt lờ những sự thật nền tảng này và các tiếng nói từ cõi bên kia. Tôi đã chế giễu những chuyện như vậy. Nhưng tôi đã kết liễu đời mình ở đáy sâu của cái giếng tội tệ này! Chuyện đó có thể xảy đến cho quý vị, cẩn thận đấy. Còn bây giờ, tôi chẳng còn biết làm gì ngoài chuyện trông đợi được mục rữa hoàn toàn, để quý vị có thể tìm thấy tôi nhờ làn theo cái mùi nồng nặc đó. Tôi chẳng còn biết làm gì ngoài trông đợi - và tưởng tượng đến cảnh tra tấn mà một người nhân từ nào đó sẽ gây ra cho tên sát nhân đốn mạt ấy một khi hắn bị bắt.

1 Tamerlane: tên Latinh của Timur Lenk hoặc Timur-e Lang (1336-1405): kẻ chinh phục phần lớn Tây và Trung Á, lập ra đế quốc Timurid. [Mọi chú thích đều của người dịch].

2 Ibn Arabi (1165-1240): học giả Hồi giáo, triết gia phái thần bí.

3 Effendi: Quý ngài đáng kính,- trong tiếng Thổ. Chúng tôi tạm dịch là "kính mến" khi danh xưng này đứng sau tên gọi.

4 Nusret Hoia: Có lẽ tác giả lấy nguyên mẫu từ Mehmed xứ Birgi (1522-1573), một giáo sĩ chủ trương chống lại mọi cải cách trong hành đạo Hồi giáo, cho rằng mọi ảnh hưởng phương Tây, cho đến cà phê, thuốc lá, bài ca, điệu múa đều ngược với giáo luật Hoja hoặc Khoja, nghĩa là "thủ lãnh, người giảng giải kinh sách."

5 Nhà tiểu họa: thợ vẽ tranh trang trí, nhất là cho các bản thảo thời đế quốc Ottoman. Họ thường dùng màu sáng, thậm chí dát vàng bạc vào tranh. Tiểu họa Ottoman không theo luật phối cảnh vì theo tinh thần Hồi giáo, vẽ tranh hiện thực là một tội lỗi. Nhân vật chính trong truyện là một nhà tiểu họa.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 2: Tôi Được Gọi Là Siyah

Sau mười hai năm vắng bóng tôi trở về Istanbul như kẻ mộng du. "Đất đã gọi anh ta," họ nói thế về những người sắp chết, và trong trường hợp của tôi, cái chết đã kéo tôi trở lại thành phố này, nơi tôi sinh ra và lớn lên. Khi ban đầu trở lại, tôi nghĩ ở đây chỉ có cái chết; về sau, tôi cũng sẽ gặp tình yêu. Tuy nhiên tình yêu là một điều xa vời và đã bị lãng quên, giống như ký ức về việc đã từng sống ở thành phố này của tôi vậy. Chính ở Istanbul này, cách nay mười hai năm, tôi đã vương vào tình yêu vô vọng với cô em họ của mình.

S

Bốn năm sau khi tôi rời Istanbul, trong khi băng qua những thảo nguyên vô tận, những ngọn núi phủ tuyết và những thành phố u buồn xứ Ba Tư để phát thư và thu thuế, tôi tự thú nhận rằng mình đã dần quên đi khuôn mặt của mỗi tình thời niên thiếu mà tôi đã bỏ lại phía sau. Với nỗi kinh hoàng ngày càng tăng, tôi cố gắng một cách tuyệt vọng để nhớ lại nàng, để rồi nhận ra rằng bất chấp tình yêu, một khuôn mặt lâu ngày không gặp cuối cùng sẽ mờ phai. Trong năm thứ sáu sống ở phương Đông, du hành hoặc làm thư ký phục vụ cho những tổng trấn, tôi biết rằng khuôn mặt mà tôi hình dung không còn là khuôn mặt của người tôi yêu dấu. Sau đó, vào năm thứ tám, tôi đã quên những gì tôi từng gọi lại trong tâm trí một cách sai lầm hồi năm thứ sáu, và lại mừng tượng một nét mặt hoàn toàn khác hẳn. Theo cách này, vào năm thứ mười hai, khi tôi trở lại thành phố này ở tuổi ba mươi sáu, tôi đau đớn nhận ra rằng khuôn mặt người tôi yêu từ đây đã biến mất khỏi tôi rồi.

Nhiều bạn bè và họ hàng tôi đã chết trong mười hai năm biệt xứ của tôi. Tôi đến thăm nghĩa trang nhìn xuống cửa sông Halic 1 cầu nguyện cho mẹ và các cậu tôi, những người đã chết khi tôi vắng mặt. Mùi bùn đất hòa quyện

vào ký ức tôi. Ai đó đã làm vỡ một chiếc bình gốm bên mộ mẹ tôi. Chẳng hiểu vì sao, nhìn những mảnh gốm vỡ, tôi bật khóc. Tôi khóc cho người chết hay bởi vì tôi, thật kỳ lạ, chỉ mới bắt đầu cuộc đời mình sau ngàn ấy năm? Hay bởi tôi đã đến chỗ kết thúc của chuyến hành trình cuộc đời mình? Tuyết nhẹ rơi. Bị mê hoặc bởi những bông tuyết bay khắp nơi, tôi chìm đắm trong những biến đổi của cuộc đời tôi đến độ không nhận ra con chó mực đang chăm chăm nhìn tôi từ góc tối nghĩa trang.

Nước mắt ngớt, tôi chùi mũi. Tôi thấy con chó mực vẫy đuôi thân thiện khi tôi rời nghĩa trang. Sau này, tôi chuyển đến sống giữa những lán giềng của chúng tôi, thuê một trong những ngôi nhà mà một người họ hàng bên nội của tôi từng sống. Có vẻ như tôi gọi cho bà chủ nhà nhớ lại đứa con trai bà đã bị lính Ba Tư của triều Safavid giết ngoài mặt trận nên bà đã đồng ý lau dọn nhà cửa và nấu ăn cho tôi.

Tôi bắt đầu những chuyến đi bộ dài và thú vị khắp các con đường như thể tôi chưa từng ở Istanbul, mà tạm thời ở một trong những thành phố Ả Rập tận đâu kia trái đất. Đường phố trở nên hẹp hơn, hoặc chúng có vẻ như thế với tôi. Ở nhiều nơi, trên những con đường len lỏi giữa những ngôi nhà san sát, tôi buộc phải nép vào tường hoặc các cửa nhà để tránh bị những con ngựa thồ công kèn va phải. Có nhiều người khá giả hơn, hoặc có vẻ như thế với tôi. Tôi thấy một chiếc xe ngựa lộng lẫy, cứ như một tòa thành do những con ngựa kiêu hãnh kéo, những con vật như thế không thể thấy ở Ả Rập hay Ba Tư. Gần "Cột Cháy", tôi thấy một số ăn may quần áo rách rưới xúm xít vào nhau khi mùi của lòng gà từ khu chợ gà phát qua chỗ họ. Một người bị mù trong số họ mỉm cười khi ông ta theo dõi tuyết rơi.

Nếu có ai nói với tôi Istanbul từng là một thành phố nghèo hơn, nhỏ hơn và hạnh phúc hơn, có thể tôi đã không tin, nhưng đó là những gì con tim tôi nói với tôi. Dù ngôi nhà của người yêu tôi vẫn ở chỗ cũ giữa đám cây đoạn và cây dẻ, nhưng nay những người khác đang sống trong đó, như tôi được biết khi hỏi thăm tận nơi. Tôi phát hiện rằng mẹ của người yêu tôi, tức dì tôi, đã chết, và chồng bà, Enishte 2 của tôi cùng con gái ông đã dọn đi.

Cũng nhờ thế tôi biết được rằng người cha và cô con gái ấy là nạn nhân của những nỗi bất hạnh nào đó, qua lời của những người lạ trong nhà, những người mà trong những tình huống như thế luôn nhiệt tình, không mấy may biết rằng họ đang bóp nát trái tim và hủy hoại giấc mơ của bạn một cách tàn nhẫn đến thế nào. Giờ thì tôi sẽ không mô tả tất cả điều này với bạn, nhưng hãy cho phép tôi nói rằng khi nhớ lại những ngày hè đầy nắng ấm xanh tươi trong khu vườn cũ đó, tôi cũng nhận thấy những nhũ băng to bằng ngón tay út tôi đang bám đầy những nhánh cây đoạn ở một nơi mà nỗi đau khổ, tuyệt vọng và sự quên lãng giờ chẳng gọi lại điều gì ngoài cái chết.

Tôi đã biết về một số chuyện xảy ra cho họ hàng của tôi thông qua lá thư Enishte của tôi gửi cho tôi ở Tabriz. Trong thư đó ông rủ tôi trở lại Istanbul, giải thích rằng ông đang chuẩn bị một cuốn sách bí mật cho Đức vua và rằng ông cần tôi giúp đỡ. Ông từng nghe rằng có một thời gian ở Tabriz tôi đã làm sách cho những tổng trấn Ottoman, các thống đốc và người dân Istanbul. Những việc tôi làm hồi đó là dùng tiền tạm ứng của khách hàng, những kẻ đặt hàng làm bản thảo ở Istanbul, để tìm ra những nhà tiểu họa và những nhà thư pháp, họ vốn chán đời vì chiến tranh và sự hiện diện của binh lính Ottoman, nhưng không bỏ đi đến Kazvin hay một thành phố Ba Tư nào khác, và chính những bậc thầy này - luôn phàn nàn về cảnh nghèo túng và bị quên lãng - là những người tôi giao nhiệm vụ sao chép, minh họa và khâu lại các trang bản thảo mà sau đó tôi sẽ gửi trở về Istanbul. Nếu không vì lòng đam mê những cuốn sách đẹp và có minh họa mà Enishte của tôi đã gieo vào lòng tôi thời trẻ tuổi thì có lẽ tôi đã chẳng bao giờ dính dáng vào những đeo đuổi như thế này.

Tại khu chợ cuối con đường, nơi mà Enishte của tôi từng sống, tôi nhận ra người thợ cắt tóc, một bậc thầy trong nghề, tại cửa hàng của y vẫn ở giữa những tấm gương, những dao cạo tinh tươm, bình đựng nước và bàn chải xà phòng ấy. Tôi nhìn vào mắt y nhưng không chắc y nhận ra tôi. Tôi thích thú khi thấy chiếc chậu gội đầu, vốn được treo bằng sợi dây xích thông từ trần xuống, vẫn đong đưa theo đường vòng cung như xưa, lắc tới lắc lui khi y đổ đầy nước nóng vào.

Một số khu xóm và đường phố tôi từng lui tới thời trẻ đã biến thành khói và tro, thay vào đó là những tàn tích cháy rụi nơi bọn chó hoang tụ họp và nơi những kẻ trú ngụ điên khùng làm kinh hoàng bọn trẻ con trong vùng. Ở những nơi bị lửa thiêu rụi khác những ngôi nhà tráng lệ đã được xây lên, và tôi kinh ngạc trước vẻ xa hoa của chúng, trước những cửa sổ kính màu Venice đắt tiền nhất, và trước những dinh thự hai tầng lộng lẫy với những cửa sổ nhô ra lơ lửng bên trên những bức tường cao.

Như trong nhiều thành phố khác, tiền không còn chút giá trị nào ở Istanbul. Vào lúc tôi từ phương Đông trở về, những hiệu bánh mì từng bán những ổ bánh lớn một trăm đồng drachma 3 lấy một đồng xu bạc nay lại nướng những ổ bánh chỉ bằng phân nửa kích cỡ với giá y như cũ, và chúng không còn mùi vị giống như hồi tôi còn nhỏ. Nếu người mẹ quá cố của tôi chứng kiến ngày bà phải bỏ ra ba đồng bạc để mua một tá trứng, bà sẽ nói "Mình phải bỏ đi trước khi bọn gà trở nên hư hỏng đến độ chúng ỉa lên chúng ta thay vì dưới đất." Nhưng tôi biết là vấn đề tiền mất giá ở đâu cũng vậy. Người ta đồn rằng những tàu buôn của xứ Venice và Flanders chở đầy những rương tiền giả. Tại sở đúc tiền hoàng gia, nơi một trăm đồng drachma bạc từng được đúc thành năm trăm đồng xu, nay do chiến tranh liên miên với người Ba Tư, nên cùng số đồng drachma bạc đó nay được đúc thành tám trăm đồng xu. Khi binh lính Thổ Nhĩ Kỳ phát hiện những đồng tiền họ được trả lương thực sự nổi trên cửa sông Halic như những hạt đậu khô rơi từ cầu tàu của chợ đầu mối rau cải, họ đã nổi loạn, bao vây lâu đài của Đức vua như thể nó là pháo đài của kẻ thù.

Một giáo sĩ có tên là Nusret, người giảng đạo tại Thánh đường Bayazid và tự nhận là dòng dõi đáng tiên tri Muhammad vinh quang của chúng tôi, đã nổi danh trong thời kỳ đói bại, lạm phát, tội phạm và trộm cắp này. Vị hoja xuất xứ từ thị trấn Erzurum nhỏ bé này, cho rằng những thảm họa giáng xuống Istanbul trong mười năm rồi - kể cả những vụ hỏa hoạn ở quận Kazanjilar và Bahcekapi, những cơn dịch bệnh khiến mười ngàn người chết, những cuộc chiến tranh liên miên với người Ba Tư gây tổn thất vô vàn sinh mạng, cũng như việc mất những pháo đài nhỏ Ottoman ở phía Tây cho người Thiên chúa giáo trong cuộc nổi dậy - là do chúng ta đã lạc khỏi con đường

của đảng Tiên tri, do coi thường những răn dạy nghiêm khắc của kinh Koran vinh quang, do việc dung dưỡng bọn Thiên chúa giáo, do buôn bán thoải mái rượu vang và do chơi những nhạc cụ trong nhà nguyện của dân khổ tu 4.

Người bán dưa chua, kẻ nhiệt tình cho tôi biết về vị giáo sĩ từ Erzurum đã nói rằng những đồng xu giả này - những đồng ducat mới, những đồng florin giả có in hình sư tử và những đồng xu Ottoman với hàm lượng bạc ngày càng giảm - vốn tràn ngập các chợ búa và khu bán hàng, giống như người Circassia, Abkhazia, Mingaria, Bosnia, Georgia và Armenia vốn đầy trên phố xá, đang kéo chúng tôi xuống cảnh suy thoái cùng cực khó mà thoát ra được. Tôi cũng nghe nói rằng bọn vô lại và phiến loạn tụ tập trong các quán cà phê và kết bè lũ đến sáng; rằng bọn cùng khổ có tính cách đáng ngờ, những kẻ điên khùng nghiện thuốc phiện cùng những kẻ theo phái khổ tu Kalenderi sống ngoài vòng pháp luật, đều khăng định đi theo con đường của thánh Allah, đã nhảy múa thâu đêm trong những viện khổ tu theo tiếng nhạc, tự dùng xiên đâm mình và sẵn sàng tham gia vào mọi trò đòi bại trước khi giao cầu một cách man rợ với nhau và với bất kỳ cậu trai nào chúng tìm thấy.

Tôi không biết liệu có phải âm thanh du dương của đàn luyt đã cuốn hút tôi theo, hay phải chăng trong trạng thái rối bời của những ký ức và khao khát, tôi không còn có thể chịu đựng được người bán dưa độc địa ấy nữa và bầu lấy tiếng nhạc như một cách để thoát khỏi cuộc nói chuyện. Tuy nhiên tôi biết rõ điều này: Khi bạn yêu một thành phố và thường xuyên đi bộ thám hiểm nó, thì thể xác, chưa nói đến linh hồn bạn, sau một số năm dần sẽ biết rõ những con phố đến độ trong một cơn u sầu, có lẽ bị khuấy động bởi một trận tuyết rơi nhẹ đầy muộn phiền như thế này, anh sẽ phát hiện đôi chân tự ý đưa anh về phía một trong những mũi đất ưa thích của mình.

Đấy là cách tôi tình cờ rời khỏi Chợ Thợ Rèn và cuối cùng đứng ngắm tuyết rơi xuống cửa sông Halic từ một nơi cạnh Thánh đường Suleymaniye. Tuyết đã bắt đầu tích tụ lại trên những mái nhà quay về hướng bắc và trên những phần mái vòm phơi trước làn gió đông bắc. Một con tàu đang tiến vào, với những cánh buồm đang hạ xuống vẫy chào tôi bằng tấm vải bạt phất

phơ. Màu cánh bướm hòa với sắc đằm sương và xám xịt của mặt sông Halic. Những cây bách và cây tiêu huyền, các mái nhà, nỗi buồn của buổi hoàng hôn, những âm thanh đến từ vùng lân cận bên dưới; tiếng rao của những người bán rong và tiếng la của trẻ con đang chơi trong sân thánh đường trộn lẫn trong đầu tôi và tuyên bố rõ ràng rằng, kiếp sau, tôi sẽ không thể sống ở bất cứ nơi nào ngoại trừ thành phố này. Tôi có cảm giác rằng khuôn mặt của người yêu tôi, vốn đã mất hút trong tôi bao năm qua, có thể bất ngờ hiện ra với tôi.

Tôi bắt đầu thả bộ xuống đồi và hòa vào đám đông. Sau buổi cầu kinh tối, tôi lấp đầy dạ dày tôi tại một cửa hàng bán gan. Trong cửa hàng trống trơn, tôi chăm chú lắng nghe ông chủ, người đang trù mẩn nhìn tôi ăn từng miếng như thể ông đang cho một con mèo ăn. Theo những chỉ dẫn và hướng đi ông vẽ ra tôi nhận ra mình rẽ vào một trong những con ngõ hẹp đằng sau chợ nô lệ - sau khi đường phố đã sụp tối - và tìm ra quán cà phê.

Bên trong thật đông và ấm. Người kể chuyện, giống những người tôi từng thấy ở Tabriz và các thành phố Ba Tư, và người được dân ở đó gọi là "người cổ vũ," ngồi trên một chiếc bục cao bên cạnh lò củi. Y mở ra và treo trước mặt đám đông một bức tranh hình một con chó được vẽ vội vã trên tờ giấy thô nhưng có một vẻ tao nhã nào đó. Y đang nói về con chó và thỉnh thoảng chỉ vào bức vẽ.

1 Halic (người Anh gọi là Golden Horn - Sừng vàng - theo tên gọi bằng tiếng Hy Lạp): Cửa sông chia Istanbul làm hai.

2 Enishte có nghĩa là "dượng" (theo cách gọi của miền Nam) hay "chú" (theo cách gọi miền Bắc) tức chồng của dì (em gái mẹ mình).

3 Đơn vị tiền tệ của Hy Lạp.

4 Khỏ tu: (dervish, tiếng Ba Tư, nghĩa đen, kẻ ăn mày, khát sĩ) Những tín đồ thường thuộc phái Sufi, một hệ phái thần bí muốn tìm đến Thượng đế

thông qua chay tịnh, nhịn ăn, tham thiền, nhảy múa, ca hát... Đôi khi họ bị lên án là dị giáo ở các tỉnh miền đông Thổ Nhĩ Kỳ. Một chi phái cực đoan của hệ khổ tu là Kalenderi cũng được nhắc tới trong tiểu thuyết này. Họ chủ trương tránh mọi sự phô trương, biểu tượng bề ngoài và tổ chức giáo phạm; họ giữ kín việc thờ phượng, coi thường mọi tập tục chính thức của đạo Hồi và ít nhiều chống đối chính quyền.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 3: Tôi Là Một Con Chó

Như các vị có thể nói một cách chắc chắn, các vị thân mến, những chiếc răng nanh của tôi quá dài và nhọn đến độ chúng hầu như không nằm lọt trong miệng tôi được. Tôi biết điều này tạo cho tôi một vẻ đe dọa, nhưng lại làm tôi khoái trá. Thấy cỡ răng tôi, một tay bán thịt có lần dám nói rằng, "Thánh thần ơi, nó đâu phải chó, lợn rừng thì có!" Tôi ngoạm hẳn một cái ra trò đến độ mấy cái răng nanh của tôi thấu qua lớp mỡ đến tận xương đùi hẳn. Các vị biết đấy, đối với một con chó, chẳng có gì hài lòng bằng phập rập vào kẻ thù khôn khéo của nó trong một cơn phấn nộ theo bản năng. Khi một cơ hội như thế xuất hiện, đó là, khi nạn nhân của tôi, kẻ đáng bị cắn, ngóc nghếch và không hay biết đi ngang qua, răng của tôi nhúc nhối trong tư thế sẵn sàng, đầu tôi quay cuồng với khao khát và thậm chí không cố ý, tôi đã phát ra một tiếng gừ dưng tóc gáy.

N

Tôi là một con chó, và bởi vì con người các vị là những động vật không sáng suốt bằng tôi, nên các vị tự nhủ: "Chó không biết nói." Tuy nhiên các vị lại có vẻ tin một câu chuyện trong đó các xác chết nói được và các nhân vật sử dụng ngôn từ mà có thể họ không hiểu. Chó quả thực biết nói, nhưng chỉ nói với những người biết cách lắng nghe.

Ngày xưa, lâu lâu lắm rồi, ở một vùng đất xa xôi, một giáo sĩ ngạo mạn từ một thị xã tỉnh lẻ đến một trong những thánh đường lớn nhất ở một thủ đô; chúng ta cứ gọi nó là Thánh đường Bayazid đi. Thật thích hợp khi tạm giấu tên ông này, vì vậy ta cứ gọi ông ấy là "Husret Hoja." Nhưng sao tôi lại phải che giấu thêm nữa: ông này là một giáo sĩ đàn độn. Y bù đắp cho trí thông minh khiêm tốn của mình bằng sức mạnh của miệng lưỡi. Cầu Thượng đế ban phúc cho nó. Mỗi thứ Sáu, y làm cho cả giáo xứ bị kích thích, xúc động rơi nước mắt đến độ một số trong bọn họ có thể khóc đến ngất đi hoặc

héo khô và tàn úa. Xin đừng hiểu lầm tôi, không như những giáo sĩ có khiêu giảng đạo khác, bản thân y không khóc. Trái lại, trong khi mọi người khác khóc, y nhấn mạnh bài thuyết giảng của y không hề chớp mắt như thể để trừng phạt giáo xứ. Rất có thể, những kẻ làm vườn, những thu đồng trong hoàng tộc, những người làm kẹo, tiện dân và các giáo sĩ giống y đã trở thành những đầy tớ của y bởi vì họ thích cái lưỡi đang múa may đó. Phải, rốt cuộc y không phải là chó, không thừa các vị, y là một con người - mà nhân vô thập toàn - và trước những đám đông bị mê hoặc đó, y quên hết mọi sự khi thấy việc dọa dẫm đám đông cũng thích thú như việc làm họ khóc vậy. Khi y hiểu rằng y sẽ kiếm được nhiều bánh mì hơn trong công cuộc mới mẻ này, y tiến tới chỗ quá lỗ và cả gan nói những lời sau:

"Lý do duy nhất khiến xảy ra sự tăng giá, dịch bệnh và thất bại quân sự là bởi chúng ta quên đạo Hồi của thời đấng Tiên tri vinh quang của chúng ta mà xuôi theo những lời giả dối. Liệu bài sử thi giáng thế của đấng Tiên tri hồi đó có được đọc để tưởng nhớ người chết không? Liệu nghi lễ ngày thứ bốn mươi 1 khi các món ngọt như kẹo mè và bột chiên được đưa ra để tỏ lòng kính trọng người chết, có được tiến hành không? Khi Muhammad còn sống, kinh Koran vinh quang có được đọc to du dương giống như bài hát không? Liệu lệnh cầu kinh có được truyền đi một cách khoa trương và cao ngạo để chúng tỏ tiếng Ả Rập của ai đó gần gũi thế nào với tiếng Ả Rập của một người Ả Rập không? Có hay không chuyện hô lệnh cầu kinh một cách rụt rè, với vẻ hoa mỹ của một người đàn ông bắt chước đàn bà không? Ngày nay, người ta cầu khẩn trước những nắm mồ, van xin những bù đắp. Họ hy vọng người chết can thiệp giúp đỡ cho họ. Họ viếng thăm mộ các vị thánh và thờ phượng trước những nắm mồ này giống như bọn ngoại giáo trước những phiến đá. Họ buộc những miếng vải tạ ơn khắp nơi, và đưa ra những hứa hẹn cúng tế để đáp lại sự cứu rỗi. Có phải những tín đồ dòng khổ tu là kẻ truyền bá những niềm tin như thế trong thời đại của Muhammad không? Ibn Arabi, kẻ hướng dẫn tinh thần của những tín đồ này, đã trở thành một tội đồ bởi đã quả quyết rằng Pharaoh ngoại đạo đã chết như một tín hữu. Những tín đồ khổ tu này, theo dòng Mevlevi, Halveti, Kalenderi và những kẻ hát kinh Koran có nhạc đệm hoặc biện minh cho việc nhảy múa với trẻ con và trẻ vị thành niên bằng cách nói rằng "dù gì chúng tôi cũng cầu nguyện với nhau,

tại sao không?" đều là lũ mọi đen. Nhà cửa bọn khổ tu này phải bị phá hủy, móng của chúng phải được đào sâu bảy sải tay và đất đào lên phải đem đổ xuống biển. Chỉ có vậy thì những buổi cầu kinh theo nghi thức mới có thể tiến hành lại ở đó được."

Tôi nghe nói rằng Husret Hoja này, thậm chí còn đưa vấn đề đi xa hơn, đã tuyên bố văng cả nước bọt, "A, những tín đồ thuần thành của ta! Uống cà phê dứt khoát là một tội lỗi! Đấng Tiên tri vinh quang của chúng ta không dùng cà phê bởi vì ngài biết nó làm trí tuệ mù mờ, gây lở loét, thoát vị và vô sinh; ngài hiểu rằng cà phê chẳng là gì ngoài trò mưu mẹo của Quỷ sứ. Quán cà phê là nơi những kẻ truy hoan và bọn rong chơi giàu có ngồi gối kê gối, tự dấn mình vào mọi kiểu cư xử thô tục; thực tế, thậm chí trước khi niêm phong nhà cửa của bọn tín đồ khổ tu thì phải cấm các quán cà phê. Người nghèo có đủ tiền để uống cà phê không?"

Những người thường xuyên lui tới những nơi đó, đã trở nên nghiện cà phê và không còn kiểm soát được đầu óc đến mức họ thực sự lắng nghe và tin vào những gì bọn chó nòi và chó lai nói. Nhưng những ai nguyện rửa ta và tôn giáo của chúng ta, chúng mới là bọn chó lai thực sự."

Nếu các vị cho phép, tôi muốn đáp lại lời phê phán cuối cùng của vị giáo sĩ đáng kính này. Dĩ nhiên, ai cũng biết rằng những vị haji, hoja, giáo sĩ và nhà thuyết giáo đều khinh miệt bọn chó chúng tôi. Theo quan điểm của tôi, toàn bộ vấn đề có liên quan đến đấng Tiên tri Muhammad đáng kính của chúng ta, cầu bình yên và những điều tốt đẹp đến với ngài, người đã thà cắt đứt một mảnh áo choàng của mình mà trên đó một con mèo đang nằm ngủ hơn là đánh thức con vật. Bằng việc nêu ra lòng yêu thương đối với con mèo, thứ tình cảm mà lũ chó chúng tôi bị khước từ, và vì mối cừ hận muôn thuở của chúng tôi với con thú thuộc giống leo trèo này, con vật mà thậm chí một người ngu ngốc nhất cũng công nhận là một kẻ bạc bẽo, người ta đã cố hàm ý rằng bản thân đấng Tiên tri không hề ưa lũ chó. Họ tin chắc rằng chúng tôi sẽ làm ô uế những người đã tiến hành những tẩy rửa theo nghi thức, và kết quả của niềm tin sai lầm và có tính vu khống này là chúng tôi bị ngăn không cho vào các thánh đường trong nhiều thế kỷ và bị các lao công quét dọn cho

ăn gậy trong sân của họ.

Cho phép tôi nhắc các vị về "Al-kahf" 2, chương hay nhất trong kinh Koran. Tôi nhắc các vị nhớ không phải vì tôi nghi ngờ rằng trong số chúng ta tại quán cà phê tốt đẹp này có thể có những người không bao giờ đọc kinh Koran, mà bởi vì tôi muốn gọi cho các vị nhớ lại: Chương này kể câu chuyện về bảy người trẻ tuổi vốn đã phát mệt vì phải sống giữa những kẻ ngoại giáo nên lánh mình trong một cái hang nơi họ đi vào một giấc ngủ sâu. Đấng Allah sau đó bịt tai họ lại và làm cho họ ngủ suốt ba trăm lẻ chín năm. Khi thức dậy, họ chỉ biết được bao nhiêu năm đã trôi qua sau khi một người trong bọn họ bước vào xã hội con người và thử xài một đồng bạc đã trở thành đồ cổ. Tất cả họ đều kinh ngạc khi biết được những gì đã xảy ra. Chương này mô tả một cách tinh tế sự gắn bó của con người với đấng Allah, những phép lạ của Người, bản chất phù du của thời gian và niềm vui của giấc ngủ sâu, và dù không phải tình huống của tôi, nhưng hãy cho phép tôi nhắc các vị nhớ về khổ thơ thứ mười tám vốn đề cập đến một con chó nằm tại miệng hang nơi bảy chàng trẻ tuổi đang ngủ. Rõ ràng là ai cũng lấy làm tự hào khi được xuất hiện trong kinh Koran. Là một con chó, tôi rất quan tâm đến chương này, và qua nó tôi có ý định làm cho những người Erzurum, những người gọi kẻ thù của họ là bọn chó lai bản thú, phải suy nghĩ lại.

Vậy thì, lý do thực sự cho việc thù hận bọn chó là gì? Tại sao các vị cứ nhất quyết cho rằng bọn chó là ô uế, và lau chùi, tẩy uế nhà các vị từ trên xuống dưới nếu có một con chó ngẫu nhiên bước vào? Tại sao các vị tin rằng những ai đụng vào chúng tôi là đã làm hỏng nghi thức tắm rửa của họ? Nếu áo chùng của các vị chạm phải bộ lông ảm của chúng tôi, tại sao các vị nhất quyết giặt chiếc áo đó bảy lần giống như một phụ nữ rồ? Chỉ cái bọn thợ thiếc phải chịu trách nhiệm cho lời vu cáo rằng cái nồi bị chó liếm thì phải vứt đi hoặc gò mới lại. Hoặc có lẽ, phải, cả bọn mèo...

Khi người ta rời bỏ làng mạc để đổi lấy cuộc sống quanh quẩn nơi thành thị, bọn chó chần cừ vẫn ở lại các tỉnh; đó là khi những lời đồn đại về sự ô uế của bọn chó như tôi bắt đầu lan truyền. Nhưng trước khi đạo Hồi xuất hiện thì hai trong số mười hai tháng mỗi năm là "tháng của chó." Nhưng bây

giờ mỗi con chó đều bị coi là một điếm gở. Tôi không muốn các vị ưu tư về vấn đề của riêng tôi, hỏi những người bạn thân mến của tôi, các vị đến đây để nghe một câu chuyện và suy gẫm về bài học của nó - thật lòng mà nói, cơn giận của tôi xuất phát từ những công kích của vị giáo sĩ đáng kính này đối với các quán cà phê của chúng ta. Các vị sẽ nghĩ gì nếu tôi nói rằng Husret xứ Erzurum này thuộc dòng dõi đáng ngờ? Nhưng họ cũng nói với tôi rằng, "Người trông người là giống chó gì chứ hả? Người đang công kích vị giáo sĩ đáng kính bởi vì chủ của người là người kể chuyện theo tranh chuyên kể chuyện tại một quán cà phê và người muốn bảo vệ y. Cút xéo đi!" Cầu thần thánh tha thứ, tôi không chê bai bất kỳ ai. Nhưng tôi là kẻ rất ngưỡng mộ những quán cà phê của chúng ta. Các vị biết đấy, tôi không quan tâm đến việc chân dung của tôi được vẽ trên tờ giấy rẻ tiền như thế hoặc việc tôi là một con thú bốn chân, mà tôi lấy làm tiếc rằng tôi không thể ngồi giống như một con người và uống cà phê với các vị. Chúng ta sẽ chết vì cà phê của chúng ta và những quán cà phê của chúng ta - chuyện gì thế này? Xem kia, ông chủ của tôi đang rót cà phê cho tôi từ một bình cà phê nhỏ. Chắc các vị nói một bức tranh không thể uống cà phê chứ gì? Làm ơn nhìn đi! Con chó này đang sung sướng táp cà phê đây.

A, vâng, thế là đúng, nó làm tôi ấm lên, cái nhìn của tôi sắc sảo hơn và ý nghĩ của tôi nhậm lẹ hơn. Giờ hãy nghe những gì tôi muốn nói với các vị. Bên cạnh những súc vật lụa Trung Hoa và những đồ gốm Trung Hoa được trang trí bằng những bông hoa màu xanh lam, thì viên pháp quan Venice gửi đến cái gì cho Nurhayat, cô con gái yêu quý của Đức vua đáng kính của chúng ta? Một con chó cái Venice mềm mại đáng yêu với một cái áo khoác bằng lụa và lông chồn. Tôi nghe nói rằng con chó cái này được cung chiều đến độ nó có cả một cái váy lụa đỏ nữa. Một trong những đứa bạn của tôi thực sự đã giao cấu với nó, theo chỗ tôi biết, và nó thậm chí không thể tham gia làm chuyện này mà không mặc cái váy kia của nó. Ở xứ Tây vực của nó, con chó nào cũng mặc quần áo như vậy cả. Tôi từng nghe kể ở đó có một phụ nữ Venice được gọi là tao nhã và có giáo dục, khi bà ta thấy một con chó trần truồng - hoặc có thể bà ta thấy cái đồ của nó, tôi không chắc -, bà ba đã rú lên, "Ôi Chúa ơi, con chó trần truồng!" và bất tỉnh ngay lập tức.

Ở những vùng đất của bọn Tây vực vô thần, được gọi là người Âu đày, con chó nào cũng có chủ. Những con vật đáng thương này bị người ta dắt trên đường phố, xích tròn quanh cổ, bị ràng buộc như những tên nô lệ cùng khổ nhất và bị lôi đi khắp nơi mà lúc nào cũng chỉ một mình. Bọn người Tây vực ấy buộc những con vật khốn khổ này phải vào ở trong nhà họ, thậm chí vào tận giường của họ. Bọn chó không được phép đi dạo với nhau, chứ đừng nói đến chuyện được ngủ và đùa giỡn cùng nhau. Trong tình cảnh khốn khổ đó, bị buộc xích, chúng không thể làm gì khác ngoài tuyệt vọng nhìn nhau từ xa mỗi khi chạm mặt nhau ngoài phố. Bọn chó chạy rông khắp đường phố Istanbul thoải mái cả bây cả lũ, theo kiểu chúng tôi sống, bọn chó dám đe dọa con người nếu cần, có thể nằm khoanh tròn trong một góc ấm áp hoặc nằm dài trong bóng râm yên bình ngủ, có thể ỉa bất cứ nơi nào chúng muốn và cắn bất kỳ ai chúng muốn, những con chó như thế không có trong khái niệm của bọn vô thần. Không phải tôi không nghĩ rằng đây có thể là lý do khiến những tín đồ của tay Erzurum kia chống đối việc cầu nguyện cho bọn chó cũng như việc cho chúng ăn thịt trên đường phố Istanbul để được thánh thần ban ơn và cũng là lý do tại sao họ phản đối việc thành lập nhưng hội từ thiện nhằm thực hiện những dịch vụ như thế.

Nếu họ có ý định vừa đối xử với chúng tôi như kẻ thù vừa biến chúng tôi thành lũ vô thần, thì hãy để tôi nhắc họ rằng việc làm kẻ thù của lũ chó và việc làm một kẻ vô thần, hai chuyện là một và y hết nhau. Tôi hy vọng, tại những cuộc hành hình không còn xa cho những con người tội tệ này, tôi thỉnh cầu những người bạn đao phủ của chúng tôi hãy mời chúng tôi tới cắn một phát, như đôi khi họ làm để nêu một tấm gương răn đe.

Trước khi tôi dứt lời, hãy cho tôi nói điều này: ông chủ trước của tôi là một người rất công bằng. Khi chúng tôi rời nhà ban đêm để đi ăn trộm, chúng tôi đã hợp tác: Tôi có thể bắt đầu sủa, và y có thể cắt cổ họng nạn nhân của chúng tôi và tiếng rú của hắn sẽ bị tiếng sủa của tôi át mất. Để trả công tôi trợ giúp, y sẽ chặt nhỏ những kẻ có tội mà y đã trừng phạt, luộc lên cho tôi ăn. Tôi không thích thịt sống. Cầu thần thánh phù hộ, cho tay đao phủ tương lai của vị giáo sĩ từ Erzurum đó sẽ lưu ý chuyện này để bao tử tôi không bị khó chịu vì thứ thịt sống của tên vô lại đó.

1 Nghi lễ ngày thứ 40: một phong tục tang chế Hồi giáo, gồm việc cầu kinh cho người chết và phân phát thực phẩm cho người sống, được cử hành vào ngày thứ 40 sau cái chết.

2 Hang động.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 4: Tôi Sẽ Bị Gọi Là Kẻ Sát Nhân

Không, tôi hẳn không tin rằng mình có thể giết bất kỳ ai cho dù người ta nói với tôi như thế nhiều lần trước khi tôi giết tên ngu ngốc đó; và vì thế hành vi phạm tội của tôi đôi khi lùi xa tôi giống như một chiếc thuyền buồm nước ngoài biến mất ở chân trời. Thỉnh thoảng, thậm chí tôi cảm thấy như thể tôi chưa phạm bất cứ tội ác nào. Bốn ngày đã trôi qua từ khi tôi buộc phải thủ tiêu gã Zarif bất hạnh, một người anh em với tôi thế mà chỉ đến bây giờ, ở một chừng mực nào đó, tôi mới chấp nhận tình cảnh của mình.

K

Lẽ ra tôi nên chọn cách giải quyết tình trạng khó xử và bất ngờ này mà không phải thủ tiêu bất cứ ai, nhưng tôi biết không có chọn lựa nào khác. Tôi đã xử lý vấn đề này ngay tại chỗ, nhận lấy gánh nặng trách nhiệm. Tôi không thể để cho những cáo buộc sai trái của một kẻ đại dốt gây nguy hiểm cho cả cộng đồng những nhà tiểu họa.

Tuy nhiên, phải mất một thời gian tôi mới quen với việc mình là tên giết người. Tôi không thể chịu đựng được việc cứ ở trong nhà, vì vậy tôi ra đường. Tôi không thể chịu đựng con phố của tôi, vì vậy tôi tới một con phố khác, rồi một con phố khác nữa.

Khi tôi nhìn vào khuôn mặt người khác, tôi nhận ra rằng nhiều người trong số họ tin rằng họ vô tội bởi vì họ chưa có cơ hội kết liễu một sinh mạng. Thật khó mà tin rằng hầu hết người ta đều đạo đức hơn hoặc tốt hơn tôi chỉ vì một biến đổi nhỏ nhặt nào đó của số phận. Ít nhất, họ có vẻ mặt ít nhiều ngốc nghếch hơn bởi họ chưa từng giết người, và giống như tất cả lũ ngốc, họ làm như có những hảo ý. Sau khi tôi giải quyết thằng cha đáng khinh đó, việc lang thang khắp đường phố Istanbul trong bốn ngày là đã đủ cho tôi khẳng định rằng bất kỳ ai với một tia thông minh trong mắt và mông

tối của tâm hồn hắt trên khuôn mặt đều là một kẻ sát nhân ẩn mình. Chỉ những kẻ đàn độn mới vô tội.

Chẳng hạn như tôi nay, trong khi đang làm âm người lên với một tách cà phê bốc khói tại quán cà phê nằm ở những con phố nhỏ sau khu chợ nô lệ, nhìn vào bức vẽ con chó treo trên bức tường cuối phòng, tôi dần dần quên mất tình trạng khốn khổ của mình và cùng những người khác bật cười trước mọi điều con chó thuật lại. Rồi tôi có cảm giác một trong số những người ngồi cạnh tôi là một tên giết người tầm thường giống như tôi. Dù hẳn ta cũng chỉ cười nhạo người kể chuyện giống như tôi, nhưng trực giác của tôi bị đánh động, hoặc bởi cách cánh tay hán nằm gần cánh tay tôi hoặc do cách hẳn bồn chồn gõ mấy ngón tay vào tách hẳn. Tôi không chắc làm cách nào tôi biết, nhưng bất ngờ tôi quay sang nhìn thẳng vào mắt hẳn. Hẳn giật mình và mặt hẳn nhăn nhó. Khi đám đông giải tán, một người quen của hẳn nắm lấy cánh tay hẳn mà nói, "Bọn người của Nusret Hoja chắc chắn sẽ bố ráp chỗ này."

Nhưong mày, hẳn ra dấu cho người đó im lặng. Nỗi sợ hãi của họ lan sang tôi. Không ai tin bất cứ ai, mọi người đều có cơ bị người ở kề bên giết bất cứ lúc nào.

Trời đã lạnh hơn, tuyết rơi đã đóng dày các góc phố và chân tường. Trong cái dày đặc của đêm tối, tôi chỉ có thể lần ra đường đi dọc theo các con phố hẹp bằng cách sờ soạng hai tay. Thỉnh thoảng, ánh sáng mờ của một ngọn đèn dầu vẫn còn cháy đâu đó trong một ngôi nhà gỗ hắt ra từ những cửa sổ tối đen và những tấm rèm đã kéo xuống, phản chiếu trên tuyết; nhưng hầu như tôi không thể thấy gì, và tìm đường bằng cách lắng nghe âm thanh của những lính gác đang gõ gậy trên mặt đá, lắng nghe tiếng sữa của bọn chó điên, hoặc tiếng động phát ra từ các ngôi nhà. Thỉnh thoảng những con phố hẹp và đáng ngại của thành phố này có vẻ bừng lên bởi thứ ánh sáng kỳ lạ phát ra từ chính mặt tuyết; và trong bóng tối, giữa những đồ nát và cây cối, tôi nghĩ mình đã trông thấy một trong những con ma từng làm cho Istanbul trở thành một nơi đáng sợ cả ngàn năm nay. Thỉnh thoảng từ bên trong các ngôi nhà tôi nghe tiếng những con người khốn khổ đang lên cơn ho hoặc thở

phì phì hoặc rên rỉ nói mớ trong cơn mơ, hoặc tôi nghe tiếng la của những ông chồng và bà vợ khi họ cố bóp cổ lẫn nhau, tiếng bọn trẻ đang khóc lóc dưới chân họ.

Suốt hai đêm liên tục, tôi đến quán cà phê này để sống lại niềm hạnh phúc tôi cảm thấy trước khi trở thành kẻ sát nhân, để nâng tinh thần và để lắng nghe người kể chuyện. Hầu hết những người bạn vẽ tiểu họa của tôi, lũ huynh đệ mà tôi đã sống chung cả đời vẫn đến đây mỗi đêm. Vì tôi đã làm im miệng cái tên lỗ mãng vốn đã cùng tôi thực hiện những tranh minh họa từ thời niên thiếu, nên tôi không muốn gặp mặt bất cứ ai trong bọn họ.

Tôi rất xấu hổ về cuộc sống của những huynh đệ của tôi, những kẻ không thể làm gì mà không ngồi lê đôi mách, và về bầu không khí vui vẻ đáng ghét ở nơi này. Thậm chí tôi còn phác họa vài bức tranh cho người kể chuyện để họ không buộc tội tôi là phách lối, nhưng chuyện đó cũng không chấm dứt được lòng đố kỵ của họ.

Họ có lý do để ghen tỵ. Không ai trong số họ có thể qua mặt tôi trong việc pha màu, trong việc tạo ra và tô điểm phần lề trang giấy, bố trí các trang, chọn đề tài, vẽ các khuôn mặt, dàn xếp cuộc chiến tranh hồi hả và những cảnh đi săn, vẽ các con thú, các vị vua, tàu bè, ngựa, chiến binh và những tình nhân. Không ai có thể giỏi bằng tôi trong việc làm những bức tranh minh họa mang đầy hồn thơ cả trong việc mạ vàng. Tôi không khoác lác, nhưng tôi giải thích điều này với các vị để các vị có thể hiểu tôi một cách đầy đủ. Qua thời gian, sự ghen tỵ đã trở thành một yếu tố không thể thiếu được như thuốc màu trong cuộc đời của người họa sĩ bậc thầy.

Trong những chuyến đi bộ của tôi, vốn ngày càng kéo dài hơn do trạng thái bồn chồn, thỉnh thoảng tôi đối mặt với những người nông dân sùng đạo thuần khiết và trong trắng và một ý niệm kỳ lạ bất ngờ nảy trong đầu tôi: Nếu tôi đang nghĩ về chuyện tôi là kẻ giết người, người đối diện tôi sẽ đọc được điều đó trên gương mặt tôi. Vì thế tôi buộc mình phải nghĩ đến những điều khác, cũng như, dẫn vật trong nỗi lúng túng, tôi đã buộc mình phải xua đuổi những ý nghĩ về phụ nữ trong khi cầu kinh như một thanh niên mới

lớn. Nhưng không như những ngày trai trẻ khi tôi không thể gạt hành động giao phối ra khỏi ý nghĩ của mình, giờ thì tôi thực sự có thể quên vụ giết người mà tôi đã phạm.

Các vị thấy rằng, thực ra, tôi giải thích tất cả việc này bởi vì chúng liên quan đến tình trạng khó xử của tôi. Nhưng nếu tôi định tiết lộ dù chỉ một chi tiết liên quan đến chính vụ giết người, các vị sẽ hình dung ra tất cả và điều này sẽ khiến tôi không còn là một tên giết người vô danh. không nhân diện, đang lang thang giữa các vị như một hồn ma nữa mà hạ tôi xuống địa vị một tên tội phạm bình thường, đã tự thú, tự nộp mạng, rồi sớm trả giá cho tội ác bằng cái đầu của hẳn. Tôi xin phép không dừng lại ở một chi tiết đơn lẻ nào, hãy để tôi giữ lại một số manh mối cho riêng mình: Hãy cố khám phá tôi là ai qua cách chọn lựa từ ngữ và màu sắc của tôi, vì những người cảnh giác giống các vị có thể nghiên cứu dấu chân để bắt một tên trộm. Việc này đến lượt nó, lại đưa chúng ta đến vấn đề "phong cách," vốn đang là mối quan tâm phổ biến: Liệu một nhà tiểu họa, bất kỳ nhà tiểu họa nào, cũng có phong cách riêng của anh ta không? Một cách sử dụng màu, một tiếng nói hoàn toàn riêng của anh ta không?

Chúng ta hãy xem một bức của Bihzad, bậc thầy của những bậc thầy, thánh bảo trợ cho mọi nhà tiểu họa. Tôi tình cờ bắt gặp kiệt tác này, vốn cũng liên quan mật thiết đến hoàn cảnh của tôi bởi vì nó mô tả một vụ giết người, trong số những trang của một cuốn sách tuyệt đẹp của trường phái Herat ra đời cách nay chín mươi năm. Nó xuất hiện từ thư viện của một ông hoàng Ba Tư bị giết trong một trận chiến giành quyền kế vị tàn khốc và kể lại câu chuyện về Husrev và Shirin. Dĩ nhiên là các vị biết rõ số phận của Husrev và Shirin, tôi muốn nói đến phiên bản của Nizami 1, chứ không phải của Firdusi.

Cặp tình nhân này cuối cùng lấy được nhau sau vô vàn thử thách và khổ ải; tuy nhiên Shiruye trẻ tuổi và độc ác, con trai của Husrev với vợ trước của ông ta, sẽ không để họ yên. Hoàng tử này không chỉ nhòm ngó ngai vàng của cha mình mà còn để ý cả người vợ trẻ Shirin của cha mình nữa. Shiruye, người được Nizami tả "Hơi thở của y có mùi thối của miệng con sư tử" tìm

đủ mọi cách để bỏ tù cha y và kẻ vị ngai vàng. Một đêm, bước vào phòng ngủ của cha y và Shirin, y sờ soạng tìm đường trong bóng tối và khi nhận ra hai người trên giường, y dùng dao găm đâm vào ngực cha y. Vì vậy máu người cha chảy cho đến bình minh và ông chết từ từ trên chiếc giường ông nằm cùng nàng Shirin xinh đẹp, trong khi nàng vẫn ngủ bình yên cạnh ông.

Bức tranh này của bậc thầy vĩ đại Bihzad, cũng như bản thân câu chuyện trình bày nỗi sợ hãi khủng khiếp mà tôi đã mang trong lòng suốt nhiều năm: Nỗi kinh hoàng khi thức dậy trong đêm đen mà nhận ra có một người lạ đang gây những tiếng động nhỏ khi hần bò loanh quanh trong bóng tối căn phòng! Hãy tưởng tượng kẻ xâm nhập đó một tay cầm con dao găm còn tay kia bóp cổ quý vị. Mọi chi tiết, bức tường trang trí đẹp mắt, hoa văn trang hoàng cửa sổ và cái khung, những thiết kế hình tròn và uôn lượn trên tấm thảm đỏ, màu sắc của tiếng rú câm lặng phát ra từ cổ họng bị bóp chặt của quý vị, những bông hoa màu vàng và tía được thêu với sự khéo léo và sinh động đến kinh ngạc trên chiếc mền bông lông lầy mà bàn chân trần đáng tửm của kẻ sát nhân kia đang tàn nhẫn giẫm lên khi hần kết liễu mạng sống của quý vị, tất cả chi tiết đó phục vụ cho cùng một mục đích: Trong khi làm tăng vẻ đẹp của bức tranh, chúng cũng nhắc quý vị nhớ rằng căn phòng trong đó quý vị sẽ sớm chết đi và thế giới mà quý vị sẽ sớm lìa bỏ đẹp đến thế nào. Thái độ thờ ơ của cái đẹp trong tranh và của thế giới trước cái chết của quý vị, tình trạng hoàn toàn cô đơn trong cái chết của quý vị bất chấp sự có mặt của vợ quý vị, đây là ý nghĩa tất yếu xộc thẳng vào tâm thức quý vị.

"Bức này của Bihzad," bậc thầy lão thành đã nói cách nay hai mươi năm khi chúng tôi xem xét cuốn sách mà tôi cầm trên đôi tay run rẩy. Khuôn mặt ông được chiếu sáng không phải bằng ngọn nến gần đó, mà bằng niềm vui của chính điều quan sát được "Bức tranh này quá Bihzad đến độ không cần chữ ký."

Bihzad ý thức quá rõ về điều này đến độ ông không cần giấu chữ ký của ông ở bất kỳ chỗ nào trên bức tranh. Và theo bậc thầy có tuổi này, có một cảm giác lúng túng và xấu hổ trong quyết định này của ông. Nơi nào có sự điều luyện đích thực và nghệ thuật thực sự thì người họa sĩ có thể vẽ một kiệt

tác vô song mà không để lại dù chỉ một dấu vết về lai lịch của họ.

Lo sợ cho mạng sống của mình, tôi đã giết nạn nhân bất hạnh của mình theo một cách thô sơ và bình thường. Khi tôi trở lại vùng bị hỏa hoạn tàn phá này mỗi đêm để xác minh xem liệu tôi có để lại bất cứ dấu vết nào có thể tố giác mình không, thì những vấn đề về phong cách ngày càng lộ rõ trong đầu tôi. Những gì được tôn sùng như một phong cách thì chẳng là gì hơn một sự bất toàn hoặc sai sót có thể tố giác bàn tay tội lỗi.

Tôi có thể xác định được chỗ này mà thậm chí không cần ánh sáng của tuyết đang rơi, vì vùng này, đã bị hỏa hoạn san bằng, là nơi tôi kết thúc cuộc đời của người bạn suốt hai mươi lăm năm của tôi. Giờ đây tuyết đã che lấp và xóa hết mọi manh mối vốn có thể được xem như chữ ký, chứng tỏ rằng đáng Allah đã đồng tình với Bihzad và tôi về vấn đề phong cách và chữ ký. Nếu thực sự chúng tôi đã phạm phải một tội lỗi không thể tha thứ qua việc minh họa cho cuốn sách đó - như gã ngớ ngẩn đó đã khẳng định cách đây bốn ngày - cho dù chúng tôi đã làm thế một cách vô ý thức, thì chắc chắn Allah đã không ban tặng đặc ân này cho những nhà tiêu họa chúng tôi.

Đêm đó, khi Zarif kính mến và tôi đến đây, tuyết chưa bắt đầu rơi. Chúng tôi có thể nghe tiếng tru của bọn chó lai vọng từ xa.

"Nào, tụi mình đến đây làm gì?" Kẻ không may đó hỏi. "Anh định chỉ cho tôi cái gì ở đây lúc đêm hôm khuya khoắt thế này?"

"Ngay phía trước có một cái giếng, cách đó mười hai bước chân tôi có chôn mớ tiền tôi dành dụm mấy năm nay," tôi nói. "Nếu anh giữ bí mật mọi chuyện tôi đã giải thích với anh, Enishte kính mến và tôi sẽ bảo đảm rằng anh được tưởng thưởng hậu hĩ."

"Tôi phải hiểu rằng anh đang thừa nhận mình biết rõ những việc đang làm ngay từ đầu, đúng không?" hấn bòn chòn hỏi.

"Tôi thừa nhận," tôi miễn cưỡng nói dối.

"Anh thừa nhận bức tranh anh làm mang tính bán bô, đúng không?" Hấn nói một cách ngây thơ. "Nó dị giáo, một sự phạm thượng mà không một kẻ đứng đắn nào có gan phạm phải. Anh sẽ bị thiêu trong vực Hỏa ngục. Nỗi thống khổ và đớn đau của anh sẽ không bao giờ vơi bớt - và anh đã biến tôi thành tòng phạm.1, Khi nghe hấn nói, với nỗi khủng khiếp tôi cảm thấy những lời của hấn có sức mạnh và sự nghiêm trọng đến độ, dù muốn hay không, người ta sẽ lưu ý đến chúng, hy vọng rằng chúng sẽ chứng thực về những kẻ khốn khổ khác ngoài bản thân họ. Nhiều lời đồn đại giống thế này về Enishte kính mền bắt đầu lan nhanh do sự bí mật quanh cuốn sách ông ta đang làm và số tiền ông ta sẵn lòng trả - và bởi thầy Osman, Trưởng ban Trang trí, coi thường ông ta. Tôi chợt nghĩ rằng có lẽ tay thợ mạ vàng anh em của tôi, Zarif, với ý định xảo quyệt đã sử dụng những sự kiện này để hỗ trợ cho những lời buộc tội dối trá của hấn. Hấn ta trung thực tới mức nào?"

Tôi đã để cho hấn lặp lại những lời khẳng định vốn khiến chúng tôi gây gổ với nhau, và trong khi nói, hấn chẳng lựa lời gì cả. Hấn có vẻ muốn khiêu khích tôi để che đậy một lỗi lầm, như trong suốt những năm học nghề của chúng tôi, khi mục tiêu là tránh sự trừng phạt của thầy Osman. Hồi đó tôi nhận ra sự thật thà của hấn đầy sức thuyết phục. Là thợ học việc, đôi mắt hấn thường mở to giống như bây giờ vậy, những hồi đó chúng chưa lòa dần vì công việc tô điểm. Nhưng sau cùng tôi quyết không chùn tay; hấn đã sẵn sàng thú nhận mọi chuyện với mọi người.

"Nghe tôi nói này," tôi nói với vẻ bức tức. "Chúng ta trang trí sách, tạo ra những họa tiết cho lề trang, vẽ khung trên các trang giấy, mình trang trí rọc rờ từng trang với những sắc vàng, mình làm ra bức tranh tuyệt vời nhất trong các bức tranh, mình trang trí những cái tủ cái hộp. Suốt bao năm rồi bọn mình chẳng làm gì khác. Đó là nghề của chúng ta. Họ yêu cầu chúng ta làm tranh, đặt hàng chúng ta sắp xếp một con tàu, một con sơn dương, hoặc một ông vua trong phần viền của cái khung nào đó, đòi hỏi một kiểu chim cụ thể, một loại hình ảnh cụ thể, chọn cảnh cụ thể kia trong câu chuyện, bỏ qua cái này cái nọ. Bất cứ điều gì họ đòi hỏi, chúng ta đều thực hiện. "Nghe này" Enishte kính mền đã nói với tôi, "Hãy vẽ một con ngựa theo trí tưởng tượng của riêng anh, ngay chỗ này." Trong ba ngày, giống những họa sĩ vĩ đại thời

xưa, tôi đã phác thảo hàng trăm con ngựa đến độ tôi có thể biết chính xác "một con ngựa theo trí tưởng tượng của riêng tôi", là như thế nào. Để quen tay, tôi đã vẽ hàng lô ngựa trên một tờ giấy thô Samarkand."

Tôi mang những bức phác thảo này ra cho Zarif xem. Hắn ta nhìn chúng với vẻ thích thú và, cúi sát vào tờ giấy, bắt đầu nghiên cứu những con ngựa đen và trắng trong ánh trăng mờ mờ. "Những họa sư lão thành của phái Shiraz và Heart" tôi nói, "khẳng định rằng một nhà tiểu họa phải phác thảo liên tục những con ngựa trong suốt năm mươi năm để có thể vẽ được con ngựa mà đáng Allah mừng tụng và ao ước. Họ khẳng định rằng bức tranh tuyệt hảo nhất về ngựa phải được vẽ trong bóng tối, vì một nhà tiểu họa thực sự sẽ bị mù khi làm việc suốt thời kỳ năm mươi năm đó, nhưng trong quá trình đó, tay anh ta sẽ nhớ được con ngựa."

Vẽ ngậy thơ trên gương mặt hắn, một khuôn mặt tôi từng thấy rất lâu trước đây, khi chúng tôi còn nhỏ, cho tôi biết rằng hắn hoàn toàn bị những con ngựa của tôi thu hút.

"Họ thuê chúng ta, và chúng ta cố tạo ra con ngựa kỳ diệu nhất khó đạt tới nhất, như những lão sư phụ đã làm. Chẳng có gì hơn. Họ không công bằng khi bắt chúng ta chịu trách nhiệm về bất cứ điều gì ngoài việc minh họa."

"Tôi không chắc điều đó đúng," hắn nói. "Chúng ta cũng có những trách nhiệm và ý chí của riêng mình. Tôi không sợ ai trừ đáng Allah. Chỉ có Người mới cho chúng ta lý trí để chúng ta phân biệt được cái Thiện với cái Ác".

Đó là một câu trả lời thích hợp.

"Đáng Allah thấy và biết tất cả..." Tôi nói bằng tiếng Ả Rập. "Người sẽ biết rằng anh với tôi, chúng ta đã làm việc này mà không ý thức về những gì chúng ta đang làm. Anh sẽ báo cáo cho ai biết về Enishte kính mến? Chẳng lẽ anh không biết đằng sau việc này là ước muốn của Đức vua đáng kính của chúng ta sao?"

Im lặng.

Tôi tự hỏi liệu hẳn thực sự là một tên ngớ ngẩn như thế hay sự mất bình tĩnh và thói thuyết giảng hùng hổ của hẳn quả là xuất phát từ lòng thành thực kính sợ đáng Allah.

Chúng tôi dừng lại bên miệng giếng. Trong bóng tối, tôi mơ hồ bắt gặp ánh mắt của hẳn và có thể thấy rằng hẳn đang sợ. Tôi thương hại cho hẳn. Nhưng điều đó đã quá trễ. Tôi cầu xin Thượng đế cho tôi thêm một dấu hiệu nữa chứng tỏ rằng người đang đứng trước mặt tôi không chỉ là một tên hèn nhát ngu đần mà còn là một kẻ tệ hại vô phương cứu chữa.

"Đếm mười hai bước rồi đào" tôi nói.

"Rồi anh sẽ làm gì?"

"Tôi sẽ giải thích tất cả với Enishte kính mến, và ông ta sẽ đốt tất cả tranh. Còn có giải pháp nào khác nữa? Nếu một trong những đồ đệ của Nusret Hoja nghe được luận điệu quy kết như thế, cả chúng ta lẫn xưởng làm sách nghệ thuật sẽ tan thành tro bụi. Anh có quen biết bất kỳ tay Erzurum nào không? Hãy nhận số tiền này để chúng tôi tin chắc rằng anh sẽ không khai chúng tôi ra."

"Tiền được đựng trong cái gì?"

"Có bảy mươi lăm đồng vàng Venice trong một chiếc bình gốm."

Những đồng tiền Venice thì nghe dễ hiểu, nhưng ở đâu tôi lại nảy ra ý tưởng về chiếc bình gốm vậy? Thật là ngốc mới thấy nó đáng tin. Vì thế tôi lại càng tin chắc rằng Thượng đế phù hộ tôi và đã cho tôi một dấu hiệu. Người bạn học nghề cũ của tôi, kẻ mà mỗi năm qua đi lại càng tham lam hơn, đã bắt đầu hào hứng đếm mười hai bước theo hướng tôi đã chỉ.

Lúc đó trong đầu tôi có hai điều. Đầu tiên là không hề có những đồng tiền Venice hay bất cứ thứ gì tương tự được chôn ở đó cả! Nếu tôi không nảy ra ý nghĩ về món tiền ấy thì tên ngớ ngẩn này sẽ hủy diệt chúng tôi. Bất chợt

tôi cảm thấy muốn ôm hôn lên má tay đại ngọc này như đôi khi tôi vẫn làm khi chúng tôi còn học việc, những năm tháng đã làm chúng tôi xa cách. Thứ hai, tôi lo hình dung ra chuyện chúng tôi sẽ đào đất thế nào đây. Bằng móng tay à? Nhưng sự trầm tư này, nếu các vị có thể gọi nó như vậy, kéo dài chỉ trong nháy mắt.

Kinh hoàng, tôi chộp một cục đá bên cạnh giếng. Trong khi hấn bước đến bước thứ bảy hay thứ tám gì đó, tôi theo kịp hấn và dùng hết sức bình sinh đập vào gáy hấn. Tôi đập hấn mau lẹ và tàn bạo đến độ nhất thời tôi hoảng hốt, như thể cú đánh ấy đã giáng xuống đầu chính tôi vậy. Ôi, tôi cảm thấy được cơn đau của hấn.

Thay vì đau khổ vì những gì tôi đã làm, tôi lại muốn kết thúc nhanh chóng việc này. Hấn bắt đầu giãy giụa trên mặt đất và nổi kinh hoàng của tôi sâu thêm.

Rất lâu sau khi tôi thả hấn xuống giếng, tôi đã ngẫm nghĩ xem sự tàn bạo trong hành động của mình hoàn toàn không phù hợp đến thế nào với vẻ trang nhã của một nhà tiểu họa.

1 Tác giả ám chỉ thi phẩm Khusraw o Shirin ("Khusraw và Shirin"), còn viết là Husrev o Shirin của nhà thơ Nezami Ganjavi hoặc Nizami Gancevi (1141-1209) người Azerbaijan, được coi là tác giả sử thi trữ tình lớn nhất trong văn học Ba Tư.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 5: Tôi Là Dượng Yêu Quý Của Cháu

Tôi là dượng của Siyah, enishte của nó, nhưng những người khác cũng gọi tôi là "Enishte." Có một thời gian mẹ của Siyah khuyến khích nó gọi tôi là "Enishte kính mến," và sau đó, không chỉ mình Siyah, mà mọi người đều gọi tôi theo kiểu đó. Ba mươi năm trước, sau khi chúng tôi chuyển đến con đường ẩm ướt và tối tăm núp dưới hàng cây đoan và cây dẻ phía bên kia quận Aksaray, Siyah bắt đầu thường xuyên đến thăm nhà chúng tôi. Đó là chỗ ở của chúng tôi trước khi có ngôi nhà này. Nếu tôi ra đi trong chiến dịch mùa hè với Tổng trấn Mahmut, tôi hẳn sẽ trở về vào mùa thu để thấy rằng Siyah với mẹ nó đến lánh ở nhà chúng tôi. Mẹ của Siyah, cầu mong cho bà được yên nghỉ, là chị của người vợ quá cố của tôi. Có nhiều lần vào những tối mùa đông, tôi về nhà và thấy vợ tôi với mẹ của Siyah ôm nhau và an ủi nhau trong nước mắt.

T

Cha của Siyah, vốn không còn giữ được chỗ dạy tại những ngôi trường tôn giáo nhỏ bé xa xôi nơi ông từng dạy nữa, có tính tình cục cằn nóng nảy và một điểm yếu là rượu chè. Lúc đó Siyah lên sáu; nó khóc khi mẹ nó khóc, bình tĩnh lại khi mẹ nó im lặng và nghĩ về tôi. Enishte của nó, với sự sợ hãi.

Tôi thấy vui khi thấy nó trước mặt tôi lúc này. một đứa cháu trai cương cường, chín chắn và lễ phép. Sự tôn trọng nó dành cho tôi sự ân cần trong cách nó hôn tay tôi và ép tay tôi vào trán nó, cái cách nó nói chẳng hạn như "Thuần túy dành cho màu đỏ," khi nó đưa cho tôi lọ mực Mông Cổ như một món quà, cùng vẻ lễ phép và thói quen khép nép của nó cứ chụm hai đầu gối lại khi ngồi trước mặt tôi, tất cả chuyện đó không chỉ cho thấy nó là một người đàn ông trưởng thành đầy hiểu biết như nó khao khát trở thành, mà còn nhắc cho tôi nhớ rằng tôi thực sự là một người lớn đáng kính như tôi từng ao ước.

Nó giống cha nó, người tôi từng gặp một hai lần: Nó cao gầy, hai cánh tay và bàn tay của nó có những cử chỉ hơi bồn chồn nhưng phù hợp. Thói quen đặt hai tay lên gối hoặc nhìn sâu và chăm chú vào mắt tôi như thể muốn nói, "Cháu hiểu, cháu đang nghe dựng với lòng tôn kính" khi tôi nói với nó một điều gì quan trọng, hoặc cách nó gật đầu với một nhịp điệu tinh tế theo chừng mực những lời nói của tôi, thấy đều rất thích hợp. Bây giờ, khi đến từng tuổi này, tôi biết rằng lòng tôn kính thật sự không xuất phát từ trái tim, mà từ lòng tôn trọng và những nguyên tắc riêng biệt.

Trong suốt những năm mẹ Siyah thường xuyên dẫn nó đến nhà chúng tôi với mọi lý do vì bà đã tiên liệu một tương lai cho nó tại đây, tôi hiểu những cuốn sách làm nó vui thích, và điều này mang chúng tôi lại gần nhau. Như những người trong nhà này thường nói, nó sẽ làm "thợ học việc" cho tôi. Tôi giải thích cho nó biết cách những nhà tiểu họa ở Shiraz tạo ra một phong cách mới bằng việc nâng đường chân trời lên đến đỉnh của lễ giấy, và rằng trong khi mọi người mô tả Mejnun trong tâm trạng đau khổ tại sa mạc, điên lên vì yêu nàng Leyla 1 của anh ta, thì bậc thầy vĩ đại Bihzad lại có thể truyền đạt tốt hơn nhiều nỗi cô đơn của Mejnun bằng việc vẽ y lang thang giữa những nhóm phụ nữ đang nấu nướng, cố gắng nhen lửa để đun củi bằng cách thổi vào chúng, hoặc đi loanh quanh giữa những lều bạt. Tôi nhận thấy thật ngớ ngẩn khi hầu hết những người vẽ minh họa muốn mô tả cảnh Husrev rình nàng Sharin trần truồng đang tắm trong hồ lúc nửa đêm đã tô màu một cách kỳ cục những con ngựa và quần áo của cặp tình nhân này mà không hề đọc bài thơ của Nizami, quan điểm của tôi là, nhà tiểu họa nào cầm cọ lên mà không có đủ quan tâm và chu đáo để đọc văn bản mà anh ta đang minh họa thì kẻ đó chẳng bị thúc đẩy bởi cái gì ngoài lòng tham.

Hiện giờ tôi rất hài lòng khi thấy rằng Siyah có được một đức tính quan trọng khác: Để tránh sự chán nản trong nghệ thuật, người ta phải coi nó như một sự nghiệp. Cho dù người ta có tài năng và ý thức nghệ thuật lớn cỡ nào đi nữa, anh ta vẫn phải kiếm tiền bạc và quyền lực ở chỗ khác để tránh bỏ rơi nghệ thuật của mình khi không nhận được sự đền bù xứng đáng cho tài năng và nỗ lực của anh ta.

Siyah kể lại chuyện nó đã gặp từng người một trong số những nhà minh họa và thư pháp bậc thầy ở Tabriz khi nó làm sách cho các tổng trấn, những người Istanbul giàu có và những mệnh thường quân tại các tỉnh như thế nào. Tôi hiểu ra, tất cả các nghệ sĩ này đều nghèo khó và bị gục ngã trước sự vô nghĩa trong số phận của họ. Không chỉ ở Tabriz, mà ở Mashhad và Aleppo, nhiều người vẽ tiêu họa đã bỏ việc làm sách mà bắt đầu làm những bức tranh rời rạc lẻ - những món lạ mắt có thể làm vui lòng du khách châu Âu - thậm chí những bức tranh khiêu dâm.

Người ta đồn rằng bản thảo có minh họa mà Vua Abbas tặng cho Đức vua của chúng ta trong Hòa ước Tabriz đã bị người ta tháo rời để sử dụng các trang trong đó cho một cuốn sách khác. Người ta cho là Akbar, hoàng đế của người Hindustan đã vung tiền để làm một cuốn sách mới với khổ lớn hơn đến độ hầu hết các nhà minh họa tài năng xứ Tabriz và Kazvin dừng ngay những gì họ đang làm mà kéo nhau đến lâu đài của ông.

Khi kể cho tôi nghe các chuyện này, nó cũng vui vẻ xen vào những câu chuyện khác; chẳng hạn nó mỉm cười mô tả một câu chuyện thú vị về vụ giả mạo đáng cứu thế Mehdi hoặc việc người Uzbek đột ngột nổi cơn thịnh nộ khi ông hoàng ngu ngốc mà người Safavid gửi sang làm con tin để cầu hòa đã ngã bệnh bất ngờ và chỉ trong ba ngày là chết. Tuy nhiên, qua vẻ u ám phảng phất trên khuôn mặt nó, tôi có thể thấy rằng tình trạng khó xử mà không ai trong chúng tôi nhắc đến, nhưng lại gây rắc rối cho cả hai chúng tôi, vẫn chưa được giải quyết.

Một cách tự nhiên, Siyah, cũng như mọi thanh niên vốn thường xuyên lui tới nhà tôi hoặc nghe người khác nói về chúng tôi hoặc biết về Shekure, đưa con gái xinh đẹp của tôi qua lời đồn, đã yêu con bé. Có lẽ hồi đó tôi đã không xem chuyện này là đủ nguy hiểm đáng để quan tâm, nhưng mọi người - kể cả những kẻ chưa từng trông thấy con gái tôi - cũng đã phải lòng nó, người đẹp của những người đẹp. Nguồn cội đau khổ của Siyah chính là niềm đam mê quá lớn của một chàng trai trẻ xấu số vốn được tự do đến nhà chúng tôi, người được chấp nhận và được yêu thích trong nhà chúng tôi và là người thực sự có cơ hội gặp Shekure. Nó không hề giấu giếm tình yêu của nó, như

tôi hy vọng, mà đã phạm sai lầm là để lộ ra niềm đam mê dữ dội của nó với con gái tôi.

Kết quả là nó bị buộc phải rời khỏi nhà chúng tôi mãi mãi.

Tôi cho rằng hiện giờ Siyah đã biết ba năm sau khi nó rời khỏi Istanbul, con gái tôi đã cưới một kỵ binh, đang lúc tuổi thanh xuân đẹp nhất của nó, và rằng người lính đó, đã là cha của hai đứa con trai nhưng vẫn thiếu sự hiểu biết thông thường, đã tham gia một chiến dịch và không trở về. Trong bốn năm không ai nghe tin gì về người kỵ binh này. Tôi suy ra rằng nó đã biết hết, không chỉ vì những chuyện đồn đại như thế lan truyền nhanh ở Istanbul, mà còn bởi trong những lần im lặng trôi qua giữa hai chúng tôi, tôi cảm thấy nó đã biết toàn bộ câu chuyện từ lâu, qua cách nó nhìn vào mắt tôi. Thậm chí vào lúc đó, khi nó liếc nhìn cuốn Kitab al-Ruh 2 vốn đang để mở trên giá đọc hình chữ X, tôi biết nó đang chú ý lắng nghe tiếng con cái Shekure chạy chơi khắp nhà; tôi biết nó biết rằng con gái tôi cùng hai con trai của con bé đã quay về nhà tôi.

Tôi quên đề cập đến ngôi nhà mới tôi đã xây trong khi Siyah vắng mặt. Rất có khả năng là Siyah, giống như bất cứ chàng trai nào vốn quyết tâm trở thành người giàu có và uy tín, cũng cho rằng thật bất lịch sự khi bàn về một vấn đề như thế. Tuy nhiên, khi chúng tôi bước vào, tôi nói với nó trên cầu thang rằng tầng hai luôn đỡ ẩm hơn, và nhờ chuyển lên lầu mà các khớp của tôi bớt đau nhức. Khi tôi nói "tầng hai," tôi cảm thấy bối rối kỳ lạ. Nhưng để tôi nói cho các vị biết: Những người có ít tiền hơn tôi, thậm chí chỉ là một anh kỵ binh có chút ít đất đai, cũng sớm có thể xây nhà hai tầng.

Chúng tôi ở trong căn phòng có cửa chính màu xanh mà tôi dùng làm xưởng vẽ vào mùa đông, và tôi có cảm giác rằng Siyah ý thức về sự có mặt của Shekure trong căn phòng kế bên. Tôi lập tức tiết lộ cho nó vấn đề đã khiến tôi viết lá thư gửi đến Tabriz mời nó về Istanbul.

"Giống như cháu đã hợp tác với những nhà thư pháp và vẽ tiểu họa Tabriz, ta cũng đang chuẩn bị một bản thảo có minh họa," tôi nói. "Khách hàng của ta, nói thực, chính là Đức vua vinh quang của chúng ta, Nền móng

của thế giới. Bởi vì cuốn sách này là một bí mật, Đức vua đã mượn danh Trưởng ngân khố để trả lương cho ta. Và ta đã thỏa thuận với từng họa sĩ tài hoa và lừng danh nhất trong xưởng làm việc của Đức vua. Ta đang tiến hành giao cho người này việc minh họa một con chó, người khác một cái cây, người thứ ba ta ra lệnh làm các họa tiết phần lễ và những đám mây trên chân trời, một người khác nữa thì chịu trách nhiệm về những con ngựa. Ta muốn những thứ ta vẽ tiêu biểu cho toàn bộ thế giới của Đức vua, giống như trong tranh của những bậc thầy Venice. Nhưng không như người Venice, công việc của ta không chỉ là vẽ những đối tượng vật chất, mà tất nhiên còn mô tả sự phong phú nội tại, những niềm vui và sợ hãi trong vương quốc mà Đức vua trị vì. Nếu cuối cùng ta đưa vào bức tranh vẽ một đồng vàng, thì đó sẽ là xem nhẹ đồng tiền; ta đã đưa Thần chết và quỷ Satan 3 vào bởi chúng ta sợ chúng. Ta không biết những lời đồn đại nói về điều gì. Ta muốn sự bất tử của một cội cây, sự mệt mỏi của một con ngựa và sự thô tục của một con chó biểu trưng cho Đức vua vinh quang của chúng ta và vương quốc trần thế của người. Ta cũng muốn lực lượng các nhà minh họa nòng cốt của ta, biệt danh "Leylek", "Zeytin", "Zarif" và "Kelebek" được chọn những đề tài theo ý họ. Cả trong những tối mùa đông lạnh nhất, đáng sợ nhất, một trong những nhà minh họa của Đức vua vẫn bí mật đến để cho ta biết anh ta đang chuẩn bị gì cho cuốn sách.

"Chúng ta đang làm loại tranh gì? Tại sao chúng ta minh họa chúng theo cách đó? Lúc này ta thực sự không thể trả lời cháu. Không phải vì ta giữ bí mật với cháu, và không phải vì rốt cuộc ta sẽ không nói cho cháu biết. Cứ như bản thân ta cũng hoàn toàn không biết những bức tranh có ý nghĩa gì. Tuy nhiên chắc chắn ta biết những bức tranh này phải thuộc dạng gì."

Bốn tháng sau khi tôi gửi lá thư, tôi nghe tay thợ cắt tóc ngụ trên con đường ngày xưa tôi từng sống nói rằng Siyah đã trở lại Istanbul, và đến lượt tôi mời nó đến nhà chúng tôi. Tôi ý thức rõ ràng câu chuyện của tôi hứa hẹn nỗi buồn lẫn niềm vui mà chúng sẽ nối kết chúng tôi với nhau.

"Mỗi bức tranh nói lên một câu chuyện," tôi nói. "Nhà tiểu họa, để làm đẹp cho bản thảo chúng ta đọc, đã mô tả những những cảnh sinh động nhất:

lần đầu những tình nhân gặp nhau; Rustem anh hùng cắt đầu con quái vật hung ác; nỗi thống khổ của Rustem khi nhận ra kẻ lạ mà ông hạ sát chính là con trai ông; gã Mejnun cuồng tình lang thang ở nơi hoang dã, cô độc giữa đám sư tử, hổ, hươu và chó rừng; nỗi thống khổ của Alexander người đã đến khu rừng trước trận đánh để tiên đoán hậu quả từ lũ chim, chứng kiến con chim ưng không lồ xé xác con chim săn của ông. Mắt chúng ta, mệt mỗi khi đọc những câu chuyện này, sẽ nhìn vào những bức tranh. Nếu có điều gì đó trong văn bản mà sức tưởng tượng và trí tuệ của chúng ta phải cực nhọc lắm mới hình dung được, thì tranh minh họa lập tức trợ giúp chúng ta. Những hình ảnh này là câu chuyện nảy nở thành màu sắc. Nhưng bức tranh mà không có câu chuyện của nó đi kèm là điều bất khả.

"Hoặc ta từng nghĩ thế," tôi nói thêm, như thể hối tiếc. "Nhưng điều này thực tế hoàn toàn có thể xảy ra. Hai năm trước ta lại một lần nữa du lịch đến Venice trong vai trò đại sứ của Đức vua. Ta đã quan sát rất kỹ những chân dung mà các bậc thầy Venice đã thực hiện. Ta quan sát mà không hề biết các bức tranh ấy liên quan đến câu chuyện và bối cảnh nào, và ta đã cố gắng rút ra câu chuyện từ hình ảnh. Một ngày nọ, ta đi ngang một bức tranh treo trên tường một tòa lâu đài và ta chết lặng.

"Hơn cả mọi thứ, bức đó vẽ một người, một ai đó giống như ta. Dĩ nhiên, đó là một kẻ ngoại giáo, không phải là một người trong chúng ta. Thế nhưng, khi ta chăm chú nhìn nó, ta có cảm giác như thể ta giống hệt nó. Nhưng nó hoàn toàn không giống ta chút nào. Nó có khuôn mặt tròn trịa đến độ có vẻ như không có xương gò má, và hơn nữa, nó không có dấu vết gì của chiếc cằm tuyệt vời của ta. Dù nó trông tuyệt không giống ta chút nào, nhưng khi nhìn vào bức tranh, tim ta đập liên hồi như thể đó là chân dung của chính ta vậy.

"Qua quý ông Venice, người dẫn ta đi khắp tòa lâu đài này, ta biết được rằng bức chân dung đó vẽ một người bạn, một tay quý tộc như ông ta. Ông ta đã đưa mọi thứ quan trọng trong cuộc đời ông ta vào bức chân dung này: Trong bối cảnh có thể thấy được qua khung cửa sổ mở là một nông trại, một ngôi làng và một sự kết hợp màu sắc tạo thành một khu rừng trông rất thực.

Nằm trên chiếc bàn trước mặt tay quý tộc này là một cái đồng hồ, những quyển sách, Thời gian, Cái ác, Cuộc sống, một cây bút viết thư pháp, một bản đồ, một la bàn, những chiếc hộp đựng tiền vàng, đồ vật vĩnh, những thứ không giá trị, những vật bí hiểm nhưng dễ nhận ra vốn thường có mặt trong nhiều bức tranh, bóng dáng các hồn ma và quý sứ và cả bức hình cô con gái xinh đẹp tuyệt trần của người đàn ông này đang đứng cạnh cha mình.

"Câu chuyện mà bức tranh này muốn tô điểm và làm hoàn chỉnh là gì? Trong khi xem xét tác phẩm, dần dần ta ý thức rằng câu chuyện nằm bên dưới là chính bức tranh. Bức vẽ này hoàn toàn không phải là phần triển khai của một câu chuyện nào cả. tự thân nó đã là một cái gì riêng biệt rồi.

"Ta không bao giờ quên bức tranh đã làm ta lúng túng như thế. Ta rời tòa lâu đài, trở về nhà khách và nghĩ về bức tranh đó suốt đêm. Ta cũng muốn được vẽ chân dung theo kiểu này. Nhưng không, điều đó không thích hợp, chỉ có Đức vua mới được vẽ chân dung như thế! Đức vua phải được vẽ cùng với mọi thứ Ngài sở hữu, những thứ tượng trưng cho Ngài và tạo thành vương quốc của Ngài. Ta đi tới quyết định rằng một bản thảo có thể được minh họa theo ý tưởng này.

"Người nghệ sĩ bậc thầy Venice đã vẽ chân dung vị quý tộc này theo một cách mà cháu có thể lập tức nhận ra vị quý tộc cụ thể đó là ai. Nếu cháu chưa từng gặp người đó, và nếu họ bảo cháu chỉ ra ông ta trong đám đông hàng ngàn người, cháu có thể chọn ra đúng người này nhờ vào bức chân dung đó. Những bậc thầy Venice đã khám phá ra những kỹ thuật hội họa mà qua đó họ có thể làm nổi bật bất cứ ai ra khỏi những người khác - không dựa vào quần áo hay huy chương của người đó, mà bằng đường nét đặc thù của khuôn mặt. Đây là cốt tủy của "nghệ thuật chân dung."

"Nếu khuôn mặt cháu được vẽ kiểu này dù chỉ một lần, không ai có thể quên được cháu, và nếu cháu đi xa, những ai đã từng nhìn thấy bức chân dung của cháu sẽ cảm thấy sự hiện diện của cháu như thể cháu thực sự đang ở gần bên. Những ai chưa từng gặp cháu khi còn sống, thậm chí nhiều năm sau khi cháu qua đời, họ vẫn có thể thấy rõ cháu như thể cháu đang đứng

trước mặt họ vậy."

Chúng tôi im lặng hồi lâu. Ánh sáng lạnh lẽo mang màu băng giá bên ngoài lọt vào qua phần trên của cửa sổ hành lang dẫn ra đường; đây là cửa sổ mà phần bên dưới không bao giờ được mở ra, tôi vừa mới dùng một mảnh vải nhúng sáp ong dán kín lại.

"Có một nhà tiểu họa," tôi nói. "Anh ta vẫn đến đây như những họa sĩ khác vì cuốn sách bí mật của Đức vua, và dựng với anh ta có thể làm việc với nhau đến bình minh. Anh ta rất giỏi mạ vàng. Zarif kính mến không may đó, một đêm nọ anh ta đã rời khỏi đây và chẳng bao giờ về đến nhà. Ta e rằng họ đã giết anh ta, tay thợ cả mạ vàng tội nghiệp của ta."

1 Hai nhân vật trong thi phẩm Leyla o Meinun (Leyli và Mejnun) cũng của Nezami.

2 Kitab al-Ruh (Sách về linh hồn): Tác phẩm của tôn Qayyim Al-Jawziyya (trong đây được viết thành El-jevziyye) trình bày quan niệm của Hồi giáo về kiếp sau theo kinh Koran và học thuyết của các giáo sĩ khác, trong đó khẳng định rằng người chết nghe được và biết rõ người sống.

3 Trong truyền thống Hồi giáo, Satan được gọi theo tiếng Ả Rập là Shaitan. Tên gọi này vốn là một tính từ, có nghĩa là "lạc lối" vì Shaitan chuyên cám dỗ loài người đi lạc lối. Kinh Koran còn gọi Shaitan bằng một tên khác là Iblis. Pamuk giành chương 47 của tiểu thuyết này để kể về Satan, chủ yếu là dựa theo kinh Koran.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 6: Tôi Là Orhan

Siyah hỏi: "Có thực là họ đã giết anh ta không?"

S

Siyah này thì cao, gầy, và hơi hoảng sợ. Tôi đang đi về phía chỗ họ ngồi nói chuyện trong xưởng họa ở tầng hai có cửa màu xanh thì ông ngoại tôi nói, "Có thể họ đã giết anh ta." Rồi ông nhìn thấy tôi. "Con làm gì ở đây vậy?"

Ông nhìn tôi theo một cách khiến tôi chỉ biết trèo lên đùi ông mà không dám trả lời. Sau đó ông đặt tôi xuống ngay.

"Hôn tay Siyah đi," ông bảo.

Tôi hôn mu bàn tay Siyah và áp nó vào trán tôi. Nó không có mùi khó chịu.

"Nó duyên thế nhỉ." Siyah nói và hôn lên má tôi. "Mai một nó sẽ trở thành một chàng trai dũng cảm."

"Nó là Orhan, sáu tuổi. Nó có một đứa anh nữa, Shevket, bảy tuổi. Thằng nhóc đó bướng ghê lắm."

"Cháu đi ngược tới con phố cổ ở Aksaray", Siyah nói. "Trời thật lạnh, mọi thứ phủ đầy tuyết. Nhưng có vẻ như chẳng có gì thay đổi cả"

"Ôi! Mọi thứ đều thay đổi, mọi thứ đã trở nên tồi tệ hơn", ông ngoại tôi nói. "Hết sức tồi tệ." Ông quay sang tôi. "Anh con đâu?"

"Anh ấy ở với ông thầy nhà mình, ông thầy đóng sách ấy."

"Vậy con làm gì ở đây?"

"Thầy ấy bảo con, làm tốt đấy, giờ cháu đi chơi được rồi."

"Rồi con về đây một mình à?" Ông tôi hỏi. "Anh con phải đi với con chứ?" Rồi ông nói với Siyah. "Có một thợ đóng sách bạn của ta, tội nhỏ làm việc với ông ấy một tuần hai lần sau buổi học kinh Koran. Tội nó là thợ học việc của ông ta. học nghề đóng sách."

"Cháu có thích vẽ tranh minh họa giống ông ngoại không?" Siyah hỏi.

Tôi không trả lời chú ấy.

"Vậy được rồi," ông tôi nói. "Giờ con đi chỗ khác chơi đi."

Hơi nóng từ lò than để sưởi căn phòng quá dễ chịu đến độ tôi không muốn rời đi. Tôi đứng yên một lát hít mùi sơn và keo. Tôi ngửi thấy cả mùi cà phê nữa.

"Những việc minh họa theo cách mới có biểu hiện một cách nhìn mới không?" ông tôi bắt đầu. "Đây là lý do khiến họ giết tay thợ mạ vàng đáng thương đó bất chấp chuyện anh ta vẫn làm việc theo phong cách cũ. Thậm chí ta chưa dám chắc rằng anh ta đã bị giết, chỉ chắc rằng anh ta hiện mất tích thôi. Họ đang minh họa một câu chuyện tưởng niệm bằng thơ, cuốn Sur-nama 1 cho Đức vua theo lệnh của thầy Osman Trưởng ban Trang trí. Mỗi nhà tiểu họa làm việc tại nhà riêng của họ. Tuy nhiên thầy Osman chiếm một chỗ trong xưởng làm sách nghệ thuật của cung điện. Để bắt đầu ta muốn cháu đến đó quan sát mọi thứ. Ta lo rằng những người kia, những tay vẽ tiểu họa ấy, đã đi tới chỗ cãi cọ và giết lẫn nhau. Họ có nghệ danh được thầy Osman đặt cho cách nay nhiều năm: "Kelebek", "Zeytin," "Leylek"... Cháu cũng nên đi quan sát khi họ làm việc tại nhà."

Thay vì xuống cầu thang, tôi vòng lại. Có tiếng động phát ra từ phòng kế cạnh, có tủ âm tường, nơi Hayriye ngủ. Tôi bước vào. Trong phòng không có Hayriye, chỉ là mẹ tôi. Bà bối rối khi thấy tôi. Bà đang đứng nửa người trong

tử.

"Nãy giờ con ở đâu?" bà hỏi.

Nhưng bà biết tôi ở đâu. Ở lưng tử có một lỗ nhỏ qua đó người ta có thể nhìn thấy xưởng làm việc của ông ngoại tôi, và nếu cửa xưởng mở thì thấy được cả hành lang rộng và phòng ngủ của ông tôi bên kia hành lang cạnh cầu thang - dĩ nhiên là nếu cửa phòng ngủ của ông tôi cũng mở.

"Con ở chỗ ông ngoại." tôi nói. "Mẹ ơi mẹ đang làm gì trong đây vậy?"

"Mẹ chưa nói với con là ông ngoại có khách và con không được quấy ông sao?" Bà rầy tôi, nhưng không lớn tiếng, bởi bà không muốn khách nghe. "Họ đang làm gì vậy?" sau đó bà hỏi, giọng ngọt ngào.

"Họ ngồi. Nhưng không bày thuốc màu ra. Ông thì nói, còn người kia nghe."

"Ông khách ngồi kiểu nào?"

Tôi ngồi xuống sàn và bắt chước dáng điệu của vị khách: "Giờ con là một người nghiêm trang lắm đây nghe, mẹ nhìn nè. Con nhú mày nghe ông ngoại nói, cứ như con đang nghe đọc sử thi giáng thế ấy. Lâu lâu con lại gật đầu, rất nghiêm trang giống y như ông khách đó."

"Xuống nhà đi", mẹ tôi nói, tìm Hayriye lập tức."

Bà ngồi xuống và bắt đầu viết vào một mẩu giấy nhỏ trên cái bàn bà đã bày ra.

"Mẹ ơi mẹ viết gì vậy?"

"Nhanh lên. Mẹ bảo con xuống nhà tìm Hayriye mà?"

Tôi xuống nhà bếp. Anh tôi, Shevket, đã về. Hayriye đặt trước mặt anh ấy một đĩa cơm làm sẵn định dành cho khách.

"Thằng phản thùng," anh tôi nói. "Mày bỏ đi để tao ở lại với ông thầy. Tao phải một mình làm hết việc gấp giấy để đóng sách. Mấy ngón tay tao bầm tím hết rồi."

"Hayriye, mẹ em kêu chị kia."

"Chùng nào ăn xong tao sẽ cho mày một trận", anh tôi nói. "Mày phải đền cái tội lừa biếng và phản bội của mày."

Khi Hayriye đi khỏi, anh tôi đứng lên bước về phía tôi với vẻ đầy đe dọa, anh thậm chí còn chưa ăn xong đĩa cơm. Tôi bỏ chạy không kịp. Anh ấy chụp lấy cổ tay tôi mà vắn.

"Thôi đi, Shevket, đừng, anh làm em đau."

"Mày còn trốn việc rồi bỏ đi chơi nữa không?"

"Không, em không bỏ đi nữa."

"Thề đi."

"Em thề."

"Thề trên kinh Koran."

"Trên kinh Koran."

Anh ấy không buông tay tôi ra. Anh ấy lôi tôi đến trước cái mâm lớn bằng đồng mà chúng tôi dùng làm bàn ăn và bắt tôi quỳ xuống. Anh ấy đủ khỏe để ăn đĩa cơm trong khi vẫn tiếp tục vắn cánh tay tôi.

"Đẹp trò hành hạ em đi, đồ bạo chúa," Hayriye nói. Chị ta khoác áo ấm rồi đi ra ngoài. "Để nó yên."

"Lo việc của chị đi, cô tớ gái," anh tôi nói. Anh ấy vẫn vắn cánh tay tôi. "Chị đi đâu vậy?"

"Mua chanh," Hayriye nói.

"Chị nói dối," anh tôi nói. "Trong tủ còn đầy nhóc chanh."

Khi anh ấy thả lỏng tay tôi, tôi đột nhiên vùng thoát ra được.

Tôi đá anh ấy và chộp lấy chân giá cắm nên, nhưng anh ấy bỏ nhào lên tôi, làm tôi nghẹt thở. Anh ấy đá văng giá cắm nên, và cái mâm đồng rơi xuống.

"Hai đứa bay là tai họa Thượng đế giáng xuống!" mẹ tôi nói. Bà hạ thấp giọng để khách không nghe. Làm thế nào bà băng qua cánh cửa mở của xưởng vẽ, qua hành lang, và xuống cầu thang mà không bị Siyah thấy?

Bà tách chúng tôi ra. "Hai đứa tiếp tục làm khổ mẹ, phải không?"

"Orhan nói dối thầy đóng sách," Shevket nói. "Nó bỏ con ở lại làm hết mọi chuyện."

"Suyttt!" mẹ nói, tát anh ấy một cái.

Bà đánh anh ấy nhẹ hều. Anh không khóc. "Con muốn ba về", anh ấy nói. "Chừng nào ba về ba sẽ lấy lại cây gươm có chuôi nạm ngọc của chú Hasan, rồi nhà mình lại dọn về sống với chú Hasan."

"Im mồm!" mẹ tôi nói. Bất ngờ bà nổi giận đến độ bà nắm cánh tay Shevket và lôi anh ngang nhà bếp, qua cầu thang tới căn phòng quay ra phía có bóng mát của khoảng sân. Tôi đi theo. Mẹ tôi mở cửa. Khi thấy tôi, bà nói, "Vào trong, cả hai đứa".

"Nhưng con có làm gì đâu," tôi nói. Nhưng tôi cũng bước vào. Mẹ đóng cửa lại sau lưng chúng tôi. Dù trong phòng không tối đen - có ánh sáng yếu ớt len qua những khe cửa chớp đối diện với cây lựu ở sân sau - nhưng tôi thấy sợ.

"Mở cửa ra đi mẹ," tôi nói. "Con lạnh."

"Đẹp cái trò rên rỉ đi, thẳng nhất gan," Shevket nói. "Chút xíu mẹ mở liền mà."

Mẹ mở cửa. "Các con có chịu ngoan ngoãn đàng hoàng cho đến khi khách về không?" bà nói. "Được rồi, tụi con sẽ ngồi trong bếp cạnh bếp lò cho đến khi ông Siyah về, mà các con không được lên lầu, hiểu không?"

"Trong đây chán lắm," Shevket nói. "Hayriye đi đâu vậy mẹ?"

"Đừng có xen vào chuyện người khác đi ngoài", mẹ nói.

Chúng tôi nghe một con trong lũ ngựa hí ngoài chuồng. Con ngựa lại hí. Nó không phải là con ngựa của ông ngoại tôi, mà của Siyah. Chúng tôi mệt vì vui đùa, như thể đó là một ngày đẹp. Mẹ mỉm cười, và muốn chúng tôi cũng mỉm cười. Bước tới hai bước, bà mở cửa chuồng ngựa vốn đối diện với cầu thang bên ngoài nhà bếp.

"Xuyt", bà kêu chõ vào chuồng ngựa.

Bà quay qua dẫn chúng tôi vào nhà bếp đầy chuột và mùi dầu mỡ của Hayriye. Bà bắt chúng tôi ngồi xuống. "Ngồi yên đây cho tới khi khách ra về. Mà cũng đừng đánh nhau kéo người ta lại nghĩ là tụi con hư."

"Mẹ ơi," tôi nói với bà trước khi bà đóng cửa nhà bếp. "Con muốn nói cái này cho mẹ nghe: Người ta giết ông thợ mạ vàng của ông ngoại rồi."

1 Có hai bản Sur-nama (còn viết là Sumama-i Humayun), một về các lễ hội dưới triều vua Armet III (1673-1736) được hoàn tất năm 1720, và một về lễ hội dưới triều vua Murad III (1574-1595) hoàn tất năm 1582. Cả hai đều có nhiều minh họa. Tranh trong cuốn thứ nhất đã chịu ảnh hưởng của hội họa phương Tây nên ở đây tác giả muốn nói đến cuốn thứ nhì.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 7: Tôi Được Gọi Là Siyah

Khi lần đầu nhìn thấy con nàng tôi biết ngay rằng lâu nay tôi nhớ về khuôn mặt Shekure một cách sai lầm. Giống như khuôn mặt của Orhan, mặt nàng gầy, dù cằm nàng dài hơn hình ảnh tôi còn nhớ. Do đó miệng của người tôi yêu chắc chắn nhỏ và hẹp hơn tôi hình dung. Trong mười hai năm, khi lang bạt hết thành phố này đến thành phố khác, tôi đã mở rộng miệng của Shekure vì khao khát và đã tưởng tượng đôi môi của nàng kêu gọi hơn, đầy đặn và hấp dẫn hơn giống một quả dâu tây to chín mọng.

K

Giá tôi mang theo bên mình chân dung của Shekure được vẽ theo phong cách của những bậc thầy Venice, thì chắc tôi đã không cảm thấy mất mát đến thế trong những chuyến đi dài khi tôi hầu như không thể nhớ lại người mình yêu dấu, người mà khuôn mặt tôi đã để lại ở đâu đó phía sau. Vì nếu khuôn mặt của người yêu còn ghi khắc mãi trong trái tim anh, thì thế giới này vẫn là nhà của bạn.

Việc gặp đứa con út của Shekure rồi nói chuyện với nó, nhìn sát khuôn mặt nó và hôn nó, đã dấy lên trong tôi một cảm giác bồn chồn đặc trưng của vận rủi, của những kẻ giết người và những kẻ có tội. Một giọng bên trong thôi thúc tôi, "Nhanh lên, đi gặp nàng đi."

Trong chốc lát, tôi thậm nghĩ đến việc rời khỏi chỗ của Enishte của tôi và mở tung cánh cửa dọc theo hành lang rộng này, tôi đã đếm chúng qua khóa mắt, năm cánh cửa tối, một trong số đó dĩ nhiên mở ra cầu thang - cho đến khi tôi tìm thấy Shekure. Nhưng, tôi đã bị xa cách người tôi yêu trong suốt mười hai năm vì tôi đã bắt cần để lộ những gì trong tim mình. Tôi quyết định thận trọng chờ đợi, lắng nghe Enishte của tôi trong khi chiêm ngưỡng những đồ vật mà Shekure đã đựng vào và chiếc gối lớn mà ai biết cô ấy đã

nằm lên bao nhiêu lần.

Dượng kể với tôi rằng Đức vua muốn cuốn sách được hoàn tất đúng hạn cho lễ kỷ niệm một ngàn năm Hegira 1. Đức vua của chúng tôi, Người che chở thế giới, muốn chứng tỏ rằng trong năm thứ một ngàn của lịch Hồi giáo, Ngài và đất nước của Ngài có thể sử dụng những phong cách của người Tây vực như chính dân Tây vực. Bởi vì Ngài cũng đã cho làm một cuốn Sur-nama, Đức vua chuẩn y rằng những nhà tiểu họa bậc thầy, những người mà Ngài biết là hết sức bận rộn, được phép rút về làm việc ở nhà riêng cho yên tĩnh thay vì làm việc giữa đám đông tại xưởng vẽ. Dĩ nhiên Ngài cũng biết rõ rằng tất cả bọn họ đều thường xuyên bí mật đến thăm Enishte của tôi.

"Cháu nên đến thăm thầy Osman Trưởng ban Trang trí", Enishte nói. "Một số người nói rằng ông đã mù, người khác cho rằng ông đã lẩn. Ta thì cho là ông vừa mù vừa lẩn."

Bất chấp thực tế rằng Enishte của tôi không có danh tiếng là nhà minh họa bậc thầy và đây hoàn toàn không phải là lãnh vực sở trường của ông, ông vẫn điều hành được một bản thảo có minh họa. Trên thực tế điều này là do sự cho phép và khích lệ của Đức vua, một tình huống mà dĩ nhiên gây căng thẳng cho mối quan hệ giữa ông với lão sư phụ Osman.

Nghĩ về thời thơ ấu, tôi để cho tâm trí mình bị hút vào đồ đạc và vật dụng trong nhà. Từ mười hai năm trước tôi vẫn nhớ tấm thảm trải sàn bằng len xanh xứ Kula, chiếc bình đựng nước bằng đồng, khay và bộ tách uống cà phê, cái xô bằng đồng và những tách uống cà phê thanh tú chắc là được mang về từ tận Trung Hoa qua đường Bồ Đào Nha, như bà dì quá cố của tôi đã khoe nhiều lần. Những món đồ này, như chiếc bàn thấp để đọc sách có chân hình chữ X khảm xà cừ, cái giá máng khăn xếp được đóng đinh vào tường, chiếc gối nhung đỏ mà ngay khi chạm vào là tôi nhớ lại được sự mượt mà của nó, đều từ ngôi nhà ở Aksaray nơi tôi trải qua thời thơ ấu với Shekure, chúng vẫn mang điều gì đó của niềm hạnh phúc lớn lao từ những ngày tôi còn vẽ tranh trong ngôi nhà đó.

Vẽ tranh và niềm hạnh phúc. Tôi muốn các độc giả yêu quý của tôi,

những người quan tâm đến câu chuyện và số phận của tôi hãy ghi nhớ hai điều này, vì chúng là khởi đầu cho thế giới của tôi. Có lúc, tôi được toại nguyện ở đây, giữa những cuốn sách, những cây cọ để viết thư pháp và những bức tranh. Sau đó tôi vướng vào tình yêu và bị trục xuất khỏi Thiên đàng này. Trong những năm chịu đựng sự đày ải vì tình, tôi thường nghĩ mình phải thực sự mang ơn Shekure và tình yêu tôi dành cho nàng sâu nặng như thế nào bởi vì chúng đã giúp tôi thích nghi một cách lạc quan với cuộc đời và thế giới. Bởi vì, với sự ngây thơ trẻ con của mình, tôi tin chắc rằng tình yêu của tôi sẽ được đáp trả, do vậy mà tôi trở nên quá yên tâm và xem thế giới này là một nơi tốt đẹp. Bạn thấy đó, chính với thái độ nghiêm túc này mà tôi gắn bó mình với những cuốn sách và yêu chúng, yêu việc đọc mà hồi đó Enishte đòi hỏi ở tôi, những buổi học giáo lý cùng việc vẽ tranh và minh họa của tôi. Nhưng nếu sở dĩ tôi có được nửa đầu nền giáo dục vui tươi, tốt đẹp và nhiều trái quả là nhờ tình yêu của tôi dành cho Shekure, thì tôi có được cái kiến thức đen tối vốn đầu độc tôi suốt thời gian sau đó là bởi tôi bị cự tuyệt; nỗi thèm khát của tôi vào những đêm giá rét muốn được phun ra và biến mất như những ngọn lửa đang tàn dần trong lò sắt của một quán trọ, cứ mơ đi mơ lại sau một đêm yêu đương thấy mình đang lao xuống một vực thẳm cô đơn cùng với bất cứ người đàn bà nào nằm bên cạnh tôi, và ý niệm rằng tôi chỉ là thứ vô giá trị - tất cả thứ đó là do Shekure mang tới.

"Cháu có biết rằng," Enishte của tôi rất lâu sau này có nói, sau khi chết linh hồn chúng ta có thể gặp linh hồn của những đàn ông và đàn bà trong thế giới này, những người vốn đang ngủ bình yên trên giường của họ không?"

"Không, cháu không biết."

"Chúng ta thực hiện một chuyến hành trình dài sau khi chết, vì vậy ta không sợ chết. Cái ta sợ là chết mà chưa hoàn tất cuốn sách này cho Đức vua."

Một phần trong tôi cảm thấy tôi mạnh hơn, hợp lý hơn và đáng tin cậy hơn Enishte của tôi, và một phần khác lại đang nghĩ về giá của chiếc áo trùm mà tôi đã mua trên đường đến đây để gặp con người từng ngăn không cho tôi

hỏi cưới con gái ông ấy, và cũng nghĩ đến cái khớp bạc với bộ yên làm thủ công cho con ngựa mà ngay sau khi xuống nhà, tôi đã dắt ra khỏi chuồng cưới đi.

Tôi nói với ông, tôi sẽ báo lại cho ông mọi thứ tôi học được trong những cuộc viếng thăm các nhà tiểu họa. Tôi hôn tay ông và áp nó lên trán. Tôi đi xuống nhà, bước ra sân, cảm được cái lạnh của tuyết trùm lên tôi, chấp nhận rằng tôi không phải một đứa trẻ mà cũng không phải một ông già: Tôi vui sướng cảm nhận được thế giới trên da thịt tôi. Khi tôi đóng cửa chuồng ngựa, một cơn gió nhẹ thổi qua. Tôi cầm cương dẫn con ngựa trắng bước theo lối đi lát đá đến phần sân đất, và cả hai chúng tôi cùng rùng mình: Tôi cảm thấy như thể những đôi chân săn chắc, mạnh mẽ của nó, sự bồn chồn và tính bướng bỉnh của nó là của chính tôi. Ngay khi chúng tôi ra đến đường tôi sắp lẹ làng nhảy lên lưng ngựa và biến mất ở cuối con đường hẹp như một kỵ sĩ trong truyền thuyết, không bao giờ quay lại nữa, thì một phụ nữ to lớn, một chị Do Thái mặc toàn màu hồng và mang một cái bị lớn, chẳng biết từ đâu hiện ra và bắt chuyện với tôi. Chị ta to lớn dềnh dàng như một cái tủ đứng. Những chị ta vui nhộn, sống động, thậm chí còn nhí nhảnh.

"Chàng trai dũng cảm, người hùng trẻ tuổi, tôi thấy anh đúng là đẹp trai như người ta đồn đại," chị ta nói. "Anh có vợ chưa? Hay còn độc thân? Anh có thể hạ cổ mua từ Esther, người bán rong ưu tú của Istanbul một chiếc khăn tay lụa để tặng người yêu bí mật của anh không?"

"Không."

"Một khăn quàng vai đỏ bằng lụa Atlas?"

"Không."

"Đừng có cứ quát "không" với tôi như thế! Làm sao mà con người quả cảm như anh lại không có một người yêu hay người tình bí mật nào? Ai mà biết có bao nhiêu trinh nữ mắt long lanh đang khao khát anh kia chứ?"

Thân hình chị ta kéo dài giống như vóc dáng mảnh dẻ của một nghệ sĩ

nhào lộn và chị ta nghiêng mình về phía tôi trong một động tác duyên dáng. Đồng thời, với sự khéo léo của một nhà ảo thuật có thể đột nhiên lôi ra từ khoảng không đủ thứ, chị ta làm cho lá thư xuất hiện trên tay. Tôi lén chộp lấy nó, và cứ như tôi đã tập dượt cho giây phút này trong nhiều năm, tôi vội vàng và khéo léo nhét nó vào chiếc khăn quàng quần từ vai xuống hông. Đó là một lá thư dày, có cảm giác giống như lửa áp vào làn da lạnh buốt bên hông, giữa lưng và bụng tôi.

"Đi nước kiệu," chị hàng rong Esther nói. "Tới góc đường rẽ phải, đi theo vòng cung của bức tường và cứ đi nước kiệu, nhưng khi đến chỗ cây lựu thì quay lại và nhìn vào ngôi nhà anh vừa rời khỏi, ngay cửa sổ bên phải anh." Chị ta đi tiếp con đường của mình và khuất dạng trong chốc lát.

Tôi leo lên lưng ngựa, nhưng lóng ngóng như người mới cưỡi ngựa lần đầu. Tim tôi đập thình thịch, đầu óc tôi đầy kích động, hai bàn tay tôi quên cách điều khiển dây cương, nhưng khi hai chân tôi kẹp chặt mình ngựa, lý trí lạnh mạnh và kỹ năng đã điều khiển được cả con ngựa lẫn bản thân tôi, và như Esther đã chỉ dẫn, con ngựa khôn ngoan của tôi đi nước kiệu đều bước và, đáng yêu làm sao, chúng tôi rẽ phải vào một con phố nhỏ!

Chính lúc đó tôi cảm thấy có thể tôi đẹp trai thực. Như trong những câu chuyện cổ tích, từ sau mỗi tấm rèm và mỗi cửa sổ mắt cáo một phụ nữ bên lén đang dõi theo tôi và tôi cảm thấy mình có thể bốc cháy lần nữa với cùng ngọn lửa từng thiêu hủy tôi ngày trước. Đây có phải là điều tôi từng khao khát? Có phải tôi lại ngã gục lần nữa trước căn bệnh mà tôi đã chịu đựng trong từng ấy năm không? Ánh mặt trời thỉnh linh xuyên qua đám mây khiến tôi giật mình.

Cây lựu nằm chỗ nào? Nó có phải là cái cây mảnh mai, ủ rũ này không? Đúng rồi! Tôi hơi xoay người sang phải trên yên ngựa. Tôi thấy một cửa sổ đằng sau tàng cây, nhưng không có ai ở đó. Tôi đã bị cái chị Esther đó lừa rồi!

Ngay khi tôi nghĩ thế thì những cánh cửa rèm bám đầy băng của ô cửa sổ mở tung ra với một tiếng bật lớn như đang phát nổ, và sau mười hai năm,

tôi lại thấy khuôn mặt tuyết vời của người tôi yêu dấu sau những nhánh cây phủ tuyết, giữa khung cửa sổ đóng đầy băng tuyết phản chiếu lấp lánh trong nắng đỏ.

Người yêu dấu mắt đen của tôi đang nhìn tôi hay nhìn vào cuộc sống khác đằng sau tôi? Tôi không xác định được nàng đang buồn hay mỉm cười hay mỉm cười một cách buồn rầu. Con ngựa ngu ngốc, không quan tâm đến nỗi lòng tôi, đi chậm lại nào! Tôi bình tĩnh xoay người trên yên lần nữa, dán chặt tia nhìn khao khát lâu hết mức có thể vào khung cửa đó cho đến khi khuôn mặt bí ẩn, thanh tú và hốc hác của nàng biến mất đằng sau những nhánh cây.

Rất lâu sau, sau khi mở lá thư của nàng và nhìn bức minh họa bên trong, tôi nghĩ việc tôi gặp nàng tại cửa sổ trên lưng ngựa lại giống làm sao cái giây phút đó, đã được vẽ cả ngàn lần, trong đó Husrev đến gặp Shirin dưới cửa sổ phòng nàng - riêng trong trường hợp của chúng tôi thì có cây lựu u sầu chen vào giữa. Khi tôi nhận ra sự tương đồng này, ôi, tôi đã bùng cháy đến thế nào vì tình yêu như họ mô tả trong những cuốn sách mà chúng ta nâng niu và yêu thích làm vậy.

1 Hegira: cuộc di cư của Muhammad và các đồ đệ đến thành Medina năm 622, năm này được coi là năm thứ nhất trong lịch Hồi giáo.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 8: Tôi Là Esther

Tôi biết tất cả các vị đều tự hỏi Shekure đã viết những gì trong lá thư tôi chuyển cho Siyah. Vì đây cũng là điều tò mò của tôi, tôi đã học được mọi thứ cần biết. Vậy nếu các vị muốn biết, hãy giả vờ như đang lật ngược những trang của câu chuyện và để tôi kể cho các vị nghe những gì xảy ra trước khi tôi giao lá thư đó.

T

Bây giờ, trời đang tối dần, tôi đã trở về nhà chúng tôi ở khu Do Thái nhỏ bé cổ kính ở cửa sông Halic với ông chồng Nesim của tôi, hai người già đang hồng hộc thở, cố giữ ấm bằng việc đút thêm củi vào lò. Đừng để ý chuyện tôi tự gọi mình "già". Khi tôi chất những món hàng của tôi - cả những món rẻ tiền lẫn quý giá, chắc chắn là để dụ dỗ các bà như nhẵn, bông tai, dây chuyền và đồ trang sức rẻ tiền - vào những chồng khăn tay lụa, găng tay, khăn trải giường và vải may áo sơ mi đủ màu được gửi qua những con tàu Bồ Đào Nha, khi tôi khoác lên vai cái bị đó, thì Esther là một cái muôi và Istanbul là một cái ấm đun nước, không có một con phố nào tôi không qua. Không có một chuyện ngòi lê đôi mách hay một lá thư nào mà tôi không mang từ nhà này sang nhà khác, và tôi đã đóng vai bà mối cho phân nửa các cô gái chưa chồng ở Istanbul, nhưng tôi không bắt đầu vụ kể lể dài dòng này để khoác lác đâu. Như tôi nói, chúng tôi đang nghỉ ngơi vào buổi tối và cốc cốc ai đó đang đứng ngoài cửa. Tôi đi ra mở cửa và thấy Hayriye, cô gái nô lệ ngờ nghếch đó, đang đứng trước mặt. Cô ta cầm một lá thư trên tay. Tôi không dám chắc là do lạnh hay do kích động, nhưng cô ta run cả người khi giải thích những ý muốn của Shekure.

Thoạt tiên tôi cho rằng lá thư này sẽ được gửi cho Hasan, điều đó giải thích vì sao tôi quá kinh ngạc. Các vị đã biết về ông chồng của Shekure xinh đẹp mà, anh ta không trở về sau chiến tranh - theo tôi cái mạng anh ta đã kết

thúc từ lâu rồi. Các vị cũng biết, người chinh phu không bao giờ trở về đó cũng có một đứa em trai si tình, nồng nhiệt tên là Hasan. Vì vậy hãy hình dung sự ngạc nhiên của tôi khi thấy rằng lá thư của Shekure không có ý dành cho Hasan, mà cho một người khác. Lá thư này nói gì? Esther điên lên vì tò mò, và cuối cùng tôi đã xoay xở đọc được nó.

Nhưng chao ôi, chúng ta không biết rành nhau đến thế, đúng không? Thật lòng mà nói, tôi hết sức lúng túng và lo lắng. Các vị sẽ chẳng bao giờ biết tôi đã đọc lá thư này như thế nào đâu. Có lẽ các vị sẽ chê cười và xem thường tôi vì thói chộn rộn - như thể chính quý vị không hề thóc mách như những bác phó cạo vậy. Tôi chỉ kể lại cho các vị những gì tôi biết qua việc đọc lá thư. Đây là những gì Shekure ngọt ngào đã viết:

Siyah kính mến, anh là vị khách đến chơi nhà em vì có quan hệ thân thiết với cha em Nhưng đừng mong đợi em gật đầu. Nhiều việc đã xảy ra từ khi anh ra đi. Em đã lấy chồng, và có hai con trai mạnh khỏe, dũng cảm. Một đứa là Orhan, là đứa anh thấy vừa mới đến xưởng vẽ. Trong khi em chờ đợi chồng em trở về trong suốt bốn năm qua, em chẳng nghĩ đến gì khác. Có thể em cảm thấy cô đơn, tuyệt vọng và yếu đuối khi sống với hai đứa con và người cha già. Em thấy thiếu vắng sức mạnh và sự che chở của người đàn ông, nhưng không cho phép ai nghĩ rằng họ có thể lợi dụng hoàn cảnh của em. Vì thế em sẽ rất vui nếu anh đừng đến thăm chúng em nữa. Trước đây anh đã từng làm em khó xử, và sau đó em đã phải chịu nhiều đau khổ để lấy lại danh dự trong mắt cha em! Cùng với lá thư này, em cũng gửi lại bức tranh anh đã vẽ và gửi cho em khi anh còn là một chàng trai bốc đồng nhưng còn thiếu khôn ngoan. Em làm điều này để anh không còn áp ủ bất kỳ hy vọng sai lầm nào hoặc hiểu sai bất cứ dấu hiệu nào. Quả là sai lầm khi tin rằng người ta có thể yêu khi nhìn một bức tranh. Tốt nhất là anh nên thôi hẳn đừng đến nhà chúng em nữa.

Shekure tội nghiệp của tôi, em không phải một nhà quý tộc mà cũng không phải là tổng trấn với một con dấu ly kỳ để đóng lên lá thư của em! Ở cuối trang, cô ấy ký mẫu tự đầu của tên cô, nó trông như một con chim nhỏ bé sợ hãi. Không có gì hơn.

Tôi vừa nói tới con dấu 1. Có lẽ các vị đang tự hỏi làm cách nào tôi mở và dán lại những lá thư niêm bằng sáp này. Nhưng thực tế lá thư hoàn toàn không được niêm gì cả. "Mụ Esther đó là một người Do Thái mù chữ," Shekure thân mến của tôi đã nghĩ như vậy. "Mụ ấy không bao giờ hiểu được ta viết gì đâu". Quả thực tôi không đọc được những gì viết trong đó, nhưng tôi luôn luôn có thể nhờ người khác đọc giùm. Và đối với những gì không được viết ra, tôi vẫn có thể sẵn sàng tự "đọc" được. Các vị bối rối, đúng không?

Hãy để tôi trình bày theo kiểu này, như thế thậm chí kẻ ngu đần nhất cũng sẽ hiểu:

Một lá thư không chỉ được truyền đạt bằng các con chữ. Một lá thư, giống như cuốn sách, có thể đọc được bằng cách ngửi, sờ mó, vuốt ve. Vì thế người thông minh sẽ nói, "Vậy tiếp tục đi, đọc coi thư nói gì với bạn!" trong khi kẻ chậm hiểu sẽ nói, "Vậy tiếp đi đọc coi hấn viết gì trong đó" Giờ hãy lắng nghe những điều khác mà Shekure đã nói:

1. Dù em đã bí mật gửi lá thư này bằng cách nhờ Esther, người đã biến việc phát thư thành một vấn đề thương mại và thói quen, nhưng em cho thấy rằng em không có ý định che giấu điều đó một chút nào.

2. Việc em đã gấp nó lại như một cái bánh nướng quả thực ngụ ý bí mật và huyền bí. Nhưng bức thư không bị niêm kín và có một bức tranh to gửi kèm. Hàm ý rõ ràng là, "Xin hãy giữ bí mật của chúng ta bằng mọi giá," vốn phù hợp với một lời mời gọi tình yêu hơn là một lá thư cự tuyệt.

3. Hơn nữa, mùi của lá thư khẳng định lời giải thích này. Hương thơm này đủ nhẹ để tạo sự mơ hồ - phải chăng cô ta đã cố tình tẩm nước hoa cho lá thư? - nhưng đủ cảm dỗ để thổi bùng lên sự tò mò của người đọc - đây là mùi thơm của nước hoa hay mùi của bàn tay nàng? Và một mùi thơm vốn đủ để làm hài lòng người đàn ông tội nghiệp đã đọc lá thư này cho tôi nghe, chắc chắn sẽ có cùng tác động đối với Siyah.

4. Tôi là Esther, người không biết đọc mà cũng không biết viết, nhưng

đây là điều tôi biết: dù dòng chữ và nét chữ có vẻ nói rằng "Ôi, tôi đang vội, tôi viết cẩu thả và không chú ý cẩn thận," song những chữ này vốn ríu rít một cách tao nhã như thể đang chìm vào làn gió nhẹ, lại truyền đạt một thông điệp hoàn toàn trái ngược, thậm chí cụm từ của cô ấy "vừa mới đến" khi nói tới Orhan ngụ ý rằng lá thư đã được viết ngay giây phút đó, để lộ một mảnh khoe rõ ràng như sự cẩn thận chứa trong mỗi dòng.

5. Bức tranh được gửi kèm lá thư mô tả nàng Shirin xinh đẹp nhìn hình ảnh chàng Husrev đẹp trai và yêu ngay, như được kể trong câu chuyện mà thậm chí tôi, Esther người Do Thái, cũng biết rõ. Mọi cô gái bị tình phụ ở Istanbul đều thích câu chuyện này, nhưng tôi chưa từng thấy ai gửi đi một bức tranh minh họa liên quan đến nó.

Điều này lúc nào cũng có thể xảy ra với các vị, những người may mắn biết chữ: Một thiếu nữ vốn không biết chữ nhờ các vị đọc một lá thư tình cô ấy nhận được. Lá thư quá gây ngạc nhiên, linh động và bồi rối đến độ chủ nhân của nó, dù lúng túng trước việc bị các vị chia sẻ bí mật về những chuyện tình cảm riêng tư nhất của cô ta, xấu hổ và lo lắng, nhưng vẫn yêu cầu các vị đọc lại lá thư một lần nữa. Các vị đọc nó lần nữa. Cuối cùng, các vị đọc lá thư quá nhiều lần đến độ cả hai thuộc lòng nó. Rồi ngay sau đó cô ta sẽ cầm lá thư và nói, "Anh ấy nói câu đó ở chỗ này hả?" và "Anh ấy nói câu đó chỗ kia sao?" Khi các vị chỉ ra những chỗ tương ứng, cô ta sẽ nghiền ngẫm những đoạn đó, tuy vẫn không thể hiểu những chữ viết ở đó. Khi cô ta nhìn vào những con chữ cong cong, đôi khi tôi quá xúc động đến độ quên rằng mình cũng không biết đọc hoặc viết và cảm thấy nổi thôi thúc muốn ôm chặt những cô gái mù chữ đang rỏ nước mắt xuống trang giấy đó.

Rồi cũng có những người đọc thư thật sự đáng ghét; cầu mong các vị đừng giống ai trong số đó: Khi cô gái cầm lá thư trong tay để được sờ nó lần nữa, ước ao nhìn ngắm nó mà không hiểu chữ nào nằm ở đâu. những kẻ khó ưa này thường nói với cô, "Cô định làm gì nữa? Cô không biết đọc, cô muốn coi cái gì nữa?" Một số họ thậm chí còn không trả lại lá thư, rồi cư xử với nó cứ như nó là của họ. Nhiều lần, nhiệm vụ bắt chuyện với họ và đòi lại lá thư lại rơi vào tôi, Esther. Tôi là loại phụ nữ tử tế như vậy đó. Nếu Esther thích

các vị, cô ấy cũng sẽ đến giúp đỡ các vị.

1 Bản tiếng Anh dùng chữ Seal, vừa có nghĩa là con dấu, vừa là dấu niêm phong. Thời xưa người ta niêm phong bằng cách đổ một ít sáp gắn hai mép phong bì lại rồi áp con dấu riêng của mình (thường là mặt của chiếc nhẫn) vào lớp sáp nóng.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 9: Tôi, Shekure

Ồ, tại sao tôi lại ở đó bên cửa sổ ngay khi Siyah cưới con ngựa trắng của anh ấy phóng qua? Tại sao tôi mở cánh cửa rèm theo trực giác đúng giây phút ấy và đăm đăm nhìn anh ấy hồi lâu như vậy từ phía sau những cành lựu phủ tuyết đó? Tôi không thể nói chắc với bạn. Tôi đã nhờ Hayriye nhắn cho Esther. Dĩ nhiên tôi biết rõ rằng Siyah sẽ đi theo lối đó. Trong khi đó, tôi một mình lên phòng có tủ chìm và cửa sổ nhìn ra cây lựu để kiểm tra những khăn trải giường trong rương. Trong cơn bốc đồng, và ngay đúng giây phút đó tôi đẩy bật cánh cửa rèm bằng hết sức mình và ánh nắng tràn ngập căn phòng: Đứng nơi cửa sổ, tôi mặt đối mặt với Siyah, người giống như mặt trời làm lóa mắt tôi. Ôi, điều đó thật đáng yêu.

Anh ấy đã lớn và chín chắn, đã mất đi vẻ khảng khiu vụng về thời trẻ, anh ấy đã trở thành một người đàn ông quyến rũ. Nghe này Shekure, trái tim tôi đã thực sự bảo tôi, anh ấy không chỉ đẹp trai, hãy nhìn vào mắt anh ấy, anh ấy có trái tim của một đứa trẻ, tinh khiết như thế, cô đơn như thế: Hãy cưới anh ấy đi, tuy nhiên tôi đã gửi anh ấy một lá thư trong đó tôi cho anh ấy một thông điệp hoàn toàn ngược lại.

Dù anh ấy lớn hơn tôi mười hai tuổi, nhưng khi mới mười hai, tôi đã chín chắn hơn anh ấy. Hồi đó, thay vì đứng thẳng và đường hoàng trước mặt tôi theo kiểu thích hợp với một người đàn ông và thông báo rằng anh ấy sẽ làm điều này điều nọ, nhảy từ chỗ này hoặc leo vào thứ kia, thì anh ấy chỉ vùi mặt vào cuốn sách hoặc bức tranh nào đó, ẩn mình như thể mọi thứ đều làm anh lúng túng. Rồi anh ấy cũng đem lòng yêu tôi. Anh vẽ một bức tranh thổ lộ tình yêu của anh. Lúc đó cả hai chúng tôi đều đã chín chắn. Khi tôi mười hai, tôi có cảm giác Siyah không còn có thể nhìn vào mắt tôi được nữa, như thể anh ấy sợ tôi phát hiện ra rằng anh yêu tôi. Chẳng hạn, anh ấy có thể nói "Đưa cho anh cái dao cán gỗ đó," mắt nhìn con dao mà không nhìn tôi.

Ví dụ, nếu tôi hỏi anh ấy, "Anh thích nước quả anh đào không?" Anh ấy không thể đơn giản ra hiệu đồng ý bằng một nụ cười dịu dàng hay cái gật đầu, như chúng ta thường làm khi miệng còn đầy thức ăn. Thay vì thế anh ấy lại gào lên "Phải" hết sức mình, như thể đang cố nói chuyện với một người điếc. Anh ấy sợ nhìn vào mặt tôi. Tôi là một thiếu nữ đẹp cực kỳ. Bất cứ người đàn ông nào nhìn thấy tôi, thậm chí chỉ một lần, từ xa, hoặc qua tấm màn hé ra hay cánh cửa mở toang, hay thậm chí qua những lớp khăn trùm đầu bình thường của tôi, đều lập tức yêu tôi. Tôi không phải là kẻ khoe khoang, tôi giải thích điều này để bạn hiểu câu chuyện của tôi và có thể chia sẻ nhiều hơn nỗi sâu muộn của tôi.

Trong chuyện kể nổi tiếng về Husrev và Shirin, có một phút giây mà Siyah và tôi tranh luận rất chi tiết. Bạn của Husrev, Shapur, có ý làm cho Husrev và Shirin yêu nhau. Ngày nọ Shirin tháp tùng một chuyến du ngoạn miền quê với các công nương trong triều, khi đó nàng thấy một bức tranh vẽ Husrev mà Shapur bí mật treo trên một cành cây mà nhóm du ngoạn dừng lại nghỉ chân ngay bên dưới. Nhìn bức tranh vẽ chàng Husrev tuấn tú trong khu vườn xinh đẹp đó, Shirin đem lòng yêu ngay. Nhiều bức tranh đã mô tả phút giây này - hoặc "cảnh" như các nhà tiểu họa thường gọi - trong đó đặc tả cái vẻ chiêm ngưỡng và lúng túng của Shirin khi nàng ngược nhìn hình ảnh Husrev. Khi Siyah còn làm việc với cha tôi, anh ấy đã thấy bức tranh này nhiều lần và đã hai lần sao chép chính xác bằng cách nhìn nguyên bản để vẽ lại. Sau khi yêu tôi, anh ấy sao thêm một bức cho riêng mình.

Nhưng lần này, thế vào chỗ của Husrev và Shirin, anh vẽ chính anh và tôi, Siyah và Shekure. Nếu không có những chú thích bên dưới các nhân vật thì chắc chỉ có tôi mới biết người đàn ông và thiếu nữ trong bức tranh là ai. Bởi vì thỉnh thoảng khi chúng tôi vui đùa loanh quanh, anh ấy đã vẽ chúng tôi trong cùng cách thức và màu sắc: Tôi toàn màu xanh, anh ấy toàn đỏ. Và nếu điều này chưa đủ biểu lộ, anh ấy sẽ ghi tên chúng tôi bên dưới hình vẽ. Anh ấy để bức tranh ở chỗ tôi sẽ nhìn thấy rồi bỏ đi. Anh ấy theo dõi xem tôi phản ứng ra sao trước tác phẩm của anh ấy.

Tôi biết rõ rằng tôi không thể yêu anh ấy như Shirin, nên tôi giả như

không biết. Vào buổi tối cái ngày hè Siyah đưa cho tôi bức tranh, trong lúc chúng tôi cố giải khát bằng nước quả anh đào chua ướp nước đá được cho là mang suốt từ núi Ulu băng tuyết về tôi nói với cha tôi rằng anh đã tỏ tình với tôi. Vào lúc đó Siyah vừa tốt nghiệp trường giáo lý. Anh đi dạy ở những khu xa xôi và vì thái độ cương quyết của cha tôi hơn là vì mong muốn của anh, Siyah đã nỗ lực để có được sự đỡ đầu của Tổng trấn Naim đầy quyền lực và đáng kính. Nhưng theo cha tôi, Siyah chưa đủ khôn ngoan. Cha tôi, người đã dồn hết tâm trí để Siyah có được một chỗ trong nhóm hầu cận của Tổng trấn Naim, ít nhất là khởi đầu trong vai trò một thư ký, đã phàn nàn rằng anh không nỗ lực để đẩy sự nghiệp của mình tiến xa hơn; nói cách khác Siyah là một kẻ hoàn toàn ngốc nghếch. Và đúng cái đêm nói chuyện về Siyah với tôi cha tôi đã tuyên bố, "Ta nghĩ đứa cháu trai nghèo khổ này có tham vọng rất cao", và không để ý đến sự có mặt của mẹ tôi ông thêm, "nó thông minh hơn chúng ta nghĩ."

Tôi khổ sở nhớ lại những gì cha tôi đã làm trong những ngày sau đó, cách tôi tránh né Siyah thế nào, anh thôi đến nhà chúng tôi ra sao, nhưng tôi sẽ không giải thích tất cả chuyện này vì tôi sợ rằng bạn sẽ đâm ra không thích tôi và cha tôi mất. Tôi thề với bạn, chúng tôi chẳng có chọn lựa nào khác. Bạn biết trong những tình huống như thế những người có lý trí lập tức cảm thấy rằng tình yêu không có hy vọng chỉ là vô vọng đến thế nào và hiểu những giới hạn quanh khu vực phi lý của con tim, đã kết thúc nó mau lẹ bằng một phát biểu lịch sự, "Họ thấy hai đứa không xứng đôi vừa lứa. Chỉ có vậy thôi." Nhưng tôi sẽ cho bạn biết rằng mẹ tôi đã nhiều lần nói. "Ít nhất là đừng làm tan nát trái tim thằng bé." Siyah, người mà mẹ tôi thường gọi là "thằng bé", đã hai mươi bốn, và tôi bằng nửa tuổi anh. Bởi cha tôi xem lời tỏ tình của Siyah là một hành vi thô lỗ, nên ông không tán đồng những ước muốn của mẹ tôi.

Dù chúng tôi chưa quên hẳn anh lúc chúng tôi nghe tin anh rời khỏi Istanbul, nhưng chúng tôi đã để anh hoàn toàn tuột khỏi vòng tình cảm của chúng tôi. Bởi trong nhiều năm chúng tôi không nhận được tin anh từ bất cứ thành phố nào, tôi nghĩ rằng cất kỹ bức tranh anh đã vẽ tặng tôi thì cũng phải, coi như là một dấu vết cho những kỷ niệm và tình bạn ấu thời của

chúng tôi. Để ngăn không cho cha tôi, và sau đó là người chồng chiến binh của tôi phát hiện ra bức tranh rồi giận dữ hay ghen tuông, tôi đã khéo léo che đậy cái tên "Shekure" và "Siyah" bên dưới các hình vẽ bằng cách làm cho trông như có ai đó đã vô ý đánh đổ mực Hasan Pasha của cha tôi lên đấy, rồi sau được sửa lại cho giống những bông hoa. Vì hôm nay tôi đã trả lại bức tranh đó cho anh ấy, có lẽ những ai trong số các bạn vốn không tán thành việc tôi xuất hiện trước mắt anh ấy nơi cửa sổ sẽ cảm thấy xấu hổ mà xét lại những thành kiến của mình ở mức nào đó.

Sau khi cho anh ấy thấy mặt, tôi vẫn còn đứng nơi cửa sổ thêm một lát, tắm mình trong màu đỏ sẫm của mặt trời chiều, và sững sờ trước cảnh khu vườn ngập trong ánh sáng đỏ cam, cho đến khi tôi cảm thấy cái lạnh của trời đêm. Không hề có gió. Tôi không quan tâm việc có ai đó đi trên đường sẽ nói gì khi thấy tôi ở khung cửa sổ mở đó. Một trong những con gái của Tổng trấn Ziver, Mesrure, người luôn cười to và vui hơn hẳn khi nói ra những điều gây ngạc nhiên nhất vào những thời điểm thiếu thích hợp nhất khi chúng tôi vui vẻ và cười đùa đi đến nhà tắm công cộng mỗi tuần, đã có lần bảo tôi người ta không bao giờ biết chính xác cô ấy đang nghĩ gì. Còn tôi thì biết thế này: Đôi khi tôi nói một điều gì đó mà vừa nói xong đã nhận ra ngay rằng đó là suy nghĩ của riêng mình; nhưng khi vừa đi đến nhận thức như vậy thì tôi cũng tin chắc chính điều ngược lại mới là sự thực.

Tôi lấy làm tiếc khi Zarif Kính mền tội nghiệp, một trong những nhà tiểu họa cha tôi thường mời đến nhà - và tôi sẽ không giấu giếm chuyện tôi đã theo dõi từng người trong bọn họ - đã mất tích, giống như người chồng xấu số của tôi. "Zarif" là người xấu xa nhất trong bọn họ và có tâm hồn tồi tệ nhất.

Tôi đóng cánh cửa rèm lại, rời phòng và đi xuống nhà bếp.

"Mẹ ơi Shevket không nghe lời mẹ," Orhan mách. "Khi chú Siyah dắt ngựa khỏi chuồng, anh Shevket đã ra khỏi bếp rồi theo dõi chú ấy qua lỗ nhìn trộm."

"Xạo!" Shevket nói, vung tay khỏi đầu. "Mẹ theo dõi chú ấy qua cái lỗ

trong tủ."

"Hayriye" tôi nói. "Chiên bánh mì với chút bơ rồi cho bọn trẻ ăn với bột hạnh nhân và đường." Orhan nhảy tung tung đầy vui sướng dù Shevket im lặng. Nhưng khi tôi đi trở lên lầu, bọn trẻ chạy theo tôi, la hét, xô đẩy nhau cạnh tôi đầy kích động. "Thôi từ từ, từ từ nào," tôi vừa nói vừa bật cười. "Lũ ranh." Tôi vỗ nhẹ lên hai cái lưng mảnh khảnh của chúng.

Thú vị làm sao khi được ở nhà với bọn trẻ lúc trời dần tối! Cha tôi đã lặng lẽ đắm mình với cuốn sách.

"Khách của cha về rồi," tôi nói. "Con hy vọng anh ta không quấy rầy cha lắm."

"Trái lại kìa," ông nói. "Nó làm ta vui. Nó luôn hết sức kính trọng Enishte của nó."

"Tốt quá."

"Nhưng bây giờ nó cũng cẩn thận và khôn ngoan."

Ông nói điều đó để quan sát phản ứng của tôi thì ít mà chủ yếu là để khép lại đề tài này theo một cung cách coi thường Siyah. Vào bất cứ dịp nào khác, tôi hẳn sẽ trả lời ông với giọng lưỡi cạnh khóe, như tôi thường làm. Tuy nhiên lần này, tôi chỉ nghĩ đến Siyah đang rong ruổi trên lưng con ngựa trắng của anh, và tôi rùng mình.

Tôi không chắc chuyện đó xảy ra như thế nào, nhưng sau đó trong căn phòng có cái tủ, Orhan và tôi ôm lấy nhau, Shevket cũng tham gia; có một cuộc đụng độ ngắn giữa hai đứa. Khi chúng vật nhau, tất cả chúng tôi lăn xuống dưới sàn. Tôi hôn vào gáy và tóc chúng, tôi ép chúng vào ngực, tôi và cảm thấy sức nặng của chúng trên bộ ngực tôi.

"Aaa," tôi nói. "Tóc tụi con hôi rình. Ngày mai mẹ sẽ cho tụi con đi nhà tắm với Hayriye."

"Con không muốn đi nhà tắm với Hayriye nữa," Shevket nói.

"Sao vậy? Con lớn quá rồi hả?" tôi hỏi.

"Mẹ ơi sao mẹ không mặc cái áo khoác đỏ tía đẹp của mẹ?" Shevket hỏi.

Tôi đi sang phòng khác và lấy ra chiếc áo khoác đỏ tía. Tôi khoác lên chiếc áo xanh nhạt tôi thường mặc. Trong khi thay áo, tôi cảm thấy lạnh và run, nhưng tôi có thể cảm thấy làn da mình nóng bừng, cơ thể tôi mạnh mẽ và tràn đầy sức sống. Tôi đã thoa một chút phấn hồng lên má, vì má tôi chắc đã bị hoen khi tôi lăn tròn với bọn trẻ, nhưng tôi xoa đều bằng cách liếm lòng bàn tay rồi chà xát má. Bạn có biết rằng những họ hàng của tôi, những phụ nữ tôi gặp ở phòng tắm và bất cứ ai đã gặp tôi, đều khẳng định rằng tôi trông giống một thiếu nữ mười sáu hơn là một bà mẹ hai mươi bốn tuổi có hai con và đã qua hết thời xuân sắc nhất không? Hãy tin họ, tin thực sự nếu không tôi sẽ không kể cho bạn nghe nữa.

Đừng ngạc nhiên rằng tôi đang nói chuyện với bạn. Trong nhiều năm tôi đã lục những bức tranh trong mớ sách của cha tôi để lùng kiếm hình ảnh về những phụ nữ và những đại mỹ nhân. Họ quả thực tồn tại, nhưng hiếm có, và luôn luôn có vẻ e lệ, lúng túng, chỉ nhìn nhau, như muốn phân trần. Họ không bao giờ ngẩng đầu lên, đứng thẳng và đối diện với con người ở thế giới này như những người lính và các vị vua chúa. Chỉ trong những cuốn sách được minh họa vội vàng, rẻ tiền bởi những họa sĩ cầu thả thì đôi mắt của một số phụ nữ mới không hướng xuống đất hay nhìn vào vật gì đó trong tranh - ồ, tôi không chắc, một người tình hay chiếc cốc chẳng hạn - mà nhìn thẳng vào độc giả. Từ lâu tôi đã băn khoăn về độc giả đó.

Tôi rùng mình vui sướng khi nghĩ về những cuốn sách hai trăm tuổi, có từ thời Tamerlane, những cuốn mà vì chúng những người Thiên chúa giáo ham sưu tập đã hân hoan đổ ra những đồng vàng và mang theo suốt con đường trở về đất nước mình: có lẽ một ngày kia một ai đó từ vùng đất xa xôi sẽ lắng nghe câu chuyện này của tôi. Đây chẳng phải là điều nằm đằng sau nỗi khao khát được ghi lại trên các trang sách ư? Chẳng phải vì chính niềm vui này mà các vua chúa và tể tướng ban tặng hàng túi vàng để người ta viết

sử về họ sao?

Khi tôi cảm thấy niềm vui sướng này, giống như những giai nhân đó mà một mắt nhìn vào cuộc đời trong cuốn sách còn một mắt để vào cuộc sống bên ngoài, tôi cũng khao khát muốn nói với các bạn, những người đang ngắm nhìn tôi từ không gian và thời gian xa xôi nào có ai biết được. Tôi là một phụ nữ thông minh và hấp dẫn, và tôi thấy vui khi mình được người ta nhìn ngắm. Và nếu đôi lúc tôi có ngẫu nhiên nói dối một hai câu, bạn cũng đừng vì thế mà có những kết luận sai về tôi.

Có lẽ bạn đã nhận thấy rằng cha tôi rất yêu thương tôi. Trước tôi ông có ba người con trai, nhưng Thượng đế đã lần lượt mang họ đi, chỉ để lại mình tôi, con gái ông. Cha tôi cưng chiều tôi dù tôi cưới một người không phải do ông chọn lựa. Tôi được gả cho một lính kỵ binh chuyên nghiệp, người tôi đã để ý và mơ tưởng. Nếu giao cho cha tôi quyết định thì chồng tôi không những phải là người vĩ đại nhất trong các học giả, anh còn là một người am hiểu về tranh và nghệ thuật, có sức mạnh và quyền thế, và giàu như Karun, người giàu có nhất trong những người được kinh Koran nhắc tới. Ý niệm mơ hồ về một người đàn ông như thế thậm chí không thể tìm thấy được trong những trang sách của cha tôi, và vì thế ắt hẳn tôi đã bị buộc phải chết mòn trong nhà mãi mãi.

Vẻ đẹp của chồng tôi mang tính huyền thoại, và tôi đã ưng anh thông qua những người trung gian. Anh ấy đã tìm được cơ hội xuất hiện trước mặt tôi khi tôi từ nhà tắm công cộng trở về. Đôi mắt anh ấy rực sáng như lửa, và tôi lập tức yêu anh ấy. Anh ấy có đôi mắt xanh, da sáng, tóc đen và đôi tay mạnh mẽ; nhưng về cơ bản anh ấy ngây thơ và lặng lẽ như một đứa trẻ đang ngủ. Tuy nhiên ít nhất với tôi, có vẻ như ở anh ấy cũng có mùi máu, có lẽ vì anh ấy đã dùng trọn sức mạnh cho việc tàn sát người khác trong trận chiến và tích góp chiến lợi phẩm, tuy rằng ở nhà anh dịu dàng và lặng lẽ như một cô gái. Người đàn ông này - người mà cha tôi coi như một anh lính không đồng xu dính túi, và vì thế đã phản đối - sau đó được phép cưới tôi vì tôi dọa tự tử. Và sau khi quân đội cấp cho anh một thái ấp trị giá mười ngàn đồng bạc, một phần thưởng cho chủ nghĩa anh hùng trong hết trận đánh này đến

trận đánh khác mà ở đó anh đã có những thành tích cực kỳ dũng cảm thì quả thật mọi người đều ghen tỵ với chúng tôi.

Bốn năm trước khi anh không trở về cùng những người lính khác sau cuộc chiến với người Safavid, thoát tiên tôi không thấy lo lắng. Bởi, càng có nhiều kinh nghiệm trên chiến trường, anh lại càng trở nên khôn ngoan và khéo léo hơn trong việc tạo ra cơ hội cho chính mình, trong việc mang về nhà những bổng lộc lớn hơn, kiếm được thái ấp lớn hơn, thu nhận nhiều binh lính dưới quyền hơn. Có những nhân chứng nói rằng anh đã trốn vào núi cùng binh lính của mình sau khi bị cắt rời khỏi một cánh quân. Ban đầu tôi e rằng anh có một kế hoạch và hy vọng anh sẽ trở về, nhưng sau hai năm tôi dần quen với sự vắng mặt của anh, và khi nhận ra có bao nhiêu phụ nữ cô đơn ở Istanbul giống tôi cũng có chồng là lính trận mất tích, tôi đã cam chịu số phận mình.

Ban đêm, trên giường ngủ, tôi ôm lũ con của chúng tôi và đau buồn mà khóc. Để dỗ yên chúng, tôi đã nói với chúng những lời dối trá đầy hy vọng; chẳng hạn người này người nọ có chứng cứ rằng cha chúng sẽ về trước mùa xuân. Về sau, khi lời nói dối của tôi truyền đi, thay đổi và lan tỏa cho đến khi nó tìm đường trở lại với tôi thì tôi là người đầu tiên tin vào tin tức tốt lành đó.

Khi nguồn bảo bọc chính của gia đình biến mất, chúng tôi rơi vào những giai đoạn khó khăn. Chúng tôi sống trong một ngôi nhà thuê ở Charshikapi với ông cha chồng lịch thiệp người Abkhazia, người chưa bao giờ sống một cuộc đời thoải mái, và em trai anh ấy, người cũng có đôi mắt xanh. Cha chồng tôi, người từng bỏ công việc chế tạo gương sau khi con trai cả của ông khá lên nhờ binh nghiệp, đã trở lại nghề cũ của ông ở tuổi bóng xế. Hasan, người em chồng độc thân của tôi, làm việc trong ngành hải quan, và khi phát đạt chú ấy đã lên kế hoạch đảm nhiệm vai trò của "người đàn ông trong nhà". Một mùa đông nọ, vì sợ không trả được tiền thuê nhà, họ vội mang người nô lệ chuyên làm việc nhà ra chợ nô lệ mà bán cô ấy đi, sau đó họ muốn tôi làm công việc bép núc, giặt quần áo và thậm chí đi chợ để mua sắm thay cho cô ấy. Tôi không phản kháng bằng cách nói. "Bộ tôi là hạng đàn bà

đảm nhiệm việc lao dịch như thế sao?" Tôi nén lòng tự ái xuống mà làm việc. Nhưng khi Hasan, em chồng tôi, nay không còn cô nô lệ để chú ấy đem đem kéo vào phòng nữa, bắt đầu phá cửa vào phòng tôi, tôi không biết phải làm gì.

Dĩ nhiên tôi có thể quay về nhà cha tôi ngay, nhưng theo quan tòa Hồi giáo chồng tôi vẫn còn sống về mặt pháp lý, nếu tôi giận những người bên chồng, họ có thể không dừng lại ở việc buộc con tôi với tôi trở về nhà chồng tôi mà có khi còn làm nhục chúng tôi hơn nữa bằng việc khiến tôi và cha tôi, người đã "giam giữ" tôi, bị trừng phạt. Nói thật, lẽ ra tôi có thể yêu Hasan, người mà tôi thấy nhân hậu và thuần lý hơn chồng tôi, và rõ ràng rất yêu thương tôi. Nhưng nếu tôi làm điều này mà không suy nghĩ cẩn thận, tôi đã có thể cầu Thượng đế che chở, trở thành nô lệ của chú ấy thay vì là vợ. Dù gì đi nữa, bởi vì họ sợ tôi sẽ đòi phần thừa kế của mình rồi sau đó bỏ họ để trở về với cha tôi cùng bọn trẻ, nên họ cũng không hăm hờ chờ quan tòa quyết định công nhận cái chết của chồng tôi. Nếu theo quan tòa chồng tôi chưa chết, tôi đương nhiên không thể cưới Hasan, mà cũng không thể cưới bất kỳ ai khác. Bởi tình huống khó xử này đã buộc chặt tôi vào ngôi nhà đó và cuộc hôn nhân đó, nên những người bên chồng tôi thích việc tôi có một người chồng "mất tích" và tiếp tục duy trì tình trạng mơ hồ này hơn. Để bạn khỏi quên tôi muốn nhắc lại rằng tôi lo hết mọi việc trong nhà họ, tôi làm mọi chuyện từ nấu ăn đến giặt giũ cho họ, và hơn thế nữa, một người trong bọn họ còn yêu tôi điên cuồng.

Khi cha chồng tôi và Hasan ngày càng không hài lòng với tình trạng này và quyết định đã đến lúc tôi phải lấy Hasan, điều cần thiết đầu tiên là chuẩn bị các nhân chứng để thuyết phục quan tòa rằng chồng tôi đã chết. Vì vậy nếu những người ruột thịt nhất của ông chồng mất tích của tôi, cha chồng và em trai chồng tôi, chấp nhận cái chết của anh ấy, nếu không còn ai nữa phản đối việc tuyên bố chồng tôi chết, và nếu, với cái giá vài đồng bạc, các nhân chứng chịu xác nhận rằng họ đã thấy thi hài người này trên chiến trường, thì quan tòa cũng buộc lòng phải theo ý họ. Khó khăn nhất là thuyết phục Hasan một khi tôi được công nhận là quả phụ, rằng tôi sẽ không rời khỏi gia đình đó, không đòi hỏi phần thừa kế của tôi hoặc đòi tiền để cưới chú ấy; và hơn

thế nữa, thuyết phục chú ấy rằng tôi lấy chú ấy theo ý muốn tự do của tôi.

Dĩ nhiên tôi biết rằng để đạt được sự tin tưởng của chú ấy về mặt này, tôi phải ngủ với chú ấy với một thái độ hoàn toàn tự nguyện để chú ấy tin chắc rằng tôi hoàn toàn ưng thuận chú ấy, không phải để chú cho phép tôi ly dị chồng tôi, mà bởi vì tôi thực lòng yêu chú ấy.

Nếu cố gắng ít nhiều thì lẽ ra tôi đã yêu được Hasan. Chú ấy trẻ hơn ông chồng mất tích của tôi tám tuổi, và khi chồng tôi còn ở nhà Hasan giống như đứa em trai bé bỏng của tôi, và tình cảm đó khiến tôi yêu mến chú ấy. Tôi thích thái độ nồng nhiệt và nhún nhường của chú, niềm vui của chú khi chơi với các con tôi và cả cái cách chú nhìn tôi thêm muốn như thể chú đang chết khát còn tôi là một ly nước quả anh đào mát lạnh. Mặt khác, tôi cũng biết mình thực sự phải tự ép lòng yêu một người đàn ông vốn bắt tôi giặt quần áo và không quan tâm đến việc tôi phải lang thang khắp các chợ như một con nô lệ tầm thường. Trong suốt những ngày đó, mỗi khi tôi có dịp ghé nhà cha tôi và khóc không dứt khi nhìn vào những nồi, chảo, chén bát và cốc tách, trong suốt những đêm khi bọn trẻ với tôi ôm chặt nhau ngủ thành một khối, Hasan không hề cho tôi lý do để thay đổi con tim. Chú ấy không tin rằng tôi có thể yêu chú ấy hoặc tiền đề quan trọng và bắt buộc cho cuộc hôn nhân của chúng tôi sẽ tự nó xuất hiện; và bởi vì chú không tin vào chính mình, nên chú ấy đã hành động không thích hợp. Chú ấy cố dồn tôi vào góc, hôn tôi và vuốt ve tôi. Chú ấy tuyên bố rằng chồng tôi sẽ không trở về, rằng chú ấy sẽ giết tôi. Chú ấy đe dọa tôi, khóc như một đứa trẻ và, bởi vội vàng và bối rối, chú ấy đã không dành thời gian cho một tình yêu cao đẹp và chân thực có thể nảy nở. Tôi biết tôi không bao giờ có thể lấy chú ấy.

Một đêm, khi chú ấy cố phá cửa căn phòng nơi tôi đang ngủ với bọn trẻ, tôi lập tức nhồm dậy, và không hề nghĩ rằng tôi có thể làm bọn trẻ sợ hãi, tôi gào hét sức bình sinh rằng các ác thần đã xâm nhập ngôi nhà. Con hoang loạn và tiếng rú này đã đánh thức cha chồng tôi và vì thế phơi bày Hasan trước mặt cha chú ấy, khi sự bạo lực đầy kích động của chú ấy vẫn còn hiện rõ. Giữa những tiếng rú lồ bịch và lời nguyện rửa vô nghĩa của tôi với các ác thần, ông già trầm tính này với vẻ bối rối đã hiểu ra sự thật khủng khiếp:

Con trai ông đã bị hớp hồn và có ý đồ không thích hợp với vợ của anh trai nó, một người mẹ có hai con. Cha chồng tôi không trả lời khi tôi nói tôi sẽ không hề chớp mắt cho tới sáng luôn nhìn ra cửa để bảo vệ hai con tôi khỏi "ác thần." Ngày hôm sau tôi thông báo tôi sẽ về nhà cha tôi cùng bọn trẻ và ở đó dài ngày để chăm sóc ông trong lúc bệnh hoạn; vì vậy Hasan chấp nhận mình thất bại. Tôi trở về nhà cha tôi, mang theo, như những kỷ vật cho cuộc hôn nhân của tôi, cái đồng hồ có những quả chuông do chồng tôi cướp được từ Hungary (anh ấy đã không xiêu theo lời cám dỗ bán nó đi), chiếc roi làm từ gân những con ngựa Ả Rập thiện chiến nhất, bộ cờ làm bằng ngà voi Tabriz mà bọn trẻ nhà tôi thường dùng để chơi trò chiến tranh và cái giá cầm nển bằng bạc (chiến lợi phẩm từ trận Nahjivan) mà tôi đã đấu tranh quyết liệt để giữ lại khi tiền đã cạn.

Như tôi mong đợi, việc rời bỏ căn nhà của người chồng vắng mặt của tôi đã biến tình yêu thiếu trân trọng và đầy ám ảnh của Hasan thành một địa ngục vô vọng. Biết rõ rằng cha không ủng hộ mình, nên thay vì đe dọa tôi, chú ấy mưu tìm lòng thương hại bằng cách gửi cho tôi những lá thư tình mà ở các góc của trang giấy chú ấy vẽ những con chim cô độc, những con sư tử mất rơm lệ và những con linh dương râu rĩ. Tôi sẽ không giấu bạn chuyện tôi vừa mới đọc chúng lại một lần nữa, những lá thư đó cho thấy trí tưởng tượng phong phú của Hasan, điều mà tôi không biết khi chúng tôi còn sống bên nhau dưới một mái nhà - ấy là nếu như chú ấy không phải nhờ một trong những người giỏi thơ ca hay hội họa hơn chú ấy viết và tô điểm chúng.

Trong lá thư gần đây nhất. Hasan trịnh trọng hứa rằng tôi sẽ không còn là một nô lệ làm việc nhà nữa, và rằng chú ấy đã làm ra rất nhiều tiền. Điều tiết lộ này trong giọng thư ngọt ngào, trân trọng và hài hước của chú ấy, kết hợp với những trò đánh lộn và nhu cầu bất tận của bọn trẻ, và những lời phàn nàn của cha tôi, đã biến đầu tôi thành một cái trống thiếc thực sự. Thực tình, chính vì muốn thở ra một hơi nhẹ nhõm với thế giới này nên tôi mới mở những cánh cửa sổ đó.

Trước khi Hayriye dọn bàn ăn tối, tôi chuẩn bị một ngum bia đắng làm từ hoa cây chà là hạng nhất Ả Rập; tôi trộn vào một thìa mật ong và một chút

nước chanh, rồi nhẹ nhàng bước vào phòng cha tôi khi ông đang đọc cuốn Kitab al-Ruh, và như một âm hồn 1, tôi đặt nó trước mặt ông mà không gây chú ý đến sự có mặt của tôi, như ông thích vậy.

"Tuyết đang rơi hả?" Ông hỏi bằng giọng buồn bã và yếu ớt đến độ tôi hiểu ngay lập tức đây sẽ là mùa tuyết rơi cuối cùng mà người cha tội nghiệp của tôi còn nhìn thấy được.

1 Âm hồn (Ả Rập jinniy): Trong thần thoại Ả Rập, một lớp hữu thể siêu nhiên thấp hơn cấp thiên thần hay ác quỷ, tên gọi này trong tiếng Anh được viết thành jinn, jinni, genie hoặc genii. Với bản chất là lửa hoặc khí. Âm hồn có khả năng đội lốt người hoặc thú, và được cho là hiện diện trong mọi vật vô tri. Theo truyền thuyết, âm hồn thích hành hạ con người vì bất cứ hành vi gì làm hại tới chúng dù vô tình hay cố ý, và được coi là thủ phạm của nhiều chứng bệnh và các tai nạn trên đời; tuy nhiên những người biết pháp thuật có thể khai thác âm hồn để làm lợi cho mình.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 10: Tôi Là Một Cái Cây

Tôi là một cái cây và tôi hoàn toàn cô độc. Tôi khóc rữ trong mưa. Vì đấng Allah, hãy lắng nghe những gì tôi muốn nói. Hãy uống cốc cà phê của các vị để cơn buồn ngủ rời xa và để mắt các vị mở to ra. Hãy nhìn tôi như các vị nhìn các ác thần và để tôi giải thích với các vị vì sao tôi cô độc như thế.

T

1. Người ta viện cứ rằng tôi được phác thảo vội vàng trên tờ giấy thô, không phết keo để bức tranh vẽ một cái cây có thể treo sau lưng người kể chuyện chuyên nghiệp. Đúng vậy. Vào lúc này, không có cội cây mảnh dẻ nào cạnh tôi, không có những cây bầy lá miền thảo nguyên, không có những dạng đá uốn éo đen ngòm mà nhiều khi trông giống quỷ Satan hoặc một người nào đó và không có những đám mây vân vi kiểu Trung Hoa. Chỉ có mặt đất, bầu trời, bản thân tôi và chân trời. Nhưng câu chuyện của tôi phức tạp hơn nhiều.

2. Trong vai trò một cái cây, tôi không cần có mặt trong một cuốn sách. Tuy nhiên, trong vai trò bức tranh vẽ cái cây, tôi bối rối khi thấy mình không phải là một trang trong bản thảo nào đó. Vì tôi không tượng trưng cho một cái gì trong cuốn sách, nên tôi nghĩ rằng bức tranh của tôi sẽ bị đóng đinh trên tường và những người kiểu như bọn ngoại giáo và vô đạo sẽ phủ phục trước tôi để thờ phụng. Cầu mong những đồ đệ của vị Hoja xứ Erzurum không biết được rằng tôi thầm tự hào với ý nghĩ này - nhưng sau đó tôi cảm thấy hết sức sợ hãi và lúng túng cực độ.

3. Lý do chủ yếu cho sự cô đơn của tôi là ở chỗ thậm chí tôi không biết tôi thuộc về nơi đâu. Tôi được dự trù là nằm trong một câu chuyện, nhưng tôi đã rụng khỏi đó như một chiếc lá mùa thu. Hãy để tôi kể cho các vị

chuyện đó.

Rụng khỏi của chuyện của tôi giống như

một chiếc lá rơi và o mùa thu

Cách nay bốn mươi năm, vua Ba Tư Tahmasp, kẻ đại thù của dân Ottoman cũng như của vị vua bảo trợ vĩ đại nhất thế giới cho hội họa, bắt đầu ngày càng lú lẫn và không còn ham thích rượu vang, thơ ca, âm nhạc và hội họa; hơn nữa, ông cũng bỏ uống cà phê, và dĩ nhiên, đầu óc ông ngừng hoạt động. Đây sự nghi ngờ của một lão già mặt dài ngoẵng, lòng dạ đen tối, ông đã dời đô từ Tabriz, lúc đó còn là lãnh thổ Ba Tư, đến Kazvin để lánh xa những đạo quân của người Ottoman. Một ngày kia, khi ông già hơn chút nữa, ông bị một ác thần ám, bị một cơn hoảng loạn, và trong khi cầu xin sự tha thứ của Thượng đế, ông thề sẽ hoàn toàn chừa rượu, bỏ thanh niên đẹp trai và hội họa, vốn là chứng cứ đủ sức cho thấy rằng sau khi đã mất sở thích với cà phê, vị vua Ba Tư vĩ đại này cũng mất cả sự minh mẫn.

Đó là tại sao những người đóng sách, nhà thư pháp, thợ mạ vàng và nhà tiểu họa có thần hứng, những kẻ tạo ra những kiệt tác vĩ đại nhất thế giới suốt một giai đoạn hai mươi năm ở Tabriz, đã bỏ chạy tán loạn như bầy gà gô đến các thành phố khác. Ibrahim Mirza, cháu trai và cũng là con rể của vua Tahmasp, đã mời những người tài hoa nhất trong số họ đến Mashhad, nơi ông giữ chức thống đốc, và cho họ ở trong xưởng tiểu họa của ông để sao chép một bản thảo có minh họa và trang trí rực rỡ tuyệt vời về bảy truyện ngụ ngôn trong thi phẩm Haft Awrang 1 của Jami, nhà thơ vĩ đại ở Herat dưới triều đại Tamerlane. Vua Tahmasp, người vừa ngưỡng mộ vừa ty hiềm với đứa cháu trai thông minh tuần tú của mình và hối hận vì đã gả con gái cho chàng ta, đã héo hon vì ghen tức khi nghe nói về cuốn sách tuyệt mỹ này và giận dữ trục xuất cháu trai ông khỏi chức thống đốc Mashhad, đẩy chàng đến thành phố Kain, sau đó trong một cơn giận dữ khác lại đẩy tiếp chàng đến tận thị trấn Sebzivar. Những người trang trí sách và thư pháp ở Mashhad sau đó phiêu bạt đến những thành phố và khu vực khác, tới các xưởng làm sách nghệ thuật của những vua chúa khác.

Tuy nhiên, kỳ diệu thay, cuốn sách tuyệt vời của vua Ibrahim Mirza đã không bị bỏ dở, vì trong số hầu cận của ông có một thủ thư tận tụy. Người này ngồi trên lưng ngựa suốt con đường đến Shiraz nơi có những thợ mạ vàng tài hoa nhất sinh sống; sau đó ông ta sẽ mang vài trang đến Isfahan tìm những nhà thư pháp tao nhã nhất của hệ chữ Nestalik; sau đó ông băng qua những ngọn núi hùng vĩ để đến được Bukhara ở đó ông đã dàn xếp xây dựng bộ cục bức tranh và nhờ những họa sĩ tài hoa vĩ đại từng làm việc dưới quyền Đại hãn Uzbek vẽ thành hình dáng; kế đến ông xuống miền Herat để đặt một trong những bậc thầy già đã lòa vẽ theo ký ức những đường cong uốn lượn của cây và lá; đến thăm một nhà thư pháp khác ở Herat, ông hướng dẫn nhà thư pháp này khắc dấu hiệu bên trên cánh cửa trong bức tranh bằng kiểu chữ Rika vàng; cuối cùng ông lên đường trở lại miền nam, đến Kain, ở đó ông bày ra nửa trang ông đã hoàn tất sau sáu tháng rong ruổi. Ông nhận được lời khen ngợi của đức ngài Ibrahim Mirza.

Với tốc độ này, rõ ràng cuốn sách sẽ không bao giờ hoàn tất, vì thế nhiều kỹ sĩ liên lạc người Tatar đã được tuyển mộ. Ngoài tờ bản thảo vốn sẽ chứa bài văn được sao chép và tác phẩm nghệ thuật, mỗi kỹ sĩ còn được giao một lá thư gửi cho người nghệ sĩ trong đó mô tả tác phẩm mà người ta mong muốn. Vì vậy những người đưa thư này mang những trang bản thảo đi khắp những con đường trên lãnh thổ Ba Tư, Khorasan, Uzbek và Transoxania. Việc sáng tạo cuốn sách đã tăng tốc cùng với đội quân người đưa thư. Nhiều lần, trong đêm tuyết, trang 59 và 162 chẳng hạn sẽ gặp nhau trong một quán trọ mà ở đó các vị nghe rõ tiếng sói tru, và khi bắt đầu trò chuyện thân tình, họ phát hiện ra rằng họ đang có mặt trong cùng một dự án làm sách và có thể sẽ lấy các trang khác từ phòng của mình ra nhằm thử xác định giữa họ với nhau xem chúng nằm ở đâu và thuộc chuyện ngụ ngôn nào.

Tôi được dự trù sẽ nằm trong những trang của tập bản thảo có minh họa này mà tôi đau buồn nghe tin đã hoàn tất hôm nay. Thật không may, vào một ngày đông lạnh lẽo, tay kỹ sĩ liên lạc người Tatar mang tôi theo đã bị cướp tấn công khi anh ta băng qua một hẻm núi đá. Thoạt tiên chúng đánh đập anh chàng Tatar tội nghiệp, rồi chúng lột sạch hành lý và hãm hiếp anh ta theo kiểu của bọn cướp trước khi giết anh ta một cách tàn nhẫn. Kết quả là tôi

chẳng biết gì về trang giấy mà tôi từ đó rơi ra. Lời thỉnh cầu của tôi là các vị hãy nhìn vào tôi và hỏi: "Có lẽ bạn được dự trù tạo bóng mát cho Mejnun dưới lốt người chần cừu khi chàng đến thăm Leyla trong lều của nàng chẳng?" Hay "Bạn được dự trù sẽ tan vào đêm tối, biểu trưng cho sự đen tối trong tâm hồn của người đàn ông khôn khổ và vô vọng chẳng?" Tôi hẳn đã xiết bao ước muốn được bổ sung cho hạnh phúc của hai kẻ yêu nhau, những kẻ đã chạy trốn cả thế giới, vượt đại dương để tìm sự khuây khỏa trên một đảo đầy chim muông cây trái! Tôi hẳn đã muốn làm bóng mát che cho Alexander vào giây phút cuối đời ông trong chiến dịch chinh phục Hindustan khi ông chết do bị chảy máu cam dai dẳng vì say nắng. Hoặc tôi được dự trù tượng trưng cho sự thông thái và sức mạnh của một người cha đưa ra lời khuyên về tình yêu và cuộc sống cho đứa con trai của ông? A, tôi được dự định tăng thêm ý nghĩa và vẻ duyên dáng cho câu chuyện nào đây?

Trong số những tên cướp đã giết người đưa thư và mang tôi theo chúng, kéo lê đầu tôi chúc xuống qua hết ngọn núi này đến ngọn núi khác, hết thành phố này đến thành phố khác, có một tên đôi khi hiểu được giá trị của tôi và có đủ tinh tế để nhận ra rằng nhìn một bức tranh vẽ cái cây còn dễ chịu hơn nhìn một cái cây, nhưng vì hẳn không biết tôi nằm trong câu chuyện nào nên hẳn nhanh chóng chán tôi. Sau khi lôi tôi hết thành phố này sang thành phố khác, tên vô lại này đã không xé vụn tôi ra hoặc vứt tôi đi như tôi lo ngại, mà bán tôi cho một người có học tại một quán trọ để lấy một bình rượu. Thỉnh thoảng ban đêm người đàn ông nhạy cảm bất hạnh này nhìn tôi dưới ánh nến mà khóc. Cuối cùng ông ta chết vì sầu khổ và người ta bán những của cải của ông ta đi. Nhờ người kể chuyện chuyên nghiệp này chịu mua lại mà tôi đến được Istanbul này. Giờ đây tôi rất hạnh phúc, và lấy làm vinh hạnh được ở đây giữa các vị, những nhà tiểu họa và thư pháp nhạy cảm, tài hoa, có ý chí, tinh mắt và đầy cảm hứng diệu kỳ của Đức vua Ottoman - và lạy Thượng đế tôi van các vị đừng tin những người cho rằng tôi được vẽ vôi trên giấy thô bởi một tay tiểu họa chuyên nghiệp nào đó để làm đạo cụ treo tường.

Nhưng hãy nghe những lời dối trá, vu khống và những điều sai sự thật trơ tráo khác đang lan truyền điều gì kìa! Các vị chắc còn nhớ đêm rồi ông

chủ tôi đã đóng đinh treo bức tranh vẽ một con chó lên bức tường này và kể lại những cuộc phiêu lưu của con vật ngu xuẩn đó như thế nào; và đồng thời ông ta kể về những cuộc phiêu lưu của vị Husret Hoja xứ Erzurum ra sao mà! Hiện giờ, những kẻ sùng bái ngài Nusret Hoja vinh quang đã hiểu sai câu chuyện này hoàn toàn; họ nghĩ ông ta là mục tiêu câu chuyện kể của chúng tôi. Có chắc là chúng tôi đã nói rằng nhà thuyết giáo vĩ đại, Đức thầy đáng kính ấy, có gốc gác bất minh chẳng? Cầu Thượng đế tha thứ! Điều đó thậm chí còn nảy ra trong đầu chúng tôi nữa sao? Quả là chuyện ác ý, quả là một lời dối trá trơ trẽn! Rõ ràng, Husret xứ Erzurum đã bị nhầm với Nusret xứ Erzurum, vì vậy hãy cho phép tôi tiếp tục kể cho các vị nghe câu chuyện về Nedret Hoja mắt lác xứ Sivas và cái Cây.

Ngoài việc lên án hành động quỳ rũ những cậu bé đẹp trai và nghệ thuật hội họa, Nedret Hoja mắt lác xứ Sivas này còn một mục cho rằng cà phê là sản phẩm của Quỷ sứ và bọn uống cà phê sẽ xuống Hỏa ngục hết. Nay, các vị xứ Sivas, các vị có quên chuyện nhánh cây khổng lồ này của tôi đã bị uốn cong như thế nào không? Hãy để tôi kể các vị nghe vụ này, nhưng rồi các vị phải thề là không kể lại với bất cứ ai, và cầu xin thánh Allah che chở các vị khỏi lời vu khống vô căn cứ. Một sáng, tôi thức dậy thì thấy một gã khổng lồ - Cầu Thượng đế che chở hấn ta, hấn cao như cái tháp với bàn tay giống như móng vuốt sư tử - đã leo lên cành này của tôi và nấp trong đám lá um tùm cùng vị Hoja đã đề cập ở trên và, xin thứ lỗi cho cách diễn đạt này, họ hì hục giống như lũ chó động tình. Trong khi gã khổng lồ, kẻ mà về sau tôi nhận ra chính là Quỷ sứ, chú tâm vào công việc của hấn với nhân vật chính của chúng ta, hấn mê đắm hôn tai ông ta và thì thào vào đó, "Cà phê là một thứ tội lỗi, cà phê là thứ đòi bại..." Vì vậy những ai tin vào ảnh hưởng tai hại của cà phê không phải họ tin vào những điều răn từ đạo giáo tốt lành của chúng ta, mà tin vào chính Quỷ sứ. Và cuối cùng tôi sẽ đề cập đến những họa sĩ Tây vực, vì vậy nếu có bất cứ kẻ suy đồi nào trong số các vị từng có kỳ vọng được giống họ, cầu mong các vị lưu ý đến lời cảnh báo của tôi và có người ngăn cản các vị. Giờ những họa sĩ Tây vực này vẽ lại khuôn mặt của vua, linh mục, nhà quý tộc, thậm chí cả phụ nữ theo một cách mà sau khi nhìn bức chân dung các vị có thể nhận ra người đó trên đường phố. Những người vợ của họ vẫn tự do lang thang trên các con đường - bây

giờ, hãy tưởng tượng phần còn lại. Cứ như làm vậy vẫn chưa đủ, họ còn đưa vấn đề đi xa hơn. Tôi không có ý muốn nói về mặt đất khách, mà về mặt vẽ tranh.

Một tay tiểu họa chuyên nghiệp châu Âu và một họa sĩ bậc thầy vĩ đại khác đang đi qua một đồng cỏ Tây vực và thảo luận về sự điều luyện và nghệ thuật. Trong khi họ tản bộ, một khu rừng hiện ra trước mắt họ. Người tài hoa nhất trong hai người nói với người kia: "Việc vẽ theo phong cách mới đòi hỏi nhiều tài năng đến độ nếu anh vẽ một trong những cái cây của khu rừng này, một người đã nhìn bức tranh đó có thể đến đây, và nếu đủ lòng mong muốn, anh ta có thể chỉ ra đúng cây đó giữa những cây khác." Tôi cảm ơn thánh Allah rằng tôi, một cái cây tầm thường trước mặt các vị, đã không bị vẽ với ý định như thế. Và không phải vì tôi sợ nếu mình được vẽ theo cách như vậy thì tất cả chó ở Istanbul sẽ cho rằng tôi là cái cây thật và đá vào tôi. Tôi không muốn là một cái cây, tôi muốn là ý nghĩa của nó.

1 Bảy ngai vàng.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 11: Tôi Được Gọi Là Siyah

Tuyết bắt đầu rơi lúc khuya và tiếp tục cho đến sáng. Tôi đã bỏ cả đêm đọc đi đọc lại lá thư của Shekure. Tôi đi tới đi lui trong căn phòng trống trơn của ngôi nhà trống trơn, thỉnh thoảng nghiêng về phía giá nến; trong ánh sáng lập lờ của ngọn nến tù mù, tôi quan sát nét chữ run run giận dữ của người tôi yêu dấu, những cú nhào lộn âm mưu đánh lừa tôi và chuỗi lắc hông từ phải qua trái của chúng. Bất ngờ, những cánh cửa rèm ấy mở ra trước mắt tôi và khuôn mặt người tôi yêu dấu cùng nụ cười muộn phiền của nàng xuất hiện. Và khi tôi thấy khuôn mặt thật của nàng, tôi quên tất cả khuôn mặt khác với những cái miệng anh đào chua đã ngày càng chín muồi trong trí tưởng tượng của tôi.

T

Lúc nửa đêm, tôi chìm trong những giấc mơ hôn nhân: Tôi tin chắc vào tình yêu của mình hoặc tin chắc rằng nó được đáp trả - chúng tôi cưới nhau trong trạng thái cực kỳ mãn nguyện - những, niềm hạnh phúc tưởng tượng của tôi trong bối cảnh một ngôi nhà có cầu thang, đã tan tành khi tôi không thể tìm được công việc thích hợp và bắt đầu gây gổ với vợ tôi, không thể làm cho nàng quan tâm đến lời nói của tôi.

Tôi biết tôi có được những hình ảnh mang điềm gở này từ đoạn nói về những bất hạnh trong hôn nhân trong Ihya Ulum al- Din 1 của Gazzali mà tôi đã đọc trong những đêm sống độc thân ở Ả Rập; đồng thời tôi nhớ lại rằng trong chính đoạn đó lại có lời khuyên về những ích lợi của hôn nhân, dù bây giờ tôi chỉ có thể nhớ hai trong số đó: trước tiên là mọi thứ trong nhà được giữ ngăn nắp (không hề có sự ngăn nắp như thế trong ngôi nhà tưởng tượng của tôi); thứ hai, tránh được tội thủ dâm và tội lê bước - một cảm giác tội lỗi thậm chí còn sâu hơn - theo sau những tên ma cô dắt tôi đi qua những ngõ hẻm tối tăm đến chỗ ở của bọn gái điếm.

Ý tưởng về sự cứu rỗi linh hồn vào lúc khuya khoắt này đã khiến tôi nghĩ đến chuyện thủ dâm. Với một sự khao khát chất phác, và để đầu óc thoát khỏi nỗi thôi thúc không thể chống lại này, tôi rút về một góc phòng, như thói quen, nhưng một lát sau tôi nhận ra rằng mình không thể thủ dâm - chứng cứ rõ ràng rằng tôi lại vướng vào tình yêu lần nữa sau mười hai năm!

Điều này khiến tôi quá kích động và sợ hãi đến độ tôi đi loanh quanh trong phòng gần như run lên như ngọn lửa của cây nến. Nếu Shekure cố ý xuất hiện nơi cửa sổ, vậy tại sao lá thư này lại đem cho tôi một niềm tin trái ngược hẳn? Tại sao cha nàng gọi tôi đến? Khi tôi bước đi, tôi có cảm giác rằng cánh cửa, bức tường và sàn nhà ọp ẹp đang cố cọt két lên để trả lời từng câu hỏi của tôi.

Tôi nhìn bức tranh mình vẽ cách nay nhiều năm tả nàng Shirin bị cú sét ái tình khi nhìn hình chàng Husrev treo trên cành cây. Nó không khiến tôi lúng túng như mỗi lần hiện ra trong đầu tôi vào những năm sau này, cũng không đưa tôi trở về những ký ức êm đềm thời niên thiếu. Đến sáng đầu óc tôi đã nắm vững tình hình: Với việc trả lại bức tranh, Shekure đã đi một nước trong ván cờ tình ái mà nàng đã khéo léo nhử tôi vào. Tôi ngồi trong ánh nến viết thư trả lời nàng.

Buổi sáng, sau khi ngủ một lát, tôi rời nhà đi bộ dọc trên đường qua các con phố, nhét lá thư trong ngực và hộp đựng bút mực của tôi, theo thói quen, trong khăn quàng vai. Tuyệt làm rộng những con đường hẹp ở Istanbul và khiến cho thành phố bớt đi những đám đông. Mọi thứ đều yên tĩnh và trầm lắng lại, như hồi tôi còn trẻ. Lũ quạ có vẻ như ngập đầy các mái nhà, những mái vòm và khu vườn Istanbul như đã từng ngập đầy như thế vào những ngày đông tuyết giá hồi tôi còn trẻ. Tôi bước nhanh, lắng nghe tiếng bước chân tôi trên tuyết và nhìn đám sương từ hơi thở của tôi. Tôi càng lúc càng kích động, và mong xường làm việc trong cung điện mà Enishte của tôi muốn tôi đến thăm cũng yên lặng như các con phố này. Trước khi bước vào khu Do Thái, tôi nhờ một thằng nhóc đường phố nhắn cho Esther, kẻ có thể giao lá thư của tôi đến Shekure, biết chỗ có thể gặp tôi sau buổi cầu kinh trưa.

Tôi đến xưởng thủ công hoàng gia nằm sau Hagia Sophia khá sớm. Ngoài những nhũ băng thò xuống từ mái hiên thì chẳng có thay đổi gì ở tòa nhà nơi tôi thường đến thăm Enishte của tôi và từng lao động hồi còn học việc.

Theo chân một thợ học việc trẻ đẹp trai, tôi đi qua những thợ đóng sách già nua, bị choáng vì mùi keo và mùi hồ của thợ đóng sách, những nhà tiểu họa lưng đã sớm còng và những thanh niên đang trộn thuốc màu mà thậm chí không nhìn vào những chiếc tô đặt trên đầu gối họ, họ bị ánh lửa trong bếp lò thu hút một cách quá đỗi buồn phiền. Trong một góc, tôi thấy một ông già đang tỉ mỉ sơn một quả trứng đà điều đặt trên đui, một ông già khác say mê tô điểm một ngăn kéo và một thợ học việc trẻ thán phục nhìn cả hai người. Qua một cánh cửa mở, tôi chứng kiến những học trò trẻ đang bị quở trách trong khi chúng chồm tới trước, mũi hầu như chạm vào những tờ giấy trải trước khuôn mặt đỏ lựng, trong khi chúng cố hiểu những lỗi lầm mình phạm phải. Trong một phòng khác, một thợ học việc râu rĩ ủ ê, nhất thời quên hết màu sắc, giấy và việc vẽ, dăm dăm nhìn con đường mà từ đó tôi vừa hăm hở bước vào.

Chúng tôi leo lên cầu thang lạnh giá. Chúng tôi đi dọc hàng cột chạy quanh phía trong tầng hai của tòa nhà. Bên dưới, ở sân trong phủ đầy tuyết, hai học trò trẻ, rõ ràng đang run rẩy vì lạnh dù chúng mặc áo khoác bằng len thô dày, đang chờ - có lẽ là chờ một trận đòn sắp đến. Tôi nhớ thời trẻ của tôi và những trận đòn dành cho những học trò lười biếng hoặc lãng phí thuốc màu đắt tiền, và những cú roi buốt óc, đánh vào gan bàn chân cho đến khi chảy máu.

Chúng tôi bước vào một căn phòng âm cúng. Tôi thấy hai thợ mới vào nghề vừa hoàn tất giai đoạn học việc. Vì những thợ cả những kẻ được Su phụ Osman đặt cho nghệ danh riêng, hiện làm việc tại nhà nên căn phòng này, từng khơi dậy lòng kính trọng sâu sắc và niềm vui sướng trong tôi, nay không còn có vẻ giống xưởng làm việc của một vị vua giàu có và vĩ đại mà chỉ còn là một căn phòng lớn trong một quán trọ hẻo lánh nào đó ở vùng núi phương Đông xa xôi.

Ngay đằng kia bên vách, trước một cái quầy dài, tôi thấy Trưởng ban Trang trí, Sư phụ Osman, lần đầu trong mười lăm năm qua. Ông có vẻ giống một hồn ma. Mỗi khi ngẫm nghĩ chuyện minh họa và vẽ tranh trong những cuộc hành trình của mình, bậc thầy vĩ đại này thường hiện ra trong tâm trí tôi như thể ông chính là Bihzad; nay trong bộ áo choàng trắng và trong ánh sáng trắng như tuyết chiếu qua khung cửa sổ đối diện với Hagia Sophia, trông như thể từ lâu ông đã trở thành một trong những linh hồn của Thế giới bên kia. Tôi hôn tay ông, mà tôi nhận thấy đã trở đời mới, và tôi tự giới thiệu mình. Tôi giải thích rằng hồi nhỏ Enishte của tôi đã gửi tôi đến đây học, nhưng tôi thích công việc bàn giấy hơn nên đã ra đi. Tôi kể lại những năm tháng rong ruổi trên đường, thời gian tôi sống ở các thành phố phương Đông làm thư ký cho các tổng trấn hoặc nhân viên cho người quản lý ngân khố. Tôi nói với ông rằng, khi làm việc với Tổng trấn Serhat và những người khác, tôi đã gặp những nhà thư pháp và trang trí ở Tabriz và làm ra những cuốn sách như thế nào; tôi đã sống ở Baghdad và Aleppo, ở Van và Tiflis, và tôi đã chứng kiến nhiều cuộc chiến.

"A. Tiflis!" bậc thầy vĩ đại đó nói, trong khi nhìn ánh sáng từ khu vườn tuyết phủ len qua lớp vải dầu che cửa sổ. "Tuyết đang rơi ngoài đó hả?" Cung cách của ông thích hợp với những bậc thầy già Ba Tư vốn lòa dần đi trong khi hoàn thiện nghệ thuật của họ; những người mà, sau một tuổi nào đó, sống cuộc đời nửa thần thánh nửa lú lẫn, và những truyền thuyết vô tận vẫn được kể về họ. Tôi lập tức thấy trong đôi mắt như âm hồn của ông rằng ông hết sức khinh thường Enishte của tôi và hơn nữa ông còn nghi ngờ cả tôi. Dù vậy tôi vẫn giải thích rằng ở những sa mạc Ả Rập tuyết không chỉ rơi xuống đất, như nó đang rơi xuống Hagia Sophia này, mà nó cũng rơi vào ký ức nữa. Tôi thêm dặt: Khi tuyết rơi trên pháo đài Tinis, những phụ nữ giặt quần áo hát những bài hát về màu sắc của hoa và trẻ em giấu kem dưới gói để dành cho mùa hè.

"Hãy cho ta biết những nhà trang trí và họa sĩ vẽ những gì ở những quốc gia anh từng ghé qua," ông nói. "Họ vẽ cái gì?"

Một họa sĩ trẻ có đôi mắt mơ màng đang lựa các trang trong góc, chìm

trong mộng mơ, ngẩng đầu lên khỏi bàn làm việc cùng những người khác trong phòng và nhìn tôi như ngụ ý. "Mong đây là câu trả lời trung thực nhất của anh." Nhiều người trong số thợ thủ công này không biết đến người chủ tiệm tạp hóa ngay góc phố của họ hoặc một cân bánh mì giá bao nhiêu, nhưng họ rất tò mò về tin đồn mới nhất ở Đông Ba Tư, nơi các đội quân đánh nhau, các ông hoàng siết cổ nhau và cướp bóc thành phố trước khi đốt chúng thành bình địa, nơi chiến tranh và hòa bình đổi chọi nhau mỗi ngày, nơi những vần thơ hay nhất được sáng tác và những tranh minh họa cùng những bức tranh đẹp nhất được làm ra suốt bao thế kỷ.

"Quốc vương Tahmasp trị vì năm mươi hai năm. Trong những năm cuối đời, như quý vị biết, ông đã từ bỏ tình yêu sách vở, việc minh họa và vẽ tranh, quay lưng lại với các nhà thơ, nhà minh họa và thư pháp, và rút mình vào việc thờ phượng, nay ông đã qua đời, và rồi Ismail, con trai ông kế vị ngai vàng," tôi nói. "Quốc vương Tahmasp hiểu rõ bản chất thù địch và khó chịu của con trai ông, vì thế ông đã giữ con trai ông, người sẽ là vua tương lai, trong cảnh kín cổng cao tường suốt hai mươi năm. Ngay khi Ismail kế vị ngai vàng, trong một cơn điên cuồng, ông đã cho thắt cổ những em trai của mình - một số trước đó còn bị ông chọc mù mắt. Tuy nhiên, cuối cùng những kẻ thù của Ismail cũng thành công trong việc dụ ông hút thuốc phiện và đầu độc ông, và sau khi thoát được sự hiện diện cụ thể của ông ta, họ đưa người anh trai dờ hơi Muhammad Khodabandeh của ông lên ngai vàng. Trong triều đại của ông này, mọi ông hoàng, anh em, các tổng đốc và người Uzbek, tóm lại là mọi nguồn đã bắt đầu nổi loạn. Họ săn đuổi nhau và săn đuổi Tổng trấn Serhat một cách hung bạo đến độ cả xứ Ba Tư hóa thành tro bụi và chìm trong hỗn loạn. Thực tế quốc vương hiện tại hoàn toàn không có tiền bạc và trí thông minh và gần như mù, không có khả năng tài trợ cho việc sáng tác cùng minh họa những bản thảo có trang trí. Vì vậy những nhà minh họa huyền thoại của Kazvin và Herat này, tất cả những bậc thầy lão thành này, cùng với thợ học việc của họ, những nghệ sĩ từng tạo ra những kiệt tác trong các xưởng làm việc của Quốc vương Tahmasp, những họa sĩ và người tô màu mà chiếc cọ của họ đã làm cho những con ngựa chồm ra phi nước đại và những con bướm của họ vỗ cánh khỏi trang giấy, tất cả những thợ đóng sách và nhà thư pháp bậc thầy, thầy đều bị bỏ mặc không công việc không một

xu, túng thiếu, không nhà cửa và trợ trợ. Một số di tản đến miền Bắc sống chung với người Uzbek, một số về phía Tây đến Ấn Độ. Một số khác nhận làm những công việc khác, lãng phí tài năng và thanh danh họ, một số khác còn phục vụ cho những ông hoàng và tổng đốc tầm thường, tất cả là kẻ thù không đội trời chung của nhau, để bắt đầu làm những cuốn sách cỡ lòng bàn tay chỉ có vài tờ minh họa. Được viết nhanh, vẽ vội, những cuốn sách rẻ tiền này xuất hiện khắp nơi, phù hợp với thị hiếu của binh lính, những tổng trấn thô lỗ và những ông hoàng hư hỏng."

"Họ đòi giá bao nhiêu?" Thầy Osman hỏi.

"Tôi nghe rằng Sadiki Bey vĩ đại đã minh họa một bản Những sinh vật lạ, do một lính kỵ binh Uzbek đặt làm, với giá có năm mươi đồng vàng. Trong lều của một tổng trấn tầm thường vừa từ một chiến dịch miền Đông về đến Erzurum, tôi thấy một tập gồm toàn hình ảnh đậm dục trong đó có những bức tranh của họa sĩ bậc thầy Siyavush. Vài bậc thầy vĩ đại chưa bỏ nghề minh họa thì đang làm và bán những bức tranh lẻ không nằm trong bất cứ câu chuyện nào cả. Nghiên cứu những tờ tranh lẻ như thế, ngài không thể nói nó mô tả cho cảnh nào hoặc câu chuyện nào; ngài chỉ có thể ngưỡng mộ nó vì chính nó, vì niềm vui của việc ngắm nhìn mà thôi. Chẳng hạn, ngài có thể bình luận, "Bức này giống chính xác một con ngựa, nó đẹp làm sao," và ngài sẽ trả công cho người nghệ sĩ trên cơ sở đó. Những cảnh chiến trận hoặc làm tình thật phổ biến. Giá trả cho một trận đánh loạn xạ đã xuống còn ba trăm đồng bạc, và hầu như không có khách hàng nào quan tâm. Để bán được những bức tranh giá rẻ và để thu hút người mua hơn, một số bức chỉ được vẽ bằng mực đen trên loại giấy không keo, chưa hoàn chỉnh mà không có một nét cọ màu nào."

"Có một thợ mạ vàng của ta rất ư phải lễ và tài năng hết mực," Thầy Osman nói. "Anh ta coi sóc công việc của mình với vẻ tao nhã đến độ chúng ta gọi anh ta là "Zarif Kính mến". Nhưng anh ta đã bỏ chúng ta. Đã sáu ngày rồi mà người ta không thấy anh ta đâu cả. Anh ta đơn giản là biến mất."

"Sao lại có người có thể từ bỏ một xưởng làm việc, một tổ ấm hạnh phúc

như thế này được nhỉ?" Tôi nói.

"Kelebek, Zeytin, Leylek và Zarif, bốn thợ cả trẻ tuổi giỏi giang mà ta đã huấn luyện từ khi họ là thợ học việc, nay làm việc tại nhà theo lệnh của Đức vua", Thầy Osman nói.

Việc này rõ ràng là để họ có thể làm việc thoải mái hơn cho cuốn Sur-nama vốn là công trình mà cả xưởng đều tham gia. Lần này Đức vua đã không chuẩn bị một chỗ làm việc đặc biệt cho những nhà tiểu họa bậc thầy của Ngài trong sân của cung điện; thay vào đó Ngài truyền lệnh họ làm việc cho cuốn sách đặc biệt này tại nhà. Khi nhận ra rằng chắc chắn lệnh này được ban hành cho chính cuốn sách mà Enishte của tôi đang làm, tôi cảm bật. Thầy Osman muốn nói bóng gió gì ở đây?

"Nuri Kính mến," ông gọi một họa sĩ nhợt nhạt lom khom, "dẫn Thầy Siyah của chúng ta "quan sát" xưởng làm việc đi!"

"Quan sát" là một nghi thức thường lệ trong những cuộc viếng thăm hai tháng một lần của Đức vua tại nơi làm việc của các nhà tiểu họa trong suốt quãng thời gian sôi nổi khi Đức vua muốn theo dõi sát những gì diễn ra tại xưởng làm việc. Với sự trợ giúp của Hazim, Trưởng Ngân khố; Lokman, Trưởng Biên niên sử quan, và Sư phụ Osman, Trưởng ban Trang trí, Đức vua sẽ được báo cáo về việc tại thời điểm bất kỳ nào đó các bậc thầy này đang làm việc với trang nào trong cuốn sách nào, ai mạ vàng bức tranh nào, ai tô màu bức tranh nào, và từng người một, các thợ tô màu, người xếp trang, thợ mạ vàng và những nhà tiểu họa bậc thầy, mà tài năng của họ cho phép họ hoàn thành những điều kỳ diệu, đã tham gia công việc thế nào. Tôi thấy buồn rằng họ vẫn giữ một nghi lễ giả tạo thay cho cái nghi lễ mà nay không còn được thực hiện nữa vì tuổi tác và bệnh tật đã buộc Trưởng Biên niên sử quan Lokman Kính mến. người đã viết hầu hết những cuốn sách được minh họa, phải nằm liệt ở nhà; bởi Thầy Osman thường biến mất trong sự phẫn nộ và giận dữ; bởi bốn thợ cả bậc thầy có tên Kelebek, Zeytin, Leylek và Zarif đều làm việc tại nhà; và bởi Đức vua không còn tràn đầy nhiệt tình giống như đứa trẻ trong xưởng làm việc nữa. Như đã xảy ra với nhiều nhà tiểu họa,

Nuri Kính mền ngày càng già đi một cách vô ích, không được trải nghiệm cuộc sống đầy đủ hoặc trở thành một bậc thầy trong nghệ thuật của mình. Tuy nhiên không vô ích nếu ông ta dành những năm tháng đó trên bàn làm việc để lưng trở nên cong: ông ta luôn chú tâm tới những gì đang xảy ra trong xưởng làm việc, tới việc người nào đang làm trang tuyệt mỹ nào.

Và tôi cũng hăm hờ ngắm nghía lần đầu tiên những trang huyền thoại của cuốn Sur-nama, vốn kể lại những nghi lễ cắt bì cho vị hoàng tử của Đức vua. Khi còn ở Ba Tư, tôi đã nghe những câu chuyện về lễ cắt bì kéo dài năm mươi hai ngày này trong đó người dân thuộc mọi ngành nghề, mọi phường hội, cả Istanbul, đều tham dự, thực sự vào thời điểm khi cuốn sách ghi nhớ sự kiện vĩ đại này đang được chuẩn bị.

Trong bức tranh đầu tiên đặt trước mặt tôi, lấy bối cảnh khu đất được rào cẩn thận của hoàng gia trong lâu đài của Ibrahim Pasha quá cố, Đức vua, Người che chở thế giới này, đang nhìn chăm chú những lễ hội ở khu hí trường bên dưới với vẻ hài lòng. Khuôn mặt Ngài, thậm chí dù không quá chi tiết đến độ cho phép người ta phân biệt Ngài với người khác chỉ bằng những nét đặc trưng, đã được vẽ một cách khéo léo và với lòng kính trọng sâu sắc. Về bên phải của bức tranh tờ đôi mà trong đó Đức vua được thể hiện ở bên trái có những tể tướng, tổng trấn, các sứ thần Ba Tư, Tatar, Tây vực và Venice đứng dưới những mái che và cửa sổ. Bởi vì họ không phải những quốc vương, nên đôi mắt họ được vẽ một cách vội vàng cẩu thả và không tập trung vào cái gì đặc biệt ngoài cảnh náo nhiệt trên quảng trường đó. Sau này, trong những bức tranh khác, tôi nhận thấy sự sắp xếp và bố cục trang giống nhu vậy được lặp lại cho dù hoa văn trang trí bức tường cây cối và những viên đá màu đất nung được vẽ theo những phong cách và màu sắc khác nhau. Một khi những người sao chép đã viết ra phần chữ rồi, những tranh minh họa đã hoàn tất và cuốn sách đã được đóng gáy rồi thì người đọc, khi giở từng trang, sẽ thấy mỗi lần một hoạt động hoàn toàn khác nhau trong những màu sắc hoàn toàn khác nhau tại hí trường vốn vẫn nằm dưới cái nhìn chăm chú đó của Đức vua và đám khách của Ngài - những người luôn đứng y hệt như vậy, mãi mãi nhìn vào cùng một khu vực bên dưới.

Ở đó ngay trước mắt, tôi thấy người ta đang tranh giành nhau hàng trăm tô cơm trộn được đặt trong Hippodrome; tôi thấy những con thỏ và chim còn sống vọt ra từ chỗ con bò quay và làm đám đông đang lao vào đó phải giật mình. Tôi thấy một đám những người thợ cả gò đồng đang ngồi trên một chiếc xe ngựa trước Đức vua, những thành viên trong đó đang nện vào miếng đồng nhưng không bao giờ chạm tới người đang nằm trên xe với chiếc đe đặt ngang trên tấm ngực trần. Tôi thấy những thợ lắp kính đang trang trí kính bằng hoa cẩm chướng và cây bách trong khi họ điều hành trước Đức vua trên một cỗ xe, những thợ làm bánh kẹo đang đọc to những bài thơ ngọt ngào trong khi cưỡi bọn lạc đà chất đầy những túi đường và bày ra những chiếc lồng chứa những con vẹt làm bằng đường; và những thợ khóa già khoe khoang nhiều loại khóa treo, khóa móc, then cửa, khóa bánh răng trong khi than vãn về những tệ nạn của thời đại mới và những cánh cửa mới. Kelchek, Zeytin, Leylek đã làm những bức tranh vẽ những nhà ảo thuật: Một trong số họ đang làm những quả trứng lăn xuống theo một cây cọc mà không rơi xuống - như thể trên một phiến đá rộng - theo nhịp trống lục lạc do một người khác gõ.

Trong một cỗ xe khác tôi thấy rõ Tổng trấn Thuyền trưởng Kilic Ali đang buộc những kẻ ngoại đạo bị ông bắt giữ ngoài biển làm một "ngọn núi của bọn ngoại đạo" bằng đất sét; sau đó ông chắt tất cả nô lệ lên cỗ xe, và khi đến ngay trước mặt Đức vua, ông ta cho châm ngòi mớ thuốc nổ trong "ngọn núi" đó để chứng minh ông đã biến đất đai của bọn ngoại đạo thành tiếng than khóc và rên rỉ bằng đạn đại bác như thế nào. Tôi thấy những tay đồ tể nhẵn nhụi mặc đồng phục đỏ tía cầm và sử dụng dao phay, cười với những xác cừu đỏ hồng đã cạo sạch lông treo trên móc. Khán giả vỗ tay ủng hộ những người dạy sư tử đang dắt một con sư tử bị xích đến trước mặt Đức vua, khiêu khích và chọc giận nó cho đến khi đôi mắt nó hằn tia máu giận dữ; và ở trang kế tiếp, tôi thấy con sư tử, tiêu biểu cho khối Hồi giáo, đuổi theo một con lợn hồng xám, biểu tượng cho bọn ngoại đạo Thiên chúa giáo xảo quyệt. Tôi ngắm nhìn thỏa thuê một bức tranh vẽ một thợ cắt tóc vừa treo mình lộn ngược trên trần một cửa hàng dựng trên một chiếc xe vừa cạo cho một khách hàng trong khi người phụ tá của ông ta, mặc đồ đỏ, cầm gương và một chiếc thau bằng bạc chứa xà phòng thơm, chờ lấy tiền công;

tôi dò hỏi về lai lịch của nhà tiểu họa phi thường chịu trách nhiệm về bức tranh này.

"Điều thực sự quan trọng là ở chỗ một bức tranh, qua vẻ đẹp của nó, hướng chúng ta đến sự sung mãn của cuộc sống, đến lòng cảm thông, lòng tôn trọng đối với những màu sắc của thế giới mà Thượng đế đã tạo ra, và đến sự chiêm nghiệm và đức tin. Lai lịch của nhà tiểu họa là không quan trọng."

Có phải Nuri nhà tiểu họa, người rất tinh tế trong ý nghĩ nhiều hơn tôi tưởng, trở nên dè dặt vì ông ta hiểu rằng Enishte của tôi phái tôi đến đây để điều tra, hay ông ta chỉ lặp lại như vệt lờ của Sư phụ Osman Trưởng ban Trang trí?

Có phải Zarif là người chịu trách nhiệm toàn bộ việc mạ vàng này không?" Tôi hỏi. "Hiện giờ ai làm công việc này thay anh ta?"

Giờ thì có thể nghe thấy những tiếng la rú của bọn trẻ qua cánh cửa mở ra sân trong. Bên dưới, một trong những người đứng đầu nhóm đang cho đánh roi vào gan bàn chân những thợ học việc chắc đã bị bắt quả tang giấu bột mực đỏ trong túi hoặc miếng vàng trong một cuộn giấy; có lẽ chính là hai đứa mà ban nãy tôi thấy đang run rẩy chờ đợi trong cái lạnh giá này. Những họa sĩ trẻ chộp lấy cơ hội để chế giễu chúng, liền chạy đến cửa nhìn.

"Vào thời điểm các thợ học việc tô nền của Hí trường đây bằng màu hồng, hoàn tất nó như Thầy Osman đã ra lệnh," Nuri Kính mến nói một cách cẩn trọng. "người anh em Zarif Kính mến của chúng tôi chắc sẽ trở về từ chỗ nào đó anh ta đã tới và sẽ hoàn tất việc mạ vàng trên hai trang này. Thầy của chúng tôi, nhà tiểu họa Osman, muốn Zarif Kính mến tô màu sàn nhà bản thủ của Hí trường mỗi cảnh một khác đi. Màu hồng phấn, xanh Ấn, vàng nghệ hoặc màu cứt ngỗng. Bất cứ ai nhìn bức tranh cũng sẽ nhận ra trong bức tranh đầu rằng đây là một quảng trường bản thủ và phải có màu đất, nhưng trong bức tranh thứ hai và thứ ba, ông muốn màu khác để làm ông vui mắt. Việc tô điểm phải mang đến niềm vui cho mỗi trang."

Tôi để ý một số tranh trên tờ giấy mà một người phụ tá để lại trong góc

phòng. Anh ta đang làm bức tranh khổ một tờ cho cuốn Zafernameh 2, mô tả một hạm đội hải quân đang lên đường vào trận đánh, nhưng rõ ràng là tiếng rú của những người bạn anh ta đang bị đánh vào gan bàn chân đã kích thích tay minh họa này bỏ công việc chạy đi xem. Cái hạm đội được anh ta làm bằng cách vẽ lặp đi lặp lại các con tàu y hệt nhau với một kiểu hình khối thậm chí không có vẻ gì là nổi được trên biển; nhưng, sự giả tạo này, không có gió trên cánh buồm, là do sự thiếu vắng kỹ năng ở người họa sĩ hơn là do kiểu dáng hình khối. Tôi buồn rầu thấy rằng kiểu dáng này đã được cắt ra thô bạo từ một cuốn sách cũ mà tôi không thể nhớ tên, có lẽ là một tập tranh cắt dán. Rõ ràng Sư phụ Osman đã bỏ qua quá nhiều.

Khi chúng tôi đến bàn làm việc riêng của ông ta, Nuri Kính mến tự hào tuyên bố rằng ông ta đã hoàn thành một phù hiệu hoàng gia mạ vàng cho Đức vua; ông ta đã làm nó trong ba tuần. Tôi thật lòng thán phục phù hiệu và họa tiết dát vàng của Nuri Kính mến, vốn được làm trên một tờ giấy trắng để bảo đảm rằng người nhận nó và lý do gửi nó đi sẽ vẫn nằm trong vòng bí mật. Tôi biết rõ rằng nhiều tổng trấn bóc đồng ở phương Đông đã không dám nổi loạn khi nhìn thấy vẻ tráng lệ quý phái và mạnh mẽ trong phù hiệu của Đức vua.

Kế đến, chúng tôi thấy những kiệt tác mới đây nhất mà nhà thư pháp Jemal đã chép tay, hoàn tất và để lại; nhưng chúng tôi vội vã lướt qua chúng để tránh tin vào những kẻ chống đối màu sắc và việc trang trí vốn cho rằng nghệ thuật thật sự chỉ bao gồm việc viết thư pháp, và việc trang trí màu sắc cho đẹp mắt hơn chẳng qua chỉ là một biện pháp thứ yếu để nhấn mạnh thêm.

Nasir Họa sĩ đang bày ra một tấm tranh minh họa lộn xộn mà anh ta có ý định sửa chữa từ một phiên bản Khamse 3 của Nizami có niên đại từ thời các con trai của Tamerlane; bức tranh mô tả Husrev đang nhìn Shirin trần truồng khi nàng tắm.

Một người nguyên là thợ cả chín mươi hai tuổi, đã gần như mù và chẳng có gì để nói ngoài việc khẳng định rằng sáu mươi năm trước ông đã hôn tay

Sư phụ Bizhad ở Tabriz và lúc đó bậc thầy huyền thoại vĩ đại đã mù và say khướt, với đôi bàn tay run rẩy đã chỉ cho chúng tôi nét họa tiết trang trí trên hộp đựng viết mà ông sẽ tặng như một món quà ngày lễ cho Đức vua khi nó được hoàn thành sau ba tháng nữa.

Một khoảng im lặng ngăn bao trùm toàn bộ xưởng làm việc nơi có gần tám mươi họa sĩ, học trò và thợ học nghề đang làm việc trong những ngăn nhỏ ở tầng dưới. Đây là khoảng im lặng sau lúc đánh đòn, tôi đã nhiều lần trải qua những khoảng lặng tương tự; một sự im lặng có lúc bị phá vỡ bởi tiếng cười cố nén hoặc một lời nhận xét hóm hỉnh, có lúc bởi vài tiếng thốt thức hoặc tiếng rên rỉ cố nén của cậu trai bị đòn trước khi cơn khóc của cậu gọi cho những nhà tiểu họa đã thành nghề nhớ lại những trận đòn chính họ từng phải chịu khi còn là thợ học việc. Nhưng vị thầy chín mươi hai tuổi gần như mù này đã khiến tôi cảm nhận một điều gì đó sâu sắc hơn trong thoáng chốc, ở đây, xa khỏi mọi trận đánh và sự náo loạn: cảm giác rằng mọi thứ đang đến hồi kết thúc. Ngay trước ngày tận thế, cũng sẽ có một sự im lặng như thế này.

Việc vẽ tranh là sự im lặng của tư tưởng và âm nhạc của thị giác.

Khi tôi hôn tay Sư phụ Osman để tạm biệt, tôi cảm thấy không chỉ lòng kính trọng sâu sắc đối với ông mà còn cả một tình cảm khiến linh hồn tôi xáo động: lòng thương hại pha lẫn sùng kính dành cho một vị thánh, một cảm giác phạm tội lạ kỳ. Điều này có lẽ bởi vì Enishte của tôi - người muốn các họa sĩ, dù công khai hay bí mật, hãy bắt chước những phương pháp của các bậc thầy Tây vực - là đối thủ của ông.

Bất chợt tôi cũng cảm thấy rằng có lẽ đây là lần cuối tôi gặp được vị thầy vĩ đại này còn sống, và trong trạng thái bối rối muốn làm vui lòng và cổ vũ thầy, tôi đã hỏi một câu:

"Thưa thầy đáng kính, điều gì phân biệt nhà tiểu họa đích thực với nhà tiểu họa bình thường?" Tôi cho rằng vị Trưởng ban Trang trí, người quá quen thuộc với những câu hỏi bỡ ngỡ thế này, sẽ cho tôi một câu trả lời qua quýt và ông hiện đang trong trạng thái hoàn toàn quên mất tôi là ai.

"Không hề có một phương pháp nào có thể phân biệt nhà tiểu họa vĩ đại với nhà tiểu họa bất tài và bất tín," ông nói với tất cả sự nghiêm túc. "Điều này thay đổi theo thời gian. Những tài năng và đạo đức mà anh ta dựa vào để đối mặt với cái ác vốn đe dọa nghệ thuật của chúng ta mới là điều quan trọng. Ngày nay, để xác định một họa sĩ trẻ có tài thực sự đến đâu, ta sẽ hỏi anh ta ba câu hỏi."

"Những câu hỏi đó là gì?"

"Anh ta có tin, dưới tác động của lễ thói gần đây cũng như dưới ảnh hưởng của người Trung Hoa và châu Âu, rằng anh ta phải có một kỹ thuật vẽ độc đáo, một phong cách riêng của anh ta không? Là một người trang trí, liệu anh ta có muốn có một cung cách, một khía cạnh khác hẳn những người khác không, và liệu anh ta có nỗ lực chứng minh điều này bằng cách ký tên đâu đó trên tác phẩm của mình giống như những bậc thầy Tây vực không? Để xác định một cách chính xác những điều này, trước tiên ta sẽ hỏi anh ta một câu hỏi về "phong cách" và "chữ ký."

"Rồi sau đó?" tôi kính cẩn hỏi.

"Sau đó ta sẽ muốn biết nhà trang trí này cảm thấy như thế nào về những cuốn sách bị đổi chủ, bị sút chỉ, và những bức tranh của chúng ta đang được sử dụng trong những cuốn sách khác và trong những thời đại khác sau khi các hoàng đế và quốc vương, những người đặt làm ra chúng, đã chết đi. Đây là một vấn đề tế nhị đòi hỏi một câu trả lời bất chấp nó làm vui lòng hay gây bực bội cho ta. Vì vậy, ta sẽ hỏi nhà minh họa này một câu hỏi về thời giảm - thời gian của nhà minh họa và thời gian của đấng Allah. Cậu có theo kịp ta không, cậu bé?"

Không, nhưng tôi không trả lời như thế. Thay vào đó, tôi hỏi, "Còn câu hỏi thứ ba?"

"Câu hỏi thứ ba sẽ là "phận mù!" Sư phụ Osman nói, sau đó ông im lặng như thể điều này không cần giải thích.

"Phận mù là sao?" tôi bồi hồi hỏi.

"Phận mù là sự im lặng. Nếu cậu kết hợp những gì ta vừa nói câu hỏi thứ nhất và câu hỏi thứ hai, thì "phận mù" sẽ hiện ra. Nó là mức xa nhất mà người ta có thể đến được trong nghề minh họa; nó là việc thấy được những gì hiện ra từ cõi u minh của đấng Allah."

Tôi không nói nữa. Tôi bước ra ngoài. Tôi bước xuống những bậc thang lạnh giá không chút vội vã. Tôi biết rằng tôi sẽ hỏi Kelebek, Zeytin và Leylek ba câu hỏi của vị thầy vĩ đại này, không chỉ vì muốn có chuyện để nói, mà còn để hiểu rõ hơn những nhân vật huyền thoại sống này, vốn là người cùng thời với tôi.

Tuy nhiên tôi không đến nhà của những thợ cả trang trí đó ngay. Tôi gặp Esther gần khu cư trú Do Thái tại một khu chợ mới nhìn xuống ngã ba sông Halic và eo Bosphorus. Esther đang rất bồn chồn trong bộ đồ màu hồng mà chị buộc phải mặc do chị là một người Do Thái, với thân hình to lớn đầy sinh lực của mình, miệng chị ta không ngớt động đậy, và chân mày cùng đôi mắt chị liên tục nháy nhó ra hiệu cho tôi; thực ra đây là cung cách của chị ta lúc ở giữa những phụ nữ nô lệ đi mua sắm, những phụ nữ mặc áo trùm thùng thình của những khu nghèo khổ, giữa những đám đông đang chăm chú vào đồng cà rốt, mộc qua, những bó hành và củ cải. Chị ta nhét lá thư tôi đưa cho vào quần với một động tác thành thạo và bí ẩn, như thể cả chợ này đang theo dõi chúng tôi.

Chị nói với tôi rằng Shekure đang nghĩ đến tôi. Chị nhận tiền công và khi tôi nói, "Làm ơn đưa nó gấp giùm," thì chị ta cho thấy rằng chị ta còn hàng đồng việc phải làm bằng cách phác một cử chỉ về phía mớ đồ của chị và nói chị chỉ có thể giao lá thư cho Shekure trước buổi trưa. Tôi yêu cầu chị nói với Shekure rằng tôi sẽ đến thăm ba nhà tiểu họa trẻ tuổi và nổi tiếng họ.

1 Ihya Ulum al- Din: (Phục sinh của khoa học tôn giáo). Tác phẩm của Imam Gazzali (1058-1111), được đọc nhiều nhất trong thế giới Ả Rập sau

kinh Koran, viết về những đòi hỏi của đức tin, những kiến thức cần thiết của đời người, những đức tính cần có và những thói xấu phải khắc phục và việc chăm lo đời sống linh hồn.

2 Zafernameh: Sách các chiến thắng.

3 Khamse: bộ ngũ thư của Nizami, gồm Makhzan al-Asrar (Kho tàng những bí ẩn) Husrev o Shirin, Leyla o Mejnun, Haft peykar (Bảy nhan sắc) và Eskandamama (Chuyện Alexander Đại đế).

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 12: Tôi Được Gọi Là "Kelebek"

Lệnh cầu kinh buổi trưa chưa được gióng lên. Một tiếng gõ cửa, tôi mở và nhận ra Siyah Kính mền, người ở cùng chúng tôi một thời gian trong thời làm thợ học việc. Chúng tôi ôm và hôn lên má nhau. Tôi tự hỏi có phải anh đã mang theo chỉ thị từ Enishte của anh ta không, khi anh ta nói rằng anh ta muốn xem những trang tôi đang minh họa và những bức tranh của tôi, rằng anh ta đến thăm trong tình bạn, và sẽ hỏi tôi một câu hỏi nhân danh Đức vua.

L

"Rất tốt," tôi nói, "tôi sẽ trả lời câu hỏi gì đây?"

Anh ta nói với tôi. Rất tốt, nào!

Phong cách và Chữ ký

"Chùng nào mà những họa sĩ bất tài còn bị thúc đẩy bởi tiền bạc và danh vọng thay vì niềm vui của việc nhìn ngắm và niềm tin vào những thăng tiến trong tay nghề của họ," tôi nói, thì chúng ta sẽ còn tiếp tục chứng kiến thêm nhiều sự tầm thường và thói hám danh tương tự như nổi ám ảnh về "phong cách" và "chữ ký" này." Tôi đưa ra câu mào đầu này bởi đây là cung cách phải làm, chứ không phải vì tôi tin vào những gì mình nói. Năng lực và tài năng thực sự không thể bị phá hỏng bởi lòng hám vàng hay danh vọng. Hơn nữa nếu nói ra sự thực, thì tiền bạc và danh vọng là những ưu quyền không thể chuyển nhượng được của người có tài, như trong trường hợp của tôi, và nó chỉ thôi thúc chúng ta lập được những kỳ tích lớn lao hơn. Nhưng nếu tôi công khai nói ra điều này thì những nhà minh họa hạng xoàng trong ban tiểu họa sẽ điên lên vì đố kỵ mà nhảy xổ vào tôi, vì vậy, để chứng minh rằng tôi yêu công việc này hơn họ nhiều, tôi sẽ vẽ bức tranh tả một cái cây trên một hạt lúa. Tôi hiểu rõ rằng sự ham muốn "phong cách." "chữ ký" và "tính cách"

này đã đến với chúng ta từ mãi tận phương Đông qua các bậc thầy Trung Hoa không may nào đó vốn bị chệch hướng do ảnh hưởng của người Âu, bởi những bức tranh mà các tu sĩ dòng Tên mang đến từ phương Tây. Tuy nhiên, hãy để tôi kể anh nghe ba dụ ngôn tạo thành một thuyết trình về chủ đề này."

Ba dụ ngôn về Phong cách và Chữ ký

ALIF

Ngày xưa, ở phía Bắc Herat, trong một lâu đài trên núi cao, có một Đại Hãn trẻ sống, anh ta rất say mê trang trí và hội họa. Vị Hãn này chỉ yêu duy nhất một nàng trong hậu cung của mình, và người phụ nữ Tatar hấp dẫn này, kẻ mà anh yêu điên cuồng, nàng cũng yêu anh. Họ làm tình liên tục sáng đêm, và sống trong trạng thái đắm đuối như thế đến độ mong ước của họ là được sống như thế mãi mãi. Họ nhanh chóng khám phá rằng cách hay nhất để biến mong ước của họ thành hiện thực là gỡ các cuốn sách ra và nhìn chăm chú, trong nhiều giờ và nhiều ngày liên tục, vào những bức tranh hoàn mỹ đến độ sững sờ của các lão họa sư.

Khi nhìn những bức vẽ hoàn hảo này, được sao lại một cách hoàn mỹ, họ cảm thấy như thể thời gian sẽ ngừng trôi và hạnh phúc của riêng họ sẽ hòa cùng niềm vui lớn của thời đại vàng son lộ ra trong các câu chuyện. Trong xưởng làm sách hoàng gia có một nhà tiểu họa, bậc thầy của những bậc thầy, người vẽ đi vẽ lại những bức tranh hoàn mỹ cho những trang giống nhau của những cuốn sách giống nhau. Theo thói quen, bậc thầy này đã miêu tả nỗi thống khổ trong tình yêu của Ferhad dành cho Shirin, hoặc những cái nhìn yêu thương và khao khát giữa Leyla và Mejnun, hoặc cái nhìn đầy tình ý, đa nghĩa mà Husrev và Shirin trao nhau trong khu vườn nhà trời huyền thoại đó - tuy nhiên với một thay đổi nhỏ: Thay vì những cặp tình nhân huyền thoại này, người nghệ sĩ sẽ vẽ vị Hãn và mỹ nhân Tatar của anh ta. Nhìn những trang này, vị Hãn và người yêu của anh vững tin rằng hạnh phúc của họ sẽ không bao giờ kết thúc, và họ ban phát cho nhà tiểu họa tài ba này rất nhiều vàng cùng lời khen ngợi. Tuy nhiên cuối cùng sự tâng bốc này đã khiến nhà tiểu họa trở nên lầm lạc; bị Quỷ sứ xúi giục, ông ta không cho

rằng nhờ những bậc thầy già mà tranh ông mới đạt được sự hoàn hảo, mà ngạo mạn cho rằng chỉ một chút chấm phá thiên tài của ông ta là đủ cho tác phẩm của ông thậm chí còn hấp dẫn hơn. Vị Hãn và người yêu của anh ta xem những cách tân này - những chấm phá mang phong cách cá nhân của nhà tiểu họa bậc thầy - chỉ là những khuyết điểm, và chúng khiến họ bối rối sâu xa. Trong những bức tranh này, mà vị Hãn đã xem xét hết sức kỹ lưỡng, anh cảm thấy rằng hạnh phúc trước đây của mình đã bị phá vỡ theo nhiều cách khác nhau, và anh ngày càng ghen tỵ với giai nhân Tatar xinh đẹp của mình, người được nhà họa sĩ vẽ theo bút pháp riêng của ông ta. Vì vậy, với ý định làm cho nàng Tatar xinh đẹp ghen tuông, anh đã làm tình với một hầu khiếp khác. Người vợ yêu của anh quá buồn khổ khi biết được sự phản bội này qua những lời đồn đãi trong hậu cung đến độ nàng lặng lẽ treo cổ trên một cành cây tuyết tùng trong sân hậu cung. Vị Hãn, khi hiểu ra sai lầm mình phạm phải, và nhận ra rằng sự mê đắm phong cách của nhà tiểu họa chính là nguồn cội của biến cố khủng khiếp này, bèn chọc mù mắt tay nghệ sĩ bậc thầy đã bị Quý sứ xúi giục.

BA

Ngày xưa ở một quốc gia phương Đông có một vị vua già, một người yêu tranh minh họa, việc tô điểm sách và các bức tiểu họa, ông sống hạnh phúc với bà vợ Trung Hoa đẹp lộng lẫy. Than ôi, lại xảy ra chuyện là đứa con trai tuấn tú của Quốc vương với người vợ trước và bà vợ trẻ hiện nay của ông phải lòng nhau.

Người con, kinh hoàng vì nỗi mình đã phản bội cha, và hổ thẹn trước tình yêu tội lỗi của mình, liền tự giam mình trong xưởng làm sách, đắm mình vào hội họa. Do chàng vẽ vì nỗi buồn và sức mạnh của tình yêu, nên mỗi bức tranh của chàng đều gây ấn tượng đến độ người chiêm ngưỡng không thể phân biệt chúng với tác phẩm của những bậc thầy lão thành. Đức vua rất tự hào về con trai mình, và bà vợ trẻ Trung Hoa còn nói, "Phải, thật ấn tượng!" khi nhìn các bức tranh. "Nhưng thời gian rồi sẽ qua đi, và nếu chàng ta không ký tên vào tác phẩm của mình, sẽ không ai biết rằng chàng ta là người làm ra kiệt tác này." Đức vua đáp, "Nếu con trai ta ký vào các bức tranh của

nó thì liệu có công bằng không khi nó nhận những lời khen dành cho kỹ thuật và phong cách của những bậc thầy lão thành mà nó đã bắt chước? Hơn nữa, nếu nó ký vào tác phẩm của nó, thì chẳng phải nó muốn nói rằng "Tranh của tôi mang những khuyết điểm của tôi" sao?" Bà vợ Trung Hoa, tuy hiểu rằng mình không thể thuyết phục được ông chồng già về vấn đề chữ ký, cuối cùng đã thành công trong việc thuyết phục con trai ông ta, vốn luôn giam mình trong xưởng làm sách như mọi khi. Hồ thẹn vì phải tỏ lộ tình yêu, bị thuyết phục bởi những ý tưởng của người mẹ kế xinh đẹp và với sự thúc giục của Quý sứ, người con đã ký tên mình vào một góc bức tranh, giữa bức tường và cỏ. Ở một điểm mà chàng cho là khó nhận ra. Bức tranh đầu tiên chàng ký vẽ một cảnh trong Husrev o Shirin. Các vị biết chuyện đó mà: Sau khi Husrev và Shirin cưới nhau, Shiruye, con trai của Husrev với người vợ trước, đã yêu Shirin. Một đêm, lén vào phòng ngủ của họ qua cửa sổ, Shiruye nhanh nhẹn đâm dao găm vào ngực cha hắn. Khi Đức vua thấy bức tranh con trai ông vẽ cảnh này, ông bị choáng với cảm giác rằng bức tranh là hiện thân của một khuyết điểm nào đó; ông đã nhìn thấy chữ ký, nhưng không hoàn toàn ý thức về điều đó, và đơn giản là ông phản ứng với bức tranh với ý nghĩ rằng. "Bức tranh này có một khuyết điểm." Và bởi người ta không bao giờ gặp bất cứ điều gì như thế ở những bậc thầy lão thành, nên Đức vua đột nhiên thấy kinh hoàng, nghi ngờ rằng tập sách mà ông đang đọc không kể lại một câu chuyện hay một truyền thuyết mà là những gì tuyệt đối không thích hợp với một cuốn sách: nó nói về chính thực tại. Khi ông vua già ý thức được điều này, ông choáng váng vì kinh hoàng. Đứa con hợa sĩ của ông đã vào phòng qua cửa sổ, như trong bức tranh, và không nhìn đến lần thứ hai vào đôi mắt tròn trũng của người cha, anh ta lẹ làng cắm con dao găm - lớn như con dao trong bức vẽ - vào ngực cha mình.

DJIM

Trong cuốn Jami al-Tawarikh 1 của mình, Rashiduddin xứ Kazvin đã phần khởi viết rằng cách nay 250 năm ở Kazvin, việc tô điểm bản thảo, thư pháp và minh họa là những bộ môn nghệ thuật được quý trọng và yêu thích nhất. Vị vua đang trị vì ở Kazvin lúc đó cai trị trên bốn mươi quốc gia từ Byzantium đến Trung Hoa - có lẽ tình yêu đối với nghệ thuật làm sách là

điều bí mật của cường quốc vĩ đại này - nhưng than ôi, ông không có con trai kế vị. Để ngăn không cho lãnh thổ ông chinh phục được bị chia cắt sau khi ông chết, nhà vua quyết định tìm cho cô con gái xinh đẹp của ông một người chồng là nhà tiểu họa thông minh, và do mục đích này, ông đã sắp xếp một cuộc tranh tài giữa ba thợ cả trẻ tuổi xuất sắc trong xưởng làm việc của ông, tất cả đều còn độc thân. Theo Jami al-Tawarikh của Rashiduddin, đề tài của cuộc thi này thật đơn giản: Bất cứ ai làm ra bức tranh gây ấn tượng nhất sẽ là người chiến thắng! Giống như chính Rashiduddin, các nhà tiểu họa trẻ biết rằng điều này có nghĩa là phải vẽ tranh theo phong cách của các bậc thầy xưa, vì vậy cả ba vẽ lại một cảnh được nhiều người ưa thích nhất: Trong một khu vườn gọi là Vườn địa đàng, một thiếu nữ trẻ đẹp đứng giữa những cây bách và tuyết tùng, giữa lũ thỏ nhút nhát và bọn chim én nhọn nhọn, chìm đắm trong nỗi sầu tình phụ, chăm chăm nhìn xuống đất. Hoàn toàn vô tình, ba chàng tiểu họa đã vẽ lại chính xác cùng một cảnh đó như những bậc thầy xưa đã vẽ nhưng một người, vì muốn khẳng định mình và do đó chịu trách nhiệm về vẻ đẹp của bức tranh, đã giấu chữ ký của anh ta giữa những đóa hoa thủy tiên trong một điểm khuất nhất của khu vườn. Và vì hành động táo tợn này, chúng tỏ người nghệ sĩ đã từ bỏ tính khiêm tốn của những bậc thầy xưa, anh ta lập tức bị đày khỏi Kazvin đến Trung Hoa. Do đó cuộc thi phải tiến hành lần nữa với hai nhà tiểu họa còn lại. Lần này cả hai vẽ một bức tranh đáng yêu như một bài thơ, mô tả một thiếu nữ xinh đẹp cười trên lưng ngựa trong một khu vườn tuyệt mỹ. Nhưng một trong hai nhà tiểu họa này - do một nét cọ sơ xuất hoặc cố ý, không ai biết đã miêu tả kỳ cục lỗ mũi con bạch mã của cô gái có đôi mắt Trung Hoa và xương gò má cao, và điều này bị nhà vua và con gái của ngài cho là một khuyết điểm. Sự thực thì nhà tiểu họa này không ký tên anh ta, nhưng trong bức tranh tuyệt đẹp của mình rõ ràng anh ta đã làm một thay đổi khéo léo ở cái mũi con ngựa để làm nổi bật tác phẩm. Vị vua, vốn từng tuyên bố "Khuyết điểm là mẹ đẻ của phong cách," đã lưu đày chàng tiểu họa này đến Byzantium. Nhưng theo tác phẩm của Rashiduddin, còn có một sự kiện quan trọng cuối cùng xảy ra khi người ta đang chuẩn bị mọi việc cho lễ cưới giữa công chúa với chàng tiểu họa tài năng, người đã vẽ hoàn toàn giống những bậc thầy xưa mà không hề có chữ ký hay sự thay đổi nào: Trọn cả ngày trước lễ cưới, con gái nhà vua rầu rĩ

ngắm bức tranh của chàng tiểu họa trẻ tuổi tài hoa người sẽ trở thành chồng nàng ngày mai. Khi màn đêm buông xuống, nàng đến gặp cha và nói: "Sự thực rằng những bậc thầy xưa trong những bức tranh hoàn mỹ của họ, thường vẽ những thiếu nữ xinh đẹp giống người Trung Hoa, và đây là một nguyên tắc bất biến đến với chúng ta từ phương Đông," nàng nói. "Nhưng khi họ yêu ai đó, các họa sĩ sẽ đưa một điểm nào đấy của người mình yêu vào việc tái hiện cặp chân mày, mắt, môi, tóc, nụ cười hoặc thậm chí hàng mi của cô thiếu nữ xinh đẹp này. Sự thay đổi bí mật trong những bức tranh như vậy của họ sẽ là một dấu hiệu mà các tình nhân, và chỉ có những tình nhân, mới có thể nhìn ra. Con đã chăm chú nhìn cô gái cười trên lưng ngựa này suốt cả ngày, thừa cha yêu quý, mà không thấy có dấu vết nào của con ở cô ta cả! Nhà tiểu họa này có lẽ là một bậc thầy vĩ đại, anh ta trẻ và tuấn tú, nhưng anh ta không yêu con." Do đó nhà vua hủy bỏ hôn lễ ngay tức khắc, và người cha cùng cô con gái sống những ngày còn lại bên nhau suốt đời.

"Như vậy, theo dụ ngôn thứ ba, sự không hoàn hảo để ra cái mà chúng ta gọi là "phong cách", " Siyah nói một cách hết sức lễ phép và cung kính. "Và chuyện nhà tiểu họa đang yêu sẽ bị lộ rõ qua "chữ ký" ẩn trong hình ảnh của khuôn mặt, con mắt hoặc nụ cười của người đẹp phải không?"

"Không," tôi nói với một thái độ thể hiện niềm tin và lòng tự hào. "Những gì chuyển từ cô gái, tâm điểm tình yêu của nhà tiểu họa bậc thầy, vào bức tranh của anh ta cuối cùng không phải là sự thiếu hoàn hảo hay khuyết điểm mà là một quy tắc nghệ thuật mới. Bởi vì sau một thời gian và qua việc bắt chước, mọi người sẽ bắt đầu vẽ khuôn mặt của các cô gái giống như khuôn mặt xinh đẹp của cô gái đó"

Chúng tôi im lặng. Tôi thấy rằng Siyah, người đang chăm chú lắng nghe ba dụ ngôn tôi vừa kể, bây giờ tập trung chú ý vào âm thanh mà người vợ hấp dẫn của tôi gây ra khi nàng đi tới lui trong hành lang và căn phòng bên cạnh. Tôi nhìn anh ta đầy hăm dọa.

"Dụ ngôn thứ nhất xác định rằng "phong cách" là sự không hoàn hảo," tôi nói. "Chuyện thứ hai cho rằng một bức tranh hoàn hảo thì không cần chữ

ký, và chuyện thứ ba kết hợp những ý tưởng của chuyện thứ nhất và chuyện thứ hai, vì thế chứng minh rằng "chữ ký, và "phong cách" chỉ là trò tự khen ngợi một cách ngốc nghếch và trợ trớn cho một tác phẩm có khuyết điểm."

Con người này, kẻ mà tôi vừa cho một bài học vô giá, hiểu về hội họa được bao nhiêu? Tôi nói: "Anh có hiểu tôi là ai qua những câu chuyện của tôi không?"

"Chắc chắn," anh ta nói, không chút tin tưởng.

Vì vậy các vị đừng cố đoán xem tôi là ai qua đôi mắt và những khái niệm của anh ta, hãy để tôi nói thẳng với các vị. Tôi có thể làm mọi thứ. Giống như những bậc thầy xưa ở Kazvin, tôi có thể vẽ và tô màu với niềm vui sướng hạnh phúc. Tôi nói điều này với một nụ cười: tôi giỏi hơn mọi người. Tôi hoàn toàn không liên quan gì đến lý do cho chuyến viếng thăm của Siyah, mà nó - nếu ngẫu nhiên trực giác của tôi mách đúng - chính là chuyện thợ mạ vàng Zarif Kính mền mắt tích.

Siyah hỏi tôi về sự kết hợp giữa hôn nhân và nghệ thuật.

Tôi làm việc rất nhiều và thích thú với công việc của mình. Tôi vừa mới cưới một cô gái xinh đẹp nhất vùng. Những khi tôi không trang trí sách, chúng tôi làm tình như điên. Rồi tôi lại lao vào công việc. Nhưng tôi không trả lời như thế. "Đây là một vấn đề nghiêm túc," tôi nói. "Nếu những kiệt tác phát sinh từ cây cọ của một nhà tiểu họa, thì đến khi phải vẽ vợ anh ta, anh ta sẽ lúng túng không biết làm sao khơi dậy niềm hứng thú đó", tôi nói. "Sự thật cũng ngược lại: Nếu cây bút sậy của gã đàn ông làm hài lòng người vợ, thì cây bút sậy nghệ thuật của anh ta sẽ kém cỏi hơn nếu ta so sánh chúng với nhau", tôi nói thêm. Giống như mọi người vốn ghen tỵ với tài năng của nhà tiểu họa, Siyah cũng vậy, đã tin vào những lời dối trá này và thấy phấn khởi.

Anh ta nói muốn xem những trang tôi vừa mới minh họa. Tôi mời anh ta ngồi ở bàn làm việc của tôi, giữa những thuốc màu, lọ mực, đá đánh bóng, cọ, bút mực và những tấm bìa cứng để cắt sậy. Siyah đang xem bức tranh tờ

đôi mà tôi đang hoàn tất cho cuốn Sur-nama trong đó mô tả lễ cắt bì của Hoàng tử, và tôi ngồi cạnh anh ta trên chiếc nệm đỏ mà hơi ám gợi tôi nhớ rằng người vợ xinh đẹp của tôi với cặp đùi tuyệt mỹ của nàng vừa mới ngồi đây; quả thực, tôi đã dùng cây bút sậy của tôi để vẽ nỗi buồn của những tù nhân khốn khổ trước mặt Đức vua, trong khi người vợ thông minh của tôi bầu chặt lấy cây bút sậy đàn ông của tôi.

Bức tranh rộng hai trang tôi đang vẽ mô tả việc giải thoát những con nợ bị kết án và cầm tù cùng gia đình họ nhờ ơn của Đức vua. Tôi đặt Đức vua vào góc một tấm thảm trên đó chất đầy những chiếc túi đựng những đồng bạc. Đằng sau Ngài, tôi đặt vị Trưởng Ngân khố đang cầm sổ cái ghi nợ mà đọc to lên. Tôi vẽ những con nợ bị kết án, bị xích vào nhau bằng những cái cùm sắt quanh cổ, trong nỗi khốn khổ và đau đớn với những cái nhãn mài, những khuôn mặt dài thượt, một số còn có đôi mắt ngấn lệ. Tôi vẽ những người chơi đàn luyt bằng màu đỏ với khuôn mặt vui sướng trong khi họ đệm nhạc cho những lời kinh nguyện và bài thơ vui tươi đi kèm với việc trao món quà nhân từ của Đức vua: tha cho người bị kết án khỏi bị ở tù. Để nhấn mạnh việc thoát khỏi cảnh đau đớn và buồn phiền của nợ nần - dù tôi không dự tính như thế từ lúc đầu - bên cạnh người cuối cùng trong đám tù nhân khốn khổ, tôi vẽ cả vợ anh ta mặc đồ màu tía, trông thảm hại bần cùng, cùng cô con gái tóc dài của anh ta, buồn rầu nhưng đẹp mặc áo choàng rộng màu đỏ thẫm. Để tay Siyah cứ nhíu mày này có thể hiểu việc minh họa ngang bằng với tình yêu cuộc sống như thế nào, tôi định giải thích tại sao nhóm những con nợ bị xích này được trải rộng suốt hai trang giấy; tôi định nói với anh ta cái luận lý ẩn tàng của màu đỏ trong tranh, tôi định giải thích những điều mà vợ tôi cùng tôi đã cười cợt bàn cãi trong khi ngắm nghía bức tranh này, chẳng hạn như cách tôi tô màu một cách thích thú - điều mà những bậc thầy xưa không bao giờ làm - cho con chó nằm nghỉ tuốt trong góc bằng đúng màu cái áo trùm bằng lụa atlas của Đức vua, nhưng anh ta đã hỏi tôi một câu hỏi hết sức khiếm nhã và thô lỗ: Có thể nào tôi biết Zarif Kính mến bất hạnh ở đâu không?

Anh ta dùng từ "bất hạnh" là sao? Tôi không nói cho anh ta biết rằng Zarif Kính mến là một kẻ đạo văn tệ hại, một tên ngốc vốn làm công việc mạ

vàng chỉ vì tiền, không hề có chút dấu vết nào của cảm hứng. "Không," tôi nói, "tôi không biết."

Có phải tôi đã từng nghĩ đến việc nhưng tin đồ hung hăng và cuồng tín của tay thuyết giáo xứ Erzurum có thể đã hãm hại Zarif Kính mến? Tôi vẫn giữ được bình tĩnh và cố kềm lại không trả lời rằng Zarif Kính mến rõ ràng là một kẻ trong bọn đó. "Không," tôi nói. "Tại sao?"

Nghèo đói, dịch bệnh, tình trạng vô đạo đức và tai tiếng mà chúng ta đang gánh chịu trong thành phố Istanbul này chỉ có thể được quy kết cho việc chúng ta đang xa lìa đạo Hồi thời Mohammed, Thánh Tông đồ của Thượng đế, việc hấp thụ những Phong tục đồi bại mới và để những xúc cảm kiểu Tây vực, châu Âu nảy nở giữa chúng ta. Đó là tất cả những gì tay thuyết giáo xứ Erzurum đó nói, nhưng mặt khác những kẻ thù của ông ta cố gắng thuyết phục Đức vua theo hướng ngược lại bằng việc khẳng định rằng những người dân Erzurum đó đang tấn công những ngôi nhà của phái khổ tu nơi người ta chơi nhạc và họ đang làm bản mộ của những vị thánh. Họ biết tôi không chia sẻ lòng hận thù của họ đối với Đức ngài Erzurum, vì vậy họ nói những lời bóng gió lịch sự: "Anh có phải là kẻ đã chăm sóc người anh em Zarif Kính mến của chúng ta không?"

Bất chợt tôi hiểu ra rằng những lời đồn đại này từ lâu đã lan truyền trong giới tiểu họa. Rằng nhóm những kẻ bất tài thiếu năng lực, không cảm hứng đang khoái trá quy kết rằng tôi chẳng là gì ngoài một tên giết người man rợ. Tôi cảm thấy muốn trút một lọ mực vào sọ của tên Siyah lỗ bịch này chỉ vì hắn đã thực lòng tin vào lời vu khống của nhóm tiểu họa đồ kỵ này.

Siyah đang xem xét xưởng làm việc của tôi, lưu giữ mọi thứ anh ta thấy vào ký ức. Anh ta quan sát kỹ chiếc kéo dài cắt giấy của tôi, những chiếc chén gốm đựng đầy sơn vàng, những chén thuốc màu, quả táo thỉnh thoảng tôi nhấm nháp khi làm việc, bình cà phê nằm trên bếp lò phía sau, những tách cà phê nhỏ xíu của tôi, những tấm nệm, ánh sáng lọt vào qua cửa sổ khép hờ, chiếc gương tôi dùng để kiểm tra bố cục trang, những chiếc áo ngắn của tôi và, đằng kia, chiếc khăn quàng đỏ của vợ tôi vương lại trong góc như

một tội lỗi do nàng làm rơi khi lẹ làng rời khỏi phòng vì nghe tiếng gõ cửa của Siyah.

Cho dù tôi có che đậy những ý nghĩ của mình không cho anh ta biết, nhưng tôi lại bày những bức tranh tôi đã vẽ và căn phòng tôi đang sống ra trước cái nhìn dò xét và soi mói của anh ta. Tôi có cảm giác rằng sự kiêu ngạo này của tôi sẽ là một cú sốc đối với tất cả các vị nhưng tôi là người kiếm được nhiều tiền nhất, và vì thế tôi là kẻ giỏi nhất trong đám tiểu họa! Phải, Thượng đế hẳn đã muốn nghệ thuật tô điểm trở nên mê ly để Người có thể chứng minh rằng bản thân thế giới này mê ly như thế nào đối với những ai thực sự thấy được nó.

1 Jami al-Tawarikh: Lịch sử thế giới.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 13: Tôi Được Gọi Là "Leylek"

Khoảng gần buổi cầu kinh trưa tôi nghe có tiếng gõ cửa. Đó là Siyah, người bạn từ thuở thiếu thời. Chúng tôi ôm nhau. Anh ta lạnh run và tôi mời anh ta vào nhà. Thậm chí tôi không hỏi làm thế nào anh ta biết đường đến nhà tôi. Enishte của anh ta hẳn đã phái anh ta đến đây để hỏi về sự vắng mặt của Zarif Kính mền và tung tích của anh ta. Không chỉ có thế, anh ta còn mang lời từ Thầy Osman. "Cho phép tôi hỏi anh một câu," anh ta nói. "Theo Thầy Osman, "thời gian" tách một nhà tiểu họa thực sự khỏi những nhà tiểu họa khác: Thời gian của việc minh họa." Ý nghĩ của tôi ra sao? Hãy lắng nghe kỹ.

K

Hội họa và Thời gian

Đã lâu lắm rồi, như mọi người đều biết, những nhà minh họa trong vương quốc Hồi giáo chúng ta, bao gồm những bậc thầy Ả Rập xưa chẳng hạn, do quan niệm thế giới theo kiểu của bọn ngoại đạo Tây vực ngày nay, thường nhìn mọi vật và vẽ nó từ cấp độ của một kẻ lang thang, tên đàn độn hay một nhân viên bán hàng đang đứng ở quầy. Không biết về những kỹ thuật phối cảnh ngày nay, vốn là thứ mà các bậc thầy Tây vực vênh vào khoe khoang, thế giới của họ vẫn mù mờ và bị giới hạn, hạn chế trong luật phối cảnh đơn giản của kẻ đàn độn hoặc tay nhân viên bán hàng. Sau đó một sự kiện lớn đã diễn ra và toàn bộ thế giới minh họa của chúng tôi đã thay đổi. Xin cho tôi bắt đầu từ đây.

Ba câu chuyện về Hội họa và Thời gian

ALIF

Cách nay ba trăm năm mươi năm, khi Baghdad rơi vào tay người Mông Cổ và bị cướp phá tàn nhẫn trong một ngày lạnh giá thuộc tháng Safar, Ibn Shakir là nhà thư pháp và sao chép nổi tiếng nhất và tài ba nhất không chỉ ở thế giới Ả Rập mà còn ở cả thế giới Hồi giáo; dù còn trẻ, ông đã chép tay hai mươi hai tập, hầu hết là kinh Koran và có thể được tìm thấy trong các thư viện nổi tiếng thế giới ở Baghdad. Ibn Shakir tin những cuốn sách này sẽ còn mãi đến tận thế, và vì vậy, ông chấp nhận khái niệm thời gian bất tận và sâu thẳm. Ông lao động cật lực suốt đêm dưới ánh nến để làm cuốn cuối cùng trong số những cuốn sách huyền thoại đó, mà ngày nay chúng ta không được biết đến bởi, chỉ trong vài ngày, từng cuốn một đã bị binh lính của Đại hãn Mông Cổ Hulagu xé tan, cắt vụn, đốt rồi ném xuống sông Tigris. Cũng như những bậc thầy thư pháp Ả Rập, trung thành với khái niệm về sự vĩnh cửu của truyền thống và những cuốn sách, trong bốn thế kỷ đã có thói quen cho mắt họ nghỉ ngơi như một cách phòng ngừa chứng mù bằng cách quay lưng về phía mặt trời mọc và nhìn về hướng chân trời tây, Ibn Shakir leo lên ngọn tháp của Thánh đường Caliphet trong cái lạnh buổi sáng, và từ bao lon nơi thầy tu báo giờ gọi người ngoan đạo cầu nguyện, đã chứng kiến tất cả những gì sẽ kết thúc một truyền thống nghệ thuật sao chép kéo dài năm thế kỷ. Đầu tiên, ông chứng kiến những binh lính tàn bạo của Hulagu tiến vào Baghdad, và ông vẫn còn ở đó trên đỉnh ngọn tháp. Ông nhìn thấy chúng cướp bóc và tàn phá khắp cả thành phố, tàn sát hàng trăm ngàn người, giết chết vị cuối cùng trong các trưởng giáo của đạo Hồi vốn đã cai trị Baghdad trong nửa thiên niên kỷ, hãm hiếp phụ nữ, đốt các thư viện và hủy hoại hàng chục ngàn cuốn sách bằng cách ném xuống sông Tigris. Hai ngày sau, giữa mùi hôi thối của xác chết và tiếng kêu khóc trước cái chết, ông nhìn thấy dòng Tigris đang chảy đã biến sang màu đỏ do mực từ những cuốn sách tan ra, và ông nghĩ, làm sao mà những cuốn sách ông đã sao chép bằng chữ viết tuyệt đẹp, những cuốn sách giờ đây đã biến mất, lại không góp được chút công sức gì để ngăn chặn vụ tàn sát và hủy diệt này, và thế là ông thề không bao giờ viết lại nữa. Hơn nữa, ông nảy sinh khao khát muốn diễn tả nỗi đau của mình và thảm họa mà ông đã chứng kiến qua hội họa, thứ nghệ thuật mà cho mãi đến ngày đó ông vẫn coi thường và cho là sự lãng mạ đáng Allah; và như thế, với mớ giấy luôn mang theo bên mình, ông vẽ lại những gì đã thấy từ đỉnh tháp.

Sự hồi sinh thần diệu suốt ba trăm năm trong nghệ thuật minh họa Hồi giáo sau cuộc xâm lược của Mông Cổ có được là nhờ yếu tố đó, cái đã phân biệt nó với nghệ thuật của những kẻ ngoại giáo và dân Thiên chúa giáo; nghĩa là, nhờ việc mô tả thế giới đầy khốn khổ từ vị trí trên cao như của Thượng đế, đạt được bằng cách chẳng vẽ gì ngoài một đường chân trời. Chúng ta có được sự hồi sinh này nhờ đường chân trời, và cũng nhờ việc lớn Shakir đi về phương bắc sau khi ông chứng kiến vụ tàn sát - theo hướng mà các đạo quân Mông Cổ từ đó đến - mang theo bên mình những bức tranh của ông và tham vọng minh họa trong tim; tóm lại, chúng ta mang nợ rất nhiều việc ông tìm hiểu kỹ thuật vẽ tranh của các bậc thầy Trung Hoa. Vì vậy, rõ ràng khái niệm thời gian vô tận vốn nằm trong tim những người sao chép và thư pháp Ả Rập suốt năm trăm năm rớt cuộc thể hiện không phải trong chữ viết mà trong hội họa. Chứng cứ về điều này nằm trong sự kiện rằng những tranh minh họa trong các bản thảo và tập sách vốn bị xé vụn và biến mất đã chuyển vào những cuốn sách khác và những tập khác để tồn tại mãi mãi trong vai trò hé lộ cõi trần thế của đấng Allah.

BA

Ngày xưa, không quá lâu mà cũng không gần đây lắm, mọi thứ đều bắt chước những thứ khác, vì thế, nếu không vì tuổi già và cái chết, con người sẽ không bao giờ hiểu biết gì hơn về hành trình của thời gian. Phải, khi cõi trần thế được trình bày lặp đi lặp lại qua cùng những câu chuyện và những bức tranh, như thể thời gian không hề trôi, đội quân nhỏ bé của Fahir Shah đánh tan binh lính của Đại hãn Selahattin - như cuốn Tarih 1 súc tích của Salim xứ Samarkand chứng thực. Sau khi Fahir Shah cả thắng bắt giữ được Đại hãn Selahattin và tra tấn ông này đến chết, nhiệm vụ đầu tiên để khẳng định chủ quyền của ông ta, theo phong tục, là viếng thăm thư viện và hậu cung của vị Đại hãn chiến bại. Trong thư viện, người đóng sách dày kinh nghiệm của Selahattin quá cố đã tách rời những cuốn sách của vị vua này và sắp xếp lại các trang, bắt đầu soạn thành những cuốn sách mới. Những nhà thư pháp của ông đã thay thế nhóm từ "Đại hãn Selahattin bách thắng" thành "Fahir Shah đại thắng", và những nhà tiểu họa của ông bắt đầu thay thế hình ảnh Selahattin quá cố - được vẽ một cách tuyệt mỹ trên những trang bản thảo đẹp

nhất - nhân vật mà vào giây phút đó đã bắt đầu phai mờ trong ký ức người dân, bằng chân dung của Fahir Shah trẻ tuổi hơn. Khi vào hậu cung, Fahir Shah không khó khăn gì trong việc xác định người phụ nữ đẹp nhất trong đó, nhưng bởi ông là con người tao nhã am hiểu sách vở và nghệ thuật cho nên thay vì buộc nàng ưng thuận ông thì ông trò chuyện với nàng với quyết tâm chiếm được trái tim nàng. Do đó, Neriman Sultan, hoa khôi trong những mỹ nữ của Selahattin quá cố, người vợ có đôi mắt long lanh của ông ta, chẳng nói gì ngoài một yêu cầu đối với Fahir Shah: rằng bức tranh minh họa chồng nàng trong một phiên bản của chuyện tình lãng mạn Leyla o Mejnun, trong đó Leyla được vẽ thành Neriman Sultan và Mejnun là Selahattin, không bị thay đổi. Nàng muốn rằng ít nhất trong trang này, sự bất tử mà chồng nàng đã cố đạt được suốt bao năm tháng qua những cuốn sách sẽ không bị phủ nhận. Fahir Shah đại thắng cao thượng chấp nhận yêu cầu đơn giản này, và những thợ cả làm sách của ông để lại riêng một trang đó. Thế là Fahir và Neriman làm tình ngay sau đó và trong một thời gian ngắn đã quên sạch những kinh hoàng của quá khứ, rồi dần dần thật lòng yêu nhau. Nhưng Fahir Shah vẫn không quên bức tranh đó trong Leyla o Mejnun. Không, không phải sự ghen tuông hay việc vợ ông được vẽ chân dung cùng người chồng cũ của nàng làm ông khó chịu. Điều giầy vò ông là: Vì ông không được vẽ trong truyền thuyết cổ trong cuốn sách tráng lệ đó, ông sẽ không thể gia nhập hàng ngũ những người bất tử cùng vợ ông.

Nỗi nghi ngờ này như con sâu gặm nhấm ông trong suốt năm năm, và vào lúc tàn một đêm làm tình lên đến cực điểm hạnh phúc với Neriman, giá nên trên tay, ông bước vào thư viện như một tên trộm tầm thường, mở cuốn Leyla o Mejnun ra, và ngay chỗ khuôn mặt người chồng quá cố của Neriman, ông vẽ khuôn mặt của chính ông. Tuy nhiên, cũng như nhiều vị vua yêu việc minh họa và vẽ tranh, ông là một họa sĩ nghiệp dư nên không thể vẽ mình thật chính xác. Đến sáng, khi người thủ thư của ông mở cuốn sách vì nghi có người sửa bậy trong đó và nhìn thấy một nhân vật khác thế chỗ Selahattin quá cố bên cạnh Leyla mang khuôn mặt Neriman, thì thay vì nhận ra đó là Fahir Shah, ông ta lại khẳng định đó là Abdullah Shah trẻ tuổi đẹp trai, kẻ đại thù của Fahir Shah. Chuyện mách lẻo này đã khiêu khích binh lính của Fahir Shah và khích lệ Abdullah Shah, vị tân vương hung hăng

và trẻ tuổi của nước láng giềng, vị tân vương này cuối cùng ngay trong chiến dịch đầu tiên đã đánh bại, bắt giữ và giết chết Fahir Shah, rồi thiết lập chủ quyền của mình đối với thư viện và hậu cung của kẻ thù và trở thành chồng mới của Neriman Sultan xinh đẹp tuyệt trần.

DJIM

Các nhà tiểu họa Istanbul đã kể lại truyền thuyết về Uzyn Mehmet - còn gọi là Muhammad Khorasani ở Ba Tư - chủ yếu như một ví dụ về cuộc sống thọ và chứng mù lòa. Tuy nhiên truyền thuyết về Uzyn Mehmet lại là một dụ ngôn về hội họa và thời gian. Điểm nổi bật chủ yếu của bậc thầy này, người vốn bắt đầu học nghề từ năm lên chín, đã minh họa trong khoảng trên dưới 110 năm mà không bị mù, là ở chỗ ông không có điểm nổi bật nào cả. Ở đây tôi không hề đùa cợt, mà thể hiện lòng ngưỡng mộ chân thành của tôi. Uzyn Mehmet vẽ mọi thứ, như mọi người khác đã vẽ, theo phong cách của những bậc thầy vĩ đại thời xưa thậm chí còn hơn thế nữa, và bởi vì lý do này, ông là bậc thầy vĩ đại nhất trong mọi người thầy, sự khiêm cung và lòng tận tụy với nghề minh họa và hội họa của ông, mà ông cho rằng để phục vụ Allah, đã đặt ông ra ngoài cả những vụ tranh chấp trong các xưởng làm sách nghệ thuật nơi ông làm việc lẫn tham vọng trở thành nhà tiểu họa đầu đàn, dù ông có tuổi tác và tài năng thích hợp. Trong vai trò nhà tiểu họa, suốt 110 năm ông đã kiên nhẫn vẽ lại mọi chi tiết tâm thường: cỏ được vẽ để lấp đầy các mép trang, hàng ngàn chiếc lá, những đám mây vân vi, bờm ngựa bằng những nét cọ ngắn lặp đi lặp lại. những bức tường gạch, phần trang trí tường vô tận và hàng chục ngàn khuôn mặt có chiếc cằm thanh tú và đôi mắt xéch mà mỗi khuôn mặt là sự mô phỏng lẫn nhau. Uzyn Mehmet hoàn toàn toại nguyện và khép kín, không bao giờ dám tự làm mình nổi bật hay khẳng khẳng về phong cách hoặc cá tính. Ông xem họa xưởng của mọi ông hoàng hay vị vua nơi ông đến làm việc như nhà của ông và xem bản thân mình chỉ là một món trong ngôi nhà đó. Khi các vua chúa giết hại lẫn nhau và những nhà tiểu họa chạy từ thành phố này đến thành phố khác như những phụ nữ trong hậu cung để tập hợp dưới sự che chở của những ông chủ mới, phong cách của xưởng làm sách nghệ thuật mới trước tiên sẽ được xác định trong những chiếc lá mà Uzyn Mehmet đã vẽ, trong cỏ của ông, trong đường nét

uốn lượn của những tảng đá, và trong những đường nét ẩn giấu của sự nhẫn nại của ông. Khi ông tám mươi tuổi, người ta quên rằng ông là người phàm mà bắt đầu tin rằng ông sống trong những truyền thuyết mà ông đã minh họa. Có lẽ vì lý do này một số người vẫn cho rằng ông tồn tại ngoài thời gian và sẽ không bao giờ già hoặc chết. Có những người cho rằng việc ông không bị mù - cho dù ông không có nhà cửa riêng, ngủ trong những căn phòng hay túp lều dùng làm xưởng cho nhà tiểu họa và dành gần hết thời gian để nhìn vào những trang bản thảo - là nhờ phép thần diệu của thời gian đã ngưng trôi đối với ông. Một số người khẳng định rằng ông đã mù, không cần phải nhìn nữa vì ông vẽ theo ký ức. Ở tuổi 19, bậc thầy huyền thoại này, vốn không lập gia đình và thậm chí chưa từng làm tình, đã gặp được mẫu lý tưởng bằng xương bằng thịt về một cậu bé đẹp trai mắt xéch, cằm nhọn và khuôn mặt như trăng mà ông đã vẽ trong suốt một thế kỷ: một thợ học việc mười sáu tuổi người Hoa lai Croatia trong xưởng tiểu họa của vua Tahmasp, và ông yêu cậu ta. Để dụ dỗ cậu bé học việc hết sức đẹp trai này, như một người tình thực sự vẫn làm, ông lên kế hoạch và tham gia vào những cuộc tranh giành quyền lực giữa các nhà tiểu họa; ông thả mình theo những trò nói dối, lừa gạt và bịp bợm. Thoạt tiên, nhà tiểu họa bậc thầy của Khorasan này thấy sung sức lên bởi nỗ lực để đuổi kịp những thời trang nghệ thuật mà ông đã né tránh được suốt trăm năm qua, nhưng nỗ lực này cũng tách ông ra khỏi những ngày tháng huyền thoại bất diệt xưa kia. Một buổi chiều tà nọ, khi đang mơ màng nhìn chàng trai học việc xinh đẹp trước một ô cửa sổ mở, ông nhiễm lạnh do cơn gió rét ở Tabriz. Ngày hôm sau, trong một chuỗi hắt hơi liên tục, ông bị mù hoàn toàn. Hai ngày sau, ông té xuống cầu thang đá của xưởng làm việc mà chết.

"Tôi có nghe tên của Uzyn Mahmet xứ Khorasan, nhưng tôi chưa hề nghe truyền thuyết này," Siyah nói.

Anh ta tế nhị đưa ra lời nhận xét của mình chứng tỏ rằng anh ta biết câu chuyện đã kết thúc và tâm trí anh ta đang nghĩ về những điều tôi vừa kể. Tôi im lặng một hồi vì vậy anh ta có thể nhìn tôi tùy thích. Vì tôi thường khó chịu khi hai tay ở không, nên ngay khi bắt đầu câu chuyện thứ hai tôi bắt đầu vẽ lại, tiếp tục ngay chỗ tôi bỏ dở khi Siyah gõ cửa. Người thợ học việc

Mahmut dễ thương của tôi, luôn ngồi dưới chân tôi và pha thuốc vẽ cho tôi, chuốt nhọn cây bút sậy cho tôi và đôi khi xóa đi những sai sót của tôi, giờ lặng lẽ ngồi cạnh tôi, lắng nghe và chăm chú nhìn; chúng tôi có thể nghe rõ tiếng vợ tôi di chuyển trong nhà.

"Aaaha." Siyah nói, "Đức vua hiện ra."

Anh ta nhìn bức tranh với vẻ kính cẩn, và tôi ra vẻ như lý do cho sự kính cẩn của anh ta chẳng có gì quan trọng, những hãy để tôi nói thật với các vị: Trong toàn bộ hai trăm bức tranh về lễ cắt bì trong cuốn Sur-nama, Đức vua được vẽ đang ngồi và từ cửa sổ của khu vực hoàng gia được xây dựng cho những dịp lễ, Ngài đã nhìn theo trong suốt năm mươi hai ngày cuộc diễn hành của các thương nhân, các phường hội, khán giả, binh lính và các tù nhân. Chỉ trong một bức tranh của tôi Ngài được vẽ đứng, ném những đồng florin từ trong những chiếc túi da dày cho đám đông trên quảng trường. Mục đích của tôi là ghi lại vẻ ngạc nhiên và kích động của đám đông đang đăm, đá, vật lộn nhau trong khi tranh giành mớ lượm tiền dưới đất, mông chổng tít lên trời.

"Nếu tình yêu là một phần đề tài của hội họa, thì tác phẩm phải được thể hiện với tình yêu," tôi nói. "Nếu có đau khổ dính vào, nỗi đau khổ đó phải phát tiết ra từ hội họa. Những đau khổ, ngay khi ta nhìn tranh lần đầu, phải hiện ra từ sự hài hòa nội tại vô hình nhưng có thể nhận ra được của bức tranh, chứ không phải từ những hình người trong bức tranh minh họa hoặc từ những giọt nước mắt của họ. Tôi không vẽ sự ngạc nhiên, vì trong nhiều thế kỷ, hàng trăm nhà tiểu họa bậc thầy đã thể hiện nó rồi, như một nhân vật với ngón trỏ thọc vào cái miệng há tròn của hấn, mà tôi làm cho toàn bộ bức tranh là hiện thân của sự ngạc nhiên. Tôi đã hoàn tất được điều này bằng cách mời Đức vua đứng lên."

Tôi tò mò và khó chịu trước kiểu anh ta xem xét kỹ lưỡng những món sở hữu và dụng cụ minh họa của tôi, thậm chí toàn bộ cuộc đời tôi nữa kìa, để tìm kiếm một manh mối; và sau đó tôi bắt đầu nhìn ngôi nhà của chính mình qua đôi mắt anh ta.

Các vị biết những bức tranh về lâu đài, dinh thự và cung điện có một thời được làm ở Tabriz và Shiraz đây; vì vậy bức tranh này có thể tái tạo cái nhìn xuyên thấu của đấng Allah, người thấy và hiểu tất cả, nhà tiểu họa có thể vẽ theo thiết diện như thể nó bị mặt lưỡi dao cạo thẳng không lỗ, ma quái cắt làm đôi, và anh ta có thể vẽ mọi chi tiết bên trong - vốn không thể thấy được từ bên ngoài - đến từng cái nôi và chảo, ly uống nước, hình trang trí trên tường, màn cửa, những con vẹt trong lồng, những góc riêng tư nhất, và những chiếc gối trên đó một thiếu nữ dễ thương đang ngủ hầu như chưa bao giờ được ai nhìn thấy trong ánh sáng ban ngày. Giống như một người đọc tò mò với lòng kính nể, Siyah xem xét những thuốc màu, giấy tờ, sách vở, người phụ tá dễ thương của tôi, những trang của cuốn Kitab al-kostum 2 và cuốn sưu tập tranh cắt dán mà tôi làm cho một du khách Tây vực, những cảnh làm tình và những trang không đứng đắn khác mà tôi đã bí mật vẽ cho một tổng trấn, những bình mực bằng thủy tinh đủ màu, bằng đồng và gốm, những con dao chuốt bút bằng ngà, những chiếc cọ cán vàng của tôi, và phải, cả những cái nhìn của người thợ học việc xinh trai của tôi nữa.

"Không như những bậc thầy già, tôi đã chứng kiến nhiều trận đánh, rất nhiều," tôi nói để lấp đầy sự im lặng. "Những cỗ máy chiến tranh, những viên đạn đại bác, quân đội, xác chết; chính tôi là người trang trí trần những ngôi lều cho Đức vua và các tướng lĩnh của chúng ta. Sau một chiến dịch quân sự, trên đường trở về Istanbul, chính tôi đã ghi lại trên tranh những cảnh chiến trận mà mọi người rồi sẽ quên mất, những thi thể bị chém làm đôi, cuộc đụng độ của các đội quân thù nghịch, binh lính của bọn ngoại đạo khốn khổ run rẩy trước đại bác của chúng ta, binh lính bảo vệ những ngọn tháp có lỗ châu mai của những lâu đài bị bao vây, những kẻ phiến loạn bị chém đầu và cơn cuồng loạn của những con ngựa đang phi nước đại tấn công. Tôi ghi mọi điều tôi thấy vào ký ức: một cối xay cà phê mới, một kiểu song cửa sổ tôi chưa từng thấy trước đây, một khẩu đại bác, cò súng của loại súng trường Tây vực mới, ai mặc áo choàng màu gì, trong một bữa tiệc ai ăn gì, ai để bàn tay mình ở đâu và như thế nào..."

"Bài học đạo đức của ba câu chuyện anh vừa kể là gì?", Siyah hỏi theo kiểu tóm tắt mọi thứ và yêu cầu tôi giải thích.

"Alif", tôi nói. "Câu chuyện đầu tiên với ngọn tháp chứng minh rằng cho dù nhà tiểu họa có tài năng đến cỡ nào, thì chính thời gian mới làm cho một bức tranh "hoàn hảo". "Ba", câu chuyện thứ hai "với hậu cung và thư viện, cho thấy rằng cách duy nhất để thoát khỏi thời gian là qua kỹ năng và việc minh họa. Còn câu chuyện thứ ba. đến phiên anh nói tôi nghe."

"Djim!" Siyah nói đầy tự tin, "câu chuyện thứ ba nói về nhà tiểu họa một trăm mười chín tuổi kết hợp "Alif" với "Ba" để nói rằng thời gian kết thúc như thế nào đối với một người từ bỏ cuộc sống hoàn hảo và việc trang trí hoàn hảo, chẳng để lại cái gì ngoài cái chết. Đây thực sự là điều nó muốn chứng tỏ."

1 Tarih: Lịch sử.

2 Sách các trang phục.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 14: Tôi Được Gọi Là "Zeytin"

Sau buổi cầu kinh trưa, tôi đang vui sướng và nhanh nhẹn vẽ những khuôn mặt của các cậu trai thì nghe tiếng gõ cửa. Bàn tay tôi giật lên vì ngạc nhiên. Tôi đặt cọ xuống. Tôi cẩn thận để miếng bìa cứng dùng để làm việc đang nằm trên gối tôi sang một bên.

S

Chạy ra như một ngọn gió, tôi lầm rầm cầu nguyện trước khi mở cửa. Tôi sẽ không giấu các vị bất cứ điều gì, bởi vì các vị, người có thể nghe tôi từ trong cuốn sách này, gần đáng Allah hơn chúng tôi nhiều trong thế giới khốn khổ và ghê tởm này. Akbar Khan, hoàng đế Hindustan và là vị vua giàu nhất thế giới, đang chuẩn bị cái mà một ngày nào đó sẽ trở thành một cuốn sách huyền thoại. Để hoàn thành dự án của mình, ông ta thông báo đến khắp thế giới Hồi giáo mời gọi những nghệ sĩ vĩ đại nhất về với ông ta.

Những người ông ta phái đến Istanbul đã thăm tôi hôm qua, mời tôi đến Hindustan. Lần này, tôi mở cửa và nhận ra, đây không phải họ mà là Siyah bạn quen thời thơ ấu của tôi, người tôi đã quên hoàn toàn. Siyah hồi đó không thể ở lại với chúng tôi, anh ta ghen ty với chúng tôi. "Sao?"

Anh ta bảo anh ta đến để nói chuyện, để làm một chuyến thăm viếng thân tình, để xem các tranh minh họa của tôi. Tôi chào đón anh ta để anh ta có thể xem tất cả. Tôi biết hôm nay anh ta vừa đến thăm Thầy Osman và hôn tay ông ta. Vị thầy vĩ đại này, anh ta giải thích, đã cho anh ta những lời khôn ngoan để suy gẫm: "Phẩm chất của người họa sĩ trở nên rõ ràng trong những cuộc thảo luận về chứng mù và ký ức", anh ta nói vậy. Vì vậy hãy để nó rõ ràng:

Chứng mù và Ký ức

Trước khi có nghệ thuật trang trí màu sắc thì là cõi tối đen và sau đó cũng sẽ là cõi tối đen. Qua màu sắc, thuốc màu, nghệ thuật và tình yêu của chúng ta, chúng ta nhớ lại rằng Allah đã ra lệnh cho chúng ta "Hãy nhìn!" Biết có nghĩa là nhớ lại những gì ta đã thấy. Thấy là biết mà không nhớ. Vì vậy, việc vẽ là nhớ lại cõi tối đen. Những bậc thầy vĩ đại, những người có chung tình yêu hội họa và nhận ra rằng màu sắc và cảnh đẹp phát sinh từ bóng tối, sẽ khao khát trở về cõi tối đen của Allah thông qua màu sắc. Những nghệ sĩ không có ký ức thì không nhớ đến Allah cũng như cõi đen của Người. Tất cả bậc thầy vĩ đại, trong tác phẩm của họ, cố tìm kiếm khoảng trống thâm sâu đó bên trong màu sắc và bên ngoài thời gian. Để tôi giải thích với các vị việc nhớ lại bóng tối mà các bậc thầy vĩ đại thời xưa ở Herat đã tiết lộ này có nghĩa là gì.

Ba câu chuyện về Chúng mù và Ký ức

ALIF

Trong bản dịch ra tiếng Thổ Nhĩ Kỳ của Lami'i Chelebi cho tác phẩm Hediye al-Siki-dostluk 1 của thi sĩ Ba Tur Jami, vốn kể các câu chuyện về những vị thánh, có viết rằng trong xưởng làm sách của Vua Jihan, người trị vì đất nước Garagoýunly 2, bậc thầy lừng danh Sheikh Ali Tabrizi đã minh họa một phiên bản tuyệt vời cho câu chuyện Husrev o Shirin. Theo những gì tôi được nghe, trong bản thảo huyền thoại này, mà phải mất mười hai năm mới hoàn thành, Sheikh Ali, bậc thầy của những bậc thầy tiểu họa đã thể hiện một tài năng và kỹ xảo và đã vẽ những bức tranh tuyệt vời đến độ chỉ có Bihzad, bậc thầy vĩ đại nhất trong các bậc thầy thời xưa, mới có thể sánh với ông ta. Thậm chí trước khi bản thảo minh họa này hoàn tất được phân nửa, vua Jihan đã biết rằng ông ta sẽ sớm sở hữu một cuốn sách tuyệt hảo vô song trên thế giới. Vì vậy ông sống trong sợ hãi và ghen tỵ đối với Uzyn Hasan trẻ tuổi, người trị vì nước Akgoýunly, và tuyên bố hấn là kẻ thù chính của ông. Hơn nữa Jihan nhanh chóng cảm thấy rằng dù uy tín của ông sẽ tăng lên rất lớn sau khi cuốn sách hoàn tất, người ta vẫn có thể làm một phiên bản cuốn sách này tốt hơn cho Uzyn Hasan. Là một trong số những kẻ ghen tỵ vốn đầu độc thói tự mãn của chính mình bằng ý tưởng "Nếu người khác cũng hưởng

được hạnh phúc tốt cùng này thì sao?", Jihan lập tức nghĩ ngay rằng nếu nhà tiểu họa bậc thầy này làm một bản giống như vậy, hoặc thậm chí đẹp hơn, thì nó sẽ được dành cho Uzyn Hassan, kẻ thù chính của ông. Vì vậy, để ngăn không cho bất cứ ai ngoài ông sở hữu cuốn sách tuyệt vời này, Jihan quyết định giết Sheikh Ali sau khi ông này hoàn thành cuốn sách. Nhưng một mỹ nhân tốt bụng người Circassia trong hậu cung của ông khuyên ông chỉ cần làm mù mắt nhà tiểu họa tài ba này là đủ. Jihan lập tức chấp thuận ý tưởng thông minh này, ông ta bèn truyền lệnh cho bộ hạ của mình, cuối cùng chuyện đó đến tai Sheikh Ali. Dù vậy Sheikh Ali không bỏ dở cuốn sách để trốn khỏi Tabriz như những nhà minh họa tầm thường khác hẳn sẽ làm. Ông không viện đến những trò như trì hoãn tiến trình hay làm những tranh minh họa kém để nó không "hoàn hảo", và nhờ đó ngăn chặn việc mình bị chọc mù mắt. Thậm chí ông còn làm việc càng nhiệt tình và kiên định hơn.

Trong ngôi nhà nơi ông sống một mình, ông bắt đầu làm việc sau buổi cầu kinh sáng và tiếp tục minh họa cùng những con ngựa, cây tuyết tùng, những tình nhân, những con rồng và những ông hoàng đẹp trai dưới ánh nến trong đêm cho đến khi nước mắt cay đắng trào ra. Nhiều lần, ông nhìn ngắm suốt bao ngày bức minh họa của một trong những bậc thầy vĩ đại xưa của Herat trong khi ông làm một bản sao giống hệt trên một tờ giấy khác. Cuối cùng, ông hoàn thành cuốn sách cho vua Jihan xứ Garagoýunly. Và như nhà tiểu họa tài hoa này đã chờ đợi, thoát tiên ông được khen ngợi và thưởng vô số vàng, sau đó thì bị chọc mù bằng một cây kim nhọn vốn dùng để gắn lông chim trên khăn quấn đầu. Trước khi cơn đau của ông lắng xuống, Sheikh Ali đã rời Herat đến đầu quân cho Uzyn Hasan xứ Akgoýunly. "Phải, tôi thực sự đã mù," ông ta giải thích với Uzyn Hasan, "Nhưng tôi vẫn nhớ từng nét trang lệ của bản thảo mà tôi đã trang trí trong mười một năm qua, từng nét bút, từng nét cọ, và bàn tay tôi có thể vẽ lại theo trí nhớ. Tàu Bộ hạ, tôi có thể minh họa bản thảo vĩ đại nhất mọi thời đại cho ngài. Vì đôi mắt tôi không còn bị phân tâm vì sự bận thỉu của cuộc đời này. Tôi sẽ có thể vẽ tất cả những vinh quang của Allah theo ký ức, trong hình thức thuần khiết nhất của chúng." Uzyn Hasan tin lời nhà tiểu họa vĩ đại này; và nhà tiểu họa giữ lời hứa, minh họa theo ký ức mình cuốn sách lộng lẫy nhất trong số những sách cho người trị vì Akgoýunly. Mọi người đều biết sức mạnh tinh thần do cuốn

sách mới đem lại chính là những gì nằm đằng sau chiến thắng của Uzyn Hasan trước Blacksheet và việc vị vua chiến thắng hành hình Jihan trong một cuộc đột kích gần Bingol. Cuốn sách lộng lẫy này, cùng với cuốn mà Sheikh Ali Tabrizi đã làm cho vua Jihan quá cố, được đưa vào kho tàng của Đức vua chúng ta tại Istanbul khi Uzyn Hasan bách thắng bị hoàng đế Fatih Mehmet 3 đánh bại tại trận Otlukbeli. Những ai thực sự nhìn thấy thì đều biết.

BA.

Vì Người bản xứ Thiên đàng, Đại vương Suleyman, Kẻ đặt ra luật pháp, ưu ái những nhà thư pháp hơn những nhà minh họa, nên những nhà tiểu họa không may thời đó sẽ kể lại câu chuyện này như một minh chứng cho thấy minh họa hơn hẳn thư pháp như thế nào. Tuy nhiên những ai chú ý kỹ sẽ nhận ra, câu chuyện này thực sự nói về phẫn nộ và ký ức. Sau cái chết của Tamerlane, người cai trị thế giới, các con trai và cháu nội ông bắt đầu tấn công và đánh nhau một cách không thương xót. Mỗi khi một người trong bọn họ chinh phục được thành phố của một đối phương, hành động đầu tiên của hắn là đúc tiền của riêng mình và đọc một bài thuyết giáo tại thánh đường. Hành động thứ hai trong vai trò kẻ chiến thắng là xé rời những cuốn sách mà hắn chiếm được; một lời đề tặng mới sẽ được viết ra, ca tụng kẻ chinh phục mới là người thống trị thế gian mới, một phần lai lịch mới sẽ được thêm vào cuối sách, và tất cả được đóng lại với nhau để những ai nhìn vào cuốn sách của kẻ chinh phục sẽ tin rằng hắn ta thực sự là kẻ thống trị thế giới. Khi Abdullatif, con trai của Ulug Bey và cháu nội của Tamerlane, chiếm được Heart, ông ta huy động những nhà tiểu họa, thư pháp và người đóng sách một cách quá vội vàng, thúc ép họ quá sức để làm ra một cuốn sách vinh danh cha ông ta, một người am hiểu nghệ thuật làm sách, đến độ khi những tập sách còn trong giai đoạn rời rạc chưa đóng lại và những trang chép tay đã bị hủy hoại và đốt cháy, thì những bức tranh tương ứng bị trộn lẫn cả vào nhau. Vì thanh danh của Ulug Bey không cho phép con trai ông sắp xếp và khâu những tập sách lại mà không quan tâm đến bức tranh nào thuộc câu chuyện nào, nên ông liền tập hợp tất cả các nhà tiểu họa ở Herat yêu cầu họ kể lại các câu chuyện nhằm xếp các tranh minh họa lại cho đúng

thứ tự. Tuy nhiên, mỗi nhà tiểu họa lại kể một câu chuyện khác nhau, nên thứ tự của những tấm tranh lại càng lộn xộn hơn. Sau đó người ta tìm được nhà tiểu họa đầu đàn già nhất còn sống sót. Ông đã bị mù sau khi lao động vất vả với những cuốn sách của tất cả các vị vua và hoàng tử ở Herat trong năm mươi bốn năm qua. Mọi người chấn động dữ dội khi nhận ra rằng ông thầy già hiện đang nhìn vào các bức tranh kia đã thực sự mù. Một số người cười âm lên. Vị thầy già này yêu cầu người ta đưa đến một cậu bé thông minh, dưới bảy tuổi và chưa biết đọc biết viết. Người ta tìm được một đứa trẻ như thế và đưa đến cho ông. Nhà tiểu họa già đặt trước mặt nó một số tranh minh họa. "Hãy tả lại những gì con thấy", ông hướng dẫn. Khi cậu bé tả lại những bức tranh, nhà tiểu họa già ngược đôi mắt mù lên trời, lắng nghe thật kỹ và trả lời: "Alexander đang bé Darius hấp hối trong Shahnameh 4 của Firdusi... chuyện kể về ông thầy yêu đưa học trò đẹp trai trong Gulistan 5 của Sadi... cuộc tranh tài của các thầy thuốc trong Makhzan al- Asrar 6 của Nizami...". Những nhà tiểu họa khác, bức bối trước đồng nghiệp già lão mù lòa của họ, bèn nói, "Chúng tôi cũng có thể nói cho ông biết vậy. Đây là những cảnh nổi tiếng nhất trong những câu chuyện nổi tiếng." Lần lượt, nhà tiểu họa mù lòa già này đặt những bức minh họa khó nhất trước mặt thằng bé và lại chú ý lắng nghe. "Hurmuz đang đầu độc từng nhà thư pháp một trong Shahnameh của Firdusi," ông nói, lại ngửa mặt lên trời. "Một sự thể hiện kém cỏi câu chuyện khủng khiếp về người chồng bị cấm sừng bắt gặp vợ anh ta và tình nhân của cô ả trên một cây lê, trong Masnawi 7 Của Rumi, ông nói. Theo cách này, dựa vào những mô tả của cậu bé, ông xác định được tất cả các bức tranh dù không hề nhìn được bức nào, và do đó thành công trong việc đóng lại những cuốn sách đúng thứ tự. Khi Ulug Bey vào Herat cùng quân đội của mình, ông đã hỏi nhà tiểu họa già này xem nhờ bí mật gì mà ông, một người mù, có thể nhận dạng những câu chuyện mà những nhà minh họa bậc thầy khác không thể xác định cho dù họ nhìn thấy chúng. "Như người ta quan niệm, không phải ký ức của tôi đã bù đắp cho phần mù của tôi," nhà minh họa già đáp. "Tôi luôn hiểu rằng người ta có thể nhớ lại câu chuyện không chỉ qua hình ảnh mà còn qua cả lời kể nữa." Ulug Bey đáp rằng những nhà tiểu họa của ông biết lời và cả câu chuyện, nhưng vẫn không thể sắp xếp các tranh theo thứ tự được. "Bởi vì," ông già nói, "họ

suy nghĩ cẩn thận khi vẽ tranh, vốn là kỹ năng hoặc nghệ thuật của họ, nhưng họ không hiểu rằng những bậc thầy già làm những bức tranh này theo ký ức về chính đấng Allah." Ulug Bey hỏi làm sao một đứa trẻ biết những điều như thế. "Đứa bé không biết," nhà tiểu họa già nói, "Nhưng tôi một nhà tiểu họa mù già, biết rằng Allah tạo ra cõi trần thế này theo cách mà một đứa bé bảy tuổi thông minh muốn thấy nó; hơn nữa, Allah tạo ra cõi trần gian này để, trên hết, mọi người có thể nhìn ngắm. Sau đó, Ngài cung cấp cho chúng ta ngôn từ để chúng ta có thể chia sẻ và thảo luận với nhau những gì chúng ta thấy. Chúng ta sai lầm khi cho rằng những câu chuyện này là kết quả của ngôn từ và rằng những bức minh họa được vẽ là để phục vụ cho những câu chuyện này. Hoàn toàn ngược lại, vẽ tranh là hành động tìm lại những ký ức của Allah và nhìn thế giới như Người nhìn thế giới."

DJIM

Cách nay hai trăm năm mươi năm, các nhà tiểu họa Ả Rập có thói quen nhìn chăm chăm vào chân trời tây lúc bình minh để làm dịu những lo lắng muôn thuở và dễ hiểu về việc bị mù mà nhà tiểu họa nào cũng nghĩ tới; tương tự, một thế kỷ sau ở Shiraz, nhiều nhà minh họa vẫn ăn quả óc chó nghiền với cánh hoa hồng khi bụng trống vào buổi sáng. Trong thời kỳ đó, giới tiểu họa già của Isfahan cũng tin rằng ánh nắng là thủ phạm gây mù, chứng bệnh mà lần lượt họ đều phải chịu, như thể một nạn dịch, họ thường làm việc trong góc tối mờ mờ của căn phòng, hầu hết cạnh ánh nến, để ngăn không cho ánh sáng mặt trời chiếu thẳng vào bàn làm việc. Cuối ngày, trong xưởng làm việc của những nghệ sĩ Uzbek của Bukhara, những thợ cả tiểu họa sẽ rửa mắt bằng nước đã được các thầy cả làm phép. Nhưng trong những cách phòng ngừa này, quan niệm thuần khiết nhất về kiếp mù lại được nhà tiểu họa Seyyit Mirek, cố vấn cho bậc thầy vĩ đại Bihzad, nghĩ ra ở Herat. Theo nhà tiểu họa bậc thầy Mirek, chứng mù không phải là một tai họa, mà nó là phần thưởng vinh dự mà đấng Allah ban cho nhà tiểu họa nào đã cống hiến cả cuộc đời cho những vinh quang của Người; bởi khi nhà tiểu họa tiến hành minh họa, ấy là anh ta tìm kiếm cách nhìn cõi trần thế của Allah, và cái thị kiến độc nhất này chỉ có thể đạt được thông qua việc hồi tưởng sau khi đã bị mù, chỉ sau khi nhà tiểu họa làm việc cật lực cả đời, và chỉ sau khi đôi mắt

anh ta mệt mỏi và anh ta sức cùng lực kiệt. Vì vậy, cách nhìn của Allah về thế giới của Người chỉ trở nên rõ ràng qua ký ức của những nhà tiểu họa mù. Khi hình ảnh này đến với nhà tiểu họa già, đó là khi ông thấy thế giới như Allah thấy nó, qua bóng tối của ký ức và kiếp mù, nhà minh họa sẽ dành cả cuộc đời huấn luyện bàn tay mình để nó có thể chuyển sự phát hiện tráng lệ này vào trang giấy. Theo sử gia Mirza Muhammet Haydar Duglat, người viết nhiều về những truyền thuyết của giới tiểu họa Herat, thì bậc thầy Seyyit Mirek, trong phần giải thích cho khái niệm đã đề cập trên đây của ông về hội họa, đã sử dụng ví dụ về nhà minh họa muốn vẽ một con ngựa. Ông lập luận rằng ngay cả một họa sĩ bất tài nhất - người mà đầu óc trống rỗng giống như những họa sĩ Venice hiện nay. những kẻ vẽ bức tranh con ngựa trong khi nhìn vào con ngựa - vẫn tạo ra hình ảnh đó từ ký ức; bởi vì anh biết đấy, người ta không thể cùng một lúc vừa nhìn con ngựa vừa nhìn vào trang giấy mình đang vẽ ngựa. Thoạt tiên, nhà minh họa nhìn con ngựa, sau đó anh ta nhanh chóng chuyển những gì nằm trong đầu anh ta vào trang giấy. Trong khoảng thời gian chuyển tiếp đó, thậm chí chỉ trong nháy mắt những gì người họa sĩ thể hiện trên trang giấy không phải là con ngựa anh ta thấy mà là ký ức về con ngựa anh ta vừa nhìn. Chứng cứ đó cho thấy rằng với ngay cả một nhà minh họa khôn khéo nhất, ông ta chỉ có thể làm được một bức tranh thông qua ký ức. Sự mở rộng khái niệm này theo luận lý, vốn xem cuộc sống lao động tích cực của một nhà tiểu họa chỉ là việc chuẩn bị cho niềm hạnh phúc sẽ đến của kiếp mù và ký ức mù, đi đến chỗ cho rằng những bậc thầy của Herat xem những tranh minh họa họ làm cho các vua chúa và hoàng tử yêu thích sách chỉ như là huấn luyện bàn tay - như một bài tập. Họ chấp nhận công việc đó, vẽ liên tục và nhìn chăm chăm vào các tranh dưới ánh nến trong nhiều ngày không ngừng nghỉ, như thứ lao động đầy niềm vui vốn đưa nhà tiểu họa đến chỗ mù. Suốt cả cuộc đời mình, nhà tiểu họa bậc thầy Mirek đã không ngừng tìm ra phút giây thích hợp nhất cho điều vinh quang nhất sắp đến này, hoặc bằng cách cố ý thúc đẩy chứng mù qua việc bỏ công vẽ cây cối cùng tất cả lá của chúng trên móng tay, hạt gạo và cả trên những sợi tóc, hoặc bằng cách cố tình trì hoãn bóng tối sắp đến bằng việc vẽ cầu thả những khu vườn để chịu đầy ánh nắng. Khi ông ta đã bảy mươi, để thưởng cho bậc thầy vĩ đại này, Vua Huseyin Baykara cho phép ông bước

vào kho báu chứa hàng ngàn tấm bản thảo mà nhà vua đã sưu tập và cất giữ sau nhiều lớp khóa. Trong kho báu đó cũng chứa vũ khí, vàng bạc và hàng hàng lớp lớp nhung lụa, dưới ánh nền của chiếc đèn bằng vàng, Thầy Mirek nhìn chăm chú những trang sách trắng lợt, mà mỗi trang là một truyền thuyết do những bậc thầy xưa của Herat làm. Sau ba ngày đêm xem xét tỉ mỉ không nghỉ, bậc thầy này bị mù. Ông chấp nhận tình trạng này với sự chín chắn và cam chịu, theo cách người ta chào đón các Thiên sứ của đấng Allah, và ông không bao giờ nói hay vẽ nữa. Mirza Muhammet Haydar Duglat, tác giả cuốn Tarih-i Residi 8, đã kết luận diễn biến này như sau: "Một nhà tiểu họa đã hợp nhất với tâm nhìn và cảnh trí của thời gian bất tử của Allah không bao giờ có thể quay trở lại những trang bản thảo dành cho người phàm," và ông nói thêm, "Bất cứ nơi nào mà ký ức của nhà tiểu họa mù với được tới Allah, ở đó bao trùm một sự im lặng tuyệt đối, một bóng tối đầy ân sủng và sự vô tận của một trang giấy trắng."

Chắc chắn vì muốn được thoải mái hơn là muốn nghe câu trả lời của tôi cho câu hỏi của Thầy Osman về kiếp mù và ký ức nên Siyah mới hỏi tôi câu đó trong khi anh ta nhìn chăm chú những vật dụng của tôi, căn phòng của tôi và bức tranh của tôi.

Nhưng một lần nữa, tôi hài lòng khi thấy những câu chuyện tôi vừa kể đã tác động đến anh ta. "Kiếp mù là một cõi hạnh phúc tột cùng mà Quỷ sứ và tội lỗi bị ngăn không thể vào được", tôi nói với anh ta.

"Ở Tabriz," Siyah nói, "do ảnh hưởng của Thầy Mirek, một số nhà tiểu họa theo phong cách cũ vẫn xem kiếp mù là đức hạnh vĩ đại nhất mà Allah ban cho, và họ phiền lòng khi họ già đi mà vẫn chưa mù. Ngay cả ngày nay, vì sợ rằng người khác sẽ xem điều này như chứng cứ của việc thiếu kỹ xảo và tài năng, nên họ giả vờ bị mù. Do quan niệm đạo đức vốn mang ảnh hưởng của Jemalettin xứ Kazvin này, một số trong bọn họ vẫn ngồi hàng tuần liền trong bóng tối giữa những chiếc gương trong ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn dầu, không ăn không uống, chỉ nhìn chăm chăm vào những trang minh họa do các bậc thầy Herat ngày xưa đã vẽ để học cách nhận biết thế giới giống một người mù dù họ không thực sự bị mù."

Có người gõ cửa. Tôi mở cửa thì thấy một cậu học việc đẹp trai trong xưởng làm việc đang trợn tròn đôi mắt đẹp như hai quả hạnh. Cậu ta nói rằng xác người anh em của chúng tôi, thợ mạ vàng Zarif Kính mền, đã được tìm thấy trong một cái giếng hoang, và đám tang anh ta sẽ cử hành tại Thánh đường Mihrimah trong buổi cầu kinh chiều. Xong cậu ta chạy đi báo tin này cho những người khác. Ôi, cầu Allah che chở chúng con.

- 1 Hediye al-Siki-dostluk: Quà tặng bạn tình.
- 2 Garagoýunly: Xem phần Niên biểu ở cuối sách.
- 3 Mehmet: Kẻ chinh phục.
- 4 Shahnameh: Sách các Vua.
- 5 Gulistan: Vườn Hồng.
- 6 Makhzan al- Asrar: Kho tàng những bí ẩn.
- 7 Masnawi: Những câu thơ đôi thông linh.
- 8 Tarih-i Residi: Lịch sử Residi.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 15: Tôi Là Esther

Hãy cho tôi biết, liệu tình yêu làm cho người ta trở thành tên ngốc hay chỉ có những tên ngốc mới yêu? Tôi là một kẻ bán quần áo và bà mối trong nhiều năm, mà tôi chẳng biết chút gì về chuyện này. Tôi hỏi họ làm sao khi trở nên thân quen với những người - hoặc những đôi - vốn ngày càng thông minh hơn và càng yêu sâu đậm thì càng trở nên tinh quái và xảo quyệt. Nhưng tôi biết rõ điều này: Nếu một người phải sử dụng đến mưu mẹo, sự lừa đảo và thủ đoạn vụn vặt, thì có nghĩa là anh ta còn lâu mới yêu. Về phần Siyah Kính mền, rõ ràng là anh ta mất bình tĩnh - thậm chí khi nói về Shekure anh ta còn mất cả tự chủ.

H

Ở chợ, tôi nói với anh ta điệp khúc thuộc lòng mà tôi thường nói với mọi người: Shekure luôn nghĩ về anh ta, cô ấy hỏi tôi về thư hồi âm của anh ta, tôi chưa từng thấy cô ấy như vậy bao giờ và vân vân. Anh ta nhìn tôi với cái nhìn khiến tôi thấy tội nghiệp. Anh ta bảo tôi đem thư đến cho Shekure ngay lập tức.

Mọi chàng ngốc đều cho rằng tình yêu của anh ta là tình huống cấp bách cần phải gấp lên, do đó phô bày cường độ tình yêu của anh ta và vô tình đặt vũ khí vào tay người yêu của anh ta. Bài học: Sự hấp tấp làm trì hoãn những thành quả tình yêu.

Nếu chàng Siyah si tình biết trước tiên tôi đánh một đường vòng khi mang lá thư mà anh ta ra lệnh cho tôi giao "Hỏa tốc," anh ta sẽ cảm ơn tôi. Trong quảng trường chợ, tôi gần chết công khi chờ anh ta. Sau khi anh ta đi, tôi nghĩ mình nên đến thăm một trong những đứa "con gái" của tôi để sưởi ấm. Tôi gọi những cô gái mà tôi từng giúp chuyển thư, những người mà tôi đồ mò hôi trán để mai mối, là "con gái" tôi. Cô gái xấu xí này của tôi quá

biết ơn tôi đến độ mỗi lần tôi ghé thăm, không chỉ hầu hạ tôi hết mình, lãng xãng giống như con mồi, con bé còn nhét vài đồng bạc vào tay tôi nữa. Hiện giờ con bé đang có mang và rất vui. Con bé châm trà, tôi nhấp từng ngụm thưởng thức. Khi con bé để tôi một mình, tôi đếm mớ tiền Siyah đã cho tôi. Hai mươi đồng bạc.

Tôi lại lên đường. Tôi đi qua những ngã tư và những con hẻm đáng ngại lầy lội, đóng băng và hầu như không thể đi được. Khi tôi gõ cửa, sự vui vẻ ngập trong tôi và tôi la to.

"Quần áo đây! Quần áo đâyyy!" tôi nói. "Đến xem loại vải muxolin cực tốt dành cho Đức vua đây. Đến xem những khăn choàng Kashmir lông lầy đây, vải nhung Bursa để may khăn quàng đây, áo cánh Ai Cập viền lụa thượng hạng đây, khăn trải bàn muxolin thêu đây, nệm và khăn trải giường đây, cả khăn tay đủ màu đây nữa. Quần áo đâyyy!"

Cửa mở, tôi bước vào. Như thường lệ, căn nhà đầy mùi giường chiếu, giấc ngủ, mùi dầu chiên và ẩm mốc, mùi khùng khiếp đặc biệt của những kẻ độc thân lớn tuổi.

"Mụ phù thủy già," anh ta nói. "Làm gì mà mụ la dữ vậy?" Tôi lặng lẽ móc lá thư trao cho anh ta. Trong căn phòng lờ mờ, anh ta rón rén và lặng lẽ đến gần tôi rồi vồ lấy nó. Anh ta bước vào căn phòng kế bên nơi luôn có một ngọn đèn dầu. Tôi chờ ngay ngưỡng cửa.

"Ba anh không có ở nhà hả?"

Anh ta không trả lời. Anh ta chìm đắm vào lá thư. Tôi để anh ta đọc một mình. Anh ta đứng đằng sau ngọn đèn, tôi không thấy được mặt anh ta. Sau khi đọc xong lá thư anh ta đọc lại lần nữa.

"Anh ta viết gì trong đó vậy?" tôi hỏi.

Hasan đọc:

Shekure yêu quý nhất đời anh, vì anh cũng đã nhiều năm nay trải qua

những giấc mơ của một kẻ cô đơn nên anh thấu hiểu một cách trân trọng việc em chờ chòng mà không hề nghĩ đến người khác. Người ta có thể chờ đợi điều gì khác ở một người phụ nữ như em ngoài đức hạnh và sự trung thực? (Hasan cười khùng khục!) Tuy nhiên việc anh đến thăm cha em vì hội họa sẽ không đi tới chỗ quấy rầy em. Điều này thậm chí không hề có trong nghĩ của anh. Anh không hề nói rằng mình đã nhận được một dấu hiệu nào của em hay bất cứ sự khích lệ nào khác. Khi khuôn mặt em hiện ra ngay cửa sổ như thứ ánh sáng diệu kỳ, anh xem đó chính là một đặc ân của Thượng đế. Niềm vui được thấy mặt em là tất cả những gì anh cần. (Hắn lấy câu này của Nizami. Hasan cắt ngang bực bội.) Nhưng em yêu cầu anh giữ khoảng cách; vậy hãy cho anh biết em có phải là một thiên thần không mà việc tới gần em lại khủng khiếp đến vậy? Hãy nghe những gì anh muốn nói, nghe này: Anh thường cố dỗ giấc khi nhìn ánh trăng chiếu trên những ngọn núi trơ trụi ở những quán trọ xa xôi buồn tẻ nơi không có ai trừ một người giữ quán trọ liều lĩnh và vài kẻ tội phạm trốn giá treo cổ đến cư ngụ, và ở đó, lúc nửa đêm, lắng nghe tiếng tru của những con sói thậm chí còn cô đơn và bất hạnh hơn cả chính anh. Anh thường nghĩ rằng một ngày nào đó em sẽ đột nhiên hiện ra với anh, như em đã làm thế nơi cửa sổ.

Hãy đọc kỹ: Bây giờ khi anh về với cha em vì cuốn sách, em gửi trả lại bức tranh anh đã làm hồi nhỏ. Anh biết đây không phải là dấu liệu báo cái chết của em mà là dấu hiệu rằng anh đã tìm lại được em. Anh đã gặp một trong hai đứa con của em, Orhan. Đứa bé không cha tội nghiệp đó. Một ngày nào đó anh sẽ trở thành cha nó!

"Thượng đế che chở anh ta, anh ta viết hay thiệt," tôi nói, "anh chàng này đã trở thành thi sĩ thứ thiệt."

"Em có phải là một thiên thần không mà việc tới gần em lại khủng khiếp đến vậy?" anh ta lặp lại. "Hắn ăn cắp dòng này của Ibn Zerhani. Tôi có thể viết hay hơn." Anh ta móc lá thư của anh ta ra khỏi túi. "Cầm cái này đưa cho Shekure."

Lần đầu tiên, việc nhận tiền cùng những lá thư khiến tôi bối rối. Tôi cảm

thấy một điều gì đó giống như sự ghê tởm đối với người đàn ông này và nỗi ám ảnh khủng khiếp của anh ta, tình yêu đơn phương của anh ta. Hasan, như để khẳng định linh cảm của tôi lần đầu tiên sau rất lâu nay đã gạt bỏ phép xã giao lịch sự của anh ta mà nói rất thô lỗ:

"Hãy nói với cô ấy là nếu muốn, chúng tôi có thể buộc cô ấy trở về đây với sức ép của quan tòa."

"Anh thực lòng muốn tôi nói như vậy hả?"

Im lặng.

"Không," anh ta nói. Ánh sáng từ ngọn đèn dầu soi sáng khuôn mặt anh ta, cho tôi thấy anh ta cúi đầu như đứa trẻ có lỗi. Chính vì tôi biết mặt này của tính cách Hasan quá rõ mà tôi tôn trọng một số tình cảm của anh ta và chuyển thư cho anh ta. Không phải chỉ vì tiền, như các vị có thể nghĩ.

Tôi rời ngôi nhà, và anh ta chặn tôi ngay cửa.

"Chị có cho Shekure biết tôi yêu cô ấy cỡ nào không?" Anh ta hỏi tôi một cách đầy kích động và ngốc nghếch.

"Bộ anh không cho cô ấy biết điều đó trong mấy lá thư sao?"

"Hãy chỉ cho tôi làm sao thuyết phục được cô ấy với cha cô ấy? Làm sao tôi thuyết phục được họ?"

"Cứ là một người tốt," tôi nói và đi ra cửa.

"Ồ tuổi này, quá trẻ rồi..." anh ta nói đầy khổ não.

"Anh bắt đầu kiếm được nhiều tiền, Nhân viên Hải quan Hasan. Điều này khiến người ta trở thành một người tốt..." tôi nói rồi bỏ đi.

Ngôi nhà đó quá tối, quá buồn đến độ không khí bên ngoài có vẻ ấm hơn. Ánh nắng chiếu vào mặt tôi. Tôi ước cho Shekure được hạnh phúc. Nhưng tôi cũng cảm thấy thế nào ấy đối với người đàn ông tội nghiệp trong

ngôi nhà tối tăm, lạnh lẽo và ẩm thấp đó. Trong cơn bốc đồng tôi rẽ vào khu chợ gia vị ở Laleli, nghĩ rằng mùi của quế, nghệ tây và tiêu sẽ làm tinh thần tôi sáng khoái lại. Tôi đã lầm.

Tại nhà Shekure, sau khi nhận những lá thư, cô lập tức hỏi thăm về Siyah, tôi nói với cô rằng ngọn lửa tình yêu đã nhấn chìm không thương tiếc cả con người anh ta. Tin này làm cô thấy vui.

"Ngay cả những phụ nữ không chồng cô đơn bận đan lát cũng bàn tán việc Zarif Kính mến bị giết," sau đó tôi nói, đổi đề tài.

"Hayriye, hãy làm vài món bánh kẹo làm quà chia buồn rồi mang đến cho Kalbiye, quả phụ của Zarif Kính mến tội nghiệp", Shekure nói.

"Tất cả người Erzurum và rất đông người khác sẽ dự lễ tang của anh ta," tôi nói. "Họ hàng của anh ta thề sẽ trả thù." Shekure đã bắt đầu đọc thư của Siyah. Tôi nhìn khuôn mặt cô một cách chăm chú và tức tối. Người phụ nữ này có lẽ cáo già đến độ có thể kiểm soát những cảm xúc của mình thể hiện trên nét mặt. Trong khi cô đọc, tôi có cảm giác rằng sự im lặng của tôi làm cô hài lòng, rằng cô xem nó như sự tán thành của tôi về tầm quan trọng đặc biệt cô dành cho lá thư của Siyah. Shekure đọc xong lá thư và mỉm cười với tôi; nhìn thấy sự hài lòng của cô, tôi cảm thấy buộc phải hỏi, "Anh ta viết gì vậy?"

"Giống như thời anh ta còn nhỏ... Anh ta yêu tôi."

"Cô nghĩ sao?"

"Tôi là phụ nữ đã có chồng. Tôi đang chờ chồng tôi."

Trái với mong đợi của các vị, việc cô ấy nói dối tôi sau khi yêu cầu tôi dính líu vào chuyện riêng tư của cô ấy không làm tôi giận. Thực sự ra, lời bình luận này làm tôi nhẹ nhõm. Giá như trong số các cô gái trẻ và phụ nữ mà tôi đưa thư và khuyên nhủ về cách cư xử ở đời có nhiều người quan tâm đến những chi tiết hơn, giống như Shekure, thì họ đã giảm bớt đến phân nửa

công việc cho cả hai phía chúng tôi rồi. Quan trọng hơn, họ sẽ đi đến những cuộc hôn nhân tốt đẹp hơn.

"Còn lá thư kia viết gì?" tôi hỏi.

"Tôi không định đọc thư của Hasan lúc này," cô ấy đáp. "Hasan có biết Siyah đã trở về Istanbul không?"

"Thậm chí anh ta còn không biết Siyah có trên đời này nữa là."

"Chị có nói chuyện với Hasan không?" cô hỏi, trợn tròn đôi mắt to đen xinh đẹp.

"Như cô đã yêu cầu."

"Sao?"

"Anh ta đang đau khổ. Anh ta yêu cô tha thiết. Cho dù tim cô thuộc về người khác, bây giờ thật khó thoát khỏi anh ta. Bằng việc chấp nhận những lá thư của anh ta, cô đã kích lệ anh ta rất nhiều. Tuy nhiên hãy thận trọng với anh ta. Vì anh ta không chỉ muốn cô trở về đó, mà bằng cách xác nhận anh của anh ta đã chết, anh ta đang chuẩn bị cưới cô."

Tôi mỉm cười để làm dịu sức nặng của những lời này và để không bị biến thành cái loa của kẻ bất bình kia.

"Vậy người kia nói gì?" cô hỏi, nhưng chẳng lẽ chính cô cũng biết mình đang hỏi về ai sao?

"Nhà tiểu họa ấy à?"

"Đầu óc tôi rối tung hết rồi," bắt ngờ cô nói, có lẽ sợ những ý nghĩ của chính mình. "Có vẻ như mọi chuyện rối loạn hết cả. Cha tôi ngày càng già. Rồi chúng tôi sẽ ra sao, những đứa trẻ không cha này sẽ thế nào đây? Tôi có cảm giác một điều xấu đang đến, rằng Quỷ sứ sắp làm trò quái ác gì đó cho chúng tôi. Esther, nói gì để cổ vũ tôi đi."

"Đừng quá lo lắng, Shekure thân yêu," tôi nói khi nỗi xúc động trào dâng trong lòng. "Cô thật sự thông minh, cô rất xinh đẹp. Một ngày nào đó cô sẽ ngủ chung giường với người chồng đẹp trai của cô, cô sẽ ôm chặt anh ta, và khi quên được mọi ưu tư của mình, cô sẽ hạnh phúc. Tôi có thể đọc được điều ấy trong mắt cô."

Cảm giác như thể dâng lên trong tôi đến độ mắt tôi ngấn lệ.

"Được, nhưng ai sẽ là chồng tôi?" "Trái tim thông minh của cô không trả lời cho cô sao?"

"Bởi vì tôi không hiểu điều trái tim tôi đang nói rằng tôi thấy chán nản."

Bất chợt tôi nhận ra rằng Shekure không tin tưởng tôi chút nào cả, rằng cô ấy khéo léo che đậy sự nghi ngờ của cô ấy để biết được những gì tôi đã biết, rằng cô ấy đang cố khơi dậy lòng thương hại của tôi. Khi tôi thấy cô ấy sẽ không viết hồi âm cho những lá thư đó ngay lúc này, tôi chộp lấy túi của mình, bước ra sân và bỏ đi - nhưng không quên nói điều mà tôi từng nói với mọi cô gái, cả những người bị lẻ:

"Đừng sợ, nếu cô giữ cho đôi mắt đẹp của cô tinh tường, thì không có nỗi bất hạnh nào, hoàn toàn không có nỗi bất hạnh nào sẽ xảy ra với cô đâu."

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 16: Tôi, Shekure

Thật lòng mà nói, cứ mỗi lần Esther người bán quần áo đến thăm tôi lại tưởng tượng ra một người đàn ông đang yêu rất cuộc sẽ có nỗi thôi thúc muốn viết một lá thư khả dĩ khuấy động trái tim một phụ nữ thông minh như tôi - đẹp, có giáo dục và góa bụa, nhưng với thanh danh còn nguyên vẹn - và làm cho nó đập rộn ràng. Và việc phát hiện rằng lá thư đến từ một trong những người thường xuyên theo đuổi tôi ít nhất sẽ củng cố quyết tâm và sự kiên trì chờ đợi ngày trở về của chồng tôi. Song những ngày này, mỗi lần Esther ra về, tôi lại trở nên bối rối và cảm thấy còn khổ não hơn.

T

Tôi lắng nghe âm thanh trong thế giới của mình. Từ nhà bếp vang lên tiếng nước sôi lụp bụp với mùi của chanh và hành.

Hayriye đang luộc bí. Shevket và Orhan đang nô đùa và chơi trò kiểm sĩ trong sân dưới gốc cây lựu, tôi nghe tiếng la của chúng. Cha tôi ngồi lặng lẽ trong phòng kế bên. Tôi mở lá thư của Hasan ra đọc và yên tâm rằng chẳng có lý do gì để lo lắng. Tôi vẫn hơi sợ chú ấy hơn, và tự hào vì đã cưỡng lại được những nỗ lực của chú ấy muốn làm tình với tôi khi chúng tôi còn sống chung một nhà. Kế đến, tôi đọc lá thư của Siyah, cảm thật nhẹ nhàng như thể nó là một chú chim mỏng manh yếu ớt, và những ý tưởng của tôi bị xáo trộn. Tôi không đọc lại những lá thư. Mặt trời ló ra sau những đám mây và tôi chợt nghĩ nếu có một đêm tôi bước vào phòng ngủ của Hasan và làm tình với chú ấy thì không ai, trừ đáng Allah, sẽ là người khôn ngoan hơn tôi cả. Chú ấy giống người chồng mất tích của tôi; hẳn là cũng một mà thôi. Đôi khi một ý tưởng kỳ lạ giống như vậy hiện ra trong đầu tôi. Khi mặt trời nhanh chóng sưởi ấm tôi, tôi có thể cảm thấy thân thể mình: da tôi, cổ tôi, thậm chí hai núm vú tôi. Orhan lên vào khi ánh nắng chiếu vào tôi qua cánh cửa mở.

"Mẹ ơi mẹ đọc cái gì vậy?" nó hỏi.

Thôi được, còn nhớ tôi có nói rằng tôi không đọc lại những lá thư Esther vừa đưa không? Tôi đã nói dối. Tôi đang đọc lại chúng. Lần này, tôi thực sự xếp chúng lại và giấu vào áo choàng.

"Lại đây, con, ngồi lên đùi mẹ này," tôi nói với Orhan. Nó làm theo. "Ô. Con nặng quá rồi. Cầu Thượng đế che chở con, con lớn thật rồi," tôi nói và hôn nó. "Con lạnh như nước đá ấy..."

"Mẹ ấm quá, mẹ à," nó ngắt lời, rúc vào ngực tôi.

Chúng tôi tựa sát vào nhau, vui sướng ngồi như vậy trong im lặng. Tôi hít gáy nó và hôn nó. Tôi siết chặt nó. Chúng tôi ngồi im.

"Con nhột quá," sau cùng nó nói."

"Nói mẹ nghe nào," tôi nói với giọng nghiêm túc. "Nếu Bụt hiện ra và cho con một điều ước, con ước gì?"

"Con muốn Shevket biến mất."

"Còn gì nữa? Con có muốn có cha không?"

"Không, chừng nào lớn lên con sẽ cưới mẹ."

Không phải tuổi già, việc mất đi nhan sắc hay thậm chí mất chồng và tiền bạc là điều tệ hại nhất trong số các tai ương, mà điều thật sự khủng khiếp là không có ai ghen tỵ với bạn. Tôi thả thân thể ấm áp của Orhan xuống. Nghĩ rằng một người đàn bà tội lỗi như tôi phải cưới một ai đó có lòng tốt, tôi đi sang gặp cha tôi.

"Đức vua sẽ ban thưởng cho cha sau khi tận mắt chứng kiến cuốn sách của Ngài đã hoàn tất," tôi nói. "Cha sẽ đến Venice lần nữa."

"Ta không chắc," cha tôi nói. "Vụ sát nhân này khiến ta đau đớn. Nhưng kẻ thù của chúng ta rõ ràng rất mạnh."

"Con biết rằng tình huống của riêng con đã khuyến khích họ, gây ra những hiểu lầm và những hy vọng vô căn cứ."

"Ý con là sao?"

"Con phải lấy chồng càng sớm càng tốt."

"Cái gì?" cha tôi nói. "Lấy ai? Mà con đã có chồng rồi. Ý này ở đâu ra vậy?" ông hỏi. "Ai muốn cưới con? Ngay cả nếu chúng ta tìm ra một người hấp dẫn và biết điều," người cha hiểu biết của tôi nói, "Cha không tin chúng ta có thể chấp nhận anh ta, con hiểu mà." Ông kết luận tình huống bất hạnh của tôi như sau: "Con phải hiểu rằng có những vấn đề phức tạp và lớn lao mà chúng ta phải giải quyết trước khi con có thể tái giá." Sau một hồi lâu im lặng, ông nói thêm, "Con muốn rời bỏ ta phải không, con yêu?"

"Tôi qua con mơ thấy chồng con đã chết," tôi nói. Tôi không khóc theo kiểu một phụ nữ vốn thực sự có một giấc mơ như thế sẽ khóc.

"Giống như những người biết cách hiểu một bức tranh, người ta phải biết cách hiểu một giấc mơ."

"Theo ý cha là con nên mô tả lại giấc mơ đó à?"

Im lặng một lát: Chúng tôi mỉm cười với nhau, nhanh chóng luận ra - như những người thông minh thường làm - tất cả những kết luận có thể có từ vấn đề này.

"Bằng cách giải thích giấc mơ của con, ta có thể tin chắc chồng con đã chết, nhưng cha chồng, em chồng con và quan tòa, những kẻ buộc phải lắng nghe chúng ta, sẽ đòi hỏi bằng chứng cụ thể hơn."

"Con với bọn trẻ đã về ở đây hai năm rồi và bên nhà chồng con không thể buộc con trở về..."

"Bởi vì họ biết rất rõ họ phải chịu trách nhiệm về những điều sai quấy

mà chính họ đã làm." cha tôi nói. "Điều này không có nghĩa là họ sẽ sẵn lòng cho phép con đề nghị ly dị."

"Nếu chúng ta là tín đồ của giáo phái Maliki hay Hanbeli," tôi nói, "thì quan tòa, khi thừa nhận chồng con vắng mặt đã hơn bốn năm rồi, họ sẽ chấp nhận cho con ly dị cộng với việc bảo đảm một khoản trợ cấp cho con. Nhưng vì chúng ta, nhờ ơn thánh Allah, là tín đồ Hanefi, nên chúng ta không thể chọn cách này."

"Đừng nói tới gã theo phái Shafi tạm thay quan tòa Uskuda với ta. Đó không phải là một kế hoạch hay ho."

"Mọi phụ nữ Istanbul có chồng mất tích ngoài mặt trận đều đến chỗ ông ấy mang theo nhân chứng để được ly dị. Vì ông ta theo phái Shafi, ông ta chỉ hỏi, "Có phải chồng bà mất tích không?", "Ông ta mất tích bao lâu rồi?", "Bà có rắc rối gì trong việc kiếm đủ tiền để sống không?", "những người này là nhân chứng của bà hả?", và chấp nhận cho ly dị ngay."

"Shekure yêu quý của ta, ai đã cấy những kế hoạch như thế vào đầu con vậy?" ông hỏi. "Ai đã lấy mất lý trí của con thế?"

"Sau khi con được ly dị vĩnh viễn, nếu có một người thật sự lấy mất lý trí của con, dĩ nhiên cha sẽ nói cho con biết ai có thể là người như vậy và con sẽ không bao giờ chất vấn quyết định của cha về chồng con nữa."

Người cha khôn ngoan của tôi, nhận ra con gái ông cũng khôn ngoan như ông, bắt đầu chớp mắt. Cha tôi sẽ chớp mắt nhanh như thế này vì ba lý do: 1. Bởi ông đang trong tình thế khó xử và ông đang suy tính để tìm một lối thoát khôn khéo; 2. Bởi ông sắp khóc vì sầu khổ và tuyệt vọng; 3. Bởi ông đang trong tình thế khó xử, nên kết hợp khéo léo lý do một và hai để tạo ấn tượng rằng ông có thể khóc vì sầu khổ.

"Con sẽ mang bọn trẻ đi và bỏ lại người cha già này sao?" Con có nhận ra rằng vì cuốn sách của chúng ta" - phải, ông nói cuốn sách của chúng ta" - nhà ta sợ bị giết, rồi bây giờ con lại muốn mang bọn trẻ đi, ta chỉ còn nước

chờ đợi cái chết thôi."

"Cha thân yêu, chẳng phải cha luôn miệng nói rằng chỉ có ly dị mới cứu con khỏi gã em chồng vô tích sự đó sao?"

"Ta không muốn con bỏ ta. Một ngày nào đó chồng con sẽ trở về. Thậm chí dù nó không về thì cũng chẳng hại gì việc con đã có chồng - miễn là con sống trong nhà này với ta."

"Con chẳng muốn gì hơn được sống trong nhà này với cha."

"Con yêu, chẳng phải con mới nói rằng con muốn lấy chồng càng sớm càng tốt sao?"

Đây là ngõ cụt mà bạn lọt vào khi tranh luận với cha: Rốt cuộc thì, chính bạn cũng sẽ tin chắc bạn sai.

"Con có nói", tôi nói, nhìn chăm chăm xuống mặt đất trước mặt. Rồi, cố kìm nước mắt và được khích lệ bởi sự thật về những gì đang nảy ra trong đầu, tôi nói: "Vậy là con sẽ không bao giờ tái giá được sao?"

"Có một chỗ đặc biệt trong trái tim ta dành cho đứa con rể nào không mang con rời xa ta. Ai là kẻ theo đuổi con, liệu nó có chịu sống trong nhà này với chúng ta không?"

Tôi im lặng. Dĩ nhiên, cả hai chúng tôi đều biết, cha tôi sẽ không bao giờ coi trọng một đứa con rể chịu về sống chung với chúng tôi, mà dần dần sẽ khinh miệt và áp chế chàng rể. Và khi sự khinh thường khéo léo và tệ hại của người cha dành cho đứa con rể chịu vào sống chung nhà vợ xảy ra thì tôi sẽ nhanh chóng không còn muốn làm người vợ đó nữa.

"Con biết rằng trong tình huống của con, nếu không có sự chấp thuận của người cha thì việc cưới hỏi là hoàn toàn không thể, đúng không? Ta không muốn con lấy chồng, và ta không cho phép con làm thế..."

"Con không muốn lấy chồng, con chỉ muốn ly dị."

"... bởi vì thú tính cầu thả của một người vốn chẳng quan tâm đến gì khác ngoài những mối quan tâm của riêng anh ta có thể làm con thương tổn. Con biết là ta rất yêu con mà, đúng không, Shekure yêu quý? Ngoài ra chúng ta còn phải hoàn thành cuốn sách này nữa".

Tôi chẳng nói gì. Vì nếu tôi nói tiếp - bị thúc đẩy bởi Quý sứ, kẻ biết rõ tôi đang giận dữ - tôi sẽ nói thẳng vào mặt cha tôi rằng tôi biết ông đêm đêm vẫn ngủ với Hayriye. Nhưng liệu có thích hợp với một phụ nữ như tôi khi thừa nhận rằng cô ta biết người cha già của cô ngủ với một nữ nô lệ không?

"Ai muốn cưới con vậy?"

Tôi nhìn xuống đất và im lặng, không phải vì bối rối, mà vì giận dữ. Và chính việc nhận ra mức độ giận dữ của mình, nhưng không thể phản ứng lại bằng một thái độ nào đó, lại càng khiến tôi tức tối hơn. Lúc đó, tôi hình dung cha tôi và Hayriye trên giường trong tư thế đáng tởm và lộ bịch kia. Tôi chực trào nước mắt khi nói:

"Có nồi bí luộc trên bếp, con sợ nó khét."

Tôi chạy qua phòng cạnh cầu thang, căn phòng có cửa sổ nhìn ra giếng luôn bị đóng lại. Trong bóng tối, tôi quờ tay tìm tấm nệm cuộn, trải ra rồi nằm xuống. Ôi, thật dễ chịu xiết bao, được nằm xuống mà ngủ thiếp trong khi nước mắt tuôn tràn như đứa trẻ bị phạt oan! Và thật đau khổ khi biết rằng tôi là người duy nhất trên thế giới này thích tôi. Khi tôi khóc trong nỗi cô độc, chỉ có bạn, người nghe được tiếng thổn thức rên rỉ của tôi, là có thể giúp tôi. Một lát sau, tôi nhận ra Orhan đã nằm dài trên giường tôi. Nó ngả đầu vào ngực tôi. Tôi nhận ra nó đang thở dài, và cũng khóc. Kéo nó sát vào mình, tôi ôm nó.

"Nín đi mẹ." Một lát sau nó nói. "Cha đánh trận xong là về mà."

"Sao con biết?"

Nó không trả lời. Tôi yêu nó quá, tôi siết nó vào ngực đến độ tôi quên

hết mọi ưu phiền. Trước khi ôm chặt Orhan mềm mại và mỏng manh của tôi mà ngủ thiếp đi, hãy để tôi thú nhận mối quan tâm cấp bách của tôi: tôi hối tiếc, vì tức tối cha tôi mà tôi đã cho bạn biết về chuyện giữa cha tôi với Hayriye. Không, tôi không nói dối, nhưng tôi vẫn bối rối quá, đến độ tôi thấy tốt nhất là bạn nên quên chuyện đó đi. Hãy làm như tôi chưa từng đề cập đến bất cứ chuyện gì, như thể cha tôi với Hayriye không hề có dan díu gì như thế, được không?

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 17: Tôi Là Dượng Yêu Quý Của Cháu

Than ôi, thật khó nghĩ khi có một đứa con gái. Khi nó khóc trong phòng kê bên, tôi nghe tiếng thôn thục của nó, nhưng tôi không thể làm gì ngoài việc nhìn vào những trang sách tôi đang cầm trên tay. Trên một trang của tập sách tôi đang cố đọc, cuốn Kitab aL-Qiyamah 1, viết rằng ba ngày sau khi chết, linh hồn của con người, được Allah cho phép, sẽ đến thăm thân xác mà nó từng lưu trú. Khi nhìn thấy trạng thái đáng thương của thân xác nó nằm trong huyết, đầy máu, đang thối rữa và rỉ nước, linh hồn sẽ đau lòng, khổ sở, rầu rĩ và ứa lệ, nhìn này, sợi dây xác phàm khốn khổ của tôi, thân xác cũ thảm hại của tôi. Lập tức, tôi nghĩ đến kết thúc cay đắng của Zarif Kính mền dưới đáy giếng, linh hồn anh ta hẳn bối rối như thế nào khi trở lại thăm và nhận ra xác của mình không nằm trong huyết mà nằm dưới đáy giếng.

T

Khi tiếng khóc của Shekure tắt hẳn, tôi dẹp cuốn sách về cái chết sang một bên. Tôi mặc chiếc áo lót len, quần chặt khăn choàng len dày quanh eo cho ấm bụng, mặc chiếc quần dài viền lông thỏ và khi sắp rời nhà, quay sang tôi phát hiện Shevket ngay cửa.

"Ông ngoại đi đâu vậy?"

"Cháu vào nhà đi. Ta đến đám tang."

Tôi băng qua những con đường đầy tuyết, giữa những ngôi nhà nghèo nàn xiêu vẹo hầu như không thể đứng thẳng được, băng qua những khu bị hỏa hoạn thiêu rụi. Tôi đi bộ hồi lâu, bằng những bước thận trọng của một người có tuổi cố sao cho không trượt ngã xuống tuyết. Tôi đi qua những khu nhà, những khu vườn và cánh đồng hẻo lánh. Tôi đi qua những cửa hàng bán xe ngựa và bánh xe ngựa, qua các tiệm làm đồ sắt, làm yên ngựa những tiệm

ché tạo yên cương và đóng móng ngựa trên đường ra tới bức tường bao quanh thành phố.

Tôi không chắc tại sao họ quyết định bắt đầu cuộc đưa tang mãi từ Thánh đường Mihrimah gần Cổng Edirne. Tại thánh đường tôi ôm những người anh em kiêu ngạo và bối rối của người chết, họ có vẻ giận dữ và ngoan cố. Giới tiểu họa và thư pháp chúng tôi ôm nhau khóc. Trong khi cầu nguyện trong màn sương mù xám xịt bất ngờ đổ xuống nuốt chửng mọi thứ, ánh mắt tôi hướng về quan tài nằm trên bục tang lễ bằng đá của thánh đường và, tin tôi đi, tôi cảm thấy quá căm giận tên dê tiện đã phạm phải tội ác này đến độ bài kinh Allahumme Barik cũng trở thành lộn xộn trong đầu tôi.

Sau những bài kinh cầu, trong khi giáo đoàn ghé vai khiêng quan tài, tôi vẫn lẩn quẩn giữa những nhà tiểu họa và thư pháp.

Leylek và tôi đã quên rằng trong nhiều đêm, khi chúng tôi ngồi dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn dầu làm việc với cuốn sách của tôi cho đến sáng, anh ta đã cố thuyết phục tôi về sự kém cỏi của Zarif Kính mến trong việc mạ vàng, về sự thiếu cân bằng trong cách sử dụng màu của anh ta - anh ta tô mọi thứ màu xanh nước biển để nó trông phong phú hơn! Cả hai chúng tôi đều quên rằng tôi đã thực sự tin anh ta, bằng cách công nhận rằng "Nhưng không ai khác đủ tư cách làm công việc này," và một lần nữa chúng tôi ôm nhau khóc. Sau đó Zeytin nhìn tôi đầy tôn trọng và thân thiện trước khi ôm tôi - một người biết cách ôm là một người tốt và những thái độ này làm tôi vui đến nỗi tôi nhớ lại rằng trong số các họa sĩ của xưởng vẽ, anh ta là người tin tưởng nhất vào cuốn sách của tôi.

Trên những bậc thềm dẫn xuống sân chính tôi nhận ra mình đang đứng cạnh Thầy Osman Trưởng ban trang trí. Cả hai chúng tôi lúng túng không biết nói gì, một khoảnh khắc căng thẳng và kỳ lạ. Một trong những anh em của người xấu số bắt đầu khóc, và ai đó la to, "Thượng đế thật vĩ đại."

"Tới nghĩa trang nào?" Thầy Osman hỏi tôi cho có hỏi.

Câu trả lời "Tôi không biết" vì lý do nào đó nghe có vẻ thù địch. Bối rối

và không suy nghĩ tôi hỏi người đứng cạnh tôi trên các bậc thang bằng chính câu hỏi đó, "Tới nghĩa trang nào? Nghĩa trang cạnh Cổng Edirne hả?"

"Eyup," tay ngọc trẻ có râu, vẻ cáu kỉnh, liền đáp.

"Eyup," tôi quay sang nói với vị thầy này, nhưng ông ta đã nghe thấy những gì tay ngọc đó nói. Rồi ông ta nhìn tôi như muốn nói, "Tôi hiểu," theo cách để cho tôi biết rằng ông ta không muốn cuộc gặp gỡ của chúng tôi kéo dài thêm chút nào nữa.

Không đề cập đến ảnh hưởng của tôi đối với việc Đức vua ngày càng quan tâm đến những phong cách hội họa Tây vực, dĩ nhiên Thầy Osman bực bội chuyện Đức vua đã ra lệnh cho tôi giám sát việc viết, trang trí và minh họa những bản thảo có tô điểm, mà tôi đã mô tả là "bí mật." Thỉnh thoảng Đức vua buộc Thầy Osman vĩ đại sao chép một chân dung Đức vua, do một người Venice làm. Tôi biết Thầy Osman cho rằng tôi chịu trách nhiệm về việc phải bắt chước nhà họa sĩ đó, về việc làm bức tranh kỳ cục đó, mà ông ta làm với sự kính tởm, gọi kinh nghiệm này là "tra tấn." Sự phẫn nộ của ông là có lý do.

Đứng giữa đường cầu thang một lát, tôi ngược nhìn bầu trời.

Khi tôi tin chắc là mình bị bỏ lại phía sau, tôi tiếp tục bước xuống những bậc thêm lạnh giá. Tôi chưa xuống được hai bậc - dù rất chậm - thì có người nắm lấy cánh tay và ôm tôi: Siyah.

"Trời lạnh quá," nó nói. "Chắc dựng lạnh lắm."

Tôi không chút nghi ngờ đây chính là người làm xáo trộn đầu óc của Shekure. Sự tự tin qua cách nó nắm lấy cánh tay tôi đã đủ chứng minh. Có điều gì đó trong thái độ của nó muốn nói. "Tôi đã làm việc trong mười hai năm và đã thực sự trưởng thành."

Khi chúng tôi xuống tới chân cầu thang, tôi nói với nó rằng tôi chờ nó báo cáo lại những gì nó học biết được ở xưởng làm việc.

"Đi tiếp đi con," tôi bảo. "Đi nhanh lên để bắt kịp đoàn đưa tang." Nó sừng sốt, nhưng không lộ ra. Cách nó buông cánh tay tôi với sự dè dặt và đi tiếp tới trước tôi khiến tôi hài lòng. Nếu tôi giao Shekure cho nó, liệu nó có đồng ý sống chung nhà với chúng tôi không?

Chúng tôi rời thành phố qua Cổng Edirne. Tôi thấy quan tài sắp chìm vào màn sương cùng với đám đông những nhà minh họa, thư pháp cùng thợ học việc đang khiêng nó trên vai mà đi nhanh xuống đồi về hướng cửa sông Halic. Họ bước khá nhanh, họ đã đi hết nửa đoạn đường chạy đến thung lũng đầy tuyết dẫn vào Eyup. Trong màn sương lặng lẽ, xa về phía trái, ống khói của xưởng nện Hanim Sultan Charity vui vẻ nhả khói. Dưới bóng tường thành, có những xưởng thuộc da và lò mổ hoạt động sôi nổi phục vụ cho những người bán thịt Hy Lạp ở Eyup. Mùi đồ lòng bay ra từ những nơi ấy trùm khắp thung lũng, lan khắp mái vòm mờ mờ của Thánh đường Eyup và nghĩa trang đầy những cây tuyết tùng cạnh đó. Sau khi đi bộ hồi lâu, tôi nghe tiếng trẻ con nô đùa bên dưới trong khu dân cư Do Thái mới xây ở Balat vọng lên.

Khi chúng tôi đến vùng đất bằng phẳng của nghĩa trang Eyup, Kelebek tiến đến chỗ tôi, và theo kiểu cách nóng nảy thường lệ, anh ta đột ngột nêu lên đề tài của mình:

"Zeytin với Leylek là kẻ đứng đằng sau trò thô bỉ này," anh ta nói. "Giống như mọi người, họ biết tôi với người chết có quan hệ rất xấu. Họ biết ai cũng rõ điều này. Hai đứa tôi có một sự đố kỵ, thậm chí là thù địch và đối kháng công khai, quanh việc ai sẽ lên lãnh đạo xưởng sau Thầy Osman. Bây giờ họ mong chờ tội lỗi trút xuống đầu tôi, hay ít nhất, Trương Ngân khổ, và dưới ảnh hưởng của ông ta, cả Đức vua nữa sẽ lánh xa tôi, mà không, lánh xa tất cả chúng ta."

"Anh nói "chúng ta" đó là ai vậy?"

"Những người trong chúng ta vốn tin rằng đạo đức cũ phải được duy trì tại xưởng, rằng chúng ta phải theo con đường được những bậc thầy Ba Tư vạch sẵn, rằng một nghệ sĩ không được minh họa bất cứ cảnh nào chỉ vì tiền."

Thay vì vũ khí, quân đội, nô lệ và những cuộc chinh phục, chúng ta tin rằng những huyền thoại, truyền thuyết và câu chuyện xưa phải được một lần nữa đưa vào sách vở của chúng ta. Chúng ta không được từ bỏ những khuôn mẫu cũ. Những nhà tiểu họa đích thực không nên la cà ở các cửa hàng trong chợ và vẽ bất cứ vật cũ nào, những bức khiếm nhã, để lấy vài đồng tiền. Đức vua sẽ thấy chúng ta đúng."

"Anh đang tự buộc tội mình một cách điên rồ," tôi nói thế để anh ta dẹp cái thói huênh hoang đó đi. "Tôi tin chắc rằng họa xưởng này không thể chứa chấp bất cứ ai có khả năng phạm phải một tội ác như thế. Tất cả các bạn là anh em với nhau. Chẳng có hại gì cho lắm khi ta minh họa vài thứ mà trước đây chưa từng được vẽ, ít nhất thì không có hại gì lớn đến mức trở thành cơ hội cho sự thù địch."

Ngẫu nhiên mà khi lần đầu tôi nghe tin tức khủng khiếp này, tôi có một nhận thức bất chợt nào đó. Kẻ giết Zarif Kính mến là một trong những thợ cả hạng nhất trong họa xưởng của cung điện và hắn nằm trong đám đông trước mặt tôi, đang leo lên ngọn đồi dẫn đến nghĩa trang. Tôi cũng tin chắc rằng tên giết người sẽ tiếp tục trò quái ác và sách động của hắn, rằng hắn là một kẻ thù của cuốn sách tôi đang làm, và rất có thể hắn đã đến nhà tôi để lấy đi vài tác phẩm mà chúng tôi đang minh họa và vẽ. Liệu có phải Kelebek, giống như hầu hết các nghệ sĩ thường xuyên lui tới nhà tôi, cũng đã yêu Shekure? Như anh ta đã quả quyết, liệu anh ta có quên những lần tôi yêu cầu anh ta vẽ những bức tranh đối lập với quan điểm của anh ta, hay anh ta chỉ chọc tức tôi với kỹ năng lão luyện mà thôi?

Không, một lát sau tôi nghĩ anh ta chắc không chọc tức tôi. Kelebek, như những thợ cả minh họa khác, rõ ràng đã chịu ơn tôi: Bởi những món quà và tiền cho các nhà tiểu họa ngày càng ít, do chiến tranh và một phần bởi sự thiếu quan tâm của Đức vua, đã có lúc nguồn thu nhập thêm quan trọng duy nhất của họ là những gì họ kiếm được khi làm việc cho tôi. Tôi biết họ ganh nhau để được tôi chú ý, và vì lý do này - nhưng không chỉ lý do này - tôi đã gặp từng người trong bọn họ tại nhà tôi, điều đó khó lòng là cơ sở để họ thù địch với tôi. Tất cả các nhà tiểu họa của tôi đã đủ trưởng thành để cư xử một

cách thông minh, để thành thật tìm ra một lý do để khâm phục một người mà họ mang ơn vì đã đem lại lợi tức cho họ.

Để phá vỡ sự im lặng và để bảo đảm rằng chủ đề trước đó của cuộc nói chuyện sẽ không được nhắc lại, tôi nói "Ồ, hay nhỉ! Họ đưa quan tài lên đồi cũng nhanh như khi mang nó xuống."

Kelebek cười phô hết cả răng: "Do trời lạnh."

Anh chàng này thực sự có thể giết người sao, tôi tự hỏi, chẳng hạn vì lòng đố kỵ hắn có thể giết tôi không? Hắn có lý do sau đây: Người này đang hạ thấp giá trị tôn giáo của tôi. Không, nhưng anh ta là một thợ cả giỏi, một hiện thân hoàn hảo của tài năng, tại sao anh ta cần phải giết người? Tuổi tác không chỉ có nghĩa là phải căng sức mình ra để vượt dốc, tôi kết luận, mà còn là không sợ hãi cái chết. Nó có nghĩa là không còn lòng ham muốn, bước vào phòng ngủ của một nữ nô lệ không vì cơn kích động, mà vì thói quen. Trong cơn bùng vỡ của bản năng, tôi nói thẳng vào mặt anh ta quyết định của tôi:

"Tôi không làm tiếp cuốn sách nữa."

"Cái gì?" Kelchek nói, vẻ mặt anh ta thay đổi.

"Có điều gì xui xẻo trong đó. Đức vua đã cắt giảm tài trợ. Anh nhớ nói lại cho Zeytin với Leylek biết nghe."

Có lẽ anh ta còn hỏi nhiều hơn, nhưng chúng tôi nhận ra mình đang trên đoạn dốc của sân nghĩa trang giữa hàng cây tuyết tùng dày đặc, những cây dương xỉ cao ngất và những bia mộ. Khi đám đông bao quanh huyết, dấu hiệu duy nhất cho tôi biết người ta đang hạ cái xác xuống huyết ngay lúc đó là cường độ tiếng khóc tiếng nức nở cùng những tiếng than van bismillahi và ala milleti Resulullah tăng lên.

"Giờ vải che mặt anh ấy ra." ai đó nói.

Họ giờ tấm vải liệm trắng ra, và họ hắn đã mắt đối mắt với xác chết nếu

con mắt thực sự vẫn còn trong cái đầu giập nát đó. Tôi đứng phía sau nên không thấy được gì. Tôi đã từng nhìn vào mắt Thần chết, không phải ở dưới huyết, mà ở một nơi hoàn toàn khác...

Một ký ức: Cách nay ba mươi năm, ông nội của Đức vua, Người bản xứ Thiên đàng, đã quyết định dứt khoát sẽ chiếm Cyprus từ tay người Venice. Thượng thư Tôn giáo vụ Ebussuut Kính mến, khi kể lại rằng hòn đảo này từng được chọn làm nguồn cung cấp lương thực cho Mecca và Medina, đã ra một cáo tri ít nhiều tuyên bố rằng thật không thích hợp khi một hòn đảo vốn đã giúp nuôi sống những thánh địa mà nay vẫn nằm dưới sự kiểm soát của bọn người Thiên chúa giáo ngoại đạo. Nhiệm vụ gian nan kế tiếp, tức là thông báo cho Venice biết cái quyết định bất ngờ rằng họ phải giao nộp hòn đảo, lại rơi vào tôi. Do đó mà tôi có dịp du lịch đến các nhà thờ lớn của Venice. Dù tôi thán phục những cây cầu và lâu đài của họ, nhưng cái tôi mê mẩn nhất là những bức tranh treo trong nhà của người Venice. Tuy nhiên, giữa tình cảnh lúng túng này, tôi vẫn tin vào lòng hiếu khách được người Venice thể hiện và trình bày bản cáo tri đầy đe dọa đó thông báo với họ một cách ngạo mạn, kiêu kỳ rằng Đức vua muốn có Cyprus. Người Venice quá giận dữ đến độ trong hội nghị được triệu tập khẩn cấp họ đi đến quyết định rằng thậm chí việc thảo luận một cáo tri như thế cũng là điều không thể chấp nhận. Những đám đông phần nộ đã buộc tôi phải tự nhốt mình trong lâu đài của viên pháp quan. Và khi một số tên quá khích tìm cách lọt qua được lính canh và những người gác cửa mà bắt đầu tấn công tôi, hai trong các binh lính của ngài pháp quan đã hộ tống tôi vượt qua một trong những đường hầm bí mật đến một lối thoát ra một con kênh. Ở đó, trong đám sương mù không khác gì đám sương mù này đây, tôi chợt nghĩ người chèo thuyền nhợt nhạt và cao lênh khênh trong bộ đồ trắng, người nắm lấy cánh tay tôi không ai khác hơn là Thần chết. Tôi bắt gặp hình phản chiếu của tôi trong mắt ông ta.

Lòng đầy khao khát, tôi mơ hoàn tất cuốn sách của tôi trong vòng bí mật và trở lại Venice. Tôi đang đến gần huyết mộ, đã được lấp đất cẩn thận. Ngay giây phút này, các thiên thần đang thăm vấn anh ta trên trời, hỏi xem anh ta là nam hay nữ, tôn giáo của anh ta là gì, anh ta công nhận ai là đấng tiên tri của mình. Khả năng về cái chết của tôi đã nảy ra trong đầu tôi.

Một con quạ sà xuống cạnh tôi. Tôi trù mên nhìn vào đôi mắt Siyah và yêu cầu nó khoác tay tháp tùng tôi trên đường trở về. Tôi bảo nó rằng tôi chờ gặp nó ở nhà tôi vào sáng sớm hôm sau để làm tiếp cuốn sách. Thực lòng tôi đã tưởng tượng đến cái chết của chính mình, và một lần nữa, nhận ra rằng cuốn sách phải được hoàn tất, bằng mọi giá.

1 [35] Kitab aL-Qiyamah: Sách tận thế.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 18: Tôi Sẽ Bị Gọi Là Kẻ Sát Nhân

Họ ném đất bùn lạnh lẽo lên cái xác méo mó biến dạng của Zarif Kính mền bạc mệnh và tôi khóc nhiều hơn bất kỳ ai. Tôi gào to, "Tôi muốn chết cùng anh ấy!" và "Hãy cho tôi nằm chung mộ với anh ấy!" Và họ ôm eo tôi lại để tôi đừng nhào xuống. Tôi thở gấp, và họ ấn bàn tay lên trán tôi, kéo đầu tôi ngửa ra sau để tôi có thể thở. Qua cái nhìn của họ hàng người chết, tôi cảm thấy có lẽ tôi đã quá cường điệu tiếng nức nở kêu gào; tôi liền bình tâm lại. Dựa vào nỗi buồn quá mức của tôi, những kẻ nhiều chuyện trong xưởng có thể cho rằng Zarif Kính mền với tôi yêu nhau.

H

Tôi nấp đằng sau một cây tiêu huyền cho đến khi đám tang kết thúc để tránh lôi kéo thêm sự chú ý về phía anh. Một người bà con của tên ngốc mà tôi đã tống xuống Địa ngục - một kẻ thậm chí còn đàn độn hơn người chết - phát hiện tôi đằng sau gốc cây và nhìn sâu vào mắt tôi với cái nhìn mà hẳn cho là đầy ý nghĩa. Hắn ôm tôi một lát, rồi tên ngốc này nói: "Anh là "Thứ bảy" hay "Thứ tư"?"

" "Thứ tư" có một thời là nghệ danh của người quá cố này," tôi nói. Hắn im lặng.

Câu chuyện đằng sau những nghệ danh này, vốn ràng buộc chúng tôi lại với nhau giống như một thỏa ước mật, thật đơn giản: Hồi chúng tôi còn học việc, khi nhà tiểu họa Osman vừa từ phụ tá thợ cả tiến lên thành thợ cả, tất cả chúng tôi có chung lòng kính trọng, ngưỡng mộ và yêu thương sâu sắc đối với thầy. Ông là một đại nghệ sĩ và ông đã dạy chúng tôi mọi thứ, vì Thượng đế đã ban cho ông một năng khiếu nghệ thuật tuyệt vời và trí thông minh của một âm hồn. Mỗi sáng, theo yêu cầu đối với các thợ học việc, một đứa trong bọn chúng tôi sẽ đến nhà thầy, rồi kính cẩn theo sau thầy trên con đường đến

xưởng, ôm bút và hộp đựng cọ của thầy, túi và cặp đựng đầy giấy của thầy. Chúng tôi rất thích được gần ông đến độ chúng tôi thường tranh cãi và đánh nhau để quyết định xem đứa nào sẽ được đi vào ngày nào đó.

Thầy Osman có một đứa học trò cưng. Nhưng nếu nó lúc nào cũng được đi, điều đó sẽ thổi bùng ngọn lửa ngòi lê đôi mách bất tận và những chuyện đùa vô vị mà chắc chắn rồi sẽ đầy trong xưởng. Vì thế vị thầy vĩ đại này đã quyết định rằng mỗi đứa chúng tôi sẽ được giao cho một ngày nhất định trong tuần. Vị thầy vĩ đại này làm việc vào thứ sáu và ở nhà vào thứ bảy. Con trai ông, người ông rất yêu - kẻ sau này phản bội ông và chúng tôi bằng cách từ bỏ nghề này - sẽ tháp tùng cha vào các ngày thứ hai như những thợ học việc bình thường. Cũng có một người anh em cao gầy của chúng tôi được gọi là "Thứ năm", một nhà tiểu họa tài năng hơn tất cả chúng tôi, song đã chết khi còn trẻ vì chứng sốt của một căn bệnh lạ. Zarif Kính mến, cầu Chúa phù hộ anh ta, sẽ đi vào ngày thứ tư, vì thế được gọi là "Thứ tư". Về sau vị thầy vĩ đại của chúng tôi đổi tên chúng tôi một cách đầy yêu thương và ý nghĩa từ thứ hai thành "Zeytin" ("ôliu"), từ thứ sáu thành "Leylek" ("Cò") và từ "Chủ nhật" thành "Kelebek" ("Bướm"), còn người chết hôm nay thì thầy đặt lại tên là "Zarif" ("Tao nhã"), ý muốn ám chỉ về trau chuốt trong cách mạ vàng của anh ta. Vị thầy vĩ đại này hẳn đã nói, "Chào "Thứ tư" sáng nay con khỏe không?" với Zarif quá cố như thầy vẫn thường chào tất cả chúng tôi hồi đó. Khi tôi nhắc lại cách thầy thường chào hỏi tôi, tôi nghĩ mắt tôi hẳn đã đầy lệ: Thầy Osman khâm phục chúng tôi, và thầy có thể ứa nước mắt khi nhìn vẻ đẹp trong tác phẩm của chúng tôi; thầy sẽ hôn bàn tay và cánh tay chúng tôi, và bắt cháp những trận đòn, chúng tôi cảm thấy như mình đang ở Thiên đàng khi còn là những thợ học việc; và vì thế tài năng của chúng tôi bùng nở cùng tình yêu của thầy. Thậm chí thói ghen tỵ, vốn phủ bóng lên những năm tháng hạnh phúc đó, hồi ấy cũng có một sắc thái khác.

Bây giờ tôi hoàn toàn bị chia cắt, giống như những nhân vật mà đầu và tay họ được thợ cả này vẽ và tô màu trong khi thân thể và quần áo của họ do một thợ khác vẽ. Khi một kẻ kính sợ Thượng đế như tôi bất ngờ trở thành kẻ sát nhân, nó cần có một thời gian để thích nghi. Tôi đã sử dụng giọng thứ

hai, giọng thích hợp với một kẻ sát nhân, để tôi vẫn có thể sinh hoạt như thể cuộc sống cũ của tôi vẫn tiếp diễn. Hiện giờ tôi đang nói bằng giọng thứ hai chế giễu và xảo quyệt, cái giọng tôi giữ nằm ngoài cuộc sống thường lệ của tôi. Thỉnh thoảng, dĩ nhiên, các vị sẽ nghe giọng nói thường lệ, quen thuộc của tôi, giọng nói đó vẫn sẽ là giọng duy nhất của tôi nếu tôi không trở thành kẻ sát nhân.

Nhưng khi tôi nói với nghệ danh của mình, tôi sẽ không bao giờ nhận mình là kẻ sát nhân." Đừng ai kết hợp hai giọng này lại với nhau, tôi không có phong cách riêng hay những khuyết điểm trong nghệ thuật để làm lộ thân phận giấu kín của mình đâu. Thực tế tôi tin rằng phong cách, hay đại loại như thế, bất cứ thứ gì giúp phân biệt họa sĩ này với họa sĩ khác, là một khuyết điểm không phải là cá tính, như một số người từng tuyên bố một cách ngạo mạn.

Tôi thừa nhận rằng trong tình huống của mình, điều này đặt ra một vấn đề. Bởi dù tôi có thể nói thông qua cái nghệ danh mà Thầy Osman đã ưu ái đặt cho tôi và được Enishte Kính mến sử dụng, bởi ông cũng ngưỡng mộ nó, nhưng thật không khôn ngoan nếu tôi muốn các vị đoán xem tôi là Kelebek, Zeytin hay Leylek. Vì nếu các vị làm thế các vị sẽ không do dự giao tôi cho những kẻ tra tấn của viên Chỉ huy đội cận vệ hoàng gia của Đức vua.

Và, tôi phải quan tâm đến những gì tôi nghĩ và nói. Thực tình tôi biết rằng các vị đang lắng nghe tôi ngay cả khi tôi đang suy ngẫm về những vấn đề riêng tư. Tôi không thể cho phép ai suy đoán câu trả lời từ những nỗi bất mãn của tôi hoặc những chi tiết của cuộc đời tôi mà qua đó các vị có thể kết tội tôi. Cả khi kể lại những chuyện "Alif", "Ba", và "Djim" tôi luôn chú ý đến cái nhìn của các vị.

Một bên gồm những chiến binh, những tình nhân, những ông hoàng, những anh hùng truyền thuyết mà tôi đã hàng chục ngàn lần minh họa đối mặt với bất cứ thứ gì được vẽ ở đó, trong thời điểm thần thoại đó - chẳng hạn, những kẻ thù họ đang giao chiến, những con rồng họ đang giết, hoặc những thiếu nữ xinh đẹp mà họ đang nhỏ nước mắt khóc thương. Nhưng một

khía cạnh khác, và mặt bên kia của thân thể họ, lại đối mặt với người yêu sách vở, kẻ tình cờ nhìn vào bức tranh tráng lệ này. Nếu tôi có phong cách và tính cách, nó không chỉ ẩn trong tác phẩm nghệ thuật của tôi mà cả trong tội ác và lời nói của tôi nữa! Vâng, hãy cố khám phá xem tôi là ai qua màu sắc và lời nói của tôi!

Tôi cũng biết rằng nếu các vị tóm được tôi, nó sẽ là nguồn an ủi cho linh hồn khôn khổ của Zarif Kính mến bất hạnh. Họ đang xúc đất trút lên anh ta trong khi tôi đứng đây dưới hàng cây, giữa bầy chim véo von, nhìn dòng nước lấp lánh vàng của sông Halic và những mái vòm xám xịt của Istanbul, và một lần nữa nhận ra diệu kỳ biết bao khi còn được sống. Zarif Kính mến đáng tội ngay sau khi anh ta gia nhập hàng ngũ của tay thuyết giáo hung hăng xứ Erzurum, anh ta hoàn toàn không còn thích tôi; nhưng trong hai mươi lăm năm cùng minh họa những cuốn sách cho Đức vua, có nhiều lúc chúng tôi thấy rất gần gũi nhau. Cách nay hai mươi năm, chúng tôi trở thành bạn bè trong khi đang làm một cuốn lịch sử hoàng gia bằng thơ cho phụ hoàng quá cố của Đức vua hiện nay. Nhưng khi làm tám bản minh họa đi kèm một tập thơ của Fuzuli chúng tôi lại càng thân thiết hơn bao giờ hết.

Hồi đó, một tối mùa hè, như một nhượng bộ cho những ước muốn phi lý nhưng dễ hiểu của anh ta - rõ ràng là một nhà tiểu họa phải cảm nhận được trong hồn mình bài văn mà anh ta đang minh họa - tôi đã đến đây kiên nhẫn lắng nghe anh ta đọc to một cách huê dạng những câu thơ trong tập tác phẩm của Fuzuli trong khi những bầy chim én hoảng hốt vỗ cánh trên đầu chúng tôi. Tôi vẫn nhớ một câu được đọc đêm đó: "Ta không phải là ta mà muôn thuở là người." Tôi luôn tự hỏi làm sao người ta minh họa được cho câu này.

Tôi chạy tới nhà anh ta ngay khi nghe tin người ta tìm được xác anh ta. Ở đó, khu vườn nhỏ xíu nơi chúng tôi từng ngồi và đọc thơ, bây giờ phủ đầy tuyết, có vẻ nhỏ hơn, giống như bất cứ khu vườn nào khi ta thăm lại sau nhiều năm. Ngôi nhà của anh ta vẫn vậy. Từ phòng kế bên tôi nghe tiếng gào khóc của phụ nữ, và những lời than vãn cường điệu của họ, càng lúc càng dâng cao như thể họ đang ganh đua với nhau. Khi người anh cả của anh ta nói, tôi chú ý lắng nghe: Khuôn mặt của người anh em Zarif bất hạnh của

chúng tôi hầu như đã bị hủy hoại, đầu anh ta bị đập nát.

Sau khi anh ta được đưa khỏi đáy giếng nơi anh ta nằm suốt bốn ngày, anh em của anh ta không nhận ra được anh ta, và người vợ tội nghiệp của anh ta, Kalbiye, mà họ đưa từ nhà đến, đành phải qua quần áo rách nát tả tơi mới nhận diện được cái thi thể không thể nhìn ra này trong đêm tối. Tôi nhớ lại một bức tranh vẽ các thương nhân Midian kéo Yusuf khỏi cái hố mà những anh em đố kỵ của anh ta đã ném anh ta xuống. Tôi rất thích vẽ cảnh này trong truyện Yusuf o Zuleyha 1, vì nó nhắc chúng tôi nhớ rằng lòng đố kỵ là cảm xúc chủ yếu trong cuộc sống.

Có một khoảng im lặng bất ngờ. Tôi có cảm giác mọi con mắt đều đổ dồn về tôi. Tôi nên khóc không? Tôi bắt gặp đôi mắt Siyah. Tên vô lại đáng tởm đó, hắn đang nhìn chúng tôi, giống như một kẻ được Enishte Kính mền phái đến đây để tìm ra sự thật.

"Ai có thể phạm một tội ác khủng khiếp như thế?" người anh cả kêu lên. "Loại súc vật nhẩn tâm nào có thể sát hại người anh em chúng ta, kẻ không dám làm hại một con kiến?" Anh ta trả lời câu hỏi này bằng những giọt nước mắt, và tôi khóc theo anh ta, giả vờ sầu khổ trong khi cố tìm câu trả lời cho riêng tôi: Những kẻ thù của Zarif là ai? Nếu đó không phải là tôi, thì ai khác có thể giết anh ta? Tôi nhớ lại rằng cách nay ít lâu - tôi tin đó là khi cuốn Huner-nama 2 đang được chuẩn bị - anh ta tham gia tranh cãi với những họa sĩ nào đó có ý muốn bác bỏ kỹ thuật của các bậc thầy xưa và tiêu hủy những trang mà các nhà tiểu họa chúng tôi đã lao động cật lực trên đó; vì vậy họ sẽ làm hỏng các đường viền bằng những màu sắc kinh khủng được dùng để tô điểm cho rẻ hơn và nhanh hơn. Họ là ai? Tuy nhiên sau này những lời đồn đại bắt đầu lan truyền rằng sự thù địch dấy lên không phải vì lý do này, mà vì sự ganh đua muốn giành cảm tình của một thợ học việc đóng sách đẹp trai làm việc ở tầng trệt; nhưng đây là chuyện cũ. Và có những người bức tức trước phẩm cách của Zarif, sự khéo léo của anh ta, thái độ nữ tính đầy hiểu biết của anh ta, nhưng điều này có liên quan đến một vấn đề hoàn toàn khác: Zarif bị trói buộc một cách mù quáng vào phong cách cũ, một kẻ cuồng tín về sự phối hợp màu sắc giữa mạ vàng và minh họa, và trước mặt Thầy

Osman, anh ta có thể chỉ ra chẳng hạn những lỗi lầm không hề có của những nhà tiểu họa khác - đặc biệt là của tôi - với vẻ hóm hỉnh dịu dàng. Cuộc cãi cọ cuối cùng của anh ta có liên quan đến một vấn đề mà nhiều năm trước đây đã trở nên rất nhạy cảm đối với Thầy Osman: giới tiểu họa hoàng gia, những người làm thêm ngoài giờ, đã bí mật nhận làm thêm những việc tầm thường bên ngoài cung điện. Trong những năm gần đây, khi mối quan tâm của Đức vua bắt đầu nhạt dần và, cùng với nó, tiền bạc do Trưởng Ngân khố chi ra cũng ít đi, các nhà tiểu họa bắt đầu đến thăm những ngôi nhà hai tầng của các tổng trấn trẻ ngu ngốc - và những họa sĩ tài giỏi nhất nửa đêm thì đến thăm Enishte.

Tôi hoàn toàn không chút lo lắng trước quyết định của Enishte không làm tiếp cuốn sách của ông - hoặc của chúng tôi - hay lý do rằng nó mang điềm xấu theo ông nói. Dĩ nhiên, ông đã đoán rằng tên sát nhân đã hạ thủ Zarif Kính mền ngu xuẩn là một người trong nhóm chúng tôi, những kẻ đang trang trí cuốn sách của ông. Hãy đặt các vị vào trường hợp ông ta: Các vị có mời một tên sát nhân đến nhà các vị nửa tháng một lần để trang trí sách vào ban đêm không? Trước tiên các vị không xác định được lai lịch tên giết người và tay minh họa giỏi nhất sao? Tôi tin chắc chắn rằng ông ta sẽ nhanh chóng suy ra ai trong số những nhà tiểu họa là người tài năng nhất và có khả năng nhất trong việc chọn màu, mạ vàng, quyết định trang, minh họa, vẽ mặt và bố cục trang, và sau khi làm thế, ông ta sẽ tiếp tục làm việc với tôi một mình. Tôi không thể hình dung ông ta sẽ nhỏ nhen đến mức nghĩ về tôi như một kẻ sát nhân tầm thường thay vì một nhà tiểu họa tài năng đích thực.

Qua khoeo mắt tôi quan sát tên Siyah Kính mền ngu ngốc đó mà Enishte đi cùng. Khi hai người này rời khỏi đám đông ở nghĩa trang đang tản hàng, và đi xuống bến cảng Eyup, tôi theo họ. Họ xuống một chiếc thuyền dài bốn tay chèo, và sau đó, tôi bước xuống một thuyền sáu tay chèo cùng vài thợ học việc trẻ, những kẻ đã quên mất người chết cùng đám tang mà đang vui đùa. Trong tầm nhìn thấy Cổng Phanar, thuyền của chúng tôi có lúc quá gần nhau đến độ các mái chèo chạm vào nhau, và tôi có thể thấy Siyah đang hăm hở thì thầm với Enishte. Ngay sau đó tôi nghĩ: kết thúc một sinh mạng mới dễ làm sao. Ôi Thượng đế, Người đã cho mỗi người trong chúng ta sức mạnh

không thể tin được này, nhưng Người cũng khiến chúng ta sợ hãi khi sử dụng nó.

Tuy nhiên, nếu ai chỉ một lần vượt qua nỗi sợ hãi này và hành động, lập tức anh ta sẽ trở thành một con người khác hẳn. Có lúc tôi không chỉ sợ hãi Quỷ sứ mà còn sợ cả dấu hiệu mơ hồ nhất của cái ác trong tôi. Tuy nhiên, bây giờ tôi có cảm giác mình có thể chịu đựng được điều ác, và còn hơn thế nữa, nó là không thể thiếu được đối với một nghệ sĩ. Sau khi tôi giết kẻ khốn khổ đó bất chấp chúng run ở hai bàn tay tôi vốn kéo dài chỉ vài ngày, tôi vẫn vẽ tốt hơn, tôi sử dụng màu sắc sáng hơn và táo bạo hơn. Và quan trọng nhất, tôi nhận ra rằng tôi có thể gọi lên những điều kỳ diệu trong trí tưởng tượng. Nhưng điều này đặt ra câu hỏi liệu có bao nhiêu người ở Istanbul có thể đánh giá cao vẻ lộng lẫy trong những tranh minh họa của tôi?

Ngoài khơi cảng gần Jibali, ngay giữa cửa sông Halic, tôi cầm hòn nhìn Istanbul. Những mái vòm phủ tuyết sáng lấp lánh trong ánh nắng đột ngột xuyên qua những đám mây. Một thành phố càng lớn và càng đa tạp thì càng có nhiều nơi để che giấu tội ác và tội lỗi của nó; nó càng đông đúc thì càng có nhiều người ẩn núp phía sau. Trí tuệ của một thành phố phải được đo không chỉ bằng những học giả, thư viện, nhà tiểu họa, nhà thư pháp và trường họa mà còn bằng số lượng tội phạm ngấm ngấm xảy ra trên những đường phố tối tăm của nó qua hàng ngàn năm. Theo lý luận này, rõ ràng Istanbul là thành phố thông minh nhất thế giới.

Tại cảng Unkapani, tôi rời thuyền của mình ngay sau khi Siyah và Enishte của hắn rời khỏi thuyền. Tôi ở phía sau họ khi họ dìu nhau leo lên đồi. Ngay vị trí của trận hỏa hoạn gần đây dưới bóng Thánh đường Sultan Mehmet, họ dừng lại nói lời chia tay. Enishte Kính mến còn lại một mình, và trong phút chốc trông ông ta giống như một ông già bơ vơ. Tôi cảm thấy thôi thúc muốn chạy đến bên ông ta để nói cho ông biết những gì mà tay man rợ đó, kẻ mà chúng tôi vừa dự đám tang về đã giải bày một cách vu khống với tôi; tôi định thú nhận những gì tôi đã làm để bảo vệ chúng tôi, và định hỏi ông ta: "Những gì Zarif Kính mến khẳng định có thật không? Có phải chúng ta đang lạm dụng sự tin cậy của Đức vua qua những tranh minh họa chúng ta

làm không? Những kỹ thuật hội họa của chúng ta có mang tính phản trắc và là một sự lãng mạn đối với đạo giáo của chúng ta không? Và ngài có hoàn tất bức tranh lớn cuối cùng đó không?"

Tôi đứng giữa con đường tuyết phủ khi màn đêm buông xuống, nhìn dọc theo con đường tối đen đã bị bỏ lại cùng với tôi cho các âm hồn, thần tiên, bọn trộm cướp, cho nỗi sầu khổ của những người cha và những đứa con quay trở về nhà và cho nỗi buồn của những hàng cây phủ tuyết. Cuối đường, bên trong ngôi nhà hai tầng đồ sộ của Enishte Kính mến, mà giờ tôi có thể thấy qua những nhánh cây dẻ trơ trụi, có một người phụ nữ đẹp nhất thế giới đang sống. Nhưng, không, tại sao tôi phải làm mình phát điên lên vậy?

1 Yusuf o Zuleyha (Zulaikha): (Yusuf và Zuleyha): Truyện dân gian của thế giới Hồi giáo, là tựa của một trường ca được cho là của Firdusi, cũng là chuyện thứ năm tập Haft Awrang (Bảy ngài vàng) gồm bảy chuyện của Jami.

2 Huner-nama: Sách được làm ở Istanbul, gồm nhiều tập, trong khoảng 1523-1588 kể lại các kỹ năng mà giới cầm quyền thường rèn luyện và hữu dụng trong chiến tranh (như cưỡi ngựa, bắn cung, săn với chim ưng...).

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 19: Tôi Là Một Đồng Tiền Vàng

Nhìn này! Tôi là một đồng vàng Ottoman Sultani hai mươi hai carat, và tôi mang huy hiệu vinh quang của Đức vua, Người che chở thế giới. Ở đây, giữa đêm trong quán cà phê ngon này tràn ngập nỗi buồn tang chế, Leylek, một trong những thợ cả vĩ đại của Đức vua, vừa vẽ xong bức tranh về tôi, dù anh ta chưa trang điểm cho tôi bằng lớp sơn lót vàng - tôi sẽ để điều đó cho các vị tùy ý tưởng tượng. Hình ảnh tôi ở đây trước mặt các vị, nhưng chính tôi thì có mặt trong chiếc ví của người anh em yêu quý của các vị, Leylek, nhà tiểu họa lừng danh. Giờ anh ta đang đứng dậy, rút tôi khỏi ví và khoe tôi với từng người trong các vị. Xin chào, xin chào, những lời chào dành cho mọi họa sĩ bậc thầy và các loại khách. Đôi mắt của các vị sẽ mở to khi các vị nhìn vẻ lấp lánh của tôi, các vị rùng mình khi tôi lung linh trong ánh đèn dầu, và cuối cùng các vị tức tối ghen tỵ với chủ nhân của tôi, Thợ cả Leylek. Các vị cũng chính đáng khi xử sự như thế, vì không có cái thước nào đo tài năng của nhà minh họa tốt hơn tôi.

N

Trong ba tháng qua, Thợ cả Leylek đã kiếm được chính xác bốn mươi bảy đồng vàng giống như tôi. Tất cả chúng tôi nằm trong ví tiền này và Thợ cả Leylek, các vị tự nhìn xem, không giấu tôi với bất cứ ai; anh ta biết không ai trong giới tiểu họa Istanbul kiếm được nhiều tiền hơn anh ta. Tôi tự hào vì được giới họa sĩ coi là thước đo tài năng và vì chấm dứt được những cuộc tranh cãi không cần thiết. Hồi xưa, trước khi chúng ta quen với cà phê và đầu óc chúng ta trở nên nhạy bén hơn, những nhà tiểu họa ngu ngốc không hài lòng với việc dành những buổi tối để tranh cãi xem ai là người tài năng nhất và ai có cảm thức nhạy bén nhất trước màu sắc, ai có thể vẽ một cái cây hay nhất, hoặc ai lão luyện nhất trong việc vẽ mây; không, họ cũng quay ra đánh nhau vì những vấn đề như thế, đâm gậy rặng nhau khi đánh lộn. Bây giờ ý

kiến của tôi quyết định mọi thứ, có một sự hòa hợp ngọt ngào trong họa xưởng, và hơn thế nữa, có một bầu không khí hợp với những bậc thầy xưa của Herat.

Ngoài việc ghi nhận sự hòa hợp và không khí do ý kiến của tôi mang lại, hãy để tôi liệt kê những điều khác mà tôi có thể đánh đổi được: bàn chân của một nữ nô lệ trẻ đẹp, vốn tương đương với khoảng một phần năm mươi con người cô; một chiếc gương của anh thợ cạo có khung bằng gỗ dái ngựa tốt, mép cẩn ngà; một chiếc tủ nhiều ngăn kéo được sơn phết kỹ và trang trí bằng họa tiết mặt trời tỏa sáng và lá bạc trị giá chín mươi đồng bạc; 120 ổ bánh mì mới ra lò; một huyệt mộ và ba quan tài; một băng đeo tay bằng bạc; một phần mười con ngựa; cặp chân của một nàng hầu già và mập; một con bê; hai món đồ sứ chất lượng cao; một tháng lương của nhà tiểu họa Ba Tư Mehmet phái khổ tu ở Tabriz và phần lớn những người giống ông ta làm việc trong xưởng vẽ của Đức vua, một con chim ưng săn tốt kèm cái lồng; mười vò rượu nho của Panayot; một giờ tuyệt vời với Mahmut, một trong những chàng trai có sắc đẹp lừng danh thế giới, và nhiều cơ hội khác không thể kể xiết.

Trước khi đến đây, tôi đã trải qua mười ngày trong chiếc túi bản thủ của một thợ học nghề đóng giày nghèo khổ. Mỗi đêm, con người bất hạnh này vẫn ngủ trên giường của anh ta, kể tên vô số thứ anh ta có thể mua bằng tôi. Những dòng của bài sử thi này, ngọt ngào như một bài hát ru, cho tôi thấy rằng không có chỗ nào trên trái đất này mà một đồng tiền không thể đến.

Điều đó đã gọi tôi nhớ lại. Nếu tôi kể lại tất cả những gì đã xảy ra với tôi trước khi đến đây thì hẳn phải tốn nhiều tập sách. Không hề có người lạ trong số chúng tôi, tất cả chúng tôi đều là bạn bè; miễn là các vị hứa không nói với bất cứ ai, và miễn là Leylek Kính mền không phật lòng, tôi sẽ nói với các vị một bí mật. Các vị có thể là không nói với ai không?

Vậy để tôi nói. Tôi không phải là đồng tiền vàng Ottoman Sultani hai mươi hai carat đích thực được đúc tại Xưởng đúc tiền Chamberliash. Tôi là đồng tiền giả. Người ta làm tôi ở Venice bằng cách sử dụng vàng chưa đủ

tuổi và mang tôi đến đây, mạo nhận tôi là đồng vàng Ottoman hai mươi hai carat. Tôi rất cảm kích trước sự thấu hiểu và cảm thông của các vị.

Dựa trên những gì tôi thu thập được khi ở trong xưởng đúc tiền ở Venice thì công việc này diễn ra đã nhiều năm. Cho đến gần đây những đồng vàng thấp tuổi mà dân ngoại giáo Venice mang đến phương Đông để tiêu thụ là những đồng ducat xứ Venice đó (đúc ở cùng xưởng đó. Những người Ottoman chúng tôi, mãi mãi tôn trọng những gì được viết ra, không chú ý đến lượng vàng trong mỗi đồng ducat - miễn là lời khắc trên đó vẫn giống nhau - nên những đồng vàng Venice giả này tràn khắp Istanbul. Sau đó, nhận ra rằng những đồng tiền ít vàng mà nhiều đồng thì cứng hơn, chúng tôi bắt đầu phân biệt những đồng tiền bằng cách cắn. Ví dụ, các vị đang cháy bỏng yêu đương; các vị chạy vội đến Mahmut, chàng trai có vẻ đẹp không ai sánh bằng và được mọi người yêu mến đó; trước tiên anh chàng bỏ đồng tiền - chứ không phải thứ gì khác - vào cái miệng mềm mại của anh ta rồi cắn và tuyên bố nó là đồ giả. Kết quả là anh chàng sẽ đưa các vị lên Thiên đàng chỉ trong nửa giờ thay vì trọn một giờ. Những kẻ ngoại giáo Venice, khi nhận ra rằng những đồng tiền của họ gây ra những bất lợi như thế bèn quyết định rằng họ cũng có thể làm giả những đồng Ottoman, lập luận rằng người Ottoman sẽ bị lừa lại.

Bây giờ hãy cho tôi lưu ý các vị về một điều hoàn toàn kỳ quái: Khi những kẻ ngoại giáo Venice này vẽ, cứ như họ không hề vẽ mà là đang thực sự tạo ra cái vật thể họ đang vẽ ấy. Tuy nhiên, khi đụng đến tiền bạc thì thay vì làm ra thứ thật, họ lại làm những đồng tiền giả.

Chúng tôi được chắt vào hòm sắt, đưa lên tàu và lăn qua lộn lại suốt chuyến đi từ Venice đến Istanbul. Tôi thấy mình nằm trong một cửa hàng đổi tiền, trong cái miệng đầy mùi tỏi của ông chủ cửa hàng. Chúng tôi chờ một lát, và một nông dân chất phác bước vào muốn đổi một số vàng. Tay đổi tiền bạc thầy, một kẻ lừa đảo thật sự, tuyên bố rằng hẳn phải cắn đồng tiền để xem có phải là tiền giả không. Thế là hắn lấy đồng tiền của người nông dân và bỏ vào miệng.

Khi chúng tôi gặp nhau trong miệng hăn, tôi nhận ra đồng tiền của người nông dân là đồng tiền Ottoman Sultani đích thực.

Y thấy tôi trong mùi tỏi hôi rình đó và nói, "Mày chỉ là một đồng tiền giả." Y đúng, nhưng thái độ kiêu ngạo của y đụng chạm tự ái tôi và tôi nói láo với y. "Thật ra thì, người anh em ạ, chính anh mới là đồng bạc giả."

Trong khi đó, người nông dân cứ kiêu hãnh khẳng định, "Làm sao đồng tiền của tôi lại là tiền giả được? Tôi đã chôn nó dưới đất cách nay hai mươi năm, hồi đó thứ tệ nạn như làm tiền giả đã có rồi sao?"

Tôi đang tự hỏi kết quả sẽ ra sao thì tay đổi tiền lôi tôi ra khỏi miệng thay vì đồng vàng của người nông dân. "Mang đồng vàng của ông đi, tôi chẳng thèm thứ tiền giả đáng tởm của bọn ngoại giáo Venice," hăn nói, "ông không thấy xấu hổ sao?" Người nông dân đáp lại bằng những lời lẽ gay gắt, rồi cầm lấy tôi bước ra khỏi cửa. Sau khi nghe cùng lời tuyên bố tương tự từ những người đổi tiền khác, người nông dân mất tinh thần và ông ta đổi tôi như một đồng tiền kém chất lượng để lấy vốn vẹn chín mươi đồng bạc. Thiên truyện kỳ bảy năm lang thang vô tận từ tay người này sang tay người khác của tôi đã mở đầu như thế.

Hãy cho phép tôi thừa nhận với lòng tự hào rằng tôi đã trải qua phần lớn thời gian ở Istanbul này để lang thang từ ví tiền này sang ví tiền khác, từ khăn quàng đến túi, phù hợp với một đồng tiền thông minh. Con ác mộng tệ hại nhất của tôi là bị bỏ vào một cái lọ và chôn chết đi mấy năm dưới một tảng đá trong một khu vườn tôi không phủ nhận rằng chuyện đó không xảy ra với tôi, nhưng vì lý do nào đó, những lúc như thế không kéo dài lâu.

Nhiều người có tôi lại muốn tống khứ tôi càng sớm càng tốt, nhất là khi họ phát hiện ra tôi là giả. Tuy nhiên tôi chưa tình cờ gặp người nào chịu cảnh báo người mua cả tin rằng tôi là đồ giả. Một người môi giới, không nhận ra tôi là đồ giả, đã đếm ra một trăm hai mươi đồng bạc để đổi lấy tôi, rồi nguyên rủa chính mình trong cơn thịnh nộ, rầu rĩ và bồn chồn ngay khi hăn biết mình bị lừa, và những cơn giận dữ này không chịu nguôi ngoai cho đến khi hăn tống khứ được tôi bằng cách lừa người khác. Trong cơn khó khăn

này, cả khi hắn cố gắng lừa đảo người khác nhiều lần, mỗi lần lại mỗi thất bại vì sự vội vàng và giận dữ của hắn, hắn lại tiếp tục luôn mồm nguyên rủa kẻ "bất nhân" nào đã lừa đảo hắn đầu tiên.

Suốt bảy năm qua ở Istanbul, tôi đã được trao tay năm trăm sáu mươi lần, và không có ngôi nhà, cửa hàng, chợ, quây sạp, thánh đường, nhà thờ hay giáo đường Do Thái nào mà tôi chưa vào. Khi lang thang, tôi biết được rằng số chuyện tầm phào được lan truyền, số truyền thuyết được kể lại và số lời nói dối xoay quanh tên tôi vượt hơn mức tôi tưởng rất nhiều. Tôi liên tục bị trách cứ: Chẳng có gì được cho là có giá trị hơn ngoài tôi ra, tôi thật tàn nhẫn, tôi mù quáng, thậm chí bản thân tôi cũng mê tiền, thế giới bất hạnh này xoay quanh không phải Thượng đế mà quanh tôi, và chẳng có gì mà tôi không mua được - ấy là chưa nói gì đến bản chất hèn hạ, tầm thường và bản thủ của tôi. Và những ai biết tôi là đồ giả thậm chí còn đưa ra nhưng lời nhận xét khó nghe hơn. Tuy nhiên khi giá trị thực sự của tôi tụt xuống thì giá trị ẩn dụ của tôi lại tăng lên - ấy là bằng chứng rằng thơ ca là nguồn an ủi đối với những khốn khổ của cuộc đời. Nhưng bất chấp sự so sánh vô cảm và sự vu khống thiếu suy nghĩ như thế, tôi vẫn nhận thấy rằng đại đa số thật sự yêu quý tôi. Trong thời đại đầy hận thù này, tâm tình cảm thông như thế - thậm chí đến mức tha thiết - hẳn đã khiến tất cả chúng tôi vui sướng.

Tôi đã thấy từng mét vuông đất ở Istanbul, từng con phố và từng quận huyện; tôi biết tất cả bàn tay từ người Do Thái đến người Abkhazia và từ người Ả Rập đến Mingeria. Tôi từng rời Istanbul trong ví tiền của một nhà thuyết giáo đi từ Edirne đến Manisa. Trên đường đi, chúng tôi tình cờ bị bọn cướp tấn công.

Một đứa trong bọn chúng la lên, "Đưa tiền hoặc nộp mạng!" Hoảng hồn, tay thuyết giáo khốn khổ đó bèn giấu tôi trong lỗ đít. Nơi này, mà hắn cho là an toàn nhất, có mùi khủng khiếp hơn cả miệng của tay ư tởi và hoàn toàn không dễ chịu chút nào. Nhưng tình huống nhanh chóng tệ hại hơn khi thay vì "Đưa tiền hoặc nộp mạng!" bọn cướp bắt đầu gào "Phẩm tiết hay cái mạng của mày!" Chúng xếp hàng thay phiên hăm hiếp hắn ta. Tôi không dám mô tả cái trạng thái thống khổ mà chúng tôi phải chịu trong cái lỗ chật hẹp đó.

Vì lý do này mà tôi không thích rời Istanbul.

Tôi từng được hân hoan đón nhận ở Istanbul. Các thiếu nữ hôn tôi như thể tôi là người chồng trong mơ của họ, họ giấu tôi dưới gối, giữa cặp ngực đồ sộ và trong đồ lót; thậm chí họ vuốt ve tôi trong giấc ngủ để chắc rằng tôi vẫn còn ở đó. Tôi được cất cạnh lò sưởi trong nhà tắm công cộng, trong một chiếc ủng, dưới đáy một chai nhỏ trong một cửa hàng xạ hương có mùi tuyệt diệu, và trong một cái túi bí mật may vào bao đựng đậu của người đầu bếp. Tôi từng lang thang khắp Istanbul trong những thắt lưng làm bằng da lạc đà, những lớp lót áo khoác làm từ vải ca rô Ai Cập, trong lớp vải lót giày và trong góc khuất những quần thụng nhiều màu. Tay thợ sửa đồng hồ tài hoa Petro giấu tôi vào một ngăn bí mật trong cái đồng hồ quả lắc, và một chủ tiệm tạp hóa Hy Lạp nhét thẳng tôi vào một tảng phô mai kashari. Tôi được giấu cùng với châu báu, con dấu và những chìa khóa được quán trong miếng vải dày xếp gọn vào ống khói, bếp lò dưới bậc cửa sổ, trong những chiếc nệm nhồi rơm khô, trong những căn phòng ngấm và những ngăn tủ bí mật. Tôi biết những ông bố thường đứng lên rời bàn ăn để kiểm tra xem tôi còn ở chỗ cũ không, những phụ nữ ngấm tôi như ngấm kẹo chẳng vì lý do gì, bọn trẻ áp tôi lên mũi mà ngửi và người già sắp xuống lỗ không thể nào thư thái trừ khi họ lôi tôi ra khỏi chiếc ví da cừu ít nhất bảy lần một ngày. Có những phụ nữ Circassia tỉ mỉ, sau khi bỏ cả ngày để lau chùi nhà cửa, lấy những đồng tiền vàng chúng tôi ra khỏi ví mà cọ rửa tôi bằng bàn chải thô. Tôi nhớ người đổi tiền chột mắt thường xếp chúng tôi thành những ngọn tháp; người phu khuân vác có mùi hoa khiên ngưu, cùng với gia đình ông ta thường ngấm nhìn chúng tôi như thể nhìn một quang cảnh tuyệt vời, và tay thợ mạ vàng nay không còn sống nữa - không cần nêu tên - thường dành những buổi tối xếp chúng tôi thành những mẫu thiết kế khác nhau. Tôi đã ngao du trên những con thuyền bằng gỗ dái ngựa; tôi đã đến thăm cung điện các vua chúa; tôi được giấu trong những bìa sách làm ở Herat, trong gót những chiếc giày tỏa mùi hoa hồng và trong những tấm phủ yên ngựa thô. Tôi từng biết hàng trăm bàn tay: bản thiêu, lông lá, bụi bặm, đầy dầu mỡ, run rẩy và già nua. Tôi từng sực mùi các ổ thuốc phiện, những cửa hàng bán nển, cá thu chiên và mồ hôi của mọi người Istanbul. Sau khi trải qua sự kích động và chấn động như thế, một tên cướp dê tiện đã cắt cổ nạn nhân của hắn trong đêm tối và nhét

tôi vào ví hấn, rồi khi về đến ngôi nhà đáng nguyên rửa của hấn, đã nhỏ vào mặt tôi và cầu nhau, "Mồ tỏ mảy, tất cả cũng chỉ vì mảy." Tôi đã bị xúc phạm, bị tổn thương, đến độ tôi chẳng muốn gì hơn là biến mất.

Tuy nhiên, nếu tôi không tồn tại, thì không ai có thể phân biệt một họa sĩ giỏi với một họa sĩ tồi, và điều này sẽ dẫn đến hỗn loạn trong giới tiểu họa; họ sẽ lao vào túm cổ nhau. Vì vậy tôi đã không biến mất. Tôi đã đi vào vị tiền của người tài năng nhất và thông minh nhất trong giới tiểu họa và đến được đây.

Nếu các vị nghĩ các vị giỏi hơn Leylek, vậy hãy cố mà đoạt lấy tôi bằng mọi cách.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 20: Tôi Được Gọi Là Siyah

Tôi tự hỏi không biết cha Shekure có biết những lá thư chúng tôi trao đổi với nhau không. Nếu tôi nghiên cứu giọng điệu của nàng, vốn cho thấy nàng là một thiếu nữ rụt rè rất sợ cha, tôi phải kết luận rằng họ không hề nói với nhau một lời về tôi. Nhưng tôi có cảm giác rằng tình hình không phải thế. Về lần lút trong cái nhìn của Esther, về hấp dẫn của Shekure bên cửa sổ, về dứt khoát khi Enishte của tôi phái tôi tới chỗ những nhà minh họa của ông, và sự tuyệt vọng của ông khi ông ra lệnh cho tôi đến sáng nay - tất cả khiến cho tôi vô cùng bất an.

T

Trong buổi sáng, ngay khi Enishte của tôi bảo tôi ngồi xuống trước mặt ông, ông bắt đầu mô tả những bức chân dung ông thấy ở Venice. Trong vai trò sứ thần của Đức vua, Người che chở thế gian, ông đã viếng thăm nhiều lâu đài, nhà thờ và dinh thự của những kẻ giàu có. Suốt thời gian vài ngày đó, ông đã đứng trước hàng ngàn bức chân dung, ông đã thấy hàng ngàn khuôn mặt trong khung được vẽ trên những tấm vải bạt căng trên gỗ hoặc vẽ trực tiếp lên tường. "Mỗi khuôn mặt đều khác khuôn mặt kế bên. Chúng là những khuôn mặt người đặc thù, riêng biệt!" ông nói. Ông bị hấp hồn bởi tính đa dạng của chúng, màu sắc của chúng, sự dịu dàng - thậm chí dữ dội - của ánh sáng dịu nhẹ có vẻ như rơi trên những khuôn mặt ấy và ý nghĩa phát ra từ đôi mắt chúng.

"Như thể một dịch bệnh hiểm độc đã giáng xuống, mọi người đều thuê vẽ chân dung của mình!" ông nói. "Khắp Venice, những kẻ giàu có và thế lực đều muốn chân dung họ được vẽ như một biểu tượng, một vật lưu dấu cuộc đời họ và một dấu hiệu về sự giàu có, quyền lực và ảnh hưởng của họ - để họ có thể luôn luôn hiện diện ở đó, đứng trước chúng ta, khẳng định sự tồn tại của họ, không, khẳng định cá tính và nét riêng biệt của họ."

Những lời của ông đầy vẻ xem thường như thể ông nói vì lòng đố kỵ, tham vọng hoặc ham danh lợi. Dù, nhiều lúc, khi nói về những bức chân dung ông đã thấy ở Venice, gương mặt ông đột ngột sáng bừng như mặt trẻ thơ, đầy hăm hở.

Việc vẽ chân dung đã trở thành một căn bệnh hay lây giữa những kẻ giàu có, những ông hoàng và những gia đình quyền quý vốn là kẻ bảo trợ nghệ thuật đến độ khi họ đặt làm bích họa về các cảnh trong Kinh thánh và những truyền thuyết tôn giáo cho các bức tường nhà thờ, bọn ngoại giáo này còn nhất quyết rằng hình ảnh của chính họ phải xuất hiện đâu đó trong bức tranh. Chẳng hạn như, trong một bức tranh vẽ cuộc an táng Thánh Stephan, bạn sẽ bất chợt thấy, giữa những người than khóc bên huyệt mộ, hiện diện khuôn mặt của chính ông hoàng đang dắt bạn đi một vòng - trong trạng thái hết sức nhiệt tình, phấn chấn và tự phụ - để xem các bức tranh treo trên tường lâu đài của ông ta. Kế đến, trong góc của một bức bích họa vẽ Thánh Peter đang chữa cho người bệnh bằng cái bóng của ông, bạn sẽ nhận ra với một cảm giác vỡ mộng kỳ cục rằng kẻ bất hạnh đang quằn quại trong cơn đau đó chính là người em trai khỏe như bò mộng của vị chủ nhà lịch thiệp của bạn. Ngày tiếp theo, lần này trong bức tranh vẽ cảnh Người chết sống lại, bạn sẽ phát hiện ra vị khách, người đã ngón thức ăn bên cạnh bạn lúc bữa trưa.

"Một số người đã đi quá xa, chỉ để được đưa vào trong một bức tranh," Enishte của tôi nói, đầy sợ hãi như thể ông đang nói về những cám dỗ của Satan,"đến độ họ sẵn sàng được vẽ thành một đầy tớ đang rót rượu trong đám đông hay một kẻ nhẫn tâm đang ném đá một kẻ phạm tội ngoại tình, hoặc một kẻ sát nhân, hai bàn tay đẫm máu."

Giả như không hiểu, tôi nói, "Giống như kiểu chúng ta thấy Vua Ismail bước lên ngai vàng trong những cuốn sách có minh họa kể lại những truyền thuyết Ba Tư xưa. Hoặc khi chúng ta tình cờ thấy một bức vẽ Tamerlane, người cai trị sau này, trong truyện Husrev o Shirin."

Có một tiếng động đâu đó trong nhà chằng?

"Như thể những bức tranh của người Venice được làm để khiến chúng ta phải sợ," lát sau Enishte của tôi nói. "Và như thể chuyện chúng ta kính sợ quyền lực và tiền bạc của những người đặt làm những tác phẩm này còn chưa đủ, họ còn muốn chúng ta biết rằng ngay cả việc tồn tại trong thế giới này đã là một sự kiện rất kỳ bí, rất đặc biệt. Họ cố làm chúng ta kinh hoàng bằng gương mặt, đôi mắt, phong thái độc đáo của họ và bằng quần áo mà mỗi nếp gấp đều được hiển hiện bằng cách tạo bóng. Họ đang cố khiến chúng ta khiếp sợ bằng việc trở thành những sinh vật bí ẩn."

Ông giải thích ông từng bị lạc như thế nào trong phòng trưng bày chân dung cực đẹp của một nhà sưu tập điên cuồng có một điền trang sang trọng nằm bên bờ hồ Como; vị chủ nhân này đã sưu tập chân dung của mọi nhân vật tai to mặt lớn trong lịch sử Tây vực từ vua chúa đến hồng y, từ binh lính đến thi sĩ: "Khi vị chủ nhà mến khách để ta một mình lang thang tùy ý khắp lâu đài của ông ta, mà ông đã tự hào dắt ta đi một vòng, ta thấy rằng những kẻ ngoại giáo được cho là nhân vật quan trọng này - hầu hết họ đều có vẻ y như thật, một số còn nhìn thẳng vào mắt ta - đã đạt được tầm quan trọng của họ trong thế giới này chỉ nhờ việc đã cho người ta vẽ chân dung mình. Về giống hệt trong chân dung của họ khiến họ mang đầy vẻ ma thuật, làm họ quá nổi bật đến độ trong giây lát đứng giữa các bức vẽ ta cảm thấy mình thiếu sót và bất lực. Nếu ta được vẽ theo kiểu đó thì có lẽ ta sẽ hiểu rõ hơn tại sao ta tồn tại trong thế giới này."

Ông sợ hãi bởi vì bất chợt ông hiểu ra - và có lẽ khao khát - rằng nghệ thuật Hồi giáo, được các bậc thầy Herat xưa hoàn thiện và xác lập vững chắc, sẽ đáp ứng được mục tiêu của nó nhờ sự hấp dẫn của nghệ thuật vẽ chân dung. "Tuy nhiên như thể ta rất muốn có cảm giác độc đáo, khác lạ, và phi thường," ông nói. Cứ như bị Quỷ sứ thúc giục, ông cảm thấy mình bị lôi kéo mạnh mẽ về phía những gì ông sợ hãi. "Ta phải nói thế nào đây? Như thể đây là cái tội thèm khát, giống như trở nên ngạo mạn trước Thượng đế, giống như xem mình là quan trọng nhất, giống như đặt mình vào trung tâm thế giới."

Về sau ý tưởng này rõ dần trong ông: Những phương pháp mà các họa sĩ

Tây vực sử dụng như đang chơi một trò chơi trẻ con đầy tự hào, có thể còn hơn cả ma thuật khi được kết hợp với Đức vua cao cả của chúng ta - nhưng thực tế nó có thể trở thành một sức mạnh phục vụ cho đạo giáo của chúng ta, chi phối tất cả những ai nhìn thấy nó.

Tôi hiểu ra rằng ý tưởng chuẩn bị một bản thảo có trang trí đã dấy lên từ đó: Enishte của tôi, người từ Venice trở về Istanbul, đã đề nghị rằng thật tuyệt vời nếu Đức vua của chúng ta trở thành đề tài cho một bức chân dung theo phong cách Tây vực. Nhưng sau khi Đức Ngài phản đối, một cuốn sách có những bức vẽ Đức vua và những vật thể đại diện cho Ngài đã được chấp thuận.

"Chính câu chuyện mới là điều cốt tủy," vị Vua Vinh quang nhất và thông minh nhất của chúng tôi nói. "Một bức minh họa đẹp sẽ hoàn chỉnh một cách tao nhã cho câu chuyện. Một tranh minh họa mà không bổ sung cho một câu chuyện thì cuối cùng sẽ chẳng là gì ngoài một tượng thần dối trá. Vì chúng ta không thể tin vào một câu chuyện không tồn tại, tự nhiên chúng ta sẽ bắt đầu tin vào chính bức tranh. Điều này sẽ không khác gì việc thờ phượng những ngẫu tượng ở Kaaba vốn đã xảy ra trước khi đấng Tiên tri của chúng ta, cầu Ngài được bình yên và ơn phúc, phá hủy chúng 1. Nếu không là một bộ phận của câu chuyện thì làm sao các người đề nghị vẽ, chẳng hạn đóa hoa cầm chướng đỏ này hay tên lùn lão xược nọ lên đó được?"

"Bằng cách phối bày vẽ đẹp và sự độc đáo của hoa cầm chướng."

"Trong việc bố cục cảnh, người sẽ đặt đóa hoa đỏ ngay giữa trang chứ?"

"Ta sợ," Enishte của tôi nói. "Ta thoáng thấy kinh hoàng khi hiểu ra ý tưởng của Đức vua muốn đưa ta đến đâu."

Điều khiến Enishte của tôi sợ hãi là ý kiến về việc đặt vào giữa trang - và tức là, vào giữa thế giới - một điều gì đó khác hơn những gì Thượng đế đã dự định.

"Từ đây," Đức vua nói, "ngươi sẽ muốn bày ra một bức tranh mà ngay giữa nó ngươi vẽ một tên lùn." Đúng như tôi đã dự liệu. "Nhưng bức tranh này sẽ không bao giờ được trưng bày: ít lâu sau, chúng ta sẽ bắt đầu thờ phượng bức tranh mà chúng ta treo trên tường, bất chấp những ý định ban đầu. Nếu như ta tin theo cách của bọn ngoại giáo này, cầu Thượng đế ngăn không cho điều ấy xảy ra, rằng Tiên tri Jesus cũng chính là Thượng đế thì ta cũng sẽ tin rằng người ta có thể nhìn thấy được Thượng đế trong thế giới này, thậm chí Người có thể xuất hiện trong hình dáng phạm nhân; chỉ khi ấy ta mới có thể chấp nhận vẽ loài người với đầy đủ chi tiết và trưng bày những hình ảnh như thế. Ngươi phải hiểu rằng, cuối cùng, chúng ta sẽ bắt đầu thờ phượng một cách không suy nghĩ bất cứ bức tranh nào treo trên tường, đúng không?" 2

Enishte của tôi nói: "Thần hoàn toàn hiểu rõ, và bởi vì hiểu rõ, nên thần sợ những gì cả hai chúng ta đang nghĩ."

"Vì lý do này," Đức vua nhận xét, "Ta sẽ không bao giờ cho phép trưng bày chân dung của ta."

"Tuy rằng đấy chính là điều ông ta muốn," Enishte của tôi thì thầm, với một tiếng cười khúc khích tinh quái.

Giờ đến phiên tôi sợ.

"Tuy nhiên ước mong của ta là bức chân dung của ta được làm theo phong cách của những bậc thầy Tây vực," Đức vua phán tiếp. Một chân dung như thế, dĩ nhiên sẽ phải được giấu trong những trang sách. Cuốn sách đó có thể ra sao, ngươi chính là người phải nói cho ta biết."

"Trong một giây phút ngạc nhiên và kính sợ, ta ngẫm nghĩ lời tuyên bố của Đức vua," Enishte của tôi nói, rồi nhe răng cười tinh quái hơn trước, bất chợt ông có vẻ như biến thành một người khác.

"Đức vua Vinh quang của chúng ta ra lệnh cho ta bắt tay làm cuốn sách của Ngài cấp tốc. Đầu óc ta quay cuồng vì vui sướng. Ngài nói thêm rằng nó

phải được chuẩn bị làm món quà cho Pháp quan Venice, người mà ta sẽ đến thăm lần nữa. Một khi cuốn sách hoàn tất, nó sẽ là biểu tượng cho sức mạnh toàn thắng của Đức vua cao cả của chúng ta, trong năm thứ một ngàn sau Hegira. Ngài đòi ta phải chuẩn bị bản thảo có trang trí này trong bí mật hoàn toàn, chủ yếu để che giấu mục đích của nó như một nhánh ô liu dành cho bọn người Venice, nhưng cũng nhằm tránh làm những ganh tỵ trong xưởng càng thêm trầm trọng hơn. Và trong tâm trạng vui sướng tột độ và thể giữ bí mật, ta bắt tay vào dự án này."

1 Kaaba là tòa nhà bằng đá hình khối vuông ở Mecca nơi có Tảng đá đen mà truyền thống Hồi giáo cho là một phần của ngôi đền nguyên thủy thờ Tiên tri Abraham. Hòn đá và tòa nhà này là tâm điểm của cuộc hành hương hàng năm về Mecca. Năm 630 Mohammed cho phá hủy chừng 360 ngẫu tượng đặt quanh tòa nhà này. Nhưng ông cũng ra lệnh giữ lại tượng Jesus và Đức bà Maria.

2 Đoạn này phản ánh giáo luật cấm thờ ngẫu tượng (hình người nói chung) của Hồi giáo. Giáo luật này lý giải tại sao Taliban cho đại bác bắn vào các tượng Phật to nhất thế giới ở Afghanistan, và những nghề như nhiếp ảnh, điện ảnh, điêu khắc, chân dung... khó phát triển trong thế giới Hồi giáo.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 21: Tôi Là Dượng Yêu Quý Của Cháu

Và thế là vào sáng thứ sáu đó, tôi bắt đầu mô tả cuốn sách chứa chân dung Đức vua được vẽ theo phong cách Venice. Tôi bắt đầu bàn đề tài này với Siyah bằng cách kể lại việc tôi đã nêu vấn đề này với Đức vua như thế nào và tôi đã thuyết phục Ngài tài trợ cho cuốn sách ra sao. Mục tiêu thầm kín của tôi là cho Siyah viết những câu chuyện được dự trù sẽ đi kèm theo những tranh minh họa, việc mà tôi thậm chí còn chưa bắt đầu.

V

Tôi nói với nó rằng tôi đã hoàn tất phần lớn những tranh minh họa và bức cuối cùng cũng sắp hoàn tất. "Có một bức vẽ Thần chết", tôi nói, "và ta bảo Leylek, một tay tiểu họa thông minh nhất trong nhóm tiểu họa, vẽ một cái cây tượng trưng cho sự thanh bình tại vương quốc trần thế của Đức vua. Có một bức vẽ quý Sa tan và một con ngựa để mang chúng ta đi xa thật xa. Có một con chó, luôn ranh ma và láu lỉnh, và cũng có một đồng vàng... Ta có những nhà tiểu họa bậc thầy vẽ những thứ này cực đẹp." tôi nói với Siyah, "đến độ dù thấy chỉ một lần thôi cháu sẽ biết ngay bài văn tương ứng sẽ ra sao. Thơ ca và hội họa, ngôn từ và màu sắc, những thứ này là anh em với nhau, cháu biết rõ vậy mà"

Trong một lát, tôi cân nhắc liệu có nên nói cho nó biết tôi có thể gả con gái tôi cho nó không. Liệu nó chịu sống với chúng tôi trong ngôi nhà này không? Tôi tự nhủ không nên để sự chú ý ân cần và vẻ trẻ con của nó lừa phỉnh. Tôi biết nó đang lên kế hoạch chạy trốn với Shekure của tôi. Nhưng tôi không còn biết dựa vào ai khác để hoàn tất cuốn sách của mình.

Cùng nhau trở về sau buổi lễ cầu nguyện thứ sáu, chúng tôi bàn về "phần bóng", điểm cách tân vĩ đại nhất thể hiện trong những bức tranh của các bậc thầy Venice. Tôi nói: "Nếu chúng ta có ý định làm tranh dựa vào cách nhìn

của những khách bộ hành đang chuyện phiếm và quan sát thế giới của họ; nghĩa là, nếu chúng ta có ý định minh họa từ đường phố, thì chúng ta phải học cách lý giải - như người Tây vực làm - những gì thực sự phổ biến nhất ở đó: những cái bóng."

"Người ta vẽ bóng bằng cách nào?" Siyah hỏi.

Thỉnh thoảng, khi cháu tôi lắng nghe, tôi nhận thấy vẻ bồn chồn ở nó. Nó bắt đầu nghịch lọ mực Mông Cổ mà nó đã tặng tôi. Nhiều lần, nó cầm lấy cây còi lửa để khơi lửa trong bếp lò. Thỉnh thoảng tôi tưởng tượng rằng nó muốn giáng cây còi lửa đó vào đầu để giết tôi vì tôi dám đưa nghệ thuật minh họa khỏi cách nhìn của Allah; bởi vì tôi có thể phản bội ước mơ của những bậc thầy Herat và toàn bộ truyền thống hội họa của họ; bởi vì tôi đã lừa Đức vua làm như thế. Đôi khi Siyah ngồi im lặng hồi lâu mà nhìn sâu vào mắt tôi. Tôi có thể hình dung nó đang nghĩ gì: "Tôi sẽ là nô lệ của ông cho đến khi tôi chiếm được con gái ông." Có lần, như tôi đã làm khi nó còn nhỏ, tôi dắt nó ra sân và cố giải thích cho nó, như một người cha, về cây cối, về ánh sáng chiếu trên cành lá, về tuyết đang tan và tại sao ngôi nhà có vẻ nhỏ lại khi chúng ta rời xa chúng. Nhưng đây là một sai lầm: Nó chỉ chứng minh rằng mối quan hệ cha con trước đây của chúng tôi từ lâu đã sụp đổ. Bây giờ việc chịu đựng kiên nhẫn những lời huênh hoang của một ông già điên rồ đã thế chỗ cho sự tò mò thời thơ ấu và lòng khao khát hiểu biết của Siyah. Tôi chỉ là một lão già có cô con gái là đối tượng yêu thương của Siyah. ảnh hưởng và kinh nghiệm của những đất nước và thành phố mà cháu trai tôi đã đi qua trong hàng chục năm đã tác động mạnh lên tâm hồn nó. Nó đã mệt với tôi, và tôi thương hại nó. Và tôi cho rằng nó giận dữ, không chỉ vì mười hai năm trước tôi không cho nó cưới Shekure - rất cuộc thì hồi đó không có chọn lựa nào khác - mà còn bởi tôi mơ ước vẽ những bức tranh theo phong cách có thể vi phạm những quy tắc của các bậc thầy Herat. Hơn nữa, bởi vì tôi cứ nói say sưa về điều nhắm nhí này với lòng tin vững chắc như thế, nên tôi hình dung tới cái chết của tôi dưới tay nó.

Tuy nhiên tôi không sợ nó; ngược lại, tôi cố làm nó sợ. Vì tôi tin rằng sợ hãi thích hợp cho tác phẩm mà tôi muốn nó viết. "Như trong những bức

tranh này," tôi nói, một người phải có quyền đặt chính mình vào trung tâm thế giới. Một trong những tay tiêu họa của ta đã thể hiện xuất sắc Thần chết cho ta. Nhìn đây." Thế là tôi cho nó xem những bức tranh tôi đã bí mật đặt những họa sĩ bậc thầy vẽ trong năm rồi. Thoạt tiên nó hơi rụt rè, thậm chí sợ hãi. Khi nó hiểu rằng bức tranh vẽ Thần chết mượn hứng từ những cảnh tương tự có thể được tìm thấy trong nhiều tập của bộ Shahnameh - từ cảnh Afrasiyab xử trảm Siyavush chẳng hạn, hoặc cảnh Rustem giết Suhrab mà không nhận ra đó là con trai mình - nó nhanh chóng quan tâm đến vấn đề này.

Trong số những bức tranh vẽ đám tang của Đức vua Suleyman quá cố có một bức tôi đã dùng màu sắc táo bạo nhưng buồn bã, kết hợp sự nhạy cảm về bố cục do người Tây vực gợi ra với việc tạo bóng của riêng tôi mà tôi thêm vào sau đó. Tôi chỉ ra chiều sâu ma quái do tác động của mây và chân trời đem lại. Tôi nhắc nó nhớ rằng Thần chết là độc nhất, giống những bức chân dung của bọn ngoại giáo mà tôi từng thấy treo trong các lâu đài của người Venice; tất cả đều khao khát được thể hiện một cách khác biệt. "Họ muốn trở nên khác biệt và nổi bật," tôi nói, và họ muốn điều này với niềm đam mê đến độ, hãy nhìn đi, nhìn vào đôi mắt của Thần chết. Hãy xem những người này không sợ Thần chết như thế nào, mà đúng hơn là mức độ dữ dội ngấm ngấm trong nỗi ao ước trở thành mẫu duy nhất, độc đáo, khác thường. Hãy nhìn vào tranh minh họa này và viết một câu chuyện về nó. Hãy diễn tả Thần chết. Giấy với viết đây. Ta sẽ đưa những gì cháu viết cho người sao chép ngay." Nó im lặng nhìn chăm chăm vào bức tranh. "Ai vẽ bức này vậy?" hỏi lâu nó hỏi.

"Kelebek. Anh ta có tài nhất trong nhóm. Thầy Osman thương và được anh ta kính nể trong nhiều năm qua."

"Cháu từng thấy những bản thảo hơn của bức tranh vẽ con chó này tại quán cà phê có người kể chuyện hành nghề", Siyah nói.

"Những người vẽ minh họa của ta, hầu hết họ đều bị ràng buộc về tinh thần với Thầy Osman và xưởng vẽ, nên vẫn xem thường việc lao động dành

cho cuốn sách của ta. Những đêm khi họ rời khỏi đây ta vẫn hình dung họ hưởng thú vui tâm thường của mình qua những tranh minh họa họ vẽ vì tiền và chế giễu ta tại quán cà phê. Và ai trong số họ có bao giờ quên được lúc Đức vua nhờ một họa sĩ Venice trẻ, mà Ngài đã mời từ sứ quán theo đề nghị của ta, vẽ chân dung của Ngài. Về sau, Ngài đã nhờ Thầy Osman sao lại bức tranh sơn dầu đó. Bị buộc phải bắt chước một họa sĩ Venice, Thầy Osman nghĩ ta là thủ phạm gây ra trò ép buộc khó coi này và bức chân dung đáng xấu hổ nảy sinh từ đó, ông ta có lý."

Suốt cả ngày tôi cho nó xem mọi bức tranh - trừ bức minh họa cuối cùng, mà vì lý do nào đó tôi chưa thể hoàn tất. Tôi giục nó viết. Tôi bàn luận về tính khí của những tay tiểu họa, và tôi liệt kê tổng số tiền tôi đã thưởng cho họ. Chúng tôi bàn về "luật phối cảnh" và về việc liệu những vật thể mỗi lúc một nhỏ dần ở bối cảnh nền của các bức tranh Venice có phải là phạm thượng không, và chúng tôi cũng nói về chuyện cũng có thể Zarif Kính mền bất hạnh đã bị giết vì tham vọng quá độ và bởi người ta ghen tỵ sự giàu có của anh ta.

Khi Siyah ra về đêm đó, tôi tin chắc nó sẽ trở lại vào sáng mai như đã hứa và nó sẽ lại lắng nghe tôi kể những câu chuyện vốn sẽ tạo thành cuốn sách của tôi. Tôi lắng nghe tiếng bước chân của nó xa dần đằng sau cánh cổng mở, có điều gì đó trong đêm lạnh dường như khiến cho tên giết người bòn chòn và không ngủ của tôi còn mạnh mẽ hơn và ác độc hơn cả tôi cùng cuốn sách của tôi.

Tôi đóng chặt cổng lại sau khi nó ra khỏi. Tôi đặt chậu đựng nước bằng gốm cũ mà tôi dùng để trồng cây húng quế chặn sau cánh cổng như tôi vẫn làm mỗi đêm. Trước khi dụi tắt lửa trong bếp và đi ngủ, tôi nhìn lên thì thấy Shekure mặc áo ngủ trắng giống như một hồn ma trong bóng tối.

"Con hoàn toàn chắc là con muốn lấy nó hả?" tôi hỏi.

"Không, thưa cha yêu quý. Con đã quên chuyện cưới xin lâu rồi. Và lại, con đã có chồng."

"Nếu con vẫn muốn cưới nó, ta sẵn sàng đồng ý ngay bây giờ."

"Con không muốn lấy anh ấy."

"Sao vậy?"

"Vì điều đó ngược lại ý cha. Thật lòng, con không muốn lấy người nào mà cha không ưng."

Ngay khi ấy, tôi nhận thấy than trong bếp lò ánh lên trong mắt con bé. Đôi mắt con bé đã già, không phải vì đau khổ, mà vì giận dữ; nhưng giọng nói của con bé không lộ chút gì hỗn láo.

"Siyah rất yêu con," tôi nói làm như đang tiết lộ một bí mật.

"Con biết."

"Nó lắng nghe tất cả những gì ta nói hôm nay không phải vì yêu thích tranh, mà vì nó yêu con."

"Anh ấy sẽ hoàn tất cuốn sách của cha, đó mới là điều quan trọng."

"Một ngày nào đó chồng con sẽ trở về," tôi nói.

"Con không chắc tại sao, có lẽ đó là sự im lặng, nhưng tối nay con nhận rõ rằng chồng con sẽ không bao giờ trở về. Những gì con mơ thấy có vẻ chính là sự thật: Hắn chúng đã giết anh ấy. Anh ấy đã biến thành cát bụi từ lâu rồi." Nó thì thầm câu cuối vì sợ bọn trẻ đang ngủ nghe. Và nó nói câu đó với một thoáng giận dữ kỳ lạ.

"Nếu lỡ họ có giết ta," tôi nói, "thì ta muốn con hoàn tất cuốn sách mà ta đã dồn trọn tâm huyết. Hãy thề là con sẽ làm đi."

"Cho con hỏi. Ai sẽ là người hoàn tất cuốn sách của cha?"

"Siyah! Con có thể bảo đảm rằng nó sẽ hoàn tất."

"Cha đã chắc chắn anh ấy sẽ làm, thưa cha", nó nói. "Cha đâu cần con."

"Đồng ý, nhưng nó nhượng bộ vì con. Nếu họ giết ta, nó có thể sợ không dám làm tiếp."

"Trong trường hợp đó, anh ấy sẽ không thể cưới con," con gái thông minh của tôi nói, mỉm cười.

Tôi moi đâu ra chi tiết về nụ cười của nó? Suốt cuộc nói chuyện, tôi chẳng thấy gì ngoài ánh lửa chập chờn trong đôi mắt nó. Chúng tôi đang đứng đối diện nhau giữa phòng.

"Các con có liên lạc với nhau, trao cho nhau những dấu hiệu không?" tôi hỏi, không kìm được mình.

"Sao cha thậm chí có thể nghĩ ra một điều như thế?"

Một khoảng im lặng nặng nề kéo dài. Có tiếng chó sủa xa xa. Tôi hơi lạnh và rùng mình. Căn phòng giờ tối quá đến độ chúng tôi không thấy được nhau nữa; chúng tôi chỉ có thể cảm nhận sự hiện diện của nhau. Bất ngờ chúng tôi ôm nhau với tất cả sức mạnh. Con bé bắt đầu khóc, vừa khóc vừa nói rằng nó nhớ mẹ nó. Tôi hôn và vỗ đầu nó, mùi tóc nó rất giống mùi tóc mẹ nó.

Tôi dìu con bé về phòng ngủ của nó rồi đặt nó nằm cạnh hai đứa trẻ đang ngủ bên nhau. Và khi tôi nghĩ ngược về hai ngày vừa qua, tôi chắc chắn rằng Shekure đã trao đổi thư từ với Siyah.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 22: Tôi Được Gọi Là Siyah

Khi tôi trở về nhà đêm đó, khéo léo tránh né bà chủ nhà - người bắt đầu cư xử cứ như mẹ tôi - tôi tự nhốt mình trong phòng và nằm trên nệm, đắm mình vào những ảo mộng về Shekure.

K

Hãy cho phép tôi có được niềm vui mô tả những âm thanh tôi nghe được trong nhà của Enishte. Trong lần viếng thăm thứ hai của tôi sau mười hai năm, nàng không xuất hiện. Tuy nhiên nàng đã thành công trong việc cho tôi biết sự hiện diện của nàng một cách quá diệu kỳ đến độ tôi chắc chắn nàng đang theo dõi tôi, trong khi nàng đánh giá tôi như một người chồng tương lai, đồng thời lấy đó làm tiêu khiển như đang chơi một trò chơi luận lý. Biết được điều này, tôi cũng tưởng tượng tôi luôn nhìn thấy nàng. Vì vậy tôi có thể hiểu rõ hơn khái niệm của Ibn Arabi rằng tình yêu là khả năng làm cho cái vô hình thành hữu hình và khao khát lúc nào cũng cảm thấy được cái vô hình trong con người mình.

Tôi có thể suy ra rằng Shekure không ngừng theo dõi tôi vì tôi đã lắng nghe âm thanh từ trong nhà và nghe tiếng sàn gỗ kêu cọt kẹt. Có lúc, tôi chắc chắn nàng cùng hai đứa con đang ở phòng kế bên, vốn mở ra phòng ngoài kiêm hành lang. Tôi có thể nghe tiếng bọn trẻ xô đẩy và cãi nhau trong khi mẹ chúng hẳn là cố ra hiệu bảo chúng im lặng, dọa chúng bằng những cái nhìn và nhíu mày. Có khi tôi nghe họ thì thầm rất thiếu tự nhiên, không phải như người ta thì thầm để tránh khuấy động những lời cầu nguyện của ai đó, mà thì thầm một cách giả tạo, như người ta thì thầm trước khi nở ra một trận cười dữ dội.

Một lần khác, khi ông ngoại của chúng đang giải thích với tôi những điều kỳ diệu của ánh sáng và bóng tối, Shevket và Orhan bước vào phòng, và

với những cử chỉ cẩn thận rõ ràng đã được diễn tập trước, bung một khay cà phê cho chúng tôi. Nghi thức này, vốn phải là phần việc của Hayriye, đã được Shekure sắp xếp để chúng quan sát được người có thể sẽ trở thành cha chúng. Và vì thế, tôi khen Shevket: "Cháu có đôi mắt đẹp quá." Rồi tôi lập tức quay sang em nó, Orhan - tôi cảm thấy rằng có thể nó đang nổi máu ghen tỵ - và nói thêm, "Mắt cháu cũng đẹp nữa." Kế đến tôi đặt lên khay một cánh hoa cẩm chướng đỏ nhạt mà tôi nhanh chóng lấy ra từ những nếp gấp áo choàng rồi hôn má từng đứa. Sau đó tôi vẫn nghe tiếng cười và tiếng rúc rích từ bên trong.

Tôi càng lúc càng tò mò muốn biết qua cái lỗ nào trên các bức tường, những cánh cửa đóng, hay có lẽ trên trần nhà, và từ góc nào, mắt nàng đang nhìn tôi. Nhìn chăm chú một vết nứt, một mấu gỗ, hay những gì tôi cho là một cái lỗ, tôi tưởng tượng Shekure đang đứng phía sau. Bất chợt cảm thấy nghi ngờ một điểm đen nọ, và để xác định xem nghi ngờ của tôi đúng hay không - dù có nguy cơ bị Enishte cho là láo xược khi ông tiếp tục bài thuyết trình vô tận của mình - tôi đứng dậy. Vẫn làm ra vẻ một môn đồ chú tâm, hoàn toàn bị mê hoặc và chìm đắm trong suy nghĩ, để chứng tỏ tôi tập trung cao độ thế nào vào câu chuyện của ông, tôi bắt đầu đi tới lui trong phòng với vẻ trầm ngâm, trước khi đến gần điểm đen khả nghi trên tường.

Khi không nhìn thấy con mắt của Shekure dán sau cái mà tôi nghĩ là lỗ nhìn trộm, tôi tràn ngập nỗi thất vọng, và sau đó là cảm giác cô đơn kỳ lạ, và cảm giác bồn chồn của một người không biết đi tiếp về đâu. Thỉnh thoảng tôi lại có cảm giác bất chợt và mạnh mẽ rằng Shekure đang theo dõi tôi, tôi hoàn toàn tin chắc mình đang trong tầm nhìn của nàng, đến độ tôi bắt đầu làm điệu bộ giống như một người đang cố chứng tỏ anh ta thông minh hơn, mạnh mẽ hơn, thậm chí giỏi giang hơn thực chất anh ta có để gây ấn tượng cho người phụ nữ anh ta yêu. Sau đó tôi nghĩ đến việc Shekure và các con nàng đang so sánh tôi với chồng nàng - người cha mất tích của bọn trẻ - trước khi đầu óc tôi tập trung lại vào tay mình họa Venice nổi tiếng nào đó mà lúc ấy Enishte của tôi đang tô thêm nét triết lý vào cho những kỹ thuật hội họa của hẳn. Tôi ước ao được giống những họa sĩ mới nổi tiếng chỉ vì Shekure đã nghe cha nàng nói quá nhiều về họ, những tay minh họa tạo được tên tuổi

không phải bằng việc chịu nỗi đau tử vì đạo trong các xà lim như những vị thánh, hay bằng việc chém đầu quân địch với một cánh tay mạnh mẽ và một thanh mã tấu bén ngọt như người chồng vắng mặt đó đã làm, mà nhờ một bản thảo mà họ sao chép hoặc một trang họ đã trang trí. Tôi gắng hết sức hình dung những bức tranh lộng lẫy mà những nhà minh họa nổi tiếng đã tạo ra, những kẻ mà, theo như Enishte của tôi giải thích, được truyền cảm hứng bởi sức mạnh của sự tối đen hữu hình của nó và sự huyền bí của thế giới. Tôi cố hết sức hình dung chúng - những kiệt tác mà Enishte của tôi đã thấy và hiện đang cố mô tả cho một người vốn chưa từng thấy chúng - đến độ cuối cùng, khi trí tưởng tượng của tôi chẳng giúp gì được, tôi chỉ càng buồn nản hơn, càng thấy mình bé mọn hơn.

Tôi nhìn lên thì phát hiện rằng Shevket lại đến trước mặt tôi. Nó tiến đến chỗ tôi một cách dứt khoát, và tôi cho rằng - như phong tục đối với một bé trai lớn nhất trong những bộ tộc Ả Rập nào đó ở Transoxiana và những bộ lạc Circassian thuộc vùng núi Caucasus - thằng bé sẽ không chỉ hôn tay khách lúc khách mới đến thăm mà cả khi người khách ra về nữa. Bị bất ngờ, tôi đã giơ tay ra cho nó hôn: Ngay lúc đó, từ đâu đó không xa, tôi nghe tiếng cười của nàng. Nàng đang cười tôi chẳng? Tôi bối rối và để cứu vãn tình hình, tôi nắm lấy Shevket mà hôn lên hai má nó như thể phong tục muốn tôi làm thế. Sau đó tôi mỉm cười với Enishte của tôi như để xin lỗi vì đã cắt ngang ông và để cam đoan với ông rằng tôi không có ý vô lễ, trong khi cẩn thận kéo đứa bé lại gần để kiểm tra xem nó có mang hương thơm của mẹ nó không. Đến lúc tôi hiểu rằng thằng bé đã đặt vào tay tôi một mẫu giấy xếp nhỏ thì nó đã quay lưng đi ra tới gần cửa rồi.

Tôi giữ chặt mẫu giấy trong nắm tay như một báu vật. Và khi hiểu ra rằng đây là lá thư của Shekure, tôi không thể nén được nụ cười ngốc nghếch với Enishte của tôi vì quá sung sướng.

Chứng cứ này chưa đủ cho thấy rằng Shekure đăm đuổi khao khát tôi sao? Bất chợt tôi tưởng tượng cảnh chúng tôi đang điên cuồng làm tình với nhau. Tôi tin tưởng quá sâu xa rằng hình ảnh khó tin mà tôi vừa tưởng tượng ra đó sẽ sớm xảy ra đến độ cái giống đàn ông của tôi bắt đầu trĩu dậy một

cách không đúng lúc - ngay trước mặt Enishte của tôi. Shekure có chứng kiến chuyện này không? Tôi chú tâm vào những gì Enishte của tôi giải thích để chuyển hướng sự tập trung của tôi.

Hồi lâu sau, khi Enishte của tôi sắp cho tôi xem một tấm bản thảo đã minh họa từ cuốn sách của ông, tôi kín đáo mở lá thư ra, nó bay mùi hoa kim ngân, chỉ để phát hiện ra là nàng hoàn toàn không viết gì cả. Tôi không thể tin vào mắt mình, và bất giác cứ lật qua lật lại để xem xét lá thư.

"Một cái cửa sổ," Enishte của tôi nói. "Việc sử dụng những kỹ thuật phối cảnh giống như việc quan sát thế giới từ một ô cửa sổ - cháu đang cầm gì đó?"

"Chẳng có gì cả, thưa Enishte Kính mến," tôi nói. Khi ông quay đi, tôi đưa mẫu giấy gấp đó lên mũi mà hít sâu mùi hương của nó.

Sau bữa ăn chiều, vì không muốn dùng bộ của Enishte, tôi xin lỗi và bước ra nhà vệ sinh ngoài sân. Trời lạnh cắt da. Tôi vừa lẹ làng giải quyết xong mọi bận tâm của tôi mà không để mông bị lạnh cóng thì thấy Shevket bẽn lẽn và lạng lẽ xuất hiện trước mặt tôi, cản đường tôi như một tên cướp. Hai tay nó bung cái bộ đầy nhóc và bốc khói của ông ngoại nó. Nó bước vào nhà xí sau tôi rồi đổ bộ. Nó bước ra và vừa dán cặp mắt xinh đẹp của nó vào mắt tôi vừa phùng má, tay vẫn giữ chặt cái bộ không.

"Chú thấy con mèo chết bao giờ chưa?" nó hỏi. Mũi nó giống hệt mũi mẹ nó. Nàng có quan sát chúng tôi không? Tôi nhìn quanh. Những tấm rèm cửa sổ trên tầng hai, nơi tôi lần đầu thấy lại Shekure sau nhiều năm, đã đóng kín.

"Không."

"Để cháu chỉ cho chú con mèo chết trong nhà của Người Do Thái bị treo cổ nghe?"

Nó bước ra đường mà không chờ tôi trả lời. Tôi theo nó. Chúng tôi đi

bốn năm mươi bước dọc theo con đường lầy lội và lạnh giá, trước khi bước vào khu vườn hoang phế. Ở đây bốc mùi lá mục và ẩm, phảng phất mùi mốc. Với sự tự tin của một đứa trẻ biết rõ nơi này, bước từng bước nhịp nhàng, vững chắc, nó đi qua cửa một ngôi nhà màu vàng, nằm ngay trước mặt chúng tôi, khuất sau cây vả ủ rũ và hàng cây hạnh đào. Ngôi nhà trống trơn, nhưng nó khô và ẩm, như thể có ai đang sống ở đó.

"Nhà này của ai vậy?" tôi hỏi.

"Mấy người Do Thái. Khi ông chồng chết, vợ con ông ta đến khu Do Thái cạnh bến cảng trái cây. Họ nhờ Esther người bán quần áo rao bán nhà."

Nó bước vào góc phòng và quay ra. "Con mèo mất tiêu rồi," nó nói.

"Con mèo chết thì đi đâu?"

"Ông ngoại nói người chết đi lang thang."

"Không phải chính người chết," tôi nói. "Mà linh hồn của họ mới lang thang."

"Sao chú biết?" nó hỏi. Nó đang giữ chặt cái xô sắt đui với vẻ hết sức nghiêm trang.

"Chỉ biết vậy thôi. Bộ cháu hay đến đây lắm hả?"

"Mẹ cháu đến đây với Esther. Người chết sống lại, dưới mồ ngoi lên, đến đây vào ban đêm, nhưng cháu không sợ chỗ này. Chú có giết ai chưa?"

"Có."

"Mấy người?"

"Không nhiều. Hai."

"Bằng gươm hả?"

"Bằng gương."

"Hồn họ có đi lang thang không?"

"Chú không biết. Theo sách nói thì họ phải lang thang."

"Chú Hasan có một thanh gương đỏ. Nó bén đến độ cắt đứt tay chú nếu chú đụng vào. Chú ấy còn có một con dao găm có cán nạm ngọc. Chú có phải là người giết cha cháu không?"

Tôi gật đầu chẳng nói "phải" mà cũng chẳng nói "không.". "Sao cháu biết cha cháu chết rồi?"

"Mẹ cháu nói vậy hôm qua. Cha không về nữa. Mẹ thấy cha trong mơ."

Nếu có cơ hội, chúng ta quyết định sẽ làm, nhân danh một mục đích lớn lao hơn bất cứ điều khủng khiếp nào mà chúng ta đã chuẩn bị làm vì những lợi lộc khôn khổ của riêng mình, vì nỗi thèm khát cháy bỏng trong ta hoặc vì tình yêu làm tan nát tim ta; và vì thế, một lần nữa tôi quyết định trở thành cha của bọn trẻ bị bỏ rơi này, và, khi trở vào nhà, tôi lắng nghe ông ngoại của Shevket một cách chăm chú hơn khi ông mô tả cuốn sách mà tôi phải hoàn tất lời văn và những tranh minh họa của nó.

Hãy để tôi bắt đầu bằng những tranh minh họa mà Enishte của tôi đã cho tôi xem, chẳng hạn như con ngựa. Trên trang này không có những hình người, và quanh chỗ con ngựa hoàn toàn để trống; tuy nhiên, tôi không thể nói nó đơn giản và thuần túy chỉ là bức tranh vẽ con ngựa. Phải, con ngựa ở đó, nhưng rõ ràng kỵ sĩ đã bước sang một bên, hoặc ai mà biết, có lẽ anh ta sắp hiện ra từ đằng sau một bụi cây được vẽ theo phong cách Kazvin. Điều này lập tức lộ rõ từ chiếc yên trên lưng ngựa, vốn mang những dấu hiệu và vật trang điểm của giới quý tộc: có lẽ một người với thanh gương lăm lăm trên tay sắp xuất hiện bên cạnh con ngựa.

Rõ ràng là Enishte của tôi đã đặt vẽ con ngựa này từ một nhà minh họa bậc thầy, người mà ông đã bí mật triệu đến từ xưởng vẽ. Bởi nhà minh họa

này, đến vào ban đêm, chỉ có thể vẽ một con ngựa - vốn đã ăn sâu vào đầu anh ta như một bản khắc kẽm - nếu như nó là sự mở rộng của câu chuyện, thì anh ta sẽ bắt đầu vẽ theo chính cách đó: theo trí nhớ. Khi anh ta vẽ con ngựa, mà anh ta đã thấy hàng ngàn lần trong các cảnh yêu đương và chiến tranh, thì Enishte của tôi, khởi hứng từ những phương pháp của các bậc thầy Venice, chắc chắn đã chỉ dẫn nhà minh họa này; chẳng hạn, có thể ông đã nói, "Hãy quên tay ký sĩ đi, mà vẽ một cái cây ở đó. Nhưng vẽ nó ở hậu cảnh, theo tỉ lệ nhỏ hơn."

Nhà minh họa, người đến vào ban đêm, sẽ ngồi trước bàn làm việc cùng Enishte của tôi, hăm hở vẽ bên ánh nến một bức tranh kỳ cục, phi quy ước, không giống bất kỳ cảnh bình thường nào mà anh ta quen thuộc và nhớ trong đầu. Dĩ nhiên Enishte của tôi trả công anh ta hậu hĩ cho mỗi bức vẽ, nhưng thực tình thì phương pháp vẽ lạ kỳ này cũng có những hấp dẫn của nó. Tuy nhiên, như với Enishte của tôi, sau một thời gian, nhà minh họa này không còn xác định được bức minh họa sẽ nâng cao và hoàn chỉnh cho câu chuyện nào. Những gì Enishte của tôi mong đợi ở tôi là tôi sẽ xem xét những tranh minh họa được vẽ theo kiểu nửa Ba Tư, nửa Venice và viết một câu chuyện phù hợp đi kèm theo chúng ở trang đối diện. Nếu tôi muốn có được Shekure, dứt khoát tôi phải viết những chuyện này, nhưng tất cả những gì nảy ra trong đầu tôi là những câu chuyện mà người kể chuyện đã kể tại quán cà phê.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 23: Tôi Sẽ Được Gọi Là Một Kẻ Sát Nhân

Tích tắc, chiếc đồng hồ lên dây cót của tôi báo cho tôi biết trời đã tối. Hiệu báo giờ cầu kinh chưa gióng lên. nhưng tôi đã đốt nến đặt bên cạnh bàn làm việc của tôi từ lâu rồi. Tôi nhanh chóng hoàn thành bức tranh vẽ một con nghiện thuốc phiện theo trí nhớ, sau khi nhúng cây bút sậy vào lọ mực đen Hasan Pasha rồi quẹt nó lên tờ giấy được phết keo và đánh bóng kỹ lưỡng, thì tôi nghe tiếng nói gọi tôi ra đường như nó vẫn gọi hàng đêm. Tôi cưỡng lại. Tôi đã quyết tâm không đi mà ở nhà làm việc, thậm chí có lúc tôi còn đóng đinh chặn cửa lại.

T

Cuốn sách tôi đang gấp rút hoàn tất là do một người Armenia đặt làm, người này đã từ tận Galata tìm đến đây, gõ cửa nhà tôi sáng nay trước khi mọi người thức giấc. Người này, làm nghề phiên dịch và dẫn đường, dù nói lắp, đã lũng kiếm tôi mỗi khi có một du khách Tây vực hay Venice muốn có một "cuốn sách trang phục" và lôi tôi vào một cuộc mặc cả quyết liệt. Sáng hôm đó, sau khi đã thỏa thuận một cuốn sách trang phục chất lượng thấp với giá hai mươi đồng bạc, tôi tiến hành minh họa một mạch độ chục người Istanbul vào khoảng giờ cầu kinh tối, đặc biệt chú ý đến chi tiết ở quần áo giày dép của họ.

Tôi vẽ một Thượng thư tôn giáo vụ, một phu khuân vác trong cung điện, một nhà thuyết giáo, một lính bộ binh, một nhà khổ tu một lính kỵ binh, một quan tòa, một người bán gan, một đao phủ - tranh vẽ đao phủ đang hành hình bán rất chạy - một kẻ ăn mày, một phụ nữ đang đi về nhà tắm hơi, và một người nghiện thuốc phiện. Tôi đã làm nhiều sách loại này để kiếm thêm vài đồng bạc đến độ tôi bắt đầu bịa ra những trò chơi cho mình để chống lại cơn buồn chán trong khi vẽ; chẳng hạn như tôi buộc mình phải vẽ một quan tòa mà không nhắc bút lên khỏi mặt giấy hoặc nhắm mắt mà vẽ gã ăn mày.

Mọi tên cướp, nhà thơ và những người luôn buồn phiền đều biết rằng khi có hiệu lệnh cầu kinh tối thì những âm hồn và ma quỷ trong họ sẽ càng lúc càng kích động và nổi loạn, chúng đồng thanh thúc giục: "Ra! Ra ngoài". Tiếng nói nội tại bất an đó yêu cầu, "Hãy tìm người bầu bạn, tìm bóng tối khổ não và nhục nhã." Tôi đã dành thời gian xoa dịu những âm hồn và ma quỷ này. Tôi đã vẽ những bức tranh, mà nhiều người xem như phép thần diệu hiện ra từ tay tôi, với sự giúp đỡ của những ác thần này. Nhưng suốt bảy ngày nay cứ sau hoàng hôn, từ khi tôi giết tên tội tộ đó, tôi không còn kiểm soát được những âm hồn và ma quỷ trong tôi nữa. Chúng nổi giận dữ dội đến độ tôi phải tự nhủ có thể chúng sẽ bình tĩnh lại nếu tôi ra ngoài một lát.

Sau khi nói thế, tôi nhận ra mình lang thang suốt đêm mà không biết bằng cách nào, cũng như mọi khi. Tôi bước nhanh, qua những con đường tuyết phủ, những lối đi lầy lội, những con dốc đóng băng và những vỉa hè vắng ngắt như thể tôi sẽ không bao giờ dừng lại. Trong khi tôi vào bóng tối của đêm, vào những nơi xa xôi nhất và hoang vắng nhất của thành phố, tôi dần bỏ linh hồn mình lại phía sau và đi dọc theo những con phố hẹp, tiếng bước chân tôi dội vào những bức tường đá của quán rượu, trường học và thánh đường, và nỗi sợ của tôi giảm xuống.

Đôi chân tôi tự ý đưa tôi đến những con đường hoang phế của khu này ở ngoại ô thành phố, nơi tôi đến mỗi đêm và là nơi mà ngay cả ma quỷ và âm hồn cũng rùng mình khi đi qua. Tôi nghe nói rằng nửa số dân trong vùng này đã chết trong những cuộc chiến tranh với Ba Tư, còn số còn lại đã bỏ đi, cho rằng khu này mang điềm gở. Nhưng tôi không tin điều dị đoan như thế. Bị kịch duy nhất xảy đến cho nơi tốt đẹp này do những cuộc chiến tranh Safavid là việc đóng cửa nhà khổ tu phái Kalenderi cách nay bốn mươi năm vì nó bị nghi là chứa chấp quân thù.

Tôi lang thang đằng sau mấy bụi dâu tằm và những cây nguyệt quế, vốn tỏa hương thơm dễ chịu ngay cả trong thời tiết lạnh lẽo nhất và với tính khí bốc đồng thường lệ của mình, tôi dựng ngay ngắn lại những tấm ván ốp tường nằm giữa ống khói đã sụp và cửa sổ với những lớp rèm hư nát. Tôi

bước vào và hít vào phôi mùi nhang và mùi mốc còn vương vất hàng trăm năm. Tôi cảm thấy quá hạnh phúc khi ở đây đến độ tôi nghĩ mình sắp khóc.

Nếu tôi chưa nói thế thì tôi muốn nói rằng tôi chẳng sợ gì ngoài đấng Allah, và sự trừng phạt trong thế giới này theo tôi chẳng có nghĩa lý gì. Điều tôi sợ là đủ loại giày vò mà những kẻ giết người như tôi sẽ phải chịu đựng trong Ngày phán xét như được mô tả rõ ràng trong kinh Koran Vinh quang, ở chương Al- Furqan (1 chẳng hạn. Trong những cổ thư, mà tôi hiếm khi cầm đến, mỗi khi tôi thấy hình ảnh về sự trừng phạt này trong mọi sắc thái và sự ác liệt của nó, gợi nhớ lại những cảnh đơn giản, hợp với trẻ con, nhưng rất khủng khiếp về Hỏa ngục do các nhà tiểu họa Ả Rập cổ minh họa trên những tấm da dê, hoặc, vì bất kỳ lý do gì những cảnh tra tấn của ma quỷ do các họa sĩ bậc thầy Mông Cổ và Trung Hoa vẽ, tôi không thể không vẽ những hình ảnh tương tự này và lưu ý đến tính lôgic của nó: "Câu thứ ba mươi ba của chương Al-Isra 2 nói lên điều gì? Chẳng phải nó nói rằng nếu không có lý do biện minh, người ta không được phép lấy đi sinh mạng người khác mà việc giết kẻ đó bị Thượng đế ngăn cấm sao?" Vậy thì đây: tên dê tiện mà tôi cho xuống Địa ngục không phải là một tín hữu, vốn là loại người mà Thượng đế cấm giết, ngoài ra, tôi có lý do rất chính đáng để đập nát sọ hắn.

Tên này đã vu cáo bọn chúng tôi, những người đang thực hiện cuốn sách do Đức vua bí mật ra lệnh. Nếu tôi không làm hắn câm mồm, hắn sẽ tố cáo Enishte Kính mến, tất cả nhà tiểu họa và cả Thầy Osman là những kẻ vô thần, để cho những môn đệ điên cuồng của Hoja xứ Erzurum xử lý họ. Nếu ai đó thành công trong việc phao tin rằng các nhà tiểu họa đang làm chuyện báng bổ, thì những môn đệ Erzurum này - những kẻ đang tìm bất kỳ cơ nào để sử dụng sức mạnh của họ - sẽ không chỉ hài lòng với việc giết chết những nhà tiểu họa bậc thầy này, mà họ còn phá hủy toàn bộ xưởng vẽ và Đức vua sẽ không dám làm bất cứ điều gì ngoài việc im lặng nhìn.

Như tôi vẫn làm mỗi lần đến đây, tôi lau dọn sạch sẽ bằng cây chổi và miếng giẻ lau mà tôi đã giấu trong một góc. Khi lau dọn, tôi thấy phần chân và lại cảm thấy mình như một đầy tớ đầy trách nhiệm của đấng Allah. Để

Người không tước đi cảm giác sung sướng tốt cùng này của tôi, tôi cầu nguyện hồi lâu. Cái lạnh, vốn đủ gay gắt để biến một bãi phân cáo thành một cục đồng, thấm vào tận xương. Tôi bắt đầu cảm thấy cơn đau dữ dội đó ở đáy cổ họng. Tôi bước ra ngoài.

Ngay sau đó, cũng trong tâm trạng kỳ lạ đó, tôi nhận thấy mình đang ở một nơi hoàn toàn khác. Tôi không biết những gì đã xảy ra, những gì tôi đã nghĩ khi đi từ khu hoang phế của ngôi nhà khổ tu tới đây. Tôi không biết bằng cách nào tôi đến được những con đường trồng đầy cây bách này.

Dù tôi lang thang nhiều tới đâu, một ý nghĩ quấy rầy dai dẳng cũng không chịu rời khỏi tôi, nó gặm nhấm tôi như một con sâu. Có lẽ nếu nói ra với các vị, tôi sẽ thấy nhẹ gánh: "Hãy gọi hắn là một kẻ vu khống đê tiện" hay "Zarif Kính mền tội nghiệp" - cách nào cũng như nhau - ngay trước khi tay thợ mạ vàng đó rời khỏi thế giới này, hắn đã đưa ra những lời buộc tội mạnh mẽ nhắm vào Enishte của chúng tôi, nhưng khi hắn thấy tôi không bị tác động bởi tuyên bố của hắn rằng Enishte Kính mền đã sử dụng những kỹ thuật phối cảnh của bọn ngoại giáo, tên đê tiện đó đã tiết lộ như sau: "Có một bức tranh cuối cùng. Trong bức tranh đó, Enishte bán bỏ mọi thứ chúng ta tin vào. Những gì ông ta làm không còn là một sự xúc phạm đạo giáo nữa, mà là sự bán bỏ thuần túy." Hơn nữa, ba tuần sau lời buộc tội của tên vô lại đó, Enishte Kính mền đã thực sự yêu cầu tôi minh họa một số thứ không liên quan, như một con ngựa, một đồng tiền và Thần chết ở những chỗ ngẫu nhiên trên một trang giấy và theo những tỉ lệ không nhất quán một cách kỳ cục; thực tế nó là những gì người ta thường thấy ở một bức tranh Tây vực. Enishte luôn bỏ công che kín phần được kẻ dòm của trang giấy mà ông ta muốn tôi minh họa cũng như những chỗ mà Zarif Kính mền xấu số đã mạ vàng, như thể ông ta muốn giấu một điều gì đó không cho tôi và những nhà tiểu họa khác biết.

Tôi muốn hỏi Enishte ông đang vẽ cái gì trong bức tranh lớn cuối cùng đó, nhưng có nhiều điều ngăn tôi lại. Nếu tôi hỏi, dĩ nhiên ông ta sẽ nghi ngờ tôi giết Zarif Kính mền và sẽ cho mọi người biết mối nghi ngờ của ông ta. Nhưng có một điều gì khác cũng làm tôi bối rối. Nếu tôi hỏi, ông ta có thể

tuyên bố rằng Zarif Kính mến thực sự chính đáng khi có những niềm tin như vậy. Đôi khi tôi tự nhủ mình phải hỏi ông ta, vờ như sự nghi ngờ này không phải là từ Zarif Kính mến truyền sang tôi, mà đơn giản là do tôi tự nghĩ ra. Cuối cùng chẳng có cách nào thuận lợi cả.

Chân tôi, vốn luôn nhanh hơn đầu tôi, đã tự ý đưa tôi đến con đường qua nhà của Enishte Kính mến. Tôi nấp trong một chỗ kín, cố hết sức quan sát ngôi nhà ấy một lúc lâu trong đêm tối. Tôi theo dõi hồi lâu: Ẩn sau đám cây lá là ngôi nhà bề thế hai tầng và trông kỳ cục của một kẻ giàu có! Tôi không xác định được phòng của Shekure nằm ở mé nào. Như trong một số bức tranh được làm ở Tabriz dưới thời vua Tahmasp, tôi hình dung ngôi nhà theo thiết diện - như thể nó bị một con dao cắt làm đôi - và tôi cố vẽ ra trong tâm trí xem mình sẽ thấy Shekure ở đâu, đằng sau lớp cửa rèm nào.

Cửa mở, tôi thấy Siyah rời ngôi nhà trong đêm tối. Enishte đứng sau cổng nhìn theo anh ta tràn đầy thương mến trong giây lát trước khi đóng cổng.

Ngay cả tâm trí tôi, vốn trôi theo những tưởng tượng ngu ngốc, nhanh chóng, và đầy đau khổ, cũng rút ra được ba kết luận dựa trên những gì tôi đã thấy:

Một: Vì Siyah ít tốn kém hơn và ít nguy hiểm hơn, nên Enishte sẽ nhờ anh ta hoàn tất cuốn sách của chúng tôi.

Hai: Nàng Shekure xinh đẹp sẽ cưới Siyah.

Ba: Những gì Zarif Kính mến bất hạnh đã nói là sự thật, và như thế, việc tôi giết anh ta là vô ích.

Trong những tình huống như thế này, ngay khi trí óc tàn nhẫn của chúng ta rút ra kết luận cay đắng mà trái tim ta phản đối, thì toàn bộ cơ thể sẽ nổi dậy chống lại đầu óc. Thoạt tiên, nửa trí óc của tôi phản đối dữ dội kết luận thứ ba, vốn cho thấy tôi chẳng là gì ngoài kẻ sát nhân đáng tởm nhất. Hai chân tôi, một lần nữa, hành động nhanh hơn và hợp lý hơn đầu tôi đã đưa tôi

đuổi sát theo Siyah Kính mền.

Chúng tôi đi qua mấy con đường nhỏ, khi đó tôi nghĩ hạ sát anh ta, kẻ đang mẫn nguyện và tự tin đi phía trước tôi kia thì thật quá dễ và một tội ác như thế sẽ cứu tôi khỏi phải đối mặt với hai kết luận khó chịu mà tôi vừa nghĩ ra đến thế nào. Hơn nữa, tôi hẳn đã không đập bẻ đầu Zarif Kính mền mà chẳng có lý do gì.

Bây giờ nếu tôi chạy bay tới trước tám hay mười bước, đuổi kịp Siyah và giáng một cú thật lực vào đầu anh ta, mọi thứ sẽ diễn ra như thường lệ. Enishte Kính mền sẽ mời tôi đến để hoàn tất cuốn sách. Nhưng trong khi đó khía cạnh trung thực (Sự trung thực là gì nếu không phải là sợ hãi?) và thận trọng hơn của tôi tiếp tục nói với tôi rằng tên quái vật mà tôi đã giết và ném xuống giếng thật sự là một kẻ vu khống. Và nếu đúng vậy thì tôi đã không giết hắn một cách vô ích, và Enishte, do không còn bất cứ điều gì để che giấu về cuốn sách ông đang làm, hầu như chắc chắn sẽ mời tôi trở lại nhà ông.

Tuy nhiên trong khi theo dõi Siyah đang đi phía trước, tôi biết hầu như chắc chắn rằng không điều nào trong số này sẽ xảy ra. Tất cả chỉ là ảo tưởng. Siyah Kính mền có giá hơn tôi. Chuyện này vẫn xảy đến với tất cả chúng ta: Phản ứng trước tình trạng quá hợp luận lý, chúng ta sẽ nuôi dưỡng những tưởng tượng trong nhiều tuần và nhiều năm liên tục, thế rồi một ngày kia, chúng ta sẽ thấy một điều gì đó, một gương mặt, một bộ quần áo, một con người hạnh phúc, và bất chợt nhận ra rằng những giấc mơ của mình sẽ không bao giờ trở thành hiện thực; như thế, chúng ta sẽ đến chỗ hiểu rằng một thiếu nữ nào đó sẽ không bao giờ được phép cưới chúng ta hoặc chúng ta sẽ không bao giờ đạt được một thành quả như thế trong cuộc sống.

Tôi nhìn theo đôi vai, cái đầu và cổ nhấp nhô của Siyah - một kiểu đi khó chịu kỳ cục, như thể mỗi bước đi của anh ta là một món quà cho thế giới - với sự căm ghét sâu sắc vốn cuộn tròn một cách dễ chịu quanh tim tôi. Những người như Siyah, không bị những dằn vặt của lương tâm và với tương lai hứa hẹn trước mặt họ, vẫn cho rằng toàn bộ thế giới này là nhà của họ; họ mở mọi cánh cửa giống như vị vua bước vào chuồng ngựa riêng của

ông ta và lập tức coi thường những ai trong chúng ta đang rúm mình trong đó. Niềm thôi thúc muốn nhặt một hòn đá rồi chạy đến sau lưng anh ra hầu như quá mạnh mẽ đến độ khó cưỡng lại.

Chúng tôi là hai người đàn ông cùng yêu một phụ nữ; anh ta đang đi phía trước tôi và hoàn toàn không biết sự hiện diện của tôi khi chúng tôi đi qua những con đường ngoằn ngoèo quanh co của Istanbul, lên dốc rồi xuống dốc, chúng tôi đi giống như những huynh đệ qua những con đường vắng vẻ chỉ còn những bầy chó hoang cắn lộn, đi qua những đồng đò nát sau hỏa hoạn nơi những âm hồn lảng vảng, các khoảnh sân thánh đường nơi các thiên thần nằm ngủ trên mái vòm, bên cạnh hàng bách đang rì rầm với những linh hồn người chết, vượt qua bờ rào của những nghĩa trang tuyết phủ đầy hồn ma, ra khỏi tầm nhìn của bọn cướp đang siết cổ những nạn nhân của chúng, đi qua những cửa hàng, chuồng ngựa, viện khổ tu, những xưởng làm nệm, xưởng thuộc da và những bức tường đá vô tận; và khi chúng tôi đến gần nhau hơn, tôi cảm thấy tôi không hề đi theo anh ta, mà có vẻ như tôi đang bắt chước anh ta.

1 Al- Furqan: Tiêu chuẩn.

2 Al-Isra: Hành trình trong đêm.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 24: Tôi Là Thần Chết

Tôi là Thần chết, các người thấy rõ đấy, nhưng các người không cần phải sợ, tôi chỉ là một bức minh họa mà thôi. Hãy cứ như vậy, tôi thấy được nỗi kinh hãi trong mắt các người. Dù các người biết rất rõ rằng tôi không có thực - giống như bọn trẻ đang đắm mình vào một trò chơi - các người vẫn bị chìm trong nỗi kinh hoàng, như thể các người thật sự thấy chính Thần chết vậy. Điều này làm tôi vui. Khi nhìn tôi, các người có cảm giác rằng các người sẽ làm vậy bản chính mình vì sợ hãi khi giây phút cuối cùng không thể tránh khỏi đó đến với các người. Đây không phải nói đùa đâu.

T

Khi đối mặt Thần chết, người ta mất kiểm soát những chức năng thân thể họ - nhất là những người được tiếng là dũng cảm. Vì lý do này, những chiến trường đầy xác chết mà các người vẽ hàng ngàn lần không có mùi máu, thuốc súng và áo giáp nóng hổi như ta thường nghĩ, mà chỉ có cứt và thối thối rữa.

Tôi biết đây là lần đầu các người thấy một bức tranh vẽ Thần chết.

Cách nay một năm, một ông già cao, gầy, bí ẩn đã mời đến nhà mình một nhà tiểu họa trẻ, người sau đó sẽ minh họa tôi. Trong phòng làm việc tranh tối tranh sáng của ngôi nhà hai tầng, ông già dọn cho bậc thầy trẻ tuổi này một tách cà phê tằm hồ phách tuyệt vời, vốn làm đầu óc chàng trẻ tuổi này sáng khoái. Kế đến, trong căn phòng tối có cửa màu xanh đỏ, ông già đã kích động chàng tiểu họa trẻ bằng việc khoe thứ giấy tuyệt đẹp từ Hindustan, những chiếc cọ làm bằng lông sóc, nhiều tấm vàng lá khác nhau, đủ loại bút sậy và những dao chuốt bút có cán san hô, chứng tỏ rằng ông ta có thể trả công hậu hĩ.

"Bây giờ hãy vẽ Thần chết cho ta," ông già nói.

"Tôi không thể vẽ Thần chết nếu chưa một lần trong đời thấy được một bức tranh Thần chết," nhà tiểu họa tài hoa, kẻ mà ngay sau đó sẽ vẽ bức tranh này, liền nói.

"Đâu phải lúc nào anh cũng phải thấy một bức minh họa về một thứ nào đó thì mới vẽ lại được," ông già lịch thiệp và nhiệt tình kia phản đối.

"Phải, có lẽ không," nhà tiểu họa bậc thầy nói. "Nhưng nếu muốn bức tranh đó được hoàn hảo, theo cách những bậc thầy ngày xưa đã làm, thì nó phải được vẽ hàng ngàn lần trước khi tôi thử vẽ nó. Cho dù nhà tiểu họa có tài hoa đến đâu đi nữa, thì khi lần đầu tiên vẽ một vật nào đó, anh ta sẽ thể hiện nó như một thợ học việc, mà tôi thì không bao giờ làm được như vậy. Tôi không thể đem tài hoa của tôi sang một bên khi minh họa Thần chết; điều này tương đương với việc tự sát."

"Một cái chết như thế có thể khiến anh tiếp cận đề tài," ông già châm biếm.

"Không phải kinh nghiệm về một chủ đề mới làm cho chúng tôi trở thành những bậc thầy, chuyện trải nghiệm không hề biến chúng tôi thành những bậc thầy."

"Vậy một sự lão luyện như thế tất phải quen thuộc với Thần chết."

Theo kiểu đó, họ bước vào một cuộc nói chuyện cao siêu đầy những ám chỉ, ẩn dụ, chơi chữ, lối nói mơ hồ và những lời bóng gió, phù hợp với những nhà tiểu họa vốn kính trọng cả những bậc thầy cũ cũng như tài năng của chính họ. Vì sự hiện hữu của tôi là đề tài của cuộc bàn cãi, nên tôi chú ý lắng nghe cuộc nói chuyện, toàn bộ câu chuyện, tôi biết sẽ làm chán tai những nhà tiểu họa lỗi lạc của chúng ta trong quán cà phê tuyệt vời này. Cho phép tôi nói rằng cuộc bàn luận đã tới đỉnh điểm khi chạm đến vấn đề sau:

"Có phải thước đo tài năng của nhà tiểu họa là khả năng vẽ mọi thứ với

cùng một mức độ hoàn hảo như những bậc thầy vĩ đại hay đây là khả năng đưa vào bức tranh một chủ đề mà không ai khác có thể thấy?" Nhà minh họa tài hoa thông minh đó hỏi, và dù bản thân anh ta biết rõ câu trả lời cho vấn đề này, nhưng anh ta vẫn rất dè dặt.

"Người Venice đánh giá tài năng của nhà tiểu họa qua khả năng phát hiện chủ đề và những kỹ thuật mới mà trước đó chưa ai sử dụng," ông già ngạo mạn khẳng định.

"Người Venice chết theo kiểu người Venice." nhà minh họa mà sau đó vẽ tôi nói.

"Mọi cái chết của chúng ta đều giống nhau." ông già nói.

"Truyền thuyết và hội họa kể lại con người khác nhau như thế nào, chứ không phải con người giống nhau như thế nào," nhà minh họa thông minh nói. "Nhà tiểu họa bậc thầy đạt được sự lão luyện bằng cách vẽ những truyền thuyết độc đáo như thể chúng ta đã quen thuộc với chúng."

Theo cách đó, cuộc nói chuyện chuyển sang những khác biệt giữa cái chết của người Venice và người Ottoman, sang Thiên sứ của Thần chết và những thiên sứ khác của Allah, và chuyện tại sao không thể đánh giá họ theo tiêu chuẩn nghệ thuật của bọn ngoại giáo. Bậc thầy trẻ tuổi, người hiện đang nhìn tôi với đôi mắt đẹp trong quán cà phê thân yêu này của chúng ta, thấy bối rối trước những lời nghiêm trọng này, hai bàn tay anh ta trở nên bồn chồn, anh ta khao khát vẽ tôi, tuy anh ta chưa nghĩ ra tôi là loại thực thể nào.

Lão già ranh ma và đầy tính toán vốn muốn lôi cuốn chàng trai trẻ này đã nắm bắt được mùi hăm hở của chàng trai. Trong phòng tối lão già dán mắt mình, vốn lấp lánh trong ánh đèn dầu leo lét, vào chàng trai có bàn tay tài hoa.

"Thần chết, nhân vật được dân Venice vẽ theo hình dạng con người, với chúng ta lại là một thiên sứ giống như Azrael," ông ta nói. "Phải, trong hình dạng con người. Giống như Gabriel, vị thiên sứ xuất hiện dưới lốt người

phàm khi truyền Lời Thiên cho đấng Tiên tri của chúng ta. Anh hiểu mà, phải không?"

Tôi nhận ra rằng chàng họa sĩ trẻ, người mà Allah đã phú cho tài năng đáng kinh ngạc, đang nóng ruột muốn vẽ tôi, bởi lão già quý quyết đã thành công trong việc kích thích anh ta bằng ý tưởng quý quái này: Những gì chúng ta tha thiết mong muốn là vẽ một thứ gì mà chúng ta chưa biết với tất cả sự tối tăm của nó, Chứ không phải cái chúng ta đã biết với tất cả ánh sáng của nó.

"Tôi không hề quen thuộc với Thần chết chút nào." nhà tiểu họa nói.

"Tất cả chúng ta đều biết Thần chết," ông già nói.

"Chúng ta sợ nó, nhưng chúng ta không biết nó."

"Vậy công việc của anh là vẽ nỗi sợ đó," ông già nói.

Vậy là anh ta sắp tạo ra tôi. Gáy của nhà tiểu họa bậc thầy vĩ đại này ngứa ran; bắp thịt tay anh ta đang căng lên và những ngón tay anh ta thêm khát một cây bút sậy. Nhưng, bởi vì anh ta là kẻ thực tài nhất trong các bậc thầy vĩ đại đích thực, nên anh ta cố kiềm chế mình, biết rằng sự căng thẳng này sẽ làm sâu đậm hơn tình yêu nghệ thuật trong tâm hồn anh ta.

Lão già khôn ngoan này hiểu điều gì đang xảy ra, và tìm cách truyền cảm hứng cho chàng trai trong việc thể hiện tôi, mà ông ta chắc chắn sẽ được hoàn tất không lâu, ông ta bắt đầu đọc những đoạn nói về tôi từ những cuốn sách nằm trước mặt: Kitab al-Ruh 1 của El-Jevziyye, Kitab al-Qiyamah 2 Của Gazzali và sách của Suyuti.

Và như thế, khi nhà tiểu họa bậc thầy với khả năng diệu kỳ đang thực hiện bức chân dung này, mà hiện các người đang nhìn ngắm một cách đầy sợ hãi, anh ta cũng lắng nghe Thiên sứ của Thần chết với hàng ngàn đôi cánh phủ khắp Trời và Đất, từ điểm xa nhất của phương Đông đến điểm xa nhất của phương Tây như thế nào. Anh ta nghe những đôi cánh này sẽ là nguồn

an ủi lớn lao thế nào đối với kẻ thật sự ngoan đạo, những đối với những kẻ tội đồ và phiến loạn thì đau đớn như một cây chông nhọn xuyên qua da thịt. Vì đa số nhà tiểu họa các người đều đi về phía Địa ngục, nên anh ta mô tả tôi đầy những chông nhọn. Anh ta lắng nghe chuyện thiên sứ do Allah phái đến để lấy đi sinh mạng của các người sẽ mang theo cuốn sổ ghi tên tất cả các người và một số tên các người sẽ bị khoanh tròn bằng mực đen. Chỉ có Allah mới biết chính xác giây phút của cái chết: Khi giờ phút đó tới, một chiếc lá sẽ rơi từ cội cây bên dưới ngai vàng của Người và bất cứ ai bắt được chiếc lá này có thể biết được Thần chết đã đến lấy mạng ai. Vì tất cả lý do đó, nhà tiểu họa đã vẽ tôi như một hữu thể khủng khiếp, nhưng cũng thâm trầm, giống như một người hiểu mọi chuyện. Lão già điên đó tiếp tục đọc: Khi Thiên sứ của Thần chết, người hiện ra trong lót người phạm, giơ bàn tay ra bắt lấy linh hồn của một kẻ đã hết thời hạn ở trần gian, một thứ ánh sáng bao trùm giống như ánh sáng mặt trời sẽ tỏa khắp, và vì thế chàng tiểu họa thông minh vẽ tôi tắm mình trong ánh sáng, vì anh ta cũng biết ánh sáng này sẽ là vô hình đối với những kẻ đang vây quanh người chết. Ông già sôi nổi này đọc trong Kitab Al-Ruh về những tên trộm mộ cổ từng tận mắt thấy, thay vì những xác người bị đâm thủng bằng chông nhọn, chỉ có những ngọn lửa và đầu lâu đầy chì nấu chảy. Vì thế, nhà minh họa diệu kỳ này, sau khi lắng nghe chăm chú những mô tả như thế, đã vẽ tôi theo một cách sẽ làm khiếp sợ bất cứ ai nhìn vào tôi.

Sau này anh ta hối tiếc về những gì mình đã làm. Không phải vì sự khủng khiếp mà anh ta đã đưa vào bức tranh, mà bởi vì anh ta dám làm một bức họa như thế. Về phần tôi, tôi cảm thấy mình giống như một người bị cha đẻ ra mình nhìn với sự phiến não và hối tiếc. Tại sao một nhà tiểu họa với đôi tay tài hoa lại hối tiếc vì đã minh họa tôi?

1. Bởi vì tôi, bức tranh Thần chết, không được vẽ với tất cả tài năng. Như các người có thể thấy, tôi không hoàn hảo như những gì do các bậc thầy Venice vĩ đại hoặc những bậc thầy Herat vẽ. Tôi cũng bối rối trước vẻ thảm hại của tôi. Bậc thầy vĩ đại này đã không vẽ được tôi theo một phong cách phù hợp với phẩm giá của Thần chết.

2. Bị lão già lừa gạt một cách khôn khéo, nhà minh họa bậc thầy vừa vẽ ra tôi này đã phát hiện rằng mình đã vô tình và bất ngờ bắt chước phương pháp và luật phối cảnh của những họa sĩ Tây vực bậc thầy. Linh hồn anh ta xáo động vì anh ta cảm thấy mình bất kính và lần đầu tiên, anh ta cảm thấy hổ thẹn với những bậc thầy xưa.

3. Anh ta hẳn đã hiểu ra rằng như một số kẻ đàn độn vốn phát mệt vì tôi và cười cợt lúc này cũng đã hiểu ra: Cái chết không phải là chuyện đùa.

Nhà tiểu họa bậc thầy đã tạo ra tôi hiện lang thang bất tận trên đường phố mỗi đêm trong những cơn hồi tiếc; giống như những bậc thầy Trung Hoa nào đó, anh ta tin mình đã trở thành những gì anh ta đã vẽ.

1 Kitab al-Ruh: Sách về linh hồn.

2 Kitab al-Qiyamah: Sách tận thế.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 25: Tôi Là Esther

Quý bà từ những vùng lân cận như Kızılminare và Karakedi đã đặt hàng mền bông màu tía và đỏ từ thành phố Bilejik, vì vậy từ sáng sớm tôi đã chuẩn bị chiếc túi lớn tạm bợ - một tấm vải to tôi bỏ đầy hàng và buộc lại thành một bó lớn. Tôi đẹp tấm lụa Trung Hoa xanh lá cây vừa mới đến theo đường của thương nhân Bồ Đào Nha nhưng không bán được, thay bằng miếng màu xanh da trời quyến rũ hơn. Và do tuyết rơi không ngớt trong mùa đông dằng dặc này, nên tôi cẩn thận xếp đầy những chiếc vớ sặc sỡ, những khăn choàng dày và những chiếc áo lót nặng, tất cả đều bằng len, để chúng vào giữa. Khi tôi trải tấm vải này ra, một bó hoa đầy màu sắc sẽ bùng nổ khiến cho thậm chí trái tim phụ nữ thờ ơ nhất cũng đập loạn xạ. Kế đến tôi gói một số khăn tay lụa nhẹ nhàng đắt tiền, ví đựng tiền và khăn mặt thô đặc biệt dành cho những quý bà gọi tôi đến không phải để mua sắm mà để tán chuyện. Tôi nhấc túi lên. Trời ơi, nó nặng quá, làm lưng tôi muốn gãy. Tôi đặt nó xuống, mở ra. Khi tôi nhìn vào trong, thử quyết định xem bỏ cái gì lại, thì nghe có tiếng gõ cửa. Nesim mở cửa và gọi tôi.

Q

Đó là nàng hầu Hayriye, đỏ mặt và bối rối. Cô ta cầm lá thư trên tay.

"Shekure gửi," cô ta nói nhỏ. Cô nô lệ này e lệ đến độ các vị sẽ nghĩ cô ta đang yêu và muốn lấy chồng.

Hết sức nghiêm túc, tôi chộp lấy lá thư. Tôi dặn cô ngốc này hãy quay về sao cho không bị ai nhìn thấy và cô ta cáo lui.

Nesim nhìn tôi dò hỏi. Tôi lấy ra cái túi lớn hơn nhưng nhẹ hơn mà tôi thường mang mỗi khi đi chuyên thư.

"Shekure, con gái Enishte Kính mến, đang yêu nồng cháy," tôi nói. "Cô ấy mất trí rồi, cô gái tội nghiệp."

Tôi ba hoa và bước ra ngoài, nhưng rồi bị nỗi day dứt níu lại. Nếu phải nói thật, tôi muốn được nhỏ một giọt nước mắt cho nỗi buồn của Shekure thay vì coi thường những quan hệ tình cảm lặt vặt của cô ấy. Cô ấy đẹp biết bao, cô gái có đôi mắt đen u sầu của tôi!

Tôi bước nhanh qua những ngôi nhà ọp ẹp của khu Do Thái, chúng thậm chí trông còn điêu tàn và thê thảm hơn trong cái lạnh buổi sáng. Một lát sau, khi nhìn thấy tên ăn xin mù vốn luôn ngồi ngay góc đường nhà Hasan, tôi rao to, "Quần áo đây!"

"Này mù phù thủy béo," gã nói. "Mù không gào lên thì chỉ nghe tiếng chân của mù ta cũng nhận ra như thường."

"Lão mù vô tích sự," tôi nói. "Đồ Tatar chết dằm! Những kẻ mù như lão là tai họa bị Allah bỏ rơi. Cầu mong Người giáng cho lão sự trừng phạt xứng đáng với lão."

Trước đây những lời qua lại như thế không làm tôi giận dữ. Tôi không hề quan tâm đến chúng. Cha của Hasan mở cửa. Ông ta là một người Abkhazia, một quý ông cao cả và lịch thiệp.

"Cho xem nào, lần này cô đem theo thứ gì vậy?" ông nói.

"Thằng con biếng nhác của ông còn ngủ hả?"

"Sao nó ngủ được? Nó đang chờ cô đưa tin đến."

Ngôi nhà này quá tối đến độ mỗi lần đến thăm tôi đều có cảm giác như bước vào một ngôi mộ. Shekure không bao giờ hỏi về nó, nhưng tôi luôn nhất định chê bai nơi này để cô không còn nghĩ đến chuyện trở về hầm mộ này nữa. Thật khó hình dung rằng Shekure xinh xắn đã từng là bà chủ của ngôi nhà này và cô đã sống ở đây với những đứa bé tinh nghịch của cô. Bên trong nó bốc mùi giặc ngủ và cái chết. Tôi bước vào phòng bên cạnh, bước

sâu hơn vào bóng tối.

Các vị không thể thấy được bàn tay chính mình giơ trước mặt. Thậm chí tôi không có cơ hội để đưa lá thư cho Hasan. Anh ta xuất hiện từ bóng tối và giật nó khỏi tay tôi. Như mọi khi, tôi để anh ta một mình đọc thư và thỏa mãn sự tò mò. Rồi anh ta nhanh chóng ngược lên khỏi trang giấy.

"Chỉ có bấy nhiêu thôi sao?" anh ta hỏi. Anh ta biết rằng chẳng có gì khác, chỉ là một bức thư ngắn ngủn," anh ta nói rồi đọc.

Siyah Kính mến! Anh đã đến nhà chúng tôi, và lưu lại nhiều ngày ở đây. Nhưng tôi nghe nói anh chưa hề viết thậm chí một dòng nào cho cuốn sách của cha tôi. Đừng ôm ấp hy vọng nếu trước tiên không hoàn tất bản thảo đó.

Cầm lá thư trong tay, anh ta nhìn vào mắt tôi với vẻ buộc tội, như thể tất cả chuyện này là lỗi của tôi. Tôi không thích những lúc im lặng như thế trong ngôi nhà này.

"Không còn chữ nào về việc cô ta đã có chồng, về chuyện chồng cô ấy từ mặt trận về," anh ta nói. "Tại sao vậy?"

"Làm sao tôi biết tại sao?" tôi nói. "Tôi đâu phải người viết mấy lá thư này."

"Đôi lúc tôi cũng băn khoăn về vụ đó." anh ta nói rồi trao bức thư lại cùng với mười lăm đồng bạc.

"Có người càng kiếm được nhiều tiền càng keo kiệt. Anh không phải loại ấy," tôi nói.

Có một khía cạnh thông minh, thú vị như thế ở người đàn ông này nên dù anh ta có những điểm xấu và đen tối, người ta cũng có thể thấy tại sao Shekure vẫn nhận thư của anh ta.

Cuốn sách của cha Shekure là cái gì vậy?"

"Anh biết mà! Người ta nói Đức vua chi tiền cho việc này đó."

"Những tay tiêu họa đang giết nhau vì mấy bức tranh trong cuốn sách đó, anh ta nói. "Đó có phải là vì tiền hay - cầu Thượng đế thương xót - vì cuốn sách đó báng bổ đạo giáo của chúng ta? Họ nói chỉ cần nhìn thoáng vào các trang trong đó là đủ khiến người ta bị mù rồi."

Anh ta vừa nói thế vừa mỉm cười theo cái cách mà tôi biết không nên coi là nghiêm túc. Thậm chí dù nó là vấn đề cần suy nghĩ nghiêm túc đi nữa, thì ít nhất anh ta chẳng có gì phải coi trọng việc tôi coi trọng vấn đề này. Giống như nhiều đàn ông khác vốn tin tưởng tôi trong vai trò người đưa thư và trung gian hòa giải, Hasan cũng chửi rủa tôi thậm tệ khi tự ái của anh ta bị tổn thương. Tôi, do công việc, phải giả vờ đau khổ để làm vừa lòng anh ta. Các thiếu nữ, trái lại, thường ôm tôi mà khóc khi tình cảm của họ bị tổn thương.

"Chị là một phụ nữ thông minh," Hasan nói để vượt ve tự ái của tôi. Anh ta tin rằng anh ta đã làm tôi thương tổn. "Giao lá thư này lên. Tôi tò mò muốn biết thằng ngốc đó trả lời ra sao."

Trong một thoáng, tôi thấy muốn nói. "Siyah không ngốc đâu." Trong những tình huống như thế, việc khích cho các tình địch ghen tuông nhau sẽ khiến cho Esther mai mối này kiếm được nhiều tiền hơn. Nhưng tôi sợ anh ta bất chợt nổi khùng lên.

"Anh biết tên ăn mày Tatar cuối phố chứ?" tôi hỏi. "Hắn ta rất thô bỉ."

Để tránh tên mù đó tôi đi về đầu đường phía kia và vì thế đi ngang qua Chợ gà vào sáng sớm. Tại sao người Hồi giáo không ăn đầu với chân gà? Bởi vì chuyện đó quá kỳ cục! Bà nội tôi, cầu cho bà được yên nghỉ, thường bảo tôi rằng hồi gia đình bà mới từ Bồ Đào Nha sang đây chân gà rẻ đến độ bà đem nấu làm thức ăn.

Tại Kemeraralik, tôi thấy một phụ nữ trên lưng ngựa đi cùng những nô lệ của cô ta, ngồi thẳng lưng như một đàn ông. Cô ta kiêu ngạo hết sức, có

thê là vợ của một tổng trấn hoặc con gái giàu có của ông ta. Tôi thờ dài. Nếu cha Shekure không hết lòng đến đăng trí với mấy cuốn sách, nếu chồng cô ấy trở về sau chiến tranh Safavid với của cải cướp được, Shekure có lẽ sẽ sống giống người phụ nữ kiêu kỳ này. Hơn ai hết, cô ấy đáng được hưởng điều đó. Khi tôi rẽ vào con đường nhà Siyah, tìm tôi đập liên hồi. Tôi có muốn Shekure lấy người đàn ông này không? Tôi vừa thành công trong việc giữ cho Shekure dính dáng với Hasan, đồng thời vừa giữ cho họ xa nhau. Nhưng còn Siyah thì sao? Anh ta có thể thực tế trong mọi khía cạnh trừ chuyện tình yêu anh ta dành cho Shekure.

"Quần áo đầyyyy", Chẳng có thứ gì có thể thay thế niềm vui được phát thư cho những tình nhân đang bối rối vì cô đơn hay thiếu vợ vắng chồng. Cho dù họ tin chắc mình sẽ nhận được tin xấu nhất, nhưng khi sắp đọc thư, họ vẫn tràn trề hy vọng.

Bằng việc không đề cập bất cứ gì tới chuyện trở về của chồng mình, bằng việc gắn liền lời cảnh báo "Đừng ôm ấp hy vọng" của cô ấy với một điều kiện duy nhất, Shekure dĩ nhiên đã cho anh ta một lý do quá chính đáng để hy vọng nhiều hơn. Tôi theo dõi anh ta đọc thư, lòng vui như mở hội. Anh ta hạnh phúc quá đến độ quẫn trí, thậm chí sợ hãi. Khi anh ta lui vào trong để viết hồi âm, tôi, một kẻ bán rong quần áo biết suy tính, bèn mở túi "phát thư" và rút ra một chiếc ví tiền đen, chiếc tôi đang cố thuyết phục bà chủ nhà của Siyah mua.

"Cái này làm bằng nhung Ba Tư hảo hạng đó," tôi nói.

"Con trai tôi chết trong chiến tranh ở Ba Tư", bà ta nói. "Cô đưa thư của ai cho Siyah vậy?"

Tôi có thể thấy rõ trên gương mặt bà ta rằng bà ta đang lên kế hoạch tác thành cô con gái gầy gò của bà, hoặc ai biết được là con gái nhà ai, cho Siyah dừng cảm.

"Chẳng ai cả," tôi nói. "Một người bà con nghèo khổ của anh ta đang hấp hối trong nhà thương Bayrampasha và cần tiền."

"Ô," bà ta nói với vẻ nghi ngờ, kẻ xui xẻo đó là ai vậy?"

"Con trai bà chết trong chiến tranh thế nào vậy?" Tôi vặn lại.

Chúng tôi bắt đầu nhìn nhau với vẻ thù địch. Bà ta là một quả phụ và hoàn toàn cô độc. Cuộc sống của bà hẳn rất khó khăn. Nếu các vị tình cờ trở thành người bán quần áo kiêm người đưa tin như Esther, các vị sẽ sớm biết được rằng chỉ có của cải, quyền lực và những chuyện tình truyền thuyết mới khiến người ta tò mò. Mọi thứ khác chỉ là sự lo phiền, chia cách, ghen tỵ, cô đơn, thù địch, nước mắt, chuyện đồn đãi và cái nghèo bất tận.

Những điều như thế không bao giờ thay đổi, giống như những món đồ trang bị cho một ngôi nhà: một tấm thảm len cũ phai màu, cái muôi và cái nồi đồng nhỏ nằm trên một tấm vỉ nướng trống, cái gấp than và thùng tro cạnh bếp lò, hai cái hòm sòn cũ một lớn, một nhỏ - một cái giá treo khăn xếp của đàn ông được giữ lại để che giấu cuộc sống quả phụ hiu quạnh và một thanh gươm cổ để đuổi trộm.

Siyah vội quay trở lại với ví tiền "Chị bán quần áo," anh ta nói, chủ yếu để cho bà chủ nhà chộn rộn nghe thấy hơn là tôi. "Cầm cái này đưa cho bệnh nhân đau khổ đó. Nếu anh ta có trả lời gì, tôi sẽ chờ. Chị có thể tìm tôi ở nhà Enishte Kính mến, tôi sẽ ở đó suốt ngày nay."

Chẳng cần thiết phải chơi những trò này. Chẳng có lý do gì khiến một chàng trai dũng cảm như Siyah phải giấu giếm những thủ đoạn tình trường của anh ta, những dấu hiệu anh ta nhận được, những khăn tay và thư từ anh gửi nhằm theo đuổi một cô gái. Hay anh ta thực sự để mắt đến con gái bà chủ nhà? Nhiều lúc, tôi không tin tưởng Siyah chút nào và sợ rằng anh ta đang lừa dối Shekure. Thế là thế nào, dù anh ta ở cả ngày với Shekure trong cùng một ngôi nhà, sao anh ta không ra hiệu cho cô ấy được?

Khi ra ngoài, tôi mở ví ra. Bên trong có hai mươi đồng xu bạc và một lá thư. Tôi quá tò mò về lá thư đến độ tôi gần như chạy đến nhà Hasan. Đám người bán rau đã bày bắp cải, cà rốt và những thứ khác ra ngay trước cửa hàng của họ. Nhưng tôi thậm chí không còn hơi đâu mà đụng đến những củ

tôi tây no tròn đang kêu gào đòi tôi vuốt ve chúng.

Tôi rẽ vào một con đường nhỏ thì thấy gã mù Tatar lại đang ở đó để chọc tức tôi. "Khỉ gió." tôi nhủ về phía gã, chỉ có vậy thôi. Tại sao cái lạnh nhức nhối này không làm cho mấy tên lang thang ấy chết cứng đi cho rồi?

Khi Hasan im lặng đọc thư, tôi hầu như không giữ được kiên nhẫn. Cuối cùng, không kìm được nữa, tôi buột miệng hỏi, "Sao?"

Và anh ta bắt đầu đọc to:

Shekure yêu quý nhất đời anh, em đã yêu cầu anh hoàn tất cuốn sách của cha em. Em có thể tin chắc rằng anh không có mục đích nào khác. Anh đến nhà em vì lý do ấy, chứ không phải để làm phiền em như em đã nghĩ trước đây. Anh biết rõ rằng tình yêu anh dành cho em là chuyện của riêng anh. Nhưng vì tình yêu này, anh hoàn toàn không thể cầm bút lên và viết những gì cha em - dựng yêu quý của anh - đã yêu cầu cho cuốn sách của ông.

Mỗi khi anh cảm thấy sự có mặt của em trong nhà, anh cứng người và không thể làm gì được cho cha em. Anh đã nghiền ngẫm điều này và nhận ra chỉ có một lý do: Sau mười hai năm, anh thấy mặt em chỉ một lần khi em đến bên cửa sổ. Bây giờ anh rất sợ bị mất đi hình ảnh đó. Nếu anh được thấy em một lần nữa gần hơn, anh sẽ không sợ mất em, và anh có thể dễ dàng hoàn thành cuốn sách của cha em. Hôm qua Shevket đã đưa anh đến ngôi nhà hoang của Người Do Thái bị treo cổ. Sẽ không ai thấy chúng ta ở đó. Hôm nay, bất cứ khi nào em thấy phù hợp anh sẽ đến đó chờ em. Hôm qua Shevket có nói rằng trong giấc mơ em thấy chồng em đã chết.

Hasan đọc lá thư một cách chế nhạo, ở nhiều chỗ anh ta nâng cái giọng đã cao của mình lên còn cao hơn nữa giống giọng đàn bà, và ở nhiều chỗ anh bắt chước kiểu van xin run rẩy của một kẻ si tình đã mất sạch lý trí. Anh ta chê bai việc Siyah viết mong ước "được thấy em chỉ một lần nữa" bằng tiếng Ba Tư. Anh ta nói thêm. "Ngay khi Siyah thấy rằng Shekure đã cho hắn ta ít nhiều hy vọng, hắn lật đật thương lượng. Kiểu mặc cả như thế không phải là thứ mà một người thực sự đang yêu dùng đến."

"Anh ta thực lòng yêu Shekure," tôi nói một cách khờ khạo.

"Nhận xét này chứng tỏ chị đứng về phe Siyah." anh ta nói. "Nếu Shekure viết rằng cô ta mơ thấy anh tôi đã chết, điều đó có nghĩa là cô ấy chấp nhận chồng mình chết."

"Đó chỉ là một giấc mơ," tôi nói, giống như một con ngốc.

"Tôi biết Shevket thông minh và láu cá cỡ nào mà. Bọn tôi sống với nhau nhiều năm rồi. Không có mẹ nó cho phép hay thúc giục, không đời nào nó dám dẫn Siyah đến ngôi nhà của người Do Thái bị treo cổ. Nếu Shekure nghĩ cô ấy đã kết thúc với anh tôi và chúng tôi - thì cô ta đã sai lầm khủng khiếp! Anh tôi vẫn còn sống và sẽ trở về."

Trước khi kịp kết luận, anh ta đi sang phòng kế bên ở đó anh ta định đốt một cây nến, nhưng chỉ làm phỏng tay. Anh ta rú lên. Liên tục liếm chỗ phỏng, sau cùng anh ta cũng đốt được cây nến và để nó cạnh cái bàn làm việc xếp lại. Anh ta lấy ra một cây bút sậy chấm vào lọ mực và bắt đầu giận dữ viết lên một tờ giấy nhỏ. Tôi cảm nhận được niềm vui sướng của anh ta khi thấy tôi đang nhìn anh ta, và để chứng tỏ rằng tôi không sợ, tôi cố mỉm cười cho anh ta thấy.

"Người Do Thái treo cổ là ai, chị phải biết chứ?" anh ta hỏi.

"Bên kia những ngôi nhà này có một căn nhà màu vàng. Họ nói rằng Moshe Hamon, thầy thuốc được sủng ái của nhà vua trước đây và là người giàu có nhất, trong nhiều năm đã đưa cô hầu thiếp Do Thái của ông ta và em trai bà trốn khỏi Amasya rồi giấu ở đó. Cách nay nhiều năm, ở Amasya vào đêm trước lễ Vượt qua, khi một chàng trai Hy Lạp được cho là đã "biến mất" trong khu dân cư Do Thái, người ta cho rằng anh ta đã bị ai đó siết cổ chết để lấy máu anh ta làm ra thứ bánh mì không cần men. Khi những nhân chứng giả được đưa ra, một vụ hành hình người Do Thái bắt đầu; tuy nhiên vị thầy thuốc được sủng ái của nhà vua đã giúp người phụ nữ xinh đẹp này và em trai bà ta trốn thoát, và giấu họ với sự cho phép của nhà vua. Sau khi vua băng hà, kẻ thù của Ngài không tìm ra được người phụ nữ xinh đẹp, nhưng

họ treo cổ em trai của bà, kẻ sống một mình ở đó.

"Nếu Shekure không chờ anh tôi từ mặt trận về, họ sẽ trừng phạt cô ta," Hasan nói, trao cho tôi mấy lá thư.

Tôi không thấy sự phẫn nộ hay giận dữ trên gương mặt anh ta, chỉ có sự bất hạnh và buồn phiền thường thấy ở kẻ tương tư đó. Bất chợt tôi thấy trong mắt anh ta tình yêu đã làm anh ta già đi nhanh như thế nào. Tiền bạc anh ta kiếm được trong ngành hải quan không hề làm anh ta trẻ hơn. Sau tất cả những đe dọa và điều bộ bực bội của anh ta, tôi tin rằng anh ta có thể lại hỏi tôi làm cách nào để giành được Shekure. Nhưng anh ta tiến quá gần đến chỗ trở nên độc ác đến độ anh ta không thể hỏi nữa. Một khi người ta chấp nhận cái ác - và bị cự tuyệt trong tình yêu là nguyên nhân chính - thì sự tàn bạo nhanh chóng theo sau. Tôi thấy sợ những ý nghĩ của mình và thanh gươm đồ khủng khiếp mà bọn trẻ nói đến đó, vốn cắt đứt bất cứ thứ gì nó chạm vào; với tâm trạng rất muốn cáo lui, trong một lúc gần như điên cuồng, tôi loạng choạng bước ra đường.

Đó là lúc tôi hứng chịu những lời chửi rủa của gã ăn mày Tatar. Nhưng tôi lập tức lấy lại can đảm. Tôi nhẹ nhàng nhặt một cục đá nhỏ dưới đất bỏ vào khăn tay của gã và nói, "Của mi đó, tên Tatar ghẻ lở."

Không cười, tôi nhìn tay gã mò tìm cục đá một cách đầy hy vọng mà gã nghĩ là một đồng xu. Phớt lờ những lời chửi rủa của gã tôi đi về hướng nhà của một trong những "con gái" của tôi, người mà tôi đã gả cho một anh chồng tốt.

"Đứa con gái" dễ thương của tôi đãi tôi một miếng bánh, một món đồ ăn thừa, nhưng vẫn còn giòn. Chuẩn bị cho bữa ăn chiều, con bé đang làm món thịt cừu hầm trong nước sốt đặc với trứng đánh và nêm bằng mật chua, đúng kiểu tôi thích. Để không làm con bé thất vọng, tôi ngồi chờ và ăn hai bát đầy với bánh mì giòn.

Con bé cũng làm một món tráng miệng có nho hầm. Không chút do dự, tôi đòi một ít mút cánh hồng, trộn một muỗng đầy món mút đó vào món

tráng miệng và kết thúc bữa ăn. Sau đó, tôi lên đường đi giao những lá thư cho Shekure buồn bã của tôi.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 26: Tôi, Shekure

Tôi đang xếp và cất quần áo đã giặt, phơi khô từ hôm qua thì Hayriye báo là Esther đến... hoặc, đây là những gì tôi đã dự định kể với bạn. Nhưng tại sao tôi phải nói dối nhỉ? Thôi được, khi Esther đến, tôi đang nhìn trộm cha tôi và Siyah qua cái lỗ trong tủ nôn nóng chờ thư của Siyah và Hasan, và vì thế đầu óc tôi cứ luôn nghĩ đến chị ta. Ngay khi tôi có cảm giác rằng những lo sợ về cái chết của cha tôi là có lý do, tôi cũng biết mỗi quan tâm Siyah dành cho tôi không vững bền. Anh ấy yêu trong chừng mực anh ấy muốn cưới vợ, và bởi vì anh ấy muốn cưới vợ, anh ấy yêu. Nếu không có tôi, anh ấy vẫn yêu. Nếu không có tôi, anh ấy sẽ yêu người khác, và cẩn thận yêu cô ấy trước khi cưới.

T

Trong nhà bếp, Hayriye mời Esther ngồi trong một góc và vừa đãi chị ta một ly nước hoa hồng vừa nhìn tôi với cái nhìn hối lỗi. Tôi nhận ra rằng, vì Hayriye đã trở thành tình nhân của cha tôi, cô ta có thể báo cho ông mọi điều cô ta thấy. Tôi sợ việc này cũng bị báo cáo lại.

"Cô gái mắt đen của tôi, người đẹp không may của tôi, người đẹp tuyệt vời trong những người đẹp của tôi, tôi đến trễ vì Nesim, ông chồng xấu xa của tôi, cứ giữ tôi lại vì những chuyện không đâu," Esther nói. "Cô không có một ông chồng hay cần nhằn nhảm nhí với cô và tôi hy vọng cô biết rõ giá trị của điều này."

Chị ta lấy ra những lá thư, tôi giặt chúng khỏi tay chị ta.

Hayriye rút vào một góc khuất nơi cô ấy không cản trở người khác nhưng vẫn có thể nghe mọi chuyện chúng tôi trao đổi với nhau. Để Esther không thấy được vẻ mặt của tôi, tôi quay lưng về phía chị ta và đọc thư của

Siyah trước. Khi tôi nghĩ về ngôi nhà của Người Do Thái bị treo cổ, tôi thoáng rùng mình. "Đừng sợ, Shekure, mi có thể xoay xở trong bất cứ tình huống nào mà." tôi tự nhủ và bắt đầu đọc thư của Hasan. Chú ấy sắp điên rồi:

Shekure, tôi đang cháy bỏng khao khát, nhưng tôi biết cô không hề quan tâm chút nào. Trong những giấc mơ, tôi thấy mình đuổi theo cô qua những đỉnh đồi hoang vắng. Mỗi lần cô không trả lời thư của tôi - mà tôi biết cô có đọc, thì một mũi tên gắn ba lông chim đâm thủng tim tôi. Lần này tôi viết với hy vọng rằng cô sẽ trả lời. Có tin đồn, mọi người truyền nhau tin này, thậm chí con cô cũng nói: Cô mơ thấy chồng mình đã chết và bây giờ cô tuyên bố rằng cô tự do. Tôi không thể nói đó có phải là thật hay không. Tôi chỉ biết rằng cô vẫn còn là vợ của anh tôi và cô vẫn còn bị trói buộc với gia đình này. Bây giờ cha tôi nhận thấy tôi có lý, cả hai chúng tôi phải đến chỗ quan tòa để buộc cô trở về đây. Chúng tôi sẽ đến cùng nhóm người chúng tôi đã tập hợp được, vậy hãy báo trước cho cha cô biết. Hãy gom hết đồ đạc, cô sẽ phải trở về nhà này. Gửi thư hồi âm cho Esther ngay.

Sau khi đọc lá thư lần nữa, tôi trấn tĩnh lại và nhìn Esther với đôi mắt dò hỏi, nhưng chị ta chẳng nói gì mới về Hasan hay Siyah.

Tôi lấy cây bút sậy được giấu trong góc tủ chén bát ra, đặt tờ giấy lên bàn, đã định viết thư trả lời cho Siyah thì tôi đột ngột dừng lại.

Có điều gì đó nảy ra trong đầu. Tôi quay về phía Esther: Chị ta đang tận hưởng ly nước hoa hồng với niềm vui của một đứa trẻ, và tôi thấy rằng chuyện chị ta có thể biết những gì đang xảy ra trong đầu tôi thì thật buồn cười.

"Xem nụ cười của cô dễ thương biết bao," chị ta nói. "Đừng lo cuối cùng rồi mọi thứ đều ổn thôi. Istanbul đầy rẫy những quý ông và tổng trấn giàu có sẵn sàng bán linh hồn họ để cưới được một mỹ nhân có nhiều tài năng như cô."

Bạn hiểu những gì tôi đang nói đó: Đôi khi bạn nói một điều gì đó mà

bạn tin tưởng, nhưng ngay khi thốt ra những lời đó bạn lại tự hỏi, "Tại sao mình nói điều này một cách yếu ớt như vậy, Cho dù mình hoàn toàn tin vào nó?" Đó là những gì xảy ra khi tôi nói như sau:

"Nhưng Esther, vì Thượng đế, ai mà muốn cưới một quả phụ có hai con chứ?"

"Một quả phụ như cô hả? Nhiều, cả đồng người," chị ta nói, giơ tay điển đạt.

Tôi nhìn vào mắt chị ta. Tôi nghĩ mình không thích chị ta. Tôi im bặt đi đến độ chị ta biết tôi sẽ không đưa chị ta lá thư và chị ta nên rút lui đi thì hơn. Sau khi Esther đi, tôi rút vào góc riêng của mình trong nhà để tôi có thể cảm nhận được sự im lặng - tôi biết nói thế nào đây - trong tâm hồn tôi.

Dựa vào tường, tôi đứng im lặng hồi lâu trong bóng tối. Tôi nghĩ về mình, về những gì mình phải làm, về nỗi sợ hãi đang lớn dần trong tôi. Suốt thời gian đó tôi vẫn nghe được Shevket và Orhan cãi nhau trên cầu thang.

"Còn mày nhát như con gái", Shevret nói. "Mày toàn đánh lén."

"Răng em lung lay rồi," Orhan nói.

Đồng thời, tâm trí tôi lại hướng đến những gì đang xảy ra giữa cha tôi với Siyah.

Cánh cửa màu xanh của xưởng vẽ mở, và tôi có thể dễ dàng nghe họ nói: "Sau khi nhìn các chân dung của những bậc thầy Venice," cha tôi nói, chúng ta khiếp hãi nhận ra rằng, trong hội họa, đôi mắt không chỉ là những cái lỗ trên khuôn mặt nữa, lúc nào cũng giống nhau mà nó phải giống đôi mắt của chính chúng ta, nó phản chiếu ánh sáng như một tấm gương và hấp thu ánh sáng như một cái giếng. Đôi môi không thể chỉ là một vết nứt ngay giữa khuôn mặt bằng phẳng như tờ giấy, mà phải là những đường nét biểu cảm - mỗi cái miệng có một sắc đỏ khác nhau - biểu lộ rõ những niềm vui, nỗi buồn và tinh thần của ta với từng độ co hay giãn nhỏ nhất của chúng. Mũi

chúng ta không còn là một kiểu bức tường chia khuôn mặt làm hai, mà thay vào đó là những công cụ sống động và khác thường mang nét độc đáo của từng người."

Liệu Siyah có ngạc nhiên như tôi khi nghe cha tôi gọi những kẻ ngoại giáo này, những kẻ đã thuê vẽ chân dung của họ, là "Chúng ta" không? Khi nhìn qua khe hở, tôi nhận thấy gương mặt của Siyah nhợt nhạt đến độ tôi thấy cảnh giác ngay. Người yêu đen tối của tôi, vị anh hùng khổ tâm của tôi, anh không thể ngủ vì nghĩ đến tôi cả đêm phải không? Đó có phải là lý do khiến mặt anh nhợt nhạt thế không?

Có lẽ bạn không biết rằng, Siyah là một người đàn ông cao gầy và đẹp trai. Anh ấy có vàng trán rộng, mắt hình quả hạnh đào và chiếc mũi thẳng, thanh tú, mạnh mẽ. Như thời anh ấy còn nhỏ, hai bàn tay anh dài và gầy, các ngón tay anh nhanh nhẹn, táy máy. Anh dong dỏng khỏe mạnh, đứng thẳng và cao, đôi bờ vai rộng nhưng không to bè như vai người gánh nước. Hồi anh ấy trẻ, thân hình và khuôn mặt anh ấy chưa ổn định. Mười hai năm sau, khi lần đầu tiên thấy anh ấy từ chỗ nắp kín đáo này của tôi, tôi lập tức nhận ra anh ấy đã đạt tới độ hoàn hảo nào đó.

Bây giờ, khi đưa mắt lên lỗ nhìn trộm, tôi thấy khuôn mặt anh đầy phiền muộn. Lập tức tôi cảm thấy mình có tội và tự hào rằng anh ấy đau khổ như thế là vì tôi. Siyah lắng nghe những gì cha tôi nói, nhìn lên bức tranh minh họa làm cho cuốn sách, với cái nhìn hoàn toàn ngây thơ và như trẻ con. Ngay lúc đó, khi tôi thấy anh ấy há cái miệng màu hồng như trẻ con của anh ra, bất chợt tôi cảm thấy muốn đút vú tôi vào đó. Những ngón tay của tôi nâng gáy anh, vò tóc anh, Siyah sẽ đặt đầu anh giữa hai bầu ngực tôi, và như các con tôi thường làm, anh ấy sẽ lim dim mắt đầy thích thú khi bú vú tôi: Sau khi hiểu rằng chỉ thông qua lòng thương cảm của tôi thì anh ấy mới tìm được bình an, anh ấy sẽ hoàn toàn gắn bó với tôi.

Tôi toát mồ hôi mà tưởng tượng ra Siyah đang sững sờ trước kích cỡ của bộ ngực tôi với vẻ ngạc nhiên và xúc cảm mãnh liệt - thay vì nghiên cứu bức tranh minh họa Quỷ sứ mà cha tôi cho anh xem. Không chỉ bộ ngực tôi, mà

như thể lên cơn say trước vẻ đẹp của tôi, anh nhìn tóc tôi, cổ tôi, tất cả con người tôi. Anh ấy bị tôi thu hút đến độ thốt lên những lời tình tỵ mà hồi trẻ anh chẳng nghĩ ra được; qua cái nhìn của anh, tôi nhận ra anh ấy kính nể thể nào trước thái độ tự hào, phong thái, nền giáo dục của tôi, việc tôi kiên nhẫn và dũng cảm chờ đợi chồng tôi, và cái đẹp trong lá thư tôi đã viết cho anh.

Tôi cảm thấy giận cha tôi, người đang dựng lên nhiều chuyện khiến tôi không thể tái giá. Tôi cũng bội thực với những bức minh họa mà ông nhờ các nhà tiểu họa làm phỏng theo những bậc thầy Tây vực, và tôi phát ngán với những hồi ức của ông về Venice.

Khi tôi nhắm mắt lại lần nữa - lạy đấng Allah, đó không phải là khao khát của riêng tôi - trong ý nghĩ của tôi, Siyah đang đến gần tôi một cách quá ngọt ngào đến độ trong bóng tối tôi có thể cảm thấy anh bên cạnh tôi. Bất chợt, tôi có cảm giác rằng anh từ đằng sau áp sát lưng tôi, anh hôn lên gáy tôi, sau tai tôi, và tôi có thể cảm nhận anh mạnh mẽ đến mức nào. Anh vững chãi, to và cứng rắn, và tôi có thể tựa vào anh. Tôi cảm thấy yên tâm. Gáy tôi nóng ran, núm vú tôi săn cứng. Có vẻ như ở đó trong bóng tối, với đôi mắt nhắm chặt, tôi có thể cảm thấy cái giống đang cương lên của anh đằng sau tôi, sát vào tôi. Đầu tôi quay cuồng. Cái đó của Siyah ra sao? Tôi tự hỏi.

Nhiều lần trong mơ, chồng tôi trong trạng thái đau khổ đã cho tôi xem cái đó của anh ta. Tôi hiểu rằng chồng tôi đang vật lộn để giữ gìn thân thể đầy máu của anh, bị đâm và ghim đầy những mũi tên của người Ba Tư, đi thẳng người đến gần tôi. Nhưng đáng buồn làm sao, có một con sông giữa chúng tôi. Khi anh gọi tôi từ bờ bên kia người đầy máu và đau đớn khủng khiếp, tôi nhận thấy anh đang cương cứng. Nếu những gì cô dâu xứ Georgia nói tại phòng tắm công cộng là thật, và nếu tin vào những gì các mục già nói "Phải, nó lớn đến cỡ đó," thì cái của chồng tôi không lớn đến thế. Nếu cái của Siyah lớn hơn, nếu cái khối to tướng tôi thấy dưới thắt lưng của Siyah khi anh cầm lấy tờ giấy trắng mà tôi bảo Shevket đưa cho anh hôm qua; nếu đó thật sự là nó - và chắc chắn là nó - thì tôi e rằng mình sẽ chịu đau đớn nhiều, cho dù nó đưa vừa vào trong tôi.

"Mẹ ơi Shevket gheo con kìa."

Tôi rời khỏi góc tủ tối, lặng lẽ bước vào phòng bên kia hành lang, nơi tôi lấy cái áo lót vải đỏ ra rồi mặc vào. Chúng đang nằm trên nệm của tôi mà la hét và lăn lộn.

"Mẹ đã bảo các con là khi Siyah đến thì không được la hét om sòm mà, phải không?"

"Mẹ ơi sao mẹ mặc áo đỏ vào vậy?" Shevket hỏi.

"Mẹ ơi Shevket gheo con kìa." Orhan nói.

"Mẹ đã bảo đừng gheo em rồi mà. Còn cái thứ đáng tởm này sao lại ở đây?" Gần đó có một mảng da thú.

"Đó là xác con gì đó." Orhan nói. "Shevket lượm ngoài đường."

"Liệng nó lại chỗ cũ ngay tức khắc."

"Để Shevket làm."

"Mẹ nói ngay tức khắc."

Như tôi vẫn làm trước khi phát vào mộng chúng, tôi cắn môi dưới một cách giận dữ, và thấy tôi thật sự nghiêm túc, chúng sợ hãi chạy đi. Tôi hy vọng chúng về ngay để không bị cảm lạnh.

Trong tất cả những nhà tiểu họa, tôi thích Siyah nhất. Anh thích tôi hơn những người khác thích tôi và tôi hiểu tâm hồn anh. Tôi lấy giấy bút rồi ngồi xuống và không suy nghĩ, tôi viết lá thư sau:

Được rồi, trước khi có hiệu lệnh cầu kinh tối, em sẽ gặp anh tại ngôi nhà Người Do Thái bị treo cổ. Hãy hoàn tất cuốn sách của cha em càng sớm càng tốt.

Tôi không trả lời thư cho Hasan. Cho dù hôm nay anh ta đến chỗ quan

tòa thực, tôi vẫn không tin rằng những người mà chú ấy và cha chú ấy tập hợp được sẽ xông đến nhà tôi ngay lập tức. Nếu thực sự muốn làm như vậy, chú ấy đã không viết thư cho tôi và chờ trả lời. Chắc chắn chú ấy đang chờ tôi trả lời, và khi thư hồi âm không tới, chú ấy sẽ điên lên. Chỉ khi đó chú mới tập hợp người và chuẩn bị bắt cóc tôi. Đừng nghĩ là tôi hoàn toàn không sợ chú ấy. Nhưng, tôi trông cậy Siyah sẽ bảo vệ tôi. Dù sao, hãy để tôi nói cho bạn biết ý nghĩ đang có trong lòng tôi lúc này: Tôi tin rằng tôi không quá sợ Hasan vì tôi cũng yêu chú ấy. Nếu bạn phản đối và tự nhủ, "Giờ thì cô yêu ai?" Tôi nhận thấy bạn có lý. Trong suốt những năm chúng tôi sống chung một nhà chờ đợi chồng tôi trở về, không phải tôi không nhận ra người đàn ông này đáng khinh, yếu đuối và ích kỷ đến thế nào. Nhưng giờ Esther nói với tôi rằng chú ấy kiếm được rất nhiều tiền - và nhìn cái nhướn mày của chị ta tôi có thể biết lúc nào chị ta nói thật - vì chú ấy có tiền, và kèm theo đó là sự tự tin, một Hasan độc đoán chắc chắn đã biến mất, làm lộ ra một tính khí đen tối kỳ lạ, giống như của âm hồn, khiến chú ấy hấp dẫn tôi. Tôi nhìn ra khía cạnh này của chú ấy qua những lá thư chú kiên trì gửi cho tôi.

Cả Siyah lẫn Hasan đều đau khổ vì yêu tôi. Siyah đã bỏ đi, phiêu bạt suốt mười hai năm. Người kia, Hasan, gửi thư cho tôi mỗi ngày, ở các góc thư chú ấy vẽ chim chóc với linh dương. Thoạt tiên tôi sợ chú ấy, nhưng sau đó, tôi thích đọc tới đọc lui những lá thư của chú.

Vì tôi biết Hasan hết sức tò mò về mọi thứ có liên quan đến tôi nên tôi không ngạc nhiên khi chú biết tôi thấy xác chồng tôi trong mơ. Điều tôi nghi ngờ là chuyện Esther đã để Hasan đọc những lá thư tôi gửi cho Siyah. Đó là lý do tôi không trả lời cho Siyah qua Esther. Bạn biết rõ hơn tôi những nghi ngờ của tôi có lý hay không.

"Tụi con đi đâu?" tôi hỏi khi bọn trẻ quay trở lại.

Chúng hiểu ngay tôi không giận thật. Một cách kín đáo, tôi kéo Shevket sang một bên, tới bên chiếc tủ. Tôi bế nó lên đùi. Tôi ôm đầu, cổ và gáy nó.

"Con bị lạnh đấy, con cưng," tôi nói. "Đưa mẹ hai bàn tay dễ thương của con để mẹ sưởi cho..." Hai tay nó bốc mùi khó chịu, nhưng tôi không mắng,

ép đầu nó vào ngực, tôi ôm chặt nó hồi lâu. Lát sau nó ấm lên, vươn vai giống một con mèo con, rên rĩ sung sướng.

"Con yêu mẹ nhiều lắm, phải không?"

"Ummmmhmmmm."

"Đó có phải là "vâng" không?"

"Vâng."

"Hơn bất cứ ai?"

"Vâng."

"VẬY mẹ sẽ nói với con chuyện này," tôi nói như thể đang tiết lộ một bí mật. "Nhưng con không được nói với ai, nghe?" tôi thì thầm vào tai nó: "Mẹ yêu con nhất trên đời, con biết không?"

"Hơn cả Orhan nữa hả?"

"Hơn cả Orhan nữa. Orhan còn nhỏ, giống như một chú chim non, nó chưa hiểu gì hết. Con thông minh hơn, con hiểu được. Tôi hôn và gửi tóc nó. "VẬY mẹ sẽ nhờ con một chuyện. Con nhớ con đã bí mật đưa cho Siyah mẫu giấy trắng hôm qua không? Con sẽ làm giống như vậy bữa nay, nghe?"

"Ông ta là người đã giết cha đó."

"Cái gì?"

"Ông ta giết cha con. Chính ông ta nói vậy hôm qua trong ngôi nhà của ông Do Thái bị treo cổ."

"Ông ta đã nói cái gì?"

" "Ta đã giết cha cháu," ông ta nói. "Ta đã giết nhiều người", ông ta nói vậy."

Bất ngờ có điều gì đó xảy ra. Shevket tuột khỏi đùi tôi và bắt đầu khóc. Tại sao đứa bé này bây giờ lại khóc? Tôi thú nhận, tôi chắc đã không điều khiển được mình nên tát nó. Tôi không muốn ai nghĩ rằng tôi sắt đá. Nhưng làm thế nào nó có thể nói một điều bậy bạ như thế về một người đang chuẩn bị cưới tôi - và luôn nghĩ đến sự an vui cho lũ trẻ.

Đứa con trai bé nhỏ không cha tội nghiệp của tôi vẫn khóc, và lập tức tôi hết sức bối rối. Tôi cũng chực trào nước mắt. Chúng tôi ôm nhau. Thịnh thoảng nó nấc lên. Cái tát này đáng để khóc nhiều vậy sao? Tôi vuốt tóc nó.

Chuyện là như vậy: Ngày hôm qua, như bạn biết đó, ngẫu nhiên tôi nói với cha tôi rằng tôi mơ thấy chồng tôi đã chết. Thực sự như đã thường xuyên xảy ra trong bốn năm chồng tôi không về sau cuộc chiến với người Ba Tư, tôi vẫn thoáng mơ thấy anh ấy, và cũng có một xác chết, nhưng anh ấy là một xác chết sao? Đây là một điều bí ẩn đối với tôi.

Những giấc mơ luôn được sử dụng làm phương tiện cho những mục đích khác. Ở Bồ Đào Nha, xứ sở mà bà nội của Esther đã bỏ đi, có vẻ như giấc mơ được dùng làm cái cớ để chứng minh những kẻ tà giáo đã gặp gỡ và làm tình với Quỷ sứ. Chẳng hạn, thậm chí nếu tổ tiên của Esther chối bỏ gốc Do Thái của họ bằng cách tuyên bố, "Chúng tôi đã trở thành dân Công giáo như các bạn," thì những kẻ tra tấn thuộc dòng Tên của Giáo hội Bồ Đào Nha cũng vẫn không tin, chúng sẽ tra tấn họ, buộc họ mô tả những âm hồn và ma quỷ trong giấc mơ của họ, rồi gán cho họ những giấc mơ mà họ không hề có. Sau đó chúng sẽ buộc người Do Thái thú nhận những giấc mơ này để cuối cùng họ có thể đóng cọc thiêu người Do Thái. Theo cách này, ở xứ đó người ta có thể khai thác những giấc mơ, để chứng tỏ kẻ khác đã giao cấu với Quỷ và để buộc tội và kết án người Do Thái.

Những giấc mơ là tốt cho ba việc:

ALIF: Bạn muốn một điều gì đó những bạn không thể hỏi xin được. Vì vậy bạn sẽ nói rằng bạn mơ thấy nó. Theo cách này, bạn có thể đạt được những gì bạn muốn mà không phải mở miệng hỏi xin.

BA: Bạn muốn hại ai đó. Chẳng hạn, bạn muốn vu khống một phụ nữ. Vì vậy bạn sẽ nói rằng một phụ nữ như-thế-như-thế phạm tội ngoại tình hoặc rằng một viên chức như-thế-như-thế ăn cắp rượu bằng cái bình. Tôi mơ thấy chuyện đó, bạn chỉ cần nói vậy. Bằng cách này, cho dù không tin bạn, nhưng người ta hầu như không quên việc đề cập đến hành động tội lỗi.

DJIM: Bạn muốn điều gì đó, nhưng thậm chí bạn không biết đó là cái gì. Vì vậy bạn sẽ mô tả một giấc mơ lộn xộn. Lập tức gia đình hoặc bạn bè bạn sẽ giải thích giấc mơ và cho bạn biết bạn muốn có gì hoặc họ có thể làm gì cho bạn. Chẳng hạn, họ sẽ nói: Bạn muốn có một ông chồng, một đứa con, một ngôi nhà...

Những giấc mơ chúng ta kể không bao giờ là những giấc mơ chúng ta thực sự thấy trong giấc ngủ của mình. Khi người ta nói họ "đã thấy nó," đơn giản là họ mô tả giấc mơ "mà họ mơ thấy" giữa ban ngày, và luôn có một mục đích tiềm ẩn đằng sau. Chỉ có kẻ ngốc mới tả những giấc mơ ban đêm thực sự một cách chính xác như họ thấy. Nếu bạn làm thế, mọi người sẽ giễu cợt bạn hoặc, như ta vẫn thấy, giải thích giấc mơ thành một điềm xấu. Không ai coi trọng những giấc mơ thực sự, kể cả những người mơ thấy chúng. Hoặc, làm ơn nói nghe xem, bạn có vậy không?

Qua giấc mơ mà tôi đã kể lại một cách lơ đãng, tôi ngụ ý có thể chồng tôi đã chết thật. Dù ban đầu cha tôi không chấp nhận điều này là dấu hiệu của sự thật, nhưng sau khi dự đám tang, ông bất ngờ bị thuyết phục bởi chứng cứ của giấc mơ, và kết luận rằng chồng tôi thực sự đã chết. Vì vậy mọi người không chỉ tin rằng chồng tôi, người gần như chưa hề chết bốn năm qua, đã chết trong một giấc mơ, tuy họ có thể cũng chưa dám chắc về cái chết của anh ấy nếu như nó không được thông báo chính thức. Lúc đó chỉ có bọn trẻ thực sự nhận ra rằng chúng đã mồ côi cha. Chúng thực sự bắt đầu thấy đau lòng.

"Con có bao giờ chiêm bao chưa?" Tôi hỏi Shevket.

"Có", nó mỉm cười đáp. "Cha mình không về, rồi cuối cùng con cưới mẹ."

Cái mũi nhỏ nhắn, mắt đen và đôi vai rộng của nó giống tôi hơn là cha nó. Đôi lúc tôi cảm thấy có tội rằng mình đã không thể truyền cho bọn trẻ vàng trán rộng và cao của cha chúng.

"Vậy con chơi tiếp trò kiếm sĩ, với em đi."

"Tụi con chơi thanh kiếm cũ của cha được không?"

"Được."

Tôi nhìn lên trần một lúc lâu, lắng nghe tiếng kiếm của bọn trẻ chạm nhau, trong khi cố dập tắt nỗi sợ hãi và lo lắng đang dâng lên trong lòng. Tôi xuống bếp nói với Hayriye: "Cha tôi muốn có món xúp cá này giờ rồi. Có lẽ tôi phải nhờ chị đến cảng Galleon. Sao chị không lấy ra mấy xâu trái cây khô mà Shevket thích và cho mỗi đứa một ít."

Trong khi Shevket ăn trong bếp, Orhan với tôi lên lầu. Tôi bế nó lên đùi và hôn vào cổ nó.

"Con mò hôi đằm đĩa này" tôi nói. "Có chuyện gì vậy?"

"Shevket lấy cây gươm đỏ của chú đánh con."

"Bầm tím rồi nè," tôi vừa nói vừa sờ chỗ đó. "Con có đau không? Shevket hư quá. Nghe mẹ nói này. Con rất thông minh và nhạy cảm. Mẹ muốn nhờ con một việc. Nếu con làm những gì mẹ dặn, mẹ sẽ nói cho con một bí mật mà mẹ sẽ không nói với Shevket hay bất cứ ai khác."

"Gì vậy mẹ?"

"Con thấy mẫu giấy này không? Con đi đến chỗ ông ngoại, mà không để ông thấy, rồi nhét mẫu giấy này vào tay Siyah Kính mền. Con hiểu không?"

"Dạ hiểu."

"Con làm nghe?"

"Bí mật là gì vậy?"

"Cứ đưa chú ấy mẫu giấy," tôi nói, hôn cổ nó lần nữa, chỗ đó có mùi dễ chịu.

Nhân nói về mùi thơm, đã lâu rồi Hayriye không đưa bọn trẻ đến nhà tắm công cộng. Chúng không đi từ khi cái giồng của Shevket biết cứng lên trước mặt những phụ nữ ở đó.

"Mẹ sẽ nói bí mật cho con sau." Tôi hôn nó. "Con rất thông minh và xinh đẹp. Shevket chỉ gây phiền. Nó còn dám giơ tay đánh lại mẹ nữa.

"Con không đưa cái này đâu," nó nói. "Con sợ Siyah Kính mến, ông ta là người giết cha con đó."

"Shevket nói vậy với con, phải không?" tôi nói. "Mau xuống nhà bảo nó lên đây ngay."

Orhan có thể thấy sự thịnh nộ trên mặt tôi. Kính hãi, nó tuột khỏi đùi tôi và chạy khỏi phòng. Có lẽ nó hơi vui vì Shevket gặp rắc rối. lát sau, cả hai đứa trở vào đây bối rối và xấu hổ. Shevket một tay cầm râu trái cây khô, tay kia cầm thanh gươm.

"Con nói với em là Siyah đã giết cha con," tôi nói. "Mẹ không muốn con nói như thế trong nhà này lần nữa. Hai đứa phải tôn trọng và yêu mến Siyah. Các con hiểu mẹ không? Mẹ sẽ không để các con sống cả đời mà không có cha."

"Con không cần ông ấy. Thà con về nhà mình, chỗ chú Hasan, rồi chờ cha con về." Shevket nói thẳng thừng.

Điều này khiến tôi quá giận đến độ tôi phát vào mông nó. Nó không để thanh gươm xuống; mà thanh gươm rơi khỏi tay nó.

"Con muốn cha," nó nói trong nước mắt.

Nhưng tôi còn khóc nhiều hơn nó.

"Con không còn cha nữa, cha sẽ không về." tôi nói trong nước mắt. "Các con mồ côi cha rồi, các con không hiểu sao, hai đứa khôn khổ." Tôi khóc quá nhiều đến độ tôi sợ trong nhà nghe thấy.

"Tụi con không khôn khổ". Shevket vừa nói vừa khóc.

Ba mẹ con khóc hồi lâu. Nước mắt làm dịu lòng tôi và tôi có cảm giác rằng tôi khóc bởi vì nó khiến tôi trở thành người tốt hơn. Trong khi cùng khóc, chúng tôi ôm chặt nhau và nằm trên nệm. Shevket rúc đầu vào ngực tôi như để ngủ. Đôi khi nó rúm vào tôi, như thể chúng tôi bị dán dính vào nhau, nhưng tôi có thể cảm thấy rằng nó không ngủ. Hẳn là tôi đã ngủ gật với chúng, chỉ có điều đầu óc tôi vẫn nghĩ đến những gì đang xảy ra dưới nhà. Tôi có thể ngửi thấy mùi thơm của cam đang sôi. Tôi ngồi bật dậy trên giường và gây tiếng động khiến bọn trẻ thức giấc.

"Xuống nhà, Hayriye cho tụi con ăn."

Tôi còn một mình trong phòng. Bên ngoài tuyết bắt đầu rơi. Tôi cầu xin Allah giúp đỡ. Rồi tôi mở kinh Koran, và sau khi đọc một lần nữa đoạn trong chương Aal-e-Imran 1 nói rằng những ai bị giết trong chiến trận, những ai bị giết trên con đường của Allah, sẽ đến với Người, tôi thấy nhẹ nhõm không còn ưu tư về người chồng quá cố nữa. Cha tôi có cho Siyah xem bức chân dung Đức vua chưa hoàn tất không? Cha tôi tuyên bố rằng bức chân dung này sống động đến độ bất cứ ai nhìn nó sẽ phải quay mặt đi vì sợ hãi, như đã từng xảy ra với những ai cố nhìn thẳng vào mắt Đức vua.

Tôi gọi Orhan, và không bế nó lên đùi tôi, tôi hôn nó thật lâu lên trán, đầu và má. "Bây giờ, không được sợ, con đưa miếng giấy này cho Siyah, nhưng đừng để cho ông ngoại thấy. Con hiểu không?"

"Răng con lung lay."

"Khi nào con quay lại, nếu con muốn, mẹ sẽ nhờ cho," tôi nói. "Con cứ

tha thân đến chỗ chú ấy. Chú sẽ không biết làm gì và sẽ ôm con. Lúc đó con bí mật nhét tờ giấy này vào tay chú ấy. Con hiểu ý mẹ không?"

"Con sợ."

"Chẳng có gì phải sợ cả. Nếu không phải Siyah, thì con biết ai muốn làm cha con thay vì chú ấy không? Chú Hasan đó! Con có muốn chú Hasan trở thành cha con không?"

"Không."

"Được rồi, vậy con đi đi, Orhan thông minh xinh đẹp của mẹ", tôi nói. "Nếu không, coi chừng đó, mẹ sẽ giận cho coi... Và nếu con khóc, mẹ sẽ càng giận hơn."

Tôi xếp lá thư nhiều lần cho nhỏ lại, rồi nhét vào bàn tay bé xíu của nó đang xòe ra một cách vô vọng và cam chịu. Allah, xin hãy giúp con để những đứa trẻ mất cha này không bị bỏ rơi phải tự nuôi thân. Tôi dắt nó đến cửa, nắm tay nó. Nơi ngưỡng cửa một lần nữa nó nhìn tôi đầy sợ hãi.

Tôi nhìn nó qua lỗ nhìn trộm khi nó đi những bước ngập ngừng về phía trường kỹ, đến gần cha tôi và Siyah, dừng lại và ngập ngừng giãy lát, không biết phải làm gì. Nó nhìn trở lại cái lỗ để tìm tôi. Nó bắt đầu khóc. Nhưng với một nỗ lực cuối cùng nó cũng ngồi lên được đùi của Siyah. Siyah, đủ thông minh để hưởng quyền làm cha đứa con tôi, không hoảng hốt khi thấy Orhan khóc một cách khó hiểu trên lòng anh và anh kiểm tra xem có cái gì trong tay thằng bé không.

Orhan trở lại dưới cái nhìn ngạc nhiên của cha tôi, và tôi chạy đến ôm nó, bế nó lên đùi tôi, hôn nó thật lâu. Tôi đưa nó xuống nhà vào bếp và cho nó món nho khô mà nó rất thích.

"Hayriye, dẫn bọn trẻ ra cảng Galleon mua ít cá đoi làm xúp ở tiệm của Kosta. Cầm mấy đồng bạc này mà mua cá, nếu còn tiền lẻ thì mua cho Orhan ít trái vả và dâu tây khô trên đường về, mua cho Shevket bánh đậu xanh

nướng và xúc xích tằm đường với quả óc chó. Dẫn tụi nó đi loanh quanh chỗ nào chúng thích cho đến buổi cầu kinh tối, nhưng cẩn thận coi chừng chúng bị cảm lạnh."

Sau khi họ đi, sự yên tĩnh trong ngôi nhà khiến tôi thấy dễ chịu, tôi lên lầu lấy ra một chiếc gương nhỏ do cha chồng tôi làm và chồng tôi tặng tôi làm quà. Tôi giấu nó giữa những áo gối có mùi oải hương. Tôi treo nó lên, nếu nhìn mình trong gương từ xa, hoặc di chuyển khéo léo một tí, tôi có thể thấy cả thân hình tôi. Chiếc áo lót đỏ thật hợp với tôi. Nhưng tôi cũng muốn mặc chiếc áo cánh màu tía của mẹ tôi, vốn nằm trong mớ vật dụng xuất giá của bà. Tôi lấy ra chiếc áo trùm màu hồ trăn mà bà ngoại tôi đã thêu những bông hoa, thử mặc vào, nhưng nó không vừa ý tôi. Khi mặc thử nó bên trong chiếc áo cánh màu tía, tôi cảm thấy một cơn ớn lạnh; tôi rùng mình, và ngọn nến run theo tôi. Dĩ nhiên trùm ngoài cùng là cái áo choàng viền lông thú, nhưng đến phút cuối tôi đổi ý và lặng lẽ đi qua hành lang, tôi lấy ra chiếc áo khoác len màu xanh da trời rộng và dài của mẹ tôi cho và mặc vào. Ngay lúc đó tôi nghe có tiếng động ngoài cửa và thấy kinh hoàng: Siyah đang ra về! Tôi lẹ làng cởi chiếc áo cũ của mẹ tôi rồi mặc chiếc áo đỏ viền lông của tôi vào. Nó chật ở vòng ngực, nhưng tôi thích, sau đó tôi đeo tấm mạng trắng và mềm nhất, hạ xuống che kín mặt.

Dĩ nhiên Siyah Kính mền chưa về; tôi đã để cho sự hoảng hốt đánh lừa. Nếu tôi ra ngoài bây giờ, tôi có thể nói với cha tôi là tôi đi mua cá với bọn trẻ. Tôi bước nhẹ xuống thang như một con mèo.

Tôi đóng cửa - cạch một tiếng - giống một con ma. Tôi lặng lẽ đi qua sân và khi ra đến ngoài đường, tôi thoáng quay lại nhìn ngôi nhà. Nhìn qua lớp mạng, nó có vẻ như không còn là ngôi nhà của chúng tôi nữa.

Không có ai trên đường, cả một con mèo cũng không.

Những bông tuyết nhảy múa trong không trung. Rùng mình, tôi bước vào khu vườn hoang, nơi ánh mặt trời không bao giờ đến. Nó bốc mùi lá mục, mùi ẩm ướt và cái chết; nhưng khi tôi bước vào nhà của Người Do Thái bị treo cổ, tôi cảm thấy như đang ở trong nhà mình. Người ta đồn rằng thần

thánh gặp nhau ở đây mỗi đêm, đốt lò và tiệc tùng. Tôi giật mình khi nghe tiếng bước chân mình trong ngôi nhà trống này. Tôi chờ, bất động. Tôi nghe một âm thanh trong vườn, nhưng sau đó mọi thứ chìm vào im lặng. Tôi nghe tiếng chó sủa gần đó. Tôi nhận ra tiếng mọi con chó trong khu tôi sống qua tiếng sủa của chúng, nhưng tôi không nhận ra được con chó này.

Trong quãng im lặng kể đó, tôi cảm thấy có một ai khác trong ngôi nhà, tôi liền đứng bất động để anh ta không thể nghe tiếng bước chân tôi. Những người lạ nói chuyện khi họ đi qua trên đường tôi nghĩ đến Hayriye và bọn trẻ. Tôi cầu trời cho chúng đừng bị nhiễm lạnh. Trong khoảng im lặng kế tiếp, dần dần tôi cảm thấy hồi tiếc. Siyah không đến. Tôi đã phạm một sai lầm, và tôi phải quay về nhà trước khi lòng tự ái của tôi bị tổn thương hơn nữa. Kinh khủng, tôi tưởng tượng rằng Hasan đang theo dõi tôi, sau đó thì tôi nghe có tiếng chuyển động trong vườn. Cánh cửa mở.

Tôi vội thay đổi vị trí. Tôi không biết tại sao mình làm thế, nhưng khi tôi đứng sang bên trái cửa sổ mà qua đó ánh sáng yếu ớt từ khu vườn chiếu vào, tôi nhận ra rằng Siyah có thể thấy tôi, theo lời nói của cha tôi, "trong những bí ẩn của bóng tối." Tôi che mặt bằng tấm mạng và chờ, lắng nghe tiếng bước chân anh ấy.

Siyah bước qua ngưỡng cửa và thấy tôi, bước vài bước nữa rồi dừng lại. Chúng tôi đứng cách nhau năm bước và nhìn nhau. Trông anh khỏe khoắn và mạnh mẽ hơn so với khi tôi thấy anh qua lỗ nhìn trộm. Im lặng.

"Giờ tấm mạng ra," anh thì thầm, "Làm ơn đi mà."

"Tôi đã có chồng. Tôi đang chờ chồng tôi trở về."

"Giờ tấm mạng ra đi," anh nói vẫn với giọng như cũ. "Chồng em không bao giờ về đâu."

"Anh thu xếp gặp tôi ở đây để nói điều đó sao?"

"Không, anh nói thế để có thể nhìn em. Anh đã nghĩ về em suốt mười

hai năm qua. Giờ tấm mạng ra đi, em yêu, hãy cho anh nhìn em dù chỉ một lần."

Tôi gỡ nó ra. Tôi sung sướng khi anh im lặng ngắm nghía khuôn mặt tôi và nhìn thật sâu vào mắt tôi hồi lâu.

"Có chồng và làm mẹ đã khiến em đẹp hơn nhiều. Và khuôn mặt em hoàn toàn khác những gì anh nhớ được."

"Anh nhớ về tôi ra sao?"

"Trong nỗi đốn đau, bởi vì khi anh nghĩ về em, anh không thể không nghĩ rằng những gì anh nhớ được không phải là em mà là một sự tưởng tượng. Trong thời niên thiếu của chúng mình, em có nhớ mình từng bàn về Husrev với Shirin, họ đã yêu nhau sau khi thấy hình ảnh của nhau như thế nào không? Tại sao Shirin không yêu chàng Husrev đẹp trai ngay lần đầu nàng thấy hình ảnh chàng treo trên cành cây mà phải thấy ba lần nàng mới yêu? Em đã từng nói là trong chuyện cổ tích mọi thứ đều xảy ra ba lần. Anh đã cãi với em rằng tình yêu lẽ ra phải bùng nổ ngay lần đầu nàng thấy bức hình. Nhưng ai có thể vẽ Husrev đủ trung thực để nàng yêu chàng, và đủ chính xác để nàng nhận ra chàng? Chúng mình chưa hề nói về điều này. Trong mười hai năm qua, giá như anh có được bức chân dung xác thực như thế về khuôn mặt không ai sánh được của em thì có lẽ anh đã không đau khổ đến vậy."

Anh ấy nói những điều rất dễ thương theo kiểu này, về chuyện nhìn một bức minh họa mà đã đem lòng yêu, về chuyện anh đau khổ dữ dội vì yêu tôi đến thế nào. Tôi để ý cách anh từ từ tiến đến gần, và từng lời của anh chập chờn qua đầu óc tinh táo của tôi rồi đậu lại đâu đó trong ký ức tôi. Sau này tôi sẽ suy ngẫm lại những lời này, từng từ một. Nhưng vào lúc này sự cảm kích của tôi về ma lực trong những điều anh nói chỉ thuần là theo bản năng và nó trói buộc tôi với anh. Tôi cảm thấy có tội vì đã làm anh đau khổ suốt mười hai năm qua. Một người ăn nói ngọt ngào làm sao! Siyah tốt xiết bao! Như một đứa trẻ ngây thơ! Tôi có thể thấy được tất cả điều này qua ánh mắt anh. Việc anh yêu tôi nhiều như vậy khiến tôi tin cậy anh.

Chúng tôi ôm nhau. Điều này làm tôi quá sung sướng đến độ không còn cảm thấy áy náy nữa. Tôi để cho cảm giác ngọt ngào này cuốn tôi đi. Tôi ôm anh chặt hơn. Tôi để cho anh hôn tôi, và tôi hôn lại anh. Và khi chúng tôi hôn nhau, có vẻ như cả thế giới này bước vào một cảnh tranh tối tranh sáng dịu dàng. Tôi ước gì mọi người có thể ôm nhau giống như chúng tôi. Tôi mơ hồ nhớ lại rằng tình yêu vẫn được cho là phải giống thế này. Anh ấy đút lưỡi vào miệng tôi. Tôi hài lòng với những gì mình đang làm, như thể cả thế giới này được chìm trong ánh sáng hạnh phúc; tôi chẳng nghĩ ra điều gì tồi tệ cả.

Hãy để tôi mô tả cho bạn cái ôm của chúng tôi có thể được những nhà tiểu họa bậc thầy Herat vẽ ra sao, nếu câu chuyện bi thảm của tôi một ngày nào đó được kể lại trong sách. Có những bức minh họa gây kinh ngạc mà cha tôi đã cho tôi xem trong đó những dòng chữ viết run rẩy cùng nhịp với những chiếc lá đu đưa, hoa văn trên tường được phản ánh trong nét thiết kế đường viền mạ vàng và niềm vui của những cánh én chọc thủng phần viền của bức tranh gợi lên sự phấn chấn của những cặp tình nhân.

Khi trao nhau những cái nhìn từ xa và gây khó cho nhau bằng những câu nói đầy hàm ý, những người yêu nhau thường được vẽ quá nhỏ, quá xa về khoảng cách, đến độ trong phút chốc ta cảm thấy như câu chuyện hoàn toàn không phải nói về họ mà chỉ liên quan đến đêm đầy sao, hàng cây tối đen, tòa lâu đài tuyệt đẹp nơi họ gặp gỡ, khoảng sân và khu vườn tuyệt vời của nó, mà mỗi chiếc lá trong đó được đặc tả một cách đặc biệt và đầy âu yếm.

Tuy nhiên, nếu cẩn thận chú ý kỹ sự hài hòa bí ẩn của màu sắc, mà nhà tiểu họa chỉ có thể truyền đạt với tất cả sự hiến mình cho nghệ thuật của anh ta, và vào ánh sáng kỳ bí lan tỏa khắp bức tranh, người quan sát sẽ lập tức thấy ngay rằng bí mật đằng sau những tranh minh họa này là ở chỗ chúng được tạo ra bởi chính tình yêu. Có vẻ như ánh sáng bắt nguồn từ những kẻ yêu nhau, từ chiều sâu của bức minh họa. Và khi Siyah với tôi ôm nhau, niềm hân hoan tràn ngập cả thế giới theo đúng kiểu này.

Tạ ơn Thượng đế là tôi đã chứng kiến cuộc đời này đủ để biết rằng niềm hoan lạc này sẽ không kéo dài lâu. Siyah dịu dàng ôm lấy bầu ngực to lớn

của tôi. Động tác này tạo cảm giác tê mê và, quên đi tất cả. Tôi thềm được anh bú nướm vú tôi. Nhưng anh không chế ngự được nó, bởi vì anh không chắc về chuyện anh đang làm, dù sự không chắc của anh không ngăn anh khỏi ham muốn nhiều hơn nữa. Dần dần, chúng tôi càng ôm nhau lâu thì nỗi sợ hãi và bối rối càng chen vào giữa hai chúng tôi. Nhưng khi anh ấy bầu vào đùi tôi để kéo tôi sát hơn, ép dương vật to, cứng ngắc của anh sát bụng tôi, thoát tiên tôi thấy thích; tôi tò mò. Tôi không bối rối. Tôi đã tự nhủ rằng chúng tôi đã ôm nhau như thế này thì tất phải dẫn đến chuyện như thế. Và dù tôi quay đầu đi, tôi cũng không thể rời đôi mắt mở to khỏi kích cỡ của nó.

Lát sau, khi anh bất ngờ cố buộc tôi làm hành động thô tục mà thậm chí những phụ nữ du mục Kipchak và những cô hầu ưa kể chuyện tại các nhà tắm công cộng cũng không làm, tôi cứng người trong sự kinh ngạc và lưỡng lự.

"Đừng nhíu mày vậy, em yêu," anh ấy van nài.

Tôi đứng dậy, đẩy anh ấy ra và bắt đầu la hét vào mặt anh mà chẳng thềm để ý chút nào đến vẻ thất vọng của anh ấy.

1 Aal-e-Imran: Gia đình Imran.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 27: Tôi Được Gọi Là Siyah

Trong bóng tối của ngôi nhà Người Do Thái bị treo cổ, Shekure nhú mày và bắt đầu nói như điên rằng tôi có thể dễ dàng chọc cái vật to lớn góm guốc tôi đang cầm trong tay vào miệng các cô gái Circassia mà tôi đã gặp ở Tiflis, những gái điếm Kipchak, những cô dâu nghèo bị bán vào quán rượu, những quả phụ Ba Tư và Thổ Nhĩ Kỳ, những gái điếm bình dân ngày càng gia tăng ở Istanbul, những cô gái Mingeria dâm dăng, các ả Abkhazia khêu gọi, những phụ nữ Armenia đánh đá, những mục khó ưa ở Genova và Syria, các diễn viên được cho là phụ nữ và những cậu trai không bao giờ thỏa mãn, nhưng nó sẽ không thể vào miệng nàng được. Nàng giận dữ buộc tội tôi đã mất sạch ý thức về sự chững chạc và tự chủ bằng việc ngủ với mọi tầng lớp tiện dân rẻ tiền đáng khinh - từ Ba Tư đến Baghdad và từ các ngõ hẻm của những thành phố Ả Rập nhỏ bé nóng bức đến vùng bờ biển Caspian - và đã quên rằng một số phụ nữ vẫn cố hết sức mình để giữ gìn danh dự của họ. Nàng buộc tội rằng tất cả những lời yêu thương của tôi đều giả dối.

T

Tôi trân trọng lắng nghe cơn giận dữ của người tôi yêu, vốn khiến cho cái bộ phận tội lỗi trong tay tôi xù xuống, và dù tôi rất bối rối trước tình cảnh này và sự cự tuyệt mà tôi phải chịu đựng, nhưng có hai việc làm tôi vui: 1. rằng tôi đã kiềm chế không tự hạ thấp mình mà đối chọi lại cơn giận dữ của Shekure bằng một phản ứng âm ỉ tương tự, như tôi vẫn thường phản ứng một cách hằn học với những phụ nữ khác trong những tình huống tương tự, và 2. rằng tôi phát hiện ra Shekure hiểu rõ những chuyến đi của tôi, chứng tỏ rằng nàng nghĩ về tôi nhiều hơn tôi tưởng.

Thấy tôi thất vọng như thế nào khi không thể thực hiện những thèm muốn của mình, nàng bắt đầu thấy tội nghiệp cho tôi.

"Nếu anh thực sự yêu em, một cách thiết tha và đầy ám ảnh," nàng nói như thể cố tự bào chữa, "thì anh đã kiểm soát được mình như một bậc chính nhân quân tử. Anh sẽ không cố ý xúc phạm danh dự của người phụ nữ mà anh ấp ủ những ý định nghiêm túc. Anh không phải là người đàn ông duy nhất tìm cách cưới em. Có ai gặp anh trên đường anh tới đây không?"

"Không."

Như thể nàng nghe có tiếng ai bước trong khu vườn tối phủ đầy tuyết nàng quay khuôn mặt dịu dàng, mà mười hai năm qua tôi đã không thể nhớ lại, về phía cuối và cho tôi niềm vui được thấy khuôn mặt nhìn nghiêng của nàng. Khi nghe tiếng lách cách thoáng qua, chúng tôi chờ trong im lặng, nhưng chẳng có ai bước vào. Tôi nhớ lại thời nàng mới mười hai, Shekure đã khơi dậy trong tôi một cảm giác kỳ lạ bởi vì nàng biết nhiều hơn tôi như thế nào.

"Con ma Người Do Thái bị treo cổ đã ám chỗ này." nàng nói.

"Em tới đây bao giờ chưa?"

"Âm hồn, bóng ma, người chết đang sống... họ đến theo gió ám các đồ vật và tạo ra âm thanh trong im lặng. Mọi thứ đều nói được. Em không cần phải đến đây. Em có thể nghe được họ."

"Shevket đã dẫn anh đến đây để chỉ cho anh con mèo chết, nhưng nó đã biến mất."

"Theo em biết thì anh có nói với nó rằng anh đã giết cha nó."

"Không phải vậy. Câu nói của anh đã bị bóp méo đến cỡ đó sao? Không phải là anh giết cha nó mà là anh thích làm cha nó."

"Tại sao anh nói rằng anh đã giết cha nó?"

"Mới đầu nó hỏi anh đã từng giết ai chưa. Anh nói với nó sự thật rằng anh đã giết hai người."

"Đề khoe khoang à?"

"Đề khoe khoang, và đề gây ấn tượng với một đứa trẻ mà anh yêu mẹ nó, bởi vì anh nhận ra rằng người mẹ này đã an ủi hai đứa trẻ bé bỏng đó bằng cách thổi phồng những chiến tích của cha nó và khoe khoang những chiến lợi phẩm của ông ta còn lại trong nhà."

"Cứ khoe khoang đi! Tụi nó không thích anh."

"Shevket không thích anh, những Orhan thì có," tôi nói, trong cảm giác tự hào bất được lỗi của người mình yêu. "Nhưng anh sẽ trở thành cha của hai đứa."

Chúng tôi rùng mình lo lắng và run run trong ánh sáng lờ mờ như thể bóng của vật thể nào đó không tồn tại đã đi qua giữa hai chúng tôi. Tôi bình tĩnh lại và thấy Shekure đang thôn thức.

"Người chồng bạc mệnh của em có một em trai tên là Hasan. Trong khi em chờ chồng em về, em đã sống hai năm chung nhà với chú ấy và cha chồng em. Chú ấy yêu em. Sau đó chú ấy nghi ngại những gì có thể đang xảy ra. Chú ấy tức tối tưởng tượng rằng em có thể lấy một người nào đó, có lẽ là anh. Chú ấy nhấn rằng chú ấy muốn dùng vũ lực buộc em trở về nhà họ. Họ nói rằng vì em chưa được quan tòa coi là một quả phụ, nên họ sẽ buộc em trở về nhà đó nhân danh chồng em. Họ có thể đột kích nhà chúng em bất cứ lúc nào. Cha em cũng không muốn quan tòa phán quyết em là quả phụ. Nếu em được phép ly dị, ông nghĩ em sẽ tìm cho mình một tấm chồng mới mà bỏ rơi ông. Khi trở về nhà với bọn trẻ, em đã mang đến cho ông một niềm hạnh phúc lớn trong nỗi cô đơn mà ông đã chịu đựng sau cái chết của mẹ em. "Anh có đồng ý sống với chúng em không?"

"Ý em là sao?"

"Nếu mình cưới nhau, anh có chịu về sống với cha em, với tất cả chúng em không?"

"Anh không biết."

"Hãy nghĩ về chuyện này càng sớm càng tốt. Tin em đi, anh không có nhiều thời gian đâu. Cha em có cảm giác rằng có điều gì xấu sắp đến với cả nhà em, và em nghĩ là ông đúng. Nếu Hasan và người của chú ấy đột kích nhà em với một lũ lính tráng và lôi cha em ra trước quan tòa, anh có chịu làm chứng rằng anh đã thấy xác của chồng em không? Anh vừa mới từ Ba Tư và họ sẽ tin anh."

"Anh sẽ làm chứng. nhưng anh không phải là người giết anh ta."

"Được rồi. Cùng một nhân chứng khác, để em được tuyên bố là quả phụ, anh có chịu làm chứng trước quan tòa rằng anh đã thấy cái xác đầy máu của chồng em trên chiến trường Ba Tư không?"

"Thực sự anh không thấy, nhưng vì em, em yêu, anh sẽ làm chứng như thế."

"Anh có yêu con em không?"

"Có,"

"Nói cho em biết, anh yêu chúng về điều gì?"

"Anh yêu sức mạnh, tính quyết đoán, sự trung thực, thông minh, và tính bướng bỉnh của Shevket," tôi nói. "Còn anh yêu phong cách dịu dàng, nhạy cảm của Orhan và sự láu lỉnh của nó. Anh yêu chuyện chúng là con của em."

Người yêu mắt đen của tôi mỉm cười và ứa lệ. Sau đó, trong cơn bối rối có tính toán của một phụ nữ hy vọng đạt được nhiều thứ trong thời gian ngắn, nàng đổi đề tài:

"Cuốn sách của cha em phải được hoàn tất và trình lên Đức vua. Cuốn sách này là nguồn gốc vận rủi gây phiền muộn cho chúng em."

"Còn điều xấu gì gây phiền muộn cho chúng ta ngoài cái chết của Zarif

Kính mền nữa?"

Câu hỏi này khiến nàng không vui. Với vẻ thiếu thật thà trong nỗ lực trở nên thật thà, nàng nói:

"Những môn đồ của Nusret Hoja đang tung tin đồn rằng cuốn sách của cha em là một trò báng bổ và mang dấu ấn của bọn ngoại giáo. Liệu có phải những nhà tiểu họa thường đến nhà em đã ngày càng đổ kỵ nhau đến mức độ nghĩ ra những kế hoạch này không? Anh nằm trong số hội anh chắc biết rõ!"

"Người em chồng của em," tôi nói, "anh ta có mối liên hệ nào với những nhà tiểu họa này, cuốn sách của cha em hoặc những môn đồ của Nusret Hoja, hay anh ta sống tách biệt?"

"Chú ấy không dính dáng gì đến những chuyện đó, mà chú ấy cũng không hề sống tách biệt," nàng nói.

Một khoảng im lặng lạ kỳ và bí ẩn trôi qua.

"Hỏi em sống cùng nhà với Hasan, không có cách nào để em tránh mặt anh ta sao?"

"Bằng hết sức mình, trong ngôi nhà chỉ có hai phòng."

Vài con chó, không xa lắm, bỗng chú ý đến cái gì đó, bắt đầu sủa đầy kích động.

Tôi không thể mở miệng hỏi tại sao người chồng quá cố của Shekure, kẻ coi như đã đắc thắng trở về từ nhiều trận đánh và sở hữu cả một thái ấp, lại chịu để vợ sống chung với em trai mình trong một căn nhà có hai phòng. Rụt rè và do dự, tôi hỏi người yêu thời thơ ấu của tôi câu hỏi sau: "Tại sao em quyết định cưới anh ta?"

"Dĩ nhiên chắc chắn là cha em phải gả em cho ai đó," nàng nói. Đó là sự thật, nó đã giải thích một cách súc tích và thông minh cuộc hôn nhân của nàng theo một cách vừa tránh ca ngợi chồng nàng vừa không khiến tôi khó

chịu. "Anh đã ra đi, có lẽ không bao giờ trở lại. Biên mất trong cơn dỗi hờn có lẽ là dấu hiệu của tình yêu, nhưng một người tình dỗi hờn thì cũng khó chịu và chẳng hứa hẹn gì về tương lai cả." Đây cũng là sự thật. Nhưng chưa đủ là duyên có để nàng cưới tên đều cằng đó. Chẳng khó gì để suy diễn từ vẻ ngại ngùng của nàng rằng chỉ một thời gian ngắn sau khi tôi rời khỏi Istanbul, Shekure đã quên mất tôi, như mọi người khác. Nàng đã nói với tôi lời nói dối trắng trợn này để xoa dịu trái tim tan nát của tôi, giá mà được một chút, và tôi coi đó như một dấu hiệu cho hảo ý của nàng, vốn đòi hỏi lòng biết ơn của tôi. Tôi bắt đầu giải thích rằng trong những chuyến đi của mình tôi không thể gạt nàng ra khỏi ý nghĩ như thế nào, ban đêm hình ảnh nàng ám ảnh tôi như một bóng ma ra sao. Đây là điều bí mật nhất, nỗi sầu khổ sâu đậm nhất mà tôi đã chịu và tôi cho rằng mình không bao giờ có thể chia sẻ với một ai khác; sự buồn khổ này hoàn toàn có thật, nhưng như tôi ngạc nhiên nhận ra ngay lúc đó, nó không hề thành thật một chút nào.

Để những tình cảm và khao khát của tôi có thể được hiểu một cách chính xác, tôi phải phơi bày ngay lập tức ý nghĩa của sự khác biệt giữa sự thật với tính chân thực này mà tôi vừa biết lần đầu: Việc biểu lộ sự thực bằng ngôn từ của một người, dù chân thực đến hết mức đi chăng nữa, vẫn thúc đẩy người ta đi tới sự giả dối. Ví dụ hay nhất có lẽ xuất phát từ những nhà tiểu họa chúng tôi, những kẻ ngày càng bồn chồn bất an vì có kẻ sát nhân trong số chúng tôi. Hãy xem xét một bức tranh hoàn hảo - hình ảnh một con ngựa chẳng hạn: cho dù nó thể hiện con ngựa thật tài tình đến cỡ nào đi nữa, thứ ngựa được đấng Allah mừng tụng cực kỳ tỉ mỉ hoặc những con ngựa của các nhà tiểu họa bậc thầy, nó vẫn không thể sánh với tính chân thực của nhà tiểu họa tài năng đã vẽ nó. Sự thành thực của nhà tiểu họa, hoặc những đầy tớ hèn mọn của Allah như chúng tôi, không xuất hiện trong phút giây của tài năng và sự hoàn hảo; trái lại, nó xuất hiện trong lúc lỡ lời, sai lầm, mệt nhọc và thất vọng. Tôi nói điều này vì những cô gái trẻ, những kẻ sẽ vỡ mộng khi nhận thấy không có sự khác biệt nào giữa nỗi khao khát mãnh liệt mà tôi cảm thấy đối với Shekure giây phút đó như nàng cũng có thể biết - với chẳng hạn như nỗi thèm khát rạo rục mà tôi cảm thấy đối với một người đẹp Kazvin có cái miệng đỏ thắm, nước da ngăm, vóc dáng thanh tú mà tôi gặp trong những chuyến đi. Với trí thông minh sắc sảo được Thượng đế ban cho

và trực giác như quỷ thần của nàng, Shekure hiểu cả khả năng chịu đựng của tôi trong mười hai năm đau khổ vì yêu lẫn cách cư xử giống như một kẻ bị sự thèm khát chi phối, chẳng nghĩ đến điều gì khác ngoài việc nhanh chóng thỏa mãn những thèm khát đen tối của mình ngay lần đầu được một mình ở bên nàng. Nizami đã so sánh cái miệng của Shirin, mỹ nhân của các mỹ nhân, với một lọ mực chứa đầy những viên ngọc.

Khi lũ chó bắt đầu một đợt sủa dữ dội nữa, Shekure bèn chồm nói, "Bây giờ em phải về." Đến lúc đó cả hai chúng tôi mới nhận ra rằng ngôi nhà của con ma Do Thái đã hoàn toàn tối đen, dù đêm chưa xuống. Cơ thể tôi đột nhiên bật lên, muốn ôm lấy nàng lần nữa, nhưng giống như một chú chim sẻ bị thương, nàng nhanh nhẹn né đi.

"Em vẫn còn đẹp chứ? Trả lời em nhanh lên."

Tôi nói với nàng. Nàng lắng nghe tôi một cách dễ thương làm sao, tin và đồng ý những gì tôi nói.

"Còn quần áo của em?"

Tôi trả lời nàng.

"Em thơm không?"

Dĩ nhiên Shekure cũng biết rằng điều mà Nizami gọi là "ván cờ tình yêu" không bao gồm những trò chơi tu từ hoa mỹ như thế, mà gồm những hành động đầy cảm xúc kín đáo giữa những người yêu nhau.

"Anh định kiếm sống bằng cách nào?" nàng hỏi. "Anh chăm sóc mấy đứa con mồ côi cha của em được không?" Trong khi nói rằng tôi đã hơn mười hai năm làm viên chức và thư ký, đã thu được kiến thức lớn lao trong chiến trận, từng chứng kiến cái chết và tôi có những viễn cảnh tươi sáng, tôi ôm nàng.

"Lúc này chúng ta ôm nhau đẹp làm sao," nàng nói. "Và mọi thứ đã mất đi về kỳ bí ban đầu của nó."

Để chứng tỏ tôi chân thực như thế nào, tôi ôm nàng thậm chí chặt hơn. Tôi hỏi nàng tại sao, sau khi đã giữ nó trong mười hai năm, nàng lại nhờ Esther trả lại bức tranh tôi đã vẽ cho nàng.

Trong mắt nàng, tôi đọc được vẻ ngạc nhiên của nàng trước sự mệt mỏi của tôi và một tình yêu thương dâng tràn trong nàng.

Chúng tôi hôn nhau. Lần này tôi thấy mình không còn bị tê liệt dưới cái ách kỳ lạ của lòng ham muốn; cả hai chúng tôi sững sốt trước cảm giác xôn xao - như một bầy chim sẻ - của một tình yêu mãnh liệt đã ăn vào tim, ngực, bụng chúng tôi. Việc làm tình không phải là cách giải độc tốt nhất cho tình yêu sao?

Khi tôi sờ soạng bộ ngực đồ sộ của nàng. Shekure đẩy tôi ra thậm chí còn dứt khoát và ngọt ngào hơn trước đó. Nàng ngụ ý rằng tôi không phải là một người đàn ông đủ chín chắn để duy trì một cuộc hôn nhân đáng tin cậy với một phụ nữ mà tôi đã làm nhục trước đó. Tôi đã sơ ý quên rằng Quý sứ sẽ nhúng tay vào bất cứ hành động hấp tấp và quá thiếu kinh nghiệm nào vốn không biết rằng ẩn dưới những cuộc hôn nhân hạnh phúc là biết bao nhiêu kiên nhẫn và đau khổ. Nàng thoát khỏi vòng tay tôi và đi về phía cửa, tấm mạng nhện đã rơi xuống quanh cổ nàng. Tôi thấy tuyết rơi trên đường phố, nơi luôn chìm vào bóng tối trước nhất, và quên rằng chúng tôi này giờ vẫn thì thào ở đây, có lẽ để tránh quấy rầy linh hồn của Người Do Thái bị treo cổ, tôi kêu lên:

"Bây giờ chúng mình phải làm gì?"

"Em không biết", nàng nói, nghĩ đến những nguyên tắc của "ván cờ tình yêu."

Băng qua khu vườn cũ, nàng để lại những dấu chân thanh tú trên tuyết - chắc chắn sẽ bị màn trắng toát này xóa đi và lặng lẽ biến mất.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 28: Tôi Sẽ Bị Gọi Là Tên Giết Người

Chắc chắn rằng các vị cũng đã trải qua những gì tôi sắp mô tả: Nhiều lần, đi qua những con đường quanh co vô tận của Istanbul, trong khi đang múc một muống rau cải hầm đưa lên miệng tại một bếp ăn công cộng, hay nhìn chăm chăm vào họa tiết cong của một mảng trang trí lễ sách theo phong cách bút sậy, tôi cảm thấy mình đang sống trong hiện tại cứ như nó là quá khứ. Nghĩa là mỗi khi đang đi dọc theo một con đường ngập đầy tuyết trắng, tôi sẽ cảm thấy thôi thúc muốn nói rằng tôi đang đi dọc theo nó vào một lúc nào đó đã qua.

C

Những sự kiện khác thường tôi sắp kể lại đã xảy ra cùng lúc trong hiện tại và trong quá khứ. Đó là buổi tối, trời đã tối đen và tuyết rơi lác đác khi tôi đi bộ xuống phố nơi Enishte Kính mên cư ngụ.

Không như những tối khác, tôi đến đây và biết chính xác mình muốn gì. Vào những tối khác, chân tôi sẽ đưa tôi đến đây trong khi tôi nghĩ lơ mơ về những điều khác: rằng tôi sẽ nói với mẹ tôi chỉ làm một cuốn sách mà kiếm được tới bảy trăm đồng bạc, về bìa của những tác phẩm Herat với những họa tiết hoa hồng trang trí không dát vàng có niên đại từ thời Tamerlane, về cảm giác choáng váng không ngừng khi biết rằng những người khác vẫn vẽ ký tên tôi hoặc về cách ứng xử ngớ ngẩn và quá lỗ của tôi. Tuy nhiên, lần này tôi đến đây có suy tính trước và có ý định hẳn hoi.

Cánh cổng to dẫn vào sân - mà tôi cứ e không ai mở cho tôi - tự mở khi tôi gõ, tái khẳng định với tôi rằng Allah đứng về phía tôi. Phần sân lát đá sáng bóng mà tôi thường đi qua trong những đêm tôi đến để bổ sung tranh minh họa mới cho cuốn sách lộng lẫy của Enishte Kính mên hiện giờ vắng lặng. Phía bên phải cạnh giếng có một chiếc xô, đậu trên đó là một con chim

sẽ rõ ràng không biết đến cái lạnh; xa hơn một chút là cái lò bằng đá ngoài trời mà vì lý do nào đó đã không được đốt lên dù lúc này đã muộn; phía bên trái, chuồng dành cho ngựa của khách chiếm một phần tầng trệt của ngôi nhà. Mọi thứ y như tôi mong đợi. Tôi bước vào qua cánh cửa không khóa bên cạnh chuồng ngựa, và như một vị khách không mời vẫn làm để tránh bắt gặp một cảnh không thích hợp, tôi giậm mạnh bước chân và ho lên khi leo cầu thang gỗ dẫn đến phòng khách.

Không ai đáp lại tiếng ho của tôi, cả tiếng giậm mạnh của đôi giày lấm bùn của tôi cũng vậy. Tôi cởi giày để cạnh những đôi giày xếp hàng tại lối vào hành lang rộng dùng làm phòng đợi.

Như đã thành thói quen mỗi khi đến đây, tôi tìm kiếm cái mà tôi cho là đôi giày xanh thanh tú của Shekure giữa những đôi khác, nhưng không có, tôi nghĩ chắc là không có ai ở nhà.

Tôi bước sang bên phải vào phòng - không có bóng ai trong mọi ngóc ngách của tầng lầu - nơi tôi hình dung Shekure đang ôm các con mà ngủ. Tôi mò tìm giường và nệm, rồi mở một cái rương trong góc và một chiếc tủ quần áo cao có cánh cửa rất nhẹ. Trong khi tôi nghĩ hương thơm hạnh đào thoang thoảng trong phòng hẳn là hương thơm của da thịt Shekure, thì một cái gối, vốn được nhét vào tủ, rơi trúng cái đầu đàn độn của tôi rồi rơi xuống chiếc bình bằng đồng và mấy cái tách. Cũng như các vị nghe tiếng động và bất chợt nhận ra căn phòng tối om om, tôi nhận ra trời thật lạnh.

"Hayriye hả?" Enishte Kính mền lên tiếng trong một phòng khác, "Shekure hả? Đứa nào đấy?"

Tôi lẹ làng ra khỏi phòng, đi xéo ngang qua hành lang rộng, bước vào căn phòng có cửa màu xanh da trời nơi tôi làm việc cùng Enishte Kính mền cho cuốn sách của ông trong mùa đông qua.

"Tôi, thưa Enishte Kính mền," tôi đáp. "Tôi đây."

"Anh là ai?"

Ngay lúc đó, tôi hiểu rằng những nghệ danh mà Enishte Kính mền đã chọn nhằm giữ bí mật thì ít mà chủ yếu là liên quan đến trò giễu cợt tinh tế của ông ta đối với chúng tôi. Như một người sao chép kiêu ngạo có thể ghi lại ký hiệu của mình trên tờ cuối cùng của một bản thảo đã minh họa lộng lẫy, tôi chậm chậm phát âm những âm tiết tên đầy đủ của tôi, bao gồm tên cha tôi, nơi sinh của tôi và cụm từ "người đầy tớ tội lỗi đáng thương của các vị."

"Hà?" Mới đầu ông thốt lên, rồi tiếp "À".

Giống như một ông già gặp Thần chết trong truyện ngụ ngôn Assyria tôi nghe hồi còn nhỏ, Enishte Kính mền chìm vào một khoảng im lặng rất ngắn vốn kéo dài mãi mãi. Do tôi vừa đề cập tới "Thần chết" nên nếu có ai trong các vị lại tin rằng tôi đến đây để dính líu vào một chuyện như thế, thì các vị đã hoàn toàn hiểu sai cuốn sách mà các vị đang cầm trên tay rồi. Liệu có ai đó với những ý đồ như thế lại gõ cổng trước khi vào? Cởi giày ra? Đến mà không mang theo một con dao ư?

"Vây là anh đã đến," ông ta nói, lại giống ông già trong truyện ngụ ngôn. Nhưng sau đó ông ta bắt đầu nói bằng một giọng hoàn toàn khác. "Xin chào con trai. Vây nói cho ta biết đi, anh muốn gì?"

Bây giờ trời đã tối đen. Nhưng có đủ ánh sáng lọt vào qua ô cửa sổ che bằng vải tằm sấp ong - vốn được gỡ ra vào mùa xuân, để lộ một cây lựu và cây tiêu huyền - giúp nhận ra đường nét của những vật thể trong phòng, đủ ánh sáng để làm hài lòng một nhà minh họa Trung Hoa tầm thường. Tôi không nhìn rõ được khuôn mặt của Enishte Kính mền khi ông ta ngồi trước chiếc bàn đọc sách thấp như thường lệ, để ánh sáng rọi vào bên trái ông. Tôi cố hết sức để khôi phục lại mối thân tình giữa hai chúng tôi khi chúng tôi vẽ những bức tiểu họa cùng nhau, nhẹ nhàng và lặng lẽ thảo luận về chúng suốt đêm dưới ánh nến giữa những viên đá đánh bóng, những cây bút sậy, lọ mực và cọ vẽ này. Tôi không chắc có phải vì cảm giác xa lánh này hay vì sự bối rối, nhưng tôi thấy xấu hổ và không dám thú nhận công khai những nghi ngại của mình; lúc đó, tôi quyết định biện bạch cho mình qua một câu

chuyện.

Có lẽ các vị cũng có nghe về họa sĩ Sheikh Muhammad ở Isfahan? Không một họa sĩ nào có thể qua mặt ông ta trong việc chọn màu, trong ý thức về sự cân đối, trong việc vẽ hình người, thú vật và những khuôn mặt, trong cách vẽ với xúc cảm đậm chất thơ, trong việc áp dụng một luận lý bí ẩn dành riêng cho hình học. Sau khi đạt tới vị thế một họa sĩ bậc thầy khi tuổi còn trẻ, danh họa này với phong cách thần thánh đã dành trọn ba mươi năm để theo đuổi sự cách tân can đảm nhất trong chủ đề, bố cục và phong cách. Làm việc theo phong cách thủy mặc Trung Hoa - do người Mông Cổ mang đến cho chúng tôi - với kỹ năng và một ý thức tinh tế về sự cân đối, ông là người đã du nhập bọn ma quỷ khủng khiếp, những âm hồn có sừng, những con ngựa có hòn dái to, những quái vật nửa người và những tên khổng lồ vào phong cách vẽ Herat nhạy cảm và tinh tế; ông là người đầu tiên quan tâm và chịu ảnh hưởng của nghệ thuật chân dung do những con tàu phương Tây từ Bồ Đào Nha và Flander mang đến; ông tái khám phá những kỹ thuật bị quên lãng có từ thời Thành Cát Tư Hãn và được giấu kín trong những pho sách cũ mục nát; trước bất cứ ai khác, ông đã dám vẽ những cảnh gợi dục ở đàn ông như cảnh Alexander nhìn trộm những mỹ nữ trần truồng tắm trên đảo đàn bà và Shirin tắm dưới ánh trăng, ông ta vẽ đấng Tiên tri vinh quang của chúng ta thăng thiên trên lưng con ngựa Burak có cánh của Người, những vị vua cào gãi mình mảy, lũ chó đang giao phối và các lãnh tụ Hồi giáo uống rượu vang, và khiến cả cộng đồng những người yêu sách chấp nhận chúng. Ông đã làm chuyện đó, có lúc bí mật, có lúc công khai, uống rất nhiều rượu vang và hút thuốc phiện, với một nỗi nhiệt tình kéo dài ba mươi năm. Sau này, khi tuổi đã già, ông trở thành môn đồ của một lãnh tụ Hồi giáo sùng đạo, và trong một thời gian ngắn đã thay đổi hoàn toàn. Đi đến kết luận rằng mọi bức tranh ông làm trong thời kỳ ba mươi năm trước là xúc phạm và báng bổ, ông đã chối bỏ tất cả chúng. Hơn nữa, ông cống hiến ba mươi năm còn lại của đời ông cho việc đi từ lâu đài này đến lâu đài khác, từ thành phố này đến thành phố khác, lục lọi trong các thư viện và kho báu của các vua chúa để tìm và hủy bỏ những bản thảo ông đã minh họa.

Trong bất cứ thư viện của bất cứ vị quý tộc vua chúa nào mà ông tìm

thấy một bức tranh ông làm từ những năm trước, ông sẽ không từ một thủ đoạn nào để tiêu hủy nó, tìm cách tiếp cận chúng bằng cách nịnh hót hay mưu kế, và ngay khi không ai chú ý ông sẽ xé trang sách mà ông đã minh họa, hoặc tìm cơ hội đổ nước lên trang đó, làm nó hỏng. Tôi kể lại câu chuyện này như một ví dụ về cảnh một nhà tiểu họa có thể chịu đựng đau khổ cực độ ra sao vì vô tình từ bỏ đức tin của mình trước sự quỵ rũ của nghệ thuật. Điều này lý giải tại sao tôi đề cập chuyện Sheikh Muhammad đốt cháy thư viện khổng lồ của ông hoàng Ismail Mirza chứa hàng trăm cuốn sách mà chính tay vị thầy này minh họa; quá nhiều sách đến độ ông ta không thể lựa riêng những cuốn do ông làm ra khỏi những cuốn sách khác. Với sự cường điệu lớn lao, như thể chính tôi trải qua chuyện đó, tôi kể tiếp chuyện vị họa sư này, trong nỗi buồn khổ và hối tiếc sâu sắc, đã chết thiêu trong đám cháy khủng khiếp đó thế nào.

"Con có sợ, con trai," Enishte Kính mền hỏi một cách thương hại, "những bức tranh chúng ta đã làm không?"

Căn phòng bây giờ tối đen, tôi không thể tận mắt thấy nhưng tôi có cảm giác rằng ông hỏi câu này với một nụ cười.

"Cuốn sách của chúng ta không còn là một bí mật," tôi đáp. "Có lẽ điều đó không quan trọng. Nhưng tin đồn đang lan truyền. Họ nói chúng ta đã lén phạm tội báng bổ. Họ nói rằng ở đây, chúng ta đã làm một cuốn sách - không như Đức vua đã đặt làm và mong mỏi - mà là một cuốn sách để thỏa mãn những ý thích khác thường của chính chúng ta; một cuốn sách nhạo báng cả đáng Tiên tri và bất chước những bậc thầy ngoại giáo. Có người thậm chí còn tin chúng ta vẽ quỷ Sa tan như một kẻ đáng yêu. Họ nói chúng ta đã phạm phải một tội lỗi không thể tha thứ bởi dám vẽ một con mòng và một thánh đường như thể chúng có cùng kích cỡ, theo tầm nhìn của một con chó hoang ghẻ lở với lý do là thánh đường nằm ở hậu cảnh - vì thế mà nhạo báng những kẻ ngoan đạo đang tham dự buổi cầu kinh. Tôi không ngủ được vì nghĩ về những điều như thế."

"Chúng ta đã cùng nhau làm tranh minh họa," Enishte Kính mền nói.

"Chúng ta có từng cân nhắc đến những ý tưởng như thế chưa, chứ đừng nói tới chuyện làm một điều xúc phạm như thế được?"

"Dĩ nhiên là không rồi," tôi nói một cách cởi mở. "Nhưng người ta vẫn cứ nghe nói có chuyện như thế. Họ nói có một bức cuối cùng mà theo lời đồn đại là dám công khai thách thức đạo giáo của chúng ta và những gì chúng ta cho là thiêng liêng."

"Bản thân anh có thấy bức tranh cuối cùng ấy bao giờ chưa?"

"Không. Tôi làm tranh theo bất cứ gì ông yêu cầu ở những vị trí khác nhau trên một tờ giấy to, chắc là một bức minh họa tờ đôi." Tôi nói với sự cẩn trọng và chính xác mà tôi hy vọng sẽ làm vừa lòng Enishte Kính mến. "Nhưng tôi chưa từng thấy bức minh họa hoàn chỉnh. Nếu tôi thấy được cả bức tranh thì lương tâm tôi đã thanh thản trong việc phủ nhận toàn bộ trò vu khống bản thủ này rồi."

"Tại sao anh có cảm giác tội lỗi?" ông hỏi. "Cái gì đang cắn rứt linh hồn anh? Ai đã khiến anh nghi ngờ bản thân?"

"... lo lắng rằng mình đã công kích những gì chính mình coi là thiêng liêng, sau khi dành nhiều tháng hoan hỉ minh họa cho một cuốn sách...chịu đựng những giày vò của Hỏa ngục ngay khi đang sống... giá như tôi thấy được trọn vẹn bức tranh cuối cùng đó."

"Đây là điều khiến anh lo lắng phải không?" ông ta hỏi. "Đây là lý do khiến anh đến đây hả?"

Chợt tôi thấy kinh hoàng. Có thể nào ông ta đang nghĩ đến một điều gì kinh khủng, kiểu như chính tôi là kẻ giết Zarif Kính mến xấu số không?

"Những kẻ muốn Đức vua bị truất phế và hoàng tử lên ngôi đang ra sức truyền bá chuyện đồn đại ngấm ngấm rằng Ngài bí mật tài trợ cuốn sách này," tôi nói.

"Bao nhiêu người thực sự tin điều đó?" Ông ta hỏi một cách mệt mỏi.

"Mọi giáo sĩ có tham vọng từng được đặc ân nào đó và do đó trở nên kiêu căng sẽ thuyết giảng rằng đạo giáo của chúng ta đang bị gạt bỏ và coi thường. Đây là cách chắc chắn nhất để bảo đảm miếng ăn cho họ."

Phải chăng ông ta cho rằng tôi đến chỉ để thông báo về một tin đồn?

"Zarif Kính mến tội nghiệp, cầu Chúa phù hộ anh ta", tôi nói, giọng run run. "Người ta cho rằng chúng ta giết anh ấy vì anh ấy đã thấy trọn vẹn bức tranh cuối cùng và tin chắc rằng nó nhục mạ tín ngưỡng của chúng ta. Một người trưởng nhóm mà tôi biết tại xưởng vẽ hoàng cung đã nói với tôi như thế. Ông biết những thợ học việc từ lớn tới nhỏ là như thế nào rồi mà, ai cũng thích ngồi lê đôi mách."

Vẫn theo hướng lập luận này và càng lúc càng say sưa, tôi nói tiếp một hồi lâu. Tôi không biết có bao nhiêu phần trong những điều tôi nói là do tôi nghe được, bao nhiêu phần là do tôi bịa đặt vì sợ hãi sau khi đã thanh toán tên vu khống xấu xa đó, hoặc bao nhiêu phần là do tôi ứng tác tại chỗ. Sau khi dành phần lớn cuộc nói chuyện để nịnh hót, tôi đoán rằng Enishte Kính mến sẽ cho tôi xem bức minh họa tởm đời đó và giải thoát tôi khỏi mọi ưu tư. Tại sao ông không nhận ra đây là cách duy nhất tôi có thể vượt qua những sợ hãi về việc bị vướng vào tội lỗi?

Với ý đồ khiến ông ta giật mình, tôi hỏi một cách thách thức, "Người ta có thể nào làm nghệ thuật mang tính bán bỏ mà không ý thức về điều đó không?"

Thay vì trả lời, ông phác một cử chỉ nhẹ nhàng và tinh tế - như thể cảnh báo tôi rằng có một đứa trẻ đang ngủ trong phòng và tôi cần bật. "Trời tối lắm rồi," ông nói, hầu như thì thào, "để ta đốt nến lên."

Sau khi dùng than trong lò sưởi đốt nến lên, tôi nhận thấy trên khuôn mặt ông nét tự hào, một vẻ tự hào tôi chưa từng thấy, và điều này làm tôi vô cùng bức tức. Hay đó là vẻ thương hại? Hay ông ta đã hình dung ra mọi chuyện? Ông ta nghĩ tôi là loại sát nhân đê tiện hay ông ta sợ tôi? Tôi nhớ lại những ý nghĩ của mình đã bất ngờ vượt khỏi tầm kiểm soát như thế nào và

tôi đã lắng nghe một cách ngốc nghếch những gì mình đang nghĩ cứ như một ai khác đang nghĩ ra sao. Chẳng hạn tấm thảm dưới chân tôi: Có một họa tiết giống hình chó sói ở một góc, nhưng tại sao trước đó tôi không nhận thấy nó?

"Tình yêu mà tất cả các đại hãn, vương hầu và vua chúa dành cho những bức tranh, minh họa và những cuốn sách đẹp có thể được chia làm ba mùa," Enishte Kính mền nói. "Ban đầu họ táo bạo, hăm hở và tò mò. Những người thống trị thích những bức tranh vì ngưỡng mộ, để ảnh hưởng đến cách người ta nhìn ngắm chúng.. Trong thời kỳ này, họ giáo dục chính họ. Trong thời kỳ thứ hai, họ đặt làm những cuốn sách để thỏa mãn óc thẩm mỹ của mình. Bởi vì họ đã thành thực học được cách thưởng thức tranh, họ tích lũy thanh thế đồng thời tích lũy sách vở, mà sách vở thì sau khi họ chết đi, sẽ bảo đảm sự tồn tại cho tên tuổi của họ trong thế giới này. Tuy nhiên vào mùa thu trong cuộc đời một vị vua, ông ta không còn quan tâm đến việc duy trì trạng thái bất tử trần thế của mình nữa. Khi nói "trạng thái bất tử trần thế" là ta muốn nói đến khao khát được những thế hệ tương lai, cháu chắt của chúng ta, nhớ đến. Những người thống trị ngưỡng mộ các nhà tiểu họa và sách vở đã đạt được sự bất tử thông qua những bản thảo mà họ đặt chúng ta làm - trong những trang bản thảo đó họ nhét tên của họ và nhiều lúc cả chuyện đời của họ vào. Sau đó, từng người trong số họ đi đến kết luận rằng hội họa là một rào cản ngăn không cho họ có được một chỗ ở thế giới bên kia, điều mà dĩ nhiên tất cả họ đều khao khát. Đây là điều khiến ta lo lắng và sợ hãi nhất. Ngài Tahmasp vốn là nhà tiểu họa bậc thầy và dành cả tuổi trẻ trong họa xưởng, đã đóng cửa khu xưởng lộng lẫy của ông khi cái chết đến gần, đã đuổi những họa sĩ đầy thần hứng của ông khỏi Tabriz, tiêu hủy những pho sách ông đã làm ra và chịu đựng những cơn hồi tiếc bất tận. Tại sao tất cả bọn họ lại tin rằng hội họa sẽ ngăn không cho họ vào cánh cổng Thiên đàng?"

"Ông biết rõ tại sao mà! Bởi vì họ nhớ lại lời cảnh báo của đấng Tiên tri rằng vào Ngày phán xét, Allah sẽ trừng phạt giới họa sĩ nghiêm khắc nhất."

"Không phải các họa sĩ," Enishte Kính mền chỉnh lại. "Mà những ai làm

ra ngẫu tượng. Và điều này không phải từ kinh Koran mà từ Bukhari." 1 Vào Ngày phán xét, những kẻ làm ra ngẫu tượng sẽ bị yêu cầu đem lại sự sống cho những hình tượng mà họ đã tạo ra," tôi dè dặt nói. "Vì họ không thể nào làm được điều đó nên tất cả sẽ phải chịu những hành hạ của Hỏa ngục. Đừng quên rằng trong kinh Koran Vinh quang, "tạo hóa" là một trong những thuộc tính của Allah. Chính Allah người sáng thế, người biến cái không có thành có, người ban cuộc sống cho vật vô tri. Không ai được phép sánh với Người. Tội lớn nhất trong các tội lỗi là do những họa sĩ phạm phải, những kẻ dám làm những gì Người làm, những kẻ tự cho rằng mình cũng sáng tạo như Người."

Tôi tuyên bố một cách chắc nịch, như thể chính tôi cũng đang kết tội ông ta. Ông nhìn đắm đắm vào mắt tôi.

"Anh nghĩ đây là điều chúng ta đang làm hả?"

"Không bao giờ," tôi cười và nói. "Tuy nhiên đây là những gì Zarif Kính mến, cầu cho anh ta được bình yên, bắt đầu thừa nhận khi anh ta thấy bức tranh cuối cùng. Anh ta nói rằng việc ông sử dụng khoa học về luật phối cảnh và những phương pháp của các bậc thầy Venice chẳng là gì ngoài sự cám dỗ của Satan. Trong bức tranh cuối cùng, ông được cho là đã vẽ khuôn mặt của một người trần bằng những kỹ thuật Tây vực, vì vậy người xem tranh có ấn tượng không phải về một bức tranh mà về thực tại; tới mức độ hình ảnh này có khả năng khiến con người cúi đầu trước nó, như cúi đầu trước những tượng thánh trong nhà thờ Tây vực. Theo anh tại đây là tác phẩm của Quỷ sứ, không chỉ vì nghệ thuật phối cảnh đưa bức tranh rời xa cách nhìn thế gian của Thượng đế và đưa nó xuống tầm nhìn của một con chó hoang, mà còn vì việc ông dựa vào những phương pháp của bọn Venice cũng như trộn lẫn những truyền thống lâu đời của chúng ta với truyền thống của bọn ngoại giáo sẽ tước mất sự thuần khiết của chúng ta và đẩy chúng ta xuống hàng nô lệ của họ."

"Chẳng có gì là thuần khiết cả".Enishte Kính mến nói. "Trong lãnh vực nghệ thuật làm sách, bất cứ khi nào một kiệt tác được làm ra, bất cứ khi nào

một bức tranh tráng lệ làm ta chảy nước mắt vì vui sướng và khiến ta ớn lạnh cả sống lưng, ta có thể chắc chắn điều sau đây: Hai phong cách từ trước đến nay chưa bao giờ được kết hợp với nhau đã đi cùng nhau để tạo ra một cái gì mới mẻ và diệu kỳ. Nhờ có cuộc hội ngộ giữa sự nhạy cảm trong minh họa kiểu Ả Rập và nền hội họa Trung Hoa - Mông Cổ, chúng ta mới có Bihzad và sự huy hoàng của nền hội họa Ba Tư. Những bức tranh đẹp nhất của Ngài Tahmasp kết hợp phong cách Ba Tư với những vẻ tinh tế của người Thổ Nhĩ Kỳ. Ngày nay, nếu người ta không thể ca ngợi đúng mức những xưởng làm sách nghệ thuật của Akbar Khan ở Hindustan, đó là bởi ông ta đã cố thuyết phục những nhà tiểu họa của ông ta chấp nhận phong cách của những bậc thầy Tây vực. Cả phương Đông lẫn phương Tây đều thuộc về Thượng đế. Có lẽ Người bảo vệ chúng ta tránh khỏi ý muốn về sự tinh túy và không pha trộn.

Dù nét mặt ông có vẻ bừng sáng và dịu dàng dưới ánh nến, nhưng bóng của ông hắt trên tường vẫn tối đen và đầy đe dọa. Dù nhận thấy những gì ông nói hết sức hợp lý và có cơ sở, nhưng tôi không tin ông. Tôi cho rằng ông ta nghi ngờ tôi, và vì thế tôi càng lúc càng ngờ vực ông; tôi có cảm giác rằng nhiều lúc ông lắng nghe công sân bên dưới, rằng ông đang hy vọng ai đó sẽ giải thoát ông khỏi sự có mặt của tôi.

"Chính anh đã nói với tôi chuyện Sheikh Muhammad bậc thầy của Isfahan đã đốt cháy thư viện lớn chứa những bức tranh mà ông chối bỏ và đã tự thiêu trong cơn thống hối," ông ta nói." Bây giờ hãy để ta kể cho anh một câu chuyện liên quan đến truyền thuyết đó mà anh chưa biết. Quả thực là ông ta đã dành ba mươi năm cuối đời để săn tìm tác phẩm của chính mình. Tuy nhiên, trong những cuốn sách ông đọc, ông ngày càng phát hiện ra những sự bất chước lấy cảm hứng từ ông thay vì tác phẩm sáng tạo của ông. Trong những năm cuối đời, ông dần nhận ra rằng có hai thế hệ nghệ sĩ đã chọn dạng tranh minh họa mà ông từ bỏ làm mẫu mực, rằng họ đã khắc sâu những bức tranh của ông vào tâm trí họ - hay nói chính xác hơn, đã làm cho chúng trở thành một phần trong tâm hồn họ. Khi Sheikh Muhammad nỗ lực tìm kiếm những bức tranh của mình và tiêu hủy chúng, ông phát hiện ra rằng những nhà tiểu họa trẻ, với lòng sùng kính, đã sao chép lại chúng trong vô số

pho sách, đã dựa vào chúng khi minh họa những câu chuyện khác, đã làm cho chúng được mọi người nhớ đến và đã truyền bá chúng khắp thế giới. Qua bao năm dài, khi chúng ta nhìn hết cuốn sách này đến cuốn sách khác, hết bức minh họa này đến bức minh họa khác, chúng ta dần biết được điều sau đây: Một họa sĩ vĩ đại không bao giờ bằng lòng với việc gây ấn tượng cho chúng ta bằng những kiệt tác của mình; rốt cuộc thì, anh ta thành công trong việc thay đổi khung cảnh trong tâm trí chúng ta. Một khi nghệ thuật của nhà tiểu họa đi vào tâm hồn chúng ta theo cách này, nó trở thành tiêu chuẩn cho cái đẹp của thế giới chúng ta. Vào cuối đời, khi bậc thầy của Isfahan đột công trình nghệ thuật của mình, ông không chỉ chứng kiến cái thực tế rằng công trình của ông, cho dù đã biến mất, đã thực sự sinh sôi nảy nở và gia tăng; ông hiểu rằng mọi người hiện nay nhìn thế giới theo cách ông đã nhìn nó. Những thứ không giống như những bức tranh ông làm thời trẻ giờ được coi là xấu xí."

Không thể kiềm chế nỗi kinh sợ đang dậy lên trong tôi và không kiểm soát được nỗi khao khát muốn làm hài lòng Enishte Kính mến, tôi sụp xuống trước gối ông. Khi hôn tay ông, mắt tôi đầy lệ và tôi cảm thấy mình đã dọn cho ông một chỗ trong tâm hồn, nơi vốn luôn được dành cho Su phụ Osman.

"Một nhà tiểu họa", Enishte Kính mến nói với giọng của một người tự mãn, "tạo ra nghệ thuật của mình bằng việc quan tâm đến lương tâm mình và bằng cách vâng theo những nguyên lý mà anh ta tin tưởng, không sợ bất cứ điều gì. Anh ta không quan tâm đến chuyện kẻ thù anh ta, những kẻ cuồng tín và ghen tỵ với anh ta nói gì." Nhưng tôi chợt nhận ra rằng Enishte Kính mến thậm chí không phải là nhà tiểu họa khi tôi hôn bàn tay trở đời mồi và nhăn nheo của ông ta qua nước mắt. Tôi bối rối trước ý nghĩ của mình. Như thể một người khác đã nhét ý niệm trơ trẽn, quỷ quái này vào đầu tôi. Tuy thế các vị cũng biết tuyên bố này chân thực đến cỡ nào.

"Ta không sợ họ", Enishte nói. "vì ta không sợ chết."

"Họ" là ai? Tôi gật đầu như thể tôi hiểu. Nhưng cảm giác khó chịu bắt đầu lớn dần trong tôi. Tôi nhận thấy rằng pho cổ thư hiện nằm bên cạnh

Enishte là cuốn Kitab al-Ruh của El-Jevziyye.

Tất cả những người già cả lú lẫn đang đi tìm cái chết đều yêu quý cuốn sách kể về những cuộc phiêu lưu dành cho linh hồn này. Vì tôi đã có mặt ở nơi này lúc gần đây, nên tôi thấy món mới mẻ duy nhất giữa những đồ vật đựng trong các khay, nằm trên rương, giữa những hộp viết, dao chuốc bút, bàn cắt ngòi bút, những lọ mực và cọ: đó là một lọ mực bằng đồng.

"Chúng ta hãy xác định, lần cuối cùng, rằng chúng ta không sợ họ," tôi nói đầy tự tin. "Hãy lấy bức minh họa cuối cùng đó ra. Hãy cho họ xem nó."

"Nhưng điều này sẽ không chứng minh rằng chúng ta quan tâm đến lời vu khống của họ, ít nhất là đến mức coi trọng nó, phải không? Chúng ta chẳng làm điều gì để phải sợ cả. Cái gì có thể biện minh cho nỗi sợ hãi đến thế của anh?" Ông ta vò đầu tôi như một người cha. Tôi sợ rằng mình sẽ òa lên khóc lần nữa; tôi ôm ông ta.

"Tôi biết tại sao tay thợ mạ vàng Zarif Kính mền bất hạnh đó bị giết," tôi nói đầy kích động. "Qua việc vu khống ông, cuốn sách của ông và chúng ta, Zarif Kính mền đã lên kế hoạch cho môn đồ của Nusret Hoja xứ Erzurum nhắm vào chúng ta. Anh ta tin chắc rằng chúng ta đã rơi vào vòng không chế của Quỷ sứ. Anh ta bắt đầu tung những tin đồn như thể cô xúi giục những nhà tiểu họa khác đang làm cho cuốn sách này nổi lên chống lại ông. Tôi không biết tại sao đột nhiên anh ta làm vậy. Có lẽ vì ghen tỵ, có lẽ anh ta bị Satan xúi khiến. Và những nhà tiểu họa khác cũng nghe chuyện Zarif Kính mền nhất quyết tiêu diệt tất cả chúng ta như thế nào. Ông có thể hình dung từng người trong bọn họ càng lúc càng sợ hãi và ngã theo những nghi ngờ như thế nào, chính tôi đây cũng vậy. Bởi vì một người trong số họ, vào lúc nửa đêm, đã bị Zarif Kính mền dòn vào chân tường - xúi giục anh ta chống lại ông, chúng ta, cuốn sách của ông, cũng như chống lại việc minh họa, vẽ tranh và tất cả những thứ khác mà chúng ta tin tưởng - người nghệ sĩ đó đã hoảng sợ, giết tên vô lại đó và ném xác hấn xuống giếng."

"Tên vô lại?"

" Zarif Kính mền là một kẻ phản bội hèn hạ, xấu xa. Tên đầu cẳng", tôi la to như thể anh ta đang đứng trước mặt tôi trong phòng này vậy.

Im lặng. Ông ta sợ tôi chẳng? Tôi sợ chính mình. Nó như thể tôi đã khuất phục trước ý chí và ý nghĩ của ai khác vậy; những điều này không hẳn là kém thú vị.

"Nhà tiểu họa hoảng sợ giống anh và họa sư xứ Isfahan này là ai vậy? Ai đã giết anh ta?"

"Tôi không biết," tôi đáp.

Nhưng tôi muốn ông ta suy luận được qua vẻ mặt của tôi rằng tôi nói dối. Tôi nhận ra rằng mình đã phạm một sai lầm nghiêm trọng khi đến đây, nhưng tôi không đi đến chỗ đầu hàng cảm giác phạm tội và hối tiếc. Tôi có thể thấy rằng Enishte Kính mền càng lúc càng nghi ngờ tôi, điều này khiến tôi vui và vững vàng hơn. Nếu ông ta tin chắc rằng tôi là kẻ giết người và nhận thức này khiến ông kinh hoàng, vậy thì ông ta sẽ không dám từ chối cho tôi xem bức tranh cuối cùng. Tôi quá tò mò về bức tranh đó không phải vì tôi đã phạm tội vì nó, mà thật lòng tôi muốn xem nó ra thế nào.

"Việc ai giết tên dê tiện đó quan trọng lắm sao?" tôi nói. "Chẳng phải bất cứ ai giải thoát chúng ta khỏi tay hắn thì cũng đã làm một việc tốt sao?"

Tôi can đảm lên khi thấy ông ta không còn nhìn thẳng vào mắt tôi nữa. Nhưng con người hào hiệp, những người nghĩ họ tốt hơn và đạo đức hơn người khác, không thể nhìn thẳng vào mắt ta khi họ bị ta làm cho lúng túng, có lẽ bởi vì họ đang suy tính việc tổ giặc ta và bỏ mặc ta bị tra tấn, hành hình.

Bên ngoài, ngay trước cổng sân, lũ chó bắt đầu tru lên dữ dội.

"Tuyệt lại rơi." tôi nói. "Mọi người đi đâu hết vào giờ khuya khoắt này nhỉ? Sao họ để ông một mình ở đây? Thậm chí họ không đốt một ngọn nến cho ông nữa."

"Thật hết sức kỳ cục," ông nói. "Ta cũng chẳng hiểu nữa." Ông quá chân thật đến độ tôi tin ông hoàn toàn, và dù nhạo báng ông ta như những nhà tiểu họa khác đã làm, tôi một lần nữa biết rằng mình thật sự rất yêu quý ông. Nhưng làm thế nào ông ta cảm nhận được rất nhanh lòng tôn trọng và yêu quý bất ngờ và dữ dội của tôi, để ông phản ứng bằng cách xoa đầu tôi với tình cảm của một người cha như vậy? Tôi bắt đầu thấy rằng phong cách hội họa của Thầy Osman, và di sản của những sư phụ lão thành ở Herat, không hề có tương lai gì cả. Và ý tưởng tồi tệ này một lần nữa khiến tôi hoảng sợ. Sau một bi kịch nào đó, tất cả chúng ta đều cảm thấy như vậy: Trong niềm hy vọng mong manh cuối cùng, và không cần biết chúng ta có vẻ khôi hài và ngu ngốc đến mức nào, chúng ta luôn cầu xin cho mọi chuyện cứ tiếp tục như xưa nay.

"Chúng ta hãy tiếp tục minh họa pho sách của mình," tôi nói. "Hãy để mọi thứ tiếp diễn như vẫn thế từ trước đến nay."

"Có một tên giết người trong đám tiểu họa. Ta vẫn tiếp tục công việc của ta với Siyah Kính mến."

Có phải ông ta đang kích động tôi giết anh ta?

"Siyah bây giờ ở đâu?" tôi hỏi. "Con gái ông với bọn trẻ đâu cả rồi?"

Tôi có cảm giác một sức mạnh nào đó đã đặt những lời này vào miệng tôi, nhưng tôi không kiểm chế được mình. Không còn đường nào cho tôi hạnh phúc và hy vọng. Tôi chỉ có thể thông minh và chăm chọc. Đằng sau hai vị thần luôn có tính giải khuây này - thông minh và chăm chọc - tôi cảm thấy có sự hiện diện của Quỷ sứ, kẻ điều khiển họ và khuấy phục tôi. Đồng thời, lũ chó đáng ghét bên ngoài cổng bắt đầu tru điên cuồng cứ như chúng đánh hơi thấy mùi máu.

Phải chăng tôi đã sống đúng giây phút này từ rất lâu rồi? Trong một thành phố xa xôi, tại một thời điểm mà bây giờ với tôi có vẻ đã lâu lắm rồi, khi một cơn mưa tuyết đang rơi mà tôi không thấy được bên ánh nến, tôi đang cố giải thích qua nước mắt rằng tôi hoàn toàn vô tội với một lão già lắm

cầm cái kính, kẻ đã buộc tội tôi ăn cắp thuốc màu. Hồi đó, giống như bây giờ, chó cũng bắt đầu tru như thể chúng ngửi được mùi máu. Và tôi hiểu qua chiếc cầm to của Enishte Kính mển, phù hợp với một lão già độc ác, và qua đôi mắt ông ta, vốn sau cùng đã soi mói không thương xót vào mắt tôi, rằng ông ta có ý định khuất phục tôi. Tôi nhớ lại ký ức tả tôi này từ khi tôi là chú thợ học việc tiêu họa lên mười tuổi giống như một bức tranh mà những đường nét thì còn rõ nhưng màu sắc đã nhạt nhòa. Như thể tôi đang sống thời hiện tại cứ như đó là một ký ức có thực nhưng đã mờ nhạt.

Vì vậy khi tôi nhồm dậy đi vòng phía sau Enishte Kính mển, cầm lên chiếc bình mực bằng đồng nặng, to, mới mẻ đó giữa đồng bình mực bằng pha lê, sứ và thủy tinh trên bàn làm việc của ông ta, nhà tiêu họa chăm chỉ trong tôi - mà Thầy Osman đã làm cho thâm nhuận trong tất cả chúng tôi - đang minh họa những gì tôi đã làm và những gì tôi đã thấy bằng màu sắc rõ ràng nhưng đã mờ nhạt, không như cái gì đó tôi đang trải nghiệm lúc này mà cứ như nó là một ký ức xa xưa. Các vị biết trong giấc mơ, chúng ta rùng mình thế nào khi thấy chính mình như nhìn từ bên ngoài, thì cũng với cảm giác như vậy, cầm bình mực bằng đồng lớn nhưng có miệng nhỏ, tôi nói:

"Hồi tôi còn là đứa học việc lên mười, tôi cũng thấy một cái bình mực như vậy."

"Đó là bình mực Mông Cổ ba trăm năm tuổi," Enishte Kính mển nói. "Siyah mang nó từ mãi tận Tabriz về đây. Nó dùng để đựng mực đỏ."

Vào đúng lúc đó, dĩ nhiên chính Quỷ sứ thúc giục tôi dùng hết sức bình sinh giáng bình mực này vào cái đầu sai lầm của lão già tự phụ này. Nhưng tôi không đầu hàng Quỷ sứ, và với niềm hy vọng hảo huyền, tôi nói, "Chính tôi, tôi là kẻ đã giết Zarif Kính mển."

Các vị hiểu tại sao tôi nói điều này một cách đầy hy vọng, đúng không? Tôi tin rằng Enishte sẽ hiểu, và do đó tha thứ cho tôi - rằng ông ta sẽ sợ và giúp tôi.

1 Bukhari: Bukhari. Còn gọi là Al-Bukhari hoặc Imam Bukhari (810-870), một học giả Hồi giáo phái Sunni người Ả Rập, được coi là tác giả bộ sách giai thoại có tên là Sahih Bukhari (Sahih tiếng Ả Rập nghĩa là chân thực), được phái Sunni coi là chân thực nhất sau kinh Koran.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 29: Tôi Là Dương Yêu Quý Của Cháu

Một sự im lặng bao trùm căn phòng khi anh ta thú nhận mình đã giết Zarif Kính mên. Tôi cho rằng anh ta cũng sẽ giết tôi. Tim tôi đập liên hồi. Anh ta đến đây để giết tôi hay để thú nhận và làm tôi sợ hãi? Liệu anh ta có biết mình muốn gì không? Tôi thấy sợ, nhận ra rằng tôi hoàn toàn không hiểu được thế giới nội tâm của người nghệ sĩ tài hoa mà những dòng chữ tuyệt đẹp và cách sử dụng màu sắc đầy ma lực đã quen thuộc với tôi trong nhiều năm này. Tôi cảm nhận được anh ta đang đứng sau lưng tôi, ngay sát gáy tôi, người cứng đờ, tay nắm chặt cái bình mực đỏ to kia, nhưng tôi không quay lại đối mặt với anh ta. Tôi biết sự im lặng của tôi sẽ làm anh ta lo lắng. "Lũ chó cũng không chịu im mồm nữa," tôi nói.

M

Chúng tôi lại im lặng. Lần này tôi biết rằng cái chết của tôi, hoặc việc tôi ít nhiều tránh được bất hạnh này, sẽ tùy thuộc vào điều tôi nói với anh ta. Ngoài công việc của anh ta, tôi chỉ biết rằng anh ta rất thông minh, và nếu công nhận rằng một nhà minh họa không nên để lộ tâm hồn mình trong tác phẩm, thì sự thông minh, dĩ nhiên, là một vốn quý. Sao anh ta lại dồn tôi vào chân tường tại nhà khi không có ai khác ở đây? Đầu óc già nua của tôi bị ám ảnh một cách giận dữ với câu hỏi này, nhưng tôi quá bối rối đến độ không thể tự cứu mình thoát khỏi trò này. Shekure đâu rồi?

"Ông đã biết đó là tôi, đúng không?" anh ta hỏi.

Tôi hoàn toàn không biết gì cả, cho đến khi anh ta nói với tôi. Trong thâm tâm thậm chí tôi đang tự hỏi phải chăng anh ta không giết được Zarif Kính mên và rằng tay tiểu họa quá cố có thể thực sự đã không chịu nổi những lo lắng của anh ta và gây rắc rối cho những người còn lại chúng tôi.

Tôi còn hơi biết ơn tên giết người mà tôi đang một mình đối diện trong ngôi nhà vắng vẻ này nữa.

"Ta không ngạc nhiên việc anh giết anh ta," tôi nói. "Những người như chúng ta vốn sống với những cuốn sách và luôn luôn mơ về những tranh sách của họ, chỉ sợ một điều duy nhất trên đời này. Hơn nữa chúng ta đang đấu tranh với một điều còn nguy hiểm và bị cấm đoán hơn, nghĩa là, chúng ta đang đấu tranh để làm những bức tranh trong một thành phố Hồi giáo. Cũng như Sheikh Muhammad xứ Isfahan, những nhà tiểu họa chúng ta thường cảm thấy có lỗi và hối tiếc, thoát tiên chúng ta tự trách mình trước khi người khác khiển trách, xấu hổ và cầu xin Thượng đế cùng cộng đồng thú tội. Chúng ta làm sách trong vòng bí mật giống như bọn tội phạm đáng xấu hổ. Ta biết quá rõ rằng việc khuất phục trước những lời công kích bất tận của các hoja, nhà thuyết giáo, quan tòa và những tu sĩ phái thần bí vốn buộc chúng ta tội báng bổ, rằng cảm giác tội lỗi khôn nguôi vừa bóp chết vừa nuôi dưỡng trí tưởng tượng của người họa sĩ như thế nào mà."

"Ông không trách cứ tôi vì đã giết tay tiểu họa ngu ngốc đó, đúng không?"

"Những gì thu hút chúng ta vào việc sáng tác, minh họa và vẽ tranh gắn liền với nỗi sợ bị báo thù này. Không phải chỉ vì tiền và đặc ân mà chúng ta bỏ lê trước tác phẩm của chúng ta từ sáng đến tối, tiếp tục bên ánh nến thâu đêm cho đến khi bị mù và hy sinh bản thân cho những bức tranh và sách, ấy còn là để thoát khỏi chuyện tầm phào của kẻ khác, để thoát khỏi đám đông, nhưng ngược với đám mê sáng tạo này, chúng ta cũng muốn những người mà chúng ta từ bỏ thấy được và đánh giá cao những bức tranh đầy cảm hứng mà chúng ta tạo ra - và liệu họ có cần phải gọi chúng ta là những kẻ tội lỗi không? Ôi, đau đớn thay cho nhà minh họa tài năng thực sự! Nhưng hội họa đích thực thì ẩn trong nỗi đau khổ mà không ai thấy và không ai tạo ra. Nó nằm trong bức tranh, mà thoát nhìn lần đầu họ sẽ cho là xấu, khiếm khuyết, bất kính hay dị giáo. Một họa sĩ đích thực biết anh ta phải đạt đến chỗ đó, nhưng đồng thời anh ta lại sợ sự cô độc vốn đang chờ đợi anh ta ở đó. Ai sẽ tán thành một kiếp sống căng thẳng, đầy đe dọa như thế? Bằng việc tự trách

mình trước khi bị người khác trách, người nghệ sĩ tin anh ta sẽ thoát khỏi những gì anh ta đã sợ hãi trong nhiều năm. Những người khác chỉ lắng nghe và tin anh ta khi anh ta thừa nhận tội lỗi của mình, mà rồi vì nó anh ta sẽ bị kết án hỏa thiêu trong Địa ngục - chính nhà minh họa xứ Isfahan đã châm ngọn lửa hỏa ngục đó."

"Nhưng ông không phải là một nhà tiểu họa," anh ta nói. "Tôi không giết anh ta vì sợ."

"Anh đã giết anh ta vì anh muốn vẽ như anh muốn, mà không sợ hãi."

Lần đầu tiên trong một thời gian dài, nhà tiểu họa, người khao khát trở thành kẻ giết tôi, nói một điều hết sức thông minh: "Tôi biết ông đang giải thích mọi chuyện này để làm tôi phân tâm, để đánh lừa tôi, để gỡ ông ra khỏi tình huống này," Và anh ta nói thêm: "nhưng điều ông vừa nói là sự thật. Tôi muốn ông hiểu và lắng nghe tôi."

Tôi nhìn vào mắt anh ta. Anh ta đã hoàn toàn quên nghi thức quen thuộc giữa chúng tôi khi anh ta nói: Anh ta đã bị ý tưởng của chính mình cuốn đi. Nhưng tới đâu?

"Đừng bao giờ sợ, tôi sẽ không xúc phạm đến danh dự của ông," anh ta nói. Anh ta bật cười cay đắng khi vòng ra đằng trước, đối diện tôi. "Ngay cả bây giờ," anh ta nói, "khi tôi đang làm chuyện này, thì tôi cũng không có vẻ là tôi nữa. Như thể có điều gì dẫn vật trong tôi ép tôi tuân theo ý đồ xấu xa của nó. Tuy nhiên tôi vẫn cần điều đó. Với việc vẽ tranh cũng vậy."

"Đó là chuyện kể của các bà già về Quỷ sứ."

"Vậy ông cho là tôi nói dối hả?"

Anh ta không có đủ can đảm để giết tôi, vì vậy anh ta muốn tôi chọc giận anh ta. "Không, anh không nói dối, nhưng anh cũng không thừa nhận điều anh cảm thấy."

"Tôi thừa nhận những gì tôi cảm thấy. Tôi chịu đựng những giày vò của

cái chết mà không chết. Vô tình chúng tôi ngập cổ trong tội lỗi vì ông, thế mà bây giờ ông đang thuyết giáo "hãy can đảm hơn". Ông chính là người biến tôi thành kẻ sát nhân. Bọn tay chân hung ác của Nusret Hoja sẽ giết tất cả chúng ta."

Càng mất tự tin, anh ta càng cao giọng và càng siết chặt bình mực trong tay hơn. Liệu có ai đi ngang qua trên con đường đầy tuyết này nghe được tiếng la của anh ta và bước vào nhà không?

"Anh đã giết anh ta như thế nào?" Tôi hỏi, để kéo dài thời gian hơn là vì tò mò. "Làm sao các anh tình cờ gặp nhau ngay miệng giếng đó?"

"Cái đêm Zarif Kính mên rời nhà ông, anh ta đến chỗ tôi," anh ta nói, với một khao khát thú nhận bất ngờ. "Anh ta nói anh ta đã thấy bức tranh tờ đôi cuối cùng đó, tôi cố hết sức thuyết phục anh ta đừng làm lớn chuyện. Tôi kéo anh ta đi tới khu bị hỏa hoạn tàn phá. Tôi bảo anh ta tôi có chôn tiền cạnh một cái giếng. Nghe tôi nói vậy, anh ta tin ngay... Còn có chứng cứ nào tốt hơn cho việc nhà mình họa chỉ bị lòng tham thúc đẩy nữa không? Đó cũng là một lý do khác khiến tôi không hề thấy hối tiếc. Anh ta là một nghệ sĩ tài năng nhưng tầm thường. Tên ngốc tham lam đó sẵn sàng lấy móng tay đào lớp đất cứng kia. Ông biết đó, nếu tôi thực sự có chôn vàng cạnh cái giếng thì tôi đã không giết anh ta. Phải, ông đã thuê một tên dê tiện khôn nạn làm việc mạ vàng cho ông. Kẻ quá cố đó khéo thì có khéo, nhưng việc chọn lựa màu sắc và cách ứng dụng của anh ta thì bình thường và những trang trí của anh ta thì thiếu cảm hứng. Tôi không để lại dấu vết... Vậy, cho tôi biết, cốt tủy của "phong cách" là gì? Ngày nay cả người Trung Hoa lẫn Tây vực đều nói về tính cách trong tài năng của một người họa sĩ, thứ mà họ gọi là "phong cách". Phong cách có phân biệt được một nghệ sĩ tài hoa với những người khác hay không?"

"Đừng sợ," tôi nói, "phong cách mới không xuất phát từ ước muốn riêng của nhà tiểu họa. Một ông hoàng qua đời, một vương hầu thua trận, một thời đại có vẻ trường tồn muôn thuở lại chấm dứt, một họa xưởng bị đóng cửa và các thành viên của nó giải tán, tìm kiếm mái ấm khác và những người yêu

quý sách khác để làm người bảo trợ cho họ. Một ngày nào đó, một vị vua giàu lòng trắc ẩn sẽ tập hợp những kẻ lưu lạc này, những nhà tiểu họa và thư pháp tha phương hoang mang nhưng đầy tài năng này trong lều hoặc lâu đài của ông và bắt đầu thành lập xưởng làm sách nghệ thuật của riêng ông. Thậm chí dù những nghệ sĩ này, vốn không quen biết nhau, ban đầu vẫn tiếp tục theo những phong cách vẽ tranh riêng của họ, thì qua thời gian, giống như trẻ con dần trở thành bạn bè qua việc đùa giỡn trên đường phố, họ sẽ cãi nhau, chơi lại với nhau, đánh nhau rồi lại dàn hòa. Sự ra đời của một phong cách mới là kết quả của những năm tháng bất đồng, đố kỵ, kinh địch và nghiên cứu về màu sắc và cách vẽ. Nói chung, thành viên tài hoa nhất của xưởng sẽ là cha đẻ của hình thức này. Cứ gọi anh ta là người may mắn nhất. Những nhà tiểu họa còn lại chỉ có nhiệm vụ hoàn thiện và trau chuốt phong cách này qua việc bắt chước không ngừng.

Không thể nhìn thẳng vào mắt tôi, anh ta đột nhiên có vẻ hòa nhã, và cầu xin lòng trắc ẩn cũng như sự trung thực của tôi, anh ta hỏi tôi, run rẩy như một trinh nữ:

"Tôi có phong cách riêng của tôi không?"

Tôi nghĩ mình sẽ khóc. Với tất cả sự dịu dàng, đồng cảm và ân cần mà tôi có thể tập trung, tôi vội vàng nói với anh ta điều tôi tin là chân lý:

"Anh là họa sĩ có thần hứng và tài năng nhất với phong cách mê hoặc và con mắt tinh tường đến từng chi tiết nhất mà ta từng gặp được trong suốt sáu mươi năm qua. Nếu anh đặt một bức tranh trước mặt ta, người đã từng thấy tác phẩm kết hợp của hàng ngàn nhà tiểu họa, ta vẫn có thể nhận ra ngay lập tức vẻ tráng lệ thiên phú từ ngòi bút của anh."

"Đồng ý, nhưng tôi biết ông không đủ thông minh để hiểu sự huyền bí trong tài năng của tôi", anh ta nói. "Lúc này ông đang nói dối, bởi vì ông sợ tôi. Hãy mô tả một lần nữa đặc điểm trong những phương pháp của tôi."

"Ngòi bút của anh có vẻ tự nó chọn ra đường nét đúng, cứ như không cần anh xen vào. Những gì ngòi bút anh vẽ không chân thật mà cũng không

phù phiếm! Khi anh vẽ chân dung một đám đông người, sự căng thẳng hiện ra từ cái nhìn giữa các nhân vật, việc sắp xếp bọn họ trên trang giấy và ý nghĩa của bài văn biến thành một tiếng thì thầm tao nhã muôn thuở. Ta xem đi xem lại các tranh của anh nhiều lần để nghe tiếng thì thầm đó, và mỗi lần ta lại mỉm cười nhận ra rằng ý nghĩa đó đã thay đổi, và ta biết nói thế nào đây, ta bắt đầu hiểu bức tranh lần nữa. Khi những tầng ý nghĩa này được kết hợp lại với nhau, một độ sâu thăm hiện lên thậm chí vượt hẳn luật phối cảnh của những bậc thầy châu Âu."

"Đẹp và hay. Hãy quên những bậc thầy châu Âu đi. Hãy khởi sự từ đầu."

"Anh có một đường nét cuốn hút và thực sự tuyệt vời đến độ người xem tranh tin vào những gì anh vẽ hơn là vào chính thực tế. Và bởi vì tài năng của anh có thể tạo ra một bức tranh buộc kẻ sùng đạo nhất phải từ bỏ niềm tin của mình, nên nó cũng có thể đưa một kẻ vô thần cứng đầu và ngoan cố nhất đi theo con đường của Allah."

"Đúng, nhưng tôi không chắc rốt cuộc nó lại là một lời tán dương. Nói lại đi."

"Không một nhà tiểu họa nào biết được độ đặc nhuyễn của thuốc màu và những bí mật của nó bằng anh. Anh luôn luôn chuẩn bị và sử dụng những màu thật nhất, rực rỡ nhất, tỏa sáng nhất."

"Phải, còn gì khác nữa?"

"Anh biết anh là họa sĩ vĩ đại nhất sau Bihzad và Mir Seyyid Ali."

"Phải, tôi biết rõ điều này. Nếu ông cũng biết vậy, sao ông làm cuốn sách này với tay Siyah Kính mền tâm thường đó?"

"Trước tiên, công việc anh ta làm không đòi hỏi kỹ năng của một nhà tiểu họa," tôi nói. "Sau nữa không như anh, anh ta không phải là kẻ sát nhân."

Anh ta cười một cách duyên dáng trước lời nói đùa của tôi. Thấy thế, tôi

nghĩ mình có thể thoát khỏi cơn ác mộng này nhờ một cách diễn đạt mới - thuật ngữ "phong cách" này. Khi tôi khơi mở đề tài, chúng tôi bắt đầu một cuộc thảo luận thú vị liên quan đến cái bình mực Mông Cổ bằng đồng anh ta đang cầm, không như cha với con trai, mà như hai ông già từng trải và tò mò. Trọng lượng của đồng, sự cân đối của cái bình mực, độ sâu của cổ bình, độ dài của những cây bút sậy thư pháp xưa và những điều huyền bí của mực đỏ, độ đậm nhuần của nó mà anh ta có thể cảm thấy trong khi vung vẩy nhẹ nhàng bình mực trước mặt tôi... Chúng tôi đồng ý rằng nếu người Mông Cổ không mang những bí mật về thuốc màu đỏ - điều mà họ học được từ những bậc thầy Trung Hoa - đến Khorasan, Bukhara và Herat, thì chúng tôi ở Istanbul đã hoàn toàn không thể làm ra những bức tranh này. Trong khi chúng tôi nói, độ đặc nhuần của thời gian, giống như độ đặc nhuần của thuốc màu, có vẻ thay đổi, chảy nhanh hơn. Trong tận cùng thâm tâm, tôi đang tự hỏi sao chưa có ai về đến nhà. Giá mà anh ta đặt cái vật thể nặng nề đó xuống.

Với sự thoải mái thường lệ quen thuộc của chúng tôi, anh ta hỏi, "Khi cuốn sách của ông hoàn tất, những ai thấy tác phẩm của tôi có đánh giá cao khả năng của tôi không?"

"Nếu, theo ý Thượng đế, chúng ta có thể hoàn tất cuốn sách này mà không bị gián đoạn gì, dĩ nhiên là Đức vua sẽ xem qua nó, kiểm tra trước xem chúng ta có sử dụng đủ hết những miếng vàng lá ở những chỗ thích hợp không. Sau đó, như đọc một bản mô tả về chính Ngài, như bất cứ vị vua nào khác sẽ làm, Ngài sẽ nhìn bức chân dung của Ngài, bị ấn tượng bởi hình ảnh đó giống hệt Ngài hơn là bởi những bức tranh minh họa lộng lẫy của chúng ta; sau đó, nếu Ngài dành thì giờ để xem xét cái phong cảnh mà chúng ta đã khó nhọc và tận tụy tạo ra bằng cái giá là thị lực của chính chúng ta thì càng hay. Anh, cũng như tôi, đều biết rằng trừ phi có phép màu, Ngài sẽ cất kỹ cuốn sách trong kho báu mà thậm chí không hỏi xem ai đã làm cái khung hay những bức minh họa dát vàng, ai vẽ người này hay con ngựa kia - và giống như mọi nghệ nhân tài hoa khác, chúng ta sẽ trở lại với việc vẽ tranh, luôn hy vọng rằng một ngày nào đó chúng ta sẽ được đền đáp xứng đáng."

Chúng tôi im lặng hồi lâu, như thể đang chờ đợi một điều gì đó.

"Khi nào ta mới được đền đáp như thế?", anh ta hỏi. "Khi nào những bức tranh chúng ta đã làm cho đến khi mắt không còn nhìn thấy nữa thực sự được đánh giá cao? Khi nào người ta sẽ cho tôi, cho chúng ta sự tôn trọng mà chúng ta đáng được hưởng?"

"Không bao giờ!"

"Sao lại thế?"

"Họ sẽ không bao giờ cho anh những gì anh muốn," tôi nói. "Trong tương lai, thậm chí anh còn ít được đánh giá cao hơn."

"Sách tồn tại qua nhiều thế kỷ mà," anh ta nói một cách tự hào nhưng không tự tin.

"Tin ta đi, không một bậc thầy Venice nào có được sự nhạy cảm nên thơ, niềm tin, sự mãn cảm của anh, sự thuần khiết và rực rỡ trong màu sắc của anh, nhưng tranh của họ hấp dẫn hơn bởi chúng giống cuộc sống thực hơn. Họ không vẽ thế giới này như được thấy từ ban công của một ngọn tháp mà bỏ qua những gì họ gọi là luật phối cảnh; họ vẽ những gì trông thấy được ở trên đường phố, hoặc từ bên trong căn phòng của một ông hoàng, ghi lại chiếc giường ngủ, tấm mền bông, bàn làm việc, gương soi của ông ta, con cọp, nàng con gái và những đồng tiền vàng của ông ta. Họ ghi nhận tất cả, như anh biết đó. Ta không tin vào mọi thứ họ làm. Việc cố mô phỏng thế giới một cách trực tiếp thông qua hội họa với ta có vẻ đáng hổ thẹn. Ta phần nộ về việc đó. Song, những bức tranh họ làm theo phương pháp mới đó có sức cám dỗ không thể chối bỏ. Họ vẽ những gì mắt ta thấy đúng như con mắt nhìn thấy nó. Thực sự thì họ vẽ những gì họ thấy, trong khi chúng ta vẽ những gì chúng ta nhìn. Ngắm tác phẩm của họ, người ta dần nhận ra rằng cách duy nhất để làm sống mãi một khuôn mặt là thông qua phong cách Tây vực. Và không chỉ dân Venice mới chấp nhận khái niệm này, mà mọi thợ may, đồ tể, binh lính, thầy tu và chủ tiệm tạp hóa trên mọi miền đất Tây vực đều như thế... Tất cả họ đều được vẽ chân dung theo cách này. Chỉ cần nhìn

vào những bức tranh đó là anh cũng sẽ muốn thấy chính mình theo cách đó, anh sẽ muốn tin rằng anh khác với mọi người, một con người cá biệt, đặc thù, độc nhất. Vẽ con người không như trí não ta mừng tượng họ mà như ta thực sự thấy họ bằng con mắt phàm trần, vẽ theo phương pháp mới này cho phép ta đạt được khả năng đó. Một ngày nào đó mọi người sẽ vẽ như họ. Khi đề cập đến "hội họa", cả thế giới sẽ nghĩ đến tác phẩm của họ! Ngay cả một thợ may ngốc nghếch nghèo khổ vốn chẳng hiểu gì về hội họa cũng sẽ muốn một bức chân dung như thế, để khi thấy đường cong độc đáo của mũi anh ta, anh ta có thể vững tin rằng anh ta không phải một tên ngốc bình thường, mà là một kẻ khác thường."

"Vậy hả? Chúng ta cũng có thể làm được chân dung kiểu đó", kẻ sát nhân hóm hỉnh châm biếm.

"Chúng ta không làm", tôi đáp. "Anh không học được từ nạn nhân của anh, Zarif Kính mến quá cố đó, rằng chúng ta sợ hãi đến thế nào khi bị cho là những kẻ bất chước bọn Tây vục sao? Ngay cả nếu chúng ta dám cả gan vẽ giống họ, thì cũng đi đến kết cục như vậy. Cuối cùng thì những phương pháp của chúng ta rồi cũng sẽ thất truyền, màu sắc của chúng ta sẽ phai nhạt. Không ai còn quan tâm đến sách và những bức tranh của chúng ta, và những ai có quan tâm sẽ hỏi với nụ cười khẩy, không chút hiểu biết gì, rằng tại sao không có luật phối cảnh - có khi họ còn không thể tìm ra bản thảo nào nữa không chừng. Sự thờ ơ, thời gian và tai họa sẽ hủy hoại nghệ thuật của chúng ta. Keo dán của người Ả Rập dùng để dán bìa sách có chứa cá, mật ong và xương, các trang thì được phết keo và đánh bóng bằng hợp chất làm từ lòng trắng trứng trộn với hồ. Lũ chuột tham lam và trơ tráo sẽ nhấm nhấm những trang này, lũ mối mọt và hàng ngàn thứ côn trùng khác sẽ gặm nhấm sạch những bản thảo của chúng ta. Bìa sẽ bung ra và các trang sẽ sút rời. Phụ nữ nhóm bếp lò, lũ trộm cắp, bọn đầy tớ thờ ơ và trẻ em sẽ thảo nhiên xé toạc các trang sách và hình vẽ. Các hoàng tử nhỏ tuổi sẽ dùng bút đồ chơi vẽ bậy lên những tranh minh họa. Chúng sẽ bôi đen mắt người, quẹt chiếc mũi thò lò của chúng lên trang giấy, dùng mực đen vẽ bậy lên lề. Và những chức sắc kiểm duyệt của giáo hội sẽ bôi đen những gì còn lại. Họ sẽ xé và cắt tranh của chúng ta, có thể dùng chúng để làm ra những bức tranh khác hoặc dùng

cho các trò chơi và trò tiêu khiển như thế. Trong khi những bà mẹ tiêu hủy những bức tranh mà họ cho là khiêu dâm, những ông bố và những ông anh lớn tuổi sẽ thủ dâm trên những bức tranh phụ nữ và các trang sẽ dính vào nhau, không chỉ vì chuyện này mà còn vì chúng bị dính bùn, nước, thứ hồ tòi, nước bọt và các thứ chất bẩn khác cùng thức ăn. Những đốm nấm và bụi sẽ nở rộ như hoa ở chỗ các trang bị dính vào nhau. Mưa, mái nhà dột, những trận lụt và bụi đất sẽ phá hủy sách của chúng ta. Dĩ nhiên, cùng với những trang rách tả tơi, phai màu không thể đọc được nữa, mà nước, hơi ẩm, bọt nhậy và sự thờ ơ sẽ biến chúng thành bột giấy, pho sách cuối cùng còn nguyên vẹn, như một phép màu, xuất hiện ở đáy một cái rương còn khô mà một ngày nào đó cũng sẽ biến mất, bị nuốt trong ngọn lửa tàn nhẫn. Có vùng nào ở Istanbul không bị cháy rụi ít nhất một lần trong hai mươi năm để chúng ta hy vọng một cuốn sách như thế sẽ tồn tại không? Trong thành phố này, nơi mà cứ ba năm một lần có nhiều sách và thư viện biến mất hơn sách và thư viện mà người Mông Cổ đã đốt và cướp bóc ở Baghdad, người họa sĩ nào có thể hình dung rằng kiệt tác của anh ta có thể tồn tại hơn một thế kỷ, hay một ngày nào đó người ta có thể thấy được những bức tranh của anh ta, và anh ta được sùng kính giống như Bihzad? Không chỉ có nghệ thuật riêng của chúng ta, mà mọi tác phẩm riêng lẻ trên thế giới qua năm tháng đều sẽ biến mất trong lửa, bị mối mọt gặm nhấm hoặc bị thất lạc bởi sự thờ ơ:

Shirin tự hào nhìn Husrev từ cửa sổ; Husrev nhìn Shirin tắm dưới ánh trăng; những đôi tình nhân nhìn nhau với sự duyên dáng và tinh tế; Rustem vật con quỷ trắng đến chết dưới đáy giếng; tâm trạng khổ não của chàng Mejnun thất tình kết bạn với một con cọp trắng và một con sơn dương trong sa mạc; một con chó chặn cừu phản phúc bị bắt và treo cổ vì đêm nào cũng nộ một con cừu trong đàn của nó cho con sói cái để được phủ con này; hoa, thiên thần, chồi lá và giọt nước mắt viền những tranh minh họa; những người chơi đàn luyt tô điểm cho những bài thơ thần bí của Hafiz; những hình trang trí trên tường đã hủy hoại đôi mắt của hàng ngàn, không, hàng chục ngàn thợ tiểu họa học việc; những tấm bảng mỏng treo trên cửa hoặc tường; những cặp thơ đối được viết kín đáo giữa những đường viền của tranh minh họa; những chữ ký khiêm tốn được giấu ở chân tường, trong góc, trong những phần trang trí mặt tiền nhà, dưới lòng bàn chân, bên dưới những bụi cây và giữa những

tảng đá; những chiếc chần thêu hoa đắp lên các cặp tình nhân; những chiếc đầu của bọn ngoại giáo bị cắt lìa kiên nhẫn chờ đợi ông nội quá cố của Đức vua khi ông ta diễu hành trong chiến thắng trên pháo đài của kẻ thù; đại bác, súng và lều mà ngay từ hồi trẻ anh đã góp công minh họa và xuất hiện ở hậu cảnh vẽ cảnh bọn sứ thần ngoại giáo hôn chân ông nội vĩ đại của Đức vua; bọn quý sứ, có sừng hay không sừng, có đuôi hay không đuôi, với răng nhọn và móng vuốt nhọn, hàng ngàn loài chim khác nhau kể cả chim đầu riu của Salomon, chim én nhảy nhót, chim cuu và chim họa mi đang hót; những con mèo bình thản và những con chó nhọn nhọn; những đám mây trôi nhanh; những lá cỏ nhỏ xíu duyên dáng được vẽ đi vẽ lại trong hàng ngàn bức tranh; những chiếc bóng vụng về vắt ngang những tảng đá và hàng chục ngàn cây bách, cây tiêu huyền và cây lựu mà lá của chúng được vẽ từng chiếc một với sự kiên nhẫn của Ayyub 1 những lâu đài - và hàng trăm ngàn viên gạch của nó - vốn rập theo những lâu đài từ thời Tamerlane hay Shah Tahmasp nhưng đi cùng những câu chuyện từ những thời đại trước đó rất lâu; hàng chục ngàn ông hoàng u sầu đang lắng nghe những phụ nữ đẹp và các cậu bé ngồi chơi nhạc trên những tấm thảm lông lầy trên cánh đồng hoa và dưới hàng cây trở bông; những bức tranh kỳ lạ trên góm và thậm chí có được sự hoàn hảo của chúng nhờ hàng ngàn thợ minh họa học việc từ Samarkand đến Istanbul bị đánh đến chảy nước mắt suốt một trăm năm mươi năm qua; những khu vườn siêu phàm và những con điều đen bay vút mà anh vẫn vẽ với nhiệt tình cũ của anh, những cảnh kinh hoàng về chết chóc và chiến tranh của anh, những vị vua hào hoa đang săn bắn của anh, và với chính sự khéo léo đó, những chú linh dương lồng lên bỏ chạy của anh, những vương hầu hấp hối của anh, những tù nhân chiến tranh của anh, những chiếc thuyền buồm của bọn ngoại giáo và những thành phố thù địch, những đêm tối đen loang loáng chập chờn như thể bóng đêm chảy ra từ ngòi bút, những vì sao, những cây bách giống như ma của anh, những bức tranh về tình yêu và cái chết nhuộm màu đỏ của anh, và tất cả những gì còn lại của anh, tất cả rồi sẽ biến mất..."

Giơ chiếc bình mực lên, anh ta dùng hết sức bình sinh giáng xuống đầu tôi.

Tôi ngã bổ về phía trước dưới sức mạnh của cú đánh. Tôi thấy đau dữ

đội đến độ thậm chí không bao giờ hy vọng có thể tả được. Cả thế giới bị cơn đau của tôi bao phủ và nhạt dần sang màu vàng. Phần lớn ý nghĩ của tôi cho rằng cuộc tấn công này là cố ý; nhưng, cùng với cú đánh - hoặc có lẽ vì nó - một phần do dự khác trong ý nghĩ của tôi, để bày tỏ thiện chí một cách đau buồn, lại muốn nói với tên điên vốn đang khao khát trở thành kẻ sát hại tôi: "Hãy thương ta, anh tấn công ta thì thật sai lầm."

Anh ta giờ bình mực lên lần nữa và giáng xuống đầu tôi.

Lần này, cả phần do dự trong đầu tôi cũng hiểu rằng đây không phải là một nhầm lẫn, mà là sự điên loạn và giận dữ có thể đưa tôi đến cái chết. Tôi quá khiếp hãi trước diễn biến của sự việc đến độ tôi bắt đầu cao giọng, rú lên với tất cả sức lực và đau đớn. Màu của tiếng rú này có thể là màu xanh đồng, và trong cõi đen ngòm của buổi tối trên những con đường vắng vẻ, không ai có thể nghe được màu sắc của nó; tôi biết tôi chỉ có một mình.

Anh ta giật mình bởi tiếng gào của tôi và do dự. Phút giây đó chúng tôi đối mặt nhau. Qua con gương của anh ta tôi có thể thấy rằng, bất chấp sự kinh hoàng và bối rối, anh ta sẵn sàng chấp nhận điều anh ta đang làm. Anh ta không còn là nhà tiểu họa tài hoa tôi từng biết, mà là một kẻ bệnh hoạn, hoàn toàn xa lạ không cùng ngôn ngữ với tôi, và cảm giác này kéo dài trạng thái cô lập nhất thời của tôi thành nhiều thế kỷ. Tôi muốn nắm tay anh ta, như để ôm lấy cả thế giới này; điều đó không ích lợi gì. Tôi van xin, hay nghĩ là tôi đã làm thế: "Con trai, con trai yêu quý, làm ơn đừng giết ta." Như thể trong cơn mơ, anh ta có vẻ không nghe thấy.

Anh ta lại giáng bình mực xuống đầu tôi lần nữa.

Những ý nghĩ của tôi, những gì tôi thấy, ký ức tôi, mắt tôi, tất cả hợp lại với nhau, trở thành nỗi sợ hãi. Tôi không thể thấy màu nào và nhận ra tất cả các màu đã trở thành màu đỏ. Điều tôi nghĩ là máu của tôi là mực đỏ, cái mà tôi cho là mực trên tay anh ta chính là máu tôi đang chảy. Tôi nhận thấy thật là bất công, độc ác và tàn nhẫn biết bao khi phải chết ngay lúc đó. Nhưng đó là kết luận mà đầu óc già nua và đẫm máu của tôi chậm chạp rút ra được. Rồi tôi thấy nó. Những hồi ức của tôi là màu trắng ảm đang giống như tuyết bên

ngoài. Tim tôi đau buốt khi nó đập mạnh như thể ngay trong miệng tôi.

Giờ tôi sẽ mô tả cái chết của tôi. Có lẽ các vị đã hiểu điều này từ lâu: Cái chết không phải là sự kết thúc, điều này là chắc chắn. Tuy nhiên, như nó được miêu tả đầy trong sách vở, cái chết là điều gì đau đớn ngoài khả năng thấu hiểu. Như thể không chỉ cái sọ và bộ óc bị đập bể của tôi mà tổng bộ phận của tôi, hợp nhất với nhau, đang cháy và quần quai vì đau đớn. Chịu đựng cơn đau vô hạn này thật quá khó đến độ một phần trong ý thức của tôi phản ứng lại - như thể đây là chọn lựa duy nhất của nó - bằng cách quên đi nỗi thống khổ này và tìm một giấc ngủ nhẹ nhàng.

Trước khi chết, tôi nhớ lại truyền thuyết Assyria mà tôi nghe khi còn thanh niên. Một ông già, sống một mình, rời khỏi giường lúc nửa đêm và uống một ly nước. Ông đặt ly lên đầu bàn và phát hiện ra cây nến ở đó đã biến đâu mất. Nó đi đâu? Một vệt ánh sáng mỏng manh phát ra từ bên trong. Ông theo ánh sáng đó, lần trở lại phòng ngủ của mình và phát hiện có ai đó đang cầm cây nến mà nằm trên giường ông. "Ông là ai?" ông ta hỏi. "Ta là Thần chết," người lạ đáp. Ông già choáng váng trước sự im lặng bí ẩn này. Rồi ông ta nói, "Vậy là ông đã đến." "Phải," Thần chết ngạo mạn đáp. "Không," ông già nói một cách dứt khoát, ông chỉ là giấc mơ dang dở của tôi." Ông già bất ngờ thổi tắt cây nến trên tay người lạ và mọi thứ biến mất trong bóng đêm. Ông già bước lên chiếc giường trống trơn của mình, ngủ và sống thêm hai mươi năm nữa. Tôi biết đây không phải là số phận của tôi. Anh ta nện bình mực xuống đầu tôi lần nữa.

Tôi đang trong trạng thái đau đớn cùng cực đến độ tôi chỉ có thể mơ hồ cảm nhận được sự va chạm này. Anh ta, bình mực và căn phòng được soi sáng một cách yếu ớt bằng ánh nến đã bắt đầu tàn lụi.

Nhưng, tôi vẫn còn sống. Nỗi khao khát của tôi muốn bám víu vào thế giới này, bỏ chạy và thoát khỏi anh ta, việc tôi vung hai bàn tay và cánh tay cố che lấy mặt và cái đầu đầy máu, cái cách tôi cắn cổ tay anh ta, chắc vậy, và bình mực đập vào mặt tôi, tất cả khiến tôi ý thức được mình còn sống.

Chúng tôi vật lộn một hồi, nếu có thể gọi vậy. Anh ta rất mạnh và hết

sức kích động. Anh ta vạt tôi nằm ngửa ra. Tì hai gôi lên vai tôi, anh ta đè chặt tôi sát đất, trong khi say sưa nói bằng giọng đầy khinh thường, hằn học với tôi, một ông già đang hấp hối. Có lẽ vì tôi không thể hiểu mà cũng không thể lắng nghe anh ta, có lẽ vì tôi không thích nhìn vào đôi mắt đỏ ngầu của anh ta, nên anh ta đánh vào đầu tôi một cái nữa. Khuôn mặt và thân thể anh ta trở nên đỏ chói do mực trong bình văng tung toé, mà tôi cho rằng do cả máu của tôi.

Đau buồn bởi điều cuối cùng tôi thấy trên cõi đời này lại là kẻ sẽ trở thành kẻ thù của tôi, tôi nhắm mắt lại. Ngay sau đó, tôi thấy một ánh sáng dịu nhẹ, ánh sáng này ngọt ngào và quyến rũ như giấc ngủ mà tôi nghĩ nó sẽ giải thoát ngay tức khắc mọi đau đớn của tôi. Tôi thấy một bóng dáng trong ánh sáng đó và như một đứa trẻ, tôi hỏi, "Ông là ai?"

"Chính ta đây, Azrael, Thiên sứ của Thần chết", ông ta nói. "Ta là kẻ kết thúc hành trình của con người ở thế gian này. Ta là người chia cách trẻ con khỏi mẹ, vợ khỏi chồng, những tình nhân khỏi vòng tay nhau và những người cha khỏi con gái họ. Không ai trên cõi đời này tránh gặp ta được."

Khi tôi hiểu rằng cái chết là không thể tránh khỏi, tôi khóc.

Nước mắt tôi khiến tôi khát ghê gớm. Một mặt là nỗi đau đến mù người vì khuôn mặt và đôi mắt tôi đẫm máu; mặt khác nó là nơi sự điên cuồng và tàn bạo chấm dứt, nhưng nơi đó thật lạ lẫm và kinh khủng. Tôi biết nó là cõi rực rỡ ấy. Xứ của Người chết, nơi Azrael vẫy gọi tôi đến, và tôi thấy sợ. Dù vậy, tôi biết mình không thể nán lại cái thế giới đang khiến tôi phải quằn quại và kêu gào vì đau đớn này thêm nữa. Trên vùng đất đầy đau khổ dần vật khủng khiếp này không có chỗ cho tôi tìm kiếm sự an ủi. Nếu ở lại, tôi phải chấp nhận sự đau đớn quá sức chịu đựng này và điều đó là không thể đối với tình cảnh già nua của tôi.

Ngay trước khi chết tôi thực sự khao khát được chết, và đồng thời tôi hiểu ra câu trả lời cho câu hỏi mà tôi đã dành cả đời suy ngẫm, câu trả lời tôi không thể tìm thấy trong sách vở: Làm thế nào mà mọi người, không trừ ai, đều chết được? Đó chính xác là do nỗi khao khát đơn giản được chết. Tôi

cũng hiểu rằng cái chết sẽ khiến tôi trở thành một kẻ khôn ngoan hơn.

Tuy nhiên lòng tôi vẫn đầy nỗi do dự của một người sắp bước vào một cuộc hành trình dài và không thể ngăn mình nhìn một lần cuối căn phòng của mình, tài sản của mình, ngôi nhà của mình. Trong nỗi hoảng loạn, tôi ước ao được thấy mặt con gái tôi lần cuối. Tôi mong muốn điều này đến độ tôi sẵn sàng nghiền chặt răng một hồi lâu nữa mà chịu đựng cơn đau cùng cơn khát ngày càng tăng, những mong Shekure trở về.

Vì vậy, ánh sáng dịu nhẹ và chết chóc trước mặt tôi nhạt đi ít nhiều, đầu óc tôi đón nhận những âm thanh và tiếng động của cái thế giới nơi tôi đang nằm hấp hối. Tôi có thể nghe tên giết người đi quanh phòng, mở tủ, lục tung các tờ giấy cố tìm cho được bức tranh cuối cùng. Khi hẳn không kiếm được gì, tôi nghe tiếng hẳn cạy tung thùng thuốc màu của tôi và đá mấy cái rương, hộp, lọ mực, cái bàn làm việc. Tôi có cảm giác rằng thỉnh thoảng tôi lại cất tiếng rên, và vịn vẹo bằng đôi tay già nua cùng đôi chân mệt mỏi. Và tôi chờ đợi.

Cơn đau của tôi không dịu đi chút nào. Tôi dần dần lịm đi và không còn cắn chặt răng được nữa, nhưng một lần nữa, tôi cố gắng chờ đợi.

Rồi tôi chợt nghĩ, nếu Shekure về nhà, con bé sẽ chạm trán tên giết người man rợ này. Thậm chí tôi không muốn nghĩ về điều này nữa. Ngay lúc đó, tôi có cảm giác tên giết người đã ra khỏi phòng. Chắc hẳn đã tìm thấy bức tranh cuối cùng.

Tôi thấy khát nước dữ dội nhưng vẫn chờ. Đến ngay đi, con gái cưng, Shekure yêu quý, đến đi.

Con bé không đến.

Tôi không còn sức để chịu đựng cơn đau. Tôi biết mình sẽ chết mà không thấy mặt con bé. Điều này quá cay đắng đến độ tôi muốn chết vì đau đớn. Sau đó, một khuôn mặt tôi chưa từng thấy xuất hiện bên trái tôi, và luôn giữ nụ cười, ông ta tử tế đưa tôi một ly nước.

Quên mọi thứ khác, tôi tham lam với lấy ly nước.

Ông ta kéo ly nước về. "Hãy vạch mặt Tiên tri Muhammad là một kẻ nói dối," ông ta nói. "Hãy phủ nhận tất cả những gì ông ta đã nói."

Đó là Satan. Tôi không trả lời, thậm chí tôi không hề sợ hãi. Vì tôi chưa từng tin rằng hội họa đã đi đến chỗ bị hắn lừa đảo, tôi vững tin chờ đợi. Tôi mơ về một chuyến hành trình bất tận đang chờ tôi và mơ về tương lai của tôi.

Trong khi đó, khi vị thiên thần rực rỡ, người tôi vừa mới thấy đến gần tôi, Satan biến mất. Một phần trong tôi hiểu rằng vị thiên sứ rực sáng khiến Satan phải bỏ đi đó là Azrael. Nhưng một phần nổi loạn khác trong đầu tôi nhớ rằng trong Kitab al-Qiyamah có viết Azrael là một thiên sứ có hàng ngàn đôi cánh trùm cả Đông và Tây và có thể nắm cả thế giới này trong tay.

Khi tôi càng lúc càng bối rối, vị thiên sứ giữa ánh sáng tiến đến gần như để giúp tôi, và đúng vậy, như Gazzali đã ghi trong Jawahir al-Qur'an wa dararuh 2, thiên sứ nói dịu dàng:

"Hãy mở miệng ra để linh hồn con được ra đi."

"Miệng con chưa từng phát ra điều gì ngoài bài kinh besmele," tôi trả lời Người.

Tuy nhiên đây chỉ là cái cớ cuối cùng, tôi biết mình không thể cầm cự được nữa, rằng thời điểm của tôi đã đến. Trong giây lát tôi thấy bối rối khi phải để lại thân thể xấu xí nhuốm máu của mình trong tình trạng khốn khổ này cho con gái, kẻ mà tôi sẽ không bao giờ gặp lại. Nhưng tôi muốn rời bỏ thế giới này, rũ bỏ nó giống như cởi một chiếc áo chật chội thít chặt lấy tôi.

Tôi mở miệng và đột nhiên tất cả trở thành màu sắc như trong những bức tranh về chuyến hành trình Miraj 3 của đấng Tiên tri của chúng ta, trong chuyến đi đó Người đã viếng Thiên đàng. Mọi thứ chìm trong vẻ sáng chói rực rỡ như được tô tràn với một nước sơn bằng vàng. Những giọt lệ đau đớn chảy ra từ mắt tôi. Hơi thở căng thẳng từ phổi tuôn ra khỏi miệng tôi. Tất cả

bao trùm trong sự im lặng lạ thường.

Bây giờ tôi có thể thấy linh hồn rời khỏi thân xác tôi và tôi nằm gọn trong lòng bàn tay của Azrael. Linh hồn tôi, bằng cỡ con ong, được tắm trong ánh sáng, nó run lên khi rời khỏi thân xác tôi và tiếp tục run rẩy giống thủy ngân trong lòng bàn tay Azrael. Ý nghĩ tôi không hướng về thế giới này, mà hướng về một cõi mới mẻ xa lạ mà tôi vừa được bước vào.

Sau nhiều đau đớn như thế, sự bình yên trùm lên tôi. Cái chết không gây đau đớn như tôi vẫn sợ, trái lại, tôi nhẹ nhõm, nhanh chóng nhận ra rằng tình cảnh hiện tại của tôi là vĩnh viễn, còn những ràng buộc tôi cảm thấy trong cuộc sống chỉ là nhất thời. Từ giờ trở đi nó sẽ cứ như thế, hết thế kỷ này đến thế kỷ khác, cho đến tận cùng của vũ trụ. Điều này không làm tôi giận dữ hay sung sướng. Những biến cố tôi từng chịu đựng một cách nhanh chóng và liên tiếp giờ đây trải khắp không gian bao la và tồn tại đồng thời. Giống như trong một bức tranh tờ đôi lớn, ở đó một nhà tiểu họa thông minh đã vẽ một số điều không liên quan với nhau ở mỗi góc - nhiều thứ đang xảy ra cùng một lúc.

1 Ayyub: Nhân vật được nhắc tới trong Kinh Koran, được coi như một tiên tri của đạo Hồi. Trong tiếng Ả Rập, tên gọi này biểu tượng cho đức kiên nhẫn tuy nó không hề mang nghĩa đó. Ayyub chính là nhân vật Job trong Cựu ước, người đã bình thản chịu đựng mọi bất hạnh mà không oán than Thượng đế, và sau đó được ban nhiều ơn phước.

2 Những viên ngọc tuyệt vời trong kinh Koran.

3 Miraj: một từ trong tiếng Ả Rập để chỉ phần thứ nhì trong một cuộc hành trình của Muhammad trong một đêm vào năm thứ nhất lịch Hồi giáo (tức năm 621) từ Mecca đến Jerusalem, trong đó có việc Muhammad bước vào thiên đàng. Đa số tín đồ Hồi giáo tin rằng đây là chuyện đi thật, còn nhiều học giả cho rằng đây chỉ là giấc mơ.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 30: Tôi, Shekure

Tuyết rơi dữ quá đến nỗi thỉnh thoảng những bông tuyết bay xuyên qua tấm mạng dâm trắng vào mắt tôi. Tôi thận trọng đi qua khu vườn đầy cỏ mọc, bùn và nhánh cây gãy, sau đó rảo bước khi ra đến ngoài đường. Tôi biết tất cả các bạn đang tự hỏi tôi đang nghĩ gì. Tôi tin Siyah đến mức nào? Vậy hãy để tôi nói thật với bạn. Chính tôi cũng không biết mình đang nghĩ gì. Bạn hiểu mà, đúng không? Tôi bối rối. Tuy nhiên, tôi biết rõ đến chừng này: Như thường lệ tôi sẽ đắm mình vào công việc thường lệ như com nước, con cái, cha tôi và những việc lặt vặt khác, và ngay sau đó trái tim tôi, thậm chí không cần hỏi, sẽ tự động thì thầm sự thật với tôi. Ngày mai, trước buổi trưa, tôi sẽ biết mình nên cưới ai.

T

Tôi muốn chia sẻ một điều gì đó với bạn trước khi về đến nhà. Thôi đi! Lúc này tôi không muốn nói về kích cỡ của cái vật xấu xí mà Siyah đã cho tôi xem. Nếu bạn muốn, chúng ta có thể nói về nó sau. Điều tôi sắp bàn là sự hấp tấp của Siyah. Anh ấy không có vẻ chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn lòng ham muốn của mình. Thực tình mà nói, nếu anh ấy có muốn thì cũng không quan trọng. Điều làm tôi ngạc nhiên là sự ngốc nghếch của anh ấy! Tôi cho rằng anh ấy chưa từng nghĩ đến chuyện anh ấy có thể hãm dọa tôi và bắt cóc tôi, làm nhục tôi rồi tống khứ tôi đi, hoặc tạo cơ hội cho những hậu quả thậm chí còn nguy hiểm hơn. Qua vẻ ngây thơ của anh ấy tôi có thể thấy anh ấy rất yêu và thèm khát tôi. Nhưng sau mười hai năm chờ đợi, tại sao anh ấy không thể chơi cuộc chơi theo luật của nó và chờ mười hai ngày nữa?

Bạn có biết tôi có linh cảm không hay rằng mình đã yêu sự kém cỏi và cái nhìn trẻ con u sầu của anh ấy không? Có lúc, lẽ ra nên bực bội, tôi lại thấy thương hại anh ấy. "Ôi cậu bé tội nghiệp của tôi," một giọng bên trong tôi nói, "anh đã chịu sự dằn vặt như thế mà vẫn hoàn toàn kém cỏi." Tôi cảm

thấy muốn che chở anh ấy đến độ có thể tôi đã phạm một sai lầm, có lẽ tôi đã thực sự đắm đuối với chàng trai nhỏ bé hư hỏng đó.

Nghĩ đến những đứa con bất hạnh của tôi, tôi rảo bước.

Ngay khi đó, trong bóng tối vừa buông và trong tuyết trắng xóa, hình như có một bóng người chạy ngang qua chỗ tôi. Hụp đầu xuống, tôi lướt qua ông ta.

Khi bước qua cổng sân, tôi biết rằng Hayriye và bọn trẻ vẫn chưa về. Vậy là tốt, tôi đã về đúng lúc, chưa đến giờ cầu kinh tối.

Tôi leo lên cầu thang, ngôi nhà có mùi mứt cam. Cha tôi đang ở trong căn phòng tối có cánh cửa xanh da trời của ông; bàn chân tôi tê cóng. Tôi cầm cây đèn bước vào phòng mình ở mé phải cầu thang, và khi thấy cửa tủ bị mở toang, nệm gối rơi vương vãi và căn phòng bị lục tung, tôi nghĩ đó là trò nghịch phá của Shevket với Orhan. Có một sự im lặng trong nhà, không khác thường gì, nhưng không giống sự im lặng thường lệ. Tôi thay bộ đồ mặc trong nhà rồi ngồi một mình trong bóng tối, và khi chìm đắm trong mộng tưởng thoáng qua, đầu óc tôi ghi nhận có tiếng động phát ra từ bên dưới, ngay bên dưới tôi, không phải từ nhà bếp mà từ căn phòng lớn cạnh chuồng ngựa vốn vẫn được dùng làm xưởng vẽ trong mùa hè. Cha tôi xuống đó giữa trời lạnh thế này sao? Tôi nhớ mình không thấy có ánh đèn dầu ở đó; bất ngờ tôi nghe tiếng cửa trước kêu cọt kẹt trong khoảng từ lối đi lát đá ra tới sân, và sau đó, tiếng sữa mang điềm gở và khó chịu của lũ chó chạy quàng qua cổng - tôi cảm thấy lo sợ, tạm cho là thế.

"Hayriye," tôi kêu lên, "Shevket, Orhan..." Tôi cảm thấy một cơn gió lạnh. Thùng than sưởi của cha tôi hẳn phải đang cháy; tôi phải ngồi với ông để sưởi ấm. Khi tôi đi đến phòng ông, giờ cao ngọn đèn dầu, ý nghĩ của tôi không còn hướng tới Siyah nữa, mà về bọn trẻ.

Tôi băng xéo qua tiền sảnh rộng, tự hỏi liệu có nên đặt nồi nước ở lò sưởi dưới nhà để chuẩn bị làm món xúp cá đối không.

Tôi bước vào căn phòng có cánh cửa màu xanh da trời. Mọi thứ bừa bộn. Không nghĩ gì, tôi vừa định nói, "Cha mình làm gì này giờ vậy?"

Rồi tôi thấy ông dưới sàn.

Tôi rú lên, tràn ngập kinh hoàng. Rồi tôi rú tiếp. Nhìn chăm chăm xác cha mình, tôi cầm bật.

Qua phản ứng lạnh lùng và đôi môi mím chặt của bạn tôi có thể nói rằng bạn biết những gì đã xảy ra trong căn phòng này. Nếu không biết được tất cả thì cũng biết khá nhiều. Điều bạn đang muốn biết là phản ứng của tôi trước những gì tôi vừa thấy và tôi có cảm nghĩ gì. Như các độc giả thỉnh thoảng vẫn làm khi ngắm một bức tranh, bạn đang cố hiểu nỗi đau của nhân vật chính và nghĩ về những sự kiện dẫn đến phút giây đau đớn này. Và rồi, sau khi xem xét phản ứng của tôi, bạn sẽ muốn thử hình dung không phải nỗi đau của tôi mà là những gì bạn sẽ cảm thấy nếu bạn là tôi, nếu cha bạn bị giết giống như vậy. Tôi biết bạn đang cố làm như thế.

Phải, buổi tối tôi trở về nhà thì phát hiện ra ai đó đã giết cha mình. Phải, tôi đã bứt tóc. Phải, như tôi vẫn làm khi còn nhỏ, tôi ôm ông thật chặt và hít ngửi da thịt ông. Phải, tôi run và không thở được. Phải, tôi cầu xin Allah dựng ông dậy và cho ông ngồi im lặng trong góc giữa mớ sách vở của ông như mọi khi. Dậy đi, cha ơi, dậy đi, đừng chết. Cái đầu đầy máu của ông bị giập nát.

Không phải việc giấy và sách bị xé, không phải việc những cái bàn nhỏ, những thùng thuốc màu và lọ mực bị đập vỡ và quăng bừa bãi, không phải việc những tấm nệm bị xé nát, bàn làm việc và bàn viết bị đập tan hoang, không phải việc kẻ nào đó đã lục soát kỹ lưỡng khắp nơi, thậm chí cũng không phải nỗi giận dữ đã giết chết cha tôi, mà điều tôi sợ nhất là sự căm hờn đã hủy hoại căn phòng và mọi thứ trong đó. Tôi không còn khóc nữa. Có một cặp tình nhân đi ngang ngoài đường, nói cười trong bóng tối; trong khi đó tôi có thể nghe sự im lặng vô tận của thế giới trong đầu tôi; tôi đưa hai tay lên chùi mũi và nước mắt. Một hồi lâu rất lâu tôi nghĩ tới bọn trẻ và cuộc sống của chúng tôi.

Tôi lắng nghe sự im lặng. Tôi chạy lại, nắm lấy cổ chân cha tôi và kéo ông ra hành lang. Không hiểu sao ở ngoài đó ông nặng hơn, nhưng tôi bắt đầu kéo ông xuống thang mà không chú ý đến chuyện này. Được nửa đường, tôi thấm mệt và ngồi xuống bậc thang. Tôi chực khóc nữa thì nghe có tiếng động khiến tôi nghĩ rằng Hayriye và bọn trẻ đã về, tôi nắm lấy cổ chân cha tôi kẹp vào nách rồi tôi tiếp tục đi xuống, lần này nhanh hơn. Đầu cha tôi bị giập nát và đầy máu đến độ cứ kêu lộp bộp khi va vào mỗi bậc thang. Đến chân cầu thang, tôi lật xác ông lại, giờ nó có vẻ nhẹ hơn, và, cố hết sức, tôi kéo ông qua sàn nhà lát đá, đưa ông vào xưởng vẽ mùa hè. Để thấy rõ căn phòng tối đen này, tôi vội bước trở ra lò trong bếp. Khi quay lại cầm theo cây nến, tôi thấy cả căn phòng tôi vừa kéo cha tôi vào đã bị lục lọi cùng khắp như thế nào. Tôi chết lặng.

Ai đã làm vậy, thần thánh ời, ai trong số họ?

Đầu óc tôi quay cuồng. Đóng chặt cửa lại, tôi để cha tôi trong căn phòng bị phá tung đó. Tôi vớ lấy cái xô trong bếp, múc đầy nước từ cái giếng. Tôi leo lên những bậc thang, và dưới ánh đèn dầu, tôi nhanh tay chùi sạch máu trong hành lang, trên cầu thang và mọi nơi khác. Tôi trở ngược lên lầu đến phòng tôi, cởi bộ đồ dính máu rồi mặc quần áo sạch vào. Mang theo xô và giẻ, tôi định bước vào căn phòng có cửa màu xanh da trời thì nghe cồng sân trước nhà bật mở. Lệnh báo cầu kinh tôi vang lên. Tôi tập trung toàn bộ sức lực cầm cây đèn dầu trên tay, tôi chờ họ ở đầu cầu thang.

"Mẹ ời tụi con về rồi nè," Orhan nói.

"Hayriye! Chị đi đâu vậy!" Tôi nói gay gắt, nhưng cứ như tôi đang thì thào, chú không phải quát lên.

"Nhưng mẹ, tụi con đâu đi quá giờ cầu kinh tối đâu..." Shevret nói.

"Im nào! Ông ngoại bệnh, ông đang ngủ."

"Bệnh hả?" Hayriye nói từ dưới nhà.

Qua sự im lặng của tôi, cô ta biết rằng tôi đang giận dữ: "Shekure, tội tôi đợi Kosta. Ngay khi người ta chở cá đổi đến, tội tôi lo nhặt bỏ mấy lá nguyệt quế liền, rồi tôi đi mua trái vả với anh đào khô cho bọn trẻ."

Tôi rất muốn xuống nhà thì thầm la rầy Hayriye, nhưng tôi sợ rằng khi mình xuống cầu thang, ngọn đèn trên tay tôi sẽ chỉ rõ những bậc thang ướt nhẹp và những giọt máu tôi bỏ sót chưa lau trong lúc vội vã. Bọn trẻ chạy âm lên cầu thang và cười giày ra.

"Này, này," tôi la. Lùa chúng về phía phòng ngủ của chúng tôi, tôi nói: "Không đi đường đó, ông ngoại đang ngủ, không được vô."

"Con sẽ vào phòng có cửa màu xanh, để ngồi cạnh thùng than sưởi." Shevret nói, "không vào phòng ông ngoại đâu."

"Ông ngoại ngủ trong phòng đó," tôi thì thào.

Nhưng tôi nhận thấy chúng do dự một lát. "Để bảo đảm những âm hồn đang ám ông ngoại và làm cho ông bệnh không tấn công cả hai đứa," tôi nói. "Tội con phải lên phòng mình đi." Tôi nắm tay hai đứa dắt vào phòng ngủ của ba mẹ con tôi. "Giờ nói cho mẹ biết tội con đã làm gì ngoài đường tới giờ này vậy", "Tội con thấy mấy người ăn mày da đen, Shevret nói." "Ở đâu?" tôi hỏi, "họ mang theo cờ hả?", "Khi tội con leo lên dốc, họ cho Hayriye một quả chanh. Hayriye cho họ ít tiền. Người họ đầy tuyết." "Còn gì nữa?", "Họ đang tập bắn tên vào bia ở quảng trường.", "Giữa trời tuyết này à?" tôi nói. "Mẹ ơi con lạnh," Shevret nói. "Con muốn vô phòng có cửa xanh.", "Con không được ra khỏi phòng này," tôi nói. "Nếu không con sẽ chết. Mẹ sẽ đem thùng than sưởi vào cho con." "Sao mẹ nói tội con sẽ chết?" Shevret nói. "Mẹ sẽ nói với các con một chuyện," tôi nói, "nhưng các con không được nói với ai khác. Hiểu không?" "Chúng thề không nói." "Trong khi tội con ra ngoài, có một người trắng toát đã chết từ lâu và bạc hết màu từ một xứ sở xa xôi đã đến đây nói chuyện với ông ngoại. Hóa ra đó là một âm hồn." Chúng hỏi tôi âm hồn đó từ đâu tới. "Từ bên kia sông." tôi nói. "Chỗ ba đang ở hả?" Shevret hỏi. "Ừ, chỗ đó," tôi nói. "Âm hồn đó tới để xem mấy bức tranh trong sách của ông ngoại. Người ta nói rằng kẻ nào có tội

nhìn vào những bức tranh đó thì sẽ chết tức thì." Im lặng.

"Nghe này, mẹ sẽ xuống nhà với Hayriye," tôi nói. "Mẹ sẽ mang thùng sủi lên đây, cả bữa ăn tối nữa. Đừng ra khỏi phòng, nếu không tụi con sẽ chết. Âm hồn đó vẫn còn trong nhà mình." "Mẹ ơi, mẹ đừng đi," Orhan nói.

Tôi quay sang Shervet. "Con phải trông chừng em," tôi nói. "Nếu con ra khỏi phòng mà âm hồn không bắt con đi thì chính mẹ sẽ giết con." Tôi làm vẻ mặt đe dọa giống như lúc sắp phát vào mông chúng. "Bây giờ thì hãy cầu nguyện cho ông ngoại đang bệnh đừng chết. Nếu con ngoan, Thượng đế sẽ nghe lời cầu nguyện của con và không ai làm hại con được."

Không nói thêm gì nữa, chúng bắt đầu cầu nguyện. Tôi đi xuống nhà.

"Có người làm đồ lọ mút cam," Hayriye nói. "Con mèo thì không làm được, nó đâu mạnh dữ vậy, còn chó thì đâu có vô nhà được..."

Cô ta bất ngờ thấy vẻ kinh hoàng trên mặt tôi và nín lặng. "Có chuyện gì vậy," cô ta hỏi, "Chuyện gì xảy ra vậy? Cha cô gặp chuyện gì phải không?"

"Ông chết rồi."

Cô ta hét lên. Con dao và củ hành cô ta đang cầm rơi xuống đụng vào tấm thảm mạnh đến độ con cá giãy đành đạch. Cô hét lên lần nữa. Cả hai chúng tôi đều nhận thấy có máu trên bàn tay trái của cô, không phải máu của con cá, mà từ ngón trỏ của cô vì lỡ để dao cứa phải. Tôi chạy lên lầu, và trong khi đang tìm một miếng vải trong phòng đối diện với phòng bọn trẻ đang ở, tôi nghe những tiếng động và tiếng la của chúng. Cầm miếng vải vừa xé tôi bước vào phòng thì thấy Shevket đang cười lên em nó, gối đê Ohran sát đất. Nó đang bóp cổ em.

"Hai đứa làm trò gì vậy!" tôi hét to hét cỡ.

"Orhan định ra khỏi phòng," Shevket nói.

"Nói láo," Orhan nói. "Shevket mở cửa và con bảo anh ấy không được

đi." Nó bắt đầu khóc.

"Nếu tụi con không ngồi im ở đây, mẹ sẽ giết cả hai đứa."

"Mẹ ơi đừng đi," Orhan khóc.

Xuống nhà, tôi băng ngón tay cho Hayriye, cầm được máu. Khi tôi nói với cô ta rằng cha tôi không chết một cách tự nhiên, cô ta càng sợ hãi và đọc to những bài kinh cầu Allah che chở. Cô ta nhìn ngón tay bị đứt của mình mà khóc. Tình yêu dành cho cha tôi đủ lớn để cô ta khóc như mưa như gió vậy ư? Cô ta muốn lên lầu nhìn xác ông.

"Ông không có trên lầu," tôi nói. "Ông ở trong căn phòng phía sau."

Cô ta nhìn tôi đầy nghi ngờ. Nhưng khi cô ta nhận ra tôi không thể chịu nổi việc nhìn ông lần nữa, cô hết sức tò mò. Cô cầm lấy cây đèn và bỏ đi. Cô bước bốn năm bước vượt qua lối vào nhà bếp nơi tôi đang đứng, rồi một cách tôn trọng và lo lắng, cô từ từ đẩy cánh cửa phòng, và qua ánh sáng của ngọn đèn đang cầm, cô nhìn vào trong. Thoạt tiên không nhìn thấy cha tôi, cô giơ cây đèn cao hơn, cố rọi sáng mọi góc của căn phòng hình chữ nhật to.

"Aaa", cô ta rú lên. Cô đã thấy cha tôi nơi tôi để ông ngay cạnh cửa. Cô nhìn ông chằm chằm. Bóng cô bất động hất lên sàn nhà và tường chuồng ngựa. Trong khi cô nhìn, tôi hình dung những gì cô đang thấy. Khi trở ra, cô không khóc. Tôi nhẹ người khi thấy rằng cô có đủ thông minh để nắm bắt hoàn toàn những gì tôi chuẩn bị kể cho cô.

"Bây giờ nghe tôi, Hayriye." tôi nói. Khi tôi nói, tay tôi vung vẩy con dao làm cá mà tôi bất giác chộp lấy. "Trên lầu cũng bị lục soát; chính con quỷ đáng nguyên rủa này đã hủy hoại mọi thứ, hấn đã xáo tung mọi thứ. Đó là nơi hấn đã đập vỡ mặt và đầu cha tôi; đó là nơi hấn đã giết ông. Tôi mang ông xuống đây để bọn trẻ không thấy và như thế tôi có dịp để báo cho chị hay. Sau khi ba người đi, tôi cũng đi. Cha tôi ở nhà một mình."

"Tôi không biết chuyện đó," cô ta nói một cách hỗn xược. "Cô đi đâu?"

Tôi muốn cô ta chú ý kỹ sự im lặng của tôi. Rồi tôi nói, "Tôi đi với Siyah. Tôi gặp Siyah ở nhà Người Do Thái bị treo cổ. Nhưng chị không được hé một lời nào với ai về chuyện này. Mà trong lúc này, chị cũng không được nói rằng cha tôi bị giết."

"Ai giết ông ấy vậy?"

Cô ta là một kẻ ngốc như thế, hay cô ta đang cố dồn tôi vào chân tường?

"Nếu tôi biết, tôi sẽ không giấu việc ông đã chết," tôi nói. "Tôi không biết. Chị biết không?"

"Làm sao tôi biết được?" cô ta nói. "Bây giờ mình làm gì đây?"

"Chị sẽ làm như không có chuyện gì xảy ra," tôi nói. Tôi cảm thấy thèm được khóc to lên, nhưng tôi ghì mình lại. Cả hai chúng tôi im lặng.

Một lúc lâu sau, tôi nói, "Đẹp con cá đi, làm cơm cho bọn trẻ."

Cô phản đối và bắt đầu khóc, tôi liền ôm cô. Chúng tôi ôm nhau thật chặt. Giờ tôi thấy thương cô, nhất thời thấy thương hại, không chỉ thương hại chính tôi và bọn trẻ, mà tất cả chúng tôi. Nhưng ngay cả khi chúng tôi ôm nhau, một con sâu nghi ngờ cũng bắt đầu gặm nhấm tôi. Bạn biết tôi đang ở đâu khi cha tôi bị giết. Để tiến hành kế hoạch của mình, tôi đã tìm cách cho Hayriye và bọn trẻ ra khỏi nhà. Bạn biết rằng việc để cha tôi một mình trong nhà là một sự trùng hợp ngẫu nhiên ngoài dự kiến... Nhưng Hayriye có biết không? Cô ấy có hiểu những gì tôi đã giải thích với cô ấy, cô ấy sẽ hiểu chứ? Thực tế cô ấy sẽ nhanh chóng hiểu ra và nảy sinh nghi ngờ. Tôi ôm cô ấy chặt hơn; nhưng tôi biết rằng với đầu óc của một cô gái nô lệ, cô ta cho rằng tôi đã làm vậy để che giấu những mưu đồ của tôi, và ngay khi đó thậm chí tôi có cảm giác như mình đang lừa dối cô ấy. Trong khi cha tôi đang bị giết ở đây, tôi và Siyah còn bận làm tình. Nếu chỉ có mình Hayriye biết điều này, tôi sẽ không cảm thấy mình có tội đến thế, nhưng tôi ngờ rằng bạn cũng nghĩ vậy. Vì vậy, hãy thừa nhận nó, bạn tin rằng tôi đang giấu giếm một điều gì đó. Ôi, người đàn bà đáng thương! Số phận của tôi còn tối tăm đến đâu nữa?

Tôi bắt đầu khóc, rồi Hayriye khóc, và chúng tôi lại ôm nhau.

Tôi giả vờ như thỏa mãn cơn đói tại bàn ăn chúng tôi dọn trên lầu. Thỉnh thoảng, lấy cớ "xem chừng ông ngoại," tôi bước vào một phòng khác và khóc như mưa. Sau đó, bọn trẻ bám chặt lấy tôi trên giường vì sợ hãi và lo lắng. Một hồi lâu chúng vẫn không ngủ được vì sợ các âm hồn, và khi trở mình chúng cứ hỏi, "Con nghe có tiếng động, mẹ có nghe không?" Để dỗ chúng ngủ, tôi hứa kể cho chúng nghe một câu chuyện tình. Bạn biết lời nói bay bổng như thế nào trong đêm tối mà.

"Mẹ ơi mẹ sẽ không lấy chồng nữa, đúng không?" Shevket hỏi.

"Nghe này," tôi nói. "Ở xa lắm có một ông hoàng yêu một cô gái đẹp tuyệt trần. Tại sao chuyện này xảy ra? Để mẹ kể các con nghe. Trước khi thấy cô gái, ông ta đã thấy bức tranh vẽ cô ấy, vậy đó."

Như tôi thường làm khi lo lắng và bối rối, tôi kể câu chuyện không theo ký ức mà tự bịa ra theo điều tôi cảm nhận lúc đó. Và bởi tôi tô màu nó bằng cách sử dụng một bảng màu của những ký ức và những lo lắng của riêng tôi, nên những gì tôi kể lại trở thành một kiểu tranh minh họa u sầu đi liền với những gì đã xảy ra cho tôi.

Sau khi cả hai đứa đã ngủ, tôi rời chiếc giường ấm và cùng Hayriye dọn sạch những gì con ác quỷ xấu xa đó đã bày ra khắp nhà. Chúng tôi nhặt nhanh những chiếc rương bị phá, sách vở, quần áo, tách sứ, những chiếc bình đất nung, đĩa, bình mực bị ném ngổn ngang và vỡ khắp nơi; chúng tôi dọn dẹp chiếc bàn làm việc bừa bộn, những hộp màu và giấy bị xé nát với tất cả sự căm hờn và trong khi thu dọn, một trong hai đứa chúng tôi chốc chốc lại ngừng tay mà sụp xuống khóc. Có vẻ như chúng tôi quẫn trí trước sự đổ nát của các căn phòng cùng những vật dụng trong đó và sự xâm phạm thô bạo chôn riêng tư của chúng tôi nhiều hơn là trước cái chết của cha tôi. Qua kinh nghiệm, tôi có thể nói với bạn, những kẻ bất hạnh bị mất đi những người thân yêu thường thấy được an ủi bởi sự hiện diện của những vật dụng không thay đổi trong nhà; họ được xoa dịu bởi sự nguyên vẹn như cũ của những bức màn chần mền và ánh sáng ban ngày, chúng giúp họ thỉnh thoảng tạm

quên đi rằng Azrael đã mang người thân hoặc bà con của họ đi.

Ngôi nhà mà cha tôi đã chăm sóc với sự kiên nhẫn và tình thương, trang trí tỉ mỉ mọi góc ngách và cửa nẻo đã bị phá hoại một cách tàn nhẫn; vì vậy chúng tôi không chỉ mất đi những ký ức vui vẻ và thoải mái mà còn phải nhớ đến sự tàn bạo của linh hồn chết tiệt của tên tội phạm, và chúng tôi còn thấy khiếp hãi nữa.

Chẳng hạn như khi, do tôi nhất quyết, chúng tôi xuống nhà, kéo nước sạch từ giếng lên, tắm rửa và đọc to chương Aal-e- Imran - mà người cha mệnh vong của tôi nói ông rất thích bởi vì nó đề cập đến hy vọng và cái chết - trong cuốn kinh Koran yêu thích nhất của ông được đóng ở Herat, chúng tôi bị nỗi kinh hoàng này tác động và cứ sợ rằng cánh cổng bắt đầu kêu cọt két. Chẳng có gì. Nhưng sau khi kiểm tra cho chắc rằng chốt cửa đã khóa, rồi cùng khiêng chậu cây húng quế mà cha tôi vẫn tưới bằng nước giếng vào những sáng mùa xuân để chặn cổng, chúng tôi lại bước vào nhà trong đêm khuya thanh vắng, và bắt chọt những chiếc bóng của chúng tôi kéo dài dưới ánh đèn dầu có vẻ như của người khác vậy. Nỗi sợ hãi nhất trong tất cả các nỗi sợ là nỗi kinh hoàng trùm lên chúng tôi giống như một hành động kính trọng im lặng, khi chúng tôi nghiêm trang lau rửa khuôn mặt đầy máu của ông và thay quần áo cho ông để tôi có thể tự lừa mình tin rằng cha tôi đã chết vào thời điểm Thượng đế đã định sẵn cho ông; "Luồn tay áo của ông cho tôi," Hayriye thì thào với tôi.

Khi chúng tôi cởi quần áo và đồ lót đầy máu của ông, điều khiến chúng tôi kinh ngạc và kính sợ là sức sống và màu da trắng của cha tôi được soi sáng dưới ánh nến. Bởi có nhiều điều đe dọa khiến chúng tôi sợ hãi hơn, nên không ai trong chúng tôi ngại ngùng khi nhìn thân thể trần truồng đầy nốt ruồi và vết thương của cha tôi đang nằm giang rộng ở đó. Khi Hayriye lên lầu để lấy đồ lót sạch và chiếc áo lụa ngấn màu xanh lá cây của ông xuống, không tìm được mình, tôi nhìn xuống đó và lập tức thấy xấu hổ vì chuyện mình vừa làm. Sau khi thay quần áo sạch cho cha tôi và cẩn thận lau hết máu trên cổ, mặt và tóc ông, tôi ôm ông thật chặt, vùi mũi vào râu ông, tôi hít lấy mùi của ông và khóc như mưa một hồi.

Đối với những ai buộc tội tôi là thiếu tình cảm, hoặc thậm chí có tội, hãy để tôi nói ngay với bạn rằng có hai lần khác tôi đã òa khóc: 1. Khi tôi dọn dẹp căn phòng trên lầu để bọn trẻ không phát hiện những gì đã xảy ra, tôi đã đưa cái vỏ sò mà ông vẫn dùng để đánh bóng giấy lên tai tôi, như tôi thường làm hồi nhỏ, và thất vọng nhận ra rằng âm thanh của biển đã biến mất. 2. Khi tôi thấy tấm nệm nhung đỏ cha tôi thường ngồi suốt hai mươi năm qua - đến độ nó đã trở thành một phần của móng đất ông - đã bị xé tan.

Khi mọi thứ trong nhà, trừ những hư hại không thể cứu vãn đã được sắp xếp gọn gàng trở lại, tôi kiên quyết từ chối yêu cầu của Hayriye muốn được trải nệm của cô ta trong phòng ngủ của chúng tôi. "Tôi không muốn bọn trẻ nghi ngờ lúc sáng dậy," tôi giải thích với cô ta. Nhưng thật lòng tôi rất muốn được ở một mình với bọn trẻ như một cách trừng phạt cô ta. Tôi lên giường nhưng mãi lâu sau vẫn không ngủ được, không phải vì tôi bị ám ảnh bởi nỗi kinh hoàng trước những gì xảy ra, mà bởi tôi đang nghĩ đến những gì sắp xảy ra.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 31. Tôi Là Đỏ

Tôi xuất hiện ở Ghazni khi nhà thơ Firdusi tác giả Shahnameh hoàn tất dòng cuối cùng của một khổ thơ tứ tuyệt với những vần điệu rắc rối nhất, đánh bại những nhà thơ cung đình của vua Mahmud, những kẻ đã cười nhạo ông chẳng là gì khác hơn một nông dân. Tôi ở đó trong ống tên của nhân vật Rustem trong Shahnameh khi chàng đi khắp nơi truy tìm con ngựa đã mất của chàng; tôi trở thành máu phọt ra khi chàng chém tên khổng lồ độc ác đứt làm hai bằng thanh gươm tuyệt vời của chàng; và tôi nằm trên những nếp gấp của cái mền mà trên đó chàng đã làm tình dữ dội với cô con gái yêu kiều của vị vua đã tiếp đón chàng như một thượng khách. Thật sự thì tôi đã và đang có mặt khắp nơi. Tôi hiện lên khi tên Tur phản bội chém đầu em trai Iraj của hắn ta; khi những đội quân huyền thoại, ngoạn mục như một giấc mơ, giao chiến trên những thảo nguyên; và khi máu của Alexander lấp lánh chảy từ chiếc mũi thanh tú sau khi ông bị cảm nắng. Vâng. Quốc vương Behram Gur đã ngủ mỗi đêm với một người đẹp khác nhau dưới nhiều mái vòm có màu khác nhau ở những vùng đất xa xôi, lắng nghe câu chuyện nàng ta kể, và tôi ở trên quần áo của cô gái hấp dẫn mà ông ta đến thăm vào một ngày thứ Ba, cô gái mà ông yêu ngay khi nhìn thấy chân dung, cũng như tôi xuất hiện trên từ chiếc mũ đến khăn choàng của Husrev, người đã yêu bức tranh vẽ nàng Shirin. Thực sự, tôi hiện rõ trên cờ xí của những đội quân đang bao vây các pháo đài, trên tấm khăn phủ những chiếc bàn chuẩn bị cho bữa tiệc, trên áo choàng nhung của những sứ thần đang hôn chân các vị vua, và ở bất kỳ nơi nào người ta có vẽ thanh gươm, mà truyền thuyết của nó bọn trẻ rất thích. Vâng, những thợ học việc có đôi mắt hình trái hạnh đào đã phết tôi bằng những cây cọ thanh tú lên những tờ giấy dày được làm ở Hindustan và Bukhara; tôi đã tô điểm những tấm thảm Ushak, hoa văn trang trí tường, mào của những chú gà đá, những quả lựu, những trái cây ở các miền đất huyền thoại, miệng của Satan, những nét nhấn tinh tế trong phần viền bức tranh, nét thù loãn xoắn trên những căn lều, những bông hoa khó nhìn rõ bằng mắt

trần được làm vì niềm vui thích riêng của họa sĩ, những chiếc áo cánh trên người các phụ nữ tuyệt trần với chiếc cổ vươn dài nhìn đường phố qua tấm màn hé mở, đôi mắt đỏ tươi của những tượng chim làm bằng đường, đôi vó của những người chẵn cừ, những buổi bình minh được mô tả trong các truyền thuyết và xác chết cùng vết thương của hàng ngàn, không, hàng chục ngàn cặp tình nhân, chiến binh và vua chúa. Tôi thích tham dự vào những cảnh chiến tranh nơi máu loang nở như những đóa hoa anh túc; xuất hiện trên áo choàng của thi sĩ tài giỏi nhất đang lắng nghe nhạc trong một chuyến đi dạo miền quê khi những cậu trai và nhà thơ tuần tú uống rượu vang; tôi thích trang trí cánh của các thiên thần, đôi môi các thiếu nhi, những vết thương chí mạng của xác chết và những cái đầu bị cắt lìa nhuộm máu.

T

Tôi nghe câu hỏi trên môi các người: Là một màu nghĩa là gì?

Màu là sự cảm nhận của mắt, âm nhạc đối với người điếc, lời nói từ bóng tối. Bởi vì tôi đã lắng nghe những linh hồn thì thầm - giống như tiếng rì rào của gió - từ cuốn sách này đến cuốn sách khác và vật thể này đến vật thể khác trong hàng chục ngàn năm, nên hãy cho phép tôi nói rằng cảm nhận của tôi giống cảm nhận của các thiên thần. Một phần trong tôi, phần nửa nghiêm túc thu hút tầm quan sát của các người trong khi phần nửa hạnh phúc bay vút cao trong không gian với cái nhìn của các người.

Tôi thật may mắn được là màu đỏ! Tôi bùng cháy. Tôi mạnh mẽ. Tôi biết người ta chú ý đến tôi và người ta không thể cưỡng lại tôi.

Tôi không giấu mình: Với tôi sự mềm mại lộ ra không phải trong sự yếu đuối hay tinh tế, mà qua quyết tâm và ý chí. Vì vậy, tôi lôi kéo sự chú ý về phía mình. Tôi không sợ những màu khác, bóng tối, đám đông hoặc thậm chí cả sự cô đơn. Tuyệt vời làm sao khi được phủ lên bề mặt đang chờ đợi tôi với thực thể bách thắng của chính tôi! Bất cứ nơi nào tôi trải ra, tôi lại thấy những ánh mắt bừng sáng, những nhiệt tình gia tăng, những đôi mày nhướng lên và những nhịp tim đập nhanh. Nhìn xem tuyệt vời làm sao khi được sống! Nhìn xem tuyệt vời làm sao khi được thấy. Nhìn xem: Sống là thấy.

Tôi ở khắp nơi. Cuộc sống bắt đầu với tôi và trở lại với tôi. Hãy tin những gì tôi nói với các người.

Hãy im lặng lắng nghe cách tôi phát triển một sắc độ đỏ lộng lẫy như thế nào. Một nhà tiểu họa bậc thầy, một chuyên gia về thuốc màu, dùng chày và cối diên cuồng nghiền nhiều loại bột cánh cứng đỏ tốt nhất từ vùng khí hậu nóng nhất thuộc Ấn Độ đã phơi khô thành một thứ bột nhuyễn. Anh ta chuẩn bị năm đồng drachma bột đỏ, một drachma cỏ kiềm và nửa drachma phẩm màu. Anh ta đun sôi cỏ kiềm trong một cái nồi chứa ba cân nước. Kế đến anh ta trộn đều phẩm trong nước. Anh ta đun nó sôi trong khoảng thời gian đủ để uống một tách cà phê hảo hạng. Khi anh ta thưởng thức cà phê, tôi càng lúc càng bồn chồn như một đứa trẻ sắp ra đời. Cà phê làm mình mất đầu óc bậc thầy đó và cho anh ta đôi mắt của một âm hồn. Anh ta trút bột đỏ vào ấm nước và trộn kỹ hỗn hợp đó bằng một chiếc que mảnh và sạch được dành riêng cho việc này. Tôi đã sẵn sàng để trở thành màu đỏ đích thực. Nhưng độ đậm và nhuyễn của tôi là vấn đề quan trọng nhất: Chất lỏng này không được để cho sôi cạn đi. Anh ta quét đầu que khuấy vào móng tay cái (những ngón tay khác hoàn toàn không chấp nhận được). Ôi tuyệt vời làm sao được là màu đỏ! Tôi duyên dáng sơn móng tay cái đó mà không bị chảy ra hai bên vì độ loãng. Tóm lại, tôi có độ đậm đặc thích hợp, nhưng tôi vẫn còn cạn. Anh ta nhắc nồi xuống và lọc tôi qua một miếng vải the sạch, làm tôi tinh khiết hơn. Kế đến anh ta đun nóng tôi lần nữa, cho tới lúc sủi bọt hai lần nữa. Sau khi thêm một nhúm phèn bột, anh ta để tôi nguội lại.

Vài ngày trôi qua tôi vẫn ở yên đó trong nồi. Với dự trù sẽ được phết lên giấy, được trải khắp nơi và tô lên mọi thứ, thì việc ở yên một chỗ như vậy đã làm tan nát trái tim và linh hồn tôi.

Chính trong thời kỳ im lặng này mà tôi trầm tư về chuyện làm thân phận màu đỏ thì có ý nghĩa gì.

Có lần tại một thành phố Ba Tư, khi tôi được một thợ học việc dùng cọ phết lên phần thêu của miếng vải phủ yên ngựa mà một nhà tiểu họa mù đã vẽ theo ký ức, tôi nghe lỏm được hai thợ cả mù tranh luận:

"Bởi vì chúng ta đã dành cả cuộc đời một cách nhiệt tình và chung thủy để làm công việc của những họa sĩ, đương nhiên, chúng ta, những kẻ hiện đã mù, biết màu đỏ, nhớ nó là màu gì và nó có cảm giác ra sao," người vẽ con ngựa qua ký ức nói. "Nhưng nếu chúng ta sinh ra đã mù thì sao? Làm sao chúng ta có thể hiểu đúng cái màu đỏ mà tay thợ học việc đẹp trai của chúng ta đang dùng?"

"Một vấn đề rất hay," người kia nói. "Nhưng đừng quên rằng người ta không biết màu sắc, mà cảm nhận chúng."

"Ông bạn thân mến, hãy giải thích màu đỏ cho người chưa bao giờ biết màu đỏ đi."

"Nếu chúng ta sờ nó bằng đầu ngón tay, nó sẽ cho cảm giác về một thứ gì đó giữa sắt với đồng. Nếu chúng ta nắm nó trong lòng bàn tay, nó sẽ cháy. Nếu chúng ta nếm, nó sẽ đậm đà, như thịt muối. Nếu chúng ta ngậm nó giữa hai môi, nó sẽ đầy miệng. Nếu chúng ta ngửi, nó sẽ có mùi ngựa. Nếu nó là một đóa hoa, nó sẽ có mùi hoa cúc trắng, chứ không phải hoa hồng đỏ."

Cách nay một trăm mười năm ngành nghệ thuật Venice chưa là một đe dọa để các nhà cai trị của chúng ta phải quan tâm và những bậc thầy huyền thoại tin vào những phương pháp của họ một cách nhiệt thành như tin vào Allah, vì vậy họ xem cái cách người Venice sử dụng các sắc độ đỏ khác nhau cho từng vết gươm chém bình thường và thậm chí cho thứ vải bao tải tầm thường nhất là một dạng bất kính và thô lậu hầu như không đáng một tiếng cười khẩy. Chỉ một nhà tiểu họa yếu kém và do dự mới sử dụng những sắc độ đỏ khác nhau để vẽ màu đỏ của một chiếc áo choàng, họ khẳng định - những mảng tối không phải là một lý do. Ngoài ra chúng tôi chỉ tin một màu đỏ duy nhất.

"Ý nghĩa của màu đỏ là gì?" nhà tiểu họa mù đã vẽ con ngựa theo ký ức lại hỏi.

"Ý nghĩa của màu là ở chỗ nó có ở đó trước mặt chúng ta và chúng ta thấy nó," người kia nói. "Anh không thể giải thích màu đỏ với người không

thấy được nó."

"Để phủ nhận Thượng đế, những kẻ theo Satan vẫn cho rằng Thượng đế không hữu hình đối với chúng ta," nhà tiểu họa mù đã vẽ con ngựa nói.

"Nhưng, Người hiện ra với những ai có thể nhìn thấy," người thợ cả kia nói. "Vì lý do này mà kinh Koran phán rằng việc mù và thấy là không như nhau."

Tay thợ học việc đẹp trai quệt nhẹ tôi lên miếng vải phủ yên ngựa. Cảm giác gắn sự sung mãn, sức mạnh và sinh lực của tôi với màu trắng và đen của một bức tranh minh họa đẹp thật kỳ diệu làm sao: Khi chiếc cọ bằng lông mèo phết tôi lên tờ giấy trải sẵn, tôi nhột nhạt một cách đầy thú vị. Bằng cách đó, tôi mang màu của tôi đến trang giấy, nó tựa như tôi ra lệnh cho thế giới này "Hãy hiện hữu!" Phải, những ai không thể thấy sẽ chối bỏ nó, nhưng sự thật là người ta có thể thấy tôi ở khắp nơi.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 32: Tôi, Shekure

Trước khi bọn trẻ thức, tôi viết cho Siyah một lá thư ngắn bảo anh đến ngay ngôi nhà Người Do Thái bị treo cổ, rồi ấn nó vào tay Hayriye để cô ta chạy đến chỗ Esther. Khi Hayriye cầm lá thư, cô ta nhìn vào mắt tôi với vẻ can đảm hơn thường lệ dù rất lo ngại những gì sẽ đến với chúng tôi; và tôi, kẻ không còn cha để sợ đã đáp lại cái nhìn của cô ta với một sự mạnh bạo mới mẻ. Sự trao đổi cái nhìn này sẽ quyết định chừng mực quan hệ của chúng tôi trong tương lai. Suốt hai năm qua, tôi đã ngờ rằng Hayriye có thể có con với cha tôi, và sẽ quên đi vị thế nô lệ của cô ta mà luôn lách để trở thành bà chủ của nhà này. Tôi ghé xem người cha bạc mệnh, tôn kính hôn bàn tay gờ đã cứng của ông, mà thật kỳ lạ, vẫn không mất vẻ mềm mại của nó. Tôi giấu giày, khăn xếp và áo choàng màu tía của cha tôi, sau đó giải thích với bọn trẻ khi chúng thức rằng ông ngoại chúng đã khỏe và đã đi đến quận Mustafa Pasha từ sáng sớm.

T

Hayriye đã trở về. Khi cô ta bày chiếc bàn thấp để dọn bữa điểm tâm và tôi đặt phần mứt cam vào giữa bàn, tôi tưởng tượng lúc này Esther đang gọi cửa nhà Siyah. Tuyết đã ngừng rơi và mặt trời bắt đầu tỏa sáng.

Trong khu vườn của Người Do Thái bị treo cổ, tôi gặp lại khung cảnh quen thuộc. Nhũ băng thòng xuống từ mái hiên và những tấm che cửa sổ đang co lại nhanh chóng, khu vườn đầy mùi ẩm mốc và cỏ mọc đang hăm hở hấp thu ánh mặt trời. Tôi thấy Siyah đang đợi ngay chỗ tôi gặp anh lần đầu trong đêm rồi, chuyện ấy có vẻ như cách đây rất lâu, cứ như nhiều tuần đã trôi qua. Tôi gỡ tấm mạng lên và nói:

"Anh có thể vui mừng, nếu anh cảm thấy thôi thúc. Những phản đối và nghi ngờ của cha em sẽ không chen vào giữa hai ta nữa. Trong khi anh đang

xoay xở đặt tay lên người em đêm hôm qua, một tên độc ác đã đột nhập vào ngôi nhà vắng người của chúng em và giết cha em."

Thay vì tự hỏi về phản ứng của Siyah, chắc hẳn bạn đang thắc mắc tại sao tôi nói năng một cách lạnh lùng và hơi kém thành thực như thế. Chính tôi cũng hoàn toàn không biết câu trả lời. Có lẽ tôi nghĩ nếu không như thế thì tôi sẽ khóc khiến Siyah ôm lấy tôi và tôi sẽ thân mật với anh sớm hơn tôi muốn.

"Hắn đã tàn phá ngôi nhà của em từ trên xuống dưới, cho thấy rõ ràng hắn giận dữ và căm hận. Em không cho là hắn đã làm xong công việc, em cũng không nghĩ tên ác quỷ này sẽ bình tĩnh rút về một xó xỉnh nào đó lúc này. Hắn đã ăn cắp bức tranh cuối cùng. Em yêu cầu anh bảo vệ em - bảo vệ mẹ con em - và giữ cuốn sách của cha em không lọt vào tay hắn. Bây giờ hãy cho em biết, để lo an toàn cho mẹ con em, anh cần hỏa thuận và điều kiện gì? Đây là điều chúng ta phải giải quyết."

Anh định nói, nhưng tôi bắt anh im bằng một cái nhìn - cứ như tôi đã làm việc này rất nhiều lần trước đây.

"Dưới mắt quan tòa, chồng em và gia đình anh ấy sẽ là người kế tục cha em làm giám hộ cho em. Thậm chí trước khi ông chết thì chuyện đã là vậy, vì theo quan tòa thì chồng em vẫn còn sống. Chỉ bởi Hasan cố tìm cách chiếm đoạt em trong khi vắng mặt anh trai của chú ấy, một cuộc tấn công thất bại khiến cha chồng em bối rối, nên em mới được phép về nhà cha em dù em chưa chính thức là quả phụ. Nhưng bây giờ cha em đã chết và em thậm chí không có một người anh, đương nhiên những người giám hộ hợp lý duy nhất của em là em chồng hoặc cha chồng của em. Họ đã lên kế hoạch bắt em trở về nhà họ, ép buộc cha em, và đe dọa em. Một khi nghe tin cha em chết, họ sẽ không do dự chính thức hành động. Hy vọng duy nhất của em để ngăn cản điều này là giấu cái chết của cha em. Có lẽ vô ích, vì có thể chính họ là người đứng sau tội ác này."

Ngay lúc đó, một tia sáng mỏng manh xuyên qua những rèm cửa vỡ và chiếu xuống giữa Siyah và tôi, soi sáng lớp bụi thời gian trong căn phòng.

"Đây không phải là lý do duy nhất em giấu cái chết của cha em," tôi nói, nhìn sâu vào mắt Siyah. Tôi hài lòng khi thấy trong đó sự chú ý hơn là tình yêu. "Em cũng sợ việc không thể chứng minh em ở đâu lúc cha em bị giết. Dù Hayriye là nô lệ và lời nói của cô ta không được coi trọng, nhưng em sợ rằng cô ta có dính vào những mưu đồ này, nếu không phải nhằm vào em thì cũng nhằm vào cuốn sách của cha em. Và chừng nào em chưa có người bảo vệ thì việc thông báo cái chết của cha em, tuy thoạt đầu sẽ làm những vấn đề trong nhà trở nên đơn giản, nhưng chỉ vì những lý do em vừa nêu mà rất có thể sẽ khiến em chịu bất hạnh khủng khiếp vì tay cô ta; chẳng hạn, chuyện gì sẽ xảy ra nếu Hayriye biết cha em không muốn em lấy anh?"

"Cha em không muốn em cưới anh à?" Siyah hỏi.

"Phải, ông không muốn, ông sợ anh sẽ đưa em rời xa ông. Vì không còn nguy cơ là anh sẽ làm một điều tệ hại như thế với ông, nên chúng ta cứ cho rằng người cha bất hạnh của em không còn phản đối nữa. Anh thì có phản đối không?"

"Hoàn toàn không, em yêu."

"Vậy là tốt rồi. Người giám hộ của em không có quyền đòi hỏi ở anh tiền hay vàng gì cả. Xin hãy thứ lỗi cho sự khuất tất trong tình trạng hôn nhân đáng bàn cãi về phần em, nhưng thật tiếc, em có một số điều kiện tiên quyết mà em phải giải thích với anh."

Khi tôi im lặng một lát, Siyah nói, "Phải," theo kiểu như muốn xin lỗi về thái độ ngập ngừng của anh.

"Trước tiên," tôi bắt đầu, "anh phải thề trước hai nhân chứng rằng nếu anh cư xử không tốt với em trong cuộc hôn nhân của chúng ta, tới một mức độ mà em cho là không thể chấp nhận được hoặc nếu anh lấy vợ lẽ, anh phải chấp thuận cho em ly dị với một khoản tiền cấp dưỡng. Thứ hai, anh phải thề trước hai nhân chứng rằng nếu vì bất cứ lý do gì mà anh vắng mặt ở nhà trong một thời gian hơn sáu tháng mà không một lần về thăm, em cũng sẽ được phép ly dị với một món tiền cấp dưỡng. Thứ ba, sau khi chúng ta cưới

nhau, dĩ nhiên anh phải dọn đến ở nhà em; tuy nhiên trước khi kẻ thủ ác đã giết cha em bị bắt hoặc cho đến khi anh tìm ra hắn - em muốn tự tay tra tấn hắn biết bao! - và cho đến khi cuốn sách của Đức vua được hoàn tất nhờ tài năng và nỗ lực của anh dẫn dắt, rồi được dâng lên Ngài một cách đường hoàng, anh sẽ không ngủ chung giường với em. Thứ tư, anh sẽ yêu các con em, chúng ngủ chung giường với em, như chúng là con của chính anh."

"Anh đồng ý."

"Tốt. Nếu tất cả những chương ngại vẫn nằm trước mặt chúng ta biến mất nhanh như thế, chúng ta sẽ sớm cưới nhau."

"Phải, cưới, nhưng không chung giường."

"Bước trước tiên là cưới," tôi nói. "Chúng ta hãy giải quyết chuyện đó trước. Tình yêu đến sau hôn nhân. Đừng quên: hôn nhân dập tắt ngọn lửa tình yêu, chẳng để lại gì ngoài một màu đen u sầu căn cỗi. Dĩ nhiên, sau hôn nhân chính tình yêu cũng biến mất, nhưng hạnh phúc lấp đầy khoảng trống đó. Vẫn có những kẻ ngốc hấp tấp yêu trước khi cưới, quá cháy bỏng cảm xúc mà làm cạn kiệt tình cảm của họ, bởi họ tin rằng tình yêu là mục tiêu cao nhất trong cuộc sống."

"Vậy sự thực của vấn đề là gì?"

"Sự thực là cảm giác mãn nguyện. Tình yêu và hôn nhân chỉ là phương tiện để đạt được nó: một người chồng, một ngôi nhà, con cái, một cuốn sách. Anh không thấy rằng thậm chí trong tình trạng của em, với một người chồng mất tích và một người cha vừa qua đời, em còn khá hơn anh trong cảnh cô lập đó sao? Em sẽ chết nếu thiếu các con, em dành cả ngày để cười đùa, vật lộn với chúng và yêu thương chúng. Hơn nữa, vì anh khao khát em ngay cả trong tình trạng khó xử hiện nay của em, vì anh thậm thềm muốn được qua đêm với em, thậm chí dù không ngủ cùng giường mà cùng dưới mái nhà với xác cha em và những đứa con ương bướng của em, anh buộc phải hết sức lắng nghe những gì em muốn nói."

"Anh đang nghe đây."

"Có nhiều cách để em đòi được ly dị. Những nhân chứng giả có thể thề rằng trước khi chồng em tham gia chiến dịch, họ đã chứng kiến anh ấy chấp nhận cho em được ly dị có điều kiện; ví dụ, anh ấy đã trình trọng thề rằng nếu anh ấy không về trong vòng hai năm, em sẽ được coi như tự do. Hoặc, đơn giản hơn, họ có thể thề rằng họ đã thấy xác chồng em trên chiến trường, viện dẫn những chi tiết cụ thể và đầy thuyết phục khác nhau. Nhưng xét vì xác cha em và những phản đối của nhà bên chồng em, thì dựa vào nhân chứng giả sẽ không hiệu quả, vì không một vị quan tòa thông minh hay thận trọng nào bị thuyết phục theo kiểu đó. Dù chồng em đã bỏ em mà không chu cấp và không trở về sau chiến tranh bốn năm rồi, thì ngay cả những quan tòa theo phái Hanefi của nhà em cũng không thể cho phép em ly dị. Tuy nhiên, quan tòa Uskudar do biết số phụ nữ như em gia tăng ngày một ra sao nên đồng cảm hơn và như thế - với sự chấp thuận của Đức vua và Thượng thư tôn giáo vụ - vị quan tòa này thỉnh thoảng cũng cho phép người ủy quyền theo phái Shafii của ông ta phân xử thay mình, qua đó cho phép những phụ nữ khắp nơi giống em được ly dị, được cả tiền trợ cấp. Bây giờ nếu anh có thể tìm được hai nhân chứng để làm chứng công khai cho tình trạng khó xử của em, trả công cho họ, cùng họ vượt biển Bosphorus sang bên Uskudar, dàn xếp với quan tòa, bảo đảm rằng người được ông ủy quyền sẽ thay ông phân xử để việc ly dị được chấp thuận nhờ các nhân chứng, đăng ký vụ ly dị vào sổ bộ của tòa, xin được giấy chứng nhận cho vụ phán quyết này, xin được giấy phép cho em tái giá lập tức, và nếu anh có thể hoàn tất mọi chuyện đó mà trở về bên này Bosphorus vào buổi chiều, sau đó - giả sử không gặp khó khăn gì trong việc tìm một giáo sĩ có thể làm phép cưới cho chúng ta tối nay - thì sau đó, với tư cách chồng em, anh có thể ở suốt đêm nay với em và các con em. Do đó anh cũng sẽ tránh cho chúng em một đêm không ngủ vì nghe như trong từng tiếng cọt kẹt của ngôi nhà đều có tiếng chân tên giết người tàn ác đó. Hơn nữa, anh sẽ cứu em khỏi tình trạng khôn khổ là một phụ nữ bơ vơ không ai che chở khi thông báo cái chết của cha em vào sáng mai."

"Được", Siyah nói với giọng vui vẻ và hơi trẻ con. "Được, anh đồng ý"

biến em thành của anh."

Bạn còn nhớ rằng mới lúc nãy thôi tôi đã tuyên bố tôi không biết tại sao mình nói với Siyah một cách thiếu thành thực và lẩn lút như thế. Giờ thì tôi biết: Tôi dần nhận ra rằng chỉ bằng cách sử dụng một giọng điệu như thế tôi mới có thể thuyết phục Siyah - người chưa bỏ được tính ngớ ngẩn thời nhỏ của mình - tin vào khả năng của các sự kiện mà chính tôi cũng khó lòng tin nó sẽ xảy ra.

"Chúng ta có nhiều việc phải làm để chiến đấu với những kẻ thù của chúng ta, những kẻ muốn ngăn cản việc hoàn tất cuốn sách của cha em và những người muốn phản đối vụ ly dị của em và lễ cưới của chúng ta - vốn sẽ được tiến hành tối nay, cầu Thượng đế phù hộ. Nhưng em cho rằng mình không được làm anh rối trí hơn nữa, vì thậm chí anh đã rối trí hơn em nhiều rồi."

"Em không bối rối chút nào," Siyah nói.

"Có lẽ, nhưng bởi đây không phải là những ý tưởng của chính em, em học chúng từ cha em qua nhiều năm." Tôi nói điều này để anh không bỏ qua những gì tôi nói, cho rằng những kế hoạch này xuất phát từ đầu óc phụ nữ của tôi.

Kế đến Siyah nói cái điều tôi vẫn nghe từ bất cứ người đàn ông nào không sợ thừa nhận rằng họ thấy tôi rất thông minh:

"Em rất đẹp."

"Phải," tôi nói, "được người khác khen là thông minh thì em thấy dễ chịu. Khi em còn nhỏ cha em thường làm thế."

Tôi định nói thêm rằng khi tôi đã lớn cha tôi không khen tôi thông minh nữa, nhưng tôi đã bật khóc. Khi khóc, tôi cảm thấy như tôi đã rời bỏ chính mình mà trở thành một người khác, một người đàn bà hoàn toàn tách biệt. Giống như một độc giả nào đó bối rối vì một bức tranh buồn bã trong trang

sách, tôi nhìn cuộc đời tôi từ bên ngoài và thương hại những gì tôi thấy. Có gì đó rất ngây thơ khi ta khóc vì những khó khăn của mình, cứ như chúng là của một người khác đến độ khi Siyah ôm tôi, một cảm giác hạnh phúc lan khắp hai chúng tôi. Nhưng lần này, khi chúng tôi ôm nhau, cảm giác dễ chịu này vẫn còn đó giữa chúng tôi, không thể tác động đến những kẻ thù đang vây quanh chúng tôi.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 33: Tôi Được Gọi Là Siyah

Trở thành góa phụ, bị bỏ rơi và buồn phiền, Shekure yêu dấu của tôi bỏ đi với những bước chân nhẹ như lông, và tôi đứng như bị choáng trong sự tĩnh lặng của ngôi nhà Người Do Thái bị treo cổ, giữa mùi hoa hạnh đào và những giấc mơ về cuộc hôn nhân mà nàng đã để lại sau gót chân nàng. Tôi bối rối, nhưng đầu óc tôi đang quay cuồng quá nhanh đến độ hầu như làm tôi đau buốt.

T

Không có lấy một cơ hội để khóc thương thỏa đáng trước cái chết của Enishte của tôi, tôi nhanh chóng quay về nhà. Một mặt con sâu nghi ngờ đang gặm nhấm tôi: Có phải Shekure đang sử dụng tôi như một con tốt trong một âm mưu lớn, hay nàng đang lừa tôi? Mặt khác những tưởng tượng về cuộc hôn nhân đầy hạnh phúc vẫn cứ vờn trước mắt tôi.

Sau khi nói chuyện với bà chủ nhà, người cất vản tôi ngay cửa trước xem tôi đi đâu và đến đâu vào lúc sáng sớm này, tôi lên phòng lấy hai mươi hai đồng vàng Venice trong lớp vải lót chiếc khăn quàng vai mà tôi giấu dưới nệm, đút vào ví bằng những ngón tay run rẩy. Khi trở ra đường, tôi biết ngay mình sẽ thấy đôi mắt lo âu đầy lệ, đen thẫm của Shekure suốt ngày hôm đó.

Tôi đổi năm đồng tiền vàng Venice ở chỗ người đổi tiền Do Thái lúc nào cũng mỉm cười. Sau đó, chìm trong suy tư, tôi đi vào khu vực có cái tên mà tôi chưa đề cập vì tôi không thích nó: Yakutlar, nơi Enishte quá cố của tôi và Shekure cùng các con nàng chờ tôi tại nhà họ. Khi tôi hầu như chạy trên các con đường, một cây tiêu huyền cao có vẻ trách cứ tôi sao quá vui sướng trước những giấc mơ và kế hoạch về đám cưới vào đúng cái ngày Enishte của tôi qua đời. Kế đến, khi băng đã tan, một vòi nước bên đường rít vào tai

tôi: "Đừng quá quan tâm các vấn đề này, hãy lo giải quyết những công việc và niềm hạnh phúc của riêng bạn.", "Điều đó thật hay, thật tốt," một con mèo đen mang điềm gở đang liếm lông trong góc phản đối, "nhưng mọi người, kể cả chính anh, đều nghi anh có dính vào vụ giết dựng anh."

Con mèo ngưng liếm khi bắt chợt tôi nhìn vào đôi mắt thoi miên của nó. Tôi không cần phải nói với bạn những con mèo Istanbul này trở nên hỗn láo như thế nào bởi dân địa phương nuông chiều quá mức.

Tôi tìm được Thầy tế Kính mến, với mi mắt sùm sụp và đôi mắt to đen khiến ông ta lúc nào cũng có vẻ buồn ngủ, không phải tại nhà ông ta mà trong sân thánh đường gần đó. Ở đó tôi hỏi ông ta một câu hỏi theo luật pháp thông thường: "Khi nào người ta bị buộc làm chứng tại tòa?" Tôi nhướng mày khi lắng nghe câu trả lời kiêu ngạo của ông ta như thể tôi nghe thông tin này lần đầu. "Việc cung cấp chứng cứ là không bắt buộc nếu đã có những nhân chứng khác," Thầy tế Kính mến giải thích, "nhưng trong trường hợp chỉ có một nhân chứng, thì ý Thượng đế muốn người đó phải cung cấp bằng chứng."

"Đó chính là tình trạng khó xử của tôi hiện nay," tôi nói, tiếp tục câu chuyện. "Trong một tình huống mà mọi người đều biết, tất cả các nhân chứng đã trốn trách nhiệm và tránh đến tòa với lý do rằng "đó là chuyện tự nguyện," và do đó những lo âu cấp bách của người tôi đang cố giúp đỡ đã hoàn toàn bị bỏ qua."

"Này," Thầy tế Kính mến nói, "sao anh không nới lỏng dây buộc ví tiền của anh ra một chút?" Tôi lấy chiếc túi da ra cho ông ta xem những đồng tiền vàng Venice đầy nhóc bên trong; không gian rộng lớn của sân thánh đường, gương mặt của tay thầy tế, mọi thứ bất ngờ được soi sáng bởi vẻ lấp lánh của vàng. Ông ta hỏi tôi gặp phải tình huống khó xử gì.

Tôi giải thích tôi là ai. "Enishte Kính mến đang bệnh," tôi kể. "Trước khi chết ông muốn con gái ông được chứng nhận là góa phụ và được hưởng một khoản trợ cấp."

Tôi thậm chí không cần đề cập đến người được ủy quyền của quan tòa Uskudar. Thầy tế Kính mền hiểu ngay lập tức và nói rằng cả khu này từ lâu đã lo lắng về số phận của Shekure bất hạnh, và nói thêm rằng tình trạng này kéo dài đã quá lâu. Thay vì đi tìm một nhân chứng thứ hai theo yêu cầu cho một vụ ly thân hợp pháp ở chỗ quan tòa Uskudar, Thầy tế Kính mền đề nghị em trai ông ta. Bây giờ nếu tôi đưa thêm một đồng vàng cho người em, vốn cũng sống trong khu này và biết rõ tình trạng khó xử của Shekure và những đứa con nàng, thì tôi đã làm được một việc tốt.

Cuối cùng, chỉ vì hai đồng vàng mà Thầy tế Kính mền thỏa thuận xong với tôi về nhân chứng thứ hai. Chúng tôi lập tức đồng ý. Thầy tế Kính mền đi tìm em trai mình.

Phần còn lại trong ngày của chúng tôi hơi giống những câu chuyện "Mèo và chuột" mà tôi đã xem những người kể chuyện trong các quán cà phê Aleppo diễn xuất. Vì mọi trò phiêu lưu và lừa đảo này, nên những câu chuyện như thế, được viết thành những bài thơ tự sự và đóng thành tập, không bao giờ được coi là nghiêm túc cho dù được trình bày bằng nghệ thuật thư pháp cực đẹp; nghĩa là, chúng không bao giờ được minh họa cả. Mặt khác, tôi hoàn toàn sẵn lòng chia cuộc phiêu lưu cả ngày này của tôi thành bốn cảnh và hình dung mỗi cảnh trong những trang minh họa tưởng tượng của mình.

Trong cảnh đầu, nhà tiểu họa phải vẽ chúng tôi ngồi giữa những người chèo thuyền bấp thịch cuộn cuộn và đầy râu ria, băng qua eo Bosphorus xanh ngắt tiến về phía Uskudar trên con thuyền đỏ bốn tay chèo đã đón chúng tôi ở bến Unkapani. Ông giáo sĩ và người em đen đúa gầy gò của ông, vui sướng với chuyến hành trình thú vị này, tham gia tán chuyện vui vẻ với các tay chèo. Trong khi đó, giữa những giấc mơ hạnh phúc về cuộc hôn nhân nhảy múa không ngừng trước mắt, tôi nhìn sâu vào dòng nước eo biển Bosphorus trong hơn thường lệ giữa buổi sáng mùa đông đầy nắng này, cảnh giác tìm một dấu hiệu điềm gở trong dòng chảy của nó. Chẳng hạn tôi sợ mình có thể thấy xác của một con tàu cướp biển bên dưới. Vì vậy, cho dù nhà tiểu họa có tô màu biển và mây tươi tắn thế nào đi nữa, anh ta phải vẽ thêm một cái gì

tương đương với vẻ tối đen trong những sợ hãi của tôi và cũng mạnh mẽ như những giấc mơ hạnh phúc của tôi - chẳng hạn một con cá trông khủng khiếp nằm sâu dưới nước để người đọc về cuộc phiêu lưu của tôi sẽ không cho rằng tất cả đều màu hồng.

Bức tranh thứ hai phải thể hiện những lâu đài của các vua chúa, những cuộc họp của Thượng Hội đồng, tiệc chiêu đãi các sứ thần châu Âu, và những khu nội thất đông đúc được vẽ cẩn thận và chi tiết với một sự tinh tế ngang tầm Bihzad; nghĩa là, bức tranh phải mang nét mỉa mai và những trò đùa vui nhộn. Do đó, trong khi Quan tòa Kính mến xòe tay làm động tác ngưng lại, hàm ý "không bao giờ" hoặc "không được" với khoản hối lộ của tôi thì bàn tay kia của ông ta phải được vẽ đang miễn cưỡng rút những đồng tiền vàng Venice của tôi vào túi, và kết quả cuối cùng của trò hối lộ này phải được vẽ trong cùng một bức tranh: Shahap Kính mến, người theo phái Shafii được ủy quyền chủ trì thay cho quan tòa Uskudar. Việc mô tả đồng thời những sự kiện liên tiếp chỉ có thể đạt được thông qua khả năng bố cục trang khéo léo của một nhà tiểu họa thông minh. Vì vậy, khi người quan sát, kẻ đầu tiên thấy tôi đưa tiền hối lộ, nhận ra ở một nơi khác trong bức tranh rằng người đàn ông đang ngồi xếp bằng trên nệm quan tòa là người được ủy quyền, thì, cho dù không đọc câu chuyện, anh ta vẫn sẽ nhận ra rằng vị quan tòa đáng kính đã tạm thời từ bỏ vị trí để người thừa ủy quyền của ông ta có thể phê chuẩn cho Shekure được ly dị.

Bức minh họa thứ ba phải thể hiện cũng chính cảnh đó, nhưng lần này phân trang trí trên tường phải tối hơn và được thể hiện theo phong cách Trung Hoa, những cành lá xoắn rậm rạp và rối rắm hơn, và những đám mây sặc sỡ phải xuất hiện ngay bên trên vị thừa ủy quyền của quan tòa để thủ đoạn bất lương trong câu chuyện trở nên rõ ràng. Dù Thầy tế Kính mến và em trai ông ta thực sự làm chứng riêng từng người trước mặt vị thừa ủy quyền của quan tòa, nhưng bức họa thì vẽ họ đang cùng nhau giải thích việc ông chồng của Shekure đau khổ không trở về sau chiến tranh ra sao, nàng lâm vào cảnh thiếu thốn khi không có chồng chăm sóc thế nào, hai đứa con mồ côi cha của nàng khóc liên tục và đói khát, rồi nàng không có hy vọng tái giá bởi vẫn bị coi là gái có chồng, và trong tình cảnh này nàng thậm chí

không thể nhận được một khoản tiền vay mượn nếu không được chồng nàng cho phép. Họ đẩy sức thuyết phục đến độ ngay cả một kẻ vô tri như đá cũng sẽ cho nàng được phép ly dị qua màn mưa nước mắt. Tuy nhiên, vị thừa ủy quyền nhân tâm, không có chút thương cảm, liền hỏi xem ai là người giám hộ hợp pháp của Shekure. Sau một phút do dự, tôi lập tức xen vào, tuyên bố rằng người cha đáng kính của nàng, người từng là phái viên và sứ thần cho Đức vua, vẫn còn sống.

"Chừng nào ông ta chưa ra tòa làm chứng, thì tôi chưa cho phép cô ta ly dị!" vị thừa ủy quyền nói.

Tới đây, vô cùng bối rối, tôi giải thích rằng Enishte Kính mến của tôi đang bệnh, nằm liệt giường và đang vật lộn giành sự sống, mong muốn cuối cùng của ông là được thấy con gái mình được phép ly dị, và tôi là người đại diện cho ông.

"Cô ta muốn gì nếu được phép ly dị?" vị thừa ủy quyền hỏi. "Tại sao một người đang hấp hối lại muốn thấy con gái mình được ly dị với một người chồng đã mất tích từ lâu trong chiến tranh? Nghe đây, tôi hiểu rằng nếu đã có một ứng viên đáng tin cậy cho vị trí con rể thì ông ta sẽ khỏi phải chết trong cảnh ước nguyện chưa thành, phải vậy không nào."

"Đó là một triển vọng, thưa ngài," tôi nói.

"Ai có thể là người đó?"

"Chính là tôi!"

"Nào! Anh là đại diện cho người giám hộ mà!" vị thừa ủy quyền của quan tòa nói. "Anh làm ở ngành nào vậy?"

"Ở các tỉnh miền đông, tôi làm thư ký, chánh thư ký và phụ tá thủ quỹ cho nhiều tổng trấn. Tôi đã hoàn tất một pho sử về các cuộc chiến tranh Ba Tư mà tôi có ý định dâng lên Đức vua. Tôi rất rành về minh họa và trang trí. Tôi đã yêu mãnh liệt người đàn bà này suốt hai mươi năm."

"Anh là bà con của cô ta?"

Tôi quá bối rối trước việc bất ngờ này và đột ngột bị rơi vào thế nhún nhường hèn mọn trước mặt vị thừa ủy quyền của quan tòa, cuộc đời tôi bị lật trăn giống như một vật thể tầm thường không có chút bí ẩn gì, đến độ tôi im lặng.

"Thay vì đỏ mặt lên như gấc, hãy cho tôi một câu trả lời, chàng trai, nếu không tôi sẽ không cho phép cô ấy ly dị."

"Cô ấy là con gái của dì tôi."

"Hừm, tôi biết. Anh có thể làm cho cô ta hạnh phúc chứ?" Khi hỏi câu này, tay ông ta phác một cử chỉ thông tục. Nhà tiểu họa phải bỏ qua hành động thiếu tế nhị này. Chỉ cần vẽ tôi đỏ mặt đến cỡ nào là đủ rồi.

"Tôi có thu nhập không tôi."

"Vì tôi theo phái Shafii, nên không có gì trái ngược với Thánh Thư hoặc giáo phái của tôi khi tôi phê chuẩn ly dị cho Shekure bất hạnh này, vốn có chồng đã mất tích ngoài mặt trận bốn năm rồi," vị thừa ủy quyền kính mền nói. "Tôi cho phép ly dị. Và tôi phán quyết rằng chồng cô ta không còn quyền hạn gì nếu anh ta trở về."

Bức minh họa tiếp theo, thứ tư, phải mô tả vị thừa ủy quyền ghi vụ ly dị này vào sổ cái, thả ra những binh đoàn chữ nghĩa mực đen trung thành, trước khi đưa cho tôi văn bản tuyên bố rằng Shekure giờ đã là quả phụ và không có rào cản nào ngăn không cho nàng tái giá ngay. Dù có vẽ những bức tường trong phòng xử màu đỏ, hay đặt bức tranh trong những đường viền đỏ như máu cũng không biểu lộ được tia sáng hạnh phúc nội tâm tôi cảm thấy được trong lúc đó. Chạy ngược qua đám đông những nhân chứng giả và những người khác đang tập hợp trước dinh quan tòa để xin ly dị cho chị em, con gái, thậm chí cả cô dì của họ, tôi bắt đầu chuyến trở về.

Sau khi băng qua eo biển Bosphorus và thẳng tiến đến khu Yakutlar, tôi

chia tay ông Thầy tế Kính mến, cả ông lẫn người em đều muốn làm phép cưới cho chúng tôi. Vì tôi nghi ngờ mọi người tôi thấy trên đường đang âm mưu một trò ma quái nào đó vì ghen tỵ trước hạnh phúc khó tin mà tôi sắp đạt được, tôi chạy thẳng đến con đường nhà Shekure. Làm thế nào mà lũ quạ xấu xa đoán được sự hiện diện của một xác chết trong nhà và nhảy nhót lung tung đầy kích động trên mái ngói? Tôi chìm trong cảm giác tội lỗi vì không thể khóc thương Enishte của tôi hoặc thậm chí nhỏ một giọt nước mắt; tuy vậy, qua những tấm rèm và khung cửa đóng chặt của ngôi nhà, qua sự im lặng, và thậm chí qua dáng vẻ của cây lựu, tôi biết rằng mọi thứ đang được tiến hành theo kế hoạch.

Tôi đang hành động theo trực giác một cách hết sức vội vã. Tôi ném một viên đá vào cổng sân nhưng trượt. Tôi ném một hòn khác vào nhà. Nó rớt xuống mái. Thất vọng, tôi bắt đầu ném đá liên tục vào nhà. Một cửa sổ mở. Nó là cửa sổ tầng hai nơi cách đây bốn ngày, hôm thứ Tư, lần đầu tôi thấy Shekure sau những cảnh lựu. Orhan xuất hiện, và qua khe hở của tấm rèm tôi có thể nghe tiếng Shekure la rầy nó. Rồi tôi thấy nàng. Trong phút chốc chúng tôi nhìn nhau đầy hy vọng, người phụ nữ duyên dáng của tôi. Nàng quá đẹp và hấp dẫn. Nàng làm một cử chỉ mà tôi cho là hàm ý "chờ" rồi đóng cửa sổ lại.

Còn khá lâu trời mới tối. Tôi chờ đợi đầy hy vọng trong khu vườn vắng vẻ, bỗng thấy sững sờ trước vẻ đẹp của thế giới, cây cối và con đường lầy lội. Không lâu sau, Hayriye đến, ăn mặc không giống đầy tớ mà như một quý cô trong nhà. Không đến gần nhau, chúng tôi đi về phía tán cây vả.

"Mọi thứ diễn biến theo kế hoạch," tôi nói với chị ta. Tôi cho chị ta xem văn bản của vị thừa ủy quyền. "Shekure đã được ly dị. Về phần ông giáo sĩ ở khu kia..." tôi định nói thêm, "tôi sẽ lo chuyện đó," nhưng rồi lại nói, "ông ta đang trên đường tới đây. Shekure phải chuẩn bị sẵn."

"Shekure muốn có một đám rước dâu, cho dù nhỏ, rồi một bữa tiệc đãi láng giềng. Chúng tôi đã chuẩn bị một nồi hầm quả hạnh đào với quả mơ rồi." Trong cơn kích động, chị ta có vẻ muốn nói với tôi về những món khác

chị ta đã nấu, nhưng tôi gạt ngang. "Nếu tổ chức lễ cưới chu đáo như thế thì Hasan và người của anh ta sẽ biết," tôi thận trọng nói, "họ sẽ đột kích ngôi nhà, làm nhục chúng ta, đám cưới sẽ bị hủy và chúng ta sẽ không thể làm gì được. Tất cả những cố gắng của chúng ta lúc đó sẽ trở nên vô ích. Chúng ta cần bảo vệ mình không chỉ trước Hasan với cha anh ta, mà còn trước kẻ ác đã giết Enishte Kính mến nữa. Chị không sợ sao?"

"Làm sao mà bọn tôi không sợ chứ?" Chị ta nói và bắt đầu khóc.

"Chị không được nói với ai bất cứ chuyện gì," tôi nói. "Mặc quần áo ngủ cho Enishte, trải nệm của ông ra rồi đặt ông lên đó, sao cho không giống một người chết mà như thể ông đang bệnh. Đặt mấy cái ly với vài chai xi rô cạnh đầu giường ông, đóng rèm kín lại. Bảo đảm rằng không có đèn trong phòng để ông có thể đóng vai người giám hộ của Shekure, người cha đang bệnh nặng của nàng, trong lễ cưới. Bây giờ không có chỗ cho đám rước dâu đâu. Chị có thể mời dăm ba hàng xóm vào phút cuối, vậy thôi. Khi mời họ, chị phải nói đây là ước nguyện cuối cùng của Enishte... Đây không phải là một đám cưới vui, mà là một đám cưới buồn. Nếu chúng ta không tự vượt qua chuyện này, họ sẽ hủy diệt chúng ta, và cũng trừng phạt cả chị nữa. Chị hiểu rồi chứ?"

Chị ta gạt đầu trong khi vẫn khóc. Leo lên con ngựa trắng, tôi nói tôi đi lo vụ nhân chứng và sẽ trở lại ngay, rằng Shekure phải chuẩn bị sẵn, rằng từ đây về sau tôi sẽ là ông chủ nhà, và rằng tôi sẽ đến chỗ ông thợ cạo. Trước đó tôi không hề nghĩ bất cứ điều gì về chuyện này. Khi tôi nói, các chi tiết đã nảy ra, và thỉnh thoảng đúng như tôi cảm thấy trong các trận chiến, tôi tin chắc rằng tôi là một đầy tớ đầy ơn phúc và được yêu thương của Thượng đế và Người đã bảo vệ tôi; vì vậy mọi thứ hóa ra tốt đẹp.

Khi bạn cảm nhận được sự tin tưởng này, hãy cứ làm bất cứ điều gì nảy ra trong đầu theo trực giác của mình rồi bạn sẽ thấy những hành động của mình là đúng.

Tôi cưới ngựa qua bốn dãy phố từ khu Yakutlar đến phía cửa sông Halic để tìm tay giáo sĩ có khuôn mặt tươi vui và râu đen ở thánh đường Yasin

Pasha ở khu kê cận; chổi trong tay, ông ta đang xua lũ chó lì lợm ra khỏi khoảng sân lầy lội. Tôi nói với ông về tình trạng khó xử của tôi. Tôi giải thích rằng, bởi ý muốn của Thượng đế, Enishte của tôi sắp chết, và theo ước nguyện cuối cùng của ông tôi sẽ cưới con gái của ông, bởi theo quyết định của quan tòa Uskudar thì nàng đã được phép ly dị người chồng đã mất tích trong chiến tranh. Nhà giáo sĩ phản đối rằng, theo các điều khoản trong luật Hồi giáo, phụ nữ đã ly dị phải chờ một tháng mới được tái giá, nhưng tôi phản bác bằng cách giải thích rằng người chồng trước đây của Shekure đã vắng mặt suốt bốn năm; và do đó không có chuyện cô ấy có thai với ông chồng đó. Tôi vội nói thêm rằng quan tòa Uskudar đã đồng ý cho ly dị hồi sáng này để cho phép Shekure tái giá, và tôi cho ông ta xem giấy chứng nhận. "Thầy tế Kính mến của tôi, ông có thể tin chắc rằng không hề có trở ngại nào với việc cưới xin này!" tôi nói. Thực tình, nàng là bà con ruột, nhưng anh em bên ngoại không phải là một trở ngại; cuộc hôn nhân trước của nàng đã bị hủy bỏ; giữa chúng tôi không hề có những khác biệt về tiền bạc, xã hội hay tôn giáo. Và nếu ông ta nhận những đồng tiền vàng mà tôi đưa trước, nếu ông cử hành nghi thức hôn lễ được dự trù sẽ tiến hành trước mặt toàn bộ hàng xóm, ông cũng sẽ hoàn thành tốt một hành vi sùng đạo trước mặt Thượng đế cho những đứa trẻ không cha của một quả phụ. "Thưa thầy tế Kính mến", tôi hỏi, "Thầy có thích món xúp rau với hạnh nhân và mơ khô không?"

Ông ta đồng ý, nhưng vẫn còn bận tâm đến lũ chó ở cổng. Ông ta nhận mấy đồng vàng. Ông nói để ông mặc áo choàng cưới vào; sửa soạn dáng vẻ, xem lại khăn xếp và đến đúng giờ đăng tiến hành những nghi thức cưới. Ông ta hỏi đường đến nhà và tôi chỉ cho ông ta.

Cho dù đám cưới có vội vã đến đâu đi nữa - dẫu đó là một đám cưới mà chú rể đã mơ ước suốt mười hai năm qua - còn gì có thể tự nhiên hơn việc anh ta quên những lo âu và rắc rối của mình mà đầu hàng trước bàn tay trìu mến và sự chòng ghẹo nhẹ nhàng của một bác thợ cạo cho việc cạo râu và cắt tóc trước lễ cưới? Cửa hàng bác thợ cạo, nơi bàn chân tôi đưa tôi đến, nằm gần chợ, trên con đường có ngôi nhà đổ nát ở Aksaray, mà Enishte quá cố của tôi, bà dì và Shekure xinh đẹp của tôi đã rời đi nhiều năm sau thời

niên thiếu của chúng tôi. Đây là bác thợ cạo tôi đã gặp năm ngày trước đó, ngày đầu tôi trở về. Khi tôi bước vào, bác ta ôm tôi, và như bất kỳ bác thợ cạo tử tế nào ở Istanbul sẽ làm thay vì hỏi tôi đã đi đâu về đâu cả chục năm qua. Bác ta lại lao vào những chuyện đồn đãi mới nhất trong vùng, rồi kết thúc cuộc nói chuyện với một lời bóng gió về nơi mà tất cả chúng ta sẽ đến vào cuối cuộc hành trình đầy ý nghĩa được gọi là cuộc đời này.

Bác thợ cạo tài giỏi này đã già. Lưỡi dao bác cầm trong bàn tay nhăn nheo đã run khi bác quơ nó trên gò má tôi. Bác say sưa suốt và đã nhận một thợ học việc trẻ mắt xanh, môi mọng, da trắng hồng - kẻ nhìn ông thầy mình với vẻ kính sợ. So với mười hai năm trước, cửa hàng này giờ sạch sẽ và ngăn nắp hơn. Sau khi đổ đầy nước ấm vào cái chậu treo bằng một sợi dây xích mới từ trần nhà thông xuống, ông ta cẩn thận gội đầu và rửa mặt cho tôi bằng nước lấy từ chiếc vòi bằng đồng dưới đáy chậu. Những cái chậu rộng cũ này được hàn mới lại không có dấu hiệu gỉ sét, những thùng than sưởi trông sạch sẽ, và những dao cạo có tay cầm bằng mã não thì bén ngọt. Bác mặc chiếc áo chèn lụa sạch bong, thứ bác miễn cưỡng mặc cách nay mười hai năm. Tôi cho rằng cậu thợ học việc tao nhã này, cao so với tuổi và thân hình mảnh khảnh, đã góp phần đem lại sự ngăn nắp cho cửa hàng và chủ nhân của nó, và trong khi thả mình theo những cảm giác sáng khoái của một cuộc cạo râu nhiều xà phòng ấm dằm mùi hoa hồng, tôi không thể không nghĩ về chuyện hôn nhân mang lại sự thịnh vượng và sức sống mới không chỉ cho ngôi nhà của một người độc thân mà cả cửa hàng và công việc của anh ta nữa.

Tôi không biết thời gian trôi qua bao lâu. Tôi chìm vào hơi ấm của thùng than đang dịu dàng sưởi cho cửa tiệm nhỏ này và những ngón tay thành thực của bác thợ cạo. Với việc cuộc sống bất ngờ tặng cho tôi những món quà tuyệt vời nhất hôm nay, cứ như cho không, và sau quá nhiều đau khổ, tôi cảm thấy vô vàn đội ơn Allah cao cả. Tôi cảm thấy cực kỳ tò mò, tự hỏi thế giới này của Người đã xuất hiện từ thế cân bằng bí ẩn nào, và tôi buồn thương cho Enishte, người đang nằm chết trong ngôi nhà nơi mà lát nữa đây tôi sẽ trở thành ông chủ. Tôi đang sẵn sàng lao vào hành động thì có tiếng ồn ào ngay cánh cửa luôn mở rộng của tiệm hút tóc: Shevket!

Bối rối, nhưng với vẻ tự tin thường lệ, nó chia ra một mẫu giấy. Không nói được lời nào và linh cảm một điều tồi tệ, lòng tôi run rẩy như bị trúng một cơn gió lạnh khi tôi đọc thấy:

Nếu không có lễ rước dâu, em sẽ không cưới - Shekure.

Nắm lấy vai Shevket, tôi nhấc có lên đùi. Tôi thích trả lời cho Shekure yêu quý của tôi bằng thư. "Như em muốn, em yêu!". Nhưng trong cửa tiệm của một bác thợ cạo thất học thì lấy đâu ra giấy với viết? Vì vậy với sự kín đáo có tính toán, tôi thì thầm câu trả lời của tôi vào tai thằng bé: "được rồi." Vẫn thì thầm, tôi hỏi nó ông ngoại nó đang làm gì.

"Ông đang ngủ." Bây giờ tôi có cảm giác rằng Shevket, bác thợ cạo, và cả bạn nữa đều đang nghi ngờ về tôi và cái chết của Enishte (Shevket, dĩ nhiên, cũng nghi ngờ những điều khác nữa). Thật tội nghiệp! Tôi gượng hôn nó, và nó nhanh chóng bỏ đi, bất mãn. Trong lễ cưới, mặc bộ lễ phục, nó từ xa nhìn tôi với vẻ thù địch.

Vì Shekure không rời nhà cha nàng để đến nhà tôi, và tôi sẽ dọn đến nhà cha vợ trong vai trò chàng rể, nên đám rước dâu chỉ là chuyện phụ. Dĩ nhiên tôi không đủ khả năng sắm sửa cho những họ hàng và bạn bè giàu có của tôi và nhờ họ cưỡi ngựa đứng đợi ở cổng nhà Shekure như những chú rể khác vẫn làm.

Tôi chỉ mời có hai người bạn từ thời thơ ấu mà tôi tình cờ gặp trong sáu ngày qua từ khi trở về Istanbul (một người làm thư ký giống tôi còn người kia đang điều hành một nhà tắm) và cả bác thợ cạo thân mến của tôi nữa, đôi mắt ông ngấn lệ trong khi ông vừa cạo râu và cắt tóc cho tôi vừa chúc tôi hạnh phúc. Cưỡi trên con ngựa trắng mà tôi đã cưới trong ngày đầu tiên đó, tôi gõ cổng nhà Shekure yêu dấu của tôi như thể đã sẵn sàng để mang nàng đến một ngôi nhà khác và một cuộc sống khác.

Với Hayriye, người mở cổng, tôi tặng một món tiền hào phóng. Shekure, mặc chiếc áo dài cưới đỏ tươi với những băng giấy hồng của cô dâu thả dài từ tóc đến chân, xuất hiện giữa những tiếng khóc, tiếng nức nở và thở dài

(một phụ nữ quở mắng bọn trẻ), những tiếng la "Cầu Thượng đế phù hộ cô" và duyên dáng trèo lên con ngựa trắng thứ nhì mà chúng tôi mang đến. Khi tay trống và người thổi sáo mà bác thợ cạo tử tế đã thu xếp cho tôi vào phút cuối, bắt đầu chơi một giai điệu chậm mừng cô dâu thì đám rước dâu buồn bã, nghèo nàn nhưng đầy tự hào của chúng tôi đã khởi hành.

Khi ngựa của chúng tôi bắt đầu đi nước kiệu, tôi hiểu rằng Shekure, với sự tinh ranh thường lệ của nàng, đã chuẩn bị cảnh tượng này để bảo vệ đám cưới. Sau khi đã thông báo lễ cưới của chúng tôi với cả khu xóm, cho dù chỉ vào giờ chót, đám rước dâu của chúng tôi về cơ bản đã giành được sự tán đồng của mọi người, do đó hóa giải được bất kỳ phản đối nào sau này đối với đám cưới của chúng tôi. Tuy nhiên, việc loan báo chúng tôi sắp cưới và tổ chức lễ cưới công khai - cứ như thách thức kẻ thù của chúng tôi, chồng trước của Shekure và gia đình anh ta - đã gây thêm nguy hiểm cho toàn bộ sự việc. Nếu chuyện này do tôi quyết định, tôi sẽ tổ chức lễ cưới trong vòng bí mật, không nói với một ai, không tổ chức lễ cưới; tôi thích trở thành chồng nàng trước và bảo vệ đám cưới sau.

Tôi dẫn đầu đoàn diễu hành trên con bạch mã tính khí thất thường của tôi, và khi chúng tôi đi qua khu xóm, tôi lo lắng dò tìm Hasan và người của anh ta mà tôi e rằng sẽ phục kích chúng tôi sau một con hẻm hoặc một cánh cổng tối nào đó. Tôi nhìn thấy những chàng trai, người lớn tuổi trong khu phố và những kẻ lạ dừng bước và đang ở cửa vẫy tay, tuy không hoàn toàn hiểu hết những gì đang diễn ra. Trong một khu chợ nhỏ mà chúng tôi ngẫu nhiên tiến vào, tôi hiểu ra rằng Shekure đã khôn khéo khởi động đường dây rí tai của nàng, và việc nàng ly dị rồi cưới tôi đã nhanh chóng được cả khu xóm tán đồng. Điều này thấy rõ qua vẻ hào hứng của người bán rau quả, ông này tuy không hề bỏ bê những quả táo, cà rốt và mộc qua của ông ta quá lâu song vẫn đi theo chúng tôi vài bước và gào lên "Cầu Thượng đế che chở hai người", qua nụ cười của người bán hàng ủ rũ, qua những ánh mắt đồng tình của chủ tiệm bánh mì, người đang cho thợ học việc cạo các mảnh khét bám trong nồi. Tuy nhiên tôi vẫn bồn chồn, cảnh giác đề phòng một cuộc đột kích bất ngờ, hoặc thậm chí một lời cật vấn thô bỉ. Vì lý do này, tôi hoàn toàn không bị bối rối vì sự nhộn nhạo của đám trẻ con kiếm tiền đang theo đuôi

khi chúng tôi rời khu chợ. Qua nụ cười của các bà tôi thoáng thấy đáng sau các cửa sổ, song cửa và những tấm rèm, tôi hiểu rằng nhiệt tình của đám trẻ ồn ào này đã bảo vệ và ủng hộ chúng tôi.

Khi tôi thấy con đường chúng tôi đang đi này giờ, tạ ơn Thượng đế, sau cùng cũng quanh trở lại nhà, tôi thấy thông cảm với Shekure và nỗi buồn của nàng. Thực ra, không phải nỗi bất hạnh của nàng khi phải kết hôn vào ngày cha nàng bị giết khiến tôi buồn, mà bởi vì lễ cưới này quá đơn sơ và nghèo nàn. Shekure yêu dấu của tôi xứng đáng với những con ngựa có dây cương bằng bạc và yên chạm trổ, những kỵ sĩ mặc áo lông chồn và lụa thêu chỉ vàng, hàng trăm cỗ xe chất đầy quà và của hồi môn; nàng xứng đáng được dẫn đầu một đám rước vô tận gồm các con gái những vương hầu, vua chúa và những cỗ xe chở đầy những cung nữ già đang tán gẫu về những xa hoa của một thời đã qua. Nhưng đám cưới của Shekure còn thiếu cả bốn người cầm sào giương cao tấm trướng bằng lụa đỏ thường dùng để che cho các trinh nữ nhà giàu khỏi những cặp mắt soi mói; cũng không có cả một dãy cờ dẫn đầu đám rước mang những cây nến cưới to và những cây trang trí đính hoa quả, vàng lá, bạc lá và những viên đá bóng loáng. Không chỉ áy náy, tôi còn cảm thấy một nỗi buồn khiến tôi chực trào nước mắt mỗi lần bọn thổi sáo và đánh trống thản nhiên ngừng chơi khi đám rước bị chìm trong đám người đi chợ hoặc các dãy cờ đang hứng nước tại vòi ở quảng trường vì chúng tôi không có người dọn đường hô to "Cô dâu đến."

Khi chúng tôi về gần tới nhà, tôi thu hết can đảm quay người lại nhìn nàng, và thấy nhẹ người khi bên dưới tấm mạng đỏ và dải kim tuyến hồng của cô dâu không hề có vẻ buồn rầu bởi những thiếu sót tội nghiệp đó, nàng trông khá phấn khởi khi biết rằng chúng tôi đã kết thúc đám rước và chuyển đi mà không gặp tai nạn hay rủi ro nào. Vì vậy, như mọi chàng rể, tôi đỡ cô dâu xinh đẹp vừa mới cưới của tôi xuống ngựa, khoác tay nàng và thong thả bóc từng nắm đồng xu bạc tung qua đầu nàng vào đám đông náo nhiệt. Trong khi đám trẻ này giờ theo chân đám rước nghèo nàn của chúng tôi tranh nhau những đồng bạc, Shekure và tôi bước vào sân, theo lối đi lát đá, và ngay khi bước vào nhà thì phả vào chúng tôi không chỉ có cái nóng mà có cả sự khùng khiếp của mùi thối rửa nặng nề.

Trong khi mọi người theo đám rước tìm chỗ ngồi nghỉ trong nhà Shekure và đám người có tuổi, các phụ nữ và trẻ em (Orhan trong góc nhà đang nghỉ ngơi nhìn tôi) trò chuyện huyên náo cứ như không hề có gì trục trặc và trong phút chốc tôi nghỉ ngơi cảm giác của mình; nhưng tôi biết các xác chết bị bỏ nằm ngoài nắng sau trận chiến thì có mùi thế nào, quần áo của họ tả tơi, giày và thắt lưng bị đánh cắp, còn khuôn mặt, mắt và môi họ thì bị sói và chim rúc rĩa. Đó là một mùi hôi thối vẫn đầy khắp miệng và phổi tôi gần như ngộp thở đến độ tôi có thể nhận ngay ra nó không chút lầm lẫn.

Xuống nhà bếp, tôi hỏi Hayriye về xác của Enishte Kính mến, với ý thức rằng tôi đang nói với chị ta lần đầu tiên trong vai trò gia chủ.

"Như ông bảo, chúng tôi để ông cụ nằm trên nệm, mặc đồ ngủ cho ông, quấn ông trong mền bông và đặt mấy chai xi rô cạnh ông. Nếu ông ấy tỏa ra mùi khó chịu, chắc là do hơi nóng của thùng than sưởi trong phòng", chị ta nói qua nước mắt.

Một hai giọt nước mắt của chị ta rớt xuống, kêu xèo xèo trong cái chảo chị ta đang dùng để chiên thịt cừ. Qua cách chị ta khóc, tôi cho rằng Enishte Kính mến đêm đêm đã dẫn chị ta vào giường của ông. Esther, này giờ ngồi im lặng và tự hào trong một góc bếp, nuốt những gì chị ta đang nhai rồi đứng dậy.

"Hãy coi hạnh phúc cho cô ấy là ưu tiên hàng đầu của anh," chị ta nói. "Hãy công nhận giá trị của cô ấy."

Trong ý nghĩ tôi như nghe có tiếng đàn luyt mà tôi đã nghe được trên đường ngày đầu tiên tôi về đến Istanbul. Ngoài nỗi buồn, giai điệu của nó còn có sự mãnh liệt. Sau này tôi còn nghe được giai điệu đó một lần nữa trong căn phòng mờ tối nơi Enishte của tôi đang nằm trong bộ đồ ngủ, khi Thầy tế Kính mến làm phép cưới cho chúng tôi.

Bởi vì Hayriye đã ngậm mở cửa cho thông gió căn phòng trước đó và đặt một ngọn đèn dầu trong góc cho nó chỉ sáng lờ mờ một nên người ta khó mà nghĩ rằng Enishte của tôi bị bệnh chứ đừng nói là đã chết. Vì vậy, ông đã

đóng vai người giám hộ hợp pháp cho Shekure trong suốt buổi lễ. Người bạn thợ cạo của tôi, cùng với một ông già hàng xóm cái-gì-cũng-biết làm nhân chứng. Trước khi buổi lễ kết thúc với những lời chúc phúc và khuyên răn của ông giáo sĩ và những lời cầu nguyện của mọi người tham dự, một ông già thóc mách, do quan tâm đến sức khỏe của Enishte của tôi, định cúi cái đầu hoài nghi của ông ta xuống người chết; nhưng ngay khi giáo sĩ vừa hoàn tất nghi lễ, tôi liền nhảy ra khỏi chỗ đứng, chộp lấy cánh tay cứng ngắc của Enishte của tôi mà hét thật to:

"Xin đừng lo lắng, Enishte thân yêu. Con sẽ làm mọi chuyện trong khả năng mình để chăm sóc Shekure và bọn trẻ, bảo đảm cho chúng được ăn ngon, mặc đẹp, được yêu thương và không gặp rắc rối."

Kế đến, làm như Enishte của tôi đang cố thì thảo với tôi trên giường bệnh, tôi cẩn thận và đầy tôn kính áp tai sát miệng ông, giả như đang chăm chú lắng nghe ông với đôi mắt mở to như những người trẻ vẫn làm khi một người già mà họ tôn trọng đưa ra mấy lời khuyên rút ra từ toàn bộ cuộc đời, những lời khuyên mà lúc đó họ nuốt ừng ực như một loại thánh dược. Thầy tế Kính mến và ông già hàng xóm có vẻ trân trọng và tán đồng lòng trung thành và sự tận tụy đến cùng mà tôi thể hiện với cha vợ. Tôi hy vọng không ai nghĩ rằng tôi có dính dáng vào vụ giết ông.

Tôi thông báo với khách dự đám cưới vẫn còn trong phòng rằng ông cụ khốn khổ này muốn được ở một mình. Lập tức họ bắt đầu rút lui, đi qua phòng kế bên nơi mọi người tập hợp để thưởng thức món cơm chiên thập cẩm và thịt cừu của Hayriye (lúc này tôi không còn phân biệt nổi mùi của xác chết với mùi thơm của hành tây, cây thìa là và thịt cừu rán). Tôi bước ra hành lang rộng, và giống như một gia chủ đang trí và đăm chiêu đi lang thang khắp nhà mình, tôi mở cửa vào phòng Hayriye, không để ý đến những phụ nữ đang hoảng hốt vì có một người đàn ông xuất hiện giữa bọn họ, tròng mắt nhìn Shekure, đôi mắt nàng ánh lên niềm hạnh phúc khi thấy tôi, rồi tôi nói:

"Cha gọi em, Shekure. Chúng ta đã cưới nhau, em nên hôn tay cha."

Đám phụ nữ hàng xóm mà Shekure mời vào phút chót và các cô gái trẻ mà tôi nghĩ là bà con tỏ vẻ đã trấn tĩnh và che mặt lại đồng thời liên tục ngấm nghĩa tôi đến thỏa thuê.

Ngay sau hồi chuông báo giờ cầu kinh tối, khách dự đám cưới giải tán, sau khi nhiệt tình nạp đầy bụng những quả óc chó, hạnh đào trái cây khô và kẹo trái cây. Trong khu vực của các bà, tiếng khóc không ngớt của Shekure và tiếng cãi nhau của lũ trẻ ngỗ nghịch làm không khí lễ hội mất vẻ hào hứng. Giữa các ông, sự im lặng lạnh lùng của tôi trước những chọc ghẹo của hàng xóm về đêm tân hôn thú vị được cho là bởi lo lắng về bệnh tình của cha vợ. Giữa tình cảnh chẳng lấy gì làm vui ấy, hình ảnh ghi khắc rõ nhất trong ký ức của tôi là cảnh tôi đưa Shekure vào phòng của Enishte trước bữa tối. Sau cùng chúng tôi cũng được ở một mình với nhau. Sau khi hai đứa tôi hôn bàn tay lạnh và cứng của người chết với lòng kính trọng chân thành, chúng tôi rút vào một góc tối trong phòng và hôn nhau như cố thỏa mãn một cơn khát dữ dội. Trên đầu lưỡi nóng bỏng của vợ, mà rốt cuộc tôi cũng nếm được vào miệng mình, tôi nếm được những viên kẹo mà lũ trẻ đã ăn lấy ăn để.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 34: Tôi, Shekure

Những vị khách cuối cùng trong đám cưới buồn hiu của chúng tôi che mạng lên và mặc áo ấm, mang giày, lôi bọn trẻ của họ ra, chúng vừa theo cha mẹ vừa tọng những viên kẹo cuối cùng vào miệng, để chúng tôi lại với sự im lặng sâu lắng. Tất cả chúng tôi đang ở trong sân, chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng động sè sà của con chim sè rón rén uống nước trong cái xô đựng nước giếng lưng phân nửa. Con chim sè này, với những chiếc lông trên cái đầu bé xíu lấp lánh trong ánh sáng của lò sưởi lát đá, bất ngờ biến mất vào đêm đen, và tôi cảm thấy sự hiện hữu bất di bất dịch của xác chết trên giường cha tôi trong ngôi nhà trống trải của chúng tôi bây giờ bị bóng đêm nuốt chửng.

N

"Này mấy đứa," tôi nói bằng ngữ điệu mà Orhan và Shevket nhận ra ngay là giọng tôi dùng để thông báo một điều gì đó, "lại đây cả hai đứa."

Chúng đến.

"Siyah bây giờ là cha các con. Các con hôn tay cha đi."

Chúng làm theo, lặng lẽ và ngoan ngoãn. "Vì chúng lớn lên mồ côi cha, nên bọn trẻ bất hạnh này không biết vâng lời cha, không chú ý đến lời của cha trong khi nhìn vào mắt cha, hoặc tin cậy vào cha," tôi nói với Siyah. "Vì vậy, nếu chúng cư xử vô lễ, ngang bướng, non nớt hoặc trẻ con với anh, em biết rằng trước hết anh sẽ dung thứ, hiểu rằng chúng lớn lên mà chưa từng một lần vâng lời cha chúng, người mà thậm chí chúng không nhớ nữa."

"Con nhớ cha con," Shevket nói.

"Im... nghe này," tôi nói. "Từ giờ trở đi lời của Siyah thậm chí còn quan

trọng hơn cả lời của mẹ." Tôi đối mặt với Siyah. "Nếu chúng không nghe anh nói, nếu chúng không vâng lời hay thậm chí có dấu hiệu hỗn láo nào dù nhỏ nhất, hư hỏng hoặc bất lịch sự trước hết anh hãy cảnh cáo chúng, nhưng hãy tha thứ cho chúng," tôi nói, bỏ ý định đề cập đến việc roi vọt vốn đang chực thốt ra. "Nếu em chiếm được chỗ nào trong tim anh, thì chúng cũng được chia sẻ chỗ đó."

"Anh không cưới em chỉ để làm chồng em, mà còn để làm cha những đứa trẻ đáng yêu này nữa." Siyah nói.

"Hai đứa có nghe thấy không?"

"Ôi đáng tội cao, cầu xin Người không quên chiếu ánh sáng của Người xuống chúng tôi," Hayriye đột ngột lên tiếng từ trong góc phòng. "Lạy Thượng đế, cầu xin Ngài che chở chúng con."

"Cả hai đứa nghe thấy rồi, phải không?" tôi nói. "Tốt cho các con đấy, hai con trai của mẹ. Vì cha đã yêu các con như vậy, nên nếu các con bất ngờ mất tự chủ và coi thường lời của cha, cha sẽ tha thứ cho các con vì chuyện đó từ trước rồi."

"Và sau này anh cũng tha thứ cho chúng luôn," Siyah nói.

"Tuy nhiên nếu hai đứa coi thường lời cảnh cáo của cha lần thứ ba... lúc đó các con đáng bị ăn đòn đấy," tôi nói. "Hai đứa hiểu chứ? Cha mới của các con, Siyah, đến đây từ những trận đánh tồi tệ nhất, xấu xa nhất, từ những cuộc chiến vốn dĩ chính là cơn giận của Thượng đế và từ những cuộc chiến mà người cha quá cố của các con không trở về; phải, cha là người đàn ông cứng rắn, ông ngoại đã làm hư các con vì nuông chiều quá mức. Ông ngoại hiện bệnh rất nặng."

"Con muốn đến với ông," Shevket nói.

"Nếu con không lắng nghe, Siyah sẽ dạy chúng con biết một trận đòn địa ngục nghĩa là gì. Ông ngoại sẽ không cứu các con thoát khỏi tay Siyah theo

cách ông cứu các con khỏi tay mẹ đầu. Nếu không muốn chịu cơn thịnh nộ của cha, các con không được gây lộn nữa, các con phải nhường nhau mọi thứ, không nói dối, đọc kinh cầu nguyện, không đi ngủ trước khi thuộc bài, không ăn nói thô lỗ với Hayriye hay chọc ghẹo chị ấy...Các con hiểu chưa?"

Bằng một động tác, Siyah cúi xuống bế Orhan lên. Shevket vẫn giữ khoảng cách. Tôi thoáng muốn ôm nó và khóc. Đứa con côi cút bất hạnh tội nghiệp của tôi, Shevket cô đơn đáng thương của tôi, con quá cô độc trong thế giới mênh mông này. Tôi nghĩ về chính mình khi còn nhỏ, giống như Shevket, một đứa trẻ hoàn toàn cô độc trên đời, và nhớ tôi đã từng nằm trong vòng tay người cha yêu quý của tôi như Orhan hiện đang nằm trong vòng tay Siyah. Nhưng không như Orhan, tôi không lúng túng trong vòng tay của cha tôi, giống như một quả không quen với cái cây của nó. Tôi thấy hài lòng, tôi nhớ lại cha tôi với tôi thường ôm nhau, ngửi mùi da thịt của nhau như thế nào. Tôi sắp khóc, nhưng cố kìm lại.

Dù tôi không có ý định nói một điều gì đại loại như thế, nhưng tôi vẫn nói:

"Bây giờ các con gọi Siyah là "Cha" cho mẹ nghe xem."

Đêm quá lạnh và ngoài sân quá yên tĩnh. Xa xa chó sủa, tru lên thống thiết và buồn bã. Vài phút trôi qua. Im lặng bao trùm và thảm kín lan rộng như một bông hoa đen.

"Được rồi, các con," hồi lâu sau tôi nói. "Vào trong nhà kẻo không lại nhiễm lạnh ngoài đây mất."

Không chỉ Siyah với tôi cảm thấy sự bẽn lẽn của một cô dâu và chú rể bị bỏ lại một mình với nhau sau lễ cưới, mà cả Hayriye và bọn trẻ, tất cả chúng tôi, đều ngật ngừng bước vào nhà của mình như thể nó là ngôi nhà tối tăm của một kẻ lạ. Chúng tôi gặp phải mùi xác chết của cha tôi, nhưng không ai tỏ vẻ nhận ra điều đó. Chúng tôi lặng lẽ leo lên lầu, và những chiếc bóng hắt lên trần qua ánh sáng của ngọn đèn dầu, như mọi khi, xoay tròn và hòa vào nhau, lúc giãn ra, khi co lại, nhưng có vẻ như đang làm thế lần đầu. Trên lầu,

khi chúng tôi cởi giày ngoài hành lang, Shevket hỏi:

"Trước khi đi ngủ con hôn tay ông ngoại được không?"

"Tôi vừa vào thăm ông xong," Hayriye nói. "Ông ngoại cậu đau đớn và khó chịu đến độ ta thấy rõ là ác thần đã tóm được ông. Sốt cao làm ông kiệt sức. Lên phòng cậu đi, để tôi dọn giường cho cậu."

Hayriye dắt chúng vào phòng. Trong khi trải nệm và khăn phủ mền ra, chị ta làm như mọi món chị ta cảm là một thứ độc đáo lạ thường trên thế giới và lẩm bảm về chuyện ngủ ở đây, trong căn phòng ấm giữa những tấm khăn sạch và mền ấm, thì chẳng khác gì qua đêm trong cung điện nhà vua.

"Hayriye, kể chuyện cho tụi em nghe đi," Orhan nói trong khi ngồi trên bô.

"Ngày xưa ngày xưa có một người màu xanh," Hayriye kể, "và bạn thân nhất của ông ta là một âm hồn."

"Tại sao người đó có màu xanh?" Orhan hỏi.

"Lạy thánh thần, Hayriye," tôi nói. "Ít nhất thì tôi nay cũng đừng kể chuyện âm hồn hay ma quỷ nữa."

"Sao không được kể?" Shevket hỏi. "Mẹ ơi tụi con ngủ rồi mẹ sẽ qua chỗ ông ngoại hả?"

"Ông ngoại con, cầu xin Allah che chở, bệnh nặng lắm", tôi nói. "Dĩ nhiên ban đêm mẹ sẽ ở cạnh ông để chăm sóc. Sau đó mẹ sẽ quay lại với các con, đúng không?"

"Có Hayriye chăm sóc ông rồi," Shevket nói. "Bộ ban đêm Hayriye không chăm sóc ông sao?"

"Cậu xong chưa?" Hayriye hỏi Orhan. Khi chị ta chùi đít Orhan bằng miếng giẻ ướt, mặt nó bơ phờ. Chị ta nhìn vào bô và nhăn mặt, không phải vì

cái mùi, mà như thể những gì chị ta thấy là chưa đủ.

"Hayriye," tôi nói. "Đồ bê rồi đem nó vô đây nghe. Tôi không muốn Shevket rời phòng lúc nửa đêm."

"Sao con không được rời khỏi phòng?" Shevket hỏi. "Sao Hayriye không được kể chuyện ma quỷ?" Bởi vì có âm hồn trong nhà này rồi, ngốc ạ," Orhan nói, không phải vì sợ hãi, mà với tinh thần lạc quan ngu ngốc mà tôi luôn nhận thấy sau khi nó đi ỉa xong.

"Mẹ, có âm hồn ở đây hả?"

"Nếu con rời khỏi phòng, nếu con cố đi gặp ông ngoại, âm hồn sẽ bắt con."

"Siyah bày giường ở đâu?" Shevket hỏi. "Tôi nay ông ấy ngủ ở đâu?"

"Mẹ không biết," tôi nói. "Hayriye sẽ dọn giường cho ông ấy."

"Mẹ ơi mẹ ngủ với tụi con, phải không?" Shevket nói.

"Mẹ đã nói với con bao nhiêu lần rồi? Mẹ vẫn ngủ với hai con như trước đây."

"Lúc nào cũng vậy hả?"

Hayriye đi đồ bê. Từ trong tủ nơi tôi đã cất giấu, tôi lấy ra chín bức tranh còn lại mà tên giết người khôn nạn đã bỏ lại rồi ngồi xuống giường. Dưới ánh nến, tôi nhìn chúng chăm chú hồi lâu, cố hiểu bí mật của chúng. Những bức minh họa này đủ đẹp để ta có thể lầm chúng là những ký ức đã quên mất của chính ta; và với phần chữ viết, khi ta nhìn vào chúng, chúng liền lên tiếng.

Tôi đắm mình vào những bức tranh. Qua mùi thơm từ cái đầu xinh đẹp của Orhan mà tôi dụi mũi vào, tôi hiểu rằng nó cũng nhìn vào màu Đỏ đáng ngờ và kỳ cục đó. Như đôi khi vẫn xảy ra, tôi bị thôi thúc muốn vạch vú ra

cho nó bú. Sau đó, khi Orhan sợ hãi trước bức tranh khủng khiếp vẽ Thần chết, nó nhẹ nhàng và dịu dàng thở bằng cái miệng đỏ tươi, bắt chợt tôi muốn ăn thịt nó.

"Mẹ sẽ ăn thịt con, con hiểu không?"

"Mẹ, cù lét con đi," nó nói và nằm lăn ra.

"Đứng dậy, nhanh lên nhóc con," tôi hét lên và phát vào mông nó. Nó đã nằm lên các bức tranh. Tôi kiểm tra các bức minh họa; rõ ràng chưa có thiệt hại gì. Hình ảnh con ngựa của bức tranh trên cùng hơi bị nhàu, nhưng khó phát hiện.

Hayriye bước vào với chiếc bô không. Tôi gom các bức tranh lại và sắp ròi phòng thì Shevket bật khóc:

"Mẹ ơi mẹ tính đi đâu?"

"Mẹ trở vô liền mà."

Tôi băng qua hành lang lạnh ngắt. Siyah ngồi đối diện chiếc nệm trống của cha tôi, đúng vị trí anh đã ngồi bàn về hội họa và luật phối cảnh với ông suốt bốn ngày. Tôi trải những bức tranh lên giá đọc sách, trên nệm và dưới sàn nhà trước mặt anh. Màu sắc bắt chợt tràn ngập căn phòng đột nên với một sự ấm áp và sống động kỳ lạ, như thể mọi thứ được đưa vào chuyển động.

Hoàn toàn bất động, chúng tôi nhìn những bức tranh hồi lâu im lặng và đầy thành kính. Thậm chí khi chúng tôi làm động tác nhẹ nhàng nhất, bầu không khí yên tĩnh, vốn mang mùi cái chết từ căn phòng bên kia hành lang rộng, cũng làm ánh nến đung đưa và những bức minh họa bí ẩn của cha tôi cũng có vẻ như chuyển động. Phải chăng những bức tranh có ý nghĩa quan trọng như thế đối với tôi bởi chúng là nguyên nhân dẫn đến cái chết của cha tôi? Tôi có bị mê hoặc bởi nét đặc biệt của con ngựa hay vẻ lạ thường của màu Đỏ, bởi sự khốn khổ của cội cây hay nỗi buồn của hai tín đồ khổ tu lang

thang, hay đó là do tôi sợ tên sát nhân đã giết cha tôi và có lẽ còn giết những người khác nữa vì mấy bức minh họa này? Một lát sau, Siyah và tôi đều hiểu rõ rằng sự im lặng giữa chúng tôi có thể do những bức tranh gây ra, mà cũng do chúng tôi ở một mình với nhau trong cùng căn phòng vào đêm tân hôn của chúng tôi. Cả hai đều muốn lên tiếng:

"Sáng mai khi thức dậy, chúng ta phải nói với mọi người rằng người cha bất hạnh của em đã qua đời trong giấc ngủ." tôi nói. Dù điều tôi nói là đúng, nhưng có vẻ như tôi không thành thực.

"Sáng mai mọi thứ sẽ ổn cả." Siyah nói với cùng một vẻ lạ kỳ như thế, không thể tin vào sự thật của những gì anh vừa nói.

Khi anh làm một động tác gần như không thấy được để tiến đến gần tôi hơn, tôi bị thôi thúc muốn ôm chầm lấy anh, như tôi đã làm với bọn trẻ, để ôm lấy đầu anh trong tay mình.

Ngay lúc đó, tôi nghe tiếng cửa phòng cha tôi bật mở, bật dậy trong kinh hoàng, tôi chạy tới, mở cửa phòng chúng tôi mà nhìn ra: Qua ánh sáng hắt ra hành lang, tôi choáng váng khi thấy cửa phòng cha tôi hé mở. Tôi bước ra hành lang lạnh ngắt. Phòng của cha tôi, được sưởi bằng thùng than vẫn cháy, bốc đầy mùi thối rữa. Shevket hay ai đó đã đến đây sao? Xác ông, trong bộ đồ ngủ vẫn nằm bình yên, chìm trong ánh sáng yếu ớt của thùng sưởi. Tôi nghĩ đến cảnh mà trong nhiều đêm tôi thường nói:

"Chúc ngủ ngon, cha thân yêu." trong khi ông đọc Kitab al-Ruh dưới ánh nến trước khi ngủ. Hơi nhóm người dậy, ông đón chiếc ly tôi mang đến cho ông và nói: "Cầu mong cho người mang nước đến không bao giờ thiếu thốn thứ gì," trước khi hôn lên má tôi và nhìn vào mắt tôi như ông thường làm khi tôi còn con gái. Tôi nhìn xuống khuôn mặt khủng khiếp của cha tôi và, tóm lại, tôi thấy sợ. Tôi muốn tránh nhìn vào ông, trong khi đồng thời, bị Quỷ sứ thôi thúc, tôi muốn thấy ông đã trở nên kinh khủng đến mức nào.

Tôi rón rén trở về phòng có cánh cửa xanh rồi Siyah chồm vào tôi. Tôi đẩy anh ra, do vô tâm hơn là do giận dữ. Chúng tôi giằng co trong ánh sáng

chập chờn của ngọn nến, dù không thực sự vật lộn mà chỉ bắt chước một cuộc vật lộn. Chúng tôi thích thú với việc đụng vào nhau, chạm tay, chân và ngực của nhau. Sự bối rối này tôi cảm thấy giống tình trạng xúc cảm mà Nizami đã mô tả về Husrev và Shirin: Có thể nào Siyah, người đã đọc Nizami quá kỹ, cảm thấy rằng, giống như Shirin, khi tôi nói: "Đừng hôn em mạnh quá đến độ làm bầm cả môi em" thì tôi cũng hàm ý "Tiếp tục đi"?

Em không ngủ chung giường với anh chừng nào chưa truy tầm ra kẻ ác đó, chừng nào kẻ giết cha em chưa bị bắt." tôi nói.

Khi chạy khỏi phòng, tôi cảm thấy bối rối. Tôi đã nói bằng một giọng the thé như thế, đến độ có vẻ như tôi muốn cho bọn trẻ và Hayriye nghe được những gì tôi nói - thậm chí có lẽ cho cả người cha tội nghiệp và người chồng quá cố của tôi, mà thân xác từ lâu đã thối rữa và hóa thành đất bụi trên vùng đất khô cằn nào đó không ai biết.

Ngay khi tôi quay lại với bọn trẻ, Orhan nói, "Mẹ ơi, Shevket ra ngoài hành lang."

"Con ra đó hả?" tôi hỏi, ra vẻ như sắp phát vào mộng nó.

"Hayriye," Shevket nói và ôm chị ta.

"Cậu ấy không ra đó," Hayriye nói. "Cậu ấy ở trong phòng suốt."

Tôi rùng mình và tránh nhìn vào mắt chị ta. Tôi nhận ra rằng sau khi cái chết của cha tôi được thông báo, bọn trẻ từ đó sẽ tìm chỗ che chở ở Hayriye, nói với chị ta tất cả những bí mật của chúng tôi, và rồi người đầy tớ hèn mọn ấy sẽ lợi dụng cơ hội này để tìm cách điều khiển tôi. Chị ta sẽ không dừng lại ở đó, mà sẽ đặt trách nhiệm việc giết cha tôi lên vai tôi, sau đó chị ta sẽ đưa việc giám hộ bọn trẻ sang cho Ha san! Phải, thực tế chị ta sẽ làm như vậy! Tất cả mưu đồ tro trên này là do chị ta đã ngủ với cha tôi - cầu cho ông được yên nghỉ. Tại sao tôi lại phải tiếp tục giấu giếm tất cả những chuyện này với bạn? Dĩ nhiên thực tế chị ta đang làm chính điều này đây. Tôi mỉm cười ngọt ngào với chị ta. Sau đó, tôi bế Shevket lên đùi mà hôn nó.

"Con nói với mẹ là Shevket đã ra ngoài hành lang mà," Orhan nói.

"Vào giường đi hai đứa. Để mẹ nằm giữa kể cho tụi con nghe câu chuyện con chó rừng không đuôi và vị hắc thần."

"Nhưng mẹ nói Hayriye không được kể cho tụi con nghe chuyện thần thánh ma quỷ mà," Shevket nói. "Sao tối nay Hayriye không được kể chuyện cho tụi con?"

"Họ đến Thành phố của những đứa trẻ bị từ bỏ hả?" Orhan hỏi.

"Phải!" tôi nói. "Không đứa bé nào trong thành phố đó có mẹ hay cha. Hayriye, xuống nhà kiểm tra cửa nẻo lần nữa đi. Chúng tôi chắc sẽ ngủ giữa chừng câu chuyện."

"Con không ngủ đâu," Orhan nói.

"Tối nay Siyah ngủ ở đâu?" Shevket hỏi.

"Trong xưởng," tôi nói. "Nằm sát mẹ cho ấm. Chân đứa nào lạnh dữ vậy?"

"Chân con đó," Shevket nói. "Hayriye ngủ ở đâu?"

Tôi bắt đầu kể chuyện, và như thường lệ, Orhan thiếp ngủ trước, sau đó tôi hạ thấp giọng.

"Con ngủ rồi, mẹ đừng đi đâu mẹ nhé?" Shevket nói.

"Ừ mẹ không đi đâu."

Thật tình tôi không có ý định rời giường. Sau khi Shevket ngủ, tôi ngẫm nghĩ rằng thú vị làm sao khi được ngủ bên các con tôi vào đêm động phòng của lần tái giá - trong khi người chồng thông minh, đẹp trai, đầy khao khát của tôi thì ngủ trong căn phòng kề cận. Tôi ngủ lơ mơ với những ý tưởng như thế, nhưng giấc ngủ của tôi chập chờn. Sau này, những gì tôi nhớ lại được về cái trạng thái bồn chồn kỳ lạ giữa mơ và tỉnh đó là thế này: Trước

tiên, tôi thanh toán sòng phẳng với tám linh hồn giận dữ của người cha quá cố của tôi, sau đó tôi chạy trốn tên giết người tàn ác vốn muốn đưa tôi đi theo cha tôi. Khi hắn đuổi theo tôi, tên giết người sắt đá đó, thậm chí còn đáng sợ hơn linh hồn của cha tôi bắt đầu gây náo loạn âm ỉ. Trong giấc mơ, hắn ném đá vào nhà tôi, bay trúng cửa sổ và rơi trên mái. Sau đó, hắn ném một viên đá vào cửa chính đến mức gần như phá tung cánh cửa. Kể đó khi cái linh hồn xấu xa nọ bắt đầu rên rỉ như một con thú quái quỷ nào đó thì tim tôi bắt đầu đập thành thịch.

Tôi thức dậy mờ hồi đêm đũa. Phải chăng tôi nghe được những âm thanh đó trong giấc mơ, hay là tôi thức giấc vì những âm thanh ở đâu đó trong nhà? Tôi không xác định được. Thế là tôi rúm lại với lũ trẻ, và không dám cử động, tôi chờ đợi. Tôi gần như đã tự trấn an rằng những tiếng động đó chỉ là trong giấc ngủ của mình thì lại nghe tiếng rên rỉ. Ngay lúc ấy, một vật gì rất lớn rơi huych xuống sân. Chỉ là một cục đá, có lẽ vậy chăng?

Tôi cứng người vì sợ. Nhưng tình hình lập tức còn tồi tệ hơn.

Tôi nghe có tiếng động ngay trong nhà. Hayriye ở đâu? Siyah ngủ thiếp đi trong phòng nào? Thi thể đáng thương của cha tôi hiện ra sao? Ôi Thượng đế, tôi cầu xin, hãy bảo vệ chúng con. Bọn trẻ vẫn ngủ say.

Nếu chuyện này xảy ra trước khi tôi kết hôn, hẳn tôi đã rời khỏi giường và đi kiểm soát tình hình như người đàn ông trong nhà, tôi hẳn đã trấn áp được nỗi sợ hãi và xua đi mọi ma quỷ âm hồn. Tuy nhiên, trong tình cảnh hiện nay tôi rúm người lại và ôm lấy lũ trẻ. Làm như chẳng còn một ai khác trên đời này. Sẽ chẳng có ai đến trợ giúp lũ trẻ với tôi. Trong cảnh chờ đợi một điều gì khủng khiếp xảy rồi tôi cầu xin đấng Allah cứu giúp. Giống như trong những giấc mơ tôi luôn cô độc. Tôi nghe tiếng cổng ngoài sân mở ra. Đó là cổng vào sân, phải không? Phải, dứt khoát là thế.

Tôi bất thần chồm dậy, chộp lấy áo khoác ngoài và rời khỏi phòng mà thậm chí không biết mình đang làm gì.

"Siyah!" Tôi đứng ở đầu cầu thang trầm giọng kêu lên.

Sau khi vội vã thọc chân vào đôi giày, tôi đi xuống cầu thang, ngọn nến tôi thắp ở thùng than tắt phụt ngay khi tôi ra tới lối đi lót đá ngoài sân. Một cơn gió mạnh nổi lên, dù trời rất trong.

Ngay khi mắt đã quen với bóng tối, tôi thấy vầng trăng trung tuần rọi sáng khắp sân. Thánh Allah kính yêu ơi! Cánh cổng vào sân mở toang. Tôi đứng sững sờ, run rẩy trong khí lạnh.

Sao tôi không đem theo một con dao? Mà tôi cũng không cầm theo cái giá nến hay khúc củi nào. Trong khoảnh khắc, trong bóng tối, tôi thấy cánh cổng tự động nhúc nhích. Sau đó, khi nó có vẻ đứng yên, tôi nghe nó rít lên. Tôi nhớ khi đó mình nghĩ, đây có vẻ giống một giấc mơ.

Khi đó tôi nghe tiếng động từ trong nhà cứ như ngay bên dưới mái nhà, tôi hiểu rằng linh hồn cha tôi đang vật vã để rời khỏi thân xác. Việc biết linh hồn cha tôi đang trong trạng thái dần vật như thế khiến tôi cảm thấy vừa dễ chịu vừa đau đớn cực độ.

Tôi nghĩ nếu Cha là nguyên nhân gây ra những tiếng động này thì sẽ không có điều xấu nào xảy ra với tôi. Mặt khác, hình ảnh linh hồn bị dần vật của ông, điên cuồng bay lung tung, cố thoát đi và bay lên, khiến tôi quá đau khổ đến độ tôi cầu xin thánh Allah vớ về ông. Nhưng khi tôi chợt nghĩ ra rằng linh hồn ông sẽ bảo vệ tôi và bọn trẻ, một cảm giác vô cùng nhẹ nhõm trùm lấy tôi. Nếu thực sự có một thứ ma quỷ nào đó đang mưu điều ác đằng sau cánh cổng, hãy để hấn khiếp sợ linh hồn xáo động của cha tôi.

Ngay sau đó, tôi lo rằng có lẽ chính Siyah đã khiến cha tôi khó chịu như thế. Cha tôi gây điều xấu cho Siyah chăng? Anh ấy đâu rồi? Ngay khi ấy, ngoài cổng, trên đường, tôi nhận ra anh và cứng người lại. Anh đang nói chuyện với ai đó.

Người đàn ông đang nói chuyện với Siyah bên hàng cây trong sân trông tốt bên kia đường. Tôi có thể suy ra rằng tiếng rú tôi nghe khi nằm trên giường là do người đàn ông này mà tôi biết ngay là Hasan. Có một sự căng thẳng buồn rầu, một vẻ bi thương trong giọng nói của chú ấy, nhưng cũng

hàm ý đe dọa.

Tôi đứng từ xa lắng nghe họ. Trong đêm yên tĩnh, họ mãi miết lắng mạ nhau.

Tôi hiểu rằng tôi hoàn toàn lẻ loi trên đời này cùng bọn trẻ.

Tôi nghĩ rằng tôi yêu Siyah, nhưng nói thật, điều tôi muốn là chỉ yêu một mình Siyah - vì giọng nói u sầu của Hasan làm cháy xém tim tôi.

"Ngày mai tôi sẽ trở lại mang theo quan tòa, binh lính và nhân chứng, họ sẽ thề rằng anh trai tôi vẫn còn sống và vẫn đang chiến đấu ở vùng núi Ba Tu", chú ấy nói. "Đám cưới của các người là bất hợp pháp, các người phạm phải tội thông dâm rồi đó."

"Shekure không phải là vợ anh, nàng là vợ của người anh quá cố của anh." Siyah nói.

"Anh trai tôi vẫn còn sống," Hasan nói đầy tự tin. "Có nhân chứng đã thấy anh ấy."

"Sáng nay, dựa trên việc anh ta không trở về sau bốn năm đi chiến dịch, quan tòa Uskudar đã cho phép Shekure ly dị. Nếu anh ấy còn sống, hãy bảo các nhân chứng của anh nói với anh ta rằng hiện anh ta là người đã ly dị."

"Shekure bị cấm tái giá trong một tháng," Hasan nói. "Nếu không thì đó là một sự xúc phạm kinh Koran. Làm sao cha của Shekure có thể đồng ý một điều nhảm nhí tồi tệ như thế?"

"Enishte Kính mền bệnh rất nặng." Siyah nói. "Ông ấy đang hấp hối...và quan tòa đã thừa nhận cuộc hôn nhân của chúng tôi."

"Các người hẳn đã cùng nhau đầu độc Enishte của anh chứ gì?", Hasan nói. "Các người đã lên kế hoạch chuyện này với Hayriye phải không?"

"Cha vợ tôi hết sức giận dữ vì những gì anh đã làm với Shekure. Anh

tra anh, nếu quả thực còn sống, có thể cũng sẽ yêu cầu anh giải thích thái độ sàm sỡ của anh."

"Toàn những lời dối trá", Hasan nói. "Đó chỉ là những cái cớ Shekure bịa ra để cô ấy rời bỏ chúng tôi."

Có một tiếng gào từ trong nhà, người gào lên đó là Hayriye.

Kế đến Shevket thét lên. Họ la hét lẫn nhau. Bất ngờ và sợ hãi, không tìm được mình, tôi cũng hét lên và chạy vào nhà mà không biết mình đang làm gì.

Shevket chạy xuống cầu thang và phóng ra sân.

"Ông ngoại lạnh như nước đá," nó khóc.

"Ông ngoại con chết rồi."

Chúng tôi ôm nhau, tôi bế nó lên. Hayriye vẫn la hét. Siyah và Hasan nghe thấy tiếng hét và những câu nó nói.

"Mẹ ơi người ta giết ông ngoại rồi," lần này Shevket nói.

Mọi người cũng nghe câu này. Hasan có nghe không? Tôi ôm chặt Shevket, và bình tĩnh đi với nó vào trong. Trên đầu cầu thang Hayriye đang tự hỏi làm sao thằng bé thức giấc mà lên ra đây được.

"Mẹ đã hứa là không bỏ tụi con mà." Shevket nói, và bắt đầu khóc.

Đầu óc tôi lúc này mãi nghĩ về Siyah. Bởi đang bị vướng với Hasan nên anh không nghĩ đến việc đóng cổng. Tôi hôn hai má Shevket và ôm nó chặt hơn, hít mùi thơm ở cổ nó, an ủi nó. Cuối cùng tôi vừa trao nó cho Hayriye vừa thì thầm: "Cả hai lên lầu đi."

Họ lên cầu thang, tôi quay lại và đứng cách cổng vài bước chân, cho rằng Hasan không thấy được tôi. Chú ấy đã đổi vị trí trong khu vườn tối đen bên kia đường, có lẽ đã chuyển ra đằng sau hàng cây dọc theo con đường

chăng? Tuy nhiên, hóa ra chú ấy đã thấy tôi, và khi nói, chú ấy nói cả với tôi nữa. Thật khó chịu khi tụ họp trong bóng tối với ai đó mà mình không thể thấy mặt, nhưng còn tồi tệ hơn thế, như Hasan đã buộc tội tôi, buộc tội chúng tôi, ấy là khi tôi nhận ra tự đáy lòng rằng chú ấy đúng. Với chú ấy, và với cha tôi, tôi luôn cảm thấy mình có tội, mình luôn luôn sai trái. Hơn nữa, bây giờ, tôi biết với nỗi buồn sâu sắc rằng tôi đã yêu người đàn ông đang buộc tội mình. Xin đáng Allah yêu quý hãy giúp tôi. Tình yêu không phải là đau khổ chỉ vì đau khổ, mà là một phương tiện để đến với Người, có đúng vậy không?

Hasan đã khẳng định rằng tôi cấu kết với Siyah để giết cha tôi. Chú ấy nói chú đã nghe những lời của Shevket, và thêm rằng mọi chuyện đã bị phơi bày và chúng tôi đã phạm một tội không thể tha thứ, đáng bị những hình phạt trong Hỏa ngục. Đến sáng chú ấy sẽ đi gặp quan tòa để giải thích tất cả. Nếu tôi được chứng minh là vô tội, nếu bàn tay tôi không vấy máu cha tôi, chú ấy sẽ đưa tôi và bọn trẻ trở về nhà chú ấy, ở đó chú sẽ làm một người cha cho đến khi anh trai chú trở về. Tuy nhiên, nếu tôi có tội, một Phụ nữ như tôi, kẻ đã nhẫn tâm ruồng bỏ chồng mình - người đàn ông sẵn sàng thực hiện hành động hy sinh cao cả nhất - thì với cô ấy không hình phạt nào là quá nghiêm khắc cả. Chúng tôi kiên nhẫn lắng nghe cơn giận dữ của chú ấy, sau đó nhận thấy có một sự im lặng đột ngột giữa đám cây.

"Nếu bây giờ cô tự ý trở về nhà người chồng thực sự của cô", Hasan nói bằng một giọng điệu hoàn toàn khác, "nếu cô lặng lẽ trở về cùng bọn trẻ mà không để ai trông thấy, tôi sẽ quên trò đám cưới giả này, những tội ác mà cô phạm phải, tất cả, tôi sẽ tha thứ hết. Và chúng ta sẽ cùng nhau chờ, Shekure ạ. từ năm này sang năm khác, cho đến lúc anh trai tôi trở về. Chú ấy say rồi chẳng? Có một điều gì quá trẻ con trong giọng của chú ấy và những điều chú ấy đang đề xuất với chồng tôi đến độ tôi sợ nó có thể khiến chú ấy mất mạng.

"Cô có hiểu không?" Chú gọi vọng ra từ hàng cây.

Tôi không thể xác định chính xác chú ấy ở đâu trong bóng tối. Thượng

để lòng lạnh, hãy đến giúp chúng con, những đày tớ tội lỗi của Người.

"Bởi vì cô không thể sống cùng mái nhà với người đã giết cha cô, Shekure. Điều đó tôi biết."

Bất chợt tôi nghĩ rằng chú ấy có thể là người đã giết cha tôi, và có lẽ chú ấy hiện đang chế nhạo chúng tôi. Tay Hasan này là hiện thân của Quỷ sứ. Nhưng tôi không thể chắc chắn bất cứ điều gì.

"Nghe tôi này Hasan Kính mến," Siyah nói vọng ra từ bóng tối, "Cha vợ tôi bị giết, thật sự như vậy. Những kẻ tội cùng đê tiện đã giết ông ấy."

"Ông ấy bị giết trước đám cưới, đúng thế chứ?" Hasan nói. "Hai người đã giết ông ta vì ông ta phản đối đám cưới giả này, vụ ly dị giả này, những nhân chứng giả, và tất cả trò lừa dối của các người. Nếu ông ta cho rằng Siyah thích hợp thì ông ta đã gả con gái mình cho anh nhiều năm trước rồi."

Sau khi sống nhiều năm với người chồng quá cố của tôi, với chúng tôi, Hasan biết quá khứ của chúng tôi như chính chúng tôi vậy. Và với nỗi đam mê của một người tình bị ruồng bỏ, chú ấy nhớ được đến từng chi tiết nhỏ về tất cả những gì tôi đã bàn bạc với chồng tôi tại nhà nhưng sau đó đã quên, hoặc bây giờ muốn quên. Qua bao năm, chúng tôi - chú ấy, anh trai chú ấy và tôi - đã có chung nhiều kỷ niệm đến độ tôi e rằng Siyah có vẻ lạ lẫm, mới mẻ và cách xa tôi làm sao nếu Hasan bắt đầu nhắc lại quá khứ.

"Chúng tôi nghi anh chính là kẻ đã giết ông ta," Siyah nói.

"Trái lại, các người mới là kẻ giết ông ta để lấy nhau. Điều đó quá rõ. Về phần tôi, tôi không có động cơ."

"Anh giết ông ấy để chúng tôi không lấy nhau được," Siyah nói. "Khi anh biết rằng ông ta cho phép Shekure ly dị và chúng tôi cưới nhau, anh đã mất trí. Ngoài ra anh rất giận Enishte Kính mến vì ông ta đã khuyến khích Shekure trở về sống với ông ta. Anh muốn trả thù. Chừng nào ông ta còn sống, anh biết mình sẽ không bao giờ có được Shekure."

"Đẹp cái trò quanh co của anh đi," Hasan nói dứt khoát. "Tôi không thèm nghe điều nhảm nhí này. Ở đây lạnh quá. Tôi chết cóng ở ngoài này khi cố đánh động anh bằng mấy viên đá - anh có nghe tiếng ném đá không?"

"Siyah đang lo nghiên cứu những bức minh họa của cha tôi," tôi nói.

Tôi đã hành động sai khi nói điều này chẳng?

Hasan nói bằng chính giọng điệu giả dối mà đôi khi tôi phải sử dụng với Siyah: "Shekure, vì cô là vợ của anh tôi, nên cách hay nhất của cô bây giờ là cô hãy cùng các con quay về ngôi nhà của người lính kỵ binh anh dũng mà cô vẫn còn là vợ theo kinh Koran.

"Tôi từ chối," tôi nói, như rít vào màn đêm. "Tôi từ chối, Hasan ạ. Không."

"Vây trách nhiệm và lòng tận tâm với anh trai tôi buộc tôi phải báo với quan tòa ngay sáng mai về những gì tôi nghe được ở đây. Và lại họ sẽ yêu cầu tôi giải thích."

"Dù sao thì họ cũng sẽ yêu cầu anh giải thích," Siyah nói. "Ngay lúc anh đến chỗ quan tòa, tôi sẽ tiết lộ rằng anh là kẻ đã giết Enishte Kính mến, người đầy tớ yêu thương của Đức vua... Đúng sáng mai."

"Được lắm," Hasan nói một cách điềm tĩnh. "Cứ tổ giấc đi."

Tôi hét lên. "Họ sẽ tra tấn cả hai người!" tôi kêu lên. "Đừng đến chỗ quan tòa. Đợi đã. Mọi thứ sẽ rõ ràng thôi."

"Tôi không sợ tra tấn." Hasan nói. "Trước đây tôi đã hai lần bị tra tấn rồi, và cả hai lần tôi đều hiểu đó là cách duy nhất để phân biệt kẻ tội lỗi với người vô tội. Cứ để bọn vu khống sợ tra tấn. Tôi sẽ nói với quan tòa, chỉ huy binh lính, Thượng thư tôn giáo vụ, tất cả mọi người về cuốn sách và những bức minh họa của Enishte Kính mến. Mọi người đang bàn về những tranh minh họa này. Có chuyện gì với chúng vậy? Có cái gì trong những bức tranh minh họa đó?"

"Chẳng có gì trong đó cả", Siyah nói.

"Điều có có nghĩa là anh đã xem xét chúng ngay khi có cơ hội."

"Enishte Kính mến muốn tôi hoàn tất cuốn sách đó."

"Rất tốt. Tôi hy vọng, theo ý Thượng đế, rằng họ sẽ tra tấn cả hai chúng ta."

Cả hai đều im lặng. Kế đó, Siyah và tôi nghe tiếng chân trong sân vắng vẻ. Chúng đang rời xa hay đến gần chúng tôi? Chúng tôi không thấy được Hasan mà cũng không biết chú ấy đang làm gì. Chú ấy quả là điên rồ nếu cứ băng càn qua những bụi gai, lùm cây và những bụi mâm xôi trông dài theo mé cuối vườn trong đêm tối như mực này. Chú ấy có thể bỏ đi dễ dàng mà không bị ai thấy, nếu chú ấy băng qua đám cây và rẽ ngay trước mặt chúng tôi, nhưng chúng tôi không nghe tiếng chân nào gần chúng tôi cả.

Tôi liêu la lên, "Hasan!" Không có tiếng trả lời.

"Suyt", Siyah nói.

Cả hai chúng tôi run lên vì lạnh. Không chút do dự, chúng tôi đóng chặt cổng và các cửa lại. Trước khi bước vào cái giường ấm hơi bọn trẻ, tôi kiểm tra cha tôi lần nữa. Trong khi đó, Siyah lại ngồi trước những bức tranh.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 35: Tôi Là Một Con Ngựa

Hãy bỏ qua sự kiện tôi đang đứng đây im lặng và bình thản; nếu nói sự thật, tôi đã phi nước đại nhiều thế kỷ; tôi đã đi qua những thảo nguyên, chiến đấu trong các trận đánh; chở những nàng con gái u sầu của các vương hầu đến lễ cưới; tôi đã phi nước đại hết trang này đến trang khác từ câu chuyện đến lịch sử, từ lịch sử đến truyền thuyết và từ pho sách này đến pho sách khác; tôi xuất hiện trong vô số câu chuyện, truyền thuyết, những cuốn sách và các trận chiến; tôi đi cùng những anh hùng bất khả chiến bại, các cặp tình nhân huyền thoại và những đội quân ly kỳ; tôi phi nước đại từ chiến dịch này đến chiến dịch khác với những vị vua chiến thắng, và do đó, tôi xuất hiện trong vô số tranh minh họa.

H

Các vị sẽ hỏi, tôi cảm thấy như thế nào khi được vẽ thường xuyên như vậy?

Dĩ nhiên. tôi rất tự hào về mình. Nhưng tôi cũng thắc mắc không biết thực sự có phải chính tôi là kẻ được vẽ trong mọi trường hợp không. Qua những bức tranh này, rõ ràng là mỗi người nhìn tôi một cách khác nhau. Tôi vẫn cảm thấy rất rõ ràng có một sự thống nhất, sự phổ quát đối với những tranh minh họa.

Những người bạn tiểu họa của tôi gần đây có kể lại một câu chuyện, và từ đó tôi biết được điều này: Vua của bọn ngoại giáo Tây vực đang nghĩ đến việc cưới con gái của pháp quan Venice. Ông ta đang cân nhắc chuyện đó, nhưng sau đó lại bị ám ảnh bởi ý nghĩ, "Chuyện gì xảy ra nếu người Venice này nghèo và con gái ông ta xấu?" Để yên tâm, ông ra lệnh cho họa sĩ giỏi nhất vẽ con gái, tài sản, đất đai, đồ dùng cá nhân của pháp quan Venice. Người Venice có thể chẳng mấy ngại việc phô bày thô tục: Họ phơi bày

không chỉ con gái của họ cho đôi mắt soi mói của người nghệ sĩ, mà cả ngựa và lâu đài của họ. Người họa sĩ ngoại đạo tài hoa có thể vẽ một thiếu nữ hay một con ngựa sao cho các vị có thể nhận ra ngay giữa đám đông. Trở lại sân trong của ông ta, khi vua Tây vực đang xem xét những bức tranh từ Venice, cân nhắc xem liệu ông ta có nên lấy thiếu nữ đó làm vợ ông ta không, thì con ngựa giống của ông ta bất ngờ thức tỉnh, cố gắng giao cấu với con ngựa cái hấp dẫn trong bức tranh, và những người chăn ngựa buộc phải không chế con vật hung tợn này trước khi nó phá hủy bức tranh và khung tranh bằng cái dương vật khổng lồ của nó.

Họ nói rằng không phải vẻ đẹp của con ngựa cái Venice làm con ngựa đực Tây vực nổi hứng tình - dù con ngựa cái thực sự hấp dẫn - mà chính do việc chọn một con ngựa cái cụ thể và vẽ một bức tranh quá giống nó. Bây giờ vấn đề mới nổi lên: Có phải là tội lỗi chẳng khi được vẽ như con ngựa cái kia, nghĩa là, giống y một con ngựa cái thực? Trong trường hợp của tôi, như các vị thấy đó, có rất ít khác biệt giữa hình ảnh tôi và những bức tranh ngựa khác.

Quả vậy, những ai trong các vị đặc biệt chú ý đến vẻ duyên dáng của thân mình tôi, độ dài của chân tôi và vẻ kiêu hãnh trong dáng động của tôi sẽ hiểu rằng tôi thực sự độc đáo. Song những đặc điểm tuyệt vời này cho thấy sự độc đáo của nhà tiểu họa đã vẽ tôi chứ không cho thấy sự độc đáo của một con ngựa như tôi.

Mọi người đều biết rõ rằng không có con ngựa nào giống chính xác như tôi. Chẳng qua tôi là sự thể hiện một con ngựa tồn tại trong trí tưởng tượng của nhà tiểu họa.

Nhìn tôi, người quan sát sẽ nói: "Thượng đế lòng lành, một con ngựa đẹp làm sao!" Nhưng thực ra ấy là họ ca ngợi người họa sĩ chứ không phải ca ngợi tôi. Trên thực tế mọi con ngựa đều rất khác nhau, và nhà tiểu họa, trên hết, phải biết điều này.

Nhìn kỹ, thậm chí cơ quan sinh dục của con ngựa đực này cũng không giống của con ngựa đực khác. Đừng sợ, các vị có thể xem xét nó thật kỹ,

thậm chí là cầm nó trong tay: Bộ phận diệu kỳ do Thượng đế ban tặng cho tôi có hình dáng và đường nét riêng của nó.

Bây giờ, mọi nhà tiểu họa đều vẽ ngựa trong ký ức theo cùng một cách, cho dù mỗi chúng tôi đều được Allah, đấng sáng tạo vĩ đại nhất làm ra một cách hoàn toàn khác biệt. Tại sao họ lại thấy tự hào khi thể hiện hàng chục ngàn con ngựa theo cùng một cách mà không thực sự nhìn kỹ chúng tôi cơ chứ? Tôi sẽ cho các vị biết tại sao: Bởi vì họ đang cố mô tả thế giới mà Thượng đế mừng tượng, chứ không phải thế giới họ thấy. Chẳng lẽ điều đó không đi tới chỗ thách thức tính độc nhất của Thượng đế, nghĩa là - cầu Allah tha thứ - nó không nói lên rằng tôi có thể làm công việc của Thượng đế sao? Những họa sĩ không hài lòng với những gì họ thấy bằng chính mắt họ, những nghệ sĩ vẽ cùng một con ngựa đến hàng ngàn lần, mà khẳng định rằng những gì nằm trong trí tưởng tượng của họ là con ngựa của Thượng đế. Những nghệ sĩ khẳng định rằng con ngựa đẹp nhất là con ngựa mà những nhà tiểu họa mù vẽ lại theo ký ức, chẳng lẽ họ không phạm phải tội cạnh tranh với Allah sao?

Phong cách mới của những bậc thầy Tây vực không hề báng bổ, mà hoàn toàn ngược lại, chúng là cách hay nhất trong việc tuân theo tín ngưỡng của chúng ta. Tôi cầu mong những anh em Erzurum của tôi không hiểu lầm tôi. Tôi bực bội khi bọn ngoại giáo Tây vực khoe khoang những phụ nữ gần như trần truồng của họ, bất kể đức khiêm tốn mộ đạo, khi họ không hiểu những lạc thú của cà phê và những cậu bé xinh trai, và khi họ lang thang khắp nơi với những khuôn mặt râu ria nhẵn nhụi, nhưng lại tuyên bố rằng Jesus, tóc dài như tóc đàn bà, cũng là đấng Tối cao - cầu đấng Allah che chở chúng ta. Tôi quá bực bội bọn Tây vực này đến độ nếu có lúc tình cờ gặp được một tên, tôi sẽ cho hắn một cú đá ra trò.

Tôi vẫn phát ốm vì cứ bị vẽ không đúng bởi những nhà tiểu họa, những kẻ chỉ quanh quẩn trong nhà như những tiểu thư chứ chẳng bao giờ tham gia chiến trận. Họ sẽ vẽ tôi phi nước đại với cả hai chân trước vươn tới cùng một lúc. Không hề có con ngựa nào trên cõi đời này chạy giống như con thỏ cả. Nếu một chân trước của tôi đưa tới trước thì chân kia phải ở phía sau. Trái

với những gì được vẽ trong các tranh minh họa chiến trận, không có con ngựa nào trên đời này giờ một chân trước ra như một con chó tò mò còn chân kia cắm chặt dưới đất cả. Không có đơn vị kỵ binh nào mà ngựa của họ đi nhàn nhã theo cùng một nhịp, như thể được đồ lại theo một khuôn mẫu y hệt hai mươi lần liên tục. Bọn ngựa chúng tôi tìm và ăn cỏ xanh ngay dưới chân chúng tôi khi không có ai nhìn. Chúng tôi không bao giờ có tư thế đẹp như pho tượng và thơ thần một cách tao nhã theo kiểu người ta thường thể hiện chúng tôi trong các bức tranh. Tại sao mọi người quá phiền hà với việc ăn, uống, ỉa và ngủ của chúng tôi vậy chứ? Tại sao họ sợ vẽ cái bộ phận độc đáo và diệu kỳ do Thượng đế ban tặng cho tôi? Đặc biệt phụ nữ và trẻ em thích lén nhìn vào nó, có gì tai hại -trong việc đó? Vị Hoja xứ Erzurum cũng chống đối cả điều này sao?

Họ nói rằng ngày xưa ngày xưa có một vị vua yếu đuối hay bồn chồn lo lắng ở Shiraz. Ông cực kỳ lo sợ rằng những kẻ thù sẽ phế truất mình để con trai ông lên kế vị; thay vì phái vị hoàng tử đó đến Isfahan làm tổng đốc, ông lại cầm tù vị hoàng tử đó trong căn phòng khuất kín nhất trong lâu đài. Hoàng tử lớn lên và sống trong cái xà lim tạm thời đó, vốn chẳng nhìn ra sân hay khu vườn nào, trong ba mươi một năm. Sau khi số tuổi trời ban của cha chàng chấm dứt thì hoàng tử, vốn xưa nay chỉ thui thủi một mình với sách vở, đã kế vị ngai vàng và tuyên bố: "Mang đến cho ta một con ngựa. Ta luôn thấy những bức tranh vẽ chúng và tò mò về chúng." Họ đem đến cho chàng một con tuấn mã trong lâu đài, nhưng khi vị tân vương thấy con ngựa có lỗ mũi giống những đường hầm chẳng khác gì một con lừa trơ trẽn, một đám da và lông trông chán hơn trong tranh vẽ và một cái mông đít thô tục, chàng quá vỡ mộng đến độ ra lệnh tàn sát tất cả ngựa trong vương quốc của chàng. Sau cuộc tàn diệt tàn bạo kéo dài suốt bốn mươi ngày đó, tất cả sông trong vương quốc nhuộm màu đỏ thẫm. Nhưng thánh Allah cao quý không kìm lại việc thi hành công lý của Người: Đức vua giờ thì không có đội kỵ binh nào, và khi đối mặt với quân đội của kẻ đại thù của chàng, người Bey Thổ Nhĩ Kỳ thuộc bộ tộc Garagoyunly, chàng đại bại và cuối cùng bị phân thây. Không còn nghi ngờ gì nữa: Như tất cả các sách sử cho thấy, loài ngựa đã trả thù.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 36: Tôi Được Gọi Là Siyah

Shekure giam mình trong phòng với bọn trẻ, và tôi lắng nghe hồi lâu những âm thanh trong nhà, tiếng cọt két không ngớt của nó. Shekure và Shevket bắt đầu thì thào với nhau và nàng bòn chòn dỗ im chúng bằng tiếng "suyt!" bất chợt. Tôi nghe tiếng lạch cách vang lên từ khu lát đá gần giếng nước nhưng nó không kéo dài.

S

Kể đến tiếng kêu quác quác của con mèo biển đậu trên mái nhà khiến tôi chú ý. Rồi nó cũng im lặng như mọi thứ khác. Sau đó tôi nghe một tiếng rên rỉ nhỏ từ bên kia hành lang: Hayriye khóc trong giấc ngủ. Tiếng rên của chị ta hòa vào tiếng ho nổi lên bất ngờ rồi kết thúc cũng bất ngờ như vậy, một lần nữa lại nhường chỗ cho nỗi im lặng sâu lắng, đáng sợ. Lát sau, tôi hình dung có một kẻ đột nhập đang lang thang quanh phòng nơi Enishte quá cố của tôi đang nằm, và tôi cứng cả người.

Trong mỗi khoảng im lặng, tôi lại xem xét những bức tranh trước mặt tôi, ngắm nghĩ xem Zeytin nồng nhiệt, Kelebek đẹp đẽ và tay thợ mạ vàng quá cố đã quét màu lên trang giấy như thế nào. Tôi bị thôi thúc đương đầu với từng hình ảnh bằng việc la to "Sa tan!" hoặc "Thần chết!" như Enishte của tôi từng làm một số đêm, nhưng nỗi sợ hãi kìm tôi lại. Ngoài ra, những bức minh họa này khiến tôi rất bức mình bởi tôi không viết được một câu chuyện thích hợp đi kèm với chúng bất chấp sự nài ép của Enishte của tôi. Vì tôi đang dần ngày càng chắc chắn rằng cái chết của ông có liên quan đến những hình ảnh này, nên tôi cảm thấy khó chịu và bứt rứt. Tôi đã ngắm soi những bức minh họa này liên tục trong khi lắng nghe những câu chuyện của Enishte, tất cả là để có cơ hội được gần Shekure. Bây giờ nàng là vợ cưới xin hợp pháp của tôi, tại sao tôi cứ phải nghĩ về chúng? Một tiếng nói nội tâm tàn nhẫn trả lời: "Bởi vì ngay cả sau khi bọn trẻ đã ngủ, Shekure vẫn không

chịu rời phòng để đến với anh." Tôi chờ hồi lâu trong khi vẫn cứ chăm chú nhìn các bức tranh dưới ánh nến, hy vọng rằng người đẹp mắt đen của tôi sẽ đến.

Đến sáng, bị đánh thức bởi tiếng rú của Hayriye, tôi chộp lấy giá nến và chạy vội ra hành lang. Tôi nghĩ Hasan đã đưa người tập kích vào nhà, và tôi nghĩ đến việc giấu các bức tranh, nhưng tôi nhanh chóng nhận ra rằng Hayriye đã bắt đầu kêu gào theo lệnh của Shekure, như một cách để thông báo cái chết của Enishte Kính mền với bọn trẻ và hàng xóm. - Khi tôi gặp Shekure ở hành lang, chúng tôi ôm nhau triu mền. Bọn trẻ ban nãy đã nhảy khỏi giường khi nghe Hayriye kêu thét. giờ đứng bất động.

"Ông ngoại chết rồi," Shekure nói với chúng. "Mẹ không muốn tụi con bước vào phòng đó trong bất kỳ tình huống nào." Nàng rời khỏi vòng tay tôi, đến bên cạnh cha nàng rồi bắt đầu khóc.

Tôi xua bọn trẻ trở về phòng của chúng, "Thay đồ ngủ ra đi, các con sẽ bị nhiễm lạnh đấy" tôi nói và ngồi xuống mép giường.

"Ông ngoại không chết sáng nay, ông chết từ tối hôm qua rồi," Shevket nói.

Một sợi tóc dài từ mái tóc tuyệt đẹp của Shekure cuộn lại thành chữ Ả Rập "vav" trên gôi của nàng. Hơi ấm của nàng chưa tan bên dưới lớp mền. Chúng tôi có thể nghe tiếng nàng than khóc và thôn thức cùng với Hayriye. Nàng kêu khóc cứ như cha nàng đã thực sự chết đột ngột, nghe quá giả dối đến độ tôi có cảm giác mình không hề biết chút gì về Shekure, giống như nàng bị một âm hồn kỳ lạ ám.

"Con sợ", Orhan nói với một cái nhìn vốn cũng là một yêu cầu xin được phép khóc.

"Đừng sợ." tôi nói. "Mẹ con khóc để lảng giềng biết ông ngoại chết và đến chia buồn."

"Nếu họ đến thì có gì quan trọng?" Shevket hỏi.

"Nếu họ đến họ sẽ cùng buồn và than khóc với chúng ta vì cái chết của ông. Nhờ vậy chúng ta có thể chia bớt buồn đau."

"Ông giết ông ngoại cháu phải không?" Shevket la to.

"Nếu con muốn chọc giận mẹ thì đừng mong ta yêu thương con!" Tôi nạt lại.

Chúng tôi không la lối nhau theo kiểu cha ghẻ với con riêng của vợ, mà như hai người đàn ông đang nói chuyện bên bờ sông nước chảy ì ầm. Shekure bước ra hành lang, mở tung hết cửa sổ để hàng xóm nghe thấy tiếng nàng kêu khóc.

Tôi rời khỏi phòng để tiếp tay cho nàng. Cả hai chúng tôi cố mở cửa sổ. Với sự cố gắng hết sức của cả hai, những cánh cửa bung ra và rớt xuống sân. Ánh sáng mặt trời và hơi lạnh phả vào mặt chúng tôi gây choáng váng giây lát. Shekure kêu gào, khóc than thảm thiết.

Cái chết của Enishte Kính mến. một khi được tiếng khóc của nàng loan báo, hóa thành một nỗi đau bi thảm và thống khổ hơn nhiều. Dù thành thật hay giả vờ, tiếng khóc của vợ tôi cũng giày vò tôi. Bất ngờ, tôi bật khóc. Tôi không rõ mình khóc thật lòng vì sầu khổ hay chỉ giả vờ vì sợ bị cho là có trách nhiệm về cái chết của Enishte.

"Cha đi rồi, đi rồi, đi rồi, cha thân yêu của tôi ra đi rồi!" Shekure kêu lên.

Tiếng thốn thức và than van của tôi bắt chước theo nàng dù tôi không biết đích xác mình đang nói gì. Tôi ưu tư không biết mình trông thế nào dưới mắt những láng giềng đang nhìn chúng tôi từ nhà họ, từ phía sau những cánh cửa nứt nẻ và giữa những tấm màn, và tự hỏi cách ứng xử của tôi phù hợp đến đâu. Trong khi tôi khóc, tôi có cảm giác được gột sạch khỏi những mối nghi ngờ liệu nỗi đau của tôi có thành thực hay không, khỏi nỗi lo bị buộc tội giết người, và khỏi nỗi sợ hãi đối với Hasan và tay chân của anh ta.

Shekure là của tôi và có vẻ như tôi đang ăn mừng bằng tiếng la hét và nước mắt. Tôi kéo cô vợ đang thẫn thức của tôi sát vào mình và, không chú ý gì đến bọn trẻ đầy nước mắt đang tiến đến chỗ chúng tôi, tôi âu yếm hôn lên má nàng, hít lấy mùi cây hạnh đào của tuổi trẻ chúng tôi.

Cùng với bọn trẻ, chúng tôi trở vào nơi xác chết nằm. Tôi nói, "La illahe illallah, không có Thượng đế nào ngoài Allah" cứ như đang nói không phải với một thi hài đã hai ngày bốc mùi nồng nặc mà với một người đang hấp hối, người mà tôi muốn xác nhận lại những lời của nhân chứng. Tôi muốn Enishte của tôi lên Thiên đàng với những lời này trên môi ông. Chúng tôi giả như rằng ông đã lặp lại chúng, và thoáng mỉm cười khi chúng tôi nhìn vào khuôn mặt gầy như đã bị hủy hoại và cái đầu giập nát của ông. Tôi ngửa lòng bàn tay hướng về Thiên đàng và trích đọc chương "Ya Sin" trong khi những người khác im lặng lắng nghe.

Với một cuộn băng sạch mà Shekure mang vào phòng, chúng tôi cẩn thận buộc cho miệng Enishte khép lại, nhẹ nhàng vuốt đôi mắt đã bị hủy hoại của ông và lăn ông sang bên phải, sắp xếp cho đầu ông hướng về Mecca. Shekure phủ một tấm khăn trắng sạch lên người ông.

Tôi hài lòng khi bọn trẻ theo dõi mọi chuyện một cách chăm chú và bởi sự yên tĩnh tiếp theo những tiếng than khóc. Tôi cảm thấy mình giống như một ai khác với vợ thật và con cái thật, với một tổ ấm và một mái nhà.

Tôi xếp các bức tranh, từng cái một vào một cái cặp giấy, mặc áo choàng vào và vội vã rời khỏi nhà. Tôi đi thẳng đến thánh đường trong khu vực, làm như không thấy một người hàng xóm - một bà già cùng đứa cháu ngoại mũi dãi thò lò rõ là đang vui mừng về tất cả những chuyện bất ngờ xảy ra: Họ đã nghe tiếng khóc của chúng tôi và hăm hở đến chia buồn.

Cái hốc nhỏ xíu mà vị giáo sĩ gọi là "nhà" của ông ta vô cùng nhỏ bên cạnh một kiến trúc bề thế với những mái vòm khổng lồ và khoảng sân rộng lớn, tiêu biểu cho những thánh đường được xây dựng sau này. Ông giáo sĩ, mà theo tôi quan sát thì, như một thói quen ngày càng phổ biến, đang nói rộng ranh giới cái hang chuột bé tẹo lạnh lẽo gọi là "nhà" của ông ta và đã

lấn chiếm toàn bộ thánh đường mà không chút quan tâm đến mớ quần áo bẩn thỉu và cũ kỹ mà vợ ông ta treo giữa hai cây óc chó tại mé sân.

Chúng tôi tránh đòn tấn công của hai con chó hung dữ vốn đang chiếm cứ cái sân hết như Thầy tế Kính mền và gia đình ông ta, và sau khi những đứa con của giáo sĩ này dùng gậy đuổi bọn chó đi rồi xin lỗi, giáo sĩ với tôi rút vào một góc riêng.

Sau thủ tục ly dị ngày hôm qua, và xét vì chúng tôi đã không nhờ ông ta làm nghi lễ kết hôn, điều mà tôi chắc chắn đã khiến ông ta phật lòng, tôi có thể đọc trên mặt ông ta câu hỏi "Lạy Thượng đế, cái gì đưa anh đến đây lúc này vậy?"

"Enishte Kính mền đã qua đời sáng nay."

"Xin Thượng đế phù hộ ông ta. Cầu xin ông ta tìm được chỗ ở trên Thiên đàng!" Ông ta nói một cách nhân hậu.

Tại sao tôi vô ý chuốc rắc rối cho mình bằng việc thêm các từ "sáng nay" vào câu nói của tôi? Tôi thả một đồng vàng vào tay ông ta, y hết những đồng tôi đã cho ông ta hôm qua. Tôi yêu cầu ông ta đọc bài kinh cầu hồn trước khi có hiệu báo cầu kinh và chỉ định em trai ông ta làm người thông tin đi khắp nơi loan báo cái chết này cho cả vùng.

"Em trai ta có một người bạn tốt gần như mù; chúng ta rất rành việc tắm rửa lần cuối cho người chết", ông ta nói.

Còn gì thích hợp hơn để một người mù và một kẻ dở hơi tắm rửa thi thể của Enishte Kính mền? Tôi giải thích với ông ta rằng lễ cầu nguyện đám tang theo nghi thức sẽ được thực hiện vào buổi chiều, và rằng các nhà quý tộc và nhiều người từ cung điện, các phường hội và trường thần học sẽ tham dự. Tôi không tìm cách giải thích vì sao khuôn mặt và cái đầu của Enishte Kính mền lại giập nát thế kia, vì trước đó tôi đã quyết định rằng vấn đề này cần được giải quyết ở cấp thẩm quyền cao hơn.

Vì Đức vua đã giao cho Trưởng Ngân khố đảm nhiệm việc cân đối chi phí cho cuốn sách mà Ngài yêu cầu Enishte của tôi thực hiện, nên trước tiên tôi phải báo cáo cái chết này với ông ta.

Vì vậy, tôi tìm một người thợ bọc nệm vốn là bà con bên nội tôi, vốn làm việc trong những cửa hàng may mặc đối diện Cổng Sogukcesme 1 từ lúc tôi còn nhỏ xíu. Khi tìm được ông ta, tôi hôn bàn tay trở đổi mối của ông và thiết tha trình bày với ông rằng tôi cần gặp Trưởng Ngân khố. Ông ta bảo tôi chờ giữa đám thợ học việc hói đầu của ông vốn đang may màn, gò người trên tấm lụa sặc sỡ trải trên đui; sau đó ông bảo tôi theo một tay thợ phụ, người này, theo tôi biết, sắp vào cung điện để lấy số đo của khách. Khi chúng tôi qua Cổng Sogukcesme để leo lên Alay Meydani 2, tôi biết mình khỏi phải đi ngang qua xưởng vẽ đối diện thánh đường Hagia Sophia, nhờ thế tôi không phải thông báo tội ác này với những nhà tiểu họa khác.

Alay Meydani hiện có vẻ náo nhiệt, trong khi nó thường có vẻ trống trải đối với tôi. Tuy hiện giờ không có một người nào ở Cổng, nơi thường có nhiều người đứng xếp hàng để đệ đơn trong những ngày Thượng Hội đồng nhóm họp, mà cũng không có ai quanh khu vực những kho lương này, song tôi như vẫn nghe được tiếng ồn ào liên tục phát ra từ những cửa sổ nhà thương, từ xưởng cưa, tiệm bánh mì, chuồng ngựa, những tay chăn ngựa cùng ngựa của họ trước Cổng Bab-us-Selam 3 (tôi nhìn lên những ngọn tháp ở cổng này với vẻ sững sờ), và từ hàng cây bách. Tôi cho rằng cảm giác hốt hoảng của tôi là do nỗi sợ hãi phải đi qua Bab-us-selam, nơi mà lần đầu tiên trong đời tôi đặt chân tới.

Tại cổng này, tôi không thể tập trung chú ý vào vị trí mà theo tương truyền là nơi các đao phủ luôn túc trực, cũng không thể giấu sự bối rối của mình trước mắt những lính gác cổng đang soi mói nhìn súc vải bọc nệm tôi ôm như một thứ đồ nghề để người khác nhìn vào sẽ nghĩ tôi là kẻ phụ việc cho người thợ may kiêm dẫn đường của tôi.

Ngay khi chúng tôi bước vào Divan Meydani 4, một sự im lặng sâu lắng vây quanh chúng tôi. Tôi cảm thấy tim tôi đập thình thịch cả trong các mạch

máu ở trán và cổ. Khu vực này, thường được Enishte của tôi và những người đến thăm lâu đài mô tả, nằm trước mắt tôi như một khu vườn thượng giới đẹp tuyệt trần.

Nhưng tôi không cảm thấy sự phấn chấn của một kẻ bước vào Thiên đàng, chỉ có sự lo lắng và tôn sùng; tôi cảm thấy mình chỉ là một kẻ tôi tớ hèn mọn của Đức vua, người mà, như bây giờ tôi hiểu rõ, thực sự là nền móng của vương quốc trần thế này. Tôi nhìn chăm chăm những chú công lang thang qua những lùm cây được chăm chút cẩn thận, những chiếc tách vàng được xích vào những vòi nước bắn tung tóe và những phái viên của Hoàng thượng mặc áo chùng lụa (họ có vẻ như di chuyển khắp nơi mà không chạm đất) và tôi cảm thấy xúc động khi được phụng sự Đức vua. Dứt khoát là tôi sẽ hoàn thành cuốn sách bí mật của Đức vua, mà những bức minh họa chưa hoàn tất của nó tôi đang ôm trong tay. Không ý thức chính xác mình đang làm gì, tôi cứ theo sau người thợ may, mắt dán chặt vào Tháp Divan, giờ bị thu hút bởi nỗi sợ hãi hơn là sự sợ hãi khi được đến gần nó 5.

Cùng với một cậu thư đồng trong cung theo sát chúng tôi, chúng tôi đi qua dinh Thượng Hội đồng và Ngân khố, đầy sợ hãi và im lặng, như trong một giấc mơ, tôi có cảm giác mình đã thấy chốn này từ trước và biết rõ nó.

Chúng tôi đi qua một cánh cửa rộng bước vào một căn phòng được gọi là Cung Thượng Hội đồng cũ. Bên dưới mái vòm khổng lồ của nó, tôi thấy những nghệ nhân bậc thầy ôm theo vải vóc da thuộc, những bao kiếm bằng bạc và thùng khám xà cừ.

Tôi suy ra rằng họ thuộc những phường thợ thủ công của Đức vua: những người chế tạo quyền trượng, người đóng giày, thợ bạc, thợ cả dệt nhung, thợ chạm ngà, thợ làm đàn. Tất cả đang đứng chờ ngoài cửa dinh Trưởng Ngân khố với vô số những kiến nghị liên quan đến lương bổng, việc tìm mua vật liệu và yêu cầu được vào các khu cấm địa của Đức vua để đo đạc. Tôi mừng vì không thấy có thợ trang trí nào trong số họ.

Chúng tôi đứng tránh sang một bên và cũng bắt đầu chờ. Thình thoảng chúng tôi nghe giọng xướng cao của thư ký Trưởng Ngân khố, nghi ngờ một

lỗi nào đó trong các bản quyết toán và yêu cầu làm sáng tỏ; yêu cầu này sẽ nhận được một câu trả lời lễ phép, của một thợ khóa chẳng hạn. Những tiếng nói ở đây hiếm khi cao hơn mức thì thầm; tiếng vỗ cánh của lũ chim ngoài sân vọng vào mái vòm bên trên chúng tôi còn lớn hơn những câu xin nhỏ nhất của đám thợ khúm núm này.

Khi đến phiên mình, tôi bước vào phòng có mái vòm của vị Trưởng Ngân khố và thấy trong đó chỉ có một thư ký. Tôi nhanh chóng giải thích rằng có một vấn đề quan trọng cần đệ trình cho ngài Trưởng Ngân khố: Một dự án về cuốn sách mà Đức vua đã ra lệnh làm và nó vô cùng quan trọng đối với Ngài. Tò mò trước những thứ tôi đang ôm theo, viên thư ký ngược mắt lên. Tôi cho ông ta xem những bức minh họa từ cuốn sách của Enishte. Tôi nhận thấy rằng tính chất lạ thường của những bức tranh, sự quái dị rõ rệt của chúng khiến ông ta choáng váng. Tôi vội cho ông ta biết tên Enishte của tôi, biệt danh và nghề nghiệp của ông, nói thêm rằng ông đã chết vì những bức tranh này. Tôi nói nhanh, hiểu rõ rằng nếu rời lâu đài mà không gặp được Đức vua, tôi sẽ bị buộc tội là đã đưa Enishte vào tình cảnh khủng khiếp đó.

Khi viên thư ký rời phòng để báo cho Trưởng Ngân khố, tôi đột nhiên đổ mồ hôi lạnh. Liệu Trưởng Ngân khố, người mà, như Enishte của tôi từng cho biết, không bao giờ rời xa Đức vua, có khi còn trải thảm cầu kính cho Ngài, và thường xuyên là bạn tâm tình của Ngài có chịu rời khỏi khu Enderun cấm địa của lâu đài để gặp tôi không? Việc cử một phái viên đến khu trung tâm cung điện vì tôi là đủ khó tin rồi. Tôi tự hỏi Đức vua có thể ở đâu: Ngài đã lui về một trong những nhà thủy tạ gần bờ biển? Ngài đang ở hậu cung? Trưởng Ngân khố có đi cùng Ngài không?

Hồi lâu sau, tôi được triệu vào. Để tôi mô tả rõ thế này: tôi nhận tin quá bất ngờ đến độ không có thời gian để sợ. Tuy nhiên, tôi kinh hoàng khi thấy vẻ tôn kính và kinh ngạc trên nét mặt ông thợ cả dẹt nhưng đang đứng ở cửa. Tôi bước vào trong và lập tức hoảng hồn; tôi nghĩ mình không nói được thành lời. Ông ta đội một khăn thêu chỉ vàng mà chỉ có ông và Hoàng thượng mới đội; tôi đang ở trước mặt viên Trưởng Ngân khố. Ông ta đang xem những tranh minh họa nằm trên chiếc bàn đọc sách mà viên thư ký đã

bày ra sau khi nhận từ tay tôi. Tôi cảm thấy như mình chính là người làm những bức tranh đó. Tôi hôn gấu áo choàng của ông ta.

"Con à," ông ta nói. "Nếu ta không làm thì Enishte của con đã chết rồi phải không?"

Tôi không trả lời được vì kích động, hoặc có lẽ vì mặc cảm phạm tội, mà chỉ gật đầu. Ngay lúc đó điều hoàn toàn bất ngờ đã xảy ra: ở đó, trước cái nhìn ngạc nhiên và thông cảm của Trương Ngân khố, một giọt nước mắt từ từ lăn xuống má tôi. Tôi chờ người ra; tôi bị tác động kỳ lạ bởi việc có mặt trong lâu đài, bởi việc Trương Ngân khố đã tạm rời Đức vua để tiếp kiến tôi, và bởi việc tôi đang ở quá gần Ngài. Nước mắt tôi bắt đầu tuôn trào, nhưng tôi không cảm thấy chút bồi hồi.

"Cứ khóc đi, con", Trương Ngân khố nói.

Tôi thốn thức và rên rỉ. Dù tôi cho rằng mười hai năm trôi qua đã làm tôi chín chắn, nhưng khi ở quá gần Đức vua, quá gần đầu não của đế chế, ta nhanh chóng nhận ra mình chỉ là đứa trẻ con. Tôi không quan tâm liệu những người thợ bạc và dệt nhung ngoài kia có nghe được tiếng thốn thức của tôi không. Tôi hiểu mình thậm chí có thể xung tội với Trương Ngân khố nữa.

Phải, tôi đã nói với ông tất cả, đúng như nó xảy ra với tôi.

Khi tôi một lần nữa nhìn lại Enishte quá cố, đám cưới của tôi với Shekure, sự đe dọa của Hasan, những khó khăn liên quan đến cuốn sách của Enishte của tôi và những bí mật nằm trong các bức minh họa, tôi đã lấy lại bình tĩnh. Tôi cảm thấy chắc chắn rằng cách duy nhất để cứu tôi khỏi cái bẫy mà tôi đã rơi vào này là phó mặc phận mình cho sự công bằng và tình thương vô hạn của Đức vua, và bởi thế tôi chẳng che giấu điều gì. Trước khi hiểu hết những điều tôi nói và giao tôi cho những kẻ tra tấn và đao phủ, liệu Trương Ngân khố này có truyền đạt câu chuyện của tôi thẳng đến Đức vua không?

"Hãy lập tức thông báo cái chết của Enishte Kính mến cho cả xưởng vẽ." Trưởng Ngân khố nói. "Ta muốn cả phường hội họa sĩ dự đám tang của ông ta."

Ông ta nhìn tôi để xem tôi có bất kỳ phản đối gì không. Phấn khởi trước sự quan tâm của ông, tôi bày tỏ những lo âu về việc ai là hung thủ và động cơ khả dĩ đằng sau cái chết của Enishte của tôi và nghệ nhân mạ vàng Zarif Kính mến. Tôi nói bóng gió rằng dính líu vào vụ này có thể là những môn đồ của nhà thuyết giáo xứ Erzurum và những người đang nhắm vào các viện khổ tu nơi thường có âm nhạc và khiêu vũ. Khi tôi thấy vẻ nghi ngờ của Trưởng Ngân khố, tôi hăm hở trình bày những nghi ngờ khác của mình: Tôi báo cho ông ta biết rằng vấn đề tiền bạc và danh dự đi kèm với việc được mời minh họa và trang trí cho cuốn sách của Enishte Kính mến có thể đã dẫn đến sự ghen tỵ và ganh đua không tránh khỏi giữa những nghệ nhân. Chỉ riêng việc giữ kín dự án này có thể đã khơi dậy những căm thù, đố kỵ và mưu đồ đó. Khi những lời này thốt ra khỏi miệng tôi, tôi lo lắng cảm thấy rằng Trưởng Ngân khố đã nảy sinh mới nghi ngờ tôi - cũng như bạn vậy. Lạy Thánh Allah, hãy thực thi công lý, đó là tất cả những gì tôi yêu cầu, không có gì hơn.

Trong khoảng im lặng tiếp theo, vị Trưởng Ngân khố rời mắt khỏi tôi, như thể bối rối trước những lời nói và số phận của tôi, mà dán mắt vào những bức tranh nằm trên bàn.

"Ở đây có chín bức tranh," ông nói. "Kế hoạch là cho một cuốn sách với mười tám tranh. Enishte Kính mến nhận ở ta nhiều vàng lá hơn số vàng được sử dụng ở đây."

"Tên dị giáo giết người đó hẳn đã ăn cắp bức minh họa cuối cùng, trên đó sử dụng phần lớn số vàng." tôi nói.

"Con chưa nói với chúng ta tay thư pháp sao chép đó là ai."

"Enishte quá cố của con chưa hoàn tất phần văn bản của cuốn sách, ông ấy nhờ con giúp hoàn tất nó."

"Con ơi, con vừa giải thích chuyện con mới về đến Istanbul như thế nào mà."

"Được một tuần rồi. Con về đây ba ngày sau khi Zarif Kính mến bị giết."

"Ý con nói rằng Enishte Kính mến của con đã minh họa một bản thảo chưa được viết ra - không hề hiện hữu - trong rỗng rã một năm trời à?"

"Vâng, thưa ngài."

"Vậy ông ta có để lộ cho con biết cuốn sách nói về điều gì không?"

"Đúng những gì Đức vua tuyên bố rằng Ngài muốn: Một cuốn sách mô tả năm thứ một ngàn lịch Hồi giáo, nhằm khiến pháp quan Venice phải kinh hoàng bằng cách thể hiện sức mạnh quân sự và lòng tự hào của Hồi giáo, cùng với quyền lực và sự giàu có của triều đại Osman vĩ đại. Nó được dự trù trở thành một cuốn sách kể lại và minh họa những khía cạnh sống động nhất, có giá trị nhất của vương quốc chúng ta; và giống như trong cuốn "Những luận văn về nhân tướng học" 6, một bức chân dung của Đức vua sẽ được đặt ngay giữa sách. Hơn nữa, vì những tranh minh họa này được làm theo phong cách Tây vực bằng những phương pháp Tây vực, chúng sẽ khiến pháp quan Venice phải kinh sợ và mong muốn thiết lập quan hệ hữu nghị. Ta hiểu tất cả chuyện đó, nhưng có phải những con chó và cây cối kia là những khía cạnh sống động và giá trị nhất của triều đại Osman vinh quang không?" Ông ta nói, chỉ vào những bức tranh.

"Enishte của con, cầu cho ông được yên nghỉ, khẳng định rằng cuốn sách thể hiện không chỉ sự giàu có của Đức vua, mà còn sức mạnh đạo đức và tinh thần của Ngài cùng với những ưu phiền che dấu của Ngài."

"Và bức chân dung Đức vua?"

"Con chưa thấy nó. Có lẽ nó ở nơi mà tên giết người vô đạo đã cất giấu. Ai mà biết được, có thể lúc này đang ở trong nhà hẩn ta."

Enishte quá cố của tôi đã bị giáng xuống vị thế một người được giao làm

một mớ tranh kỳ cục mà Trưởng Ngân khố cho là vô giá trị, thay vì là một người phẩn đấu hoàn tất một cuốn sách xứng đáng với số vàng ông được trả. Liệu vị Trưởng Ngân khố này có nghĩ tôi đã giết một người không đáng tin cậy và vô dụng để cưới con gái của Enishte, hay vì một số lý do nào khác - có lẽ để bán tổng mớ vàng đó không? Qua cái nhìn của ông, tôi hiểu rằng vụ việc của tôi sắp được khép lại, vì vậy, bằng giọng lo lắng và thu hết can đảm, tôi cố chứng minh thanh danh của mình: Tôi nói với ông ta, Enishte của tôi đã tâm sự với tôi rằng một trong những nhà tiểu họa bậc thầy mà ông thuê có thể đã giết Zarif Kính mền tội nghiệp. Vẫn cố nói cho ngắn gọn, tôi cho ông ta biết Enishte của tôi đã nghi ngờ Zeytin, Leylek và Kelebek như thế nào. Tôi không có nhiều chứng cứ mà cũng không tự tin lắm. Về sau, tôi có cảm giác rằng Trưởng Ngân khố chẳng xem tôi là gì hơn một kẻ vu khống đê tiện và một tên buôn chuyện ngu ngốc.

Cuối cùng, tôi thấy phẩn chán khi Trưởng Ngân khố nói rằng chúng tôi phải giấu những chi tiết về cái chết kỳ lạ của Enishte không cho xưởng vẽ biết; tôi xem đây là dấu hiệu cho thấy ông ta tin câu chuyện của tôi. Những bức tranh được để lại cho vị Trưởng Ngân khố và tôi đi qua Cổng Bab-us-Selam - mà lúc đầu tôi cảm thấy giống như Cổng Thiên đàng. Sau khi ra ngoài dưới sự khám xét cẩn thận của những lính gác, tôi thấy nhẹ cả người, giống như một người lính trở về nhà sau nhiều năm chinh chiến.

1 Sogukcesme: Cổng Nguồn lạnh.

2 Alay Meydani: Sân duyệt binh.

3 Bab-us-Selam: Còn gọi là Cổng chào mừng hoặc Cổng thứ nhì.

4 Divan Meydani: Sân thứ nhì.

5 Trong những đoạn trên, tác giả mô tả đường vào lâu đài Topkapi, thời đó là hoàng cung của vua Thổ. Hầu hết địa danh trong lâu đài này đã được chuyển sang tiếng Anh, nhưng không hoàn toàn giống với cách dịch của các

sách hướng dẫn du lịch.

6 Có lẽ tác giả muốn nói tới cuốn Kitab al-Jalil fi'ilm al-firasah (Sách quan trọng về khoa nhân tướng học) của Shams al-Din al-Dimashqi (chết 1327), trong đó trích dẫn bảy tác giả cổ đại về vấn đề này, như Aristotle, Fakhr al-Razi, Ibn al-Arabi... Cuốn này được coi là tác phẩm bằng tiếng Ả Rập phổ biến nhất về lĩnh vực này.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 37: Tôi Là Dượng Yêu Quý Của Cháu

Đám tang tôi thật linh đình, đúng như ý tôi muốn. Nó khiến tôi tự hào ở chỗ tất cả những người tôi ước ao sẽ đến dự thì đều có mặt. Trong các đại thần có mặt ở Istanbul khi tôi chết, Haji Huseyin Tổng trấn xứ Cyprus, và Baki Tổng trấn xứ Lame nhớ lại một cách trung thành rằng tôi lúc này lúc khác đã giúp đỡ họ rất nhiều. Sự có mặt của Thượng thư Quốc khố vụ, tổng trấn Red Melek, người vừa được coi trọng vừa bị phê phán rất nhiều vào thời điểm tôi qua đời đã làm sôi động khoảng sân khiêm tốn của thánh đường trong khu chúng tôi. Nếu tôi còn sống và tiếp tục cuộc đời hoạt động chính trị, tôi hẳn đã được thăng chức ngang hàng với Mustafa Agha, Tuyên chỉ sứ của Đức vua mà sự hiện diện của ông ta khiến tôi đặc biệt hài lòng. Những người than khóc tạo thành một nhóm lớn cực kỳ gây ấn tượng, gồm Ký lục Thượng Hội đồng Kemalettin Kính mến, Trưởng ký lục Salim Khổ hạnh Kính mến, những sứ giả của Thượng Hội đồng - mỗi người trong họ hoặc là bạn thân hoặc là đại kinh địch - một nhóm gồm những nguyên ủy viên Thượng Hội đồng vốn rút lui sớm khỏi đời sống chính trị, bạn học của tôi, những người khác tình cờ biết tin cái chết của tôi - tôi không thể hình dung bằng cách nào hoặc ở đâu - và rất nhiều họ hàng, bà con bên vợ và thanh niên.

Đ

Tôi cũng tự hào với giáo đoàn, sự nghiêm trang và sâu khổ của họ. Sự có mặt của Trưởng Ngân khố Hazim Agha và viên Chỉ huy Ngự lâm quân đã khiến mọi người đều thấy rõ Đức vua đau buồn về cái chết không đúng lúc của tôi. Tôi thực sự rất vui vì điều này. Tôi không biết liệu nỗi buồn của Đức vua có khiến người ta nỗ lực hết sức hầu tước cho bằng được tên giết người khốn nạn của tôi không, kể cả việc huy động những kẻ tra tấn, nhưng tôi biết điều này: kẻ đáng ghét đó hiện đang ở trong sân, giữa những nhà thư pháp và

nhà tiểu họa, mang vẻ mặt trang nghiêm và hết sức đau khổ trong khi hẳn nhìn quan tài của tôi.

Xin đừng nghĩ rằng tôi vô cùng tức giận tên giết người của tôi hoặc cho rằng tôi nghĩ đến việc trả thù, hay thậm chí linh hồn tôi bất an vì tôi đã bị giết một cách tàn bạo và phản trắc. Hiện tôi đang tồn tại ở một bình diện hoàn toàn khác, và linh hồn tôi hết sức bình yên, khi đã trở lại với cõi vinh quang trước đây của nó sau nhiều năm chịu đựng khổ đau nơi trần thế.

Linh hồn tôi tạm thời rời bỏ thân xác tôi, cái thân xác đang quần quai đau đớn khi nằm trong vũng máu do những cú đập bằng cái bình mực, và run rẩy một lát trong ánh sáng rực rỡ, sau đó hai thiên thần tươi cười và xinh đẹp với khuôn mặt sáng như vàng thái dương - như tôi đã đọc được vô số lần trong Kitab al- Ruh - đang từ từ tiến lại gần tôi trong ánh sáng rực rỡ siêu phàm này, nắm lấy hai cánh tay tôi, như thể tôi vẫn còn thân xác, và bắt đầu bay lên. Hết sức êm đềm, hết sức nhẹ nhàng, và hết sức nhanh, chúng tôi bay lên như trong một giấc mơ cực kỳ hạnh phúc! Chúng tôi vượt qua những khu rừng lửa, lội qua những dòng sông ánh sáng rồi tiến vào những biển cả tối tăm, những dãy núi phủ đầy băng tuyết. Mỗi chuyến băng qua mất cả ngàn năm, dù có vẻ không lâu hơn một cái chớp mắt.

Chúng tôi bay lên qua bảy tầng Thiên đàng, qua rất nhiều đám đông tụ họp, những tạo vật lạ kỳ, những đầm lầy, những đám mây nhung nhúc vô số côn trùng chim chóc. Ở mỗi tầng Thiên đàng, thiên thần dẫn đường sẽ gõ lên cổng chính và khi câu hỏi "Ai đi đó?" phát ra từ sau cánh cổng, thiên thần sẽ mô tả tôi gồm tên họ và những đặc trưng của tôi, tóm tắt bằng câu nói "Một bầy tôi trung thành của Allah Vinh quang!" - vốn khiến tôi rung rung nước mắt vì vui sướng. Tuy nhiên, tôi biết hãy còn hàng ngàn năm nữa mới đến Ngày Phán xét khi đó những người được định chỗ ở Thiên đàng sẽ được tách khỏi những kẻ bị đày xuống Hỏa ngục.

Việc thăng thiên của tôi, trừ vài khác biệt không đáng kể, xảy ra đúng theo cách Gazzali, El Jevziyye và những học giả huyền thoại khác đã diễn tả trong những đoạn văn của họ về cái chết. Những thắc mắc và bí ẩn muôn

thuở mà chỉ có người chết mới có thể hiểu nay được hé lộ và giải thích, bung ra sáng lòa từng điều một với vô vàn màu sắc.

Ôi, làm sao tôi có thể mô tả đầy đủ những màu sắc tôi đã thấy trong chuyến hành trình tuyệt vời này? Cả thế giới được làm từ màu sắc, mọi thứ là màu. Cũng như tôi đã cảm thấy cái sức mạnh vốn đã tách tôi ra khỏi mọi người và các vật thể khác bao gồm màu sắc, giờ đây tôi hiểu chính màu sắc đã ôm lấy tôi một cách triu mến và buộc tôi vào thế giới này. Tôi thấy những bầu trời màu cam, những thân xác màu xanh lá tuyệt đẹp, những quả trứng nâu và những chú ngựa màu xanh da trời huyền thoại. Thế giới này đúng như những bức minh họa và truyền thuyết mà tôi đã say mê nghiên cứu kỹ trong bao năm. Tôi nhìn công trình sáng thế với vẻ kính sợ lẫn ngạc nhiên cứ như mới thấy lần đầu, nhưng cũng như thể nó hiện ra đâu đó từ ký ức tôi. Điều tôi gọi là "ký ức" chứa đựng cả thế giới: Với thời gian trải ra vô hạn trước mặt tôi về cả hai hướng, tôi hiểu rằng thế giới như tôi trải nghiệm lần đầu có thể bền vững mãi về sau như ký ức ra sao. Khi được chết giữa lễ hội màu sắc này, tôi cũng phát hiện ra vì sao tôi cảm thấy nhẹ nhõm, như thể được giải thoát khỏi sự trói buộc: Từ giờ trở đi chẳng có gì bị giới hạn nữa, và tôi có không gian cùng thời gian vô hạn để trải nghiệm trong đó mọi thời đại và nơi chốn.

Ngay khi nhận ra sự tự do này, với sự sợ hãi và cảm giác mê đắm, tôi biết mình đã gần sát bên Người; đồng thời, tôi cảm thấy một cách khiêm tốn sự hiện diện của một màu đỏ tuyệt đối vô song.

Trong một thời gian ngắn, màu đỏ thấm đẫm tất cả. Vẻ đẹp của màu này tràn ngập tôi và toàn vũ trụ. Khi tôi đến gần Người theo cách này, tôi thấy thôi thúc muốn kêu lên trong niềm hân hoan tột cùng. Bất chợt tôi thấy xấu hổ khi được đưa đến trước mặt Người trong khi đầm đìa những máu như vậy. Một phần khác trong tâm trí tôi nhớ lại những điều đã đọc được trong các sách về cái chết, rằng Người sẽ cho Azrael và những thiên thần khác của Người triệu tôi đến trước mặt Người.

Tôi có thể thấy được Người sao? Tôi nghẹt thở vì kích động.

Màu đỏ đang tiếp cận tôi - màu đỏ bao trùm mà trong đó hết thảy mọi hình ảnh của vũ trụ đều có dự phần - nó quá lộng lẫy và quá đẹp đến nỗi khiến tôi nhỏ lệ khi nghĩ mình sẽ trở thành một phần của nó và sát cận bên Người đến thế.

Nhưng tôi cũng biết Người sẽ không đến gần tôi hơn nữa; Người hỏi han các thiên thần của Người về tôi và họ đã ca ngợi tôi; Người xem tôi như một bầy tôi trung thành biết tuân phục những điều răn và cấm đoán của Người; và Người yêu tôi.

Niềm vui đang trào dâng và những giọt nước mắt đang tuôn chảy của tôi đột ngột bị phá hỏng bởi một nỗi nghi ngờ dai dẳng. Đầy tội lỗi và nôn nóng về điều còn mơ hồ của mình, tôi hỏi Người:

"Trong hai mươi năm cuối của đời con, con đã bị ảnh hưởng của những tranh minh họa ngoại giáo mà con thấy ở Venice. Thậm chí có lúc con muốn chân dung của mình được vẽ theo phương pháp và phong cách đó, nhưng con sợ. Tuy vậy, sau này con đã cho vẽ Thế giới của Người, Thần dân của Người và Đức vua của chúng con, Bóng của Người ở trần thế theo kiểu của bọn Tây vực ngoại giáo."

Tôi không nhớ giọng của Người, nhưng tôi nhớ câu trả lời Người ban cho tôi trong ý nghĩ của tôi.

"Đông và Tây đều thuộc về ta."

Tôi hầu như không tìm được sự kích động của mình.

"Vậy ý nghĩa của tất cả, của... của thế giới này là gì?"

"Sự huyền bí," tôi nghe trong ý nghĩ của tôi, hoặc có lẽ, "Lòng nhân từ," nhưng tôi không chắc chắn cái nào.

Qua cung cách các thiên thần tiến đến gần tôi, tôi biết một quyết định nào đó về số phận của tôi đã được đưa ra ở tầng cao này của Thiên đàng, nhưng tôi phải chờ đợi trong bàn cân Berzah thần thánh với rất nhiều linh

hồn khác vốn đã chết trong vài chục ngàn năm qua cho đến Ngày phán xét, khi đó quyết định cuối cùng về chúng tôi sẽ được đưa ra. Mọi thứ diễn ra theo cách được ghi trong sách, điều đó khiến tôi vui. Tôi nhớ lại qua những điều đã đọc được trong khi bay xuống rằng tôi sẽ được hợp nhất với thân xác của mình trong tang lễ.

Nhưng tôi nhanh chóng hiểu rằng hiện tượng "tái nhập vào thân xác đã chết" chỉ là một cách nói, tạ ơn Thượng đế. Dù họ rất đau buồn, nhưng đoàn người đưa tang danh giá khiến tôi hết sức tự hào kia lại trật tự một cách đáng kinh ngạc trong khi khiêng quan tài của tôi đi vào nghĩa trang Hillock cạnh thánh đường sau khi những lời cầu nguyện đã xong. Nhìn từ bên trên, đám rước trông như một sợi dây dài mảnh.

Cho phép tôi nêu rõ tình huống của tôi: Như có thể suy ra từ truyền thuyết nổi tiếng về đấng Tiên tri - trong đó tuyên bố "Linh hồn của người ngoan đạo là con chim được nuôi từ cây cối trên Thiên đàng" - sau khi chết, linh hồn lang thang trên bầu trời. Như Abu Omer bin Abdulber đã khẳng định, lời giải thích về truyền thuyết này không có nghĩa là linh hồn sẽ sở hữu một con chim hay thậm chí trở thành chim, mà như El Jevziyye thông thái giải thích, nó có nghĩa là ta có thể tìm thấy linh hồn ở nơi loài chim tụ họp. Vị trí mà từ đó tôi quan sát mọi việc, cái mà các họa sư Venice chuộng luật phối cảnh hẳn sẽ gọi là "điểm nhìn" của tôi đã khẳng định cách giải thích của El Jevziyye.

Chẳng hạn, từ chỗ của mình, tôi có thể vừa thấy toàn bộ đám đưa tang giống như sợi chỉ đi vào nghĩa trang, lại vừa có thể, với niềm vui của việc phân tích một bức tranh, theo dõi một chiếc thuyền buồm đang tăng tốc, với những cánh buồm no gió khi nó trở chiều chạy về phía mũi đất Sarayburnu nơi cửa sông Halic hòa vào eo Bosphorus. Từ trên tháp cao nhìn xuống, cả thế gian này như một cuốn sách lộn lẫ mà tôi đang xem từng trang một.

Tuy nhiên tôi vẫn có thể nhìn thấy nhiều hơn hẳn là một kẻ lên được tới độ cao như thế mà hồn không hề rời khỏi xác, và hơn thế nữa, tôi có thể thấy mọi thứ cùng một lúc: ở phía bên kia Bosphorus, vượt quá Uskudar, giữa

những ngôi mộ đá trong một khoảnh sân trống, bọn trẻ đang chơi nhảy cù; đáng lao đi duyên dáng của chiếc thuyền chở Ngoại vụ đại thần do bảy cặp tay chèo vận hành cách nay mười hai năm bảy tháng, khi chúng tôi tháp tùng sứ thần Venice từ lâu đài bên bờ biển của ông ta lên đường yết kiến Đại Tể tướng Bald Ragip Pasha; một phụ nữ bệ vệ trong khu chợ Langa mới đang ôm một cục bắp cải giống một đứa trẻ mà bà ta sắp cho bú; sự phấn chấn của tôi khi Sứ giả Thượng Hội đồng Ramazan Kỉnh mền chết, mở đường cho tôi thăng tiến; cái kiêu tôi ngồi trên đùi bà tôi hồi còn bé mà nhìn chăm chăm những chiếc áo cánh đỏ trong khi mẹ tôi phơi quần áo ngoài sân; tôi đã chạy đến những khu phố xa xôi để tìm bà đỡ như thế nào khi mẹ của Shekure đau đẻ, cầu cho bà ấy được yên nghỉ; vị trí của chiếc thắt lưng đỏ tôi làm mất cách nay trên bốn mươi năm (giờ thì tôi biết Vasfi đã ăn cắp nó); khu vườn trắng lè ở xa xa mà tôi từng mơ ước cách nay hai mươi một năm, mà tôi đã cầu xin Allah một ngày nào đó sẽ khẳng định nó là Thiên đàng; những cái đầu, mũi và tai bị cắt rời được Ali Bey, Toàn quyền Georgia, người đã đàn áp những kẻ nổi loạn trong pháo đài Gori, gửi đến Istanbul; và Shekure yêu dấu xinh đẹp của tôi, tách khỏi những phụ nữ láng giềng đang than khóc tôi trong nhà, giờ đang chăm chăm nhìn ngọn lửa trong lò bằng gạch ngoài sân.

Như điều được ghi trong sách vở và được các học giả khẳng định linh hồn ngụ trong bốn cõi:

1. Tử cung; 2. Cõi trần thế; 3. Berzah, hay u minh giới nơi tôi hiện đang ở để chờ Ngày Phán xét; và 4. Thiên đàng hoặc Địa ngục, nơi tôi sẽ đến sau Ngày phán xét.

Từ trạng thái trung gian của Berzah, quá khứ và hiện tại xuất hiện đồng thời, và chừng nào linh hồn vẫn còn nằm trong những ký ức của nó, thì những giới hạn về không gian không tồn tại. Chỉ khi nào thoát khỏi ngục tù thời gian và không gian, người ta mới thấy rõ ràng cuộc sống là sự trôi buộc. Cho dù khi ta là một linh hồn không thể xác ở trong cõi người chết là hạnh phúc đến đâu đi nữa, là một thể xác không linh hồn giữa những người sống thì cũng hạnh phúc y như vậy; thật đáng thương rằng không ai nhận ra điều này trước khi chết. Vì thế, trong đám tang đáng yêu của tôi, khi đau đớn nhìn

Shekure yêu quý của tôi kiệt sức vì khóc than trong vô vọng, tôi đã cầu xin Allah vinh quang ban cho chúng ta những linh-hồn-không-thân-xác ở Thiên đàng và những thân-xác-không-linh-hồn trong cuộc sống.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 38: Đỏ Là Tôi, Sư Phụ Osman

Các người biết rõ những người già khó tính vốn hiến trọn đời mình cho nghệ thuật. Họ sẽ công kích bất cứ ai cản đường họ. Họ thường gầy gò, xương xẩu và cao nhông. Họ sẽ muốn số ngày đang ngắn dần trước mặt họ trở nên giống như cái thời kỳ dài họ bỏ lại đằng sau. Họ dễ cáu giận và phàn nàn mọi thứ. Họ sẽ chộp lấy quyền kiểm soát trong mọi tình huống, khiến mọi người quanh họ đành chịu bó tay thất vọng; họ không thích bất cứ ai hay bất cứ thứ gì. Tôi biết, bởi vì tôi là một trong số họ.

C

Nurullah Selim Chelebi, bậc thầy trong những bậc thầy người mà tôi từng có vinh hạnh sát cánh làm tranh minh họa trong cùng một họa xưởng, cũng như vậy khi ông ngoài tám mươi, lúc đó tôi chỉ là một thợ học việc mười sáu tuổi (dù ông không dễ cáu như tôi bây giờ). Ali Tóc vàng, người cuối cùng trong những bậc thầy vĩ đại, đã yên nghỉ cách nay ba mươi năm, cũng vậy (dù ông ta không gầy và cao như tôi). Ngày nay, vì những mũi tên phê phán nhắm vào những bậc thầy huyền thoại này, những kẻ chỉ huy các xưởng vẽ lúc thịnh thời, thường nã vào sau lưng tôi. nên tôi muốn các người biết rằng những lời buộc tội nhằm chán nhằm vào chúng tôi hoàn toàn vô căn cứ. Đây là những sự kiện:

1. Lý do khiến chúng tôi không thích bất cứ thứ gì đổi mới là vì thực tình chẳng có thứ gì mới đáng yêu thích cả.

2. Chúng tôi cư xử với hầu hết con người giống như những kẻ khờ dại bởi vì quả thực hầu hết bọn họ là kẻ khờ dại, chứ không phải vì chúng tôi bị đầu độc bởi sự giận dữ, sự bực bội hoặc một số nhược điểm khác trong tính cách. (Cứ cho là nếu cư xử với những người đó tốt hơn thì có văn hóa hơn và biết điều hơn).

3. Lý do khiến tôi quên và lẫn lộn quá nhiều tên tuổi và khuôn mặt - trừ những nhà tiểu họa tôi yêu mến và dạy dỗ từ thời họ học việc - không phải do lú lẫn, mà là bởi những cái tên và khuôn mặt đó quá nhạt nhẽo và thiếu sắc thái đến độ hầu như không đáng nhớ.

Trong đám tang của Enishte, kẻ mà linh hồn bị Thượng đế đưa đi quá sớm vì sự ngu ngốc của chính ông ta, tôi cố quên rằng người quá cố đã từng có lần khiến tôi đau khổ ghê gớm khi buộc tôi bắt chước những bậc thầy châu Âu. Trên đường trở về, tôi đã nghĩ như sau: kiếp mù và cái chết, những đặc ân này do Thượng đế ban tặng, giờ không còn xa tôi nữa. Dĩ nhiên người ta sẽ nhớ đến tôi chừng nào những tranh minh họa và bản thảo của tôi còn khiến đôi mắt các người giật liên hồi và những bông hoa hạnh phúc bùng nở trong tim các người. Nhưng sau khi tôi chết, hãy cho mọi người biết rằng trong tuổi già của tôi, đúng lúc kết thúc đời tôi, vẫn còn nhiều thứ khiến tôi mỉm cười. Chẳng hạn như:

1. Trẻ con - Chúng tiêu biểu cho những gì sống động của cõi đời này.

2. Những ký ức ngọt ngào về những cậu trai tuấn tú, những phụ nữ xinh đẹp, hội họa và tình bạn.

3. Việc nhìn những kiệt tác của các bậc thầy Herat - điều này không thể giải thích cho kẻ ngoài nghề được.

Ý nghĩa đơn giản của tất cả chuyện này là: Trong xưởng của Đức vua do tôi điều hành, những tác phẩm nghệ thuật lộng lẫy không còn được làm như xưa nay nữa - và tình hình này sẽ chỉ ngày càng tồi tệ hơn, mọi thứ sẽ dần thu nhỏ lại rồi biến mất. Tôi đau đớn hiểu ra rằng chúng tôi khó lòng đạt tới mức độ siêu phàm của những bậc thầy Herat xưa cho dù đã cống hiến cả cuộc đời mình cho công việc này. Việc khiêm tốn chấp nhận sự thực này sẽ làm cuộc sống dễ chịu hơn. Quả thực, chính vì nó làm cho cuộc sống dễ chịu hơn nên khiêm tốn mới là đức tính rất được quý trọng ở xứ sở này.

Với một vẻ khiêm tốn như thế tôi đang sửa một bức tranh trong Sur-nama, pho sách mô tả những nghi lễ cất bì cho hoàng tử của chúng tôi, trong

đó mô tả viên Toàn quyền Ai Cập đệ trình những lạng phẩm sau: một thanh gươm vàng chạm khắc được trang trí bằng hồng ngọc, ngọc lục bảo và ngọc lam trên một tấm vải nhung đỏ và một trong những con ngựa Ả Rập hăng máu, uy nghi và chạy nhanh như chớp của viên Toàn quyền, có một đốm trắng trên mũi và bộ lông trắng bạc, được trang bị đầy đủ hàm thiếc và dây cương bằng vàng, đôi bàn đạp khảm ngọc trai và đá quý vàng xanh, yên bằng nhung đỏ thêu chỉ bạc và những hoa hồng bằng hồng ngọc. Với một nét cọ, tôi sửa đôi chỗ trong bức tranh mà bố cục là do tôi sắp xếp trong khi phân công phần thể hiện con ngựa, thanh gươm, hoàng tử và những sứ thần dự lễ cho nhiều thợ học việc khác nhau. Tôi tô màu tím cho một số lá cây tiêu huyền trong Hippodrome 1. Tôi sơn màu vàng cho những nút áo chùng của sứ thần của Đại hãn Tatar. Khi tôi đang quét một lớp nhũ vàng lên dây cương thì có ai đó gõ cửa. Tôi bỏ dở việc đang làm.

Đó là một thị đồng trong hoàng cung. Vị Trưởng Ngân khố triệu tôi vào lâu đài. Mắt tôi vẫn đau lâm râm. Tôi nhét kính lúp vào túi rồi rời xưởng cùng cậu thị đồng.

Ô, tuyệt vời làm sao khi đi bộ dưới những hàng cây sau khi làm việc đã quá lâu không nghỉ! Vào những lúc như thả người ta chợt thấy cả thế giới thật nguyên tuyền và tuyệt diệu như thể Allah mới tạo ra tất cả mọi thứ này vào hôm trước.

Tôi thấy một con chó, có ý nghĩa hơn mọi bức tranh vẽ chó tôi từng thấy. Tôi thấy một con ngựa, một sự sáng tạo kém hơn những gì các thợ cả tiểu họa của tôi có thể làm ra. Tôi ngắm nghía một cây tiêu huyền trong Hippodrome, chính cái cây mà lá của nó tôi vừa mới tô đậm thêm sắc tím.

Đi bộ qua Hippodrome, mà những cuộc diễu binh ở đó được tôi minh họa suốt hai năm qua, thì cứ như bước vào tranh của chính tôi vậy. Chẳng hạn, chúng tôi sắp rẽ xuống một đường phố: Trong một bức tranh kiểu Tây vực, điều này sẽ dẫn đến việc chúng tôi vừa bước ra ngoài cả chiếc khung lẫn bức tranh; trong một bức tranh làm theo khuôn mẫu của những bậc thầy Herat, nó sẽ đưa chúng ta đến nơi mà từ đó Allah nhìn xuống chúng ta; trong

một bức tranh kiêu Trung Hoa thì chúng ta bị kẹt, bởi vì những tranh minh họa Trung Hoa thì vô giới hạn.

Cậu thư đồng này, như tôi phát hiện ra, không dẫn tôi đến Cung Thượng Hội đồng nơi tôi thường gặp Trương Ngân khó để thảo luận một trong những chuyện sau: các bản thảo và những quả trứng đà điều đã trang trí hay những món quà khác mà những nhà tiểu họa của tôi đang chuẩn bị cho Đức vua; sức khỏe của những nhà minh họa hoặc sức khỏe và sự thanh thản đầu óc của chính vị Trương Ngân khó; việc nhận thuốc màu, vàng lá hoặc những chất liệu khác; những yêu cầu và than phiền thường lệ; những khao khát, niềm vui, nhu cầu và tính khí của Đức vua; thị lực của tôi, cái gương của tôi hay chứng đau lòng của tôi; chàng rể vô tích sự của Trương Ngân khó hoặc sức khỏe của con mèo mướp của ông. Lặng lẽ, chúng tôi bước vào Vườn ngự uyển của Đức vua. Như thể phạm phải một tội ác, nhưng với vẻ thanh tao tuyệt vời, chúng tôi đi xuống phía biển qua những hàng cây.

Chúng ta đang đến gần nhà thủy tạ bờ biển, tôi nghĩ, điều này có nghĩa là tôi sẽ gặp Đức vua. Ngài hẳn ở đây. Nhưng chúng tôi rẽ khỏi con đường. Chúng tôi đi vài bước qua một khung cửa vòm của một tòa nhà bằng đá đằng sau lán đậu xuồng. Tôi ngửi thấy mùi bánh mì nướng thoảng đưa từ lò bánh mì của lính gác trước khi nhìn thấy Đội ngự lâm quân mặc quân phục đỏ.

Vị Trương Ngân khó và Chỉ huy Ngự lâm quân đang cùng ở trong một phòng: Thiên thần và Ác quỷ!

Viên chỉ huy, người thực hiện những vụ hành quyết theo lệnh Đức vua trong khuôn viên lâu đài - kẻ tra tấn, thẩm vấn, đánh đập, chọc mù mắt và đánh đòn vào gan bàn chân người ta - mỉm cười dịu dàng với tôi. Cứ như thể một khách trọ tầm thường nào đó, mà tôi buộc phải ở chung trong một căn phòng trọ chật hẹp, đang sắp kể lại một câu chuyện ấm lòng.

Vị Trương Ngân khó dè dặt nói, "Một năm trước đây, Đức vua giao cho tôi chuẩn bị một bản thảo có trang trí theo điều kiện hoàn toàn bí mật, một bản thảo sẽ nằm trong số tặng phẩm dành cho phái đoàn sứ thần. Vì sự bí mật của cuốn sách, Đức vua cho rằng Thầy Lokman Sử quan không thích

hợp cho việc viết bản thảo. Tương tự, Ngài không muốn đưa ông vào dự án này, dù Ngài rất ngưỡng mộ tài nghệ của ông. Thực ra, Ngài cho rằng ông đã quá bận rộn với cuốn Sur-nama."

Khi bước vào căn phòng này, tôi đột nhiên nghĩ rằng có kẻ bất nhân nào đó đã vu khống tôi, tuyên bố rằng tôi phạm tội dị giáo trong một bức minh họa như thế và tôi đã nhạo báng Đức vua trong một bức minh họa khác; tôi kinh hoàng hình dung rằng tay bẻm mép này có thể đã thuyết phục Đức vua về tội của tôi và tôi sắp bị tra tấn cho dù tuổi cao sức yếu. Và do đó khi vị Trưởng Ngân khố chỉ ra sức biện minh cho việc Đức vua đặt làm bản thảo ở một người ngoài, với tôi những lời này nghe còn ngọt ngào hơn cả mật ong. Không biết thêm bất cứ điều gì mới, tôi lắng nghe những mô tả về bản thảo mà tôi đã biết rất rõ. Tôi đã biết những lời đồn đại về Nusret Hoja xứ Erzurum, và đương nhiên cả những mưu đồ trong xưởng nữa.

"Ai chịu trách nhiệm chuẩn bị bản thảo?" tôi hỏi.

"Enishte Kính mến, như ông biết đó," Trưởng Ngân khố nói. Nhìn thẳng vào mắt tôi, ông nói thêm, "Ông biết rõ rằng ông ta đã chết một cách không đúng lúc, ý tôi muốn nói là ông ta bị giết, đúng không?"

"Không," tôi nói một cách đơn giản, như một đứa trẻ và im lặng.

Đức vua hết sức giận dữ," Trưởng Ngân khố nói.

Enishte Kính mến đó là một tên ngốc. Những thợ cả tiểu họa luôn chế nhạo ông ta vì ông ta tự phụ nhiều hơn hiểu biết, tham vọng nhiều hơn thông minh. Dù sao tôi đã biết có thứ gì đó thối rữa tại đám tang. Tôi tự hỏi ông ta bị giết như thế nào?

Trưởng Ngân khố giải thích cặn kẽ chuyện đó. Thật khủng khiếp Thượng đế nhân từ phù hộ chúng ta. Nhưng ai làm vụ này?

"Đức vua đã hạ chỉ," viên Trưởng Ngân khố nói, "rằng cuốn sách chúng ta đang bàn đến này phải được hoàn tất càng sớm càng tốt cùng với bản thảo

Sur-nama...Ngài cũng ra một chiếu chỉ nữa," Chỉ huy Ngự lâm quân nói.
"Thực ra, nếu hung thủ không thể tả này là một trong những nhà tiểu họa, Ngài muốn phải truy cho ra tên ác nhân này. Ngài muốn cho hắn một hình phạt để làm gương cho mọi người."

Một vẻ kích động xuất hiện trên gương mặt của viên Chỉ huy như thể cho thấy ông ta đã biết hình phạt kinh khiếp mà Đức vua đã ban truyền.

Tôi biết rằng Đức vua vừa mới giao nhiệm vụ ấy cho hai người này, do đó buộc họ hợp tác với nhau - vì lý do đó nên ngay cả lúc này họ cũng không che giấu nỗi sợ chán ghét của họ.

Chứng kiến điều này gây cho tôi một tình yêu vượt khỏi niềm kính sợ đối với Đức vua. Một đày tớ trai dọn cà phê lên và chúng tôi ngồi một hồi.

Tôi nghe kể rằng Enishte Kính mến có một cháu trai tên là Siyah Kính mến, người này được ông ta bồi dưỡng, được đào tạo về nghệ thuật trang trí và làm sách. Tôi đã gặp anh ta chưa nhỉ? Tôi vẫn im lặng. Cách đây không lâu, theo lời mời của Enishte của anh ta, Siyah đã trở về từ mặt trận Ba Tư nơi anh ta phục vụ dưới quyền Tổng trấn Serhat - viên Chỉ huy nhìn thẳng vào tôi đầy vẻ nghi ngờ. Nơi đây, ở Istanbul anh ta giành được sự ưu ái từ Enishte của anh ta và biết được câu chuyện về cuốn sách mà Enishte đang coi sóc việc thực hiện. Siyah tuyên bố rằng sau khi Zarif Kính mến bị giết, Enishte đã nghi ngờ một trong những nhà tiểu họa vốn thường đến gặp ông ta vào ban đêm để làm bản thảo cuốn sách này. Anh ta đã xem tranh minh họa do những bậc thầy này làm và nói rằng kẻ giết Enishte - chính tay họa sĩ đã đánh cắp bức minh họa Đức vua với phần lớn vàng lá - là một trong số họ.

Trong hai ngày, tay Siyah Kính mến trẻ tuổi này đã giấu không cho hoàng cung và Trưởng Ngân khố biết về cái chết của Enishte. Cũng chính trong hai ngày đó anh ta đã lẹ làng cưới con gái của Enishte, một việc làm đáng ngờ về tôn giáo và đạo đức, và đến ở trong nhà Enishte; vì vậy cả hai người trước mặt tôi coi Siyah là kẻ đáng nghi.

"Nếu người ta lục soát nhà ở và nơi làm việc của các thợ cả tiểu họa của tôi mà tìm thấy trang bị mát ở chỗ một người trong số đó thì lập tức Siyah sẽ được chứng minh vô tội," tôi nói. "Tuy nhiên, thành thật mà nói, tôi có thể nói với các ông rằng những đứa con yêu quý của tôi, các nhà tiểu họa tài hoa của tôi, những kẻ tôi biết từ khi chúng là thợ học việc, không có khả năng lấy đi sinh mạng của người khác."

"Về phía Zeytin, Leylek và Kelebek," viên Chỉ huy nói, sử dụng một cách chế giễu những biệt danh mà tôi đã ưu ái đặt cho họ, "Chúng tôi có ý định lục soát nhà, nơi lui tới, chỗ làm việc và nếu được thì cả xưởng vẽ, không bỏ sót một góc ngách nào. Và điều đó bao gồm Siyah...". Gương mặt ông ta lộ vẻ cam chịu: "Do những tình huống rắc rối như thế, tạ ơn Thượng đế, pháp quan đã cho phép chúng ta dùng biện pháp tra tấn nếu cần thiết trong lúc thẩm vấn Siyah Kính mến. Việc tra tấn này sẽ được cho phép theo luật bởi vì đã xảy ra một vụ giết người thứ hai nhắm vào người có dính dáng đến cộng đồng tiểu họa, khiến mọi người trong đó, từ thợ học việc đến thợ cả, thay đều trở thành nghi phạm."

Tôi im lặng ngẫm nghĩ về điều này: 1. Cụm từ "được cho phép theo luật" cho thấy rõ rằng Đức vua không đích thân cho phép tra tấn. 2. Bởi vì dưới mắt quan tòa tất cả nhà tiểu họa đều bị tình nghi về vụ giết hai mạng người liên tiếp này, và bởi vì tôi, dù là Trưởng ban trang trí, cũng không thể xác định được hung thủ trong số chúng tôi, nên cả tôi cũng bị tình nghi. 3. Tôi hiểu rằng họ muốn sự chấp thuận công khai hoặc ngầm ngầm của tôi để tiến hành tra tấn Kelebek, Leylek, Zeytin yêu quý của tôi và tất cả những ai mà trong những năm gần đây đã phản bội tôi.

"Vì Đức vua mong ước hoàn tất mỹ mãn cả hai cuốn Sur- nama lẫn cuốn sách này - mà hiển nhiên chỉ mới hoàn tất nửa chừng," Trưởng Ngân khố nói, nên chúng tôi lo rằng việc tra tấn sẽ làm hỏng bàn tay và đôi mắt của những bậc thầy, hủy hoại sự tinh nhạy của họ", ông ta nhìn tôi. "Đúng vậy không?"

"Có một mối ưu tư tương tự về một việc khác mới xảy ra," viên Chỉ huy

cộc cần nói. "Một thợ kim hoàn và một thợ chạm ngọc vốn làm công việc sửa chữa đã bị Quý sứ xúi giục. Họ bị mê hoặc như trẻ con bởi chiếc tách cà phê có tay cầm nạm hồng ngọc của quận chúa Nejmiye của Đức vua và đánh cắp nó. Vì vụ trộm chiếc tách, vốn làm cho quận chúa bị suy sụp vì đau buồn - người rất thích chiếc tách ấy - xảy ra trong lâu đài Uskudar, nên Đức vua chỉ định tôi điều tra. Rõ ràng rằng cả Đức vua lẫn quận chúa đều không muốn gây thiệt hại cho đôi mắt và những ngón tay của hai người thợ kim hoàn tài hoa này vì sợ tác động đến tài năng của họ. Vì vậy tôi đã lột trần truồng cả thợ kim hoàn lẫn thợ chạm ngọc và ném họ vào một hồ đầy băng trong sân. Theo định kỳ, tôi đưa họ ra và quất roi thật mạnh, cẩn thận sao cho không làm hại mắt và bàn tay họ. Chỉ trong một thời gian ngắn, người thợ ngọc bị Quý sứ lôi kéo đã thú nhận và chấp nhận hình phạt. Dù nước lạnh như băng, không khí giá rét và mọi thứ roi vọt, nhưng không có tổn thương nào xảy ra với đôi mắt và ngón tay của những thợ kim hoàn tài hoa bởi tâm hồn họ được thanh thản. Cả Đức vua cũng nói rằng quận chúa hết sức hài lòng với việc làm của tôi và rằng những thợ ngọc hiện làm việc một cách nhiệt tâm hơn vì quả táo sâu đã bị loại khỏi thùng."

Tôi tin chắc rằng viên Chỉ huy sẽ đối xử với các nhà minh họa tài hoa của tôi nghiêm khắc hơn ông đã làm với những thợ kim hoàn. Dù ông ta kính trọng tình cảm nồng hậu của Đức vua dành cho những bản thảo có minh họa, những, cũng như nhiều người khác, ông ta cho rằng thư pháp là loại hình nghệ thuật duy nhất đáng được tôn trọng, xem việc trang trí và minh họa là những hứng thú nhất thời có liên quan đến dị giáo, thích hợp với phụ nữ và chẳng đáng được gì khác ngoài quả trách. Để kích động tôi, ông ta nói, "Trong khi ông bị lôi cuốn vào công việc của mình, những nhà tiểu họa yêu quý của ông đã bắt đầu lên kế hoạch xem ai sẽ trở thành Trưởng nhóm Tiểu họa sau khi ông chết."

Những chuyện đồn đại này tôi chưa từng được nghe sao? Ông ta có thông báo cho tôi điều gì mới không? Kim mình lại, tôi không trả lời. Vị Trưởng Ngân khó hiểu rất rõ sự giận dữ của tôi đối với ông ta vì đã giao cho tên ngốc vừa qua đời làm một bản thảo sau lưng tôi, và đối với những nhà tiểu họa vô ơn, những kẻ đã bí mật chuẩn bị những tranh minh họa ấy nhằm

lấy lòng người khác và kiếm thêm vài đồng bạc.

Tôi nhận ra mình đang cân nhắc xem người ta có thể áp dụng những phương pháp tra tấn nào. Họ sẽ không phải viện đến trò lột da trong quá trình thẩm vấn, bởi điều đó chắc chắn dẫn đến cái chết. Họ cũng sẽ không đóng cọc xiên qua bất cứ ai như vẫn làm với bọn phiến loạn, bởi vì cách đó được sử dụng như một cách răn đe. Cũng không thể có chuyện bẻ gãy hay chặt ngón tay cánh tay hay chân những nhà tiểu họa này. Dĩ nhiên việc móc một mắt - mà tôi được biết là một biện pháp ngày càng phổ biến gần đây xét theo số người chột mắt ngày một tăng trên đường phố Istanbul - sẽ là không thích hợp với những nghệ sĩ bậc thầy. Vì vậy khi tôi hình dung những nhà tiểu họa thân yêu của tôi trong một góc khuất của Vườn Thượng uyển, bị tống vào hồ nước lạnh giá giữa những hoa súng, run rẩy và nhìn nhau đầy căm ghét, bất chợt tôi muốn cười phá lên. Tuy nhiên tôi đau buồn khi hình dung ra Zeytin la hét như thế nào khi thân mình cậu ta bị một thanh sắt nóng dí vào, và da của Kelchek thân yêu sẽ tái nhợt như thế nào khi cậu ấy bị cùm. Tôi không chịu nổi khi nhớ lại cảnh Kelebek thân yêu - mà kỹ năng và tình yêu dành cho việc trang trí của cậu ta làm tôi ứa nước mắt - khi cậu ta bị đánh vào gan bàn chân như một thợ học việc trộm cắp tầm thường. Tôi chỉ đứng đó chết lặng, lòng se thắt.

Đầu óc già nua của tôi cảm bật dưới tác động của sự im lặng nội tại của chính nó. Có một thời chúng tôi đã cùng nhau vẽ với niềm đam mê khiến chúng tôi quên hết mọi thứ.

"Họ là những nhà tiểu họa tài ba nhất đang phục vụ Đức vua," tôi nói.
"Hãy bảo đảm rằng họ không bị hề hấn gì."

Hài lòng, vị Trưởng Ngân khố nhồm dậy, cầm lấy một số trang giấy trên bàn làm việc đặt ở cuối phòng và bày ra trước mặt tôi. Kế đến, như nhận thấy căn phòng khá tối, ông ta đặt cạnh tôi hai giá nến to, với những ngọn bấc cỡ lớn cháy rực, những ngọn lửa bập bùng run rẩy để tôi có thể nghiên cứu những bức tranh đang bàn cãi đó.

Làm sao giải thích được những gì tôi thấy khi rà kính lúp trên mặt tranh?

Tôi cảm thấy muốn cười to lên - chẳng phải vì chúng khôì hài đâu. Tôi giận điên lên - có vẻ như Enishte Kính mền đã chỉ dẫn những thợ cả của tôi như sau: "Đừng vẽ giống bản thân các anh, mà hãy vẽ như thể các anh là người khác." Ông ta đã buộc họ nhớ lại những ký ức không hề tồn tại, tưởng tượng ra và vẽ lại một tương lai mà chắc họ không hề muốn sống trong đó. Còn khó tin hơn nữa là họ đang giết nhau vì điều nhầm nhí này.

"Nhìn vào những minh họa này ông có thể cho tôi biết tay tiểu họa nào đã vẽ bức nào không?" Trương Ngân khó hỏi.

"Được, tôi nói một cách giận dữ. "Ông tìm đâu ra những bức tranh này?"

"Siyah tự động mang chúng đến và để lại đây cho tôi." Trương Ngân khó nói. "Anh ta cố chứng minh rằng anh ta và Enishte quá cố của anh ta vô tội."

"Trong cuộc điều tra, hãy tra tấn anh ta," tôi nói. "Bằng cách đó chúng ta sẽ biết được những bí mật khác mà Enishte quá cố của chúng ta đang nắm giữ."

"Chúng tôi đã cho đòi anh ta vào," Chỉ huy Ngự lâm quân nói. "Sau đó chúng tôi sẽ lục soát toàn bộ ngôi nhà của tay vừa mới cưới vợ đó."

Cả hai khuôn mặt họ đều sáng lên một cách kỳ lạ, một thoáng khiếp hãi và kính sợ trùm lên họ, và họ đứng bật dậy.

Không cần quay sang, tôi cũng biết chúng tôi đang ở trước mặt Đức vua, người che chở thế giới.

1 Hippodrome: Trường đua ngựa được xây từ thời đế quốc La Mã khi Istanbul còn mang tên Constantinople, thủ phủ của đế quốc Đông La Mã. Khi triều đại Ottoman chiếm thành phố này năm 1453 và biến nó thành kinh đô Thổ Nhĩ Kỳ. Kiến trúc này bị bỏ hoang phé vì người Thổ không thích môn đua ngựa.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 39: Tôi Là Esther

Ôi tuyệt vời làm sao khi được khóc cùng mọi người khác! Trong khi cánh đàn ông ở tại đám tang của cha Shekure thân yêu của tôi, các phụ nữ, bạn bè và họ hàng tập trung trong nhà mà than khóc, còn tôi cũng đắm ngực mà khóc than cùng họ. Lúc thì than khóc chung với cô gái xinh đẹp cạnh tôi, tựa vào cô và lắc lư tới lui; khi thì lại khóc trong một tâm trạng hoàn toàn khác. Tôi xúc động sâu xa trước những đau khổ và cuộc đời tội nghiệp của tôi. Tôi nghĩ, nếu tôi có thể khóc như vậy mỗi tuần một lần thì tôi có thể quên mình đã phải lang thang suốt ngày trên khắp phố phường sao cho đủ chi tiêu trong nhà; quên việc mình bị chế nhạo vì béo phịch và vì dòng máu Do Thái, và được tái sinh thành một Esther mồm mép còn liến thoắng hơn nữa.

Tôi thích những cuộc tụ tập đông người bởi vì tôi có thể ăn thả cửa, đồng thời quên rằng mình là kẻ bị rẻ rúng trong đám đông. Tôi thích món kẹo baklava, kẹo bạc hà, bánh mì bằng bột hạnh nhân và trái cây khô của ngày hội; com thập cẩm với thịt và bánh ngọt hình tách trà trong những buổi lễ cắt bì; uống nước quả anh đào chua tại những lễ kỷ niệm do Đức vua tổ chức ở Hippodrome; ăn đủ thứ trong các tiệc cưới; và nhấm nháp kẹo vừng, kẹo mật ong và đủ thứ bánh kẹo chia buồn khác được hàng xóm gửi đến trong những đêm canh xác.

Tôi lặng lẽ lên ra hành lang, mang giày rồi xuống cầu thang.

Trước khi rẽ vào nhà bếp, tôi chột tò mò vì tiếng động kỳ cục phát ra từ căn phòng mở hé cửa cạnh chuồng ngựa. Tôi đi vài bước về hướng đó, nhìn vào trong thì thấy Shevket với Orhan đã trói gô thẳng con của một trong những phụ nữ đưa tang rồi dùng cọ và thuốc màu của ông ngoại quá cố của chúng mà vẽ lên mặt thẳng bé. "Mày mà tìm cách trốn, tụi tao sẽ đánh mày như vậy nè," Shevket nói rồi tát thẳng bé.

"Con trai cưng nè, giờ hãy chơi nhẹ nhàng đi nào, đừng đánh nhau, được không?" tôi nói bằng giọng nhẹ nhàng hết mức.

"Đi mà lo chuyện của bà đi!" Shevket nạt lại.

Tôi thấy đứa em gái tóc vàng bé nhỏ của thằng nhóc mà chúng đang tra tấn đứng cạnh chúng với vẻ sợ sệt, và vì lý do nào đó tôi thấy tội nghiệp con bé. Bây giờ quên chuyện đó đi, Esther!

Trong nhà bếp Hayriye nhìn tôi đầy nghi ngờ.

"Tôi khóc khô cả họng đây, Hayriye," tôi nói. "Vì Thượng đế rót cho tôi ly nước đi."

Cô ta lặng lẽ rót. Trước khi uống, tôi nhìn vào đôi mắt sưng mọng vì khóc của cô ta.

"Enishte Kính mến tội nghiệp, họ nói ông ta đã chết trước khi Shekure làm đám cưới," tôi nhận xét.

"Miệng lưỡi thế gian đâu có buộc lại như miệng túi được, thậm chí một số người còn tuyên bố có trò gian dối gì trong đây."

Bằng một cử chỉ thái quá, cô ta nhìn xuống những ngón chân mình. Sau đó cô ta ngẩng đầu lên, không nhìn tôi mà nói, "Cầu Thượng đế che chở chúng ta khỏi những lời vu khống vô căn cứ."

Cử chỉ thứ nhất của cô ta đã khẳng định những gì tôi nói, và hơn nữa ngữ điệu trong câu nói của cô ta cho thấy nó được nói ra với sự gượng ép - để che giấu sự thật.

"Đã xảy ra chuyện gì vậy?" tôi đột ngột hỏi, thì thầm như thể tôi là bạn tâm giao của cô ta.

Dĩ nhiên cô Hayriye đầy lưỡng lự này đã hiểu rằng cô ta không hy vọng đòi hỏi bất cứ quyền hạn gì với Shekure sau cái chết của Enishte Kính mến.

Thế mà mới đây thôi cô ta còn là kẻ than khóc chân thành nhất.

"Bây giờ tôi biết sống sao đây?" cô ta hỏi.

"Shekure rất kính trọng cô," tôi nói theo thói quen đưa tin.

Giở nắp những lọ kẹo xếp hàng giữa chiếc bình đất sét to đựng mật nho và lọ dưa chua, nhón một nhúm trong lọ này hoặc chồm tới ngửi lọ kia, tôi hỏi ai đã gửi mấy thứ này đến.

Hayriye đang huyền thuyên kể ai đã gửi lọ nào: "Cái này của Kasim Kính mến ở Kayseri; cái này của người phụ tá của nhóm tiểu họa sống cách đây hai khu phố; lọ kia của người thợ khóa, Hamdi Tay trái; lọ đó của cô dâu trẻ ở Edirne..." thì Shekure ngắt lời cô ta.

"Kalbiye, quả phụ của Zarif Kính mến quá cô, không đến chia buồn, không nhắn một lời mà kẹo cũng không gửi đến!"

Cô ấy đang đi từ cửa nhà bếp đến chân cầu thang. Tôi theo cô, biết rằng cô muốn nói chuyện riêng với tôi.

"Giữa cha tôi với Zarif Kính mến không hề có xích mích. Hôm đám tang Zarif chúng tôi có làm kẹo gửi đến cho họ. Tôi muốn biết có chuyện gì xảy ra," Shekure nói.

"Tôi sẽ đi dò la ngay," tôi nói, phỏng đoán suy nghĩ của Shekure.

Vì tôi chỉ nói ngắn gọn, cô hôn lên má tôi. Khi cái lạnh ngoài sân phả vào, chúng tôi ôm nhau và đứng đó không nhúc nhích.

Sau đó tôi vuốt tóc Shekure.

"Esther, tôi sợ," cô ấy nói.

"Cô bé thân yêu, đừng sợ," tôi nói. "Chuyện gì cũng có chỗ lạc quan của nó. Coi đó, rốt cuộc thì cô cũng có chồng."

"Nhưng tôi không chắc mình làm vậy có đúng không," cô nói. "Bởi thế nên tôi không cho anh ấy đến gần tôi. Tôi đã dành cả đêm cạnh người cha bất hạnh của mình."

Cô mở to mắt và nhìn tôi như nói, chị hiểu ý tôi muốn nói gì chứ?

"Hasan tuyên bố rằng lễ cưới của cô không có giá trị dưới mắt quan tòa," tôi nói. "Anh ta gửi cái này cho cô."

Dù cô ấy nói, "Thôi đi," cô vẫn mở lá thư và đọc ngay nhưng lần này cô không cho tôi biết trong thư nói gì.

Cô thận trọng là đúng; không chỉ có mình chúng tôi ngoài sân nơi chúng tôi đứng ôm nhau: Bên trên, một thợ cửa đang mỉm cười đóng lại tấm màn cửa sổ hành lang bị rơi vỡ sáng hôm đó mà không ai biết tại sao, cũng chăm chú nhìn chúng tôi và những phụ nữ đang than khóc bên trong. Trong khi đó Hayriye bước ra khỏi nhà mở cửa cho con trai của một người hàng xóm trung thành đang vừa la to "kẹo đây" vừa gõ cánh cổng ngoài sân.

"Chúng tôi chôn ông cũng xong rồi," Shekure nói. "Bây giờ tôi có thể cảm thấy linh hồn người cha tội nghiệp của tôi đang rời khỏi xác ông vĩnh viễn và bay lên các tầng trời."

Cô rời khỏi vòng tay tôi, ngược nhìn bầu trời tươi sáng mà đọc một bài kinh dài.

Bất ngờ tôi cảm thấy quá xa cách và lạ lẫm với Shekure đến độ tôi sẽ không ngạc nhiên nếu tôi là đám mây mà cô ấy đang nhìn. Ngay khi đọc xong bài kinh, Shekure xinh đẹp trùi mền hôn lên cả hai má tôi.

"Esther ơi," cô nói, "chừng nào kẻ giết cha tôi còn nhởn nhơ, thế giới này sẽ không còn thanh bình đối với tôi và bọn trẻ nữa."

Tôi thấy vui vì cô không đề cập đến tên người chồng mới của cô.

"Hãy đến nhà Zarif Kính mến, nói chuyện với bà vợ góa của anh ta để

xem tại sao họ không gửi kẹo đến cho chúng ta. Biết được chuyện gì thì cho tôi hay liền nhé."

"Cô có gửi gì cho Hasan không?" tôi hỏi.

Tôi cảm thấy bối rối, không phải vì tôi đã hỏi câu này, mà bởi vì tôi không thể nhìn vào mắt cô khi hỏi thế. Để che đậy sự bối rối đó, tôi chặn Hayriye lại và mở nắp chiếc lọ cô ta đang cầm.

"Ô, kẹo lúa mì với quả hồ trăn," tôi nói sau khi nếm qua một miếng.
"Còn cho thêm cam nữa."

Tôi vui khi thấy Shekure mỉm cười như thể mọi thứ đều diễn ra theo kế hoạch.

Tôi cầm lấy túi hàng và bỏ đi. Tôi đi chưa được hai bước thì thấy Siyah ở cuối đường. Anh đi chôn cất cha vợ vừa mới trở về, qua nét mặt tươi tắn của anh ta tôi có thể thấy người chồng mới này hoàn toàn hài lòng với cuộc sống của mình. Để không làm anh ta xuống tinh thần, tôi rời con đường, đi vào những luống rau và băng qua khu vườn của ngôi nhà nơi em trai của người tình vị bác sĩ Do Thái nổi tiếng Moshe Hamon đã sống trước khi bị treo cổ. Khu vườn này, vốn gợi nhớ cái chết, luôn gây cho tôi một nỗi buồn sâu sắc mỗi khi tôi đi qua đến độ tôi luôn quên băng rằng mình được giao nhiệm vụ tìm người mua cơ ngơi này. Ngôi nhà của Zarif Kính mền cũng mang vẻ chết chóc, dù đối với tôi nó không gợi nỗi buồn. Tôi là Esther, một phụ nữ từng vào ra hàng ngàn ngôi nhà và quen với hàng trăm quả phụ, tôi biết rằng những phụ nữ mất chồng sớm thường chìm đắm trong cảm giác thất bại và khốn khổ hoặc giận dữ và nổi loạn (dù Shekure đã chịu tất cả những thứ này). Kalbiye đã nạp đủ liều độc dược giận dữ và tôi nhanh chóng nhận ra rằng điều này có tác dụng thúc đẩy công việc của tôi.

Giống như mọi phụ nữ tự phụ mà cuộc sống của họ quá bất hạnh, Kalbiye đã nghi ngờ rất chính xác rằng mọi khách khứa đều đến để thương hại cô trong giờ phút đen tối nhất của cô, hoặc tệ hại hơn, để chứng kiến nỗi thống khổ của cô và thầm khoái trá rằng hoàn cảnh họ tốt hơn; vì vậy cô

không dự vào những trao đổi xã giao với khách khứa, bỏ qua mọi trò tán gẫu huê dạng mà đi thẳng vào vấn đề chính. Tại sao Esther lại đến chiều nay, ngay khi Kalbiye sắp ngủ một giấc giải khuây với nỗi sầu muộn của cô? Biết rõ cô không quan tâm đến những thứ lựa mới nhất của Trung Hoa hoặc những chiếc khăn tay xứ Bursa, tôi thậm chí không làm bộ mở túi ra mà đi thẳng vào vấn đề và mô tả mối ưu tư của Shekure đau khổ. "Nỗi buồn khổ của Shekure càng tăng khi nghĩ rằng cô ấy đã làm tổn thương tình cảm của cô, người cũng có nỗi buồn giống như cô ấy," tôi nói.

Một cách kiêu kỳ, Kalbiye khẳng định rằng cô ta không hỏi thăm sức khỏe của Shekure, không đến thăm để chia buồn và khóc than với cô ấy, mà cũng chẳng còn lòng dạ nào để làm kẹo với gửi quà. Đằng sau lòng tự ái của cô ta cũng ẩn nấp một niềm hân hoan mà cô ta không thể che giấu: niềm vui rằng người ta đã nhận ra sự oán hận của cô ta. Chính từ điểm này mà Esther nhanh trí của các vị đã cố gắng phát hiện những lý do và tình huống dẫn đến cơn giận của Kalbiye.

Không mất nhiều thời gian để Kalbiye thừa nhận, chính cái bản thảo có minh họa mà Enishte Kính mến quá cố đang làm đã khiến cô căm giận ông ta. Cô nói rằng chồng cô, cầu cho anh ta được yên nghỉ, đã không đồng ý tham gia làm cuốn sách đó vì vài đồng bạc lẻ, nhưng vì Enishte thuyết phục anh ta rằng dự án đó được Đức vua phê chuẩn. Tuy nhiên khi người chồng quá cố của cô hiểu ra rằng những phần trang trí mà Enishte thuê anh ta mạ vàng đã dần dần tiến triển từ những trang có trang trí thành những bức minh họa hoàn chỉnh, còn hơn thế là những bức tranh mang dấu ấn sự báng bổ, thuyết vô thần và thậm chí dị giáo của bọn Tây vực, anh ta ngày càng bứt rứt và không còn biết phân biệt đúng sai. Là một kẻ khôn ngoan và lý trí hơn Zarif Kính mến nhiều, cô ta thận trọng nói thêm rằng tất cả những nghi ngờ này hình thành từ từ chứ không phải ngay lập tức, và bởi Zarif Kính mến tội nghiệp không hề nhận ra bất cứ điều gì có thể coi là sự phạm thượng trắng trợn nên anh ta có thể xem những lo lắng của mình là vô căn cứ. Ngoài ra anh ta tự an ủi mình bằng cách không bỏ lỡ bài thuyết giáo nào của Nusret Hoja xứ Erzurum, và nếu bỏ qua một trong năm bài kinh hàng ngày thì anh ta lo lắng không yên. Cũng như anh ta biết có những tên vô lại nào đó tại

xưởng thường chế giễu sự tận tụy hết lòng của anh ta cho tín ngưỡng. Anh ta cũng hiểu những trò đùa tráo của họ xuất phát từ lòng đố kỵ đối với tài năng và nghệ thuật của anh ta.

Một giọt lệ to lấp lánh từ con mắt sáng rực của Kalbiye lăn xuống má cô, và lần đầu tiên Esther tốt bụng của các vị quyết định tìm cho Kalbiye một người chồng tốt hơn người chồng vừa mới mất của cô.

"Anh chồng quá cố của tôi thường không chia sẻ những ưu tư của anh ấy với tôi," Kalbiye thận trọng nói. "Theo những gì tôi còn nhớ rồi ghép lại được với nhau, tôi kết luận rằng mọi thứ xảy ra là do những bức minh họa đã khiến anh ấy phải đến nhà Enishte Kính mền vào đúng đêm cuối cùng trong đời."

Đây là một kiểu biện bạch nào đó. Để đáp lại, tôi nhắc cô ta rằng số phận của cô và của Shekure, không đề cập đến những kẻ thù của họ, là giống nhau nếu như ta cho rằng Enishte Kính mền có lẽ bị giết bởi chính "tên vô lại" đó. Hai đứa bé to đầu mồ côi cha đang ở góc nhà nhìn tôi, chúng lại gọi tôi nhớ đến một tương đồng nữa giữa hai phụ nữ này. Nhưng suy luận của một bà mối tàn nhẫn nhắc tôi rằng tình trạng của Shekure đẹp hơn, phong phú và bí ẩn hơn nhiều. Tôi cho Kalbiye biết chính xác tôi cảm thấy điều gì:

"Shekure nhờ tôi nói với cô rằng nếu cô ấy có làm gì sai đối với cô cô ấy rất lấy làm tiếc" tôi nói. "Cô ấy muốn nói rằng cô ấy thương cô như một người chị và như một phụ nữ cùng chung số phận. Cô ấy muốn cô nghĩ về điều này và giúp cô ấy. Khi Zarif Kính mền quá cố rời khỏi nhà này vào đêm cuối cùng của anh ấy, anh ấy có đề cập chuyện anh ấy sẽ đi gặp ai ngoài Enishte Kính mền không? Cô có bao giờ nghĩ đến việc anh ấy có thể đi gặp ai khác không?"

"Người ta tìm thấy cái này trên xác anh ấy," cô ta nói.

Cô ta lấy ra một mẫu giấy gấp từ chiếc hộp bằng mây có nắp đậy trong đó đựng que đan, những mẫu vải và một quả óc chó lớn.

Khi cầm mẫu giấy nhàu nát lên xem xét, tôi thấy trên đó có nhiều hình thù vẽ bằng mực đã lấm lem và ố bản vì nước giếng. Tôi vừa mới xác định xem những hình dạng đó là gì thì Kalbiye đã nói lên ý nghĩ của tôi.

"Những con ngựa," cô ta nói. "Nhưng Zarif Kính mền quá cố chỉ làm công việc mạ vàng tác phẩm thôi. Anh ấy chưa bao giờ vẽ ngựa. Và chắc không có ai nhờ anh ấy vẽ ngựa bao giờ."

Esther già nua của các vị nhìn vào những con ngựa được phác họa rất nhanh đó, nhưng cô ta hoàn toàn không hiểu được ý nghĩa của chúng.

"Nếu tôi mang mẫu giấy này đến cho Shekure, cô ấy sẽ rất vui, tôi nói.

"Nếu Shekure muốn được xem những phác thảo này, cứ bảo cô ta tự đến mà lấy," Kalbiye nói, không hề có chút dấu hiệu tự cao.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 40: Tôi Được Gọi Là Siyah

Có lẽ đến lúc này bạn đã hiểu rằng đối với những người đàn ông như tôi, nghĩa là những người đàn ông u sầu mà với họ tình yêu đau khổ, hạnh phúc và đau đớn chỉ là những cái cớ để duy trì sự cô đơn vĩnh cửu, cuộc đời không đưa đến niềm vui lớn hay nỗi buồn lớn. Tôi không nói rằng chúng tôi không thể thấu hiểu những linh hồn bị đắm chìm trong những tình cảm ấy, trái lại chúng tôi thông cảm với họ. Những gì chúng tôi không thể thấu hiểu là nỗi bất an kỳ quặc mà linh hồn chúng tôi chìm trong đó vào những lúc như thế. Trạng thái rối loạn thâm lặng này làm mờ trí tuệ chúng tôi và làm mềm lòng chúng tôi, tước đoạt vị trí dành cho niềm vui và nỗi buồn thực sự mà lẽ ra chúng tôi phải trải qua.

C

Tôi đã chôn cất cha nàng, tạ ơn Thượng đế, từ đám tang vội vã về nhà và ôm lấy Shekure, vợ tôi để an ủi nàng; rồi bất ngờ nước mắt đầm đìa, nàng sụp xuống đồng nệm cùng bọn trẻ, chúng đang nhìn tôi với vẻ hận thù và tôi không biết phải làm gì. Nỗi thống khổ của nàng xảy ra cùng lúc với chiến thắng của tôi. Chỉ bằng một hành động, tôi đã cưới người trong mộng thời trai trẻ của tôi, giải thoát tôi khỏi cha nàng, người đã coi thường tôi, và trở thành chủ ngôi nhà. Ai sẽ tin sự chân thành trong những giọt nước mắt của tôi? Nhưng tin tôi đi, không phải vậy đâu. Tôi thực sự muốn thương tiếc, nhưng không được: Enishte luôn là người cha còn hơn cả cha ruột của tôi. Nhưng vì tay thuyết giáo băng nhắng lo nghi thức tắm rửa cuối cùng cho Enishte không hề ngưng làm nhằm nên tin đồn rằng Enishte chết trong hoàn cảnh bí ẩn đã lan truyền giữa những người hàng xóm dự đám tang - như tôi có thể cảm nhận khi đứng trong sân thánh đường. Tôi không muốn cảnh ráo hoảnh nước mắt của mình bị người ta lý giải theo cách tiêu cực; tôi không cần phải nói với bạn, nỗi sợ hãi của việc bị gán cho là "trái tim sắt đá" là có

thật đến mức nào.

Bạn vẫn biết, một số bà cô thông cảm sẽ luôn chứng thực rằng "anh ta khóc ở trong lòng" để giúp những kẻ như tôi khỏi bị đám đông dè bủ. Thực sự tôi đã khóc trong lòng khi cố lui vào góc khuất, tách khỏi những láng giềng nhiều chuyện và những họ hàng xa với khả năng lạ lùng là huy động cả một cơn mưa nước mắt; tôi nghĩ về vai trò chủ nhà của mình, liệu tôi có nên kiểm soát tình hình không, nhưng ngay lúc đó có tiếng gõ cửa. Một phút kinh hoàng. Đó có phải là Hasan không? Bất chấp, tôi muốn thoát khỏi cái địa ngục đầy tiếng thút thít này bằng mọi giá.

Đó là một người hầu trong cung, tới để triệu tôi đến lâu đài. Tôi choáng váng.

Khi rời khoảng sân, tôi thấy một đồng bạc lấm bùn dưới đất. Tôi sợ phải đến hoàng cung chẳng? Phải, nhưng tôi cũng hạnh phúc khi được ở ngoài sân trong cái lạnh giữa lũ ngựa, chó, cây cối và thiên hạ. Tôi nghĩ mình sẽ làm quen với người hầu này, giống như những kẻ mơ mộng hảo huyền vốn tin rằng họ có thể làm dịu sự tàn nhẫn của thế giới này trước khi đối mặt với đao phủ, nên cố chuyện trò vô tư với người canh ngục về điều này điều nọ, những cái đẹp của cuộc sống, những chú vịt bơi trong hồ, hoặc sự kỳ lạ của một đám mây trôi trên trời; nhưng than ôi, anh ta đã làm tôi thất vọng, tỏ ra là một chàng trai ử rữ, non trẻ, kiêu lời. Khi đi qua Hagia Sophia, tôi kinh hãi nhận ra những cây bách mảnh mai đang nhẹ nhàng vươn lên bầu trời đầy sương, không phải là nỗi sợ hãi bị chết ngay sau khi cưới được Shekure sau bao năm tháng đã khiến tóc tôi dựng đứng, mà chính là sự bất công khi phải chết trong tay bọn tra tấn trong cung điện mà chưa được làm tình với nàng.

Chúng tôi không đi về phía những ngọn tháp kinh hoàng của Cổng Basus-Selam, mà đằng sau là nơi bọn tra tấn và đao phủ nhậm lệnh thực hiện công việc của họ, mà về phía những xưởng mộc. Khi chúng tôi đi giữa những kho ngũ cốc, một con mèo đang liếm lông trong bùn dưới chân con ngựa màu hạt dẻ với lỗ mũi tỏa hơi quay lại nhưng không nhìn chúng tôi: Con mèo mãi chú ý đến vết bẩn của nó, như chúng tôi vậy.

Đằng sau dãy kho ngũ cốc, hai bóng người, mà cấp bậc và mối quan hệ giữa họ tôi không thể xác định được qua bộ quân phục xanh và tía, liền thế chỗ gã người hầu, họ nhốt tôi vào một căn phòng tối của một ngôi nhà nhỏ, mà tôi có thể đoán là mới xây dựng qua mùi gỗ tươi. Tôi biết người ta nhốt tôi vào phòng tối là nhằm gây sợ hãi trước khi tra tấn; hy vọng họ bắt đầu với việc đánh vào gan bàn chân, tôi nghĩ về những cách nói dối mà tôi có thể dùng để giữ cái mạng mình. Một đám đông trong phòng sát cạnh có vẻ đang huyền não lên.

Hầu như chắc chắn rằng trong số các bạn có người không thể nghĩ rằng giọng đùa cợt chế nhạo của tôi là giọng của một kẻ sắp bị tra tấn. Nhưng chẳng lẽ tôi chưa từng nói tôi tự coi mình là một trong những tôi tớ may mắn của Thượng đế sao? Và nếu lũ chim của vận may vốn sà xuống đầu tôi trong hai ngày qua sau những năm tháng nghèo khổ chưa đủ là bằng chứng, thì đồng bạc tôi nhặt được ngoài cổng ắt hẳn là một chỉ dẫn nào đó.

Trong khi chờ bị tra tấn, tôi thấy dễ chịu nhờ đồng bạc và hoàn toàn tin rằng nó sẽ bảo vệ mình; tôi nắm nó trong lòng bàn tay, chà xát và hôn liên tục lên biểu tượng may mắn này mà Allah gửi đến cho tôi. Nhưng bất cứ lúc nào khi họ chuyển tôi khỏi phòng tối và mang tôi sang phòng kế bên nơi tôi gặp viên Chỉ huy Ngự lâm quân và bọn tra tấn người Croatia hỏi đầu của ông ta, tôi đều biết đồng xu bạc này sẽ không còn giá trị. Giọng nói tàn nhẫn trong tôi hoàn toàn đúng: Đồng xu trong túi tôi không đến từ Thượng đế, mà là một trong những đồng xu tôi đã tung qua đầu Shekure cách nay hai ngày - mà bọn trẻ đã không thấy. Vì vậy, nằm trong tay nhưng kẻ tra tấn tôi, tôi chẳng có gì che chở.

Tôi thậm chí không nhận ra nước mắt mình bắt đầu rơi. Tôi muốn cầu xin, song như trong một giấc mơ, không một âm thanh nào thoát khỏi miệng tôi. Tôi biết qua những cuộc chiến tranh, những cái chết, những vụ ám sát và tra tấn vì chính trị (mà tôi chứng kiến từ xa) rằng cuộc sống có thể bị đập tắt tức khắc nhưng tôi chưa ném trái điều này một cách cận kề như vậy. Họ sắp loại bỏ tôi khỏi thế giới này chẳng khác gì lột bỏ quần áo của tôi.

Họ lột áo choàng và áo ngắn của tôi. Một trong những tên đao phủ ngồi lên tôi, dận gối xuống vai tôi. Một tên khác đặt chiếc lồng trùm vào đầu tôi với tất cả sự nhẹ nhàng điêu luyện của một phụ nữ đang chuẩn bị thức ăn và bắt đầu chậm rãi vặn con ốc ở mặt trước lồng. Không, nó không phải chiếc lồng, mà là một cái khung kẹp từ từ siết chặt đầu tôi.

Tôi rú hết sức lực. Tôi van xin, nhưng rời rạc. Tôi khóc, phần lớn bởi vì thần kinh của tôi đã kiệt quệ.

Họ dừng một lát rồi hỏi: "Mi là kẻ đã giết Enishte Kính mên phải không?"

Tôi hít thật sâu: "Không."

Họ bắt đầu siết khung kẹp thêm chút nữa. Nó nhức buốt.

Họ lại hỏi.

"Không."

"Vậy là ai?"

"Tôi không biết!"

Tôi tự hỏi có nên nói với họ mình đã giết ông ta không. Thế giới quay cuồng thong dong trong đầu tôi. Tôi cảm thấy lưỡng lự. Tôi tự hỏi phải chăng mình đang quen dần với cảm giác đau. Những tay đao phủ của tôi và tôi bất động trong giây lát. Tôi không cảm thấy đau. Tôi chỉ thấy kinh hoàng.

Ngay khi tôi xác định qua đồng bạc trong túi tôi rằng họ sẽ không giết tôi thì họ bất ngờ tha cho tôi. Họ tháo cái khung kẹp đã làm thương tổn chút đỉnh cái đầu tôi. Tay đao phủ đang đè chặt tôi đứng dậy mà không một lời biện bạch. Tôi mặc áo ngắn và áo khoác vào.

Một khoảng im lặng kéo dài.

Ở cuối phòng, tôi thấy Trưởng ban Trang trí, Sư phụ Osman Kính mên.

Tôi bước đến hôn tay ông ta.

"Đừng lo, con ạ," ông ta nói. "Họ chỉ thử thách con thôi."

Tôi biết ngay rằng tôi đã tìm được một người cha mới thế chỗ Enishte, cầu cho ông được yên nghỉ.

"Đức vua ra lệnh không tra tấn anh lúc này," viên Chỉ huy nói. "Ngài cho rằng anh thích hợp cho việc giúp Trưởng ban Trang trí, Sư phụ Osman tìm ra tên khốn nạn đã giết những nhà tiểu họa và những tội tở trung thành đang làm bản thảo cho Ngài. Anh có ba ngày để thẩm vấn các nhà tiểu họa, nghiên cứu những trang mà họ đã tiến hành tô điểm để tìm ra tên thủ phạm xảo quyệt. Đức vua bị chấn động dữ dội trước những tin đồn mà bọn chuyên gây bất hòa tung ra về những nhà tiểu họa và những bản thảo có trang trí của Người. Cả ta lẫn Trưởng Ngân khố Hazim Agha sẽ giúp hai người tìm ra tên sát nhân này, như Đức vua ban lệnh. Trong hai ông, một người thì rất thân cận với Enishte Kính mến, vì vậy đã nghe được những luận bàn của ông ta và biết về những nhà tiểu họa thường đến thăm ông ta mỗi đêm và câu chuyện đằng sau cuốn sách. Người kia là sư phụ vĩ đại, người tự hào biết rõ mọi nhà tiểu họa của xưởng như lòng bàn tay mình vậy. Trong vòng ba ngày, nếu hai ông không trưng ra được tên đốn mạt đó cùng với trang sách bị mất mà hẳn đã ăn cắp - mà người ta đồn đại về nó đã nhiều - thì mong muốn rõ ràng của Đức vua là anh, Siyah Kính mến sẽ là người đầu tiên bị tra tấn và thẩm vấn. Sau đó, chắc chắn lần lượt sẽ tới lượt từng thợ cả tiểu họa khác."

Tôi có thể nhận ra không hề có một cử chỉ hay dấu hiệu bí mật nào giữa hai người bạn già này, vốn đã làm việc với nhau qua nhiều năm: Trưởng Ngân khố Hazim Agha, người đặt làm tác phẩm và Trưởng ban Trang trí, Thầy Osman Kính mến, người nhận tiền và vật liệu từ ngân khố thông qua ông ta.

"Mọi người đều biết, mỗi khi có một tội ác xảy ra trong phân đội trung đoàn hay sư đoàn của Đức vua, toàn bộ tập thể đó sẽ bị coi là có tội cho đến khi một người trong bọn họ bị nhận dạng và bị bắt. Đơn vị nào không nêu được tên kẻ giết người nằm trong đơn vị mình, đơn vị đó sẽ bị ghi trong hồ

sơ tư pháp là trung đoàn những kẻ sát nhân, kẻ cả viên sĩ quan hoặc chỉ huy đơn vị đó và bị trừng phạt theo mức độ tương ứng," viên Chỉ huy nói. "Vì thế, Trưởng ban Trang trí, Thầy Osman của chúng ta sẽ hết sức chú ý, xem xét kỹ từng bức minh họa với cái nhìn thấu suốt của thầy, phát hiện sự độc ác, mưu mẹo, trò hiểm độc và sự xúi bẩy vốn đã khiến cho những nhà tiểu họa vô tội tóm lấy cổ nhau và đưa kẻ có tội ra trước nền công lý nghiêm khắc của Đức vua, người che chở thế giới, qua đó minh oan cho cả phường hội của thầy. Để đạt mục đích này, chúng tôi đã có lệnh rằng mọi thứ Thầy Osman yêu cầu đều phải được đáp ứng. Người của tôi lúc này đã tịch thu mọi trang sách mà các nhà tiểu họa bậc thầy lâu nay đã làm riêng tại nhà họ."

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 41: Đô Là Tôi, Sư Phụ Osman

Viên Chỉ huy Ngự lâm quân và Trưởng Ngân khố lặp lại chiếu chỉ của Đức vua trước khi để hai chúng tôi ở lại với nhau. Dĩ nhiên Siyah kiệt sức vì sợ, vì khóc và vì những trò tra tấn. Cậu ta nín thở như một đứa bé. Tôi biết tôi dần sẽ ưa thích cậu ta, và tôi không quấy rối sự yên bình của cậu.

V

Tôi có ba ngày để nghiên cứu những trang sách mà người của viên Chỉ huy đã thu gom từ nhà những tay thư pháp và thợ cả tiểu họa của tôi, để xác định ai đã làm ra chúng. Tất cả các người đều biết tôi kính trọng như thế nào khi lần đầu ghé mắt vào những bức tranh được chuẩn bị cho cuốn sách của Enishte Kính mến, cũng như kính trọng việc Siyah đã trao chúng cho Trưởng Ngân khố Hazim Agha để minh oan cho cậu ta. Hẳn phải có một điều gì đó trong những trang này khiến chúng dấy lên sự ghê tởm và căm ghét dữ dội trong lòng một nhà tiểu họa như tôi vốn đã cống hiến cả đời cho nghệ thuật; chỉ đơn thuần là nghệ thuật xấu thì sẽ không gây nên một phản ứng như thế. Vì vậy với sự tò mò mới nảy sinh, tôi bắt đầu xem xét kỹ chín trang sách mà tên gốc quá cổ kia đã đặt hàng cho những nhà tiểu họa vốn vẫn đến nhà hẳn ta lúc đêm hôm khuya khoắt.

Tôi thấy một cội cây nằm giữa một trang trống, đặt trong phần mạ vàng và họa tiết đường viền tạo thành cái khung trang nhã cho từng trang do Zarif Kính mến thực hiện. Tôi cố nghĩ xem bức tranh này nằm trong bối cảnh và câu chuyện nào. Nếu tôi bảo những tay minh họa của tôi vẽ một cái cây, thì Kelebek thân yêu, Leylek thông minh và Zeytin tinh khôn sẽ bắt đầu bằng việc hình dung trong đầu cái cây này như một phần của câu chuyện để họ có thể vẽ hình ảnh này một cách tự tin. Nếu xem xét cẩn thận cái cây ấy, tôi có thể dựa trên cành và lá của nó mà xác định nhà minh họa đã nghĩ đến câu chuyện nào. Tuy nhiên đây là một cội cây lẻ loi khốn khổ; đằng sau nó có

một đường chân trời rất cao vốn gọi lại phong cách của những bậc thầy xa xưa nhất của Shiraz và nhấn mạnh cảm giác tách biệt. Tuy nhiên hoàn toàn chẳng có gì lấp đầy khoảng trống do việc đẩy cao đường chân trời tạo ra.

Nỗi khao khát vẽ một cội cây đơn giản thế này, như những bậc thầy Venice đã vẽ, được kết hợp ở đây với cách nhìn thế giới từ trên cao của người Ba Tư, và kết quả là một bức tranh khôn khổ không ra Ba Tư mà cũng chẳng ra Venice. Đây là cách nhìn cái cây từ bên lề thế giới. Khi cố gắng kết hợp hai phong cách khác biệt, những nhà tiểu họa của tôi và đầu óc nghèo nàn của tên hề đã chết kia đã tạo ra một tác phẩm chẳng hề có chút kỹ năng nào.

Nhưng không phải chuyện bức tranh chịu ảnh hưởng của hai cách nhìn thế giới khác nhau mà chính việc thiếu kỹ năng này đã khiến tôi phẫn nộ.

Tôi cũng cảm thấy y như vậy khi nhìn vào những bức tranh khác, vào con ngựa trong mơ hoàn chỉnh và người phụ nữ cúi đầu. Việc chọn đề tài cũng làm tôi bực bội, tôi không biết đó là hai tín đồ khổ tu lầm đường hay quỷ Satan. Rõ ràng những nhà minh họa của tôi đã rụt rè chèn những bức tranh thấp kém này vào bản thảo có trang trí của Đức vua. Tôi lại cảm thấy kính sợ trước phán quyết của Allah cao cả khi lấy mạng Enishte trước khi cuốn sách được hoàn tất. Không cần phải nói, tôi tuyệt không muốn hoàn tất bản thảo này một chút nào.

Ai mà không bực mình trước con chó này, được vẽ từ bên trên nhưng đang ở trước mặt tôi và nhìn vào tôi cứ như nó là anh em của tôi? Một mặt tôi sùng sốt trước sự tạo dáng sinh động cho con chó, vẻ đẹp của cái liếc xéo đầy đe dọa của nó, đầu hạ thấp tới đất và sắc trắng nhợt dữ dội trong hàm răng của nó, tóm lại, tôi sùng sốt trước tài năng của nhà tiểu họa đã vẽ nó (tôi sắp xác định được chính xác ai đã vẽ bức tranh này); nhưng mặt khác tôi không thể tha thứ việc tài năng này bị chế ngự bởi thứ luận lý kỳ quái của một ý chí bí hiểm. Cả nỗi khao khát muốn bắt chước người Âu lẫn cái lý do rằng với cuốn sách mà Đức vua đặt làm như một món quà cho vị Pháp quan thì phải sử dụng những kỹ thuật quen thuộc với dân Venice đều không giải

thích được thỏa đáng cho kiểu cách xu phụ trong những bức tranh này.

Tôi kinh hoàng trước sức cuốn hút của màu đỏ trong một bức tranh vẽ cảnh náo nhiệt, trong đó tôi lập tức nhận ra tay nghề của từng thợ cả tiểu họa của tôi ở mỗi góc. Một bàn tay nghệ sĩ mà tôi không thể nhận dạng đã phết một màu đỏ lạ kỳ lên bức tranh theo sự hướng dẫn của một luận lý bí hiểm, và toàn bộ thế giới được bộc lộ qua bức minh họa dần dần bị chìm trong sắc đỏ này. Tôi bỏ một thời gian nghiên cứu bức tranh vẽ cảnh đông đúc này để chỉ cho Siyah thấy nhà tiểu họa nào của tôi đã vẽ cây tiêu huyền (Leylek), những chiếc tàu và lũ ngựa (Zeytin) và con diều cùng những đóa hoa (Kelebek).

"Dĩ nhiên, một nhà tiểu họa bậc thầy như sư phụ, người đứng đầu bộ phận làm sách nghệ thuật trong nhiều năm, có thể phân biệt tài khéo của từng nhà minh họa của sư phụ, phong thái trong các đường nét của họ và tính khí trong những nét cọ của họ," Siyah nói. "Nhưng khi một người mê sách lập dị như Enishte của con buộc những nhà minh họa này vẽ với những kỹ thuật mới và chưa được thử nghiệm, thì làm sao sư phụ xác định được họa sĩ nào là tác giả của từng họa tiết với độ chắc chắn như thế?"

Tôi quyết định trả lời bằng một dụ ngôn: "Ngày xưa có một vị vua cai trị xứ Isfahan; ông là người yêu nghệ thuật làm sách và sống một mình trong lâu đài của mình. Ông là một vị vua hùng mạnh, thông minh nhưng tàn nhẫn, chỉ dành tình yêu cho hai thứ: những bản thảo có minh họa mà ông ra lệnh làm và nàng con gái của ông. Vị vua này hết lòng với con gái đến độ kẻ thù của ông ta hầu như đúng khi khẳng định ông ta yêu chính con gái mình - vì ông ta tự hào và cả ghen đến mức tuyên chiến với các hoàng tử và vua láng giềng khi có ai phái sứ giả đến cầu hôn công chúa. Tất nhiên là không một người chồng nào xứng đáng với con gái ông ta, và ông ta giam nàng trong một căn phòng chỉ có thể vào được sau khi vượt qua bốn mươi cánh cửa khóa chặt. Theo niềm tin phổ biến ở Isfahan, ông ta nghĩ rằng nhan sắc của con gái ông sẽ tàn phai nếu những người đàn ông khác nhìn thấy nàng. Một ngày nọ, sau khi một bản sách Husrev o Shirin mà ông ta đặt làm được khắc và minh họa theo phong cách Herat, lời đồn đãi bắt đầu lan truyền ở Isfahan:

Mỹ nhân có khuôn mặt nhợt nhạt xuất hiện trong bức tranh sinh hoạt nhộn nhịp kia không ai khác hơn là con gái của vị vua đầy ghen tị đó.

Thậm chí trước khi nghe những lời đồn này, nhà vua, vốn nghi ngờ bức tranh kỳ bí ấy, đã lật cuốn sách bằng hai bàn tay run rẩy và qua làn nước mắt, ông thấy rằng vẻ đẹp của con gái ông đã thực sự được thể hiện trên trang sách. Theo người ta kể, quả thực không phải là con gái của nhà vua, người được bảo vệ sau bốn mươi lớp của khóa chặt, đã xuất hiện để được vẽ chân dung trong một đêm nọ, mà vẻ đẹp của nàng đã thoát khỏi căn phòng giống như một con ma bực bội vì buồn chán, phản chiếu qua hàng loạt những tấm gương, luồn bên dưới những cánh cửa và len qua các lỗ khóa như một tia sáng hay làn khói để tới được đôi mắt của một nhà minh họa làm việc suốt đêm. Nhà tiểu họa trẻ tuổi tài hoa này, không thể tìm được mình, đã vẽ người đẹp mà anh ta không dám nhìn trong bức minh họa anh ta sắp hoàn thành. Đó là cảnh thể hiện nàng Shirin nhìn lên bức tranh Husrev và thấy yêu chàng lập tức trong một chuyến du ngoạn miền quê."

"Thưa Su phụ Kính mến, đây hoàn toàn là một trùng hợp ngẫu nhiên," Siyah nói. "Con cũng rất thích cảnh đó trong Husrev o Shirin." Những chuyện đó không phải là truyền thuyết, mà là những chuyện đã thực sự xảy ra," tôi nói. "Nhà tiểu họa đó không vẽ cô công chúa xinh đẹp thành Shirin, mà thành một cô gái điếm đang chơi đàn luyt hoặc đang bày bàn ăn, bởi vì đó là nhân vật anh ta đang minh họa lúc đó. Kết quả là, nhan sắc nàng Shirin trở nên mờ nhạt bên cạnh vẻ đẹp lộng lẫy của cô gái điếm đang ở một góc, vì vậy phá vỡ sự cân bằng của bức tranh."

Sau khi nhà vua thấy con gái mình trong bức tranh, ông ta muốn xác định nhà tiểu họa tài hoa nào đã vẽ con gái ông ta. Nhưng nhà tiểu họa khôn khéo này sợ cơn thịnh nộ của nhà vua nên đã thể hiện cả nàng Shirin lẫn cô gái điếm không theo phong cách riêng của mình mà theo một phong cách mới để che giấu lai lịch của anh ta. Những nét cọ tài hoa của khá nhiều nhà tiểu họa cũng góp mặt trong tác phẩm đó."

"Làm sao nhà vua đó phát hiện ra lai lịch của nhà tiểu họa đã vẽ con gái

ông ta?"

"Qua đôi tai!"

"Đôi tai của ai? Đôi tai của công chúa hay bức tranh vẽ nàng?"

"Thực ra là không của ai cả. Theo trực giác của mình, trước tiên ông ta bày ra mọi cuốn sách, các trang giấy và những bức minh họa mà các nhà tiểu họa của ông ta đã làm rồi xem xét kỹ mọi đôi tai trong đó. Ông ta nhìn những gì mình đã biết bao năm qua dưới một ánh sáng mới: Bất chấp mức độ tài năng, mỗi nhà tiểu họa đều vẽ đôi tai theo phong cách riêng của mình. Dù khuôn mặt họ vẽ là khuôn mặt một quốc vương, một đứa bé, một chiến binh, hay thậm chí, xin Thượng đế tha tội, khuôn mặt được che một phần của đấng Tiên tri cao cả, hay thậm chí, xin Thượng đế tha tội lần nữa, khuôn mặt của Quý sứ thì điều đó cũng không quan trọng. Mỗi nhà tiểu họa, trong mọi trường hợp, luôn vẽ đôi tai theo cùng một cách, cứ như đây là một chữ ký mật."

"Tại sao?"

"Khi những bậc thầy minh họa một khuôn mặt, họ tập trung vào việc tiếp cận vẻ đẹp tuyệt vời của khuôn mặt, vào các quy tắc của những khuôn mẫu hình thức cũ, vào vẻ mặt, hoặc vào việc liệu nó có nên giống một người thật nào không. Nhưng khi vẽ đến đôi tai, họ không ăn cắp của người khác, bắt chước một mẫu nào đó mà cũng không nghiên cứu đôi tai thật. Đối với đôi tai, họ không nghĩ, không khao khát bất cứ thứ gì, thậm chí không dừng lại để xem xét mình đang vẽ gì. Họ chỉ đưa cọ theo ký ức."

"Nhưng chẳng phải những bậc thầy vĩ đại đã tạo ra những kiệt tác của họ từ ký ức mà thậm chí không nhìn vào con ngựa thật, cái cây thật hoặc con người thật sao?" Siyah hỏi.

"Đúng vậy," tôi nói, "nhưng những thứ đó là ký ức có được sau nhiều năm suy ngẫm, trầm tư và hồi tưởng. Sau khi đã thấy rất nhiều con ngựa, đã minh họa và thực tế, qua cả cuộc đời họ, họ biết rằng con ngựa bằng xương

bằng thịt cuối cùng mà họ thấy trước mặt họ sẽ chỉ làm hại con ngựa hoàn hảo mà họ giữ trong ý nghĩ của mình. Con ngựa mà một nhà tiểu họa bậc thầy đã vẽ mười ngàn lần cuối cùng tiến gần đến cái nhìn về con ngựa của Thượng đế, và người nghệ sĩ biết điều này thông qua kinh nghiệm và độ sâu thăm trong tâm hồn anh ta. Con ngựa mà người nghệ sĩ vẽ nhanh từ ký ức được thể hiện với tài năng, nỗ lực lớn, độ thấu thị, và nó là con ngựa vốn gần giống con ngựa của Allah. Tuy nhiên, cái tai nào được vẽ trước khi bàn tay có được bất cứ hiểu biết nào, trước khi người nghệ sĩ cân nhắc và xem xét nó đang vẽ gì, hoặc trước khi chú ý đến đôi tai của cô công chúa, thì sẽ luôn luôn là một khuyết điểm. Chính bởi vì nó là một khuyết điểm, hoặc sự không hoàn hảo, nên nó sẽ thay đổi từ nhà tiểu họa này đến nhà tiểu họa khác. Nghĩa lại nó trở thành một chữ ký."

Có tiếng xôn xao. Người của viên Chỉ huy mang vào khu xưởng cũ kỹ này những trang sách mà họ gom được từ nhà của những tay tiểu họa và thư pháp.

"Ngoài ra, đôi tai thực sự là một khuyết điểm của con người," tôi nói, hy vọng Siyah sẽ mỉm cười. "Chúng lập tức rõ rệt và phổ biến ở mọi người: một biểu thị hoàn hảo của cái xấu."

"Điều gì đã xảy ra với nhà tiểu họa bị bắt do phong cách vẽ đôi tai của anh ta?"

Tôi kiềm chế không nói, "Ông ta mù," để Siyah không thất vọng hơn nữa. Thay vào đó, tôi đáp: "Ông ta cưới công chúa, và phương pháp này, vốn từ đó trở đi được sử dụng để nhận dạng các nhà tiểu họa, được nhiều vị đại hãn, quốc vương và vua chúa có tài trợ cho các xưởng sách nghệ thuật biết đến dưới tên gọi phương pháp gáid điểm'. Hơn nữa, nó được giữ bí mật để nếu có ai trong số những nhà tiểu họa vẽ một nhân vật bị cấm hoặc một họa tiết nhỏ vốn che giấu một ác ý nào đó rồi sau đó phủ nhận việc mình làm, họ có thể nhanh chóng xác định ai là tác giả - những nghệ sĩ đích thực có một khao khát bản năng là vẽ những gì bị cấm! Đôi khi bàn tay họ tự gây phiền lụy. Việc phát hiện những vi phạm đó dính dáng đến chuyện tìm ra những chi tiết

được vẽ nhanh, lặp lại và tầm thường không dính gì đến phần máu chốt của bức tranh, như đôi tai, bàn tay, cổ, lá, hoặc thậm chí bờm, chân và móng ngựa. Nhưng hãy thận trọng, phương pháp này không hiệu quả nếu bản thân nhà minh họa biết rõ rằng chi tiết này trở thành chữ ký mật của chính anh ta. Chẳng hạn, ria mép sẽ không có hiệu quả bởi nhiều nghệ sĩ ý thức được chuyện chúng cũng được vẽ tùy tiện như một kiểu chữ ký như thế nào. Nhưng chân mày thì có khả năng: Không ai chú ý đến chúng lắm. Giờ thì lại đây, chúng ta hãy xem những bậc thầy trẻ tuổi nào đã đẩy cây cọ và ngòi bút sậy của họ lên những bức minh họa của Enishte Kính mền quá cố."

Vì vậy chúng tôi mang những trang của hai bản thảo có minh họa lại với nhau, một bản đang được hoàn tất bí mật còn cái kia công khai, hai pho sách với những câu chuyện và đề tài khác nhau, được minh họa theo hai phong cách riêng biệt; nghĩa là, cuốn sách của Enishte Kính mền quá cố và pho Sur-nama mô tả lễ cắt bì cho hoàng tử của chúng tôi, việc thực hiện pho này do tôi kiểm soát. Siyah và tôi nhìn chăm chú bất cứ chỗ nào mà kính lúp của tôi chuyển đến:

1. Trên những trang của Sur-nama, đầu tiên chúng tôi xem xét cái miệng há ra của con cáo mà bộ lông của nó được ông thợ cả phường may đồ lông thú, vận áo choàng màu đỏ và khăn quàng vai màu tía, giữ trên đùi trong khi cả phường diễu hành trước mặt Đức vua, Ngài đang nhìn theo đoàn diễu hành này từ một ban công được dựng riêng cho sự kiện này. Không thể nhầm lẫn, Zeytin đã vẽ cả hàm răng cáo, vốn có thể nhận ra dễ dàng, lẫn bộ răng trong bức minh họa quỷ Satan của Enishte, một sinh vật xấu xa, nửa quỷ, nửa khổng lồ có vẻ đến từ Samarkand.

2. Vào một ngày vui nào đó của lễ hội, bên dưới ban công của Đức vua nhìn xuống Hippodrome, một nhóm những chiến binh vùng biên giới nghèo khổ xuất hiện trong quần áo tả tơi. Một người trong bọn họ van xin: "Tâu Đức vua vinh quang của thần, chúng thần, những chiến sĩ anh dũng của Ngài, đã bị giam cầm khi chiến đấu chống bọn ngoại đạo nhân danh tôn giáo của chúng ta và chỉ có thể giành được tự do sau khi đã bỏ lại sau lưng một số đồng đội của chúng thần làm con tin. Chúng thần được trả tự do để thu gom

tiền chuộc. Tuy nhiên, khi trở về Istanbul chúng thần nhận thấy mọi thứ quá đắt đỏ đến độ chúng thần không sao gom đủ tiền để cứu mạng những chiến hữu khốn khổ đang là tù nhân của người Bantu. Chúng thần cầu xin sự giúp đỡ của Hoàng thượng. Làm ơn ban cho chúng thần vàng hoặc nô lệ để chúng thần có thể đổi lấy tự do cho họ." Leylek rõ ràng đã vẽ những móng chân của con chó lười biếng nằm ở góc bức tranh, nó đang nhìn Đức vua với một con mắt mở, nhìn những vị anh hùng khốn khó, nghèo khổ của chúng ta, và nhìn các sứ thần Ba Tư và Tatar trong Hippodrome - cũng như móng của con chó nằm ở góc cảnh trí vẽ những cuộc phiêu lưu của Đồng xu vàng trong cuốn sách của Enishte.

3. Trong số những nghệ sĩ tung hứng đang quay trũng trên những miếng ván và nhào lộn trước mặt Đức vua, có một người đàn ông hơi mặc áo chèn tía, bấp chân để trần đang ngồi chơi trống lục lạc trên một tấm thảm đỏ; người đàn ông này cầm nhạc cụ theo cung cách giống y một phụ nữ phục vụ bung khay bằng đồng to trong bức minh họa về màu Đỏ trong cuốn sách của Enishte: chắc chắn tác phẩm này là của Zeytin.

4. Khi phường thợ nấu đi ngang qua chỗ Đức vua, họ đang nấu món cải bắp nhồi thịt với hành trong một cái vạc đặt trên lò trong xe của họ. Những thợ cả nấu bếp đi theo xe đứng trên đất màu hồng đặt các nồi hầm trên những tảng đá xanh dương; những tảng đá này được vẽ bởi chính người họa sĩ đã tạo ra những viên đá đỏ trên đất xanh đen mà trên đó những loài sinh vật giống như ma quỷ trong bức tranh mà Enishte gọi là Thần chết: tác phẩm không thể nhầm lẫn của Kelebek.

5. Những kỵ sĩ liên lạc Tatar đưa tin rằng Quốc vương Ba Tư đã bắt đầu huy động binh lính cho một chiến dịch khác nhắm vào dân Ottoman, những người mà ngay sau đó đã san bằng trạm quan sát tuyệt đẹp của sứ thần Ba Tư, kẻ đã không ngừng khẳng định với Đức vua trong rất nhiều câu chuyện xã giao rằng Quốc vương là bạn ông ta và chẳng nuôi dưỡng cái gì khác ngoài tình huynh đệ dành cho ông ta. Suốt đoạn chuyện kể về cơn thịnh nộ và hủy diệt này có những người bung nước chạy ra vẩy cho lắng bụi dậy lên trong Hippodrome, và một nhóm người xuất hiện vai đeo những túi da đựng

đầy dầu lạnh để hắt lên đám đông đang muốn tấn công viên sứ thần, với hy vọng làm đám đông bình tĩnh lại. Những bàn chân giơ lên của những người bung nước và người đeo túi dầu lạnh được thực hiện bởi chính họa sĩ đã vẽ những bàn chân giơ lên của đám lính đang xung phong trong bức tranh về màu Đỏ: cũng là tác phẩm của Kelebek.

Tôi không phải là người đưa ra phát hiện cuối cùng này trong khi chỉ huy cuộc lục soát tìm manh mối, đưa kính lúp sang phải và trái, từ bức tranh này sang bức tranh nọ; mà đúng ra đó là Siyah, người mở to mắt và hầu như không chớp đang lo sợ bị tra tấn và hy vọng trở về với người vợ đang chờ cậu ta ở nhà. Việc sử dụng phương pháp 'gái điếm' làm chúng tôi mất cả buổi chiều để xác định nhà tiểu họa nào làm tác phẩm nào trong chín bức mà Enishte quá cố để lại, và sau đó để làm sáng tỏ thông tin đó.

Enishte quá cố của Siyah không giao phó hoàn toàn trang nào cho tài năng nghệ thuật của chỉ một nhà tiểu họa; cả ba nhà tiểu họa tài giỏi của tôi đều góp mặt trong hầu hết những tranh minh họa đó. Điều này có nghĩa là những bức tranh được chuyển từ nhà này sang nhà khác rất thường xuyên. Ngoài tác phẩm mà tôi đã nhận ra, tôi còn thấy những nét cọ không chuyên nghiệp của một họa sĩ thứ năm, nhưng khi tôi nổi giận trước tài nghệ kém cỏi mà tên sát nhân ô nhục này thể hiện, thì Siyah khẳng định qua những nhát cọ thận trọng, rằng thực tế đó là tác phẩm của Enishte của cậu ta - vì thế tránh cho chúng tôi khỏi đi theo một manh mối sai lạc. Nếu không kể đến Zarif Kính mến tội nghiệp, kẻ đã làm hầu hết công việc mạ vàng cho cuốn sách của Enishte và cuốn Sur-nama của chúng tôi (phải, điều này dĩ nhiên làm tan nát trái tim tôi) và cũng là kẻ, mà theo tôi suy luận, thỉnh thoảng cũng hạ cọ để vẽ vài bức tường, lá và mây, thì rõ ràng rằng chỉ có ba nhà tiểu họa tài hoa nhất của tôi đã góp phần vào những bức minh họa này.

Họ là những người yêu quý mà tôi đã ân cần dạy dỗ từ thời họ còn học việc, ba tài năng yêu quý của tôi: Zeytin, Leylek và Kelebek.

Việc thảo luận về tài năng, sự điều luyện và tính khí của họ để phát hiện manh mối mà chúng tôi đang tìm kiếm cũng đã dẫn đến một cuộc thảo luận

về cuộc đời của chính tôi:

Những phẩm chất của Zeytin (Ôliu)

Tên cha mẹ đặt cho anh ta là Velijan. Nếu anh ta có một biệt hiệu khác ngoài nghệ danh tôi đã đặt cho thì tôi không biết, bởi tôi chưa bao giờ thấy anh ta ký vào bất cứ tác phẩm nào của anh ta cả. Khi còn là thợ học việc, anh ta thường đến thắp đèn từ nhà đến xưởng vào những sáng thứ ba. Anh ta rất tự hào, và do vậy nếu anh ta từng hạ cổ ký vào tác phẩm của mình, thì hẳn anh ta muốn chữ ký này rõ ràng và dễ nhận ra; anh ta sẽ không tìm cách giấu chúng ở đâu đó. Allah đã hết sức hào phóng ban cho anh ta khả năng vượt trội. Anh ta có thể sẵn sàng và dễ dàng làm bất cứ chuyện gì, từ mạ vàng đến kẻ dòng, và công trình của anh ta thật siêu hạng. Trong xưởng, anh ta là người vẽ cây cối, thú vật và mặt người xuất sắc nhất. Cha của Velijan, người đã đưa anh ta đến Istanbul khi anh ta mới mười tuổi, theo tôi nhớ, đã được học với Siyavush, nhà minh họa nổi tiếng chuyên vẽ mặt người trong xưởng vẽ Tabriz của vua Ba Tư. Anh ta xuất thân từ dòng dõi nhiều bậc thầy gốc Mông Cổ, và giống như những lão sư phụ vốn chịu ảnh hưởng Trung Hoa - Mông Cổ và định cư ở Samarkand, Bukhara và Herat cách nay một trăm năm mươi năm, anh ta vẽ những tình nhân có khuôn mặt tròn như trăng như thể họ là người Trung Hoa.

Trong thời gian anh ta học việc cũng như lúc anh ta đã là thợ cả, tôi chưa bao giờ lái được người nghệ sĩ ương ngạnh này sang một phong cách khác. Tôi sẽ thích biết bao nếu anh ta vượt lên trên những phong cách và khuôn mẫu của những bậc thầy Mông Cổ, Trung Hoa và Herat vốn đã ăn sâu vào tâm hồn anh ta, hoặc thậm chí quên hẳn chúng đi thì càng tốt. Khi tôi nói với anh ta điều này, anh ta trả lời rằng, giống như nhiều nhà tiểu họa vốn di chuyển từ xưởng này sang xưởng khác, từ nước này sang nước khác, cho đến anh ta từng thực sự học được những phong cách cũ này thì anh ta cũng đã quên chúng rồi. Dù giá trị của nhiều nhà tiểu họa thực sự nằm trong những kiểu mẫu hình thức xuất sắc mà họ đã đưa vào ký ức, nhưng giá Velijan thực sự quên được chúng thì anh ta hẳn đã trở thành một nhà minh họa thậm chí còn vĩ đại hơn. Tuy nhiên có hai điều lợi, mà thậm chí anh ta không biết đến,

trong việc nuôi dưỡng trong sâu thẳm tâm hồn những lời chỉ dạy của các vị thầy của anh ta, giống như hai tội lỗi chưa thú nhận: 1. Đối với một nhà tiểu họa tài hoa như thế, việc bám chặt vào những hình thức cũ chắc chắn khơi lên cảm giác tội lỗi và vong thân vốn sẽ thúc đẩy tài năng anh ta đến chỗ chín muồi. 2. Trong lúc khó khăn, anh ta luôn có thể nhớ lại những gì mà anh ta khẳng định rằng đã quên, và vì thế anh ta có thể hoàn tất mỹ mãn bất cứ đề tài, lịch sử hoặc cảnh trí mới mẻ nào bằng cách dựa vào một trong những khuôn mẫu Herat xưa. Với con mắt sắc sảo của mình, anh ta biết cách hòa hợp những gì học được từ những hình thức cũ và những lão sư phụ của Shah Tahmasp trong những bức tranh mới. Hội họa Herat và cách trang trí Istanbul hợp nhất một cách hân hoan trong Zeytin.

Tôi từng có lúc bất ngờ đến thăm nhà anh ta, cũng như với mọi nhà tiểu họa của tôi. Không như chỗ làm việc của tôi và của nhiều nhà tiểu họa tài hoa khác, nơi làm việc của anh ta là một cối bừa bộn bản thủ đầy những thuốc màu, cọ, những vỏ sò đánh bóng, bàn làm việc xếp và nhiều vật dụng khác. Đó là một bí ẩn đối với tôi nhưng anh ta thậm chí không thấy phiền hà gì với tình trạng đó. Anh ta không nhận việc bên ngoài để kiếm thêm vài đồng bạc lẻ. Sau khi tôi kể những sự kiện này, Siyah liền nói, chính Zeytin là người nhiệt tình và thoải mái nhất đối với phong cách của những bậc thầy Tây vực mà Enishte quá cố của anh ta ngưỡng mộ. Tôi hiểu đây là lời ca ngợi theo quan điểm của tên ngốc quá cố đó, dù nó thật sai lầm. Tôi không thể xác định liệu Zeytin có bị trói buộc một cách sâu xa và bí ẩn vào những phong cách Herat - vốn bắt nguồn từ ông thầy Siyavush của cha anh ta và ông thầy Muzaffer của Siyavush, cho đến tận thời kỳ Bihzad và những bậc thầy xưa - hơn mức độ hiện nay của anh ta hay không, nhưng nó luôn khiến tôi tự hỏi liệu Zeytin có áp ủ những xu hướng giấu kín nào khác chẳng. Về những nhà tiểu họa của tôi (tôi tự nhủ), anh ta là kẻ nhạy cảm và lạng lẽ nhất, nhưng cũng tội lỗi và đáng khiển trách nhất, cũng lại là kẻ ưa dối trá nhất. Khi tôi nghĩ về những phòng tra tấn của viên Chỉ huy, người đầu tiên tôi nghĩ đến chính là anh ta. (Tôi vừa muốn vừa không muốn anh ta bị tra tấn). Anh ta có con mắt của một âm hồn; anh ta chú ý và cân nhắc mọi thứ, kể cả những thiếu sót của chính tôi; tuy nhiên, với sự dè dặt của một kẻ tha hương có thể thích nghi với mọi tình huống, anh ta hiếm khi mở miệng nêu

ra những sai lầm. Anh ta xảo trá, nhưng theo quan điểm của tôi, anh ta không phải là một kẻ sát nhân. (Tôi không nói với Siyah điều này). Zeytin không tin vào bất cứ điều gì. Anh ta không tin vào tiền, nhưng anh ta lo lắng tích trữ nó. Ngược với điều mọi người thường tin, mọi tên sát nhân đều là những kẻ có niềm tin mạnh mẽ chứ không phải những kẻ vô thần. Việc trang trí bản thảo dẫn đến hội họa, và hội họa, đến phiên nó, lại dẫn đến - cầu Thượng đế tha thứ - việc thách thức Allah. Mọi người đều biết điều này. Vì thế, xét theo việc Zeytin thiếu đức tin thì anh ta là một nghệ sĩ đích thực. Tuy nhiên, tôi tin rằng những năng khiếu Thượng đế ban cho anh ta không bằng những năng khiếu của Kelebek, hoặc thậm chí của Leylek. Tôi đã từng muốn Zeytin là con trai mình. Khi nói điều này, tôi muốn gây ra lòng ghen tỵ ở Siyah, nhưng anh ta chỉ phản ứng bằng việc mở to đôi mắt đen và nhìn với vẻ tò mò trẻ thơ. Sau đó tôi nói Zeytin thật phi thường khi anh ta dùng mực đen, khi anh ta, với mực đích dán vào những cuốn sưu tập thể hiện những chiến binh, cảnh săn bắn, những bức tranh mang cảm hứng Trung Hoa đầy lũ cò và hạc, những cậu trai xinh đẹp tụ tập dưới gốc cây đọc thơ và chơi đàn luyt, và khi anh ta vẽ nỗi buồn của những cặp tình nhân huyền thoại, cơn thịnh nộ của một vị vua mang gươm giận dữ và vẻ sợ hãi của một người hùng khi chàng ta tránh né đòn tấn công của một con rồng.

"Có lẽ Enishte muốn Zeytin làm bức tranh cuối cùng vốn sẽ thể hiện đầy đủ mọi chi tiết, theo phong cách của người Âu khuôn mặt và cung cách an tọa của Đức vua," Siyah nói.

Cậu ta đang cố làm tôi rối trí chăng?

"Giả sử chuyện đúng là như thế, thì sau khi giết Enishte, tại sao Zeytin lại bỏ trốn với bức tranh mà anh ta đã quen thuộc?" tôi nói. "Hoặc, như cậu muốn nói, tại sao anh ta giết Enishte để xem bức tranh đó?" Cả hai chúng tôi cùng suy ngẫm về những câu hỏi này hồi lâu.

"Bởi vì có điều gì đó thiếu mất trong bức tranh," Siyah nói. Hoặc bởi anh ta hối tiếc điều gì đó anh ta đã làm và sợ nó. Hay thậm chí..." anh ta suy nghĩ giây lát. "...hoặc sau khi giết Enishte, anh ta có thể đã lấy bức tranh đi

để hủy hoại nó, để có một vật lưu niệm, hoặc thậm chí chẳng vì lý do gì cả. Rốt cuộc, Zeytin là một nhà minh họa vĩ đại vốn đương nhiên rất tôn trọng một bức tranh đẹp."

"Chúng ta đã thảo luận về những gì đã khiến Zeytin trở thành một nhà minh họa vĩ đại," tôi nói, càng lúc càng giận. "Nhưng không có bức minh họa nào của Enishte là đẹp cả."

"Chúng ta còn chưa thấy bức tranh cuối cùng mà," Siyah nói một cách tự tin.

Những phẩm chất của Kelebek (Bướm)

Cậu ta được mọi người biết với tên Hasan Chelebi đến từ quận Sadabat, nhưng với tôi cậu ta luôn luôn là "Kelebek - Bướm". Nghệ danh này luôn gợi tôi nhớ lại vẻ đẹp thời niên thiếu và thanh niên của cậu ta: Cậu ta quá đẹp trai đến độ những ai từng thấy cậu ta đều không tin nổi mắt mình và muốn nhìn cậu ta lần nữa. Tôi luôn luôn ngạc nhiên trước điều kỳ diệu về tài năng cũng như vẻ tuấn tú của cậu ta. Cậu ta là bậc thầy về màu sắc và đây là thế mạnh lớn nhất của cậu ta. Cậu ta vẽ một cách say sưa, quay cuồng với niềm vui được tô màu. Nhưng tôi cảnh báo Siyah rằng Kelebek vốn nông nổi, vô mục đích và lòng khùng bất quyết. Để tỏ ra công bằng, tôi nói thêm: Cậu ta là một nhà tiểu họa đích thực vẽ bằng trái tim. Nếu nghệ thuật trang trí không có nghĩa là thỏa mãn trí thông minh, nói chuyện với con thú trong chúng ta, hoặc củng cố lòng tự hào của Đức vua; nghĩa là, nếu nghệ thuật này chỉ có nghĩa là một ngày hội cho con mắt, thì Kelebek quả nhiên là một nhà tiểu họa đích thực. Cậu ta tạo những đường cong vô tình, thoải mái và khoáng đạt, như thể cậu ta tiếp thu những bài học từ những bậc thầy Kazvin cách nay bốn mươi năm; cậu ta tự tin sử dụng những màu sắc thuần khiết, sáng chói của mình, và luôn luôn có một sự luân lưu nhẹ nhàng ẩn chứa trong sự sắp xếp các bức tranh của cậu ta; nhưng tôi là người đã dạy dỗ cậu ấy, chứ không phải những bậc thầy Kazvin đã chết từ lâu nọ. Có lẽ vì lý do này mà tôi yêu cậu ta như con trai mình, không, hơn cả con trai nữa - nhưng tôi không bao giờ có cảm giác kiêng nể đối với cậu ta. Như với tất cả thợ học

việc của tôi, lúc cậu ta đang thời niên thiếu cũng như khi cậu ta còn ở tuổi thanh niên, tôi đã đánh cậu ta một cách thoải mái bằng cán cọ, thước và thậm chí cả gậy nữa, nhưng điều này không có nghĩa là tôi không tôn trọng cậu ta. Dù tôi thường đánh Leylek bằng thước, tôi cũng tôn trọng cậu ấy. Trái với những gì mà kẻ bàng quan hững hờ vẫn nghĩ, việc đánh đòn của người thầy không giải thoát người thợ học việc khỏi những âm hồn tài năng và Quỷ sứ, mà chỉ đàn áp chúng tạm thời. Nếu đó là một trận đòn đúng đắn và đáng có, thì sau đó các âm hồn và ác quỷ sẽ nổi loạn và kích thích quyết tâm làm việc đang phát triển ở nhà tiểu họa. Còn những trận đòn tôi dành cho Kelebek, chúng đã định hình cậu ta thành một nghệ sĩ hài lòng và biết vâng lời.

Tôi lập tức cảm thấy cần ca ngợi cậu ta với Siyah: "Nghệ thuật của Kelebek," tôi nói, mà bằng chứng chắc chắn rằng bức tranh về niềm chân phúc, mà nhà thơ nổi tiếng từng suy ngẫm trong các bài thơ của ông ta, chỉ có thể thực hiện được thông qua một khả năng thiên phú trong việc thấu hiểu và sử dụng màu sắc. Khi ta nhận ra điều này, ta cũng nhận ra điều Kelebek thiếu: Cậu ta không biết rằng việc tạm thời mất đức tin mà Jami nói đến trong thơ của ông ta là đêm tối của tâm hồn'. Giống như một nhà minh họa đang vẽ trong cảnh hạnh phúc tốt đỉnh của Thiên đàng, cậu ta bắt tay vào tác phẩm của mình với niềm tin vững chắc và thái độ mãn nguyện, tin rằng mình có thể thực hiện một bức tranh về niềm hạnh phúc tốt cùng, và cậu ta đã làm được như vậy. Những đội quân của chúng ta đang bao vây lâu đài Doppio, sứ thần Hungary hôn chân Đức vua, đấng Tiên tri của chúng ta đi qua bảy tầng Thiên đàng, tất cả hiển nhiên là những cảnh vốn dĩ là hạnh phúc, nhưng khi được thể hiện bởi Kelebek, chúng trở thành những điều xuất thần bắt nguồn từ trang vẽ. Trong một bức minh họa của ta, nếu bóng tối của cái chết hoặc sự nghiêm trang của một buổi họp triều đình có ảnh hưởng lớn lao, ta sẽ bảo Kelebek cứ tô màu theo ý cậu,' và ngay sau đó, quần áo, lá cây, cờ xí và biển cả, vốn nằm đó cam lạng như thể bị rắc phủ thứ đất dùng để lấp huyết mộ, cũng bắt đầu rập rờn trong làn gió nhẹ.

Nhiều lúc ta nghĩ Allah muốn người ta nhìn thấy thế giới theo cách Kelebek minh họa nó, rằng Người muốn cuộc sống là niềm hân hoan. Thực tế, đây là một vương quốc nơi màu sắc đọc to một cách hài hòa những bài

thơ tráng lệ cho nhau nghe, nơi thời gian dừng lại, nơi Quỷ sứ không bao giờ xuất hiện."

Tuy nhiên, ngay cả Kelebek cũng biết điều này là chưa đủ. Chắc hẳn có ai đó đã thì thào với cậu ta - nói đúng - phần lớn đúng, rằng trong tác phẩm của cậu ta mọi thứ đều vui như một ngày hội, nhưng không có chiều sâu. Những hoàng tử bé con và những phụ nữ già lắm cằm kề miệng lỗ trong hậu cung thích tranh của cậu ta, chứ những người buộc phải đấu tranh chống cái ác thì không. Bởi vì Kelebek cũng hiểu rõ những lời chỉ trích này, anh chàng tội nghiệp, cậu ta nhiều lúc đâm ghen tỵ với những nhà tiểu họa tầm tầm, những kẻ tuy không tài năng bằng cậu ta nhưng lại có phẩm chất của ma quỷ âm hồn. Những gì cậu ta tin một cách sai lầm là ma quái và là tác phẩm của âm hồn thường lại là cái ác và lòng đố kỵ rõ rệt.

Cậu ta làm tôi bực mình vì khi vẽ cậu ta không đắm mình vào thế giới kỳ diệu đó, không rơi vào trạng thái xuất thần, mà chỉ đạt đến đỉnh cao đó khi cậu ta tưởng tượng tác phẩm của mình sẽ làm vui lòng người khác. Cậu ta khiến tôi tức giận vì cứ nghĩ đến số tiền mình sẽ kiếm được. Đó là một trong những trớ trêu của cuộc đời: Có nhiều nghệ sĩ ít tài năng hơn Kelebek nhưng thừa sức thả trọn tâm hồn cho nghệ thuật.

Do cần phải đền bù cho những khiếm khuyết của mình, Kelebek rất muốn chứng minh rằng cậu ta đã hiến mình cho nghệ thuật. Cũng như những nhà tiểu họa ngốc nghếch chuyên vẽ trên móng tay và hạt gạo những bức tranh hầu như không thể thấy được bằng mắt trần, cậu ta mãi mê chú ý đến những chi tiết tỉ mỉ và tinh tế. Tôi có lần hỏi cậu ta có bị cuốn theo tham vọng này không, một điều đã làm mù mắt nhiều nhà minh họa ở tuổi rất trẻ, bởi vì cậu ta xấu hổ với tài năng tột cùng mà Allah đã ban cho cậu ta. Chỉ những nhà minh họa tầm thường mới vẽ từng chiếc lá của một cội cây trên một hạt gạo hồng trở nên nổi tiếng và quan trọng trong con mắt một rừng người bảo trợ.

Ở Kelebek có cái thiên hướng thiết kế và minh họa để mang lại niềm vui cho người khác chứ không phải cho chính mình, cái nhu cầu làm hài lòng

người khác đến mức không thể kiểm soát được khiến cậu ta, hơn bất kỳ ai khác, trở thành nô lệ cho lời khen ngợi. Và hệ quả tất nhiên từ đó là Kelebek, vốn dĩ không kiên định, chỉ muốn bảo đảm chỗ đứng cho mình bằng việc trở thành Trưởng ban Trang trí. Chính Siyah đã nêu lên vấn đề này.

Phải," tôi nói, "ta biết cậu ta đang dự định sẽ kế tục tôi sau khi tôi chết."

"Sự phụ có nghĩ điều này sẽ đưa anh ta đến chỗ giết những anh em đồng nghiệp của mình không?"

"Có thể. Cậu ta là một bậc thầy vĩ đại, nhưng cậu ta không ý thức về điều này, và cậu ta không thể quên hết mọi thứ khi vẽ."

Tôi nói điều này, rồi ngay đó tôi hiểu ra rằng thực tình tôi cũng muốn Kelebek đảm nhiệm việc lãnh đạo xưởng vẽ đó sau tôi. Tôi không thể tin cậu Zeytin, còn Leylek rốt cuộc cũng sẽ vô tình trở thành nô lệ cho phong cách Venice. Nhu cầu của Kelebek muốn được người ta ngưỡng mộ - tôi khó chịu trước ý nghĩ rằng cậu ta có thể giết người - sẽ đóng vai trò thiết yếu cả trong việc quản lý xưởng vẽ lẫn trong việc cư xử với Đức vua. Chỉ có sự nhạy bén của Kelebek và niềm tin vào bản màu của riêng cậu ta mới có thể cưỡng lại được nghệ thuật Venice vốn đánh lừa người xem bằng việc cố mô tả bản thân thực tế thay vì biểu tượng của nó, với mọi chi tiết của nó: những bức tranh, kể cả phần bóng, vẽ những hồng y, chiếc cầu, xuồng chèo, giá cắm nến, nhà thờ và chuồng ngựa, bò đực và những bánh xe ngựa, cứ như tất cả đám đó đều quan trọng như nhau đối với Allah.

"Có lúc nào sự phụ đến thăm anh ta mà không báo trước như sự phụ đã làm với những người khác chưa?"

"Bất cứ ai nhìn vào tác phẩm của Kelebek sẽ nhanh chóng cảm thấy rằng cậu ta hiểu giá trị của tình yêu cũng như ý nghĩa của niềm vui và nỗi buồn chân thành. Nhưng cũng như mọi người yêu màu sắc khác, cậu ta cứ trôi theo những cảm xúc của mình và bất nhất: Bởi vì ta quá mê tài năng phi thường mà Thượng đế ban tặng cho cậu ta, sự nhạy cảm màu sắc của cậu ta, nên ta chú ý kỹ đến cậu ta lúc trẻ và biết mọi thứ cần biết về cậu ta. Dĩ nhiên

trong những tình huống như thế, những nhà tiểu họa khác nhanh chóng trở nên đố kỵ, mối quan hệ thầy trò trở nên căng thẳng và bị tổn hại. Có nhiều giây phút đầy yêu thương trong đó Kelebek không sợ dù người ta nói gì đi nữa. Mới đây, vì cậu ta cưới cô con gái xinh đẹp của người bán trái cây hàng xóm, nên ta không còn cảm thấy khao khát đi gặp cậu ấy nữa, mà dù có cơ hội thì ta cũng không đi."

"Có lời đồn rằng cậu ta cấu kết với những tín đồ của Hoja xứ Erzurum," Siyah nói. "Họ nói anh ta có khả năng kiếm được rất nhiều nếu Hoja và người của ông ta tuyên bố tác phẩm nào đó là không phù hợp với đạo giáo, và do đó cấm sách của chúng ta vốn vẽ những trận đánh, vũ khí, những cảnh đâm máu và những nghi lễ thường lệ, ấy là chưa kể những cuộc điều hành gồm đủ hạng người từ đầu bếp đến nhà ảo thuật, từ tín đồ khổ tu cho đến vũ công, từ người chế món thịt nướng cho đến thợ khóa và giới hạn chúng ta trong những đề tài và hình thức của các bậc thầy Ba Tư xưa."

"Thậm chí nếu chúng ta trở lại một cách khéo léo và thắng lợi với những bức tranh diệu kỳ của thời đại Tamerlane, thậm chí nếu chúng ta trở lại cuộc sống và thiên hướng đó trong mọi chi tiết vụn vặt của nó - như Leylek đây hứa hẹn có thể làm tốt nhất sau ta - thì suy cho cùng, mọi thứ rồi sẽ bị lãng quên," tôi nói một cách tàn nhẫn, "bởi vì mọi người sẽ muốn vẽ giống như người Âu."

Tôi thực sự tin những lời đáng nguyên rủa này ư?

"Enishte của tôi cũng tin giống như vậy," Siyah khiêm tốn thú nhận, "nhưng nó làm ông cảm thấy đầy hy vọng."

Những phẩm chất của Leylek (Cò)

Tôi từng thấy anh ta ký tên mình là Họa sĩ phạm tội Mustafa Chelebi. Không quan tâm đến liệu anh ta có hoặc phải có một phong cách hay không, liệu phong cách đó có phải được đồng hóa với một chữ ký không hay là vẫn nặc danh như những bậc thầy xưa, và liệu có phải một tác phong khiêm nhường thì đòi hỏi người ta làm thế hay không, anh ta chỉ ký tên mình với

một nụ cười và động tác đặc trưng.

Anh ta can đảm tiếp bước con đường mà tôi đã dọn cho anh ta và cảm cùi làm hiện ra giấy những gì không ai trước anh ta từng làm được. Giống như tôi, anh ta cũng sẽ theo dõi những thợ thổi thủy tinh tài ba xoay trở gậy và thổi thủy tinh chảy trong lò để làm ra bình đẳng nước xanh lơ và những cái chai xanh lá cây; anh ta nhìn da, kim và những khuôn gỗ của thợ giày đang cúi mình say mê chăm chú bên những chiếc giày và ủng họ làm; một chiếc xích đu ngựa tạo ra một đường cong duyên dáng trong một ngày lễ hội; một máy ép đang ép dầu từ hạt; việc bắn đại bác vào kẻ thù của chúng ta; những con ngựa già và nòng súng. Anh ta nhìn những thứ này và vẽ chúng mà không phản bác rằng những bậc thầy xưa thời Tamerlane, hay những nhà minh họa truyền thuyết xứ Tabriz và Kazvin, đã không hạ mình làm thế. Anh ta là nhà tiểu họa Hồi giáo đầu tiên tham gia chiến tranh và trở về an toàn lành lặn, đang chuẩn bị cho cuốn Zafar-nama 1 mà anh ta sẽ minh họa sau này. Anh ta là người đầu tiên chú tâm nghiên cứu những pháo đài, đại bác, quân đối phương, lũ ngựa với những vết thương chảy máu, binh lính bị thương đang vật lộn giành mạng sống và những thi hài - tất cả đều nhằm mục đích vẽ lại.

Tôi nhận ra tác phẩm của anh ta qua chủ đề hơn là qua phong cách của anh ta, và qua việc anh ta chú ý đến những chi tiết ít người biết tới hơn là qua chủ đề của anh ta. Tôi có thể hoàn toàn an tâm giao phó cho anh ta thực hiện mọi khía cạnh của một bức tranh, từ việc sắp xếp các trang và bố cục của trang đến việc tô màu những chi tiết tầm thường nhất. Về mặt này, anh ta có quyền kế nhiệm tôi trong vai trò Trưởng ban Trang trí. Nhưng anh ta quá tham vọng và tự phụ, và quá hạ mình đối với những nhà minh họa khác đến độ anh ta không bao giờ có thể quản lý được nhiều người và sẽ đi đến chỗ mất tất cả bọn họ. Thực ra, nếu chức vụ đó được giao lại cho anh ta, thì với sự cần cù khó tin, anh ta sẽ chỉ tự mình làm hết mọi tranh minh họa trong xưởng mà thôi. Nếu anh ta chú tâm đến một nhiệm vụ như thế, anh ta thực sự có thể thành công. Anh ta là một bậc thầy vĩ đại. Anh ta biết tài hoa của mình. Anh ta ngưỡng mộ chính mình. Thật hay cho anh ta.

Một lần bất ngờ đến thăm anh ta, tôi bắt gặp anh ta đang làm việc. Trên bàn làm việc, bàn giấy và những tấm nệm la liệt những trang giấy anh ta đang làm: tranh minh họa cho các pho sách của Đức vua, cho tôi, cho những cuốn sách trang phục tầm thường mà anh ta vẽ vội cho những du khách châu Âu ngu ngốc hăm hở coi thường chúng tôi, một trang trong bức tranh bộ ba mà anh ta đang làm cho một tổng trấn vốn đánh giá cao anh ta, những hình ảnh để dán vào cuốn sưu tập, những trang được làm theo sở thích của riêng anh ta, và thậm chí bức vẽ một cảnh giao hợp tục tĩu. Leylek cao, gầy đang di chuyển từ bậc minh họa này sang bức kế tiếp như một con ong giữa vườn hoa, hát những bài dân ca, bẹo má cậu thợ học việc đang pha màu và thêm một nét hài hước vào bức tranh anh ta đang làm trước khi đưa cho tôi xem với nụ cười toại nguyện. Không như những nhà tiểu họa khác của tôi anh ta không tạm ngừng công việc để thể hiện lòng kính trọng theo nghi thức khi tôi đến; trái lại, anh ta vui vẻ trình diễn việc sử dụng nhanh nhẹn tài năng thiên phú và kỹ năng mà anh ta có được nhờ lao động vất vả (anh ta có thể cùng một lúc làm công việc của bảy, tám nhà tiểu họa). Bây giờ tôi bắt gặp mình đang thầm nghĩ nếu tên giết người ghê tởm là một trong ba nhà minh họa tài hoa của tôi, thì tôi cầu xin Thượng đế đó là Leylek. Trong suốt giai đoạn anh ta học việc, hình ảnh anh ta xuất hiện trước cửa nhà tôi mỗi sáng thứ sáu không kích động tôi như Kelebek đã làm được vào ngày của cậu ta.

Vì anh ta chú ý đồng đều đến từng chi tiết lạ thường, mà không có nguyên lý phân biệt nào trừ việc chi tiết đó nhìn thấy được nên phương pháp mỹ học của anh ta giống với phương pháp của những bậc thầy Venice. Nhưng không như họ, Leylek đầy tham vọng của tôi không nhìn mà cũng không vẽ những khuôn mặt người như một điều gì độc đáo hoặc riêng biệt. Tôi cho rằng, bởi anh ta hoặc công khai hoặc bí mật xem thường mọi người nên anh ta không coi những khuôn mặt là quan trọng. Tôi chắc chắn rằng Enishte quá cố đã không chỉ định anh ta vẽ khuôn mặt Đức vua.

Thậm chí khi vẽ một đề tài cực kỳ quan trọng, anh ta không tìm được chuyện vẽ thêm một con chó hoài nghi đâu đó nằm xa cảnh trí chính của bức tranh, hoặc vẽ một tên ăn xin xấu xa mà sự khốn khổ của hắn làm giảm vẻ giàu sang và xa hoa của buổi lễ. Anh ta có đủ tự tin để xem thường mọi bức

minh họa anh ta đã làm, đề tài của nó và bản thân anh ta.

"Vụ giết Zarif Kính mền giống như kiểu những anh em của Yusuf ném ông ta xuống giếng vì đồ ky," Siyah nói. "Và cái chết của Enishte của tôi giống vụ sát hại Husrev bất ngờ bằng bàn tay của con trai ông ta, kẻ đem lòng yêu Shirin, vợ của Husrev. Mọi người đều nói rằng Leylek thích vẽ những cảnh chiến tranh và những mô tả khủng khiếp về cái chết."

"Bất cứ ai nghĩ rằng nhà minh họa thì tương đồng với đề tài của bức tranh anh ta vẽ đều không hiểu được ta hoặc những nhà tiểu họa tài hoa của ta. Cái làm chúng ta bị phớt lờ không phải là đề tài, thứ mà người khác đặt chúng ta làm - dù sao thì những người này luôn luôn giống nhau - mà là những xúc cảm nhạy bén ẩn giấu chúng ta đưa vào tranh trong khi thể hiện đề tài đó: Một tia ánh sáng có vẻ như tỏa chiếu ra từ bức tranh, một sự do dự hoặc giận dữ rõ rệt mà người ta nhận ra trong cách bố trí các nhân vật, ngựa và cây cối, niềm khao khát và nỗi buồn tỏa ra từ một cây bách khi nó vươn tới bầu trời, sự cam chịu và kiên trì mộ đạo mà chúng ta đưa vào tranh minh họa trong khi trang trí những tấm đá lát tường với nhiệt tình vốn có thể khiến chúng ta mù...Phải, những thứ đó là dấu vết ẩn giấu của chúng ta chứ không phải những con ngựa hoàn toàn y hệt nhau. Khi một họa sĩ vẽ sự cuồng nộ và tốc độ của một con ngựa, anh ta không vẽ sự cuồng nộ và tốc độ của anh ta; mà qua việc cố thể hiện một con ngựa hoàn hảo, anh ta để lộ tình yêu đối với sự phong phú của cuộc đời này và kẻ sáng tạo ra nó, phô bày những màu sắc của niềm đam mê cuộc sống - chỉ vậy và không có gì hơn."

1 Zafar-nama: Sách các chiến thắng.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 42: Tôi Là Siyah

Nhiều trang bản thảo nằm trước mặt tôi và Su phụ Osman vĩ đại - một số trang với văn bản được chép tử tế và đã sẵn sàng để khâu lại một số thì chưa tô màu hoặc chưa hoàn chỉnh vì lý do nào đó khi chúng tôi bỏ cả buổi chiều để đánh giá các tay tiểu họa bậc thầy và các trang trong pho sách do Enishte của tôi làm, và ghi chép các đánh giá của chúng tôi. Chúng tôi cứ nghĩ mình đã gặp người cuối cùng trong số những thuộc hạ đáng kính nhưng thô lậu của viên Chỉ huy, người đã mang cho chúng tôi những trang sách thu được từ các nhà tiểu họa và thư pháp sau khi đã xông vào lục soát nhà họ (một số trang chả liên quan gì tới hai cuốn chúng tôi đang làm, một số khác còn cho thấy các nhà tiểu họa cũng đang lén lút nhận thêm việc ở ngoài cung điện để kiếm thêm ít đồng bạc), thì người tự tin nhất trong bọn họ bước tới chỗ vị thầy lừng lẫy và lôi từ trong áo choàng ra một tờ giấy.

N

Ban đầu tôi chẳng để ý, cứ nghĩ đó là đơn thỉnh nguyện của một ông bố nào đó đang muốn xin cho con được học việc bằng cách tiếp cận càng nhiều trưởng ban và trưởng nhóm càng tốt.

Qua ánh sáng nhợt nhạt tràn vào trong phòng, tôi có thể biết nắng sớm đã tắt. Để mắt được nghỉ ngơi, tôi thực hành một bài tập mà các lão họa sư ở Shiraz đã khuyên dân tiểu họa nên tập để ngăn chúng mù lòa sớm, nghĩa là, tôi cố nhìn trống rỗng ra xa mà không chú mục vào đâu cả. Chính lúc đó tôi rùng mình nhận ra cái màu sắc ngọt ngào và những nếp gấp đúng tim của tờ giấy su phụ tôi đang cầm trên tay mà nhìn chăm chăm với vẻ như không tin vào mắt mình. Cái này trùng khớp y hệt với những lá thư mà Shekure đã gửi cho tôi qua Esther. Tôi định thốt lên "trùng hợp làm sao", như một thằng ngốc thì nhận ra rằng, giống như lá thư thứ nhất của Shekure, nó đi kèm với một bức vẽ trên giấy thô.

Sư phụ Osman giữ bức vẽ lại, ông đưa tôi lá thư mà đến lúc đó tôi mới bối rối nhận ra là của Shekure.

Anh Siyah thân yêu.

Em bảo Esther đi hỏi thăm Kalbiye, cô vợ góa của Ngài Zarif Kính mến. Khi ở đó Kalbiye có cho Esther xem trang giấy có minh họa mà em gửi cho anh đây. Sau đó em có tới nhà Kalbiye, làm mọi cách trong khả năng em để thuyết phục cô ấy rằng đưa cho em bức tranh là điều có lợi cho cô ấy nhất. Trang này nằm trên xác của Zarif Kính mến khi người ta mang ông từ giếng lên. Kalbiye thề rằng không hề có ai thuê chồng cô ta - cầu cho ông ấy được an nghỉ trong ánh sáng thần thánh - vẽ ngựa cả. Vậy thì ai đã vẽ chúng? Tay chân của ngài Chỉ huy đã lục soát trong nhà. Em gửi thư này vì vấn đề này hẳn có ý nghĩa quan trọng cho cuộc điều tra. Các con kính cẩn hôn tay anh.

Vợ anh, Shekure.

Tôi cẩn thận đọc lại ba chữ cuối của lá thư đẹp đẽ này đến ba lần cứ như đang ngắm ba đóa hồng nhung tuyệt vời trong một khu vườn. Tôi chồm tới nhìn trang giấy mà Sư phụ Osman đang xem xét với kính phóng đại trên tay. Tôi lập tức nhận ra rằng những hình dáng với màu mực đã bị nhòe đi là những con ngựa được phác ra chỉ trong một động tác như các lão sư phụ vẫn làm cho quen tay.

Sư phụ Osman, vốn đã đọc lá thư của Shekure mà không bình luận gì, lên tiếng hỏi: "Ai vẽ cái này?" Rồi ông tự trả lời: "Dĩ nhiên, cũng cái tay họa sĩ đã vẽ ngựa cho Enishte quá cố."

Sao ông có thể chắc chắn như vậy? Hơn nữa, chúng tôi tuyệt đối không thể biết chắc ai đã vẽ ngựa cho cuốn sách. Chúng tôi lấy hình ngựa trong số chín trang sách ra và bắt đầu xem xét.

Đó là một con ngựa màu nâu đỏ, đẹp, đơn giản, mà bạn không thể rời mắt được. Tôi có thực lòng khi nói thế không? Tôi có rất nhiều thời gian nhìn ngắm con ngựa này với Enishte của tôi và cả sau đó, khi tôi còn lại một

mình với những bức minh họa này, nhưng lúc đó tôi không nghĩ nhiều về nó. Đó là một con ngựa đẹp, nhưng bình thường. Nó bình thường đến độ chúng tôi thậm chí không thể xác định ai đã vẽ. Nó không phải màu hung đỏ đích thực, mà có vẻ nâu sậm hơn; cũng có loáng thoáng ánh đỏ trên lông nó. Đó là mẫu con ngựa tôi thường thấy trong những sách khác và những minh họa khác mà tôi biết là được vẽ như máy và tay họa sĩ không buồn dừng lại để xem xét gì cả.

Chúng tôi cứ nhìn chăm chú con ngựa như thế cho đến khi phát hiện ra nó ẩn chứa một bí mật. Tuy nhiên, lúc này tôi có thể thấy một vẻ đẹp trong con ngựa tỏa ra như hơi nóng bốc lên trước mắt tôi, và trong đó có một sức mạnh khơi dậy niềm khao khát được sống, được học hỏi và ôm trọn cả thế giới. Tôi tự hỏi, tay tiểu họa với thần bút có thể miêu tả con ngựa theo cách nhìn của đấng Allah thế kia là ai vậy? Cứ như tôi đã đột nhiên quên mất hẳn ta chẳng là gì hơn một kẻ sát nhân đê tiện. Con ngựa trước mắt tôi cứ như một con ngựa thật, nhưng đâu đó trong tâm trí tôi cũng biết rằng đó là một bức minh họa; việc nằm lọt giữa hai ý nghĩ đó quả là thích thú và gợi lên trong tôi ý thức về sự trọn vẹn và hoàn hảo.

Trong một lúc, chúng tôi so sánh những con ngựa nhòe nhoẹt được vẽ để thực tập với con ngựa được làm cho cuốn sách của Enishte, rồi sau cùng quyết định rằng chúng là do cùng một bàn tay vẽ ra. Nhưng tư thế kiêu hãnh của con ngựa nòi mạnh mẽ và thanh tú ấy gợi tới sự tĩnh hơn là sự động. Tôi ngồi đó chiêm ngưỡng con ngựa trong cuốn sách của Enishte.

"Đây là con ngựa thật kỳ lạ," tôi nói, "nó khiến ta bị thôi thúc muốn lấy ra một tờ giấy và sao chép lại nó, rồi vẽ đến từng chi tiết cuối cùng."

"Lời khen cao nhất cậu có thể dành cho một họa sĩ là nói rằng tác phẩm của anh ta đã khơi dậy ở cậu nhiệt tình muốn vẽ," Sư phụ Osman nói. "Nhưng lúc này hãy quên tài năng của hắn đi mà cố tìm ra lai lịch của con quý dữ này. Có bao giờ Enishte Kính mến, cầu cho ông ta được yên nghỉ, nói đến loại chuyện nào cần đi kèm bức vẽ kiểu này không?"

"Không. Nghe ông ấy nói đây là một trong những con ngựa từng sống tại

những miền đất do Quốc vương hùng mạnh của ta cai trị. Đó là một con ngựa đẹp: một con của dòng Ottoman. Nó là biểu tượng chứng tỏ cho Pháp quan Venice thấy sự giàu có và các lãnh thổ do Quốc vương ta cai quản. Nhưng mặt khác, cũng như với tất cả những gì do các họa sư Venice miêu tả, con ngựa này cũng có vẻ giống thật hơn con ngựa sinh ra từ ý của Thượng đế, giống một con ngựa được nuôi trong một chuồng ngựa nào đó với một tay chăn ngựa nào đó ở Istanbul để Pháp quan Venice phải tự nhủ rằng, nếu như các nhà tiểu họa Ottoman đã đạt tới chỗ nhìn thế giới giống như chúng ta, thì những người Ottoman cũng đã đi tới chỗ giống chúng ta' rồi từ đó chấp nhận quyền lực và tình hữu nghị của Quốc vương ta. Bởi nếu ta bắt đầu vẽ một con ngựa khác đi, ta sẽ bắt đầu nhìn thế giới khác đi. Mặc cho những đặc thù của nó, con ngựa này đã được thể hiện theo phong cách của những họa sư xưa."

Chúng tôi càng ngắm nghĩ về con ngựa chùng nào thì trong mắt tôi nó càng trở nên đẹp đẽ và quý giá chùng ấy. Miệng nó hơi hé ra, ta thấy được cái lưỡi của nó giữa hai hàm răng. Đôi mắt nó tỏa sáng. Bốn chân nó mạnh mẽ và thanh tú. Liệu một bức vẽ sẽ trở nên huyền thoại nhờ nội dung của nó hay nhờ những điều người ta nói về nó? Sư phụ Osman vẫn di chuyển cái kính phóng đại rất chậm rãi trên bức vẽ con vật.

"Con ngựa này muốn truyền đạt điều gì vậy?" Tôi hỏi với nhiệt tình ngây thơ. "Tại sao con ngựa này tồn tại? Ôi ngựa ơi! Có gì ở con ngựa này? Tại sao con ngựa này kích thích tôi đến vậy?"

"Những tranh vẽ cũng như sách làm theo lệnh các tiểu vương, đại vương và tổng trấn đều biểu thị sức mạnh của họ", Sư phụ Osman nói. "Các vị ấy thấy những công trình này là đẹp đẽ, với bao vàng dát đất tiền và tổn hao công sức cũng như thị lực bởi chúng là bằng chứng cho sự giàu có của kẻ trị vì. Cái đẹp của một bức vẽ là rất quan trọng vì nó chứng tỏ rằng tài năng của nhà tiểu họa là hiếm hoi và đắt giá cũng như vàng được dùng để làm ra bức tranh vậy. Người khác sẽ thấy bức vẽ một con ngựa là đẹp bởi vì nó trông giống ngựa, nó là một con ngựa theo ý Thượng đế hay một con ngựa hoàn toàn tưởng tượng; hiệu quả của độ chân xác là tùy ở tài năng. Với bọn ta, cái

đẹp trong minh họa bắt đầu ở sự tinh tế và phong phú của ý nghĩa. Dĩ nhiên, việc phát hiện ra con ngựa này không chỉ hé lộ chính nó mà còn hé lộ cả bàn tay của kẻ sát nhân, dấu hiệu của điều khủng khiếp đó, nó sẽ làm tăng ý nghĩa của bức vẽ. Rồi tới chuyện hiểu ra rằng không phải hình ảnh của con ngựa, mà bản thân con ngựa mới là đẹp; tức là, nhìn bức minh họa con ngựa không phải như một bức minh họa nữa, mà như một con ngựa thực sự."

"Nếu sư phụ nhìn bức vẽ này cứ như đang nhìn một con ngựa, thế thì sư phụ thấy cái gì ở đó?"

"Nhìn vóc dáng con ngựa này, ta có thể nói nó không phải giống ngựa lùn, mà là một con ngựa đua giỏi, xét theo độ dài và độ cong của cái cổ và ta thấy độ phẳng ở cái lưng của nó là rất thích hợp cho những chuyến đi dài. Nhìn bốn cái chân mảnh khảnh của nó ta có thể nghĩ rằng nó lanh lẹ và khôn ngoan như một con ngựa Ả Rập, nhưng phần thân của nó lại dài và lớn quá không thể là giống Ả Rập được. Về thanh tú của bốn chân gợi tới điều mà học giả Fadhan xứ Bukhara đã nói về những giống ngựa quý trong cuốn "Sách về ngựa" của ông ta, rằng nếu gặp một con sông nó sẽ dễ dàng nhảy qua không chút giật mình hay sợ hãi. Ta thuộc nằm lòng những điều ly kỳ viết về những giống ngựa tốt nhất trong cuốn này, vốn được bác sĩ thú y hoàng gia xứ mình là Fuyuzi dịch lại rất hay, và ta dám nói thẳng với cậu rằng từng chữ trong đó đều đúng với con ngựa nâu đỏ trước mắt chúng ta đây: Một con ngựa tốt thì phải có cái mặt đẹp và đôi mắt của loài linh dương; tai của nó phải thẳng như cây sậy và tách xa nhau; một con ngựa tốt cũng phải có răng nhỏ, trán tròn trịa và lông mày thưa; nó phải cao, lông dài, bụng ngắn, mũi nhỏ, vai nhỏ, lưng phẳng và rộng; đùi nó phải tròn trịa, cổ dài, ngực nở, hông lớn, mé trong bắp đùi phải dày dặn. Con ngựa như vậy phải trông kiêu hãnh và trang nhã và khi bước đi, trông tướng nó cứ như đang chào mọi người hai bên"

"Vậy chính là con này rồi," tôi nói, nhìn vào bức vẽ con ngựa đầy ngạc nhiên.

"Chúng ta đã phát hiện con ngựa này," Sư phụ Osman nói với nụ cười

chua chát cô hữu, "nhưng tiếc thay nó chẳng giúp gì được cho chúng ta trong việc tìm ra lai lịch tay họa sĩ, bởi vì ta biết không một nhà tiểu họa hiểu biết nào vẽ ngựa mà lại dùng một con ngựa thật làm mẫu. Những tay tiểu họa của ta, đương nhiên, sẽ vẽ con ngựa liền một mạch mà chỉ theo trí nhớ. Để rõ hơn, ta nhắc lại cho cậu nhớ rằng hầu hết bọn họ đều bắt đầu vẽ phác hình con ngựa từ móng ngựa trở lên."

"Làm vậy không phải để con ngựa trông có vẻ đứng vững chãi trên mặt đất sao?" Tôi nói như cố giải thích.

"Như Jemalettin xứ Kazvin có viết trong cuốn minh họa ngựa, người ta chỉ có thể hoàn tất một bức vẽ ngựa bắt đầu từ móng trở lên nếu người ta có cả một con ngựa trong trí nhớ. Đương nhiên để có được một con ngựa qua rất nhiều suy tư và hồi tưởng, hoặc buồn cười hơn, bằng cách nhìn đi nhìn lại con ngựa làm mẫu, người ta chắc hẳn sẽ vẽ từ đầu xuống cổ rồi từ cổ xuống thân mình. Ta nghe nói có những nhà minh họa ở Venice hoan hỉ bán cho mấy ông thợ may và bán thịt những bức như vậy về mấy con ngựa thò tầm thường trên phố được vẽ một cách lơ mờ theo kiểu vẽ thử rồi sửa. Một bức minh họa như vậy chẳng liên quan chút nào đến ý nghĩa của thế giới này hay cái đẹp trong sự sáng tạo của Thượng đế. Nhưng ta tin rằng ngay cả những họa sĩ tầm thường cũng phải biết, một bức minh họa đích thực thì không thể vẽ theo những gì con mắt nhìn thấy trong một lúc nào đó mà phải vẽ theo những gì bàn tay nhớ được và đã quen thuộc. Người họa sĩ luôn cô đơn trước trang giấy. Chỉ với lý do này thôi hẳn đã phải luôn luôn lệ thuộc vào trí nhớ. Bây giờ, chẳng còn gì cho chúng ta làm ngoài việc sử dụng phương pháp gài điểm' để khám phá chữ ký ẩn giấu trong con ngựa này, vốn được vẽ theo trí nhớ qua động tác mau lẹ và khéo léo của bàn tay. Hãy xem kỹ hơn nào."

Ông lại tiếp tục di chuyển chậm rãi tấm kính phóng đại trên hình vẽ con ngựa, cứ như đang cố gắng khám phá ra vị trí kho báu trên một tấm bản đồ xưa được thể hiện một cách tỉ mỉ trên tấm da dê.

"Vâng," tôi nói, như một đệ tử chịu áp lực muốn đạt được một phát hiện mau chóng và thông minh khả dĩ tạo ấn tượng với sư phụ mình. Mình có thể

so sánh màu sắc và nét thù trên tấm chăn lót yên ngựa trong bức này với những bức vẽ khác."

"Những nhà tiểu họa bậc thầy của ta thậm chí không thèm thò cọ tới những mẫu hoa văn đó nữa kia. Mấy đứa học việc sẽ vẽ áo quần, thảm và chăn nệm trong tranh. Có lẽ Zarif Kính mền quá cố chắc đã làm những chuyện ấy. Nên bỏ qua ý đó đi."

"Thế còn tai thì sao?" Tôi nói với cảm giác bối rối. "Cái tai của bọn ngựa..."

"Không. Mấy cái tai này không thay đổi gì cả từ thời Tamerlane; nó cũng giống như lá sậy vậy thôi, thứ mình quá rành rồi."

Tôi định nói thế còn cách tết bờm ngựa và cách mô tả từng sợi lông của nó, nhưng lại im lặng, không hào hứng chút nào với trò chơi sư phụ - đệ tử học việc này. Nếu tôi là đứa học việc, tôi phải biết vị trí của mình.

"Nhìn đây này," Sư phụ Osman nói với cái vẻ chán chường nhưng vẫn chăm chú của một bác sĩ đang chỉ ra một hạch mụn cho đồng sự xem. "Cậu thấy không?" Ông di chuyển kính phóng đại trên đầu con ngựa và chậm rãi dời nó ra xa bề mặt bức vẽ. Tôi cúi đầu xuống để nhìn rõ những nét được phóng to qua tấm kính.

Mũi con ngựa thật khác lạ: đó là hai lỗ mũi của nó.

"Thấy không?" Sư phụ Osman hỏi.

Để chắc chắn về điều đã nhìn thấy, tôi nghĩ mình phải chú mục sau tấm kính. Khi Sư phụ cũng làm như vậy thì má chúng tôi chạm vào nhau sau thấu kính mà lúc này đã cách xa bức tranh. Nhất thời tôi giật mình khi cảm thấy độ thô nhám của hàm râu và cái má mát lạnh của ông trên mặt tôi.

Một lát im lặng. Tưởng như một điều gì đó kỳ diệu đang xảy ra trong bức tranh chỉ cách cặp mắt mệt mỏi của tôi độ gang tay, và chúng tôi chứng kiến điều đó với cảm giác vừa kính cẩn vừa sợ hãi.

"Có chuyện gì với cái mũi đâu?" Mãi một lúc sau tôi mới thì thào thành lời.

"Hắn ta vẽ cái mũi kỳ cục quá," Sư phụ Osman nói mà không rời mắt khỏi trang giấy.

"Có lẽ hắn ta lỡ tay chăng? Một sai sót phải không?"

Chúng tôi vẫn xem xét cách thể hiện cái mũi độc đáo, khác thường ấy.

"Phải đây là phong cách mượn hứng từ Venice mà mọi người, kể cả những họa sư Trung Hoa, đã bắt đầu nói đến đó không?" Sư phụ Osman hỏi một cách đùa cợt.

Tôi chìm hẳn vào bực bội, cứ nghĩ rằng ông thầy đang chế giễu Enishte quá cố của tôi: "Enishte của tôi, cầu ông được an nghỉ, thường nói rằng mọi sai sót đều không phát sinh từ sự kém khả năng hay tài hoa mà từ chiều sâu tâm hồn của nhà tiểu họa, không nên coi chúng là sai sót mà hãy coi là phong cách."

Cho dù nó xảy ra thế nào, do chính bàn tay họa sĩ hay do con ngựa, thì cũng chẳng có manh mối gì, ngoài cái mũi này, về lai lịch của kẻ đê tiện đã sát hại Enishte. Bởi vì, ngoài việc nhận ra cái lỗ mũi, chúng tôi còn gặp khó khăn trong việc nhận diện cái mũi của những hình ngựa đã nhòe mực trên trang giấy tìm được trên xác Zarif Kính mến.

Chúng tôi bỏ nhiều giờ lục lại những bức vẽ ngựa mà các nhà tiểu họa yêu dấu của Sư phụ Osman đã làm cho nhiều cuốn khác nhau trong mấy năm gần đây, mong tìm ra nét bất thường tương tự ở mũi của chúng. Vì cuốn Sur-namavôn đang được hoàn chỉnh, đã mô tả các đoàn thể và phường hội đi bộ diễu hành trước mắt Quốc vương, nên có rất ít hình ngựa trong số hai trăm năm mươi minh họa cho cuốn đó. Các phái viên được cử tới xưởng làm sách mỹ thuật, nơi lưu trữ một số sách hình, mấy cuốn sổ ghi chép theo khổ chuẩn và những pho sách mới hoàn tất, cũng như tới các phòng riêng của Quốc vương và hậu cung để có thể mang về mọi cuốn sách chưa được cất giữ và

giấu kín trong kho tàng của cung điện, toàn bộ công việc này dĩ nhiên đều được Quốc vương cho phép.

Trong một minh họa hai trang của pho Zafar-nama tìm được trong phòng của một hoàng tử trẻ, vẽ cảnh tang lễ của Quốc vương Kanuni Suleyman, người đã chết trong trận vây hãm Szegetvar, chúng tôi trước hết xem xét con ngựa hung đỏ với một vết lang trắng, con ngựa xám có đôi mắt linh dương kéo cỗ xe tang lễ và những con ngựa rầu rĩ khác có nệm lót yên và bộ yên thêu chỉ vàng rất ngoạn mục. Kelebek, Zeytin và Leylek đã minh họa những con ngựa này. Dù là ngựa đang kéo cỗ xe tang lễ có bánh cỡ lớn hay đang đứng nghiêm với đôi mắt đăm đăm lệ nhìn đăm đăm ông chủ của chúng được liệm trong vải đỏ, tất cả đều có cùng tư thế trang nhã vay mượn từ các lão họa sư ở Herat, nghĩa là một chân trước kiêu hãnh đưa ra, còn chân kia đứng vững chãi trên mặt đất. Mọi cái cổ của bọn chúng đều dài và cong, đuôi cột lại, bồm được cắt tỉa và chải mượt, nhưng chẳng con nào có nét kỳ lạ mà chúng tôi đang tìm kiếm. Nét đặc biệt ấy cũng không thấy ở hàng trăm con ngựa mang trên lưng các sĩ quan chỉ huy, các học giả và hoaja, những người dự tang lễ hiện đang đứng nghiêm trang trên những móm đồi xung quanh để tỏ lòng kính viếng Quốc vương Suleyman.

Có gì đó của sự buồn rầu trong đám tang u ám này đã lan qua chúng tôi. Thật bối rối cho chúng tôi khi thấy bản thảo có minh họa này, vốn đã tiêu tốn rất nhiều công phu của Sư phụ Osman và các tay tiểu họa, lại bị đối xử tồi tệ, và các cô trong hậu cung, khi chơi trò chơi với các hoàng tử, đã ghi chép và đánh dấu rất nhiều chỗ trên trang giấy. Bên cạnh cội cây nơi ông nội của Quốc vương chúng tôi sẵn bản có ghi những dòng chữ xiên xẹo "Đức ngài cao quý của tôi, tôi yêu ngài và chờ đợi ngài với sự kiên trì của gốc cây này." Và như thế, với con tim đầy cảm giác thất bại và rầu rĩ, chúng tôi lần mò qua những pho sách huyền thoại mà tôi đã từng nghe đến việc tạo tác ra chúng nhưng chưa hề được thấy.

Trong quyển thứ hai của bộ Huner-nama, vốn từng nhận được nét cọ của ba bậc thầy tiểu họa, chúng tôi thấy đằng sau khẩu thần công âm vang và những lính bộ binh là hàng trăm con ngựa đủ màu sắc, trong đó có những

con hung đỏ, xám và xanh đeo áo giáp, bước lóc cóc thành đàn, mang trên lưng những kỵ binh spahi kiêu dũng cầm liễu đao, băng qua những mỏm đồi nhuộm hồng trong một cuộc diễu hành trật tự, nhưng không có cái mũi nào của chúng có sơ suất cả. "Rốt cuộc là sơ suất gì đây hở trời!" Su phụ Osman sau đó kêu lên trong khi xem xét cổng Ngoại môn Bab-i-Humayun của hoàng cung và bãi duyệt binh Alay Meydani nơi chúng tôi đang có mặt đúng lúc đó. Chúng tôi cũng không phát hiện được dấu vết đang tìm kiếm trên mũi những con ngựa đủ màu sắc của bọn binh sĩ, lính chạy cờ và các Thượng thư Thượng Hội đồng trong bức vẽ này, vốn mô tả hình ảnh bệnh viện ở xa xa về bên phải, Cung Tiếp kiến của Quốc vương, và những hàng cây ở ngoài sân theo một tỷ lệ đủ nhỏ để lọt vào trong bộ khung tranh nhưng vẫn đủ lớn để xứng với tầm quan trọng của chúng trong tâm trí chúng tôi. Chúng tôi xem vua Yavuz Selim 1, ông cố nội của Quốc vương chúng tôi, trong thời điểm tuyên chiến với vua của dân Dhulkadirid, dựng lều hoàng gia dọc bờ sông Kuskun và đi săn với bầy chó đen đuôi đỏ, những chú linh dương non nhảy hất mông lên trời và những con thỏ hoảng hốt, trước khi bỏ lại một con báo nằm trong vũng máu, những vết đốm của nó nở rộ như hoa. Cả con ngựa hung đỏ có vết lang trắng của Quốc vương lẫn những con ngựa của những người huấn luyện chim ưng đang chờ đợi với con chim của họ đậu sẵn trên cánh tay, đều không có dấu vết mà chúng tôi đang tìm kiếm.

Cho đến hoàng hôn, chúng tôi đã sắm soi hàng trăm con ngựa ra đời từ nét cọ của Zeytin, Kelebek và Leylek trong bốn hoặc năm năm gần đây: từ con ngựa hung có bờm và đuôi trắng và tai to như tai voi của Đại hãn Mehmet Giray xứ Crimea; những con ngựa đen điểm vàng; những con ngựa xám ngả hồng mà chỉ thấy đầu với cổ ló lên sau đỉnh đồi trong trận chiến; những con ngựa của Tổng trấn Haydar, người đã tái chiếm pháo đài Halkul-Vad từ tay bọn ngoại đạo Tây Ban Nha ở Tunisia và những con ngựa hung đỏ và ngựa màu quả hồ trăn của bọn Tây Ban Nha, một con trong số đó bị té chúi đầu xuống trong khi bỏ chạy trước mặt Tổng trấn, một con ngựa ô đã khiến Su phụ Osman phải nhận xét, "Ta đã bỏ sót con này. Không biết gã nào vẽ vờ bắt cản như thế?"; một con ngựa đỏ lịch sự vênh tai nghe tiếng đàn luyt của một cậu thị đồng đang chơi dưới gốc cây; con ngựa của Shirin, tên là Shebdiz, cũng e lệ và thanh tú như cô chủ, đang chờ đợi trong khi cô

tắm trong hồ dưới ánh trăng; những con ngựa linh hoạt dùng trong những cuộc đấu thương kỳ mã; con ngựa như bão cuốn và anh chàng chần ngựa xinh trai của nó đã khiến Sư phụ Osman vì lý do nào đó lại nhận xét, "Hồi trẻ ta yêu nó lắm, ta rất mệt"; con ngựa vàng óng màu nắng và có cánh mà đáng Allah đã phái xuống cho tiên tri Elijah để bảo vệ ông này trước cuộc tấn công của bọn ngoại đạo - mà đôi cánh lại bị vẽ nhầm sang cho Elijah; con ngựa xám thuần chủng của Quốc vương Kanuni Suleyman, đầu nhỏ, thân mình to lớn, đang buồn bã nhìn ông hoàng trẻ tuổi dễ thương; những con ngựa bị kích động; những con ngựa phi nước đại; những con ngựa mỏi mệt; những con ngựa xinh xắn; những con ngựa mà không ai để ý; những con ngựa vốn sẽ chẳng bao giờ rời khỏi trang giấy; và những con ngựa đã nhảy qua những đường viền mạ vàng mà thoát khỏi cảnh tù hãm.

Không con nào trong bọn chúng có dấu hiệu mà chúng tôi đang tìm kiếm.

Cho dù vậy, chúng tôi vẫn có thể duy trì một cảm giác hào hứng bền bỉ mặc cho sự mỏi mệt và chán nản chụp xuống chúng tôi: Đôi lúc chúng tôi quên hẳn bọn ngựa mà chìm đắm vào vẻ đẹp của một bức vẽ, vào những màu sắc buộc ta phải nhất thời chịu khuất phục. Sư phụ Osman luôn nhìn vào các bức vẽ - phần lớn là do chính ông vẽ ra, giám sát hoặc tô điểm - vì lòng hoài niệm hơn là ngạc nhiên. "Mấy bức này là của Kasim ở địa bàn của Tổng trấn Kasim!" Có lần ông nói thế, trong khi tay chỉ vào những đóa hoa nhỏ màu tía ở chân dãy lều dã chiến của Quốc vương Suleyman, ông nội của Quốc vương chúng tôi. "Hắn không thể nào là một họa sư được, nhưng trong suốt bốn mươi năm hắn đã lấp đầy những khoảng trống chết của các bức tranh bằng những đóa hoa năm cánh xếp thành một lớp duy nhất này, trước khi hắn bị bắt đắc kỳ tử hai năm trước. Ta luôn giao cho hắn vẽ bông hoa nhỏ này vì hắn vẽ nó đẹp hơn bất kỳ ai khác." Ông im lặng một lát, rồi kêu lên, Thật tội nghiệp, tội nghiệp!"

Với cả linh hồn, tôi nhận ra rằng những lời đó tượng trưng cho sự kết thúc của một thời kỳ.

Bóng tối đã gần như phủ vây chúng tôi thì có một luồng ánh sáng tràn vào phòng. Có tiếng lao xao rối loạn. Trái tim tôi, vốn đã bắt đầu đập như trống, nhận ra ngay lập tức: Đấng cai trị thế giới, Đức Ngài Quốc vương của chúng tôi, đã đột ngột giá lâm.

Tôi phủ phục trước chân Ngài. Tôi hôn gấu hoàng bào của Ngài. Đầu óc tôi quay cuồng. Tôi không dám nhìn vào mắt Ngài.

Nhưng Ngài đã bắt đầu nói chuyện với Su phụ Osman Trưởng ban Trang trí. Lòng tôi đầy một niềm tự hào sôi nổi khi chứng kiến Ngài nói chuyện với người mà cách đây vài phút vừa cùng tôi ngồi tựa gối vào nhau xem các bức vẽ. Thật không tin được; Đức vua anh minh của chúng tôi hiện đang ngồi ở chỗ tôi vừa ngồi lúc nãy và Ngài đang chăm chú lắng nghe su phụ tôi giải thích, như tôi vừa nãy đã lắng nghe. Vị Trưởng Ngân khố, người đang ở cạnh Ngài và đầu lãnh nhóm chần dất chim ưng cùng một số người khác mà tôi không rõ lai lịch đang canh phòng cẩn mật quanh Ngài và nhìn chăm chú vào những trang sách mở.

Tôi thu hết can đảm nhìn thật lâu vào gương mặt và đôi mắt của đấng Chúa tể thế giới, dù chỉ là liếc trộm. Ngài đẹp đẽ làm sao! Chính trực và nghiêm trang làm sao! Tim tôi không còn đập dồn dập nữa. Ngay lúc đó, Ngài bắt gặp ánh mắt của tôi.

"Ta rất thích Enishte của ngươi, cầu cho ông ta được an nghỉ," Ngài nói. Phải, Ngài đang nói với tôi. Trong cơn xao xuyến, tôi nghe không ra những điều Ngài nói. "Ta rất đau lòng. Tuy vậy, thật sáng khoái khi thấy mỗi bức vẽ ông ta làm ra đều là một tuyệt tác. Khi tên ngoại đạo ở Venice nhìn thấy chúng, y sẽ phải sững sờ và kính sợ sự sáng suốt của ta. Các ngươi phải xác định gã tiểu họa đáng nguyên rủa kia là ai qua cách vẽ cái mũi ngựa này. Nếu cần thì cứ tra tấn tất cả bọn tiểu họa, dù có tàn bạo đến đâu đi nữa."

"Tâu Quốc vương anh minh, nơi trú ẩn của thế giới," Su phụ Osman nói. "Hẳn chúng ta có thể êm thấm bắt được tác giả của nét cọ vẽ lỗ này nếu các tay tiểu họa của thần bị buộc phải vẽ thật nhanh một con ngựa trên tờ giấy trắng mà chẳng biết là cho câu chuyện nào cả."

"Dĩ nhiên, với điều kiện đây thực sự là một nét cạo lỗ chứ không phải một cái mũi thật ngoài đời," Đức vua phán một cách sâu sắc.

"Tâu Hoàng thượng," Sư phụ Osman nói, "nếu một cuộc thi vì mục đích này theo chỉ dụ của Hoàng thượng được công bố tối nay; nếu một vệ binh được phái tới nhà các tay tiêu họa, yêu cầu họ vẽ thật nhanh một con ngựa trên giấy trắng cho cuộc thi này..."

Đức vua nhìn sang Chỉ huy Ngự lâm quân với vẻ như muốn nói, "Người nghe thấy chưa?" rồi Ngài nói, "Các người biết ta thích nhất chuyện nào trong các chuyện thi tài của thi sĩ Nizami không?"

Vài người trong chúng tôi đáp, "Chúng thần biết." Một số khác nói, "Chuyện nào vậy tâu Hoàng thượng?" Một số khác, trong đó có tôi, chỉ im lặng.

"Ta không thích cuộc thi của các nhà thơ hay câu chuyện về cuộc thi giữa các họa sĩ Trung Hoa và phương Tây với cái gương," Quốc vương sáng láng nói. "Ta thích nhất là cuộc thi của các lương y dám đua tranh đến chết."

Nói xong, Ngài đột ngột từ biệt chúng để đi cầu kinh tối.

Sau đó, khi lệnh cầu kinh tối được ban ra, lúc trời đã nhá nhem, sau khi ra khỏi cổng hoàng cung, tôi vội vàng đi về xóm nhà mình; giữa lúc đang sung sướng nghĩ tới Shekure, những đứa trẻ và mái nhà của chúng tôi thì tôi kinh hoàng nhớ lại câu chuyện về cuộc thi giữa các lương y:

Một trong hai lương y dự thi trước mặt quốc vương của họ - vị lương y thường được vẽ mặc đồ màu hồng - bào chế một viên độc dược xanh đủ mạnh để hạ gục một con voi rồi đưa cho vị lương y kia, người được vẽ mặc áo chùng xanh dương. Vị lương y này nuốt viên độc dược trước, sau đó thì nuốt tiếp một viên thuốc giải màu xanh dương mà ông vừa bào chế. Qua tiếng cười nhẹ nhàng của ông ta mọi người có thể hiểu chẳng có chuyện gì xảy đến cho ông ta cả. Hơn năm giờ đã đến lượt ông ta cho đối thủ một đòn trí mạng. Di chuyển rất khoan thai, tận hưởng niềm vui được tới lượt mình,

ông ta ngắt một đóa hồng trong vườn, đưa lên môi, lầm thầm một bài thơ bí ẩn với những cánh hoa. Kế đó, với những động tác chứng tỏ vẻ cực kỳ tự tin, ông ta giơ đóa hoa ra cho đối phương để ông này thưởng thức được mùi hương của nó. Sức mạnh của bài thơ đọc thầm thì ấy kích động vị lương y áo hồng kia đến nỗi khi đưa đóa hoa lên mũi, vốn chẳng mang theo gì ngoài mùi hương thường lệ của nó, ông ta đã quy xuống vì sợ hãi và chết tốt.

1 Selim: Cương nghị.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 43: Người Ta Gọi Tôi Là "Zeytin"

Trước buổi cầu kinh ban tối, có tiếng gõ ngoài cửa, tôi liền mở ra mà không làm nghi thức gì: Đó là một trong những bộ hạ của Chỉ huy Ngự lâm quân, một thanh niên sạch sẽ đẹp trai, vui vẻ và ra dáng. Ngoài giấy và một tấm bảng viết, anh ta còn cầm theo một cây đèn dầu, nó tạo thêm bóng tối trên khuôn mặt anh ta hơn là soi rõ nó. Anh ta lệ làng thông báo tình hình cho tôi: Quốc vương chúng tôi đã công bố một cuộc thi cho các nhà tiểu họa nhằm tìm xem ai có thể vẽ ngựa đẹp nhất trong thời gian ngắn nhất. Tôi được yêu cầu ngồi ngay xuống sàn, đặt giấy trên tấm bảng rồi để bảng lên đùi và thể hiện thật nhanh con ngựa đẹp nhất thế gian vào khoảng trống định sẵn trong khuôn khổ trang giấy.

T

Tôi mời vị khách vào nhà. Tôi chạy đi lấy mực và cây cọ tốt nhất của tôi, làm bằng lông ngất từ tai con mèo. Tôi ngồi xuống sàn và lạnh cứng người! Liệu cuộc thi này có phải là một âm mưu hay thủ đoạn mà sau cùng tôi sẽ phải trả giá bằng máu hoặc cái đầu mình? Có thể lắm! Nhưng chẳng phải mọi bức minh họa huyền thoại của các lão họa sư ở Herat đều được vẽ bằng những nét điêu luyện chạy giữa cái chết và cái đẹp đó sao?

Lòng tôi tràn ngập khát khao muốn minh họa, tuy tôi hơi sợ phải vẽ chính xác giống như các lão họa sư, và tôi tự kìm mình lại.

Nhìn vào tờ giấy trắng, tôi ngồi im để hồn tôi có thể gạt bỏ được nỗi sợ hãi. Tôi phải tập trung hết mực vào con ngựa đẹp để mà tôi sắp thể hiện; tôi phải huy động mọi sức mạnh và khả năng tập trung của mình.

Mọi con ngựa mà tôi từng vẽ và nhìn thấy bắt đầu phi nước đại trước mắt tôi. Nhưng trong đó chỉ có một con toàn mỹ.

Bây giờ tôi sắp thể hiện con ngựa ấy mà trước đó chưa một ai vẽ được. Một cách dứt khoát, tôi hình dung nó trong óc tưởng tượng của mình. Cả thế giới mờ đi, cứ như tôi đột nhiên quên mất chính mình, quên rằng mình đang ngồi đây, và thậm chí quên rằng mình sắp vẽ. Tay tôi tự nhiên nhúng cọ vào lọ mực, lấy lên đúng lượng mực cần thiết. Nào, bàn tay ngoan của ta, hãy đưa con ngựa tuyệt vời trong trí tưởng của ta vào thế giới này đi! Con ngựa và tôi có vẻ như hòa làm một và cả hai sắp sửa hiện ra.

Theo trực giác, tôi tìm một vị trí thích hợp trên tờ giấy trắng đóng khung sẵn. Tôi tưởng tượng con ngựa đứng ngay đó và hốt nhiên: Trước khi tôi kịp nghĩ, bàn tay tôi đã dứt khoát khởi sự hoàn toàn theo ý nó - xem nó trang nhã làm sao - lượn mau lẹ từ cái móng, nó thể hiện đoạn chân thanh mảnh, và chuyển dần lên trên. Khi nó tiếp tục lượn qua đầu gối cũng với vẻ dứt khoát như vậy và mau chóng tới phần lồng ngực, tôi trở nên phấn khích! Uốn cong từ đó, nó di chuyển lên cao một cách đặc thẳng: Lồng ngực con vật đẹp làm sao! Lồng ngực thon lại để hình thành cái cổ giống hệt như cổ con ngựa trong trí tưởng của tôi. Không nhắc cọ lên, tôi vẽ xuống gò má, tới cái miệng mạnh mẽ mà tôi cho nó hé mở sau một tích tắc suy nghĩ tôi đi vào miệng nó - kiểu nó hình thành là thế, há miệng to hơn chút xem nào, ngựa cung - và tôi làm lộ ra cái lưỡi. Tôi chậm rãi vẽ tới cái mũi - không có chỗ cho sự do dự! Liếc lên đều đặn, tôi ngắm một lát toàn bức tranh, và khi thấy mình đã có những nét chính xác như tôi đã tưởng tượng tôi quên hẳn mình đang vẽ gì, và đôi tai cùng đường cong tráng lệ của cái cổ ngoan mực được bàn tay tôi tự ý thể hiện. Khi vẽ phần thân sau theo trí nhớ, bàn tay tôi tự động dừng lại để những sợi lông của cây cọ nhấm nháp trong lọ mực. Tôi hoàn toàn hài lòng khi thể hiện phần mông ngựa, phần thân sau mạnh mẽ và nhô cao, tôi hoàn toàn chìm đắm vào bức tranh. Tôi tưởng như mình đang đứng cạnh con ngựa mình đang vẽ trong khi vui sướng bắt đầu cái đuôi. Đây là một con ngựa chiến, một con ngựa đua; làm một nút thắt ở đuôi nó và cuốn nó lại, tôi phấn khởi di chuyển lên cao khi vẽ hai cái mông và khẩu đuôi, tôi thấy một cảm giác mát mẻ dễ chịu ở chính mông đít mình. Sáng khoái vì cảm giác này, tôi hân hoan hoàn tất vẻ mềm mại của bờ mông, chân sau bên trái hơi lui ra sau chân phải một tí, rồi tới những móng ngựa. Tôi kinh ngạc với con ngựa tôi vừa vẽ và với bàn tay của chính mình, nó đã thể hiện tư thế thanh tú của

chân trước bên trái y như tôi đã tưởng tượng.

Tôi nhấc tay lên khỏi mặt giấy và lệ làng vẽ đôi mắt rục cháy, buồn bã; và chỉ ngần ngừ một thoáng, tôi vẽ tiếp lỗ mũi và tấm nệm yên ngựa. Tôi tô bờm ngựa từng sợi một, cứ như đang dịu dàng chải nó bằng những ngón tay mình. Tôi gắn cho nó bộ bàn đạp, thêm một vết lang trắng vào trán nó và hoàn chỉnh nó một cách đúng mực bằng động tác say sưa, có tính toán mà vẫn rất cân đối, hình thành cặp tinh hoàn và dương vật cho nó.

Khi tôi vẽ một con ngựa tuyệt mỹ, tôi trở thành chính con ngựa tuyệt mỹ đó.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 44: Người Ta Gọi Tôi Là "Kelebek"

Tôi tin chắc lúc đó là vào khoảng giờ cầu kinh ban tối. Có ai đó ngoài cửa. Anh ta giải thích rằng Đức vua đã công bố một cuộc thi. Xin tuân lệnh Ngài, Quốc vương kính mến; thực vậy, còn ai có thể vẽ một con ngựa đẹp hơn tôi?

T

Tuy nhiên, tôi cũng khựng lại khi biết được rằng bức tranh phải vẽ bằng mực đen không tô màu. Tại sao lại không có màu? Bởi vì hóa ra tôi là người giỏi chọn lựa và giỏi tô màu nhất sao? Ai sẽ phán xét bức vẽ nào đẹp nhất? Tôi cố gắng moi thêm thông tin từ cậu trai vai rộng, môi hồng, xinh xắn từ hoàng cung đến, và có thể suy ra rằng có Sư phụ Osman Trưởng ban Trang trí đăng sau cuộc thi này. Đương nhiên, Sư phụ Osman biết rõ tài năng của tôi và ưa tôi nhất trong tất cả các họa sĩ, cho nên, trong khi tôi nhìn trang giấy trắng, tư thế, dáng vẽ và cung cách của một con ngựa có thể làm hài lòng cả Đức vua lẫn Sư phụ Osman hiện hình ngay trước mắt tôi. Con ngựa này phải sống động, nhưng nghiêm trang, giống những con mà Sư phụ Osman đã vẽ mười năm trước, và nó phải lồng đứng lên, theo cái cách luôn làm vui lòng Đức vua, để cả hai người sẽ nhất trí về vẻ đẹp của con ngựa. Họ sẽ treo giải bao nhiêu đồng vàng đây tôi tự hỏi. Mir Musavvir sẽ vẽ bức này thế nào? Còn Bihzad thì sao?

Đột nhiên, con vật nảy ra trong óc tôi bằng một tốc độ mà đến lúc tôi hiểu ra thì bàn tay khốn khổ của tôi đã nắm lấy cọ và bắt đầu vẽ một con ngựa diệu kỳ ngoài sức tưởng tượng của bất cứ ai, bắt đầu từ cái chân trước bên trái giơ lên. Sau khi mau lẹ nối cái chân với thân mình, tôi phác nhanh hai đường cong, một cách thích thú và tự tin - giá các vị nhìn thấy được, chắc các vị sẽ bảo họa sĩ này không phải nhà minh họa mà là một nhà thư pháp. Tôi trợn mắt nhìn bàn tay tôi với nỗi kinh hoàng, trong khi nó di

chuyên cứ như tay của một người khác. Những đường cong ngoằn mục ấy biến thành cái bụng đầy đặn, lồng ngực mạnh mẽ và cái cổ như thiên nga của con ngựa. Bức minh họa có thể được coi là hoàn tất. Ôi, tài năng của tôi! Trong khi đó tôi nhìn để thấy rằng bàn tay mình đã vạch ra cái mũi và cái miệng đang há ra của con ngựa mạnh mẽ và vui vẻ này rồi hình thành cái trán thông minh cùng với đôi tai. Kế đó, một lần nữa, ôi mẹ ơi, đẹp quá, tôi hân hoan vẽ một đường cong khác cứ như đang viết một mẫu tự, và tôi suýt bật cười. Tôi lao xuống theo một đường cong hoàn hảo từ cổ của con ngựa lồng dựng đứng lên đến bộ yên của nó. Bàn tay tôi bận rộn với bộ yên trong khi tôi tự hào ngắm con ngựa lúc này đang hình thành, với một tâm thần mạnh mẽ, tròn trịa không khác biệt gì tôi lắm: Mọi người sẽ phải sùng sờ trước con ngựa này. Tôi nghĩ đến những bình phẩm ngọt ngào mà Đức vua sẽ đưa ra khi tôi đoạt giải; Ngài sẽ trao cho tôi một túi đầy tiền vàng; và tôi cảm thấy nổi thôi thúc muốn cười lên lần nữa khi tưởng tượng cảnh tôi đếm tiền thế nào ở nhà. Ngay lúc đó, bàn tay tôi, tôi liếc mắt nhìn vào nó, đã vẽ xong bộ yên và chắm cây cọ vào lọ mực rồi nhấc lên trước khi tôi bắt đầu cái móng ngựa với tiếng cười thầm trong họng cứ như tôi vừa kể một chuyện vui. Tôi lệ làng phác hình cái đuôi. Phần thân sau tôi vẽ sao mà dịu dàng và uốn lượn vậy, lòng thầm ước một cách triu mến được ủ nó trong hai bàn tay mình như cặp móng dịu dàng của một cậu trai mà tôi sắp xâm phạm.

Khi tôi mím cướp bàn tay khéo léo của tôi đã hoàn tất cặp chân sau, và cây cọ của tôi dừng lại. Đây là con ngựa lồng dựng lên đẹp nhất mà thế gian này từng biết đến. Tôi chìm ngập trong niềm vui, sung sướng nghĩ đến chuyện người ta sẽ yêu thích con ngựa của tôi đến mức nào, họ sẽ tuyên bố tôi là nhà tiểu họa tài hoa nhất và thậm chí họ sẽ thông báo ngay lập tức rằng tôi sẽ lên làm Trưởng ban Trang trí, nhưng rồi tôi lại ngẫm nghĩ về điều mà những tên ngốc ấy có thể nói: "Ông ta vẽ cái này lệ làng và hoan hỉ làm sao!" Chỉ với lý do này thôi, tôi đã lo rằng họ sẽ không coi trọng bức minh họa tuyệt vời này của tôi. Do đó, tôi cẩn thận thể hiện thêm bộ bờm, lỗ mũi, răng, những sợi lông đuôi và tám nệm yên ngựa một cách chi tiết để ai cũng rõ rằng tôi đã lao động cật lực trong bức vẽ này. Từ tư thế đó, nghĩa là với góc nhìn từ phía sau, ta không thể thấy cặp tinh hoàn của con ngựa, nhưng tôi vẫn loại nó ra vì nó có thể thu hút sự chú ý của phụ nữ một cách thái quá.

Tôi ngắm nghía con ngựa của mình một cách tự hào: lông đứng lên, di chuyển như một cơn bão, mạnh mẽ và đầy uy lực! Cứ như một cơn gió đã khởi lên và khiến những nét cọ khoáng đạt và đơn sơ chuyển động, như các mẫu tự trong một dòng bản thảo, tuy nhiên con vật này lại còn đường bệ nữa. Họ sẽ phải ca ngợi nhà tiểu họa tuyệt luân đã vẽ ra bức này cứ như ca ngợi một Bihzad hay Mir Musavvir vậy, và rồi, tôi cũng sẽ trở nên như họ.

Khi tôi vẽ một con ngựa tuyệt mỹ, tôi trở nên một bậc thầy vĩ đại trong môn vẽ ngựa kiểu cổ này.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 45: Người Ta Gọi Tôi Là "Leylek"

Sau giờ cầu kinh tối tôi định ra quán cà phê, nhưng người nhà báo cho biết có khách chờ ngoài cửa. Tin vui chẳng, tôi hy vọng thế. Tôi đi ra thì thấy đó là một phái viên từ hoàng cung. Anh ta trình bày cho tôi biết về cuộc thi của Quốc vương. Được rồi, con ngựa đẹp nhất thế gian à. Anh cứ cho biết anh trả cho mỗi bức được bao nhiêu, tôi sẽ vẽ cho anh trong chớp mắt năm hay sáu con luôn.

S

Thay vì nói những điều như thế, tôi đã giữ kẽ, chỉ mời cậu trai đứng ngoài cửa vào nhà. Tôi nghĩ trong một thoáng: Con ngựa đẹp nhất thế gian thậm chí chưa hề tồn tại cho tôi vẽ. Tôi có thể vẽ những thớt chiến mã, những con ngựa Mông Cổ dềnh dàng, ngựa Ả Rập thanh tú, những chiến mã anh dũng quần quai nhuộm đầy máu, hoặc ngay cả những con ngựa thồ xấu số kéo xe chất đầy đá tới nơi xây dựng, nhưng không ai có thể nói bất kỳ con nào trong đám đó là con ngựa đẹp nhất thế gian. Dĩ nhiên, khi nói "con ngựa đẹp nhất thế gian," tôi hiểu rằng Đức vua của chúng tôi ám chỉ con ngựa rực rỡ nhất từng được vẽ hàng ngàn lần tại Ba Tư, theo sát mọi công thức, khuôn mẫu và tư thế có từ ngàn xưa. Nhưng tại sao lại thế?

Dĩ nhiên, có những kẻ không muốn tôi giành được túi vàng đó. Nếu họ bảo tôi vẽ con ngựa trung bình, thì ai cũng biết không có tranh của một ai sánh được với tranh tôi. Ai đã lừa mị Đức vua của chúng ta vậy? Đáng cai trị của chúng tôi, mặc cho lời đồn đại bất tận của cả đám họa sĩ ghen tị đó, cũng biết rõ rằng tôi là kẻ tài hoa nhất trong các nhà tiểu họa của Ngài. Ngài ngưỡng mộ những bức minh họa của tôi.

Bàn tay tôi đột nhiên và giận dữ lao vào hoạt động cứ như nó muốn vượt lên khỏi những suy xét phiến toái ấy, và trong một nỗ lực được tập trung lại,

tôi vẽ một con ngựa đích thực từ móng nó trở lên. Các vị có thể thấy một con ngựa như thế này trên đường phố hoặc chiến địa. Một mỗi, nhưng còn kiểm soát được...

Kể đó, cũng trong cơn phần nộ ấy, tôi lệ làng vẽ một con ngựa của kỵ binh, con này thậm chí còn đẹp hơn. Không một tay tiểu họa nào trong xưởng làm sách có thể vẽ những con vật đẹp như thế. Tôi sắp vẽ một con nữa theo ký ức thì cậu phái viên hoàng cung nói "Một là đủ rồi."

Cậu ta định chộp lấy tờ giấy mà ra về, nhưng tôi cản cậu ta lại vì tôi biết rất rõ, như biết tên họ của mình rằng những tên khốn này có thể bỏ ra cả một túi vàng để có được những con ngựa đó.

Nếu tôi minh họa theo cách tôi muốn, chúng sẽ không chịu đưa vàng cho tôi đâu. Nếu tôi không giành được số vàng thưởng, tên tuổi của tôi sẽ bị hoen ố vĩnh viễn. Tôi dừng lại để suy nghĩ. "Chờ chút coi," tôi nói với cậu trai. Tôi lui vào trong nhà và trở ra với hai đồng vàng giả Venice bóng lộn đến khó tin rồi trao cho cậu trai. Cậu ta sợ, mắt cậu mở to. "Cậu đừng cảm như sư tử ấy," tôi nói.

Tôi lấy ra một trong những sổ ghi chép hình mẫu mà tôi giấu kín với mọi người. Đây là nơi tôi bí mật sao chép lại những bức minh họa đẹp nhất mà tôi từng thấy qua bao năm. Ấy là chưa kể đến những bản sao về những cội cây, rồng, chim chóc, thợ săn và chiến binh đẹp nhất mà Jafer, đầu lĩnh của đám người lùn ở quốc khố có thể làm ra từ các trang của những pho sách được cất giữ cẩn mật; ấy là nếu các vị cho hẳn, cho cái tên vô lại đó mười đồng vàng. Sổ ghi chép của tôi thực tuyệt vẫn không phải cho những người muốn nhìn thế giới thật nơi họ đang sống qua những bức tranh và nét trang trí, mà cho những kẻ muốn gọi lại những ngụ ngôn xưa.

Lật lật qua các trang cho cậu trai xem hình trong đó, tôi chọn ra bức vẽ ngựa đẹp nhất. Tôi dùng kim đục nhanh những lỗ chạy dài theo nét vẽ của bức tranh. Kể đó, tôi đặt một tờ giấy trắng bên dưới bức tranh đó. Tôi từ từ rắc một mớ kha khá bột tan lên tranh, rồi lắc nhẹ để bột than lọt xuống qua các lỗ. Tôi lấy bức tranh gốc ra. Bột than, từng chấm một, đã ghi lại hình

dáng của con ngựa tuyệt đẹp trên mặt giấy bên dưới. Ngắm nhìn nó quả là một lạc thú.

Tôi cầm lấy bút. Với một niềm hứng khởi đột nhiên trào dâng trong người, tôi nhẹ nhàng nối các chấm đó bằng những nét cọ nhanh và dứt khoát, đến độ khi tôi vẽ lại phần bụng, cái cổ thanh tú, lỗ mũi và mông ngựa, tôi âu yếm cảm nhận được con ngựa trong chính tôi. "Đây," tôi nói, "Con ngựa đẹp nhất thế gian. Không đũa nào trong lũ ngốc kia vẽ được con này." Để cậu phái viên hoàng cung có thể tin được chuyện này, và để cậu ta không lý giải với Đức vua chuyện tôi mượn cảm hứng ra sao khi vẽ bức này, tôi đưa cho cậu ta ba đồng vàng giả nữa.

Tôi hàm ý rằng nếu tôi giành được số vàng thưởng thì sẽ còn cho cậu ta thêm. Hơn nữa, tôi tin chắc, cậu ta cũng tưởng tượng rằng cậu sẽ được một lần nữa nhìn thấy vợ tôi, người mà cậu đã há hốc miệng mà nhìn một cách thèm thuồng. Có nhiều người tin rằng các vị có thể phân biệt một nhà tiểu họa giỏi qua con ngựa hắn ta vẽ; tuy nhiên, để trở thành nhà tiểu họa giỏi nhất thì vẽ con ngựa đẹp nhất vẫn chưa đủ, các vị còn phải thuyết phục Đức vua và đám nịnh thần của Ngài rằng các vị quả thực là nhà tiểu họa giỏi nhất nữa kia.

Khi tôi vẽ một con ngựa toàn mỹ, tôi chỉ là chính tôi, chẳng có gì hơn.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 46: Tôi Sẽ Bị Gọi Là Kẻ Sát Nhân

Các vị có thể xác định được tôi là ai qua cách tôi vẽ một con ngựa không?

C

Ngay khi nghe nói tôi được mời vẽ một con ngựa, tôi biết ngay đây chẳng phải cuộc thi gì ráo: Chúng muốn bắt được tôi qua bức vẽ này. Tôi biết rất rõ rằng những bức phác thảo ngựa mà tôi vẽ trên giấy thô đã được tìm thấy trên thi thể của Zarif Kính mền tội nghiệp. Nhưng tôi chẳng có sai sót hay phong cách nào để chúng có thể phát hiện ra tôi qua những con ngựa tôi đã vẽ. Tuy tôi có thể hoàn toàn tin chắc điều này, nhưng tôi vẫn hoảng loạn khi vẽ con ngựa đó. Liệu tôi đã làm điều gì có thể tố giác mình khi vẽ ngựa cho Enishte không? Lần này tôi phải vẽ một con ngựa mới. Tôi nghĩ đến những chuyện hoàn toàn khác. Tôi "kìm hãm" chính mình và trở thành một người khác.

Nhưng tôi là ai? Phải chăng tôi là một họa sĩ, kẻ có thể trấn áp thứ tuyệt tác mà mình thừa khả năng thực hiện để thích nghi với phong cách của họa xưởng, hay một họa sĩ có thể một ngày kia miêu tả thành công con ngựa sâu thẳm trong hồn mình?

Đột nhiên và với nỗi kinh hoàng, tôi cảm nhận được sự hiện hữu của nhà tiểu họa thành công đó trong tôi. Tình trạng này cứ như tôi đang bị quan sát bởi một linh hồn khác, và tóm lại, tôi thấy hổ thẹn.

Tôi lập tức hiểu rằng mình không thể ngồi lại trong nhà, thế là tôi lao ra ngoài, bước đi mạnh mẽ theo những con phố tối đen. Như thủ lĩnh Osman Baba viết trong cuốn "Cuộc đời các thánh," nếu một kẻ khổ tu đích thực muốn thoát được con quỷ trong tim, anh ta phải rảo khắp nơi suốt cuộc đời

mình mà không ở lại quá lâu bất cứ chỗ nào. Sau khi lang thang từ thành phố này sang thành phố khác suốt sáu mươi bảy năm, anh ta quá mệt mỏi với việc miệt mài chạy nên đành chịu thua Quỷ sứ. Đó là độ tuổi mà các tiểu họa bậc thầy đạt tới kiếp mù, hoặc cõi tối đen của Allah, độ tuổi mà họ ngẫu nhiên đạt tới một phong cách, đồng thời giải phóng mình khỏi mọi phát biểu về phong cách.

Tôi lang thang qua khu chợ gà ở Bayazid, qua quảng trường trống trơn ở chợ nô lệ, giữa mùi thơm dễ chịu của các cửa hàng bán bánh bột gạo và xúp, cứ như đang tìm kiếm. Tôi đi ngang qua khung cửa đóng kín của những tiệm hớt tóc, tiệm giặt ủi quần áo, một ông bà chủ lò bánh mì đang đếm tiền và ngược lên nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên; tôi đi qua một tiệm tạp phẩm đầy mùi dưa rau cải và cá muối, và bởi mắt tôi chỉ bị thu hút vì màu sắc nên tôi bước vào một cửa tiệm dược thảo và tạp hóa nơi người ta đang cân món gì đó, và dưới ánh đèn tôi nhìn say mê, theo kiểu người ta nhìn những người yêu dấu, những túi cà phê, gừng, quế và nghệ, những hộp sặc sỡ đựng nhựa cây nhũ hương, hột hồi hương tỏa mùi từ trên kệ, những đóng rau ngổ nâu và đen. Đôi lúc tôi muốn nhét hết mọi thứ vào miệng; có khi tôi muốn lấp kín trang giấy bằng một bức tranh vẽ mọi tạo vật.

Tôi bước vào nơi tôi đã dùng bữa no nê hai lần trong tuần rồi, mà tôi đã tự đặt tên là nhà bếp nấu xúp cho lũ dân đen - thực ra, gọi là "bọn cùng đinh" thì chắc thích hợp hơn. Nó mở cửa đến nửa đêm cho những khách quen. Bên trong có vài kẻ khốn khổ ăn mặc như bọn ăn trộm ngựa hay những người vừa trốn khỏi giàn xử giáo, một bộ đôi tội nghiệp mà vẻ u sầu và tuyệt vọng đã khiến hình ảnh của họ trôi tuột khỏi thế giới này để đến những thiên đàng xa xôi như thường thấy ở những con nghiện thuốc phiện; hai gã ăn xin mà ngay cả việc giữ được cung cách cái bang cũng là khó nhọc; và một thanh niên quý phái ngồi trong một góc tách khỏi đánh đông, tôi lịch sự chào ông đầu bếp người xứ Aleppo. Múc đầy bắp cải nhồi thịt vào tô, tôi rưới sữa chua và rắc thêm một nắm ớt xắt lát lên trên trước khi đến ngồi cạnh chàng thanh niên quý phái.

Mỗi đêm một nỗi buồn lại tràn ngập tôi, một nỗi thống khổ trùm lấy tôi.

Ôi, các anh em của tôi, các huynh đệ thân mến của tôi, chúng ta đã bị đầu độc, chúng ta đang thối rữa, hấp hối, chúng ta vất kiệt chính mình khi ta sống, chúng ta chìm tận cổ trong thống khổ... Có những đêm, tôi mơ thấy hắc từ giếng trời lên và săn đuổi tôi, nhưng tôi biết chúng ta đã chôn hắc rất sâu dưới lòng đất. Hắc không thể đội mồ sống dậy.

Chàng quý phái, người mà tôi tưởng chỉ chú ý vào món xúp và quên hết thế giới chung quanh, đã khởi đầu một cuộc trò chuyện. Có phải đây là một dấu hiệu của đấng Allah? "Phải," tôi đáp, "họ đã nghiền thịt tới một độ nhuyễn đúng mức, món bắp cải nhồi thịt này thật vừa ý tôi." Tôi hỏi thăm anh ta: Anh vừa tốt nghiệp một học viện khốn khổ giá hai mươi đồng bạc một ngày và được nhận làm thư ký dưới sự bảo trợ của Tổng trấn Arifi. Tôi không hỏi anh ta tại sao vào giờ khuya khoắt này anh ta không có mặt tại dinh tổng trấn. Ở thánh đường hoặc ở nhà riêng trong vòng tay của vợ yêu, mà lại chọn có mặt ở cái nhà bếp lè đường đầy bọn du đấng không vợ con này. Anh ta hỏi tôi từ đâu đến và làm nghề gì. Tôi suy nghĩ một lát.

"Tôi tên là Bihzad. Tôi từ Herat rồi Tabriz lưu lạc tới đây. Tôi đã vẽ những bức tranh tráng lệ nhất, những tuyệt tác khó tin nhất. Ở Ba Tư và Ả Rập, trong mọi xưởng làm sách nghệ thuật nơi người ta làm minh họa, người ta đã nói thế này về tôi cả mấy trăm năm nay: Cái này trông thật quá, giống y tác phẩm của Bihzad."

Dĩ nhiên, đây không phải là vấn đề. Tranh của tôi thể hiện những gì tâm trí - chứ không phải con mắt - nhìn thấy. Hội họa, như các vị biết quá rõ rồi đấy, là bữa tiệc cho con mắt. Nếu các vị kết hợp được hai ý tưởng này thì thế giới của tôi sẽ xuất hiện. Nghĩa là:

ALIF: Hội họa đem những gì tâm trí thấy được vào cuộc sống, như một bữa tiệc cho con mắt.

LAM: Những gì con mắt nhìn thấy được trong thế giới này sẽ đi vào hội họa tới mức nó phục vụ cho tâm trí.

MIM: Sau đó cái đẹp là con mắt khám phá ra những gì mà tâm trí đã biết

trong thế giới này.

Liệu anh chàng tốt nghiệp học viện khốn khổ có hiểu được luận lý này, điều mà tôi đã rút ra được bằng cảm hứng chớp nhoáng từ sâu thẳm tâm hồn, hay không? Tuyệt đối không. Tại sao? Bởi vì, tuy các vị đã mất ba năm ngồi dưới chân một vị hoja, người giảng những bài học tại một trường tôn giáo hẻo lánh đâu đó với giá hai mươi đồng bạc một ngày - hiện nay với số tiền đó các vị có thể mua được hai chục ổ bánh mì - nhưng các vị vẫn không biết được Bihzad là tay cha căng chú kiết nào. Hiển nhiên là ông Hoja Kính mến hai mươi đồng một ngày kia cũng chẳng biết Bihzad là ai. Được rồi, để tôi giải thích cho. Tôi nói:

"Tôi đã vẽ mọi thứ, tất tần tật mọi thứ: đấng Tiên tri của Chúng ta tại thánh đường ngồi cùng bốn trưởng giáo của Người trước hốc cầu kính màu xanh lá cây; trong một cuốn khác, Tông đồ và Tiên tri của Thượng đế bay lên bảy tầng trời trong đêm Thăng thiên; Alexander trên đường tới Trung Hoa vớ vào cái trống ở một đền thờ ven biển để xua một con quái vật đang nổi bão khuấy động biển cả; một vị vua vừa thủ dâm vừa nhìn trộm những mỹ nữ ở hậu cung đang bơi trần truồng dưới hồ tắm trong khi nghe đàn luyt; một đô vật trẻ chắc chắn chiến thắng sau khi học được mọi đòn thế của sư phụ, nhưng rồi lại bại trận trước mặt nhà vua dưới tay chính sư phụ bởi ông này đã giấu lại một miếng đòn cuối cùng; Leyla và Mejnun lúc còn nhỏ quỳ gối trong phòng học với những bức tường được trang trí cực đẹp, phải lòng nhau khi cùng đọc kinh Koran; sự bất lực của những tình nhân, từ những kẻ bồi rối nhất đến những cặp ngu xuẩn nhân không dám nhìn vào mắt nhau; kiến trúc từng viên đá một của cung điện; việc trừng phạt kẻ có tội bằng tra tấn; đường bay của lũ chim ưng; những con thỏ vui chơi; những con cọp phản trắc, những cây bách và tiêu huyền làm chỗ trú cho bọn ác là; Thần chết; những thi sĩ đang đua tài những bữa tiệc mừng chiến thắng; và những người như anh chẳng nhìn thấy gì ngoài món xúp trước mặt mình."

Anh thư ký dè dặt không còn sợ hãi nữa, anh ta thậm chí còn thấy tôi thú vị và đang mỉm cười.

"Vị Hoja Kính mến của anh hẳn đã đọc cuốn này, rồi anh sẽ biết" tôi nói tiếp. "Có một chuyện tôi rất thích trong pho Bostan 1 của Saadi. Anh biết chuyện đó mà, Vua Darius lạc khỏi đám tùy tùng trong một chuyến đi săn và bắt đầu lang thang qua những ngọn đồi. Bất ngờ, một kẻ lạ trông đáng ngại có chòm râu dê xuất hiện trước mặt vua. Nhà vua hoảng sợ thò tay lấy cung tên quàng trên mình ngựa, nhưng kẻ lạ liền cầu xin: "Tâu Hoàng thượng của thần, khoan hãy bắn tên. Làm sao mà bệ hạ không nhận ra thần? Hạ thần không phải là tên chăn ngựa của Hoàng cung từng được bệ hạ giao phó cả trăm con ngựa lớn nhỏ đó sao? Hoàng thượng đã thấy hạ thần biết bao lần rồi? Thần biết rõ tính nết và khí chất của cả trăm con ngựa của Hoàng thượng, thậm chí thuộc cả màu lông của từng con nữa. Nên tại sao Hoàng thượng lại không lưu ý tới chúng thần, những tôi tớ dưới quyền của Người, kể cả những kẻ hèn như thần mà bệ hạ gặp mặt thường xuyên như thế?"

Khi vẽ cảnh này, tôi mô tả những con ngựa đen, nâu và trắng - được anh chăn ngựa chăm sóc ân cần trên một đồng cỏ xanh ngắt điểm đầy hoa với đủ màu sắc mà ta có thể tưởng tượng ra - với vẻ hạnh phúc và bình yên đến độ những độc giả đàn độn nhất cũng hiểu được bài học trong câu chuyện của Saadi: cái đẹp và bí ẩn của thế giới này chỉ hiện ra qua cảm tình, sự chú ý, quan tâm và đam mê; nếu các vị muốn sống trong thiên đàng đó nơi những con ngựa hạnh phúc đang sống, hãy mở to mắt và thực sự thấy được thế giới này bằng cách chú ý đến những màu sắc, chi tiết và sự trớ trêu của nó.

Môn đồ của vị hoja hai mươi đồng bạc vừa thú vị vừa hoảng sợ vì tôi. Anh ta muốn buông thìa mà bỏ chạy, nhưng tôi không cho anh ta cơ hội.

"Đấy là cách mà Bihzad, bậc thầy của các bậc thầy, đã miêu tả nhà vua, anh mã phu và các con ngựa trong bức tranh đó, tôi nói. "Suốt hàng trăm năm các nhà tiểu họa không ngừng mô phỏng những con ngựa đó. Mỗi con ngựa xuất phát từ trí tưởng tượng và tâm hồn của Bihzad đã trở thành khuôn mẫu về hình dáng. Hàng trăm nhà tiểu họa, kể cả tôi, có thể vẽ những con ngựa đó theo ký ức. Anh có bao giờ thấy một bức tranh ngựa chưa?"

"Tôi có lần được thấy một con ngựa có cánh trong một pho sách rất đẹp

mà một sư phụ vĩ đại, nhà học giả của các học giả, trình cho hoja quá cố của tôi."

Tôi không biết mình có nên nhấn cái đầu của thằng ngốc này vào tô xúp của hấn không - anh ta cùng với ông thầy của mình đã quá xem trọng cuốn "Những sinh vật lạ" - khiến anh ta chết đuối hay là để yên tho anh ta mô tả bức tranh ngựa duy nhất anh ta từng thấy trong đời bằng những từ ngữ hào nhoáng, trong một bản sách sao chép tồi tệ đến mức nào có ai biết được. Tôi đi tới một giải pháp thứ ba, đó là buông thả xuống và rời quán. Sau khi tản bộ hồi lâu tôi bước vào một ngôi nhà khổ tu bỏ hoang, nơi tôi được chìm trong một cảm giác bình yên. Tôi dọn dẹp và không làm gì khác, tôi lắng nghe sự im lặng.

Sau đó, tôi lấy tấm gương từ chỗ cất giấu trước đây mà đặt trên cái bàn làm việc thấp. Kế đó, tôi đặt tờ giấy hai trang và cái bảng vẽ lên lòng mình. Khi nhìn được khuôn mặt mình từ chỗ tôi ngồi, tôi cố vẽ chân dung mình bằng chì than. Tôi vẽ trong hồi lâu một cách kiên nhẫn. Rất lâu sau khi tôi một lần nữa thấy rằng khuôn mặt trên trang giấy không giống khuôn mặt tôi trong gương, tôi cảm thấy sầu khổ đến độ lệ trào lên khóe mắt.

Những họa sĩ Venice mà Enishte mô tả bằng ngôn từ hoa mỹ như thế đã làm việc này như thế nào? Rồi tôi tưởng tượng mình là một người trong bọn họ, nghĩ rằng nếu mình minh họa trong tâm trạng như thế, chắc tôi có thể làm được một bức chân dung tự họa đủ thuyết phục.

Sau đó nữa, tôi nguyện rửa cả Enishte lẫn những họa sĩ châu Âu, tẩy xóa hết những gì đã vẽ và bắt đầu nhìn vào gương lần nữa để bắt đầu một bức vẽ mới.

Cuối cùng, tôi lại thấy mình lang thang trên các con phố, và rồi, ở đây, tại quán cà phê tởm lợm này. Thậm chí tôi cũng không biết chắc mình đã tới đây như thế nào. Khi tôi bước vào, tôi cảm thấy bối rối với việc la cà giữa đám các nhà tiểu họa và thư pháp này đến độ mồ hôi túa ra trên trán tôi.

Tôi cảm thấy mọi người đang nhìn tôi, dùng cùi chỏ ra hiệu cho nhau về

sự xuất hiện của tôi, và bật cười - phải, tôi có thể thấy rõ họ đang làm như thế. Tôi ngồi vào một góc, cố tỏ ra tự nhiên. Đồng thời tôi liếc mắt tìm kiếm những tay thợ cả khác, những huynh đệ thân mến đã một thời cùng tôi làm thợ học việc cho Thầy Osman. Tôi chắc chắn mỗi người trong bọn họ tôi nay đều bị yêu cầu vẽ một con ngựa và họ đều nỗ lực hết sức mình, xem cuộc thi mà bọn ngốc kia bày ra là chuyện rất nghiêm túc.

Tay kể chuyện chuyên nghiệp vẫn chưa bắt đầu trình diễn. Bức tranh còn chưa được treo lên. Tôi buộc phải trò chuyện xã giao với đám người trong quán cà phê.

Cứ để mọi chuyện như thế, cho phép tôi thảng thẩn với các vị: Giống như mọi người khác, tôi cũng nói đùa, kể chuyện tục, hôn má bạn bè với những cử chỉ cường điệu, nói những câu hai nghĩa, bóng gió và chơi chữ, hỏi thăm xem những cậu phụ tá thợ cả đang làm gì, và giống mọi người khác, châm chích thảng tay bọn kẻ thù chung của chúng tôi; và sau khi đã hứng chí, tôi còn đi tới mức la lối om sòm và hôn vào cổ bọn đàn ông. Nhưng, ý thức rằng một phần tâm hồn tôi vẫn im lặng một cách tàn nhẫn khi tôi lao vào sinh hoạt như thế khiến tôi đau khổ không chịu được.

Tuy nhiên, chẳng mấy chốc không những tôi có thể sử dụng ngôn ngữ bóng bẩy để so sánh con cu của tôi, và của những kẻ được đôn đãi nhiều, với những cây cọ, bút sậy, cột cái của quán cà phê, ống sáo, trụ đầu cầu thang, vò gõ cửa, cây tỏi tây, tháp nhọn trên thánh đường, những ngón tay phụ nữ nhúng vào xirô đặc, cây thông, và so sánh với cả thế giới này đến những hai lần, tôi cũng so sánh được mông đít của những cậu trai nổi tiếng trong làng chơi với trái cam, trái vả, bánh nướng, gói nằm và cả ụ kiến nhỏ xíu. Trong khi đó, những nhà thư pháp trạc tuổi tôi và huênh hoang nhất cũng chỉ có thể so sánh đồ nghề của hấn - tôi phải nói là theo một cách rất nghiệp dư và thiếu tự tin - với cột buồm và đòn gánh của phu khuân vác. Hơn nữa, tôi còn bịa ra những ẩn dụ về vũ khí của những nhà thư pháp già chẳng còn cương lên nổi nữa, những đôi môi màu anh đào của các thợ học việc mới, những sự phụ thư pháp cất giấu tiền bạc (giống như tôi) ở chỗ nào đó ("hộc tối ghê tởm nhất"); chuyện có lẽ người ta đã bỏ thuốc phiện vào rượu mà tôi đang

uống thay vì những cánh hoa hồng; những bậc thầy vĩ đại cuối cùng của Tabriz và Shiraz; việc trộn cà phê với rượu ở Aleppo, và những nhà thư pháp và các cậu trai xinh xắn có thể tìm gặp được ở đó như thế nào.

Nhiều lúc, có vẻ như một trong hai linh hồn trong tôi, cuối cùng đã vượt lên thắng thế, bỏ lại linh hồn kia đằng sau, và tôi rốt cuộc đã quên được cái bản thể cảm lạnh và thiếu tình yêu của mình. Vào những lúc đó tôi nhớ những cuộc ăn mừng dịp lễ hội hội còn thơ trong đó tôi có thể là chính mình bên cạnh những người thân trong gia đình. Mặc cho mọi trò đùa cợt, hôn hít và ôm ấp đó, sự cảm lạnh trong tôi vẫn còn, nó khiến tôi đau khổ và cô đơn ngay giữa đám đông.

Ai đã cho tôi tâm linh hồn tàn nhẫn và cảm lạnh này - nó không phải là một linh hồn mà là một âm hồn - vốn luôn kết án tôi và tách tôi ra khỏi mọi người vậy? Quỷ Satan chăng? Nhưng sự cảm lạnh trong tôi được xoa dịu, không phải bởi trò quái ác ngu xuẩn do Satan gây ra, mà trái lại, bởi những câu chuyện đơn sơ và thuần khiết nhất có khả năng đi thẳng vào hồn người. Dưới tác động của rượu, tôi đã kể hai câu chuyện, hy vọng việc này sẽ cho tôi chút bình yên. Một cậu học việc thư pháp cao gầy, nhợt nhạt, nhưng nước da ửng hồng, tập trung đôi mắt xanh của cậu ta vào tôi và lắng nghe với sự chú tâm cao độ.

Hai câu chuyện về kiếp mù và phong cách của nhà tiểu họa được kể cho voi nổi cô đơn trong hồn

ALIF

Ngược với những điều ta thường nghĩ, vẽ ngựa bằng cách nhìn vào con ngựa thực không phải là một phát kiến của các bậc thầy người Âu. Ý tưởng sáng tạo này thuộc về đại sư phụ Jemalettin ở Kazvin. Sau khi Uzyn Hasan, đại hãn của xứ Akgoyunly, chiếm được Kazvin, lão sư phụ Jemalettin không hài lòng với việc đơn thuần gia nhập xưởng nghệ thuật sách của vị đại hãn chiến thắng, ông đã xung phong đi chiến dịch với vị hãn này, tuyên bố rằng ông muốn tô điểm cho bộ Tarih của vị hãn này bằng những cảnh chiến tranh mà ông sẽ tận mắt chứng kiến. Thế là bậc thầy vĩ đại này, người đã trải qua

sáu mươi hai năm vẽ những con ngựa, những cảnh kỵ binh xung phong và những trận chiến mà chưa hề nhìn thấy một trận đánh nào, lần đầu tiên tham gia chiến sự. Nhưng trước khi ông kịp nhìn thấy sự va chạm dữ dội và kinh khủng của những thót ngựa đẫm mồ hôi, ông đã mất cả hai bàn tay và đôi mắt vì đạn thần công của kẻ thù. Vị sư phụ này, giống như mọi thiên tài khác, trong mọi trường hợp đều chờ đợi cảnh mù lòa cứ như đó là ơn phước của Allah, và ông cũng không xem việc mất đôi tay là khiếm khuyết lớn. Ông quan niệm rằng kỹ ức của nhà tiểu họa không nằm ở bàn tay như một số người tin chắc, mà nằm trong trí tuệ và con tim, và hơn nữa, do bấy giờ ông đã mù, ông tuyên bố rằng ông có thể thấy những bức tranh đích thực, cảnh trí và những con ngựa cốt tủy và hoàn hảo mà đáng Allah muốn người ta nhìn thấy. Để chia sẻ những điều kỳ diệu này với những người yêu nghệ thuật, ông thuê một cậu học nghề thư pháp cao gầy, da ửng hồng, mắt xanh, rồi đọc cho cậu viết rõ ràng cách thức để vẽ những con ngựa diệu kỳ hiện ra với ông trong cõi tối đen thần thánh của Thượng đế - y như ông sẽ vẽ nếu như tay ông còn cầm được cọ. Sau khi sư phụ này qua đời những mô tả của ông về phương pháp vẽ ba trăm lẻ ba mẫu ngựa bắt đầu từ chân trước bên trái đã được cậu học nghề thư pháp đẹp trai sưu tập lại thành ba tập sách có tựa lần lượt là "Cách vẽ ngựa," "Dòng chảy ngựa" và "Tình yêu của ngựa," chúng được nhiều người yêu chuộng và tìm đọc suốt một thời gian tại nhiều địa phương của nước Akgoyunly. Tuy chúng xuất hiện dưới nhiều bản sao mới mẻ khác nhau, được mọi nhà minh họa, thợ học việc và đệ tử của họ thuộc nằm lòng và được dùng làm sách hướng dẫn thực hành, nhưng sau khi nước Akgoyunly của Uzyn Hasan bị xóa sổ và phong cách minh họa Herat thống trị toàn Ba Tư, thì Jemalettin và những bản thảo của ông bị quên lãng. Hiển nhiên, lập luận đằng sau những phê bình gay gắt trong cuốn "Bọn ngựa của gã mù" của Kemalettin Riza xứ Herat đối với ba pho sách đã hình thành trong chuỗi diễn biến này. Kemalettin Riza tuyên bố rằng không có mẫu ngựa nào do Jemalettin xứ Kazvin mô tả trong ba pho sách của ông ta lại có thể là một con ngựa trong cái nhìn của Thượng đế - bởi vì không có mẫu nào trong đó là "nguyên tuyền" do vị sư phụ già đó đã mô tả chúng sau khi chúng kiến quang cảnh một trận đánh thực, cho dù chỉ trong một thời gian ngắn ngủi. Vì những kho tàng của Uzyn Hasan xứ Akgoyunly đã bị vua

Fatih Mehmet cướp bóc và chuyển về Istanbul nên không có gì lạ khi một số trong ba trăm lẻ ba câu chuyện đó đôi khi xuất hiện trong những bản thảo khác ở Istanbul và thậm chí một số ngựa còn được vẽ theo những chỉ dẫn trong đó nữa.

LAM

Ở Herat và Shiraz, khi một bậc thầy tiểu họa bị mù lúc xế bóng sau khi làm việc quá nhiều suốt cả đời, người ta không chỉ xem đó là dấu hiệu cho lòng quyết tâm của bậc thầy vĩ đại đó mà còn ca ngợi nó như sự thừa nhận của Thượng đế đối với công trình và tài năng của bậc thầy đó nữa. Thậm chí đã có một thời ở Herat, nếu các bậc thầy tuy đã già mà vẫn không bị mù, họ sẽ bị mọi người nhìn với vẻ nghi ngờ, hoàn cảnh này buộc rất nhiều người trong bọn họ phải tìm cách được mù lúc về già. Có một thời gian dài người ta kính cẩn nhớ lại những họa sĩ đã tự làm mình mù mắt, đi theo con đường của các sư phụ huyền thoại vốn sẵn sàng làm thế chứ không phục vụ cho một triều đại khác hoặc thay đổi phong cách của mình. Và chính trong thời kỳ này mà Abu Said, cháu nội của Tamerlane thuộc chi họ vua Miran, đã tạo ra một chuyển biến xa hơn trong họa xưởng của mình sau khi ông chinh phục Tashkent và Samarkand: tập tục kính trọng việc bắt chước mù hơn là chính kiếp mù. Kara Veli, một nghệ nhân già đã gợi hứng cho Abu Said trong việc này, đã khẳng định rằng một nhà tiểu họa mù có thể thấy những con ngựa theo cách nhìn của Thượng đế trong cõi tối đen tuy nhiên tài năng đích thực vẫn có ở nhà tiểu họa nào tuy sáng mắt nhưng có khả năng nhìn thế giới như một người mù. Ở tuổi sáu mươi bảy ông chứng minh luận cứ của mình bằng cách vẽ rất nhanh một con ngựa hiện ra trên đầu cọ của ông mà không một lần liếc nhìn mặt giấy, ngay cả khi mắt ông vẫn mở to và dán vào trang sách. Vào lúc kết thúc nghi thức nghệ thuật này, trong đó Miran cho những nhạc công điếc chơi đàn luyt và những người kể chuyện câm đọc lại các câu chuyện kể để trợ giúp những nỗ lực của bậc thầy huyền thoại ấy, con ngựa trắng lẹ mà Kara Veli vừa vẽ được người ta cẩn thận so sánh với những con ngựa khác ông từng vẽ. Không có một khác biệt nào giữa chúng với nhau, trước nỗi bức tức tột độ của vua Miran; sau đó, bậc thầy huyền thoại tuyên bố rằng một nhà tiểu họa tài ba, dù mở hay nhắm mắt, cũng luôn luôn và chỉ

có thể nhìn ngựa theo một cách, nghĩa là, cách nhìn của Allah đối với bọn ngựa. Và giữa những đại sư tiểu họa không có gì khác biệt giữa kẻ mù và kẻ sáng: bàn tay sẽ luôn vẽ ra cùng một con ngựa đó bởi vì tuyệt không hề có cái thứ mà sự cách tân của người Tây vực gọi là "phong cách." Những con ngựa do đại sư phụ Kara Veli vẽ ra đã được mọi nhà tiểu họa Hồi giáo bắt chước theo trong suốt 110 năm. Còn với chính Kara Veli, sau khi Abu Said thất trận và họa xưởng của nhà vua bị giải tán, ông ta đã di tản từ Samarkand tới Kazvin, nơi mà hai năm sau đó ông ta bị lên án vì mưu toan bác bỏ đoạn thơ trong kinh Koran, tuyên bố rằng "Mù và sáng mắt thì không như nhau." Vì việc này ông đã bị các binh lính trẻ của vua Nizam đầu tiên là đâm mù màu sau đó thì hạ sát.

Tôi sắp sửa kể thêm chuyện thứ ba, mô tả cho cậu học nghề thư pháp có đôi mắt đẹp chuyện đại sư phụ Bihzad tự làm mình mù mắt, chuyện ông không hề muốn rời Herat, tại sao ông không bao giờ vẽ nữa sau khi bị buộc phải chuyển tới Tabriz, làm sao phong cách của nhà tiểu họa lại chính là phong cách của họa xưởng nơi ông ta làm việc và những câu chuyện khác mà tôi nghe được từ thầy Osman, nhưng rồi tôi chú ý tới người kể chuyện chuyên nghiệp. Làm sao tôi biết rằng tôi nay ông ta sẽ kể chuyện về Satan?

Tôi cảm thấy muốn nói, "Chính Satan là kẻ đầu tiên nói Tôi! Chính Satan là kẻ đã chọn một phong cách. Chính Satan là kẻ tách phương Đông khỏi phương Tây." Tôi nhắm mắt lại và vẽ quỷ Satan trên tờ giấy thô của người kể chuyện theo nỗi khao khát trong tâm hồn. Trong khi tôi vẽ, người kể chuyện và anh phụ việc, những họa sĩ khác và người tò mò đứng xem vừa cười rúc rích vừa cổ vũ tôi.

Nào, bạn nghĩ rằng tôi có một phong cách riêng, hay tôi có được nó nhờ rượu?

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 47: Ta! Satan

Ta yêu thích mùi ớt phi trong dầu ô liu, cảnh mưa rơi trên biển lặng lúc bình minh, sự xuất hiện bất ngờ của một phụ nữ tại khung cửa sổ rộng mở, những lúc yên tĩnh, tư tưởng và đức kiên nhẫn. Ta tin vào chính mình, và, hầu như chẳng khi nào để ý đến những gì người khác nói về ta. Nhưng tối nay, ta đến quán cà phê này để đánh chính với những huynh đệ tiểu họa và thư pháp của ta về một số lời ngòi lê đôi mách, dối trá và đòn đại.

T

Dĩ nhiên vì ta là người đang nói, nên các người sẵn sàng tin vào những gì ngược với điều ta nói. Nhưng các người đủ thông minh để ý thức rằng những gì ngược với điều ta nói không phải lúc nào cũng đúng sự thật, và dù các người có thể nghi ngờ ta, nhưng các người đủ tinh ranh để chú ý đến những gì ta nói: các người đã quá biết tên ta, cái tên xuất hiện năm mươi hai lần trong kinh Koran Vinh quang, và là một trong những tên gọi được trích dẫn thường xuyên nhất.

Vậy thì, để ta bắt đầu từ quyển sách của Thượng đế, Kinh Koran Vinh quang. Tất cả những điều viết về ta trong đó đều là sự thật. Hãy để mọi người biết rằng khi ta nói điều này, ấy là ta nói với sự khiêm nhường tốt độ. Vì lại có vấn đề về phong cách nữa. Việc ta bị xem thường trong kinh Koran luôn khiến ta đau khổ. Nhưng nỗi đau này là lỗi sống của ta. Đơn giản là cái kiêu nó phải thế.

Thật vậy, Thượng đế đã tạo ra con người ngay trước mắt những thần thánh chúng ta. Sau đó Ngài muốn chúng ta phải quy phục trước tạo vật này. Phải, nó xảy ra đúng như những gì được viết trong chương "Al-Araf" 1: khi tất cả những thần thánh khác đều cúi đầu trước con người, thì ta từ chối cúi đầu. Ta nhắc mọi người rằng Adam được tạo ra từ bùn đất, trong khi ta được

tao ra từ lửa, một nguyên tố ưu việt mà tất cả các người đều quen thuộc. Nên ta không cúi đầu trước con người. Và Thượng đế cho thái độ của ta là...ôi, tự kiêu.'

"Hãy cút xuống khỏi những tầng trời này," Ngài nói. "Nơi đây không phải chỗ cho những kẻ như ngươi, mưu tính sự vĩ đại."

"Hãy cho phép tôi sống đến Ngày Phán xét," ta nói, "đến khi người chết sống dậy." Ngài chấp nhận cho phép. Ta hứa rằng trong toàn bộ thời gian này ta sẽ cảm dỗ những hậu duệ của Adam, kẻ đã khiến ta bị trừng phạt, và Ngài nói Ngài sẽ đày xuống Địa ngục những ai bị ta làm hư hỏng: Ta không cần phải nói với ngươi rằng mỗi người trong chúng ta vẫn luôn giữ lời. Ta không có gì để nói thêm về vấn đề này.

Như một số người có thể khẳng định, vào lúc đó ta với Thượng đế đã có một thỏa ước. Theo họ, ta góp phần kiểm chứng những con cái Thượng đế bằng cách cố gắng phá hủy lòng tin của họ: Người tốt, có óc phán xét đúng, sẽ không bị chệch hướng, trong khi kẻ xấu, vốn chiều theo những ham muốn thể xác, thì sẽ phạm tội, và sau đó sẽ lấp đầy các tầng Địa ngục. Như vậy những việc ta làm là rất quan trọng: nếu mọi người đều lên Thiên đàng thì sẽ không ai còn lo sợ gì nữa, và thế giới cùng với các chính quyền ở đó không thể hoạt động nếu chỉ dựa trên đức hạnh; vì trong thế giới của chúng ta điều xấu cũng cần thiết như điều tốt và tội lỗi cũng cần thiết như sự công chính. Xét vì ta phải tạ ơn sự khởi thủy của trật tự trần gian của Allah - với sự cho phép của Ngài chứ có đùa đâu (nếu không thì tại sao Ngài để ta sống đến Ngày Phán xét?)- nên việc bị gọi là "xấu" và chưa bao giờ được đối xử công bằng là nỗi thống khổ thâm kín của ta. Những người như Mansur huyền bí, kẻ chải lên, hay người em Ahmet Gazzali của Iman Gazzali nổi tiếng, đã theo dòng lý luận này tới mức kết luận trong tác phẩm của họ rằng nếu quả thực những tội lỗi ta gây ra nằm trong sự cho phép và ước muốn của Thượng đế, thì chúng là những gì Thượng đế muốn; hơn nữa, họ khẳng định rằng cái tốt và cái xấu không hề tồn tại vì mọi thứ đều bắt nguồn từ Thượng đế, và thậm chí ta cũng là một phần của Ngài.

Một số những kẻ thiếu đầu óc đó đã bị thiêu sống một cách thích đáng cùng với sách của chúng. Dĩ nhiên, cái tốt và cái xấu thực sự tồn tại, và trách nhiệm vạch ra ranh giới giữa hai điều được giao cho mỗi chúng ta. Ta không phải là Allah, cầu Thượng đế tha tội, và ta không phải là kẻ gieo những điều ngớ ngẩn như thế vào đầu lũ ngu ngốc kia; những điều đó chúng tự nghĩ ra.

Chuyện này đưa đến điều phàn nàn thứ hai của ta: ta không phải là nguồn gốc của mọi điều xấu xa và tội lỗi trên thế giới.

Nhiều người phạm tội vì tham vọng mù quáng, vì thèm khát, thiếu sức mạnh ý chí, vì hèn hạ, và thường là, vì sự xuẩn ngốc của họ mà không hề có sự xúi giục, lừa gạt hay cám dỗ của ta. Nếu như nỗ lực của một số nhà thần bí học nhằm minh oan cho ta khỏi mọi điều xấu là ngớ ngẩn đến mức nào, thì quan niệm cho rằng ta là nguồn gốc của mọi điều xấu cũng ngớ ngẩn như vậy, và điều đó cũng trái với Kinh Koran Vinh quang nữa. Ta không phải là kẻ cám dỗ mọi gã bán trái cây khéo léo nhét táo thối cho khách, mọi thằng nhóc dối trá, mọi kẻ bợ đỡ nịnh hót, mọi lão già mộng tưởng tục tĩu hay mọi thằng bé thủ dâm. Ngay cả Đấng toàn năng cũng không tìm thấy bất kỳ điều xấu nào trong cơn gió thoảng qua hay trong việc thủ dâm. Chắc chắn là, ta làm việc rất cật lực sao cho các người phạm những trọng tội. Nhưng một số hoja quả quyết rằng người nào há hốc mồm, hắt hơi hay thậm chí đánh rắm đều là bị ta lừa phỉnh, điều đó cho thấy chúng không hiểu tí gì về ta.

Hãy để bọn chúng hiểu lầm người, rồi người sẽ dễ lừa chúng hơn, người có thể nghĩ vậy. Đúng. Nhưng hãy nhớ rằng, ta có lòng tự kiêu của ta, điều đã khiến ta xung đột với Thượng đế ngay từ đầu. Mặc dù ta có thể đội bất cứ lột nào trong sức tưởng tượng, và dù vô số sách vở đã ghi nhận hàng trăm nghìn lần rằng ta đã cám dỗ được những kẻ mộ đạo, nhất là dưới lột một mỹ nhân gợi dục, nhưng những anh em tiểu họa ở đây tối nay có thể giải thích tại sao các người vẫn nhất quyết vẽ ta thành một tạo vật dị dạng, có sừng, đuôi dài và kinh tởm, mặt đầy những mụn cóc lồi ra không?

Như vậy chúng ta đi tới trọng tâm của vấn đề: hội họa tả thực. Một đám du côn đường phố Istanbul bị kích động bởi một tay thuyết giáo mà ta không

muốn nhắc tên để khỏi làm các người bạn tâm sau này, đã lên án những điều sau đây là trái ngược với lời Thượng đế: xướng lệnh cầu kinh như một bài ca, đàn ông tụ tập trong một nhà nguyện khổ tu, ngồi trong lòng người khác, hát xướng bừa phứa theo tiếng nhạc cụ, và uống cà phê. Tôi từng nghe rằng một số họa sĩ trong chúng ta vì e sợ tên thuyết giáo này và đám du côn của hắn nên đã quả quyết rằng ta là kẻ đứng đằng sau nền hội họa theo phong cách Tây vực này. Trong nhiều thế kỷ, vô số lời kết tội đã nhằm vào ta, nhưng chưa có lời nào xa sự thật đến thế.

Nào, hãy khởi sự lại từ đầu. Mọi người đều bị dính líu vào việc ta xúi giục Eva ăn trái cấm mà không nhớ toàn bộ sự vụ này bắt đầu từ đâu. Không, nó không bắt đầu từ sự kiêu ngạo của ta trước Thượng đế. Trước hết, đó là chuyện Ngài giới thiệu con người với chúng ta và muốn chúng ta quy phục hắn, và gặp phải sự tù chối đứng đắn và dứt khoát của ta - dù những thiên thần khác đều tuân phục. Các người có nghĩ điều này là thích hợp không: sau khi tạo ra ta từ lửa, Ngài lại yêu cầu ta cúi đầu trước con người, thứ mà Ngài tạo ra từ mớ bùn thô lậu nhất? Hỡi các huynh đệ, hãy nói sự thật từ lương tâm các người. Được rồi, vậy là, ta biết các người đã nghĩ đến điều đó và sợ rằng những gì nói ra ở đây sẽ không chỉ chúng ta biết với nhau: Ngài sẽ nghe thấy hết và một ngày nào đó Ngài sẽ yêu cầu các người trả lời. Được thôi, đừng thắc mắc tại sao Ngài ban cho các người lương tâm đó ngay từ đầu; ta đồng ý, các người sợ hãi như thế là chính đáng. và ta sẽ quên câu hỏi cùng với cuộc tranh luận bùn-đấu-với-lửa này. Nhưng có một điều ta sẽ không bao giờ quên - chắc chắn là vậy, một điều mà ta luôn tự hào: ta không bao giờ cúi đầu trước con người.

Tuy nhiên, đó chính là điều mà những bậc thầy mới của châu Âu đang làm, và chúng không hài lòng với việc chỉ mô tả và phô bày từng chi tiết nhỏ một như màu mắt, nước da, cặp môi cong, những vết nhăn trên trán, nhăn và sợi lông tai tằm lợm của các quý ông, cha cố, những thương gia giàu có và cả phụ nữ - cả cái khoảng tối đáng yêu giữa ngực họ nữa. Những họa sĩ đó dám để đề tài của chúng giữa trang vẽ, như thể con người đáng được tôn thờ, và trưng bày những bức chân dung kia như những ngẫu tượng mà chúng ta phải phủ phục trước chúng. Con người có quan trọng đến nỗi được phép vẽ

kỹ từng chi tiết, cho đến cả cái bóng không? Nếu như những ngôi nhà trên đường được thể hiện theo nhận thức sai lầm của con người rằng càng ra xa thì trông chúng càng nhỏ dần, thì chẳng phải con người sẽ giành vị trí của Allah tại trung tâm thế giới sao? Ôi, Allah tối thượng và toàn năng biết rõ điều này hơn ta. Nhưng quả là vô lý khi gán cho ta là tác giả ý tưởng về những bức chân dung đó; ta, kẻ đã từ chối quy phục trước con người, chịu đựng nỗi đau sâu kín và cảnh cô lập; ta, kẻ bị mất ân sủng của Thượng đế để trở thành đối tượng của những lời nguyền rủa. Nếu buộc ta chịu trách nhiệm về tất cả những đứa trẻ con thủ dâm và tất cả những ai đánh rắm như một số luật sĩ và nhà thuyết giáo vẫn làm thì xem ra còn có lý hơn.

Ta còn một nhận xét cuối cho chủ đề này, nhưng lời của ta không dành cho loài người, những kẻ không thể nghĩ xa hơn việc hăm hờ khoe khoang những ham muốn xác thịt, lòng thèm khát tiền bạc hay những niềm đam mê ngớ ngẩn khác! Chỉ có Thượng đế với sự khôn ngoan vô cùng, sẽ thông cảm cho ta: chẳng phải chính Ngài là người đã khiến thói kiêu ngạo ăn sâu vào con người bằng cách bắt những thiên thần cúi đầu trước chúng sao? Giờ đây chúng cho rằng những thiên thần của Ngài được tạo ra để nhìn vào chúng; loài người đang tôn thờ chính mình, đặt chính chúng vào trung tâm vũ trụ. Ngay cả những bày tôi tận tụy nhất của Ngài cũng muốn được vẽ chân dung theo phong cách của những họa sư Tây vực. Ta biết rõ điều này như biết tên họ của mình rằng thói tự chiêm ngưỡng này sẽ kết thúc bằng việc hoàn toàn quên mất Ngài. Và ta lại là kẻ phải đưa đầu chịu báng.

Bằng cách nào ta thuyết phục được các người rằng những chuyện đó ta không hề để bụng? Dĩ nhiên, bằng cách đứng vững trên hai chân mình mặc cho hàng thế kỷ bị ném đá, bị nguyền rủa, đày xuống địa ngục và tố cáo. Nếu như những kẻ thù nông cạn và giận dữ của ta, những kẻ không bao giờ chán việc lên án ta, nhớ được rằng chính Đấng toàn năng là người đã cho ta sống đến Ngày Phán xét trong khi định phần cho chúng không quá sáu hay bảy mươi năm. Nếu ta phải khuyên rằng chúng có thể kéo dài cuộc sống bằng cách uống cà phê, thì ta biết khá rõ rằng sẽ có một số kẻ, vì đây là lời Satan nói, sẽ làm điều ngược lại, hoàn toàn không đụng đến cà phê, hay còn tệ hơn, sẽ trồng chuối ngược và cố rót cà phê vào người qua đường hậu môn.

Đừng cười. Không phải nội dung, mà kiểu tư duy mới là điều quan trọng ở đây. Không phải những gì nhà tiểu họa vẽ, mà là phong cách của hắn ta. Tuy nhiên những điều này phải tinh tế.

Ta định kết thúc bằng một câu chuyện tình, nhưng đã khá khuya rồi. Chuyên gia kể chuyện với chiếc lưỡi ngọt ngào, người nói giùm ta tối nay hứa sẽ kể câu chuyện tình này khi ông ta treo bức tranh một phụ nữ vào ngày kia, tối thứ Tư.

1 Al-Araf: Những đỉnh cao.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 48: Tôi, Shekure

Tôi mơ thấy cha mình nói cho nghe những điều không thể hiểu được và nó đáng sợ đến nỗi tôi tỉnh giấc. Shevket và Orhan bám chặt lấy tôi ở hai bên, và hơi ấm của chúng khiến tôi toát mồ hôi.

T

Shevket đặt tay lên bụng tôi. Orhan đang tựa cái đầu dầm mồ hôi lên ngực tôi. Tuy nhiên, tôi vẫn có thể rời giường và ra khỏi phòng mà không làm chúng thức giấc.

Tôi băng qua hành lang rộng và nhẹ nhàng mở cửa phòng Siyah. Trong ánh sáng từ cây nến của tôi, tôi không thấy được anh, chỉ thấy những góc cạnh tấm nệm trắng của anh, giống như một cái xác phủ vải liệm nằm giữa căn phòng tối tăm lạnh lẽo. Ánh nến có vẻ như không rọi được tới tấm nệm.

Khi tôi đưa tay gần hơn, ánh sáng đỏ cam của cây nến rọi vào gương mặt mệt mỏi, lởm chồm râu và đôi vai trần của Siyah. Tôi tiến đến gần anh. Giống như Orhan, anh ngủ cuộn người lại như con bọ nhậy, và anh có vẻ mặt của một trinh nữ đang say ngủ.

"Đây là chồng mình!" tôi tự nhủ. Anh thật xa xôi, như một người lạ, đến nỗi tôi thấy chạnh lòng vì điều đó. Nếu có mang theo một cây dao găm thì chắc tôi đã hạ sát anh - không, tôi thực tình không muốn làm chuyện như vậy; tôi chỉ tự hỏi, như bọn trẻ vẫn làm, nếu tôi giết anh thì chuyện sẽ ra sao. Tôi không tin được anh đã sống từng ấy năm dựa vào những ý nghĩ về tôi, tôi cũng không tin về ngây thơ như trẻ con của anh.

Thúc vào vai anh bằng cạnh bàn chân, tôi đánh thức anh dậy. Khi thấy tôi, anh giật mình hơn là bị mê hoặc và phấn khích, dù chỉ trong khoảnh

khắc như tôi hy vọng. Trước khi anh kịp tỉnh táo, tôi nói:

"Em mơ thấy cha, ông tiết lộ với em điều kinh khủng: Anh là người đã giết ông ấy..."

"Chẳng phải mình đang ở bên nhau khi cha em bị giết sao?"

"Em biết chuyện đó," tôi nói. "Nhưng anh biết lúc đó cha em ở nhà một mình."

"Anh không biết. Chính em là người bảo Hayriye cùng bọn trẻ đi chơi. Chỉ có Hayriye, có thể là Esther nữa, biết chuyện này. Và nếu có bất kỳ ai biết điều này, thì em phải biết rõ hơn anh chứ."

"Có nhiều lúc em cảm thấy có một giọng nói trong em sắp sửa cho em biết tại sao mọi chuyện lại trở nên tồi tệ thế này, bí mật của mọi điều bất hạnh của chúng ta. Em mở miệng để giọng nói đó có thể phát ra, song, như trong mơ, em không nói được tiếng nào. Anh không còn là Siyah hiền lành và ngây thơ trong thời thơ ấu của em nữa."

"Chính em với cha đã xua gã Siyah chất phác đó đi mất."

"Nếu anh cưới em chỉ để trả thù cha, thì anh đã thành công rồi đấy. Có lẽ đó là lý do vì sao bọn trẻ không thích anh."

"Anh biết." Anh nói không chút buồn rầu. Trước khi đi ngủ em với các con có xuống nhà một lúc. Chúng hát rằng "Siyah, Siyah. cái đít lúc lắc," to đến mức anh còn nghe thấy."

"Lẽ ra anh phải đánh chúng," tôi nói, ban đầu cũng hơi hy vọng anh sẽ làm vậy. Rồi tôi hoảng hốt nói thêm, "nếu anh giơ tay đánh chúng, em sẽ giết anh."

"Vào giường đi," anh nói. "Nếu không em chết công đấy."

"Có lẽ em sẽ không bao giờ lên giường của anh. Có lẽ chúng ta đã sai

lầm khi cưới nhau. Người ta nói lễ cưới của mình không có giá trị pháp lý. Anh có biết em vẫn nghe thấy tiếng bước chân của Hasan trước khi chìm vào giấc ngủ không? Điều đó không có gì ngạc nhiên, hồi em còn sống ở nhà của người chồng quá cố, em đã nghe tiếng bước chân của Hasan nhiều năm rồi. Bọn trẻ yêu chú ấy. Và chú ấy thật tàn nhẫn, cái tay đó. Chú ta có một thanh gươm đỏ, hãy cẩn thận đề phòng món đó."

Tôi thấy có gì đó rất mệt mỏi và cứng rắn trong mắt Siyah đến nỗi tôi biết mình không thể dọa được anh.

"Trong hai đứa, anh là người nhiều hy vọng hơn và cũng nhiều sầu muộn hơn," tôi nói. "Em chỉ xoay xở để khỏi đau khổ và bảo vệ được con mình, trong khi anh cứ một mực cố chứng tỏ mình. Đó không phải vì anh yêu em."

Anh bắt đầu kể lể rằng anh yêu tôi đến chừng nào, rằng trong những nhà trọ hoang vắng trên những ngọn núi cần cỗi và suốt những đêm ngập tuyết anh chỉ nghĩ đến tôi. Nếu anh không nói những điều đó ra thì hẳn tôi đã đánh thức lũ trẻ dậy mà trở về nhà chồng cũ rồi. Vì bị thôi thúc, tôi đã nói ra những điều này:

"Đôi khi có vẻ như chồng cũ của em có thể trở về bất kỳ lúc nào. Không phải em sợ bị bắt quả tang đang nằm với anh lúc nửa đêm hay bị lũ trẻ bắt gặp, mà em sợ rằng ngay khi chúng ta ôm nhau, anh ấy sẽ gõ cửa."

Chúng tôi nghe tiếng rên rỉ của lũ mèo cầu xé nhau ngay ngoài cổng sân. Và im lặng kéo dài sau đó. Tôi nghĩ mình có thể khóc. Tôi không đặt được giá nên xuống bàn hay quay trở về phòng mình với lũ trẻ. Tôi tự nhủ sẽ không rời khỏi phòng này chừng nào chưa hoàn toàn tin rằng Siyah không dính líu gì đến cái chết của cha tôi.

"Anh coi thường bọn em," tôi nói với Siyah. "Anh trở nên kiêu ngạo sau khi lấy được em. Anh rõ ràng thương hại bọn em vì chồng em mất tích, rồi bây giờ khi cha em bị giết, anh thấy bọn em còn tội nghiệp hơn."

"Shekure yêu quý của anh," anh thận trọng nói. Tôi hài lòng vì anh bắt đầu bằng cách đó. "Bản thân em biết rằng không điều nào kể trên là sự thật. Anh có thể làm tất cả vì em."

"Vậy thì hãy ra khỏi giường, và đứng đợi với em." Tại sao tôi lại nói rằng mình đang chờ đợi?

"Không được," anh nói, và với vẻ bối rối, anh chỉ vào chăn và áo ngủ của anh.

Anh nói đúng, nhưng dù sao tôi cũng khó chịu vì anh không để ý đến yêu cầu của tôi.

"Trước khi cha em bị hại, anh vào nhà cú đầu như một con mèo làm đồ sữa," tôi nói. "Nhưng giờ đây khi anh gọi em là Shekure yêu quý của anh, nó thật trống rỗng - cứ như anh muốn bọn em biết thế." Tôi đang run lên, không phải vì giận dữ, mà vì cái lạnh cắt da trùm lấy chân, lưng và cổ tôi.

"Vào giường và làm vợ anh đi," anh nói.

"Làm sao phát hiện được thằng khốn giết cha em?" tôi nói. "Nếu phải mất ít lâu hẳn mới bị tóm, thì việc em ở trong nhà này với anh không đúng đắn chút nào."

"Nhờ em với Esther, Sư phụ Osman đã dồn hết tâm trí vào lũ ngựa."

"Thầy Osman là kẻ thù không đội trời chung với cha em, cầu cho cha được yên nghỉ. Giờ đây người cha tội nghiệp của em từ trên cao có thể thấy anh đang trông vào Thầy Osman để tìm kẻ giết ông ấy, ông hẳn phải đau đớn lắm."

Anh đột ngột nhảy ra khỏi giường và đến trước mặt tôi. Tôi thậm chí không cử động nổi. Nhưng ngược với điều tôi tưởng tượng, anh chỉ đập tắt ngọn nến bằng tay và đứng đó. Chúng tôi chìm trong bóng tối như mực.

"Cha em không còn thấy chúng ta nữa," anh thì thầm. "Chỉ có hai ta."

Chờ hãy nói anh nghe, Shekure: khi anh trở về sau mười hai năm vắng mặt, em đã gây cho anh ấn tượng rằng em sẽ có thể yêu anh, em vẫn có thể chừa cho anh một chỗ trong trái tim em. Rồi chúng mình lấy nhau. Từ đó em luôn tránh né việc yêu anh."

"Em buộc phải lấy anh," tôi thì thầm.

Ngay tại đây, trong bóng tối, không chút thương hại, tôi cảm thấy những lời của mình đâm vào da thịt anh như những cây đinh - như thi sĩ Fuzuli đã từng nói. 'Nếu yêu được anh thì em đã yêu khi còn nhỏ rồi,' tôi lại thì thào.

"Vậy thì hãy nói anh nghe, người đẹp của bóng tối ơi," anh nói. "Em hẳn đã theo dõi tất cả những kẻ thường xuyên ghé thăm nhà mình và biết rõ họ. Theo em, ai là kẻ sát nhân?"

Tôi hài lòng khi thấy anh vẫn giữ được tính hài hước. Dù sao đi nữa anh cũng là chồng tôi.

"Em lạnh quá." Tôi có nói như vậy hay không, tôi cũng không nhớ nữa.

Chúng tôi bắt đầu hôn nhau, ôm anh trong bóng tối, vẫn cầm nến trên tay tôi kéo cái lưới mềm mại của anh vào miệng mình, và nước mắt của tôi, tóc tôi, áo ngủ của tôi, cơn run rẩy của tôi và ngay cả thân thể của anh thật kỳ diệu. Sưởi ấm mũi mình bằng đôi má nóng của anh cũng thật tuyệt; nhưng Shekure nhút nhát này kìm mình lại. Khi hôn anh, tôi không buông thả bản thân hay làm rơi cây nến, vì nhớ đến cha tôi, người đang quan sát tôi, và nhớ đến người chồng cũ, và lũ trẻ đang ngủ trên giường.

"Có ai đó trong nhà", tôi la lên. Tôi đẩy Siyah ra và bước ra hành lang.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 49: Tôi Được Gọi Là Siyah

Im lặng và mờ mịt, chìm trong bóng tối của buổi rạng sáng, tôi bỏ đi như một người khách có tội, bước không mệt mỏi trên những con hẻm nhỏ đầy bùn. Ở Bayazid, tôi làm nghi thức thanh tẩy trong sân, bước vào thánh đường và cầu nguyện. Bên trong không có ai ngoại trừ Thầy tế Kính mến và một ông già có thể ngủ trong lúc cầu nguyện - một biệt tài chỉ ít người đạt được sau cả một đời tập luyện. Bạn vẫn biết vì sao lại có những khoảnh khắc trong giấc mơ ngái ngủ và những ký ức buồn bã khi chúng ta cảm thấy Allah đã chú ý tới ta và chúng ta cầu nguyện trong niềm hy vọng của kẻ cố nhét tờ thỉnh nguyện vào tay Quốc vương: Tôi đã cầu xin Allah cho tôi một mái ấm vui vẻ đầy những người thân yêu theo kiểu đó.

I

Khi tôi đến nhà Sư phụ Osman, tôi biết rằng trong vòng một tuần ông ta sẽ dần dần chiếm chỗ của Enishte quá cố trong suy nghĩ của tôi. Ông ta trái ngược và xa cách hơn, nhưng niềm tin của ông vào việc tô điểm bản thảo lại sâu xa hơn. Ông giống như một nhà khổ tu già nua đầy chiêm nghiệm hơn là một họa sư, người đã khơi dậy những cơn bão khiếp hãi, kính sợ và yêu thương trong những nhà tiểu họa suốt bao năm qua.

Khi chúng tôi đi từ nhà ông đến cung điện - ông cưỡi ngựa và hơi khòm lưng, tôi đi bộ và cũng cúi về phía trước như vậy - chúng tôi hẳn phải khiến người ta nhớ đến một nhà khổ tu già cùng một môn đệ hăng hái trong những bức minh họa rẻ tiền đi kèm những chuyện ngụ ngôn xưa.

Tại cung điện, chúng tôi thấy Chỉ huy Ngự lâm quân và người của ông ta còn hăm hở và sẵn sàng hơn cả chúng tôi. Đức vua của chúng tôi tin chắc rằng một khi chúng tôi đã xem các bức vẽ ngựa của ba tay thợ cả sáng nay, chúng tôi có thể trong nháy mắt xác định được ai trong số đó là kẻ giết người

đáng nguyên rủa; và như thế, Ngài hạ lệnh rằng kẻ tội phạm sẽ bị tra tấn ngay lập tức mà không cho hẳn biện hộ trước lời kết tội. Chúng tôi không được đưa đến chỗ vòi nước của đao phủ nơi mọi người có thể thấy và được cảnh báo, mà tới một ngôi nhà tạm bợ trong khu biệt lập an toàn của Cẩm ngự viên, vốn được dành cho việc thẩm vấn, tra tấn và thắt cổ.

Một chàng trai, trông quá tao nhã và lịch lãm để có thể làm Ngự lâm quân, đặt ba tờ giấy lên bàn làm việc với vẻ đầy tự tin.

Sư phụ Osman lấy kính phóng đại ra và tìm tôi bắt đầu đập thành thịch. Giống như con chim ưng lượn thong dong trên một dải đất, mắt ông ta, giữ nguyên khoảng cách với chiếc kính, lướt thật chậm trên ba bức minh họa ngựa cực đẹp đó. Và như con chim ưng thấy bóng con linh dương non sẽ trở thành con mồi cho nó, ông chậm lại nơi mũi các con ngựa, tập trung vào đó một cách chăm chú và bình tĩnh.

"Không có ở đây," ông lạnh lùng nói sau một lúc.

"Cái gì không có ở đây?" tay Chỉ huy hỏi.

Tôi cho rằng sư phụ sẽ làm việc rất cẩn thận, tỉ mỉ xem xét mọi chi tiết của mấy con ngựa từ bờm xuống chân.

"Tên họa sĩ khôn kiếp không để lại bất kỳ dấu vết nào", Sư phụ Osman nói. "Chúng tôi không xác định được kẻ đã vẽ con ngựa màu hạt dẻ từ những bức tranh này."

Cầm chiếc kính lúp ông vừa để xuống, tôi nhìn lỗ mũi của mấy con ngựa: Sư phụ nói đúng; không có gì ở mấy con ngựa này giống với cái mũi kỳ lạ của con ngựa hạt dẻ được vẽ cho bản thảo của Enishte. Ngay khi đó tôi mới chú ý đến những kẻ tra tấn đang đợi ở ngoài với một dụng cụ mà công dụng của nó tôi không suy ra được. Trong khi cố quan sát họ qua cánh cửa mở hé, tôi thấy ai đó đang vội vàng chạy trở lui như bị âm hồn ám, rồi ẩn đằng sau những bụi dâu tằm.

Ngay lúc đó, như một tia sáng thanh thoát soi rọi buổi sáng âm đạm, Đức vua của chúng tôi, nền tảng của thế giới, bước vào phòng.

Sư phụ Osman thú nhận với Ngài rằng ông chưa thể xác định được gì qua những bức tranh này. Tuy nhiên, ông không thể ngăn việc hướng sự chú ý của Đức vua vào những con ngựa trong các bức vẽ lộng lẫy này: cách mà con thứ nhất lồng đứng lên, tư thế thanh tú của con thứ hai, và con thứ ba, một vẻ trang nghiêm và kiêu hãnh xứng với nội dung của những cổ thư. Trong lúc đó, ông suy đoán xem ai đã vẽ bức nào, và cậu thư đồng đã chạy tới nhà từng họa sĩ liền khẳng định những gì Sư phụ Osman nói.

"Tâu Bệ hạ, đừng ngạc nhiên vì chuyện hạ thần biết rõ những họa sĩ của mình như lòng bàn tay," Sư phụ nói. "Điều làm hạ thần lúng túng là làm sao có ai đó trong bọn họ, những người mà thần biết như lòng bàn tay mình, lại có thể tạo ra những dấu ấn hoàn toàn khác lạ đến vậy. Vì ngay cả sai sót của một bậc thầy tiểu họa cũng có lai lịch của nó."

"Ý ngươi muốn nói gì?" Đức vua hỏi.

"Tâu Hoàng thượng, Đức Ngài Thịnh vượng và Chón nương náu của Thế giới, theo ngu ý của hạ thần chữ ký ẩn giấu này, rõ ràng ở cái mũi của con ngựa màu hạt dẻ đây, không chỉ là một sai sót vô nghĩa và ngớ ngẩn của một họa sĩ, mà là một dấu hiệu mà nguồn gốc của nó xuất phát từ quá khứ xa xưa, từ những bức tranh khác, những kỹ thuật khác, phong cách khác, hay có lẽ cả những con ngựa khác. Nếu chúng thần được phép xem qua những trang tuyệt vời của những cổ thư hàng trăm năm tuổi mà Bệ hạ cất giữ kỹ lưỡng trong những hầm chứa, rương sắt và trong tủ của Quốc khố nội cung, chúng thần có thể xác định kỹ thuật mà lúc này chúng thần coi là sai sót; chừng đó chúng thần có thể đoán được nét cọ đó là của ai trong số ba họa sĩ này."

"Ngươi muốn vào Quốc khố của ta ư?" Đức vua hỏi với vẻ ngạc nhiên.

"Đó là ước muốn của hạ thần". Sư phụ nói.

Đó là một yêu cầu cũng phạm thượng như ý muốn vào hậu cung. Lúc đó

tôi mới hiểu rằng nếu như hậu cung và Quốc khố chiếm hai vị trí đẹp nhất trong khuôn viên Cẩm ngự viên thuộc Cung điện của Đức vua, thì chúng cũng chiếm hai vị trí yêu quý nhất trong tim Đức vua của chúng tôi.

Tôi cố gắng nhận biết những gì sẽ xảy ra qua nét mặt phương phi của Đức vua, gương mặt mà tôi giờ đây dám nhìn thẳng lên mà không sợ hãi, nhưng Ngài đột nhiên biến mất. Ngài đã nổi giận hay cảm thấy bị phạm thượng? Liệu chúng tôi, hay tất cả những nhà tiểu hoạn có bị trừng phạt vì sự khinh suất của Sư phụ không?

Nhìn vào ba con ngựa trước mặt mình, tôi tưởng tượng mình sẽ bị giết trước khi được gặp Shekure lần nữa mà chưa từng chung giường với nàng. Dù cho những nét tuyệt đẹp của mấy con ngựa tuyệt vời này nằm ngay bên cạnh, nhưng giờ đây chúng trông như xuất hiện từ một cõi xa xôi.

Tôi nhận thức rất rõ trong khoảng im lặng khủng khiếp đó rằng nếu việc bị đưa vào nội cung từ lúc còn nhỏ xíu, được nuôi lớn lên ở đây và sống ở nơi này có nghĩa là phải phục vụ Đức vua của chúng tôi và có khi phải chết vì Ngài, thì làm hoạn sĩ nghĩa là phụng sự Thượng đế và chết vì vẻ đẹp của Người.

Hồi lâu sau đó, khi Trưởng Ngân khố đưa chúng tôi đến Cổng Bab-us-Selam, cái chết xâm chiếm đầu óc tôi, sự im lặng chết chóc. Nhưng khi tôi băng ngang qua cổng nơi vô số vương hầu đã bị xử tử, những người lính làm như họ không hề thấy chúng tôi. Divan Meydani 1, ngày hôm qua còn làm tôi lóa mắt cứ như nó chính là Thiên đàng, với ngọn tháp và những con công, không còn tác động chút nào đến tôi, vì tôi biết rằng mình đang được đưa vào sâu bên trong, vào trung tâm của thế giới bí mật của Đức vua, đến Cẩm thành Enderun.

Chúng tôi đi qua những cánh cửa mà đến những Thượng thư cũng không được qua. Như đứa trẻ lạc vào chuyện thần tiên, tôi dán mắt vào nền nhà để tránh phải đối mặt với những kỳ quan và tạo vật có thể hiện ra trước mặt mình. Tôi thậm chí không dám nhìn căn phòng nơi Đức vua tiếp kiến mọi người. Nhưng tia mắt của tôi tình cờ lướt qua những bức tường hậu cung gần

một cây tiêu huyền bình thường, không có gì khác những cái cây khác, và lướt qua người đàn ông cao to mặc áo thụng lụa xanh lấp lánh.

Chúng tôi đi qua những hàng cột cao chót vót. Cuối cùng, chúng tôi dừng trước một khung cổng, to lớn và oai nghiêm hơn mọi cổng khác, được viền khung theo kiểu thạch nhũ lộng lẫy. Ngay ngưỡng cửa là các quan chức Ngân khố vận áo thụng láng bóng; một trong số họ đang cúi người mở khóa.

Nhìn thẳng vào mắt chúng tôi, Trưởng Ngân khố nói: "Các người thực sự rất may mắn, Quốc vương Vĩ đại đã cho phép các người được vào kho báu Enderun. Ở đây, các người sẽ được xem qua những pho sách chưa ai được xem; các người sẽ ngắm nhìn những bức tranh và những trang sách tuyệt vời bằng vàng, và như những thợ săn, các người sẽ theo dấu con mồi của mình, tên sát nhân. Đức vua bảo ta nhắc các người rằng Su phụ Osman có ba ngày - một ngày trong số đó sắp qua rồi - cho đến trưa thứ Năm, để chỉ đích danh kẻ phạm tội trong số những nhà tiểu họa; nếu thất bại; vụ việc sẽ được chuyển đến cho Chỉ huy Ngự lâm quân để giải quyết bằng tra tấn. Đầu tiên họ gỡ miếng vải bọc quanh chiếc khóa, được niêm phong để chắc rằng không ai mở khóa mà không được phép.

Quan giữ cửa Ngân khố và hai quan chức khác xác nhận dấu niêm phong vẫn còn nguyên vẹn ra hiệu bằng cách gật đầu. Dấu niêm phong được gỡ ra, và khi nhét chìa khóa vào, ổ khóa bật mở với một tiếng lách cách lan ra trong im lặng bao trùm. Su phụ Osman đột nhiên tái nhợt. Khi một cánh cửa gỗ chạm khắc nặng nề được mở ra, gương mặt ông phản chiếu ánh huy hoàng tăm tối như một dấu vết của những ngày xa xưa.

"Hoàng thượng Vĩ đại không muốn những quan ghi chép và thư ký kiểm kê vào đây một cách không cần thiết," Trưởng Ngân khố nói. "Quan thủ thư đã qua đời và không ai thay thế ông chăm sóc các cỗ thư. Vì vậy, Đức vua hạ lệnh chỉ một mình Jezmi Agha sẽ đi cùng các ông vào trong."

Jezmi Agha là một ông già lùn với đôi mắt sáng long lanh, xem ra đã bảy mươi tuổi là ít nhất. Chiếc khăn trùm đầu của ông, giống như cánh bướm, trông còn kỳ lạ hơn ông.

"Jezmi Agha biết rõ bên trong Quốc khố như nhà mình; ông biết vị trí những cuốn sách và mọi thứ khác rõ hơn bất kỳ ai."

Ông già lùn không biểu lộ chút tự hào nào về điều đó. Ông ta đang liếc qua thùng than sưởi có chân bằng bạc, cái xô có tay cầm khảm xà cừ, cái đèn dầu và những cây nến mà bọn thư đồng trong cung điện đang cầm.

Trưởng Ngân khố thông báo rằng sau khi chúng tôi vào, cửa sẽ được khóa lại và niêm phong bằng dấu triện bảy mươi năm tuổi của Quốc vương Yavuz Selim. Sau buổi cầu kinh chiều, lúc hoàng hôn, dấu niêm phong sẽ được mở lần nữa, trước sự chứng kiến của những quan Ngân khố. Hơn nữa, chúng tôi phải đặc biệt coi chừng không được để bất cứ thứ gì "vô tình" tìm đường chui vào quần áo, túi hay khăn thắt lưng của mình: chúng tôi sẽ bị khám xét đến tận đờ lót ngay khi bước ra.

Chúng tôi tiến vào, đi qua hai quan chức hai bên. Bên trong lạnh buốt. Khi cánh cửa đóng lại sau lưng, chúng tôi bị bóng tối vây phủ. Tôi ngửi thấy mùi pha trộn của ẩm ướt, bụi bặm và nấm mốc xộc thẳng vào khí quản mình. Khắp nơi lung tung đồ đạc, rương hòm và mũ trụ lẫn lộn trong một đồng hồ độ không lồ. Tôi có cảm giác mình là nhân chứng cho một trận đánh lớn.

Mắt tôi thích nghi với ánh sáng lạ kỳ tỏa xuống toàn bộ chỗ này, xuyên qua những chấn song lớn của những cửa sổ cao, xuyên qua hàng trụ lan can của cầu thang dọc những vách tường cao và thanh tay vịn dọc lối đi lát gỗ trên tầng hai. Căn phòng màu đỏ nhuộm màu của vải nhung, thảm nền và thảm kilim treo tường. Với lòng kính trọng đúng mức, tôi ngẫm nghĩ xem việc tích góp tất cả của cải này là kết quả của bao cuộc chiến đã tiến hành, bao máu đã đổ, bao kho báu và thành phố đã bị cướp phá.

"Sợ hả?" ông già lùn hỏi, diễn tả cảm giác của tôi bằng lời. "Ai cũng kinh hoàng khi lần đầu đến đây. Đến đêm linh hồn của những vật này thì thâm với nhau."

Cái đáng sợ ở đây là sự tĩnh mịch bao trùm khối lượng khổng lồ những vật quý hiếm. Phía sau, chúng tôi nghe tiếng lách cách khi người ta gấn niêm

phong vào ổ khóa cửa, và chúng tôi bất động, nhìn xung quanh với niềm kính sợ.

Tôi thấy những thanh gương, ngà voi, áo thụng, giá nến bằng bạc và cờ xí bằng satanh. Tôi thấy những chiếc hộp khám xà cừ rương hòm bằng sắt, lọ sứ Trung Hoa, thắt lưng, đàn luyt cổ dài, áo giáp, đệm nhung, những khối cầu mô hình, giày, lông thú, sừng tê giác, trứng đà điều được trang trí, súng trường, cung tên, quyền trượng và tử trung bày. Có hàng đồng thảm, vải vóc và satanh ở khắp nơi, có vẻ như chỉ chực đổ ụp xuống tôi từ những tầng lót ván bên trên, từ hàng lan can, từ những phòng xép và ngăn chứa xây chìm vào tường. Một luồng sáng lạ, tôi chưa từng thấy gì tương tự như vậy bao giờ, ánh lên từ vải vóc, những chiếc hộp, hoàng bào, gương, những cây nến khổng lồ màu hồng, khăn xếp, gói thêu ngọc trai, những chiếc yên ngựa mạ vàng, gương cong có chuôi nạm kim cương, quyền trượng với tay cầm nạm hồng ngọc, khăn xếp chần bông, lông chim gắn trên khăn xếp, những chiếc đồng hồ lạ lùng, bình đựng nước và dao găm, tượng voi và ngựa bằng ngà, ống điếu nạm kim cương hai đầu, tử ngăn kéo khám xà cừ, lông chim bạch hạc cho ngựa, những chuỗi tràng hạt lớn, mũ trụ trang trí bằng hồng ngọc và lam ngọc. Ánh sáng đó từ những cửa sổ trên cao nhọn nhọt tỏa xuống chiếu sáng những hạt bụi lơ lửng trong căn phòng lờ mờ tối giống như ánh nắng hè rơi vào từ trên lỗ trổ bằng kính ở đỉnh vòm của thánh đường - nhưng đây không phải ánh nắng. Trong ánh sáng lạ kỳ này, không khí tưởng như chạm vào được và mọi vật như làm bằng cùng một chất liệu. Sau khi chúng tôi hồi hộp trải nghiệm sự im lặng của căn phòng thêm một lúc nữa, tôi nhận thấy chính ánh sáng cũng như màn bụi bao phủ mọi thứ đã làm mờ đi màu đỏ ngự trị trong căn phòng lạnh lẽo này, hòa trộn mọi vật thành một khối đồng nhất bí ẩn. Và khi mắt lướt qua những đồ vật kỳ lạ và mơ hồ đó, không phân biệt được món này với món khác cho dù nhìn lại hai ba lần, cái khối thừa mứa đồ đạc khổng lồ này càng trở nên đáng sợ. Món mà tôi cứ tưởng là chiếc rương thì sau đó lại xác định là một cái bàn làm việc gấp lại được, sau đó nữa lại là một dụng cụ lạ lùng nào đó của người Tây vực. Tôi thấy chiếc rương khám xà cừ nằm giữa đồng khăn áo và lông vũ bị lôi ra khỏi hộp và quăng vội vã khắp nơi thật ra lại là một cái tử trung bày lạ mắt do Sa hoàng bên Nga gửi tặng.

Jezmi Agha đặt thùng than sưởi vào một hộc chìm trong tường.

"Những cuốn sách đặt ở đâu?" Sư phụ Osman thì thầm.

"Sách nào?" ông lùn nói. "Những cuốn từ Ả Rập, những quyển kinh Koran viết kiểu chữ Kufic, những quyển mà Quốc vương Yavuz Selim Vĩ đại, Người của Thiên đàng đã mang về từ Tabriz, sách của các vương hầu bị tịch thu của cải khi họ lãnh án tử hình, những bộ sách do sứ thần Venice mang đến tặng ông nội Quốc vương Vĩ đại, hay những quyển sách Thiên chúa giáo từ triều đại của Quốc vương Fatih Mehmet?"

"Những cuốn sách mà vua Tahmasp gửi cho Quốc vương Yavuz Selim Vĩ đại, Người của Thiên đàng, làm quà tặng hai mươi lăm năm về trước." Sư phụ Osman nói.

Ông lùn đưa chúng tôi đến một chiếc tủ gỗ lớn. Sư phụ Osman bèn chôn khi ông mở những cánh cửa và nhìn thấy những pho sách trước mặt. Ông mở một quyển, đọc xuất xứ và lật nhanh các trang. Bên nhau, chúng tôi kinh ngạc nhìn chằm chằm những hình minh họa kỹ càng các vị đại hãn với cặp mắt hơi xếch.

"Thành Cát Tư Hãn, Sát Hợp Đài, Đà Lôì và Hốt Tất Liệt, Người Thống trị Trung Hoa," Sư phụ Osman đọc trước khi đóng quyển sách lại và cầm cuốn khác lên.

Chúng tôi đi ngang qua một bức tranh cực đẹp miêu tả cảnh Ferhad, được tiếp sức mạnh từ tình yêu, mang Shirin yêu dấu của anh và con ngựa của nàng trên vai. Để diễn tả nỗi khó khăn gian khổ mà cặp tình nhân phải trải qua, những tảng đá trên nửa bầu trời và ba cây bách hùng vĩ làm nhân chứng cho hành động vì tình yêu của Ferhad, được vẽ với bàn tay run rẩy vì con đau cùng cực đến nỗi Sư phụ Osman và tôi ngay lập tức xúc động trước mùi vị nước mắt và nỗi sầu trong những chiếc lá rơi. Khoảnh khắc đầy xúc cảm này được miêu tả - như ý định của những bậc thầy vẽ nó - không phải để khắc họa sức mạnh cơ bắp của Ferhad, mà thiên về miêu tả việc cả thế

giới đã lập tức cảm nhận nỗi đau trong tình yêu của chàng như thế nào.

"Một tác phẩm bất chước Bihzad được làm ở Tabriz tám mươi năm trước," Sư phụ Osman nói trong khi đặt quyển sách đó xuống và mở một pho khác ra.

Đây là một bức tranh miêu tả tình bạn miễn cưỡng giữa mèo và chuột trong Kalila wa Dimna 2. Ngoài cánh đồng, một con chuột tội nghiệp, bị kẹt giữa con chồn dưới mặt đất và con diều hâu trên trời, tìm sự giúp đỡ từ một con mèo không may bị sập bẫy thợ săn. Chúng thỏa thuận với nhau: Con mèo sẽ giả làm bạn con chuột và liếm nó, khiến con chồn và diều hâu sợ bỏ đi. Đổi lại, con chuột thận trọng giải thoát con mèo khỏi cái bẫy. Thậm chí trước khi tôi kịp cảm nhận sự nhạy cảm của họa sĩ, Sư phụ đã nhét cuốn sách lại bên cạnh những quyển kia và ngẫu nhiên mở một quyển khác.

Đây là một bức tranh đẹp vẽ một phụ nữ bí ẩn và một người đàn ông: Người phụ nữ xòe một bàn tay ra một cách thanh tú trong khi đặt một câu hỏi, tay kia đặt vào đầu gối dưới chiếc áo choàng xanh, người đàn ông thì quay về phía cô mà lắng nghe chăm chú. Tôi háo hức nhìn vào bức tranh, ghen tị với sự thân ái, tình yêu và tình bạn giữa họ.

Đặt quyển sách đó xuống, Sư phụ Osman mở một cuốn sách khác. Ky binh của quân đội Ba Tư và Turania, những kẻ thù truyền kiếp, với đầy đủ áo giáp, mũ trụ, giáp che chân, cung, ống tên và tên, ngồi trên những con ngựa lông lẩy, huyền thoại, được vũ trang đầy đủ. Trước khi lại lao vào một trận quyết tử, họ được dàn trận ngay hàng thẳng lớn đối mặt nhau trên một đồng cỏ đất vàng mũi giáo chĩa lên trời, được tô điểm bằng nhiều màu sắc, đang kiên nhẫn quan sát chỉ huy của họ, người đã tiến lên phía trước và bắt đầu chiến đấu. Tôi sắp tự nhủ rằng cho dù bức họa này được vẽ trong thời đại này hay cả trăm năm trước, dù nó là bức mô tả chiến tranh hay tình yêu, cái mà người họa sĩ đã thực sự vẽ và truyền đạt với niềm tin tuyệt đối là một trận chiến với ý chí và tình yêu của anh ta đối với hội họa; tôi định nói thêm rằng nhà tiểu họa này thực sự đã vẽ sự kiên nhẫn của mình, thì Sư phụ Osman nói:

"Ở đây cũng không có," và đóng pho sách nặng nề đó lại.

Trên các trang của một quyển sưu tập tranh, chúng tôi thấy những dãy núi quyện lấy những đám mây vờn vờ trong một bức tranh phong cảnh dường như kéo dài vô tận. Tôi ngẫm nghĩ về chuyện hội họa được cho là nhằm quan sát thế giới này nhưng lại miêu tả nó như thể đó là Thế giới khác. Su phụ Osman thuật lại làm sao mà bức tranh Trung Hoa này có thể phiêu lưu từ Bukhara đến Herat, từ Herat đến Tabriz và cuối cùng từ Tabriz đến cung điện của Quốc vương, đi từ cuốn sách này đến cuốn khác trên đường phiêu lưu, được khâu lại rồi tháo ra, cuối cùng được khâu lại chung với những bức vẽ khác vào cuối cuộc hành trình từ Trung Hoa đến Istanbul.

Chúng tôi thấy những bức vẽ về chiến tranh và cái chết, mỗi bức sau lại càng đáng sợ và được thực hiện tinh xảo hơn bức trước: Rustem cùng vua Mazenderan; Rustem tấn công quân đội của Afrasiyab, và Rustem, cải trang trong giáp trụ, một chiến binh anh hùng bí ẩn và vô danh... Trong một quyển sưu tập khác chúng tôi thấy những xác chết bị chặt lia tay chân, những con dao găm nhuộm đầy máu, những người lính u sầu mắt lóa tia chết chóc và những chiến binh chém giết nhau đổ xuống như sậy, giao chiến không khoan nhượng, như những đội quân truyền thuyết mà chúng tôi không thể gọi tên. Su phụ Osman - không biết là lần thứ mấy ngàn - ngắm bức vẽ Husrev nhìn trộm Shirin đang tắm trong hồ dưới ánh trăng, bức vẽ đôi tình nhân Leyla và Mejnun ngắt xiêu đi khi họ nhìn nhau sau một khoảng thời gian chia cách đàng đẵng, và một bức tranh rất có hồn tràn ngập chim muông, cây cỏ và hoa lá vẽ Salaman và Absal khi họ chạy trốn cả thế giới này và cùng chung sống trên một hòn đảo tràn ngập hạnh phúc. Như một bậc thầy vĩ đại thực thụ, ông không thể không hướng sự chú ý của tôi đến vẻ lạ kỳ ở góc một bức tranh thậm chí tôi tệ nhất, có lẽ liên quan đến sự sai sót về phía nhà trang trí, hay có lẽ là sự hòa quyện của các màu sắc: Như trong truyện, Husrev và Shirin đang lắng nghe một màn ngâm thơ mê hoặc của những thị nữ của nàng, nhưng hãy nhìn xem, tên họa sĩ buồn rầu và đầy thù hận nào đã đặt một con cú mang điềm gở kia lên nhánh cây một cách không cần thiết như thế; ai đã vẽ thêm cậu bé đáng yêu mặc áo váy phụ nữ kia vào giữa những người đàn bà Ai Cập tự cắt nhằm tay do vừa gọt vỏ những quả cam tươi ngon vừa lo

liếc mắt nhìn về tuần tú của Yusuf? Liệu người họa sĩ đã vẽ cảnh Isfendiyar mù lòa vì mũi tên có tiên đoán được rằng sau đó chính hắn cũng sẽ bị đâm mù mắt không?

Chúng tôi thấy những thiên thần cùng Đấng Tiên tri cao cả trong cuộc thăng thiên; một lão già da đen, sáu tay, râu trắng dài tượng trưng cho thần Zuhal 3; và Rustem lúc sơ sinh đang ngủ yên lành trong chiếc nôi khảm xà cừ dưới sự trông chừng của người mẹ và các cô giữ trẻ. Chúng tôi thấy Darius chết đau khổ trong tay Alexander, rồi cảnh Behram Gur rút vào căn phòng đỏ với công chúa Nga của hắn, Siyavush chạy xuyên qua lửa trên lưng con ngựa ô mà cái mũi không có gì đặc biệt, và tang lễ thương đau của Husrev, kẻ bị chính con trai mình hạ sát. Trong khi Su phụ Osman nhanh nhẹn lấy những quyển sách ra và đặt chúng qua một bên, nhiều lúc ông có thể nhận ra người họa sĩ và cho tôi thấy, hoặc moi ra chữ ký của người minh họa khiêm nhường giấu trong những bông hoa mọc lên từ một góc khuất của căn nhà đỏ, hay giấu dưới giếng tối cùng với một âm hồn.

Bằng cách so sánh chữ ký và xuất xứ, ông có thể xác định ai đã mô phỏng cái gì từ người nào. Ông lật qua một số cuốn rất cẩn thận với hy vọng tìm thấy một loạt tranh vẽ. Có những khoảng im lặng kéo dài mà không nghe âm thanh gì ngoài tiếng lật loẹt xoẹt mơ hồ những trang giấy. Đôi khi, Su phụ Osman la lên "A!" nhưng tôi im lặng, không thể hiểu cái gì đã khiến ông hào hứng vậy. Đôi khi ông nhắc tôi rằng chúng tôi đã từng gặp cách sắp xếp trang hay bố cục các cội cây và những người lính cưỡi ngựa này trong bức minh họa nào đó ở những cuốn sách khác, trong những cảnh khác của những câu chuyện hoàn toàn khác, và ông chỉ lại những bức kia để giúp tôi nhớ ra. Ông so sánh một bức tranh trong một bản sách Khamse của Nizami từ thời vua Riza con trai của Tamerlane - khoảng hai trăm năm về trước - với một bức khác mà ông bảo rằng được vẽ ở Tabriz trước đây khoảng bảy mươi hay tám mươi năm, tiếp đó ông hỏi tôi học được gì từ việc hai nhà tiểu họa cùng vẽ một bức tranh như nhau mà không hề nhìn thấy tác phẩm của nhau. Ông tự trả lời câu hỏi của mình:

"Vẽ là nhớ lại."

Hết đóng rồi lại mở những bản thảo có trang trí, Su phụ Osman cúi gương mặt đầy u sầu vào tác phẩm nghệ thuật lạ lùng (vì không ai có thể vẽ như vậy nữa) rồi sau đó hào hứng trong niềm vui trước những bức bị xử lý kém cỏi (vì mọi nhà tiểu họa đều là huynh đệ!) - và ông cho tôi thấy những gì mà họa sĩ đã ghi nhớ, nghĩa là, những bức tranh xưa vẽ cây cối, thiên thần, dù lọng, hổ báo, lều bạt, những con rồng và những hoàng tử u sầu, và trong quá trình đó, điều mà ông ám chỉ là: Đã từng có lúc Allah nhìn thế giới với vẻ độc đáo của nó, tin vào vẻ đẹp của những gì Ngài nhìn thấy, và trao công trình tạo tác của Ngài cho chúng ta, những tôi tớ của Ngài. Nhiệm vụ của những nhà minh họa và những người yêu nghệ thuật, khi nhìn vào thế giới là ghi nhớ sự lộng lẫy mà Allah đã nhìn ngắm và để lại cho chúng ta. Những bậc thầy vĩ đại nhất của mỗi thế hệ họa sĩ, dùng cả cuộc đời và làm việc cật lực đến mù lòa, phấn đấu với nỗ lực lớn lao và nguồn cảm hứng mạnh mẽ hầu đạt tới và ghi lại giấc mơ tuyệt vời mà Allah muốn chúng ta nhìn thấy. Công việc của họ giống như loài người đang gọi lại ký ức vàng son của họ từ thuở ban sơ.

Đáng tiếc thay, ngay cả những bậc thầy vĩ đại nhất, giống như những ông già mệt mỏi hay nhà tiểu họa mù lòa vì lao động, chỉ mơ hồ góp nhặt được những phần ngẫu nhiên của tầm nhìn tuyệt vời đó. Đó chính là sự khôn ngoan bí ẩn đằng sau hiện tượng những bậc thầy già tài tình vẽ nên một thân cây, một chú chim, tư thế của một vị hoàng tử đang tắm trong nhà tắm công cộng hay người phụ nữ buồn bã tựa cửa sổ giống hệt nhau cho dù họ không hề thấy tác phẩm của nhau và cho dù họ sống cách nhau hàng trăm năm.

Khá lâu sau, khi ánh sáng đỏ quạch trong Quốc khố trở nên mờ nhạt và chúng tôi thấy rõ rằng cái tủ này không có những quyển sách mà vua Tahmasp đã gửi tặng ông nội của Đức vua, Su phụ Osman trở lại với luận lý cũ:

"Đôi lúc, một cánh chim, cách vẽ những chiếc lá vào cành cây, những đường cong của mái hiên, cách những cụm mây bay ngang hay nụ cười của người phụ nữ được duy trì qua nhiều thế kỷ bằng cách truyền từ thầy dạy xuống đồ đệ và được trưng bày, giảng dạy và ghi nhớ qua nhiều thế hệ. Sau

khi học được chi tiết này từ thầy dạy, nhà tiểu họa tin rằng đó là hình dáng hoàn hảo, và tin chắc rằng điều đó là bất di bất dịch như anh ta tin vào Kinh Koran Vinh quang, và cũng như thuộc kinh Koran, anh ta sẽ không thể quên cái chi tiết đã in sâu vào ký ức mình. Tuy nhiên, không bao giờ quên không có nghĩa là họa sĩ bậc thầy này sẽ luôn luôn sử dụng chi tiết đó. Đôi khi những phong tục của xưởng vẽ nơi anh ta đánh mất ánh sáng của đôi mắt, những thói quen và sở thích chọn màu của bậc thầy khó tính bên cạnh anh ta, hay ý thích thất thường của quốc vương sẽ ngăn anh ta vẽ lại chi tiết đó, và anh ta sẽ vẽ một cánh chim, hay cái cách một phụ nữ cười..."

"Hay cái mũi của một con ngựa."

"...hay cái mũi của một con ngựa", Sư phụ Osman mặt lạnh lùng nói, không theo cách đã ăn sâu vào tâm hồn anh ta, mà dựa theo phong tục của xưởng vẽ nơi anh ta đang làm việc, giống như những họa sĩ khác ở đó. Người có hiểu ý ta không?"

Từ một trang trong quyển Husrev o Shirin của Nizami, chúng tôi đã lật qua rất nhiều phiên bản của tác phẩm này, trong một bức tranh miêu tả Shirin ngồi trên ngai vàng, Sư phụ Osman đọc lớn những chữ được khắc ở hai phiến đá bên trên bức tường Cung điện: ALLAH TÔI CAO DUY TRÌ SỨC MẠNH CỦA ĐỨA CON BÁCH THẮNG TAMERLANE ĐẠI ĐẾ, QUỐC VƯƠNG CAO QUÝ CỦA CHÚNG TA, ĐẠI HÃN CÔNG CHÍNH, BẢO VỆ NGAI VÀNG VÀ LÃNH THỔ CỦA NGÀI ĐỂ NGÀI CÔ THỂ MÃI MÃI MÃN NGUYỆN (phiến đá bên trái khắc) VÀ GIÀU CÔ (phiến bên phải khắc).

Sau đó, tôi hỏi, "Chúng ta có thể tìm đâu ra bức họa mà trong đó nhà tiểu họa vẽ mũi một con ngựa giống như thứ đã khắc sâu vào trí nhớ của hần?"

"Ta phải tìm ra pho Shahnameh huyền thoại mà vua Tahmasp đã gửi làm quà tặng," Sư phụ Osman nói. "Chúng ta phải quay lại những ngày xưa chói lọi đó của truyền thuyết, khi Allah còn tác động tới việc vẽ những bức tiểu họa. Chúng ta còn rất nhiều sách chưa xem qua."

Tôi chợt nghĩ rằng có thể, chỉ là có thể thôi, mục đích chính của Sư phụ Osman không phải là tìm những con ngựa với những chiếc mũi được vẽ kỳ lạ, mà là xem xét tỉ mỉ càng nhiều càng tốt những bức tranh kỳ diệu đã ngủ yên nhiều năm trong Quốc khố này, hoàn toàn thoát khỏi những cặp mắt soi mói. Tôi sốt ruột muốn tìm ra manh mối có thể hợp nhất tôi với Shekure đang đợi tôi ở nhà đến nỗi tôi không muốn tin rằng vị Sư phụ này có khi lại muốn ở lại Quốc khố lạnh lẽo này càng lâu càng tốt.

Dù vậy chúng tôi vẫn kiên nhẫn mở những tủ, những rương khác do ông già lùn chỉ dẫn, để xem xét những bức tranh trong đó. Thỉnh thoảng tôi lại phát mệt với những bức tranh, tất cả nhìn hao hao nhau, và ước gì không bao giờ thấy bức Husrev thăm Shirin dưới cửa sổ lâu đài; tôi rời khỏi chỗ đứng bên cạnh Sư phụ mà không buồn nhìn đến mũi của con ngựa Husrev đang cúi - và cố gắng làm ấm người bên thùng than sưởi, hoặc bước đi trịnh trọng và kiêng dè giữa những đồng vải vóc, vàng bạc, vũ khí, giáp trụ và hàng chiến lợi phẩm trong những phòng kế bên của Quốc khố. Đôi khi giật mình vì một tiếng kêu bất ngờ và cái khoát tay của Sư phụ Osman, tôi tưởng tượng rằng thầy vừa tìm thấy một tuyệt tác mới, hoặc, phải đấy, một con ngựa với cái mũi kỳ lạ, thế là tôi chạy đến bên ông, nhìn vào bức tranh ông đang cầm bằng đôi tay hơi run trong khi ngồi lom khom trên một tấm thảm Ushak có từ thời Quốc vương Fatih Mehmet, để rồi chỉ thấy được một bức minh họa, thuộc loại tôi chưa từng thấy trước đây miêu tả cảnh Satan lên lên thuyền của Nuh 4 chẳng hạn.

Chúng tôi nhìn hàng trăm vị vua, hoàng đế, quốc vương và đại hãn - những người trị vì ngai vàng của nhiều vương quốc và đế chế khác nhau từ thời của Tamerlane đến Quốc vương Kanuni Suleyman - hạnh phúc và hào hứng săn linh dương, sư tử và hổ. Chúng tôi còn thấy cả Quý sứ cắn ngón tay mình và bối rối thoái lui trước một người đàn ông vô sỉ đứng trên những thanh gỗ buộc vào chân sau con lạc đà để hắn có thể hãm hiếp con vật tội nghiệp. Trong một quyển sách Ả Rập đến từ Baghdad, chúng tôi xem cảnh một nhà buôn bám chặt vào đôi chân của con chim thần thoại khi nó bay ngang qua biển. Trong một quyển khác đã tự mở trang đầu, chúng tôi thấy bức tranh mà Shekure và tôi thích nhất, trong đó Shirin ngắm bức tranh vẽ

Husrev treo trên cành cây và đem lòng yêu anh. Sau đó, nhìn vào một bức tranh miêu tả sinh động cách vận hành bên trong của một chiếc đồng hồ phức tạp gồm những dây cốt và những trái cầu kim loại, những chú chim và tượng nhỏ Ả Rập ngồi trên lưng một con voi, chúng tôi nhớ đến thời gian.

Tôi không nhớ chúng tôi đã bỏ thêm bao nhiêu thời gian để xem xét hết quyển sách này đến quyển khác và hết bức họa này đến bức khác theo cách đó. Cứ như là thời đại hoàng kim đông cứng, bất biến toát ra từ những bức tranh và câu chuyện chúng tôi thấy đã hòa vào thời gian ảm thấp và meo mồm mà chúng tôi trải qua trong Quốc khố. Có vẻ như những trang minh họa này, được vẽ ra từ hàng thế kỷ trước bằng sự phung phí thị lực trong những xưởng vẽ của vô số vua chúa, đại hãn và quốc vương, rồi sẽ sống lại. Cũng như những đồ vật có vẻ như đang vây kín chúng tôi: những mũ trụ, mã tấu, dao găm với cán nạm kim cương, áo giáp, những chiếc tách sứ Trung Hoa, những chiếc đàn luyt mỏng manh và đầy bụi, những chiếc gối và thảm treo tường thêu trang trí ngọc trai - những món tương tự như những gì chúng tôi thấy trong vô số tranh minh họa.

"Giờ ta hiểu rằng, bằng cách lặng lẽ và từ từ tái tạo những bức tranh giống nhau qua hàng trăm năm, hàng ngàn họa sĩ đã khéo léo thể hiện sự chuyển hóa dần dần thế giới của họ thành một thế giới khác." Trước hết tôi phải thừa nhận tôi không hoàn toàn hiểu dụng ý của Sư phụ Osman. Nhưng sự tập trung cao độ của thầy vào hàng ngàn bức tranh được vẽ trong vòng hai trăm năm trước từ Bukhara đến Herat, từ Tabriz đến Baghdad và từ khắp nơi đến Istanbul đã đi quá xa cuộc tìm kiếm manh mối qua lỗ mũi của một con ngựa nào đó. Chúng tôi như đang tham gia vào một khúc bi ca cho cảm hứng, tài năng và lòng kiên nhẫn của tất cả những bậc thầy đã vẽ và trang trí tại những miền đất ấy qua bao năm tháng.

Vì lý do đó, khi những cánh cửa Quốc khố mở ra vào buổi cầu kinh chiều và Sư phụ Osman giải thích với tôi rằng ông không hề muốn rời khỏi nơi đây, hơn nữa, chỉ bằng cách lưu lại đây đến sáng mà xem xét những bức tranh dưới ánh đèn dầu và ánh nến thì ông mới thi hành đúng mệnh lệnh của Đức vua, thì phản ứng đầu tiên của tôi, như tôi nói với ông, là tôi sẽ ở lại đây

cùng ông và ông già lùn.

Tuy nhiên, khi cửa mở và thầy tôi bày tỏ ước muốn của ông với viên quan đang chờ và xin phép Trưởng Ngân khố, lập tức tôi hồi hận về quyết định của mình. Tôi khao khát Shekure và mái ấm của chúng tôi. Tôi càng lúc càng bồn chồn khi tự hỏi làm sao nàng có thể xoay sở qua đêm một mình với bọn trẻ, làm sao nàng đóng chặt những tấm rèm mới sửa nơi cửa sổ.

Qua cánh cổng mở ngỏ của Quốc khố, tôi bị cuộc sống kỳ diệu bên ngoài vẫy gọi qua những cây tiêu huyền cổ thụ đong sương trong khuôn viên sân Enderun giờ đây chìm trong làn sương mỏng và qua bóng dáng hai cậu thư đồng đang nói chuyện với nhau bằng cách ra hiệu để không quấy rầy sự yên tĩnh của Quốc vương; nhưng tôi ở nguyên tại chỗ, đông cứng vì bối rối và tội lỗi.

1Divan Meydani: Sân Thượng hội đồng. 2Kalila wa Dimna: Bản dịch tiếng Ả Rập của Panchatantra, tập ngụ ngôn loài vật bằng thơ chen lẫn văn xuôi, nguyên gốc của Ấn Độ. 3Zuhal: Vị thần trong truyền thống Ả Rập, tương đương với thần Saturnus của La Mã, Kronos (Cha của thần Zeus) của Hy Lạp, Thổ tinh của Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam, và Shani trong truyền thống Ấn Độ, vốn được coi là vị thần phán xét mọi người theo hành vi thiện hay ác của họ. 4Nuh chính là nhân vật Noah, người đóng con tàu để cứu mọi sinh vật qua trận Đại Hồng Thủy trong Kinh thánh. Trong Koran, Nuh được coi là một trong năm vị tiên tri chính của Hồi giáo. Câu chuyện về ông được kể trong chương "Hud."

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 50: Chúng Tôi, Hai Nhà Khổ Tu

Đúng, có lẽ chính bởi tên lùn Jezmi Agha mà tin đồn rằng bức vẽ chúng tôi nằm trong những trang sách đến từ Trung Hoa, Samarkand và Herat tạo thành một cuốn sưu tập tranh được giấu trong góc khuất nhất của Quốc khố đầy những chiến lợi phẩm từ hàng trăm đất nước qua hàng trăm năm do những tổ tiên của Đức Ngài, Quốc vương của chúng ta đã được lan truyền nhiều nhất đến cộng đồng tiểu họa. Nếu bây giờ chúng tôi có thể kể lại câu chuyện của mình theo lối cũ của chúng tôi - cầu cho ý muốn của Thượng đế ở bên chúng tôi - thì chúng tôi hy vọng rằng không ai trong đám đông ở quán cà phê xinh xắn này thấy phật lòng.

Đ

Một trăm mười năm đã qua kể từ khi hai chúng tôi chết, bốn mươi năm kể từ khi đóng cửa những nhà nguyện khổ tu tội tệt thân Ba Tư của chúng tôi, những sào huyệt dị giáo và hang ổ của trò ma quỷ, nhưng hãy tự nhìn xem, bọn tôi ở ngay trước mắt các vị. Sao lại thế được? Tôi sẽ nói cho các vị biết tại sao: chúng tôi được thể hiện theo phong cách Venice! Như bức minh họa này miêu tả, một ngày nọ hai kẻ khổ tu chúng tôi lặn lội băng qua lãnh thổ của Quốc vương từ thành phố này đến thành phố khác. Chúng tôi đi chân trần, đầu cạo trọc, thiếu quần thiếu áo; mỗi người mặc một chiếc áo không tay và khoác da nai, một thắt lưng quanh bụng, tay cầm gậy đi đường, chiếc bát khất thực đeo lưng lẳng ở cổ bằng một sợi dây xích; một người mang một chiếc búa nhỏ để đôn củi, người kia mang một chiếc muống để ăn bất cứ thức ăn nào Thượng đế ban cho.

Lúc đó, đứng trước một quán trọ bên cạnh vòi phun nước người bạn tốt của tôi, không, người bạn yêu quý, hơn nữa, người anh em của tôi và tôi đang lao vào cuộc tranh luận thường lệ: "Anh ăn trước đi", "Không, anh trước đi," chúng tôi ồn ào nhường qua nhường lại chuyện ai sẽ là người cầm

muỗng lên ăn thức ăn trong bát trước, thì một du khách Tây vực, một người lạ, chặn chúng tôi lại, đưa cho mỗi đứa một đồng bạc Venice và bắt đầu vẽ chúng tôi.

Hắn là người Tây vực; dĩ nhiên, hắn khác thường. Hắn đặt chúng tôi ngay giữa bức tranh như thể chúng tôi chính là lều của Quốc vương, và đang vẽ chúng tôi trong tình trạng nửa trần truồng khi tôi nói cho anh bạn đồng hành nghe một ý nghĩ vừa đến với tôi: Đề xuất hiện như khát sĩ nghèo đói Kalenderi đích thực chúng tôi nên trợn mắt lên để hai con người hướng vào trong, tròn trĩnh mắt quay ra thế giới như những người mù - và đó chính là những gì chúng tôi định làm. Trong tình cảnh này, bản chất của kẻ khờ tu là nhìn thế giới trong đầu anh ta hơn là thế giới bên ngoài, vì đầu của chúng tôi đầy chất gây ngủ, nên bức tranh trong đầu chúng tôi dễ chịu hơn những gì tên họa sĩ Tây vực ấy nhìn thấy.

Trong lúc đó, cảnh tượng bên ngoài thậm chí trở nên tồi tệ hơn; chúng tôi nghe một ngài Hoja đang huênh hoang.

Hãy cầu nguyện, đừng để chúng tôi khiến các người hiểu lầm. Chúng tôi hiện đề cập đến vị "Hoja Kính mến," nhưng tuần trước trong quán cà phê xinh đẹp này đã có một hiểu lầm tai hại: Vị Hoja Kính mến này, người mà chúng tôi đang nói tới, không liên quan gì đến Đức Ngài Nusret Hoja giáo sĩ xứ Erzurum, hay với tên khốn Husret Hoja, hay với tên hoja xứ Sivas làm tình với Quỷ sứ trên ngọn cây. Những ai hiểu mọi việc theo cách tiêu cực đã nói rằng nếu Ngài Hoja Kính mến trở thành mục tiêu chỉ trích ở đây một lần nữa, họ sẽ cắt lưỡi người kể chuyện và phá sập quán cà phê xuống bằng ngang đầu hắn.

Một trăm hai mươi năm trước, hồi chưa hề có cà phê, Hoja đáng kính, nhân vật trong câu chuyện chúng tôi đang kể, đơn giản là đang dùng dùng nôi giận.

"Này, thằng Tây vực ngoại giáo kia, sao mày lại vẽ hai đứa đó?" Ông ta nói. "Những tên khờ tu Kalenderi này lang thang khắp nơi ăn cắp và ăn xin, chúng hút cần sa, uống rượu, quan hệ đồng tính với nhau, và qua cung cách

của chúng thì rõ ràng chúng không biết gì về hành lễ hay đọc kinh, về nhà cửa, hay mái ấm gia đình; chúng chẳng là gì cả ngoài một đám cặn bã trong thế giới tươi đẹp của chúng ta. Còn mày, tại sao mày lại vẽ tranh về thứ ô nhục này trong khi có rất nhiều cái đẹp trên đất nước tuyệt vời này? Có phải để bôi nhọ chúng ta không?"

"Không có gì, đơn giản chỉ vì tranh vẽ về mặt xấu của các ông mang lại nhiều tiền hơn", tên vô thần ấy nói. Hai kẻ khổ tu chúng tôi chết điếng người vì sự vững chắc trong lý luận của tên họa sĩ.

"Nếu vẽ Quỷ sứ theo hướng ưu ái mà đem lại nhiều tiền thì mày có vẽ không?" Vị Hoja Kính mến nói, rụt rè tìm cách mở màn một cuộc tranh luận, nhưng, như các người có thể thấy qua bức tranh, gã Venice là một họa sĩ đích thực, hẳn ta tập trung vào công việc ngay trước mặt mình và món tiền nó mang lại hơn là chú ý đến câu chuyện tầm phào vô nghĩa của vị Hoja.

Hắn ta thực sự vẽ chúng tôi, và bỏ bức tranh vẽ chúng tôi vào cái cặp da sau yên ngựa mà quay trở về thành phố ngoại giáo của hắn. Sau đó không lâu, đoàn quân bách thắng của người Ottoman chinh phục và cướp bóc thành phố đó trên bờ sông Danube, và cuối cùng hai chúng tôi lại đi ngược đường trở về Istanbul và Quốc khố hoàng gia. Từ đó, được sao chép nhiều lần chúng tôi đi từ quyển sách bí mật này qua quyển khác, và cuối cùng đến quán cà phê vui nhộn này nơi người ta uống cà phê như một thứ thuốc giúp cường tráng và hồi xuân. Giờ thì:

Một luận thuyết ngắn về hội họa,

cái chết và vị trí của chúng tôi trong thế giới

Hoja Kính mến xứ Konya, người chúng tôi vừa đề cập, đã đưa ra tuyên bố sau đây ở đâu đó trong một bài thuyết pháp trong số rất nhiều bài của ông ta vẫn được ghi và tập hợp lại thành pho sách dày: những kẻ khổ tu Kalenderi là rác rưởi không cần thiết của thế giới vì họ không thuộc loại nào trong bốn loại người: 1. quý tộc 2. thương nhân. 3. nông dân và 4. họa sĩ; do đó. bọn chúng thừa thãi.

Hơn nữa, ông còn nói: "Hai đứa chúng luôn cặp kè nhau mà lang thang khắp chốn và luôn tranh cãi về chuyện ai trong bọn chúng sẽ ăn trước với cái muỗng duy nhất, những ai không biết đó là trò bóng gió thôi tha về mối quan tâm thực sự của chúng - đứa nào sẽ được chơi đùa kia trước - thì sẽ thấy vụ này thật ngộ nghĩnh và buồn cười. Ngài Hoja Đùng-hiểu-làm đã tiết lộ bí mật của bọn tôi vì ông ta, cùng với chúng tôi, những chàng trai tuần tú những thợ học nghề và những nhà tiểu hoạt đều là những bạn đồng hành trên cùng một con đường."

Bí mật thật sự

Tuy nhiên, bí mật thật sự là: Trong khi vẽ chúng tôi, gã Tây vục ngoại giáo đó đã nhìn chúng tôi thật triu mến và với sự chăm chú đến từng chi tiết khiến chúng tôi có cảm tình với hắn và thích thú vì được hắn vẽ chân dung. Nhưng, hắn phạm một sai lầm là nhìn thế giới bằng con mắt trần tục và thể hiện đúng những gì hắn nhìn thấy. Do đó hắn vẽ chúng tôi bị mù mặc dù chúng tôi có thể nhìn tốt nhưng chúng tôi không quan tâm. Giờ đây, thực ra chúng tôi khá bằng lòng. Theo lời vị Hoja, chúng tôi ở Địa ngục; theo một số kẻ vô thần chúng tôi chẳng là gì hơn những tử thi thối rữa, và theo các vị, những nhà tiểu họa thông thái tụ tập ở đây, chúng tôi là một bức tranh, và vì chúng tôi là một bức tranh, nên chúng tôi đứng đây trước các vị cứ như chúng tôi còn sống và khỏe mạnh.

Sau khi đụng độ với ngài Hoja Kính mến và sau khi đi bộ từ Konay đến Sivas trong ba đêm, qua tám ngôi làng, khát thực suốt dọc đường, một đêm chúng tôi bị cái lạnh và tuyết bao vây đến nỗi hai kẻ khổ tu, ôm chặt lấy nhau, chìm vào giấc ngủ và chết cứng.

Trước khi chết tôi có một giấc mơ tôi là đề tài cho một bức tranh mà sau hàng ngàn ngàn năm đã lọt được vào Thiên đàng.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 51: Đô Là Tôi, Thầy Osman

Người ta kể một câu chuyện ở Bukhara có từ thời Abdullah Đại hãn. Vị Đại hãn xứ Uzbek này là một nhà cai trị đa nghi, và tuy không phản đối việc có nhiều bàn tay họa sĩ góp phần vào cùng một bức minh họa, nhưng ông phản đối việc các họa sĩ sao chép các trang của nhau - bởi điều này khiến cho không thể xác định ai trong số những họa sĩ sao chép trơ tráo này phải chịu trách nhiệm vì một sai sót nào đó. Điều quan trọng hơn là, sau một thời gian, thay vì tự thúc đẩy bản thân đi tìm những ký ức của Thượng đế trong bóng tối, những nhà tiểu họa ăn cắp sẽ biếng nhác đi tìm bất cứ điều gì họ thấy qua vai người họa sĩ bên cạnh họ. Vì lý do này, Đại hãn Uzbek vui vẻ chào đón hai bậc thầy vĩ đại, một người từ Shiraz ở miền Nam, người kia từ Samarkand ở phương Đông, họ chạy trốn chiến tranh và những vị vua độc ác để đến nương thân ở triều đình của ông; tuy nhiên, ông cảm hai tài năng lẫy lừng này xem tác phẩm của nhóm và tách họ ra bằng cách dành cho họ hai phòng làm việc nhỏ ở hai đầu lâu đài của ông, xa nhau đến hết mức có thể. Vì vậy, trong đúng ba mươi bảy năm bốn tháng, như thể đang lắng nghe một huyền thoại, hai vị thầy vĩ đại này mỗi người nghe Abdullah Đại hãn kể về vẻ tráng lệ của tác phẩm chưa từng thấy của người kia, nghe tả tác phẩm của mình khác hẳn hay giống một cách kỳ lạ với tác phẩm của người kia như thế nào. Trong thời gian đó cả hai đều tò mò dữ dội về tranh của nhau. Sau khi cuộc sống của Đại hãn Uzbek đi hết lộ trình nghèo đói của nó, hai họa sĩ già này bèn chạy đến phòng của nhau để xem các bức tranh. Một lúc lâu, mỗi người ngồi trên mép một tấm nệm lớn, để sách của nhau lên đùi và nhìn những bức tranh mà họ nhận ra qua những chuyện bịa đặt của Abdullah Đại hãn. Cả hai bàng hoàng với nỗi thất vọng lớn lao bởi vì những bức minh họa họ thấy không diệu kỳ như họ mừng rỡ qua những câu chuyện được nghe, mà thay vào đó chúng có vẻ khá bình thường, nhợt nhạt và mơ hồ, giống như hầu hết những bức tranh họ đã thấy trong những năm trước đây. Nhưng hai bậc thầy vĩ đại này không nhận ra rằng lý do cho sự mơ hồ này là

chúng mù đã bắt đầu trùm xuống họ, họ cũng không nhận ra nó sau khi cả hai đã hoàn toàn mù mà họ quy sự mơ hồ này là do họ đã bị Đại hãn lừa, và vì thế họ chết mà vẫn tin rằng những giấc mơ thì đẹp hơn nhiều so với các bức tranh.

N

Trong đêm khuya thanh vắng giữa Quốc khó lạnh lẽo, trong khi lật các trang sách với những ngón tay lạnh cóng và nhìn vào các bức tranh trong những cuốn sách tôi từng mơ ước suốt bốn mươi năm, tôi biết mình hạnh phúc hơn các họa sĩ trong câu chuyện tàn nhẫn xứ Bukhara này. Tôi rùng mình ớn lạnh khi biết rằng, trước khi bị mù và bước vào kiếp sau, tôi đã được cầm đúng những cuốn sách mà cả đời tôi đã nghe bao truyền thuyết về chúng, và nhiều lúc tôi lẩm bẩm "Cám ơn Thượng đế, cám ơn Người" khi tôi thấy một trong những trang đang lật thậm chí còn diệu kỳ hơn cả huyền thoại về nó.

Chẳng hạn như, cách nay tám mươi năm vua Ismail đã vượt sông và với thanh gươm đã chiếm lại Herat và tất cả xứ Khorasan từ tay quân Uzbek, rồi ông bổ nhiệm em trai Sam Mirza của ông làm tổng trấn Heart, để kỷ niệm dịp vui này, em trai ông đã cho chuẩn bị một bản thảo, một phiên bản có trang trí của một pho sách có nhan đề "Sự hội ngộ của các vì sao", vốn kể lại một câu chuyện mà Emir Husrev đã chứng kiến trong Cung điện Delhi.

Theo truyền thuyết, một bức minh họa trong cuốn sách này thể hiện hai vị vua gặp mặt nhau bên bờ sông nơi họ ăn mừng chiến thắng. Gương mặt họ giống vua xứ Delhi, Keykubad, và cha ông ta, Bughra Đại hãn, vua xứ Bengal, những người là đề tài cho cuốn sách; nhưng họ cũng giống khuôn mặt của vua Ismail và em trai Sam Mirza của ông ta, những người vốn là nguyên nhân cho sự ra đời của cuốn sách. Tôi hoàn toàn chắc chắn rằng những nhân vật của bất cứ câu chuyện nào tôi nhớ lại trong khi nhìn vào trang này đều sẽ xuất hiện ở đó trong căn lều của nhà vua, và tôi cám ơn Thượng đế vì đã cho tôi cơ hội nhìn trang sách diệu kỳ này.

Trong một bức minh họa của Sheikh Muhammad, một trong những bậc

thầy vĩ đại của cùng thời đại truyền thuyết này, có một người dân nghèo mà lòng kính sợ và yêu thương dành cho vị vua của ông ta đã đạt tới mức tình yêu thuần khiết, trong khi nhìn vị vua này chơi polo, ông ta hết sức hy vọng rằng trái banh sẽ lăn về phía ông ta để ông ta được nhặt và dâng lên cho Đức vua. Sau khi chờ đợi lâu dài và kiên nhẫn, cuối cùng trái banh cũng lăn đến chỗ ông ta, và ông ta được vẽ đang dâng nó cho Đức vua. Như tôi đã được nghe tả hàng ngàn lần, tình yêu, lòng kính sợ và sự phục tùng mà một người dân nghèo cảm thấy đối với một vị vua vĩ đại hoặc quốc vương đáng kính, hoặc sự kính sợ mà một thợ học việc trẻ đẹp trai dành cho thầy của mình, được thể hiện ở đây với sự tinh tế và lòng cảm thông sâu sắc, từ việc người dân đó đưa những ngón tay ra nắm lấy trái banh tới việc ông ta không đủ can đảm nhìn vào mặt nhà vua, đến độ trong khi nhìn vào trang này, tôi biết không có niềm vui nào trên thế giới lớn hơn là làm thợ học việc cho một bậc thầy vĩ đại, và rằng sự phục tùng gần như quy lụy như thế cũng là một lạc thú cũng như việc làm thầy một thợ học việc thông minh, xinh đẹp và trẻ tuổi - và tôi thấy tội nghiệp cho những ai chưa từng biết sự thật này.

Tôi lật các trang, nhìn vội vã nhưng say mê chú ý hàng ngàn con chim, ngựa, binh lính, những cặp tình nhân, lạc đà, cây cối và mây, trong khi ông lùn hạnh phúc của Quốc khố, giống như một vị vua hồi xưa được cơ hội phô bày sự giàu có và của cải của mình, đã tự hào và chăm chỉ đem hết cuốn này đến cuốn khác từ các rương tủ ra bày chúng trước mặt tôi. Từ hai góc tách biệt nhau của chiếc rương sắt lèn đầy những pho sách lớn đáng kinh ngạc, những cuốn sách thường và những cuốn sưu tập lộn xộn, hiện lên hai cuốn đặc biệt - một cuốn được đóng theo kiểu Shiraz với bìa màu đỏ thẫm, cuốn kia được đóng ở Herat với cái bìa sơn mài đen theo kiểu Trung Hoa - chúng có những trang quá giống nhau đến độ ban đầu tôi nghĩ chúng là những bản sao chép. Trong khi đang cố xác định cuốn nào là bản gốc cuốn nào là bản sao, tôi nghiên cứu tên họ của những nhà thư pháp trên trang lai lịch ở cuối sách, tìm những chữ ký ẩn giấu, và cuối cùng nhận ra với một cái rùng mình, rằng hai pho sao chép tác phẩm của Nizami này là những cuốn sách huyền thoại mà thầy Sheikh Ali ở Tabriz đã làm, một cuốn cho vua Jihan của xứ Garagoýunly, còn cuốn kia cho vua Uzyn Hasan của Akgoýunly. Sau khi bị vua Garagoýunly đâm mù mắt để ngăn không cho ông làm một phiên bản

khác của cuốn sách này, nhà họa sĩ bậc thầy vĩ đại ấy đã đến nương náu ở bên vua Akgoýunly và làm ra một bản sao tuyệt hảo hơn theo ký ức. Những bức tranh trong cuốn sách huyền thoại thứ hai này, được làm khi ông đã mù, nhìn đơn giản hơn và thuần khiết hơn, trong khi màu sắc trong cuốn thứ nhất sống động và mạnh mẽ hơn, đã nhắc tôi nhớ rằng ký ức của người mù phơi bày sự đơn giản trần trụi của cuộc sống nhưng cũng làm giảm bớt sức sống của nó.

Vì chính tôi là một bậc thầy vĩ đại đích thực, đã được thừa nhận bởi Allah, người thấy và biết tất cả, nên tôi biết một ngày nào đó tôi sẽ bị mù, nhưng đây có phải là điều tôi đang muốn không? Do cảm nhận được sự hiện diện rất gần của Người trong bóng tối khủng khiếp và tuyệt vời của Quốc khổ bừa bộn này cho nên, như một người đã bị kết án muốn nhìn cuộc đời lần cuối trước khi bị xử tử, tôi hỏi Người: "Xin cho con được phép xem tất cả tranh minh họa này và ngắm chúng đến thỏa thuê." Khi tôi lật các trang, bằng sức mạnh của sự thông thái khôn lường của Thượng đế, tôi thường tình cờ gặp những truyền thuyết và những vấn đề về kiếp mù. Trong cảnh nổi tiếng thể hiện Shirin trong chuyến đi dạo ngoại thành đã phải lòng Husrev sau khi thấy bức tranh vẽ chàng treo trên nhánh cây tiêu huyền, Sheikh Ali Riza xứ Shiraz đã vẽ tất cả lá của cội cây từng chiếc một, để chúng lấp đầy cả bầu trời. Để trả lời một tên ngốc, kẻ đã xem tác phẩm và bình luận rằng chủ đề thực sự của bức họa không phải là cây tiêu huyền, Sheikh Ali trả lời rằng chủ đề thực sự cũng không phải là tình yêu mãnh liệt của nàng thiếu nữ xinh đẹp đó mà là niềm đam mê của người họa sĩ. Và để chứng minh một cách tự hào quan điểm của mình, ông đã cố gắng vẽ cũng cây tiêu huyền đó với đầy đủ lá trên một hạt gạo. Nếu chữ ký được giấu bên dưới những bàn chân xinh đẹp của những cô hầu phục vụ Shirin không làm tôi lầm, thì dĩ nhiên tôi đang xem cái cây lộng lẫy do bậc thầy mù ấy vẽ trên giấy - không phải cái cây vẽ trên hạt gạo mà ông mới hoàn tất một nửa, vì bảy năm ba tháng sau khi bắt đầu công trình này thì ông bị mù. Trên một trang khác, Rustem đâm Alexander mù bằng mũi tên có ngạnh được vẽ theo phong cách của các họa sĩ vốn biết phong cách Ấn Độ, quá sống động và màu mè, đến độ kiếp mù, mỗi sào muôn đời và nỗi khao khát thầm kín của nhà tiểu họa đích thực xuất hiện trước người xem như khúc dạo đầu của một buổi lễ kỷ

niệm ngập tràn niềm vui.

Mắt tôi lướt qua những bức tranh và pho sách này với sự kích động của một người muốn tận mắt nhìn những huyền thoại mà anh ta đã nghe nói bao năm nay cũng nhiều không kém nỗi lo của một ông già cảm thấy mình sẽ sớm không còn trông thấy gì nữa. Ở đây, trong gian Quốc khổ lạnh lẽo tràn ngập màu đỏ thẫm mà trước đây tôi chưa bao giờ thấy - được tạo ra bởi màu vải và bụi trong ánh sáng đặc biệt của những ngọn nến - thỉnh thoảng tôi la to lên vì ngưỡng mộ, và thế là Siyah và tên lùn lại chạy đến bên tôi, nhìn qua vai tôi vào trang giấy lộng lẫy trước mặt tôi. Không thể kìm mình, tôi bắt đầu giải thích:

"Màu đỏ này là của sư phụ vĩ đại Mirza Baba Imami ở Tabriz, mà bí mật của nó ông đã mang theo xuống mồ. Ông đã sử dụng nó cho các rìa thảm, màu đỏ của Alevi trên khăn xếp của Vua Ba Tư, và nhìn này, nó ở đây trên bụng con sư tử trong trang này và trên áo choàng của chàng trai dễ thương này. Allah không bao giờ trực tiếp để lộ ra màu đỏ tươi đẹp này trừ khi Người để cho máu của thần dân người chảy. Tuy nhiên để chúng ta có thể nỗ lực hết sức tìm ra sự đa dạng của màu đỏ này, vốn chỉ có thể thấy được bằng mắt thường trên vải nhân tạo và trong những bức tranh của các bậc thầy vĩ đại nhất, Thượng đế cũng ký thác bí mật của nó cho loài côn trùng hiếm nhất sống bên dưới những tảng đá, tôi nói và thêm, "Cảm ơn Người đã để lộ nó ra với chúng ta hôm nay."

"Nhìn cái này này," hồi lâu sau tôi nói, một lần nữa không tìm được việc chỉ cho họ một kiệt tác - kiệt tác này có thể đã thuộc về bất cứ tuyển tập thơ nào đó nói về tình yêu, tình bạn, mùa xuân và hạnh phúc. Chúng tôi nhìn những cội cây đang khoe đủ sắc vào mùa xuân, những cây bách trong một khu vườn gợi nhớ về Thiên đàng và niềm vui sướng của những kẻ yêu dấu đang ngả người trong khu vườn đó mà uống rượu đọc thơ, cứ như chúng tôi tuy đang ở trong Quốc khổ lạnh lẽo, bản thiêu âm mốc này song có thể người thấy mùi những đóa hoa xuân đang khoe sắc và da thịt thơm mát của những người dự tiệc vui vẻ. "Hãy chú ý xem chính người họa sĩ đã vẽ cánh tay những tình nhân, bàn chân trần tuyệt đẹp của họ, nét thanh tao trong tư thế

họ và vẻ hài lòng thờ ơ của lũ chim đang vỗ cánh quanh họ với sự chân thành như thế, cũng đã tạo dáng thô kệch cho cây bách ở hậu cảnh như thế nào." Tôi nói. "Đây là tác phẩm của Lutfi xứ Bukhara mà tính cáu kỉnh và ưa gây gổ đã khiến ông ta phải bỏ dở mọi bức minh họa của mình; ông tranh cãi với mọi vương hầu và đại hãn, quả quyết rằng họ không hiểu gì về hội họa và ông không bao giờ lưu lại lâu trong một thành phố nào. Bạc thầy vĩ đại ấy đã đi hết lâu đài của vị vua này đến lâu đài của vị vua khác, từ thành phố này đến thành phố khác, chỗ nào cũng cãi cọ, không bao giờ tìm được một minh quân biết đặt làm một pho sách xứng với tài năng của ông, cho đến khi ông dừng chân trong xưởng làm việc của một tù trưởng tầm thường, người chẳng cai trị thứ gì ngoài những đỉnh núi trần trụi. Sau khi tuyên bố rằng â 'lãnh thổ của vị hãn này nhỏ nhưng ông ta biết hội họa' ông ta đã sống hai mươi lăm năm còn lại của đời mình ở đó. Liệu ông ta có biết vị tù trưởng tầm thường ấy bị mù hay không, điều đó thậm chí đến nay vẫn còn là một chuyện để phỏng đoán và là một đề tài giễu cợt."

"Các người có thấy trang này không?" tôi nói lúc đã khuya, và lần này cả hai người bọn họ chạy đến bên tôi, giọng cao giá nển.

"Từ thời cháu nội của Tamerlane đến nay, cuốn sách này đã qua tay cả chục vị chủ nhân trên đường nó lưu lạc từ Herat đến đây suốt một trăm năm mươi năm."

Qua chiếc kính lúp, cả ba chúng tôi đọc những chữ ký, những lời đề tặng, thông tin lịch sử và tên họ các vị vua - những kẻ đã giết nhau - đây mỗi góc của trang lai lịch ở cuối sách, dính vào nhau, xen giữa và chồng lên nhau: "Cuốn này làm xong ở Herat, với sự trợ giúp của Thượng đế, do bàn tay của nhà thư pháp Sultan Veli, con trai của Muzaffer xứ Herat, vào năm Hegira 849 cho Ismet-ud Dunya, vợ của Muhammad Juki, người em bách thắng của Kẻ cai trị thế giới, Baysungur." Sau đó chúng tôi đọc thấy rằng pho sách này đã trở thành tài sản của vua Hali xứ Akgoýunly, sau đó truyền cho con trai là Yakup Bey, rồi đến các vị vua Uzbek ở phương Bắc, mỗi người trong bọn họ đều giải khuây với nó trong một thời gian, lấy ra hoặc thêm vào một hai bức tranh; bắt đầu với vị chủ nhân đầu tiên, họ thêm khôn

mặt của những cô vợ xinh đẹp của mình vào các bức minh họa và ký tên họ một cách đầy tự hào vào trang lai lịch, về sau nó chuyển sang tay Sam Mirza người chinh phục Herat, và ông này biến nó thành một món quà, với lời đề tặng riêng, cho anh trai của ông ta, vua Ismail, ông này lại mang nó đến Tabriz và biến nó thành một món quà nhưng với một lời đề tặng khác. Khi vua Yavuz Selim đánh bại vua Ismail tại Chaldiran và cướp bóc lâu đài Bảy tầng trời ở Tabriz, cuốn sách này lưu lạc đến đây trong Quốc khố ở Istanbul sau khi du hành qua các sa mạc, núi non và sông ngòi cùng với binh lính của vị vua chiến thắng."

Siyah và tên lùn kia chia sẻ bao nhiêu mối quan tâm và hào hứng của ông thầy già nua này? Khi tôi giở những pho sách khác và lật các trang trong đó, tôi cảm nhận được nỗi muộn phiền sâu sắc của hàng ngàn nhà minh họa ở hàng trăm thành phố lớn nhỏ, mỗi người một tính khí khác biệt, mỗi người vẽ dưới sự bảo trợ của một vị vua, tù trưởng hay đại hãn thô bạo khác nhau, mỗi người thể hiện tài năng của mình và đều rơi vào kiếp mù lòa. Tôi cảm thấy cơn đau của những trận đòn mà tất cả chúng tôi đều nhận lãnh trong suốt thời gian học việc dài, những cú đánh bằng thước cho đến khi má chúng tôi đỏ lựng lên, hoặc những cú đánh bằng những cục đá hoa dùng để đánh bóng lên cái đầu trọc của chúng tôi, trong khi tôi lật - với cảm giác nhục nhã - những trang của một cuốn sách thô sơ trình bày các phương pháp và dụng cụ tra tấn. Tôi không biết cuốn sách khốn khổ này đóng vai trò gì trong Quốc khố Ottoman: Thay vì xem việc tra tấn như một cách thức cần thiết được thi hành dưới sự giám sát của một quan tòa để bảo đảm sự công bằng của Allah trên đời này, các du khách ngoại giáo lại thuyết phục những người đồng đạo về sự tàn bạo và độc ác của chúng ta bằng cách khiến các nhà tiểu họa đáng khinh phải tự hạ phẩm giá mình mà vẽ bừa nhưng bức tranh này để đổi lấy mấy đồng tiền vàng. Tôi thấy xấu hổ trước niềm vui đời bại hiển nhiên của nhà tiểu họa này trong khi vẽ những bức tranh về hình phạt đánh roi vào gan bàn chân, đánh đập, những trò đóng đinh, treo cổ hoặc chân, những trò móc, xâu, bắn bằng đại bác, rút móng, bóp cổ, cắt họng, cho chó đói ăn thịt, đánh bằng roi, bỏ bao, siết ép, nhúng vào nước lạnh, bứt tóc, bẻ ngón tay, lột da, cắt mũi và móc mắt. Chỉ những nghệ sĩ thực sự như chúng tôi, những kẻ chịu những trận đánh vào gan bàn chân tàn nhẫn, những cú đâm đá tùy tiện suốt

thời học việc để ông thầy cẩu gắt, kẻ vừa vẽ một nét sai nào đó, cảm thấy dễ chịu hơn - ấy là chưa kể những giờ chịu đòn bằng gậy và thước kẻ để con quý trong chúng tôi bị tiêu diệt và tái sinh thành âm hồn của cảm hứng - chỉ có chúng tôi mới có thể cảm thấy niềm vui tốt độ như thế qua việc vẽ những trận đánh vào gan bàn chân và những trò tra tấn, chỉ có chúng tôi mới có thể tô màu những công cụ này với niềm phấn kích như khi tô màu con diều của một đứa bé.

Hàng trăm năm nữa, những người nhìn thế giới qua những bức minh họa mà chúng tôi từng vẽ sẽ không hiểu được bất cứ điều gì. Với khao khát được nhìn kỹ hơn, nhưng lại thiếu kiên nhẫn, họ có thể cảm thấy sự bối rối, niềm hạnh phúc, nỗi đau sâu sắc và niềm vui của việc quan sát mà hiện tại đang cảm thấy khi xem xét những bức tranh trong Quốc khố lạnh ngắt này - nhưng họ sẽ không bao giờ thực sự biết. Khi tôi giờ từng trang với những ngón tay già nua bị tê cứng vì lạnh, chiếc kính lúp có tay cầm cùn xà cừ và mắt trái tôi lướt qua các bức tranh giống như cây chĩa cũ đang cào qua mặt đất, hơi chút ngạc nhiên bởi quang cảnh bên dưới. nhưng vẫn kinh ngạc khi thấy những điều mới mẻ. Qua những trang mà chúng tôi chưa được biết đến suốt bao năm nay, một số là huyền thoại, tôi dần biết người họa sĩ nào đã học được những gì từ ai, rồi trong xưởng nào dưới sự bảo trợ của vị vua nào mà cái thứ này được gọi là "phong cách" đã hình thành đầu tiên, bậc thầy huyền thoại nào đã làm việc cho ai, và chẳng hạn như, những đám mây Trung Hoa vằn vữa mà tôi biết đã lan truyền từ Herat ra khắp Ba Tư dưới ảnh hưởng Trung Hoa và cũng được sử dụng ở Kazvin như thế nào. Thỉnh thoảng tôi lại tự cho phép mình thốt ra tiếng "A ha!" một mỗi; nhưng một nỗi đau cực độ đã lẫn sâu vào trong tôi, một nỗi buồn và hối tiếc - mà tôi hầu như không thể chia sẻ với các người - dành cho những họa sĩ ốm yếu có đôi mắt linh dương, mắt tròn trịa, xinh đẹp, bị xem thường, dấn vất - thường xuyên bị các thầy đánh đập - những kẻ chịu đau khổ vì nghệ thuật của họ, nhưng vẫn đầy say mê và hy vọng, vui hưởng tình yêu thương vốn nảy nở giữa các họa sĩ và những ông thầy của họ và tình yêu chung của họ dành cho hội họa, trước khi rơi vào kiếp vô danh và phận mù lòa sau những năm dài làm việc vất vả.

Với nỗi buồn phiền và hối tiếc như thế, tôi bước vào thế giới của những

xúc cảm tinh tế và đẹp đẽ này, linh hồn tôi đã lãng lẽ quên mất khả năng mô tả nó qua bao năm mô tả chiến tranh và những lễ hội cho Đức vua. Trong một cuốn sưu tập các bức tranh chọn lọc, tôi thấy một chàng trai Ba Tư môi đỏ, eo thon đang giữ một pho sách trên đùi giống y như tôi đang giữ một cuốn lúc này đây, và nó gợi cho tôi về những gì mà các vua chúa với sự ham mê vàng bạc và quyền lực thường quên: Cái đẹp của thế giới thuộc về Allah. Trong một cuốn sưu tập khác do một thợ cả trẻ ở Isfahan vẽ, với nước mắt đầm đìa, tôi nhìn hai người trẻ tuổi tuyệt vời đang yêu nhau, và tôi nhớ về tình yêu mà các thợ học việc trẻ của tôi dành cho hội họa. Một chàng trẻ tuổi giống như con gái, yếu đuối nước da trong suốt, bàn chân bé xíu đã để lộ một cánh tay thanh tú, vốn làm nảy lên trong lòng kẻ khác nỗi khao khát được hôn lên rồi chết, trong khi một mỹ nhân mũi tròn, tơ trẻ, mắt hạnh đào, môi đỏ mọng nhìn với vẻ kinh ngạc - như thể đang nhìn ba bông hoa đẹp - vào ba vết đốt sâu và nhỏ thể hiện niềm đam mê mãnh liệt, mà chàng trai trẻ đã đốt lên cánh tay thanh tú đó để chứng minh sức mạnh tình yêu và sự gắn bó của chàng đối với nàng.

Thật kỳ lạ. tim tôi bắt đầu đập thành thịch. Như từng xảy ra cách nay sáu mươi năm hồi tôi mới bắt đầu học việc, trong khi tôi nhìn những bức minh họa tục tĩu vẽ những chàng đẹp trai có làn da cẩm thạch và những thiếu nữ ngực nhỏ được vẽ bằng mực đen theo phong cách Tabriz, mồ hôi đã lấm tẩm trên trán tôi. Tôi nhớ lại niềm đam mê dành cho hội họa mà tôi đã cảm thấy và chiều sâu tư tưởng mà tôi từng trải nghiệm vào lúc, vài năm sau khi tôi lập gia đình và chập chững bước vào vị trí thợ cắt tôi thấy một chàng trai nước da mịn như những cánh hồng, mắt hạnh nhân, khuôn mặt xinh xắn như thiên thần được đưa vào làm thợ học việc. Trong phút chốc, tôi có cảm giác mạnh mẽ rằng hội họa không hề bao hàm sự u sầu và hối tiếc mà liên quan đến nỗi khao khát mà tôi đang cảm thấy đây, và rằng chính tài năng của họa sĩ bậc thầy đã biến khao khát này trước hết thành tình yêu Thượng đế rồi sau đó thành tình yêu thế giới như Thượng đế thấy nó; cảm giác này quá mạnh mẽ đến độ nó làm tôi nhớ lại với niềm hạnh phúc tột cùng tất cả những năm tôi đã trải qua trên bàn vẽ cho đến khi lưng còng đi, tất cả những trận đòn tôi đã chịu đựng trong khi theo học nghệ thuật này, sự tận hiến cho phận mù của tôi thông qua việc minh họa, mọi thống khổ của hội họa mà tôi đã chịu và

buộc người khác phải chịu. Như thể đang lướt mắt qua một thứ gì đó bị cấm đoán, tôi nhìn thật lâu và lặng lẽ vào bức minh họa lạ kỳ này với cùng một niềm vui sướng ấy. Tôi vẫn nhìn hồi lâu. Một giọt nước mắt chảy qua má xuống đến râu tôi.

Khi nhận thấy một ngọn nến từ từ trôi qua gian Quốc khố tiến về phía tôi, tôi cất cuốn sưu tập đó đi và giở bừa một trong những cuốn mà tên lùn vừa đặt cạnh tôi. Đây là một pho sưu tập đặc biệt được làm cho các vị vua: Tôi thấy hai con hươu tại bìa một khu rừng thưa đang âu yếm nhau, và bọn chó rừng nhìn chúng với vẻ ghen ty thù địch. Tôi lật sang trang khác. Những con ngựa hồng và nâu sẫm vốn chỉ có thể là tác phẩm của một trong những bậc thầy xưa ở Herat - chúng hùng dũng làm sao!

Tôi lật sang trang: Một viên chức chính quyền ngồi chễm chệ chào tôi từ một bức tranh đã bảy mươi tuổi, qua khuôn mặt tôi không thể xác định đó là ai bởi vì ông ta trông giống bất cứ ai, hoặc ấy là tôi nghĩ thế, nhưng quang cảnh của bức tranh, hàm râu của người đàn ông ngồi đó được vẽ theo nhiều sắc độ khác nhau gợi nhớ một điều gì đó. Tim tôi đập liên hồi khi tôi nhận ra bàn tay tuyệt mỹ được vẽ trong bức tranh này. Tim tôi nhận ra trước khi tôi biết, chỉ có ông ta mới có thể vẽ bàn tay tuyệt vời như thế:

Đây là tác phẩm của Bihzad. Có vẻ như ánh sáng từ bức tranh đang phụt ra tới mặt tôi. Trước đây tôi có vài lần thấy những bức tranh do bậc thầy vĩ đại Bihzad vẽ; có lẽ bởi tôi không được xem chúng một mình, mà cùng một nhóm thợ cả trước đây nhiều năm, có lẽ bởi chúng tôi không thể chắc chắn liệu chúng thực sự có phải là tác phẩm của Bihzad vĩ đại hay không, nên tôi chưa từng xao xuyến như lúc này.

Bóng tối ảm mốc nặng nề của Quốc khố có vẻ sáng lên. Bàn tay được vẽ một cách tinh xảo này hiện ra trong tâm trí tôi với cánh tay gầy tuyệt mỹ mang những dấu hiệu của tình yêu, mà chỉ bây giờ tôi mới thấy. Một lần nữa tôi ca ngợi Thượng đế vì đã cho tôi thấy cái đẹp kỳ ảo này trước khi bị mù. Làm sao tôi biết tôi sẽ sớm bị mù? Tôi không biết! Tôi có cảm giác rằng tôi có thể chia sẻ trực giác này với Siyah, người đang rón rén đến bên tôi cầm

cây nến và nhìn bức tranh, nhưng một điều khác lại thốt ra từ miệng tôi.

"Hãy nhìn cách thể hiện bàn tay độc đáo này," tôi nói. "Đó là Bihzad." Bàn tay tôi tự động nắm lấy tay Siyah, cứ như đang nắm tay một trong những cậu học việc xinh xắn, da mịn như nhung, mà hồi trẻ tôi yêu thương từng đứa. Tay cậu ta mềm mịn và quả quyết, ấm hơn tay tôi, thanh tú và rộng, tôi rùng mình vì cổ tay nổi gân của cậu ta. Khi còn trẻ tôi thường giữ bàn tay cậu bé học việc trong tay mình và, trước khi bảo cho cậu ta biết cách cầm cọ tôi thường nhìn âu yếm vào đôi mắt sợ sệt, dễ thương của cậu ta.

Đó là cách tôi nhìn Siyah. Tôi thấy ánh lửa của cây nến cậu ta đang giơ cao phản chiếu trong đồng tử cậu ta. "Bọn tiểu họa chúng ta là anh em." tôi nói, "Nhưng bây giờ mọi thứ sắp kết thúc."

"Ý thầy là sao?"

Tôi nói "Mọi thứ đang đến hồi kết thúc" giống như một bậc thầy vĩ đại khao khát được mù, sau nhiều năm cống hiến cho một ông hoàng nào đó, sau khi tạo ra những kiệt tác trong xưởng của mình theo phong cách của người xưa, thậm chí sau khi bảo đảm rằng xưởng này có phong cách riêng của nó, một người thầy vĩ đại biết rõ, bất cứ khi nào ông hoàng bảo trợ của mình thua trận chiến cuối cùng, thì những ông hoàng mới sẽ theo gót bọn quân thù mà cướp bóc, giải thể xưởng vẽ, xé toạc những cuốn sách đã được đóng tử tế, quăng bừa các trang sách, xem thường và tiêu hủy những gì còn lại, kể cả những chi tiết tinh tế mà từ lâu ông ta hằng tin, vốn là khám phá của riêng ông ta và ông ta đã yêu như con của chính mình. Nhưng tôi cần giải thích điều này với Siyah một cách khác hẳn.

"Bức minh họa này vẽ thi hào Abdullah Hatifi," tôi nói. "Hatifi là một nhà thơ vĩ đại đến độ ông chỉ ở tại nhà trong khi mọi người đua nhau bỏ đờ vua Ismail sau khi ông vua này chiếm được Herat. Đáp lại, vua Ismail đã đích thân đến nhà ông ở ngoại ô để gặp ông. Chúng ta biết đây là Hatifi, không phải qua cách Bihzad vẽ khuôn mặt Hatifi mà qua dòng chữ viết bên dưới bức minh họa, đúng không?"

Siyah nhìn tôi, hàm ý "phải" bằng đôi mắt đẹp của cậu ta. "Khi nhìn khuôn mặt của nhà thơ trong bức tranh," tôi nói, "chúng ta thấy nó có thể là một khuôn mặt giống mọi khuôn mặt khác. Nếu Abdullah Hatifi ở đây, cầu cho linh hồn ông được yên nghỉ, chúng ta không bao giờ hy vọng nhận ra ông qua khuôn mặt trong bức tranh này. Tuy nhiên, chúng ta có thể nhận ra dựa vào toàn bộ bức minh họa: Có một điều gì đó trong bố cục, trong tư thế của Hatifi, trong các màu sắc, phần mạ vàng và bàn tay tuyệt vời do thầy Bihzad vẽ lập tức cho thấy bức tranh này là vẽ thi hào đó. Trong thế giới nghệ thuật của chúng ta, ý nghĩa luôn đi trước hình thức. Khi chúng ta bắt đầu vẽ bắt chước theo những bậc thầy Tây vực và Venice, như trong cuốn sách mà Đức vua đã đặt Enishte của con làm, lĩnh vực ý nghĩa kết thúc và lĩnh vực hình thức bắt đầu. Tuy nhiên với phương pháp Venice..."

"Enishte của con, cầu cho ông được yên nghỉ, đã bị giết," Siyah đột ngột nói.

Tôi ngắm soi bàn tay Siyah đang nằm trong tay tôi như đang vuốt ve một cách nâng niu bàn tay bé xíu của một thợ học việc trẻ, người có thể minh họa được những kiệt tác một ngày nào đó. Lặng lẽ và cung kính, chúng tôi nhìn kiệt tác của Bihzad một hồi.

Sau đó, Siyah rút tay cậu ta khỏi tay tôi.

"Chúng ta đã lướt quá nhanh qua những con ngựa nâu ở mấy trang trước mà không xem xét kỹ cái mũi của chúng," cậu ta nói.

"Chẳng có gì cả," tôi nói và lật lại trang trước để cậu ta có thể nhìn thấy: Chẳng có gì lạ thường ở cánh mũi của các con ngựa.

"Chừng nào chúng ta mới tìm được con ngựa có cái mũi đặc biệt?" Siyah hỏi như một đứa trẻ.

Nhưng, lúc nửa đêm về sáng, khi chúng tôi tìm ra cuốn sách huyền thoại Shahnameh của vua Tahmasp trong một cái rương sắt dưới những đồng lúa vên xanh và lòi nó ra, Siyah đã cuộn người ngủ ngay trên tấm thảm Ushak

đỏ, đầu kê trên chiếc gối đính ngọc. Trong lúc đó, ngay khi tôi nhìn thấy pho sách huyền thoại lần nữa sau nhiều năm, tôi nhanh chóng hiểu rằng ngày chỉ vừa mới bắt đầu đối với tôi.

Pho sách huyền thoại mà tôi chỉ được thấy cách nay hai mươi lăm năm thì quá lớn và nặng đến độ Jezmi Agha và tôi phải khó khăn lắm mới giở nó lên và khiêng đi được. Khi chạm đến bìa sách, tôi biết có gỗ bên trong lớp da. Cách nay hai mươi lăm năm, sau cái chết của vua Kanuni Suleyman, vua Tahmasp quá sung sướng vì cuối cùng đã tổng khừ được vị vua từng chiếm Tabriz tới ba lần này đến độ cùng với những con lạc đà chất đầy quà mà ông gửi cho vua Selim, người kế vị Suleyman, ông còn kèm theo một cuốn kinh Koran đặc biệt, và pho sách này, cuốn đẹp nhất trong các sách trong kho báu của ông. Thoạt tiên, một phái bộ sứ thần Ba Tư ba trăm người mạnh khỏe mang bộ sách này đến Edirne nơi vị tân vương đang có chuyến săn bắn mùa đông; sau khi nó về đến Istanbul này cùng những món quà khác do lạc đà và lừa chở, Trưởng ban Trang trí Siyah Memi và ba thợ cả trẻ chúng tôi đã đến xem cuốn sách trước khi nó được đưa vào Quốc khố. Giống như người dân Istanbul chen lấn để xem một con voi từ Hindustan đến hoặc một con hươu cao cổ từ Phi chính chúng tôi vội đến lâu đài ở đó tôi được thầy Siyah Memi cho biết rằng Sư phụ Bihzad vĩ đại, người đã chuyển từ Herat đến Tabriz lúc tuổi già, không góp phần vào cuốn sách này bởi vì thầy đã mù.

Về phần những nhà tiểu họa Ottoman như chúng tôi, những kẻ vẫn kinh ngạc trước những pho sách bình thường với bảy tám tranh minh họa, nhìn qua cuốn sách này, vốn chứa đến hai trăm năm mươi tranh minh họa lớn, thì cũng giống như đang lang thang qua một lâu đài lộng lẫy khi những người trong đó đã ngủ. Chúng tôi nhìn những trang cực kỳ phong phú với lòng kính trọng sâu sắc, như thể đang xem những khu vườn Địa đàng vốn chỉ xuất hiện một cách thần kỳ trong một phút thoáng qua. Và suốt hai mươi lăm năm sau đó, chúng tôi đã bàn tán về pho sách vốn luôn được khóa kỹ trong Quốc khố này.

Tôi lặng lẽ giở tấm bìa dày của cuốn Shahnameh như thể mở một cánh cửa lâu đài khổng lồ. Trong khi tôi lật các trang, mỗi trang tạo âm thanh sột

soạt vui tai, tôi chìm trong nỗi buồn phiền hơn là kính sợ.

1. Nhớ lại những câu chuyện hàm ý rằng mọi nhà tiểu họa bậc thầy ở Istanbul đều đã ăn cắp hình ảnh từ các trang trong cuốn sách này, tôi không thể toàn tâm chú ý đến các bức tranh.

2. Nghĩ rằng mình có thể tình cờ gặp một bàn tay được Bihzad vẽ trong một góc nào đó, tôi không thể để hết tâm trí vào những kiệt tác mà cứ cách năm hay sáu bức lại xuất hiện một bức (dứt khoát và duyên dáng làm sao cách Tahmuras hạ quyền đường xuống đầu bọn ma quỷ và người khổng lồ, những kẻ mà sau này, lúc hòa bình, sẽ dạy ông bằng chữ cái tiếng Hy Lạp và các thứ tiếng khác)!

3. Những cái mũi của bọn ngựa và sự hiện diện của Siyah cùng tên lùn đã giữ tôi không đắm mình vào những gì tôi thấy.

Dĩ nhiên, tôi thất vọng khi nhận ra mình đang quan sát bằng trí óc hơn là bằng trái tim, cho dù tôi rất may mắn được Allah, với lòng hào phóng của Người, ban cho cơ hội xem thỏa thuê pho sách huyền thoại này trước khi màn nhung của bóng tối trùm lên mắt tôi - ân huệ thần thánh dành cho mọi nhà tiểu họa vĩ đại. Cho đến lúc ánh bình minh lan đến Quốc khố, nơi đang dần bắt đầu giống một ngôi mộ lạnh giá, tôi đã xem từng bức trong hai trăm năm mươi chín bức tranh của pho sách siêu phàm này. Vì tôi nhìn bằng trí óc, nên hãy cho phép tôi một lần nữa phân loại, như thể tôi là một học giả Ả Rập chỉ quan tâm đến lập luận:

1. Tôi không tìm ra ở đâu một con ngựa với cánh mũi giống những gì tên giết người đê tiện đã vẽ: Trong số những con ngựa được tô màu khác nhau mà Rustem đã gặp trong khi đuổi theo những tên trộm ngựa ở Turan; những con ngựa tuyệt mỹ của vua Feridun bơi qua sông Tigris sau khi vua Ả Rập từ chối không cho phép ông ta làm thế, những con ngựa xám đang buồn rầu chứng kiến sự phản bội của Tur khi chém đầu đứa em trai Iraj, người mà ông ta đổ kỵ vì cha họ, trong khi chia lãnh thổ, đã trao phần tốt nhất là Ba Tư và cả Trung Hoa xa xôi cho Iraj còn Tur thì chỉ được chia những vùng đất phía Tây; trong những con ngựa thuộc những đội quân anh hùng của Alexander

vốn gồm người Khazar, người Ai Cập, người Berber và người Ả Rập, tất cả được trang bị áo giáp, khiên sắt, những thanh gươm thượng hạng và mũ trụ lấp lánh; trong con ngựa huyền thoại vốn đã giết vua Yazdgird - mũi ông ta chảy máu không ngừng do bị thần thánh trừng phạt vì dám nổi loạn chống lại sự an bài của Thượng đế - bằng cách giẫm đạp lên ông ta bên bờ hồ nước trong xanh mà thứ nước hồi sinh của nó đã làm giảm nhẹ nỗi muộn phiền của ông ta; và giữa hàng trăm con ngựa hoàn hảo và bí ẩn do sáu hay bảy nhà tiểu họa vẽ, tất cả đều không thấy. Nhưng, trước mắt vẫn còn hơn một ngày nữa để tôi nghiên cứu những cuốn sách khác trong Quốc khố.

2. Có một lời khẳng định vốn đã trở thành đề tài bàn tán dai dẳng trong đám họa sĩ bậc thầy suốt hai mươi lăm năm qua: được Đức vua cho phép, một nhà minh họa đã vào Quốc khố ở thâm cung này, tìm thấy cuốn sách kỳ vĩ đó, giở ra và, dưới ánh nến, sao vào sổ ghi chép của anh ta những mẫu mực về ngựa, cây, mây, hoạt chim, vườn, những cảnh chiến trận và tình yêu tuyệt đẹp để sau này sử dụng cho tác phẩm của mình... Mỗi khi có họa sĩ nào tạo ra một tác phẩm khác thường và gây kinh ngạc, thì lòng ghen tỵ liền đẻ ra loại chuyện tầm phào như thế ở những họa sĩ khác, những kẻ luôn tìm cách rẻ rúng bức tranh, coi nó chẳng gì hơn một tác phẩm Ba Tư ở Tabriz. Hồi đó Tabriz chưa thuộc lãnh thổ Ottoman. Khi lời vu khống như thế nhắm vào tôi, tôi cảm thấy giận dữ một cách chính đáng, nhưng lại thầm tự hào nhưng khi tôi nghe lời buộc tội như thế về người khác, thì tôi tin nó ngay. Bây giờ tôi buồn rầu nhận ra rằng, một cách kỳ lạ nào đó, bốn nhà tiểu họa chúng tôi, những kẻ từng được xem pho sách này từ hai mươi lăm năm trước, đã khắc sâu những hình ảnh trong đó vào ký ức, và từ đó trở đi chúng tôi chỉ nhớ lại, biến cải và vẽ chúng vào những cuốn sách làm cho Đức vua. Tinh thần tôi đã sa sút, không phải bởi sự tàn nhẫn của những vị vua quá đa nghi vốn sẽ không bao giờ lấy những cuốn sách như thế ra khỏi kho báu của họ cho chúng tôi xem. mà bởi sự nhỏ hẹp của thế giới hội họa của chính chúng tôi. Liệu có phải là những bậc thầy vĩ đại của Herat hay những bậc thầy mới của Tabriz, những họa sĩ Ba Tư đã làm ra nhiều bức minh họa xuất chúng hơn, nhiều kiệt tác hơn người Ottoman chúng tôi chẳng?

Giống như một ánh chớp, tôi chợt nghĩ thật thích hợp biết bao nếu hai

ngày nữa tất cả các nhà tiêu họa của tôi và tôi đều bị đưa ra tra tấn; dùng mũi con dao nhím tôi cạo không thương tiếc những con mắt bên dưới bàn tay tôi trong bức tranh mở ra trước mặt. Nó nằm trong câu chuyện kể về một học giả Ba Tư, kẻ học đánh cờ chỉ bằng cách nhìn một bàn cờ do sứ thần Hindustan đưa đến, trước khi đánh bại bậc thầy Hindu ngay trong môn chơi sở trường của ông ta! Một trò láo khoét của bọn Ba Tư! Từng con mắt, tôi cạo mắt của những kẻ chơi cờ, mắt của vị vua cùng các quần thần đang ngồi xem. Lật trở lại các trang trước, tôi cũng cạo không thương tiếc con mắt của những vị vua đang quyết chiến, của binh lính mặc giáp trụ lộng lẫy thuộc những đội quân oai nghiêm và của những cái đầu bị cắt lìa nằm dưới đất. Sau khi làm như thế trong ba trang, tôi nhét con dao trở lại vào khăn quàng.

Hai tay tôi run rẩy, nhưng tôi không cảm thấy buồn. Bây giờ có phải tôi đang cảm thấy những gì mà rất nhiều người điên đã cảm thấy sau khi thực hiện hành động kỳ lạ này mà kết quả của nó tôi vẫn gặp trong suốt năm mươi năm làm họa sĩ không? Tôi chỉ muốn thấy máu chảy ra trang sách từ những con mắt đã bị tôi cạo cho mù.

3. Điều này mang tôi đến sự giày vò và an ủi đang chờ tôi ở cuối cuộc đời. Không có phần nào của pho sách tuyệt hảo này, cuốn sách mà vua Tahmasp đã hoàn tất bằng cách thúc ép những nghệ sĩ tài hoa nhất Ba Tư làm trong mười năm, đã nhận được nét bút của Bihzad vĩ đại, và người ta cũng không tìm thấy cách vẽ đôi tay tuyệt hảo của ông ở bất cứ chỗ nào. Sự kiện này khẳng định rằng Bihzad đã mù trong những năm cuối đời, khi ông trốn khỏi Herat - lúc đó là một thành phố thất sủng - để đến Tabriz. Vì vậy một lần nữa tôi đi đến kết luận một cách hoan hỉ rằng, sau khi ông ta đạt tới sự hoàn hảo của những bậc thầy xưa bằng cách làm việc cả đời vị thầy vĩ đại này đã tự đâm mù mắt để tránh làm ô ố hội họa của mình vì những ham muốn của bất cứ xưởng vẽ hay vị vua nào khác.

Ngay lúc đó, Siyah và tay lùn mở một pho sách dày họ mang tới đặt trước mặt tôi.

"Không, đây không phải là nó," tôi nói mà không bị mâu thuẫn. "Đây là

cuốn Shahnameh của người Mông Cổ. Những con ngựa sắt trong đội kỵ binh sắt của Alexander được đổ đầy dầu hỏa và đốt cháy như những ngọn đèn trước khi bắn lửa từ mũi chúng sang phía kẻ thù. Chúng tôi nhìn đội quân bằng sắt bốc cháy được sao chép từ những bức tranh Trung Hoa.

"Jezmi Agha ạ," tôi nói, "sau này chúng tôi có vẽ trong cuốn 'Biên niên sử triều vua Selim' những món quà mà các sứ thần Ba Tư của vua Tahmasp, những kẻ cũng đã tặng pho sách này, mang theo họ cách nay hai mươi lăm năm..."

Hắn ta nhanh chóng tìm ra cuốn 'Biên niên sử triều vua Selim' và đặt trước mặt tôi. Được ghép với trang tô màu rực rỡ thể hiện cảnh các sứ thần đang dâng cuốn Shahnameh cùng những tặng phẩm khác cho vua Selim, mắt tôi tìm ra, giữa những món quà được liệt kê từng thứ một, dòng chữ tôi đã đọc được từ lâu nhưng rồi quên mất vì nó quá khó tin:

Cây kim vàng có cán cần xà cừ và ngọc lam mà tài năng đáng sùng bái của Heart, bậc thầy của những nhà tiểu họa bậc thầy Bihzad, đã dùng để tự đâm mù mắt chính mình.

Tôi hỏi tên lùn hắn tìm thấy cuốn 'Biên niên sử triều vua Selim' ở đâu. Tôi theo hắn đi qua bóng tối đầy bụi của Quốc khố, lang thang giữa những rương, những đống vải và đống thảm, những cái tủ và bên dưới các cầu thang. Tôi nhận thấy bóng của chúng tôi, lúc co lúc giãn in lên những chiếc khiên, ngà voi và da cạp. Tại một trong những căn phòng kế bên, cũng tràn ngập cái màu đỏ kỳ lạ của vải và nhung kia, bên cạnh cái rương sắt trong đó có cuốn Shahnameh, giữa những pho sách khác, những khăn trải giường thêu chỉ vàng và bạc, những viên đá Tích Lan thô chưa đánh bóng, những con dao chạm đá quý, tôi thấy một số quà tặng khác mà vua Tahmasp đã gửi: những tấm thảm lụa từ Isfahan, một bộ cờ bằng ngà voi và một vật mà lập tức khiến tôi chú ý: một hộp bút trang trí những con rồng Trung Hoa và những cảnh cây với một phù hiệu hoa hồng khảm xà cừ rõ ràng là từ thời Tamerlane. Tôi mở hộp và từ đó bốc ra một mùi hương tinh tế của giấy đốt và nước hoa hồng; bên trong là một cây kim vàng cán cần xà cừ và ngọc lam mà người ta

dùng để gắn cọng lông chim vào khăn xếp đội đầu. Tôi cầm lấy cây kim và trở lại chỗ cũ giống như một bóng ma.

Khi còn lại một mình, tôi đặt cây kim mà thầy Bihzad đã dùng để tự đâm mù mắt lên trang giấy đang mở của cuốn Shahnameh và nhìn nó chăm chăm. Không phải tôi rùng mình bởi cây kim ông dùng để đâm mù mắt, mà là bởi tôi nhìn thấy một vật ông đã cầm trong đôi tay kỳ diệu của ông.

Tại sao vua Tahmasp gửi cây kim khủng khiếp này kèm theo quyển sách ông ta tặng cho vua Selim? Đó có phải là do vị vua này vốn khi còn bé từng là học trò của Bihzad và là nhà bảo trợ các họa sĩ khi còn trẻ, đã thay đổi khi về già, tách rời các thi sĩ và họa sĩ khỏi nhóm thân cận của ông mà hoàn toàn chìm đắm vào tín ngưỡng và thờ cúng? Đây có phải là lý do khiến ông ta sẵn lòng từ bỏ cuốn sách tuyệt mỹ này, cuốn sách mà bậc thầy vĩ đại nhất đã lao động suốt hơn mười năm? Có phải ông ta gửi cây kim này để tất cả mọi người biết rằng người họa sĩ vĩ đại đã tự làm mù hoặc, như có lúc người ta đồn đại, để tuyên bố rằng bất cứ ai nhìn những trang trong cuốn sách này sẽ không còn muốn thấy bất cứ gì khác trên đời này nữa? Dù trong trường hợp nào, cuốn sách này cũng không còn được nhà vua ấy coi như một kiệt tác nữa, ông ta đã hối tiếc sâu sắc, sợ rằng mình mắc phải tội phạm thượng qua tình yêu hội họa lúc còn trẻ như đã xảy ra với nhiều nhà cai trị trong thời đại xa xưa.

Tôi nhớ lại những câu chuyện được kể qua các nhà minh họa hần học, những kẻ đến già mới nhận ra rằng những giấc mơ của họ không thực hiện được: khi những đội quân của vua Jihan, người trị vì Garagoýunly chuẩn bị tiến vào Shiraz, Ibn Husam, Trưởng ban Minh họa huyền thoại của thành phố, đã tuyên bố "Tôi từ chối vẽ theo bất cứ cách nào khác," và cho người thợ học việc đâm mù mắt ông bằng thanh sắt nóng. Trong số những nhà tiểu họa mà đạo quân của vua Yavuz Selim mang về Istanbul sau khi đánh bại vua Ismai, chiếm giữ Tabriz và cướp bóc lâu đài Bảy tầng trời có một bậc thầy Ba Tư già, người mà theo lời đồn đã tự làm mù mình bằng thuốc độc bởi vì ông tin mình không bao giờ dám vẽ lại theo phong cách Ottoman, chứ không phải do hậu quả một cơn bệnh ông mắc phải trên đường đi như một số

người khẳng định. Để làm gương cho họ, tôi thường kể cho những nhà minh họa của mình trong những lúc họ nản lòng rằng Bihzad đã tự đâm mù mắt ông như thế nào.

Không có một giải pháp khác sao? Nếu một nhà tiểu họa bậc thầy áp dụng những phương pháp mới đâu đó ở những nơi hẻo lánh, vậy ông ta không thể, dù chỉ một chút, cứu toàn bộ xưởng vẽ và các phong cách của những bậc thầy xưa sao?

Có một vết sẫm trên đầu cực nhọn của cây kim, nhưng đôi mắt đã mờ của tôi không thể xác định đó có phải là máu hay không. Hạ thấp kính lúp, như thể đang xem một bức vẽ tình yêu buồn bã với một cảm giác u sầu tương ứng, tôi nhìn cây kim hồi lâu. Tôi cố hình dung xem Bihzad đã làm việc đó như thế nào. Tôi có nghe nói người ta không thể bị mù ngay lập tức; bóng tối mướt mà hạ xuống từ từ, có khi phải mất nhiều ngày, có khi nhiều tháng, như với những người già mù đi một cách tự nhiên.

Tôi nhìn thấy nó trong khi đi sang phòng kế bên; tôi đứng nhìn, phải, đó là một chiếc gương ngà voi với cán xoắn và khung bằng gỗ mun dày, dọc theo thân có trang trí chữ viết. Tôi lại ngồi xuống và nhìn vào đôi mắt mình, ánh nền nhảy nhót trong đồng tử tôi đẹp làm sao - cặp đồng tử đã chứng kiến bàn tay tôi vẽ trong sáu mươi năm.

"Thầy Bihzad đã làm chuyện đó như thế nào?" tôi lại tự hỏi.

Không rời mắt khỏi gương, với những động tác thành thạo của một phụ nữ đang bôi phấn lên mi mắt, tay tôi tự tìm thấy cây kim. Không do dự, như thể đang dùi lỗ vào đầu quả trứng đà điều sắp được trang trí, tôi can đảm, bình tĩnh và kiên quyết ấn cây kim vào đồng tử mắt phải. Ruột tôi quặn lại, không phải bởi vì tôi cảm thấy việc mình đang làm, mà bởi vì tôi thấy chuyện tôi đang làm. Tôi ấn cây kim vào mắt tôi tới độ sâu bằng một phần tư ngón tay, rồi rút nó ra.

Trong hai câu thơ được khắc trên khung gương, thi sĩ đã chúc cho người đọc luôn luôn xinh đẹp và thông thái - và chúc cuộc sống vĩnh hằng cho

chiếc gương.

Mỉm cười, tôi làm y như vậy với con mắt kia.

Tôi ngồi im hồi lâu. Tôi nhìn thế giới - vào mọi vật.

Như tôi ước đoán, các màu sắc của thế giới không tối đen đi, mà có vẻ như lan quện hết sức nhẹ nhàng vào nhau, ít nhiều tôi vẫn còn nhìn thấy.

Ánh nắng nhọt nhạt chiếu trên lớp vải đỏ sẫm của Quốc khố. Theo trình tự quen thuộc, Trưởng Ngân khố và người của ông ta bẻ lớp xi và mở khóa cửa. Jezmi Agha thay các bô, đèn và thùng sưởi, mang vào bánh mì nóng cùng dâu khô và thông báo với những người khác rằng chúng tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm những con ngựa có cánh mũi được vẽ một cách kỳ cục trong các pho sách của Đức vua. Còn gì tuyệt vời hơn là nhìn vào những bức tranh đẹp nhất thế giới trong khi cố nhớ lại cái nhìn thế giới của Thượng đế?

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 52: Tôi Được Gọi La Siyah

Khi Trưởng Ngân khố và các quan trông coi Quốc khố mở cổng với trình tự trang trọng, hai mắt tôi đã quá quen thuộc với ánh đỏ mượt mà của các gian Quốc khố đến độ ánh nắng sáng sớm mùa đông từ sân Cắm thành Enderun trông có vẻ khủng khiếp. Tôi đứng chết lạng, giống như Sư phụ Osman: Có vẻ như nếu tôi nhúc nhích, những manh mối chúng tôi tìm được trong bầu không khí đặc quánh, đầy bụi bặm, ẩm mốc của Quốc khố có thể sẽ biến mất.

K

Với sự kinh ngạc tò mò, như thể nhìn thấy một vật tuyệt diệu nào đó lần đầu, Sư phụ Osman nhìn chăm chăm ánh sáng đang chiếu tới chúng tôi qua những cái đầu lô nhô của các quan trông coi Quốc khố xếp hàng hai bên cánh cổng mở.

Đêm trước đó, tôi nhìn theo khi ông lật các trang của cuốn Shahnameh. Tôi cũng nhận thấy vẻ kinh ngạc này lướt qua khuôn mặt ông khi bóng ông in trên tường hơi run, đầu ông cúi sát xuống kính lúp, đôi môi ông thoát tiên hơi cong lại, như thể sắp thốt ra một bí mật sung sướng, sau đó thì co giật khi ông nhìn với vẻ kính sợ vào một bức minh họa.

Sau khi cánh cổng được đóng lại, tôi bồn chồn lang thang giữa các căn phòng mà trong dạ lại càng bức bối hơn; tôi lo lắng nghĩ rằng chúng tôi sẽ không có đủ thời gian để thu thập thông tin từ những pho sách trong Quốc khố. Tôi có cảm giác rằng Sư phụ Osman không hết lòng tập trung vào công việc của ông, và tôi nói với ông những hoài nghi của mình.

Giống như một người thầy đích thực đã quen với việc chăm sóc thợ học việc, ông nắm tay tôi theo một kiểu trấn an. "Những kẻ như chúng ta không

có chọn lựa nào ngoài việc cố nhìn thế giới theo cách Thượng đế nhìn và chấp nhận sự phán xét của Người," ông nói. "Và ở đây, giữa những bức tranh và của cải này, ta có cảm giác rõ rệt rằng hai việc này đang bắt đầu quy về một điểm: Khi chúng ta tới gần cách nhìn thế giới của Thượng đế, thì sự phán xét của Người cũng tới gần chúng ta. Xem đây, cây kim mà Thầy Bihzad dùng để tự đâm mù mình..."

Sư phụ Osman lạnh lùng kể câu chuyện về cây kim, và tôi xem xét kỹ đầu mũi cực nhọn của vật thể đáng ghét này dưới chiếc kính lúp mà ông đã hạ thấp để tôi thấy rõ hơn, một màng màu hồng phủ đầu kim. "Những bậc thầy xưa sẽ chịu sự dẫn dắt của lương tâm vì họ đã thay đổi tài năng, màu sắc và phương pháp của mình," Sư phụ Osman nói. "Họ cho rằng thật đáng hổ thẹn khi một ngày nào đó ta nhìn thế giới như một vị vua phương Đông đã ra lệnh, rồi kế đó như một vị vua phương Tây ra lệnh - y như cách nhìn của những họa sĩ thời nay vậy. Đôi mắt ông không nhìn vào mắt tôi mà cũng không nhìn vào trang giấy trước mặt. Có vẻ như ông đang nhìn vào cõi trắng toát xa xôi không thể đạt tới. Trên một trang của cuốn Shahnameh nằm mở trước mặt ông, quân Ba Tư và Turnania đang đánh nhau dữ dội. Khi những con ngựa xáp chiến, những chiến binh anh hùng giận dữ rút gươm và tàn sát nhau với sắc thái và niềm vui như lễ hội, áo giáp của họ bị ngọn giáo của kỵ binh đâm thủng, đầu và tay họ bị chặt rời, xác họ bị xả đôi phơi khắp chiến trường.

"Khi những bậc thầy vĩ đại thời xưa buộc phải chấp nhận phong cách của những kẻ chiến thắng và bắt chước các nhà tiểu họa của họ, họ bảo toàn danh dự bằng cách dùng cảm dùng một cây kim tự đâm mù mắt. Phải, trước khi bóng tối nguyên tuyền của Thượng đế phủ lên đôi mắt họ như một phần thưởng thần thánh, họ đã nhìn chăm chăm một kiệt tác trong nhiều giờ hoặc thậm chí nhiều ngày không nghỉ, và bởi họ ngang bướng nhìn với cái đầu cúi thấp, nên ý nghĩa và thế giới của những bức tranh đó - lấm tấm máu nhỏ từ mắt họ - sẽ thế chỗ cho mọi tai ương mà họ chịu đựng, và trong khi đôi mắt họ từ từ mờ dần, họ sẽ bình yên tiến vào kiếp mù. Con có nghĩ ra bức minh họa nào ta muốn nhìn cho đến khi ta đạt tới cõi tối đen thần thánh của kiếp mù không?"

Giống như một người cố gọi lại ký ức thời thơ ấu, ông dán chặt đôi mắt, với hai đồng tử co lại trong khi tròng trắng nở ra, vào một nơi xa xôi vượt ra ngoài những bức tường Quốc khố.

"Cảnh này, được thể hiện theo phong cách của những bậc thầy Herat xưa, trong đó Husrev, cháy bỏng vì tình yêu, phóng ngựa tới chân hành cung mùa hè của Shirin và chờ đợi!"

Có lẽ bây giờ ông sẽ tiếp tục mô tả bức tranh đó như đang đọc to một bài thơ buồn bã tán dương kiếp mù của những bậc thầy xưa.

"Người thầy vĩ đại của con, cha thân yêu của con," trong một cơn thôi thúc kỳ lạ, tôi ngắt lời, "những gì con muốn nhìn mãi mãi là khuôn mặt thanh tú của người con yêu dấu. Chúng con cưới nhau đã ba ngày rồi. Con đã khao khát nghĩ về nàng suốt mười hai năm qua. Cảnh mà trong đó Shirin phải lòng Husrev sau khi nhìn bức tranh vẽ anh ta chẳng gọi cho con nhớ đến ai khác ngoài nàng."

Vẻ mặt Sư phụ Osman biểu lộ nhiều tâm trạng, có lẽ là sự tò mò, nhưng nó không liên quan đến câu chuyện của tôi cũng không liên quan đến cảnh đánh nhau đẫm máu trước mặt ông. Có lẽ ông đang mong đợi tin tức tốt lành mà nhờ đó ông có thể dần dần thấy nhẹ nhõm. Khi tin chắc ông không nhìn tôi, tôi bất ngờ chộp lấy cây kim và bỏ đi.

Nơi góc tối của căn phòng thứ ba trong Quốc khố, phòng tiếp giáp với dãy nhà tắm, có một góc chứa hàng trăm cái đồng hồ kỳ lạ do các vua chúa Tây vực tặng, nhưng khi chúng ngừng chạy, như chúng vẫn hay ngừng trong một thời gian ngắn, người ta dẹp chúng vào đây. Rút vào căn phòng này, tôi xem xét kỹ cây kim mà Sư phụ Osman cho rằng Bihzad đã dùng để tự đâm mù mình.

Dưới ánh sáng ban ngày màu đỏ lọt vào phản chiếu trên những lớp vôi mặt pha lê và kim cương của những chiếc đồng hồ chết đầy bụi bặm, cái đầu vàng của cây kim, phủ một chất lỏng màu hồng, thỉnh thoảng lại lấp lánh. Liệu thầy Bihzad có thực sự đâm mù mắt mình bằng dụng cụ này không? Sư

phụ Osman có làm chuyện kinh khủng tương tự như thế không? Về mặt của một gã Ma rốc bốn cọt, to bằng cỡ ngón tay, sơn sặc sỡ, gắn chặt vào bộ máy của một trong những chiếc đồng hồ lớn có vẻ như muốn nói: "Phải!". Rõ ràng khi đồng hồ chạy, hình nhân đội khăn xếp Ottoman này sẽ vui vẻ gật đầu khi giờ điểm - một trò vui nho nhỏ của vua Hapsburg, người đã gửi biếu món quà này, cũng như của người thợ làm đồng hồ tài hoa dưới trướng ông ta, để giải trí cho Đức vua và các phi tần của Ngài.

Tôi đã lướt qua nhiều pho sách rất tầm thường: Như ông lùn đã khẳng định, những cuốn này là vật sở hữu của các vương hầu mà tài sản và đồ dùng cá nhân của họ bị tịch thu sau khi họ bị chém đầu. Có quá nhiều vương hầu bị hành hình đến độ những cuốn sách loại này không đếm xuể. Với một niềm vui độc ác ông lùn tuyên bố rằng bất cứ vương hầu nào quá say sưa với sự giàu có và quyền lực của mình đến nỗi quên đi mình là thần dân của Đức vua và dám làm một cuốn sách vinh danh chính mình, tô điểm bằng vàng lá cứ như hấn ta là quốc vương hoặc hoàng đế, thấy đều đáng bị hành hình và tài sản bị sung công.

Ngay cả trong những cuốn sách này, một số chỉ là những cuốn sưu tập tranh, những bản thảo được minh họa hoặc những tập thơ được trang trí, mỗi khi tôi gặp được một phiên bản về chuyện nàng Shirin phải lòng bức tranh vẽ Husrev, tôi đều dừng lại nhìn chăm chú.

Bức tranh trong một bức tranh, nghĩa là, bức tranh của Husrev mà nàng Shirin nhìn thấy khi nàng đi dạo ở ngoại thành, không hề được vẽ một cách chi tiết, không phải vì các nhà tiểu họa không thể vẽ đầy đủ cái gì đó quá nhỏ - nhiều người khéo tay có khả năng vẽ trên các móng tay, hạt gạo hoặc cả trên sợi tóc. Vậy tại sao họ không vẽ khuôn mặt và những đặc điểm của Husrev - đối tượng tình yêu của Shirin - đầy đủ chi tiết để người ta có thể nhận ra? Đôi khi vào buổi chiều, có lẽ để quên nỗi tuyệt vọng của mình, tôi vừa lật qua một tập tranh lộn xộn mà tôi tình cờ cầm lên vừa nghĩ mình sẽ nêu ra những vấn đề như thế với Sư phụ Osman, tôi thốt giật mình khi thấy hình ảnh một con ngựa trong bức tranh trên vải vẽ một đám rước dâu. Tim tôi đập thình thịch.

Trước mặt tôi là con ngựa với cánh mũi lạ kỳ đang chở một cô dâu đom đống. Con vật từ trong tranh cũng nhìn tôi. Có vẻ như con ngựa ma quái này sắp thì thầm với tôi một điều bí mật. Như trong mơ, tôi muốn la to, nhưng không thốt ra lời.

Không chần chừ tôi quơ lấy cuốn sách rồi chạy lách giữa các món đồ và rương hòm đến chỗ Sư phụ Osman, bày trang giấy trước mặt ông.

Ông nhìn xuống bức tranh.

Khi thấy trên gương mặt ông không có vẻ gì nhận ra, tôi hết kiên nhẫn nổi. "Cánh mũi của con ngựa này rất giống cánh mũi vẽ trong cuốn sách cho Enishte của con," tôi kêu lên.

Ông hạ kính lúp xuống hình con ngựa. Ông cúi sát xuống, dí mắt vào tròng kính và bức tranh đến độ mũi ông gần như chạm trang giấy. Tôi không chịu nổi sự im lặng này.

"Sư phụ thấy đó, con ngựa này không được vẽ theo cùng phong cách và phương pháp với con ngựa được vẽ cho cuốn sách Enishte của con," tôi nói, "Nhưng cái mũi thì giống hệt. Người họa sĩ đã cố nhìn thế giới theo cách của người Trung Hoa." Tôi im lặng một lát. "Đó là một lễ cưới. Nó giống một bức tranh Trung Hoan nhưng những nhân vật không phải là người Trung Hoa, họ là dân mình."

Kính của ông thầy như đè sát trang giấy, và mũi ông áp sát mặt kính. Để thấy được, ông không chỉ sử dụng mắt, mà cả đầu, những bắp thịt ở cổ, cái lưng còng và đôi vai với tất cả sức lực.

Im lặng.

"Cánh mũi của con ngựa bị rách mở." cuối cùng ông nói, nín thở.

Tôi tựa sát đầu ông. Má kề má, chúng tôi nhìn cánh mũi ấy một hồi lâu. Tôi buồn rầu nhận ra không chỉ cánh mũi của con ngựa bị rách, mà Sư phụ Osman bây giờ cũng khó thấy được chúng.

"Thầy không thấy rõ, phải không?"

"Chỉ thấy mờ mờ", ông nói. "Thử tả bức tranh coi".

"Nếu thầy hỏi, thì con phải nói rằng đây là một cô dâu u sầu," tôi rầu rĩ nói. "Nàng cười con ngựa xám có cánh mũi bị rách, nàng đang trên đường về nhà chồng, cùng những người tháp tùng và đám hộ tống hoàn toàn xa lạ với nàng. Khuôn mặt của những kẻ hộ tống, vẻ thô lỗ của họ, những hàm râu đen đầy đe dọa, chân mày đầy nếp nhăn, ria mép dày và dài, những thân hình hộ pháp, áo choàng bằng vải mỏng đơn giản, giày nhẹ, mũ trùm đầu lông gấu, rồi riu và mã tấu, tất cả cho thấy họ thuộc bộ tộc Akgoýunly ở Transoxiana. Có lẽ cô dâu xinh đẹp này, có vẻ nàng đang trong chuyến hành trình dài đến chỗ quan tòa bởi nàng đi cùng cô phù dâu vào ban đêm dưới ánh đèn dầu và ánh đuốc là một công chúa Trung Hoa u sầu."

"Hoặc có lẽ đến lúc này chúng ta mới nghĩ cô dâu là người Trung Hoa, bởi vì nhà tiểu họa, để nhấn mạnh vẻ đẹp hoàn mỹ của nàng, đã tô trắng khuôn mặt nàng như người Trung Hoa vẫn làm và vẽ nàng có đôi mắt xếch".
Su phụ Osman nói.

"Dù nàng là ai, tim con cũng đau nhói vì người đẹp muôn phiến này, đang đi trên thảo nguyên lúc nửa đêm cùng đoàn hộ tống người ngoại quốc mặt mày dữ tợn, hướng tới một miền đất lạ và một người chồng mà nàng chưa từng gặp," tôi nói. Rồi tôi thêm: "Làm thế nào qua cánh mũi bị rách của con ngựa nàng cưỡi mà chúng ta xác định được tay tiểu họa ta muốn tìm là ai?"

"Lật các trang kế tiếp của tập tranh rồi nói cho ta nghe con thấy gì," Su phụ Osman bảo.

Ngay lúc đó, ông lùn mà tôi thấy đang ngồi bên khi tôi chạy mang cuốn sách đến cho Su phụ Osman cũng đến bên chúng tôi; cả ba cùng nhìn vào trang sách.

Chúng tôi thấy những thiếu nữ Trung Hoa cực kỳ xinh đẹp được vẽ

giống kiêu cô dâu u sầu ấy đang tụ họp lại với nhau trong vườn để chơi một thứ đàn trông rất lạ mắt. Chúng tôi thấy những ngôi nhà Trung Hoa, những chiếc xe ngựa rầu rĩ đang trong chuyến viễn hành, những cảnh thảo nguyên đẹp như ký ức xa xưa. Chúng tôi thấy những cội cây vắn vẹo cổ quái được vẽ theo phong cách Trung Hoa, hoa xuân đang khoe sắc, và những chú họa mi riu rít hân hoan trên cành. Chúng tôi thấy các ông hoàng theo phong cách Khorasan ngồi trong lều đang bình luận về thi ca, mỹ tửu và tình ái; những khu vườn ngoạn mục; những nhà quý tộc điển trai với những chú chim ưng dũng mãnh bám trên cánh tay, ngồi rất thẳng trên lưng những con ngựa tuyệt đẹp. Rồi, như thể Quỷ sứ đã nhập vào các trang sách; chúng tôi có thể cảm nhận rằng cái xấu trong các bức minh họa là lý do thường xuyên nhất. Không biết nhà tiểu họa có thêm một chút mỉa mai nào vào những động tác của vị hoàng tử anh hùng, kẻ đã giết con rồng bằng ngọn giáo khổng lồ của chàng ta không? Không biết ông ta có hả hê trước sự nghèo khổ của những nông dân bất hạnh đang mong đợi sự an ủi từ vị thủ lĩnh Hồi giáo đang đứng giữa họ không? Liệu ông ta có vui hơn khi vẽ con mắt trống rỗng, rầu rĩ của lũ chó bị mụn lẹo hoặc khi phết một màu đỏ quý quái lên những cái miệng há mở của các bà đang cười khinh bỉ vào những con thú tội nghiệp đó không? Sau đó chúng tôi thấy chính những ma quỷ của nhà tiểu họa: Những sinh vật kỳ quặc trông giống các âm hồn và bọn khổng lồ mà những bậc thầy Herat xưa và các họa sĩ của pho Shahnameh thường vẽ; nhưng tài mỉa mai của nhà tiểu họa này làm chúng trông độc ác, hung hãn và có hình dạng giống con người hơn. Chúng tôi bật cười khi nhìn những ma quỷ ghê sợ này, vóc dáng to bằng cỡ con người nhưng thân thể xấu xí, sừng có nhánh, đuôi mèo. Khi tôi lật các trang, những ma quỷ trần truồng này, chân mày rậm, mặt tròn, mắt lồi, răng nhọn, móng sắc và da nhăn nheo đen sạm như người già, đã bắt đầu cắn và đánh nhau, ăn cắp một con ngựa khổng lồ mà hiến tế cho các thần linh của chúng, nhảy nhót, chơi đùa, đốn hạ cây cối, bắt cóc những công chúa xinh đẹp đang ngồi kiệu, cầm tù những con rồng và cướp bóc châu báu. Tôi đề cập rằng trong cuốn sách này, vốn đã chứng kiến phong cách của nhiều cây cọ khác nhau, nhà tiểu họa có tên Kara Kalem, người đã vẽ bọn ma quỷ này, cũng vẽ những tín đồ khổ tu Kalenderi đầu cạo trọc, quần áo rách bươm, mang lòi tói và gậy sắt, và Su phụ Osman bảo tôi lặp lại từng

điểm tương đồng giữa hai nhóm đó, lắng nghe kỹ những lời tôi nói.

"Rạch cánh mũi ngựa để chúng dễ thở hơn và đi xa hơn là một tục lệ của người Mông Cổ xưa", cuối cùng ông nói. "Quân đội của Hốt Liệt Ngột đã chinh phục cả Ả Rập, Ba Tư và Trung Hoa trên lưng ngựa. Khi họ vào Baghdad, tàn sát dân chúng, cướp bóc và ném tất cả sách vở xuống sông Tigris như chúng ta biết, Ibn Shakir, nhà thư pháp lừng danh, sau đó còn là nhà minh họa, đã chạy khỏi thành phố và thoát được vụ tàn sát này, ông đi về phương bắc ngược con đường mà vó ngựa Mông Cổ đã đến, thay vì về phương nam cùng mọi người khác. Vào thời điểm đó không ai vẽ tranh minh họa bởi điều đó bị kinh Koran cấm, và không ai quan tâm đến các họa sĩ. Chúng ta có được những bí quyết lớn lao nhất trong nghề nghiệp cao quý này là nhờ vào Ibn Shakir, thánh bảo trợ và thầy của mọi nhà tiểu họa: như cách nhìn thế giới từ một ngọn tháp, sự bất biến của đường chân trời dù hữu hình hay vô hình, và việc mô tả tất cả mọi thứ từ đám mây đến loài côn trùng theo cách mà người Trung Hoa đã mừng tượng ra, bằng những màu sắc sống động và tươi tắn. Ta nghe nói rằng ông ta đã chú ý quan sát cánh mũi của bọn ngựa để giữ cho mình luôn đi theo hướng bắc trong chuyến hành trình huyền thoại đi vào trung tâm của người Mông Cổ. Tuy nhiên trong chừng mực ta thấy và nghe nói, thì trong số những con ngựa mà ông đã vẽ ở Samarkand, nơi ông dừng chân sau một năm trời đi bộ bất chấp tuyết giá và thời tiết khắc nghiệt, không một con nào có cánh mũi bị rạch cả. Với ông, những con ngựa trong mơ hoàn hảo không phải là những con ngựa chiến thắng, mạnh khỏe và cường tráng của người Mông Cổ mà ông được biết lúc trưởng thành; mà phải là những con ngựa Ả Rập thanh nhã mà ông đã đau buồn bỏ lại sau lưng trong thời trai trẻ hạnh phúc của mình. Đây là lý do tại sao chiếc mũi kỳ lạ của con ngựa vẽ cho cuốn sách của Enishte không gọi lại cho ta những con ngựa Mông Cổ mà cũng không gọi lại phong tục mà người Mông Cổ truyền bá đến Khorasan và Samarkand này."

Khi nói, Sư phụ Osman lúc nhìn vào cuốn sách, lúc nhìn chúng tôi, như thể ông chỉ thấy được những điều ông gọi lại trong trí tưởng thôi.

"Ngoài lũ ngựa bị rạch lỗ mũi và hội họa Trung Hoa, lũ ma quỷ trong

cuốn sách này cũng là thứ mà bọn người Mông Cổ đã mang đến Ba Tư rồi từ đó đến tận Istanbul này. Hẳn con đã nghe nói chuyện bọn ma quỷ là sứ giả của cái xấu do các thế lực đen tối từ dưới lòng đất sâu phái đến để lấy đi sinh mạng con người và bất cứ thứ gì chúng ta cho là có giá trị và chúng quyết chí đưa chúng ta xuống thế giới của bóng tối và cái chết như thế nào rồi. Trong vương quốc âm ty ấy, mọi thứ, dù là mây, cây, người, chó hay sách, đều có linh hồn và biết nói."

"Đúng vậy," ông già lùn nói. "Có đấng Allah làm chứng cho tôi, có nhiều đêm khi tôi bị nhốt ở đây, không chỉ linh hồn của mấy cái đồng hồ, đĩa sứ Trung Hoa và tô chén pha lê liên tục ngân nga với nhau, mà cả linh hồn của súng, gươm, khiên và mũ sắt nhuốm máu cũng nhộn nhạo rồi bắt đầu trò chuyện om sòm đến độ cả Quốc khố này trở thành chiến trường ồn ào cho một trận giao tranh khốc liệt."

"Những tín đồ khô tu Kalenderi, mà tranh vẽ họ chúng ta đã xem, mang đức tin này từ Khorasan đến Ba Tư, và sau đó đến tận Istanbul đây," Sư phụ Osman nói. "Lúc vua Yavuz Selim cướp bóc lâu đài Bảy tầng trời sau khi đánh bại vua Ismail Bediuzzaman Mirza - một hậu duệ của Tamerlane - đã phản bội vua Ismail và cùng với bọn người Kalenderi vốn là những đệ tử của ông, liên kết với người Ottoman. Trong đoàn người của vua Selim theo ông vượt cái lạnh mùa đông và tuyết giá trở về Istanbul có hai bà vợ của vua Ismail, người ông đã đánh bại ở Chaldiran. Họ là những phụ nữ xinh đẹp nước da trắng ngần, mắt hạnh đào hơi xếch, đi cùng họ là tất cả sách được lưu giữ trong thư viện của cung điện Bảy tầng trời, sách do các bậc thầy trước đó ở Tabriz, người Mông Cổ, người Inkhanid, người Jelayirid và Garagoýunly để lại, và được vị vua đã bị đánh bại thu về như chiến lợi phẩm từ người Uzbek, người Ba Tư và người Timurid. Ta phải xem kỹ những cuốn sách này trước khi Đức vua và Trưởng Ngân khố buộc ta ra khỏi chỗ này."

Nhưng bây giờ mắt ông đã lộ ra sự thiếu phương hướng thường thấy ở người mù. Ông cầm chiếc kính lúp có cán nạm xà cừ vì thói quen hơn là để nhìn. Chúng tôi cùng im lặng. Sư phụ Osman yêu cầu ông lùn, người đã nghe toàn bộ câu chuyện của ông như thể nghe câu chuyện cay đắng nào đó

một lần nữa xác định vị trí và mang lại cho ông một pho sách mà ông đã mô tả kỹ cái bìa. Khi ông lùn đã đi, tôi ngây thơ hỏi thầy mình:

"Vậy ai là tác giả bức minh họa con ngựa trong cuốn sách của Enishte của con?"

"Cả hai con ngựa ta đang bàn tới đều có cánh mũi bị rách," ông nói, "cho dù nó được làm ở Samarkand hay, như ta nói, ở Transoxiana, con ngựa con tìm thấy trong tập tranh này được vẽ theo phong cách Trung Hoa. Còn về con ngựa đẹp trong cuốn sách của Enishte, vốn được vẽ theo phong cách Ba Tư giống những con ngựa diệu kỳ do những bậc thầy Herat vẽ. Quả thực nó là một bức minh họa rất tao nhã, khó mà tìm được một bức tương đương ở bất cứ nơi nào! Nó là con ngựa của nghệ thuật, chứ không phải một con ngựa Mông Cổ."

Nhưng cánh mũi của nó cũng bị rách giống như một con ngựa Mông Cổ đích thực," tôi thì thào.

"Rõ ràng là cách nay hai trăm năm khi người Mông Cổ rút lui và bắt đầu triều đại Tamerlane và những hậu duệ của ngài, một trong những bậc thầy xưa của Herat đã vẽ một con ngựa cực đẹp mà cánh mũi bị rách như thế - do bị ảnh hưởng của một con ngựa Mông Cổ mà ông ta đã thấy hoặc của một nhà tiểu họa khác, người đã vẽ một con ngựa Mông Cổ với cánh mũi bị rách. Không ai biết đích xác nó được làm cho trang nào trong cuốn sách nào và dành cho vị vua nào. Nhưng ta chắc rằng cuốn sách và bức tranh đó rất được ca ngợi và ngưỡng mộ - ai mà biết được, có lẽ bởi một ái phi trong hậu cung của nhà vua - và có một thời chúng đã là huyền thoại! Ta cũng tin chắc chính vì lý do này mà tất cả những nhà tiểu họa tầm thường đã vừa tự lầm bầm với mình một cách đầy ghen tỵ, vừa bắt chước con ngựa này và nhân rộng hình ảnh của nó. Theo cách này, con ngựa kỳ diệu với cánh mũi của nó dần dần trở thành một khuôn mẫu ăn sâu vào đầu óc các họa sĩ trong xưởng đó. Nhiều năm sau, sau khi chủ nhân của họ bị bại trận, những họa sĩ này, giống như những phụ nữ u sầu bị chuyển đến những hậu cung khác, cũng tìm được những chủ nhân mới để làm việc ở những đất nước mới, mang theo họ hình

ảnh xếp gọn trong ký ức về con ngựa mà cánh mũi bị rách một cách khéo léo. Có lẽ do ảnh hưởng của những phong cách khác nhau và những bậc thầy khác nhau tại các xưởng làm việc khác nhau, nhiều họa sĩ đã không còn sử dụng và cuối cùng quên đi hình ảnh khác thường này, tuy nó vẫn còn được lưu giữ trong một góc ký ức họ. Tuy nhiên những họa sĩ khác, trong các xưởng vẽ mới mà họ gia nhập, không chỉ vẽ những con ngựa có cánh mũi bị rách một cách tao nhã, mà còn dạy các thợ học việc giỏi của mình vẽ theo như thế với lời khích lệ đại loại như các bậc thầy xưa thường vẽ như vậy. Thế là theo cách này, rất lâu sau khi người Mông Cổ và những con ngựa khỏe mạnh của họ rút khỏi Ba Tư và Ả Rập, rồi nhiều thế kỷ sau khi cuộc sống mới đã phục hồi trong các thành phố bị tàn phá và hỏa hoạn, một số họa sĩ vẫn tiếp tục vẽ ngựa theo kiểu này, lòng đỉnh ninh đó là mẫu mực chuẩn. Ta cũng tin chắc rằng nhiều kẻ khác, vốn hoàn toàn không biết gì về kỵ binh Mông Cổ xâm lược và cái mũi bị rách của những con ngựa họ cưỡi, vẫn vẽ ngựa theo cách chúng ta vẽ ở xưởng chúng ta, và nhất quyết rằng đây cũng là 'một mẫu mực chuẩn'."

"Thưa Sư phụ yêu quý," tôi nói, đầy kính sợ, "như chúng ta đã hy vọng, 'phương pháp gái điếm' của thầy thật sự đã đưa ra một câu trả lời. Có vẻ như mỗi họa sĩ đều có chữ ký giấu kín của riêng anh ta."

"Không phải mỗi họa sĩ, mà là mỗi xưởng vẽ," ông nói đầy tự hào. "Và thậm chí không phải mỗi xưởng vẽ nữa kia. Trong những xưởng nghèo khổ, như trong những gia đình khốn khó, mỗi người nói theo một giọng khác nhau trong suốt nhiều năm mà không hiểu được rằng hạnh phúc luôn sinh ra từ sự hòa hợp và, như một điều tất nhiên, sự hòa hợp trở thành niềm hạnh phúc."

Một số họa sĩ cố minh họa giống như người Trung Hoa, một số khác giống người Thổ Nhĩ Kỳ, một số nữa thì giống trường phái Shiraz, họ ganh đua nhau suốt bao năm, không bao giờ đạt được một sự hợp nhất hạnh phúc - giống như một cặp vợ chồng không được thỏa mãn."

Tôi thấy nét mặt ông lộ rõ lòng tự hào; vẻ mặt của một người vốn muốn

trở nên đầy quyền thế giờ đây đã thế chỗ cho nét mặt một ông già râu rĩ tội nghiệp mà tôi đã thấy ở ông bấy lâu nay.

"Thưa Sư phụ yêu quý," tôi nói, "suốt hai mươi năm ở Istanbul này, thầy đã kết hợp nhiều họa sĩ khác nhau từ khắp nơi trên thế giới, những con người đủ mọi bản chất và tính khí, thành một thể hòa hợp để thầy có thể tạo ra và định dạng được phong cách Ottoman."

Tại sao lòng kính sợ mà tôi vừa mới cảm thấy đây lại nhường chỗ cho thói đạo đức giả khi tôi nói lên những tình cảm của mình? Phải chăng, nếu muốn lời tán dương một con người - mà tài năng và sự lão luyện của người đó thực sự làm chúng ta kinh ngạc - là một lời tán dương chân thật, thì trước hết ông ta cần phải mất hầu hết quyền lực cùng ảnh hưởng của mình và trở nên đôi chút đáng thương?

"Vậy bây giờ tên lùn đó đang nấp ở đâu?" ông hỏi.

Ông nói điều này theo cách những kẻ có quyền lực hài lòng trước những lời tán tụng nhưng mơ hồ nhớ ra rằng họ không nên như thế - cứ như ông muốn đổi đề tài.

"Dù là một bậc thầy vĩ đại của những truyền thuyết và phong cách Ba Tư, thầy đã tạo ra một thế giới minh họa riêng biệt xứng đáng với sức mạnh và danh tiếng của Ottoman," tôi thì thầm. "Thầy là người đã mang đến cho nghệ thuật sức mạnh của thanh gươm Ottoman, những màu sắc lạc quan của chiến thắng Ottoman, sự quan tâm và chú ý vào vật thể và công cụ, và quyền tự do hưởng một lối sống thoải mái. Thưa Sư phụ yêu quý, vinh dự lớn nhất của đời con là được nhìn những kiệt tác của những bậc thầy huyền thoại xưa này cùng với thầy..."

Tôi thì thầm như vậy hồi lâu. Trong bóng tối giá lạnh và cảnh bừa bộn của Quốc khố giống như một bãi chiến trường hoang vắng, thân thể chúng tôi sát vào nhau đến độ tiếng thì thầm của tôi trở thành một biểu hiện của sự gần gũi.

Lát sau, như với người mù vốn không thể kiểm soát những biểu hiện trên nét mặt, đôi mắt Sư phụ Osman mang vẻ của một ông già chìm đắm trong niềm vui. Tôi ca ngợi người thầy già này hết lời, có lúc với xúc cảm tận đáy lòng, có lúc run rẩy với nỗi khiếp sợ sâu xa mà tôi cảm thấy đối với người mù.

Ông cầm tay tôi với những ngón tay lạnh giá, vuốt ve cánh tay tôi và sờ mặt tôi. Sức mạnh và tuổi tác của ông có vẻ truyền vào tôi qua những ngón tay ông. Tôi, một lần nữa, lại nghĩ đến Shekure đang chờ tôi ở nhà.

Chúng tôi đứng im như vậy hồi lâu, các trang sách mở trước mặt chúng tôi như thể lời ca ngợi hào phóng của tôi và lòng tự ngưỡng mộ cùng tự thương thân của ông làm chúng tôi quá mệt mỏi đến độ đang phải nghỉ ngơi. Chúng tôi thấy ngượng với nhau.

"Tay lùn đó đi đâu rồi?" ông lại hỏi.

Tôi chắc rằng ông lùn xảo quyết đó đang nấp trong hốc nào đó theo dõi chúng tôi. Cứ như đang tìm ông ta, tôi quay sang phải rồi sang trái, nhưng mắt vẫn chú ý nhìn Sư phụ Osman. Ông ta thực sự mù hay đang cố tìm cách thuyết phục thế giới này, kể cả chính ông ta rằng ông ta đã bị mù? Tôi từng nghe nói, một số thợ cả bắt tài ngày xưa ở Shiraz lúc về già đã giả bộ mù để được tôn trọng và ngăn không cho người khác đề cập đến những thất bại của họ.

"Ta thích chết ở đây," ông nói.

"Thưa Sư phụ yêu quý," tôi cố xoa dịu ông, "trong thời đại này khi giá trị không được đặt vào hội họa mà đặt vào tiền bạc kiếm được từ việc vẽ tranh, không đặt vào những lão sư phụ mà đặt vào những kẻ bắt chước bọn Tây vực, con hiểu rất rõ điều thầy nói đến độ con những muốn khóc. Nhưng nhiệm vụ của thầy là bảo vệ những thợ cả minh họa của thầy khỏi tay kẻ thù của họ. Làm ơn cho con biết thầy đã rút ra kết luận gì từ 'phương pháp gài điếm'? Nhà tiêu họa đã vẽ con ngựa đó là ai?"

"Zeytin." Ông nói điều đó với một vẻ thoải mái đến độ tôi không kịp ngạc nhiên.

Ông im lặng.

"Nhưng ta cũng chắc chắn rằng Zeytin không phải là người giết Enishte của con hay Zarif Kính mến bất hạnh," ông nói một cách bình thản. "Ta tin rằng Zeytin đã vẽ con ngựa đó bởi vì anh ta là người gắn bó nhất với các bậc thầy xưa, người biết cặn kẽ nhất những truyền thuyết và phong cách của Herat, và quan hệ thầy trò của anh ta có gốc gác từ tận Samarkand. Bây giờ ta biết con sẽ không hỏi ta, 'Tại sao chúng ta không gặp những cánh mũi đó trong những con ngựa khác mà Zeytin đã vẽ bao năm qua?' Vì ta đã nói rằng nhiều khi có một chi tiết - đôi cánh một con chim, cách đính một chiếc lá vào thân cây - có thể được lưu giữ trong ký ức qua nhiều thế hệ, truyền từ thầy đến thợ học việc, nhưng có thể nó không hiện ra trên trang giấy do tác động của một ông thầy có tính khí thất thường hoặc cứng rắn, hoặc do những thị hiếu hay ý thích nào đó của một xưởng vẽ hoặc vị vua nào đó. Vì vậy đây là con ngựa mà Zeytin yêu quý hồi thơ ấu đã học trực tiếp từ những bậc thầy Ba Tư mà không quên được. Việc con ngựa bất ngờ xuất hiện vì cuốn sách của Enishte là một trò đùa cợt quái ác trong những trò của đấng Allah. Chẳng phải tất cả chúng ta xem những bậc thầy Herat xưa là mẫu mực của mình sao? Giống như đôi với những nhà minh họa Thổ Nhĩ Kỳ, một phụ nữ đẹp có nghĩa là một phụ nữ mang những nét Trung Hoa, chẳng lẽ chúng ta không từng nghĩ về những kiệt tác Herat mỗi khi nói về những bức tranh tuyệt hảo sao? Tất cả chúng ta đều ngưỡng mộ họ hết lòng. Herat của Bihzad là nơi nuôi dưỡng cả ngành nghệ thuật này và làm chỗ dựa cho Herat này là những kỹ sĩ Mông Cổ và người Trung Hoa. Tại sao Zeytin, vốn gắn bó trọn vẹn với những truyền thuyết của Herat, lại phải giết Zarif tội nghiệp, người thậm chí gắn bó hơn - thậm chí tận tụy một cách mù quáng - với chính những phương pháp xưa đó?"

"Vậy là ai," tôi hỏi. "Kelebek à?"

"Leylek!" Ông nói. "Tự thâm tâm ta biết vậy, bởi ta quá quen với thói

tham lam và cơn cuồng nộ của anh ta. Nghe này, rất có thể là Zarif, trong khi mạ vàng cho Enishte của con, người bắt chước một cách ngu ngốc và vụng về những phương pháp Tây vực đã dần dần tin rằng công trình này có thể ít nhiều nguy hiểm. Vì anh ta đủ ngốc để sốt sắng lắng nghe lời ngỏ ngẩn của tay thuyết giáo đàn độn xứ Erzurum - thật không may, những thợ cả mạ vàng, dù gần gũi Thượng đế hơn các họa sĩ, cũng đáng chán và ngu ngốc - và hơn nữa, bởi vì anh ta biết cuốn sách của Enishte khờ khạo của con là một dự án quan trọng của Đức vua, nỗi sợ hãi và nghi ngờ của anh ta xung đột nhau: Anh ta nên tin vào Đức vua hay tin tay thuyết giáo xứ Erzurum? Vào bất cứ lúc nào khác, đưa đồ đệ bất hạnh này, mà ta biết rõ như lòng bàn tay mình vậy, sẽ đến gặp ta để nói về tình trạng khó xử đang giày vò anh ta. Nhưng thậm chí anh ta, với đầu óc chim sẻ, cũng biết rất rõ rằng việc mạ vàng cho Enishte của con, vốn bắt chước bọn Tây vực rốt cuộc là sự phản bội lại ta và cả phường hội của chúng ta; thế nên anh ta tìm kiếm một người bạn tâm tình khác. Anh ta tâm sự với Leylek đầy tham vọng và xảo quyệt, và phạm sai lầm là kính sợ trí tuệ và đạo đức của một người mà tài năng gây ấn tượng cho anh ta. Ta đã nhiều lần chứng kiến Leylek thao túng Zarif bằng cách lợi dụng sự ngưỡng mộ của chàng thợ mạ vàng tội nghiệp này. Dù giữa hai đứa đã xảy ra cuộc tranh luận nào đi nữa, nó cũng đều dẫn đến việc Leylek giết Zarif Kính mến. Và vì người chết từ lâu đã thổ lộ những lo âu của anh ta với dân Erzurum cho nên họ, trong cơn sốt báo thù và để chứng minh sức mạnh của mình, đã giết Enishte của con, kẻ sùng bái phương Tây, người mà họ cho là chịu trách nhiệm về cái chết của bạn họ. Ta không thể nói là ta hết sức đau buồn trước sự vụ này. Nhiều năm trước, Enishte của con đã dụ Đức vua thuê một họa sĩ Venice - tên hắn ta là Sebastiano - vẽ một bức chân dung cho Ngài theo phong cách Tây vực như thể Ngài là vua của bọn ngoại giáo. Không hài lòng với điều đó, như muốn xúc phạm phẩm giá của ta, ông ta đã giao cho ta sao lại tác phẩm đáng hổ thẹn này; và vì quá sợ Đức vua nên ta đã sao lại bức tranh đó, vốn được vẽ theo những phương pháp của bọn ngoại giáo. Giá ta không bị buộc phải làm điều đó thì chắc ta đã có thể thương tiếc cho Enishte của con và hôm nay giúp tìm ra tên đốn mạt đã giết ông ta. Nhưng mối quan tâm của ta không phải dành cho Enishte của con, mà dành cho xưởng làm việc của ta. Enishte của con chịu trách nhiệm về

chuyện những nhà tiểu họa bậc thầy - nhưng người ta yêu thương cứ như con ruột của ta, những kẻ ta đã ân cần dạy bảo suốt hai mươi lăm năm - đã phản bội ta và toàn bộ truyền thống nghệ thuật của chúng ta như thế. Ông ta chịu trách nhiệm về việc họ bắt chước nhiệt tình những bậc thầy châu Âu với cách biện minh rằng 'đó là ý của Đức vua'. Mỗi vị thầy xấu xa đó chẳng đáng được hưởng cái gì ngoài sự tra tấn! Nếu chúng ta, giới tiểu họa, biết phục vụ trước hết tài năng và nghệ thuật của chính chúng ta thay vì phục vụ Đức vua, người đem lại cho chúng ta công việc, thì chúng ta sẽ tìm được lối vào Cổng Thiên đàng. Còn bây giờ, ta muốn nghiên cứu cuốn sách này một mình."

Sư phụ Osman nói câu cuối cùng này giống như ước muốn cuối cùng của một vương hầu mệt mỏi muôn phiên, người chịu trách nhiệm về thất bại quân sự và bị kết án chém đầu. Ông mở cuốn sách mà Jezmi Agha đã đặt trước mặt ông và bằng giọng gắt gỏng ra lệnh cho tên lùn lặt ra các trang ông muốn. Với giọng kết tội này, ông lập tức trở lại thành Trưởng ban Trang trí, người mà cả xưởng vẽ đã quá u quen thuộc.

Tôi rút vào một góc giữa những tấm nệm thêu đính ngọc, những khẩu súng trường nòng hoen gỉ với báng súng nạm ngọc cùng những chiếc tủ, rồi bắt đầu quan sát Sư phụ Osman. Mỗi nghi ngờ đang gặm nhấm tôi đã lan khắp người tôi: Nếu Sư phụ Osman muốn dừng việc thực hiện cuốn sách của Đức vua lại, điều đó khiến tôi cảm nhận rõ rệt rằng có thể chính ông đã sắp đặt việc giết Zarif tội nghiệp và sau đó đến lượt Enishte của tôi - tôi tự trách mình đến bây giờ vẫn cảm thấy kính sợ như thế đối với ông ta. Mặt khác, tôi không thể ngăn được lòng kính trọng sâu sắc đối với bậc thầy vĩ đại này, người hiện đang đắm mình vào bức tranh trước mặt ông và, dẫu mù hoặc gần như mù, đang nhìn kỹ nó như thể đang nhìn bằng vô số nếp nhăn trên khuôn mặt mình. Tôi hiểu ra rằng để bảo tồn phong cách cũ và chế độ sinh hoạt cho xưởng vẽ của các nhà tiểu họa, để gỡ bản thân ông khỏi cuốn sách của Enishte và lại trở thành sủng thần duy nhất của Đức vua, ông sẽ vui lòng giao nộp bất cứ ai trong đám tiểu họa của ông, và cả tôi nữa, cho những kẻ tra tấn của Chỉ huy Ngự lâm quân. Tôi bắt đầu giận dữ nghĩ đến việc phải vượt thoát khỏi tình yêu vốn đã buộc tôi vào ông trong hai ngày qua.

Hồi lâu sau tôi vẫn còn hết sức bối rối. Tôi tình cờ nhìn vào nhưng trang đã tô điểm của những cuốn sách mà tôi rút ra từ mấy cái tủ chỉ để xoa dịu lũ ma quỷ đang nổi dậy trong tôi và để làm xao lãng những âm hồn do dự của tôi.

Bao nhiêu đàn ông và phụ nữ đã đưa ngón tay vào miệng họ! Điều này được xem như một cử chỉ biểu lộ sự ngạc nhiên trong mọi xưởng vẽ từ Samarkand đến Baghdad suốt hai trăm năm nay. Khi người anh hùng Keyhusrev, bị kẻ thù dồn vào đường cùng, đã an toàn băng qua sông Oxus hung dữ với sự trợ giúp của Allah và con ngựa ô của ông, tay lái bè xấu xa cùng bọn trạo phu của hắn, kẻ đã từ chối không cho ông qua sông bằng bè của hắn, mỗi đứa trong bọn đó đều cho ngón tay vào miệng. Một ngón tay của Husrev đầy kinh ngạc vẫn còn nằm trong miệng anh ta khi anh ta lần đầu thấy vẻ đẹp của Shirin, với làn da trông giống ánh trăng khi nàng tắm trong hồ nước lung linh với lá bạc đã xỉn màu. Tôi thậm chí dành nhiều thời gian hơn để nghiên cứu cẩn thận những phi tần tuyệt đẹp trong hậu cung, những người, với ngón tay đút miệng, đứng đằng sau những cánh cửa lâu đài hé mở, sau cánh cửa sổ không thể nào với tới trên những ngọn tháp và nhìn ra từ phía sau những bức màn. Khi Tejav, bị quân đội Ba Tư đánh bại và mất ngai vàng, đang trốn khỏi chiến trường, Espinuy, một trong những mỹ nhân và là một ái phi trong hậu cung của ông, đã đau buồn và choáng váng từ một cửa sổ lâu đài nhìn theo ông, ngón tay đút trong miệng, đôi mắt như van xin ông đừng bỏ nàng lại cho kẻ thù. Khi Yusuf, bị bắt do lời cáo gian của Zuleyha rằng ông đã cưỡng hiếp nàng, bị đưa đến xà lim, nàng ta nhìn qua cửa sổ, một ngón tay đút vào cái miệng xinh đẹp của nàng thể hiện sự độc ác và dục vọng hơn là bối rối. Khi những tình nhân đầy hạnh phúc nhưng u buồn, xuất hiện cứ như từ một bài thơ tình, bị cuốn đi dưới sức mạnh của nỗi đam mê và mỹ tửu trong một khu vườn gợi đến cảnh Thiên đàng, một cô tớ gái ác tâm theo dõi họ cũng với một ngón tay thèm khát trong cái miệng đỏ au.

Dẫu nó là hình ảnh tiêu chuẩn được ghi vào sổ tay và ký ức của các nhà tiểu họa, ngón tay thon dài đưa vào miệng một phụ nữ xinh đẹp của mỗi thời đều có một vẻ tao nhã khác nhau.

Những bức minh họa đã an ủi tôi được bao nhiêu? Khi trời sụp tối, tôi đến chỗ Sư phụ Osman mà nói:

"Thầy yêu quý, khi nào công mở lại, nếu thầy cho phép, con sẽ rời khỏi Quốc khổ này."

"Con muốn thế à!" ông nói. "Chúng ta vẫn còn một đêm và một buổi sáng. Con đã xem thỏa thuê những bức minh họa vĩ đại nhất mà thế giới này từng biết đến nhanh như thế sao!"

Khi nói điều này, ông không quay khỏi trang giấy trước mặt ông, nhưng hai đồng tử mờ đục của ông khẳng định ông thực sự đang dần dần mù đi.

"Chúng ta đã biết bí mật về cánh mũi của con ngựa," tôi tự tin nói.

"Ha!" ông nói. "Phải! Phần còn lại tùy quyết định của Đức vua và Trưởng Ngân khố. Có lẽ họ sẽ tha cho tất cả chúng ta."

Ông đã chỉ đích danh Leylek là kẻ giết người sao? Tôi thậm chí không dám hỏi vì sợ, vì tôi lo ông sẽ không cho phép tôi ra về. Thậm chí tệ hại hơn, tôi cứ nghĩ rằng ông có thể buộc tội cả tôi.

"Cái kim cài lông chim mà Bihzad dùng để tự đâm mù mình đã đâu mất rồi," ông nói.

"Rất có thể ông lùn đã trả nó về chỗ cũ, tôi nói. "Trang trước mặt thầy lộn lầy quá."

Mặt ông sáng ngời như mặt đứa bé, và ông mỉm cười. "Husrev, cháu bồng yêu đương, khi chàng ngồi trên ngựa chờ Shirin trước lâu đài của nàng lúc nửa đêm," ông nói. "Được vẽ theo phong cách của những bậc thầy Herat xưa."

Giờ ông đang nhìn bức tranh như thể ông thấy được nó, nhưng thậm chí ông không cảm kính lúp lên.

"Con có thấy vẻ tráng lệ của những chiếc lá trên cây trong đêm tối, hiện ra từng chiếc một cứ như tỏa sáng từ bên trong giống các vì sao hoặc những đóa hoa xuân, đường nét trang hoàng trên tường gợi lên sự kiên nhẫn nhún nhường, vẻ tao nhã trong cách sử dụng miếng vàng lá và sự cân bằng tinh tế trong toàn bộ bố cục của bức tranh không? Con ngựa của Husrev tuần tú cũng duyên dáng và tao nhã như một phụ nữ. Shirin yêu dấu của chàng đang chờ ở cửa sổ phía trên. Cổ nàng cúi xuống, nhưng mặt nàng đầy tự hào. Như thể đôi tình nhân đó vẫn còn ở đây mãi mãi trong ánh sáng phát ra từ kết cấu của bức tranh, làn da và những màu sắc tinh tế vốn được nhà tiểu họa tô lên một cách khéo léo. Con có thể thấy khuôn mặt của họ hơi hướng vào nhau trong khi thân mình của họ hơi ngả về phía chúng ta - vì họ biết họ đang ở trong một bức tranh và vì thế chúng ta thấy được họ. Đây là lý do tại sao họ không giống những nhân vật mà chúng ta thấy quanh ta. Hoàn toàn ngược lại, họ hàm ý rằng họ hiện lên từ ký ức của đấng Allah. Điều này lý giải vì sao thời gian đã ngừng trôi đối với họ trong bức tranh đó. Cho dù nhịp điệu câu chuyện họ kể trong bức tranh nhanh đến thế nào đi nữa, bản thân họ sẽ vẫn mãi mãi ở đó, giống như những thiếu nữ e thẹn, lễ phép và có giáo dục, không làm bất cứ cử chỉ đường đột nào với bàn tay, cánh tay, thân thể hoặc thậm chí đôi mắt họ. Đối với họ, mọi thứ trong màn đêm màu xanh nước biển này đã đông cứng: Con chim bay trong bóng tối giữa những vì sao, với một cái vẫy cánh giống như trái tim đang đập của chính đôi tình nhân này, và đồng thời vẫn được cố định vĩnh viễn như thể bị đóng chặt vào bầu trời trong phút giây vô song này. Các bậc thầy Herat xưa, những người biết rằng màn đen như nhung của Thượng đế đang trùm xuống mắt họ như một bức màn, cũng biết rằng nếu họ bị mù trong khi nhìn chăm chăm bất động vào một bức minh họa như thế trong nhiều ngày nhiều tuần liên tục, thì linh hồn họ cuối cùng sẽ hòa vào sự vĩnh cửu của bức tranh."

Vào giờ cầu kinh tối, khi cổng Quốc khố được mở ra với cùng trình tự đó và dưới cái nhìn cũng của đám người đó, Su phụ Osman vẫn nhìn chăm chú vào trang giấy trước mặt ông, vào con chim đang bay bất động trên bầu trời. Nhưng nếu bạn nhận ra vẻ mờ đục trên đồng tử của ông, bạn cũng sẽ thấy rằng ông nhìn vào trang giấy một cách kỳ lạ, như người mù đôi khi định hướng không chính xác thức ăn trước mặt họ.

Các quan trông coi Quốc khố biết rằng Su phụ Osman sẽ ở lại trong đây và biết Jezmi Agha vẫn ở ngay nơi cửa, nên đã quên lục soát tôi kỹ lưỡng và không tìm thấy cây kim tôi giấu trong lớp áo lót. Khi từ sân lâu đài bước ra đường phố Istanbul tôi rẽ vào một hẻm nhỏ và lấy vật khủng khiếp đó ra, vật mà Bihzad huyền thoại đã dùng để tự đâm mù mắt mình, nhét nó vào khăn quàng.

Tôi gần như chạy qua các phố.

Cái lạnh trong các phòng Quốc khố đã ngấm quá nhiều vào xương tủy tôi đến độ tôi tưởng như thời tiết dễ chịu của mùa xuân sớm đã về trên khắp đường phố. Khi tôi đi ngang qua tiệm tạp hóa, tiệm cắt tóc, tiệm dược thảo, cửa hàng rau và trái cây và hàng bán củ của khu chợ Quán trọ cũ, từng gian hàng đang lần lượt đóng cửa nghỉ, tôi bước chậm lại và cẩn thận xem xét những thùng rượu, vải trải giường, những củ cà rốt, những chiếc bình trong cửa hàng ám áp thấp đèn dầu.

Con phố của Enishte của tôi (tôi vẫn chưa quen gọi nó là "con phố của Shekure" chứ đừng nói là "con phố của tôi") có vẻ thậm chí lạ lẫm và xa xôi hơn sau hai ngày tôi vắng mặt. Nhưng niềm vui của việc được gặp lại và nói chuyện với Shekure của tôi, và ý nghĩ rằng tôi có thể chui vào giường của người yêu tôi tối nay - vì tên giết người gần như đã bị bắt - khiến tôi cảm thấy gần gũi với cả thế giới này đến độ, khi thấy cây lựu và những tấm rèm đã được sửa lại và đóng kín, tôi phải kìm mình để đừng la to lên giống một nông dân hò hét với ai đó bên kia dòng suối. Khi gặp Shekure, tôi muốn lời đầu tiên thốt ra từ miệng tôi là, "Bọn anh đã biết tên giết người đê tiện đó là ai rồi!" Tôi mở cổng sân. Tôi không chắc có phải qua tiếng cọt kẹt của cánh cổng, vẻ vô tư lự của con chim sẻ đang giải khát ở cái xô đựng nước giếng, hay vẻ tối đen của ngôi nhà, mà với linh cảm như chó sói của một người từng sống cô độc suốt mười hai năm, tôi lập tức hiểu rằng không có ai trong nhà. Ngay cả khi cay đắng nhận ra rằng mình đã bị bỏ mặc, người đó vẫn sẽ mở và đóng tất cả các cửa, các tủ, thậm chí còn giở nắp các xoong nồi, và tôi đã làm như thế. Thậm chí tôi còn nhìn vào trong những cái rương.

Trong cảnh im lặng này, âm thanh duy nhất tôi nghe là tiếng đập thành thịch của trái tim tôi. Giống như một lão già đã làm mọi việc cần làm, tôi cảm thấy được an ủi khi bất ngờ đeo vào người thanh gươm mà tôi luôn giấu dưới đáy cái rương kín đáo nhất. Đây là thanh gươm có chuôi bằng ngà, nó luôn tạo cho tôi cảm giác bình yên và cân bằng trong suốt những năm tôi làm việc với giấy bút. Sách vở, mà chúng ta lầm tưởng là nguồn an ủi, chỉ làm tăng thêm nỗi u sầu của chúng ta thôi.

Tôi xuống sân. Con chim sẻ đã bay mất. Như thể rời bỏ một con tàu đang chìm, tôi rời căn nhà trong cái lặng im của đêm đen sắp đến.

Con tim tôi, giờ tự tin hơn, bảo tôi hãy chạy đi tìm họ. Tôi chạy, nhưng tôi chậm lại ở những nơi đông đúc và các sân thánh đường nơi lũ chó đánh hơi được dấu vết tôi và sung sướng chạy theo, cứ như chúng tiên đoán được một trò vui nào đó.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 53: Tôi Là Esther

Tôi đang nấu món xúp đậu lãng cho bữa tối thì Nesim nói "Có khách đến." Tôi vừa đáp "coi chung đừng để nồi xúp khét," vừa trao cho ông ấy cái thìa, rồi cầm bàn tay già nua của ông ấy mà đảo vài cái trong nồi. Nếu ta không làm cho họ thấy, họ sẽ đứng đó suốt mấy giờ đồng hồ, cứ thọc thọc cái thìa vào nồi một cách vô tích sự.

T

Khi thấy Siyah trước cửa, tôi chẳng cảm thấy gì ngoài thương hại cho anh ta. Có một vẻ gì đó trên khuôn mặt anh ta khiến tôi sợ không dám hỏi chuyện gì đã xảy ra.

"Đừng vô nhà." tôi nói, "để tôi thay đồ rồi mình đi ngay." Tôi mặc bộ đồ màu hồng và vàng mà tôi vẫn mặc khi được mời dự các lễ hội trong Tháng Ramadan, những bữa đại tiệc thừa mứa, những lễ cưới lê thê, và cầm chiếc túi ngày lễ lên. "Chùng nào về em sẽ ăn sau," tôi nói với Nesim tội nghiệp.

Siyah và tôi băng qua một con phố trong khu Do Thái nhỏ bé của tôi với những ống khói đang nhả khói, giống những ấm đun nước phun ra hơi nóng, và tôi nói:

"Chồng cũ của Shekure trở về rồi." Siyah im lặng và cứ như thế cho đến khi chúng tôi rời khỏi khu Do Thái. Mặt anh ta tái nhợt, màu của ngày đang tàn.

"Họ đang ở đâu?" Một lúc sau anh ta hỏi.

Qua câu hỏi này tôi đoán rằng Shekure và bọn trẻ không có ở nhà. "Họ ở nhà của họ," tôi nói. Bởi vì ý tôi muốn nói nhà trước đây của Shekure, và biết ngay điều này sẽ đốt tan nát trái tim của Siyah, nên tôi mở cánh cửa hy

vọng cho anh ta bằng cách kèm thêm cụm từ "có lẽ vậy" vào cuối câu nói.

"Chị có thấy người chồng vừa trở về của cô ấy không?" anh ta hỏi, nhìn sâu vào mắt tôi.

"Tôi không thấy ông ta mà cũng không thấy Shekure trốn ra khỏi nhà."

"Vậy làm sao chị biết họ đã rời khỏi nhà?"

"Qua nét mặt anh."

"Nói cho tôi nghe mọi chuyện đi," anh ta nói một cách dứt khoát.

Siyah quá rối trí đến độ anh ta không hiểu rằng Esther - mà con mắt chị ta luôn luôn tại cửa sổ, tai chị ta luôn luôn áp sát đất, không bao giờ có thể "nói mọi thứ" nếu chị ta muốn tiếp tục là Esther, kẻ tìm chồng cho rất nhiều thiếu nữ mơ mộng và gõ cửa rất nhiều ngôi nhà bất hạnh.

"Tôi nghe nói rằng Hasan, em chồng cũ của Shekure đã đến nhà anh," - anh ta phàn khởi lên khi tôi nói 'nhà anh' - "rồi nói với Shevket rằng cha nó đang trên đường về nhà, rằng ông ta sẽ về tới vào khoảng giữa trưa, và nếu ông ta không thấy mẹ với em trai của Shevket trong ngôi nhà chính danh của họ, ông ta sẽ giận lắm. Shevket kể lại với mẹ nó, cô ta hành động rất cẩn trọng, nhưng không thể quyết định được gì. Tới giữa trưa Shevket đã bỏ nhà đi về ở với chú Hasan và ông nội nó."

"Chị lấy đâu ra những chuyện này vậy?"

"Bộ Shekure không nói với anh là suốt hai năm qua Hasan lên kế hoạch nhằm lôi cô ấy trở về nhà anh ta sao? Có thời kỳ Hasan nhờ tôi chuyển thư cho Shekure luôn."

"Cô ấy có bao giờ trả lời không?"

"Tôi biết nhiều loại phụ nữ khác nhau ở Istanbul", tôi nói đầy tự hào "không có người phụ nữ nào gắn bó với gia đình, chồng và danh dự của

mình như Shekure đâu."

"Nhưng hiện giờ tôi là chồng cô ấy."

Giọng của anh ta vẫn mang vẻ thiếu chắc chắn vốn luôn khiến tôi thấy nản lòng. Thật kỳ lạ, dù Shekure chạy về phía bên nào, thì bên kia cũng cảm thấy suy sụp.

"Hasan có viết một lá thư ngắn đưa cho tôi bảo trao cho Shekure. Trong thư nói chuyện Shevket đã quay về nhà và chờ cha nó trở về thế nào. Shekure đã bị gả đi trong một lễ cưới bất hợp pháp ra sao, Shevket đã đau khổ thế nào vì người chồng giả kia, kẻ được coi là cha mới của nó và nó không bao giờ trở về nhà nữa".

"Shekure phản ứng ra sao?"

"Cô ấy với Orhan tội nghiệp đã chờ anh suốt đêm."

"Còn Hayriye thì sao?"

"Hayriye trong nhiều năm đã chờ đợi cơ hội để nhấn chìm cô vợ xinh đẹp của anh trong một muông nước. Điều đó lý giải vì sao cô ta ngủ với Enishte, cầu cho ông ta được yên nghỉ. Khi Hasan nhận thấy Shekure đã trải qua một đêm cô đơn trong nỗi sợ hãi cả kẻ giết người lẫn ma quỷ, anh ta bèn nhờ tôi chuyển một lá thư nữa."

"Anh ta viết gì trong đó?"

Tạ ơn Thượng đế là Esther bất hạnh của các vị không biết đọc biết viết, vì khi những quý ông giận dữ và những ông bố cúi kính hỏi câu hỏi này, cô ta có thể nói: "tôi đâu biết đọc, chỉ gương mặt của những thiếu nữ xinh đẹp đọc lá thư đó thôi."

"Vậy chị đọc thấy gì trên khuôn mặt Shekure?"

"Cảnh trợ trợ."

Chúng tôi im lặng hồi lâu. Một con cú đậu trên mái vòm của nhà thờ Hy Lạp nhỏ chờ đêm xuống; bọn trẻ hàng xóm mũi dãi thò lò cười nhạo quần áo và túi đựng đồ của tôi, và một con chó ghê đang từ nghĩa trang đầy cây tuyết tùng vừa sung sướng gãi lông vừa chạy xuống chào đón đêm về.

"Chậm lại coi?" Tôi kêu lên với Siyah, "tôi đâu leo dốc như anh được. Anh lôi tôi với túi đồ này đi đâu vậy?"

"Trước khi chị đưa tôi đến nhà Hasan, tôi muốn đưa chị đến gặp mấy chàng trai can đảm và hào phóng để chị có thể bày túi đồ ra bán cho họ mấy cái khăn tay hoa hòe hoa sói, khăn lụa trùm đầu và mấy cái ví thêu chỉ bạc để họ tặng người tình bí mật của họ."

Đây là một dấu hiệu tốt khi Siyah vẫn có thể nói đùa trong tâm trạng rầu rĩ, nhưng tôi có thể hiểu sự nghiêm trọng đằng sau sự đùa cợt của anh ta. "Nếu anh định tập hợp một đội binh, tôi sẽ không bao giờ dẫn anh đến nhà Hasan đâu", tôi nói. "Tôi sợ những vụ đánh nhau với cãi lộn muốn chết."

"Nếu chị vẫn là một Esther thông minh như xưa nay," anh ta nói, "thì sẽ chẳng có đánh nhau hay cãi lộn gì cả."

Chúng tôi băng qua Aksaray và bước vào con đường trở ngược lại, thẳng về phía những khu vườn Langa. Đến đoạn trên của con đường lầy lội, trong một khu vực nghèo khổ, Siyah đi vào một tiệm hớt tóc vẫn còn mở cửa. Tôi thấy anh ta nói chuyện với ông thợ cạo đang ngồi để một cậu trai trông lương thiện với đôi tay xinh đẹp cạo râu cho ông dưới ánh đèn dầu. Ngay sau đó, bác thợ cạo, cậu học việc đẹp trai của ông ta, và sau đó hai người nữa của ông ta nhập bọn với chúng tôi ở Aksaray. Họ mang theo gươm và rìu. Trong một con phố nhỏ ở Shehzadebashi, một sinh viên thần học, người mà tôi không thể hình dung là sẽ dính dáng vào chuyện thô bạo như thế, cầm gươm nhập bọn chúng tôi trong bóng tối. "Bộ anh tính chuyện đột kích một ngôi nhà giữa thành phố trong lúc ban ngày ban mặt sao?"

"Không phải giữa ban ngày ban mặt, mà là ban đêm," Siyah nói với giọng hài lòng nhiều hơn bốn cợt.

"Đừng quá tự tin chỉ vì các anh đã tập hợp được một nhóm," tôi nói. "Hy vọng bọn tuần canh không bắt gặp cái dùm người lăm lăm vũ khí này lang thang ở đây."

"Chẳng ai thấy bọn mình được."

"Hôm qua bọn Erzurum đột kích một quán rượu trước, rồi sau đó là một nhà nguyện khổ tu ở Sagirkapi, đánh đập tàn nhẫn bất cứ ai họ bắt gặp ở cả hai chỗ đó. Một ông già bị một gậy vào đầu đã chết. Trong đêm tối như mực này, họ có thể tưởng các anh thuộc bọn đó."

"Tôi nghe nói chị đã đến nhà Zarif Kính mền quá cố, gặp vợ anh ta, cầu Thượng đế phù hộ chị ấy, và thấy những bức phác thảo ngựa đầy mực nhòe nhoẹt trước khi chuyển chúng cho Shekure. Liệu Zarif Kính mền có thương tụ họp với đám môn đồ của tay thuyết giáo xứ Erzurum không?"

"Nếu tôi có dò la bà vợ Zarif Kính mền, thì cũng bởi tôi nghĩ rất cuộc việc đó có thể giúp ích cho Shekure tội nghiệp." tôi nói. Dù sao thì tôi đến đó là để cho cô ta xem thứ vải mới nhất đến từ Tây vực chứ không định dính vào việc chính trị và pháp lý của anh, những chuyện mà đầu óc khôn khéo của tôi không hiểu nổi."

Khi chúng tôi ra đến đường lớn chạy đằng sau Charshikapi, tim tôi đập liên hồi vì sợ. Những nhánh cây dâu tằm và óc chó ướt đẫm khăng khiu lấp lánh trong ánh sáng nhợt nhạt của vầng trăng non. Một cơn gió nhẹ do các âm hồn và người chết đang sống thối tới làm lớp viền ren chiếc túi đeo vai của tôi phe phẩy, rít qua những hàng cây và mang mùi của chúng tôi đến cho lũ chó gần đó đang nằm chờ. Khi chúng bắt đầu sủa từng con một, tôi chỉ cho Siyah ngôi nhà đó. Chúng tôi lặng lẽ nhìn mái nhà và những cửa sổ tối đen. Siyah cắt đặt người bao quanh ngôi nhà: trong khu vườn trồng trái, hai bên cổng vào sân và ở cây vả sau nhà.

"Ngay lối vào bên đó có một tên ăn mày Tatar đốn mạt," tôi nói. "Hắn mù, nhưng hắn biết được ai đến và đi dọc theo con đường này còn rõ hơn ông trưởng khu này. Hắn liên tục thủ dâm cứ như hắn là một trong những

con khi thô bỉ của Đức vua. Đừng đùng đến hẳn, cứ cho chín mươi đồng bạc gì đó là hẳn sẽ nói cho anh nghe mọi chuyện hẳn biết."

Từ xa, tôi theo dõi Siyah trao những đồng xu, sau đó kê gương sát cổ họng tên ăn mày và bắt đầu dòn hẳn bằng những câu hỏi. Kế tiếp, tôi không biết chuyện xảy ra như thế nào, cậu học việc của bác thợ cạo, người mà tôi cứ nghĩ chỉ canh chừng ngôi nhà thôi, bắt đầu đánh gã Tatar bằng cán rìu. Tôi theo dõi một lát, cứ định ninh việc đó không kéo dài, nhưng gã Tatar đang kêu khóc. Tôi chạy đến kéo gã ăn mày đi trước khi họ giết gã.

"Hẳn chửi mẹ tôi," cậu học việc nói.

"Hẳn nói Hasan không có ở nhà," Siyah nói. "Mình tin lời tên ăn mày này được không?" Anh ta trao tôi lá thư mà anh ta đã viết vội, "Cầm cái này, vào nhà, đưa cho Hasan, nếu anh ta không có nhà thì đưa cho cha anh ta," anh ta nói.

"Anh không viết gì cho Shekure sao?" tôi hỏi khi cầm lấy lá thư.

"Tôi mà gửi thư riêng cho cô ấy thì chỉ tổ kích động bọn đàn ông trong nhà hơn thôi," Siyah nói. "Nói với cô ấy là tôi đã tìm ra tên đốn mặt giết cha cô ấy rồi."

"Thật sao?"

"Chỉ cần nói cho cô ấy biết vậy."

Sau khi mắng nhiếc gã Tatar vẫn đang khóc lóc kêu than, tôi bèn đỡ dành hẳn. "Đừng quên những gì ta đã làm cho mi," tôi nói, nhận ra rằng tôi đã kéo dài sự vụ này vì vậy tôi sẽ không được bỏ đi.

Tại sao tôi lại dính mũi vào chuyện này? Cách nay hai năm ở khu Cổng Edirne người ta đã giết một người bán rong quần áo - sau khi cắt đôi tai bà ta - bởi vì cô gái mà bà ta hứa cho người này lại đi lấy người khác. Bà tôi thường nói với tôi rằng dân Thổ quen giết người chẳng vì lý do gì cả. Tôi thêm được ở nhà với Nesim yêu dấu của tôi, ăn món xúp đậu lãng. Dù hai

chân tôi cứng lại, nhưng tôi nghĩ đến chuyện Shekure ở đó sẽ ra sao, và tôi bước về phía ngôi nhà. Tính tò mò đang gặm nhấm tôi.

"Quần áo đâyyy? Có lụa Trung Hoa để may áo lễ hội mới về đây".

Tôi có cảm giác luồng ánh sáng màu cam lọt qua rèm cửa di chuyển. Cửa trước mở ra. Người cha lịch sự của Hasan mời tôi vào nhà. Ngôi nhà ấm, giống như nhà của bọn giàu có. Shekure đang ngồi bên một chiếc bàn ăn thấp cùng các con, song khi nhìn thấy tôi cô nhồm dậy.

"Shekure, chồng cô đang ở đây."

"Chồng nào?"

"Chồng mới," tôi nói. "Anh ta đã bao vây ngôi nhà với một nhóm có vũ trang. Họ sẵn sàng đánh nhau với Hasan."

"Hasan không có nhà," ông bố chồng lịch sự nói.

"May quá. Đọc cái này đi," tôi nói, trao cho ông lá thư của Siyah giống như một vị sứ thần kiêu ngạo của Đức vua đang thực hiện ước muốn tàn nhẫn của Ngài.

Trong khi ông bố chồng đọc lá thư, Shekure nói, "Esther, lại đây tôi múc cho chị một tô xúp đậu lãng cho ấm bụng."

"Tôi không thích xúp đậu lãng," thoát tiên tôi nói. Tôi không thích cách cô ấy nói như thể cô ấy là bà chủ ngôi nhà này.

Nhưng khi tôi hiểu rằng cô ấy muốn ở một mình với tôi, tôi cầm lấy thìa và theo sau cô.

"Nói với Siyah tất cả là vì Shevket," cô thì thào. "Tối qua tôi chờ một mình suốt đêm với Orhan, sợ chết khiếp tên sát nhân. Orhan sợ run đến sáng. Các con tôi đã bị chia cắt! Có loại mẹ nào chịu xa cách con mình? Khi không thấy Siyah về, họ nói rằng bọn tra tấn của Đức vua đã buộc anh ấy

khai hết và nói rằng anh ấy có can dự vào cái chết của cha tôi."

"Không phải Siyah ở bên cô khi cha cô bị giết à?"

"Esther," cô nói, mở to đôi mắt đen xinh đẹp, "tôi van chị, hãy giúp tôi".

"Vậy cô phải cho tôi biết tại sao cô lại trở về đây thì tôi mới hiểu rồi giúp cô chứ."

"Bộ chị nghĩ tôi biết tại sao tôi trở về hả?" cô ấy nói. Cô có vẻ sắp khóc. "Siyah thô bạo với Shevket tội nghiệp của tôi." cô nói. "Rồi khi Hasan nói cha ruột của bọn trẻ đã về, tôi tin chú ấy."

Nhưng tôi có thể thấy rõ qua đôi mắt của cô ấy rằng cô ấy đang nói dối, và cô ấy biết tôi đoán ra điều đó. "Tôi bị Hasan lừa", cô ta thì thào, và tôi có cảm giác cô ấy muốn tôi suy ra từ điều này rằng cô ấy yêu Hasan. Nhưng Shekure có nhận ra rằng cô ấy càng lúc càng nghĩ nhiều đến Hasan chính vì cô đã cưới Siyah không?

Cửa mở, Hayriye bước vào mang theo bánh mì mới nướng mà mùi thơm thật hấp dẫn. Khi cô ta trông thấy tôi, tôi có thể hiểu qua vẻ bực bội của cô ta rằng sau cái chết của Enishte Kính mến, con người khốn khổ này - cô ta không thể bị bán đi, không thể bị gạt bỏ - đã trở thành một di sản tồi tệ cho Shekure. Mùi bánh mì mới tỏa khắp phòng và tôi hiểu sự thật của vấn đề khi Shekure đối mặt với bọn trẻ: Cho dù là cha ruột của bọn trẻ, là Hasan hay Siyah, vấn đề của cô ấy không phải là tìm một người chồng cô ấy có thể yêu được, mà thách thức của cô ấy là tìm một người cha có thể yêu hai đứa bé này, cả hai đứa đều mở to mắt vì sợ hãi.

Shekure, với hảo ý tốt nhất, đã sẵn sàng yêu bất kỳ người chồng tử tế nào.

"Cô đang tìm những gì cô muốn bằng trái tim cô," tôi nói một cách không suy nghĩ, trong khi cô cần phải đưa ra quyết định bằng lý trí."

"Tôi sẵn sàng cùng bọn trẻ trở về với Siyah ngay," cô nói, nhưng tôi có

một số điều kiện!" Cô im lặng. "Anh ấy phải cư xử tốt với Shevket và Orhan. Anh ấy không được vặn hỏi về những lý do khiến tôi về đây. Trên hết, anh ấy phải tuân theo những điều kiện cưới hỏi ban đầu của tôi - anh ấy sẽ hiểu tôi muốn nói gì. Anh ấy đã để tôi một mình chống chọi với những tên sát nhân, trộm cướp và Hasan đêm qua."

"Anh ta chưa tìm ra kẻ giết cha cô, nhưng anh ta bảo tôi nói với cô rằng anh ta đã tìm ra."

"Tôi có nên đi với anh ấy không?"

Tôi chưa kịp trả lời thì ông bố chồng, nãy giờ đã đọc thư xong, liền nói "Nói với Siyah Kính mến rằng ta không nhận trách nhiệm giao trả con dâu của ta mà không có mặt con trai ta."

"Con trai nào?" tôi nói ra vẻ gắt gỏng, nhưng dịu dàng.

"Hasan," ông nói. Vì ông là người cư xử theo nguyên tắc, nên ông đỏ mặt. "Con trai lớn của ta đang trên đường từ Ba Tư về, có nhân chứng rõ ràng."

"Còn Hasan đâu?" Tôi hỏi. Tôi ăn liền hai thìa món xúp mà Shekure đưa cho tôi.

"Nó đi tập hợp các thư ký, phu khuân vác và những người trong Sở Hải quan." Ông nói theo kiểu trẻ con của những người đứng đắn nhưng khù khờ không biết nói dối. "Sau những chuyện do dân Erzurum gây ra hôm qua, tôi nay lính tuần canh chắc đầy ngoài đường."

"Chúng tôi có thấy ai đâu," tôi nói khi đi ra cửa. "Ông chỉ muốn nhấn có bấy nhiêu thôi sao?"

Tôi hỏi ông bố chồng câu này là để làm ông ta sợ, nhưng Shekure biết rõ rằng thực ra tôi nói với cô ấy. Đầu óc cô ấy thực sự mù mịt hay cô ấy đang che giấu điều gì, chẳng hạn cô ấy đang chờ Hasan và người của anh ta trở về chẳng? Thật kỳ lạ, tôi cảm thấy thích thái độ không dứt khoát của cô.

"Tụi tôi không cần Siyah." Shevket nói dứt khoát. "Coi đây như lần ghé thăm cuối cùng đi, bà béo ạ."

Vậy thì ai sẽ mang đi khắp nơi những chiếc khăn trải bàn đặng ten, khăn tay thêu chim chóc hoa lá mà bà mẹ xinh đẹp của cậu thích, và chiếc áo sơ mi đỏ ưa thích của cậu đây?" tôi nói, để chiếc túi của tôi giữa phòng. "Cho đến khi tôi quay lại, cậu cứ mở ra xem, mặc thử, sửa hay khâu bất cứ thứ gì cậu thích."

Tôi thấy buồn khi bỏ đi. Tôi chưa từng thấy đôi mắt của Shekure đăm lẹ như vậy. Ngay khi tôi quen được với cái lạnh bên ngoài, Siyah đã chặn tôi lại trên con đường lầy lội, grom trong tay.

"Hasan không có nhà," tôi nói. "Có lẽ anh ta ra chợ mua rượu để ăn mừng Shekure trở về. Có lẽ anh ta với đám tay chân sắp về tới. Nếu thế các anh sẽ đánh nhau, bởi vì anh ta đang điên. Và nếu anh ta vẫn dùng thanh grom đỏ đó của anh ta thì chẳng ai biết trước anh ta sẽ làm gì."

"Shekure nói gì?"

"Cha chồng cô ấy nói dứt khoát là không, tôi sẽ không bỏ con dâu tôi, nhưng nếu tôi là anh tôi sẽ không lo về ông ta, mà lo về Shekure. Vợ anh bối rối lắm. Nếu anh muốn biết, thì cô ấy đã tá túc ở đây hai ngày sau khi cha cô ấy chết vì sợ tên sát nhân, vì những đe dọa của Hasan và vì anh biến mất mà không nhắn một lời. Cô ấy biết mình không thể ở một đêm nữa trong cùng ngôi nhà đầy những sợ hãi như thế. Họ cũng nói với cô ấy rằng anh có nhúng tay vào cái chết của cha cô ấy. Nhưng người chồng trước của cô ấy chưa trở về hay có bất cứ điều gì tương tự như vậy. Shevket, và có vẻ cả cha chồng cô ấy đều tin lời nói dối của Hasan. Cô ấy muốn trở về với anh, nhưng cô ấy có một số điều kiện."

Nhìn thẳng vào mắt Siyah, tôi kể ra những điều kiện.

Anh ta đồng ý ngay với một vẻ trang trọng như thể anh ta đang nói chuyện với một sứ giả đích thực.

"Tôi cũng có một điều kiện," tôi nói. "Tôi sẽ trở vào đó lần nữa." Tôi chỉ những tấm rèm cửa sổ mà ông bố chồng đang ngồi phía sau. "Sau một lát hãy tấn công vào đó và cửa trước. Khi nào tôi rú lên, đó là dấu hiệu bảo anh dừng lại. Nếu Hasan về đến thì tấn công anh ta ngay, đừng chần chừ."

Lời nói của tôi, không phù hợp với một sứ giả, người không nên để thiệt hại xảy đến cho mình, nhưng tôi đã để mặc mình bị cuốn đi, các vị thấy đó. Lần này, ngay khi tôi rao, "Quần áo đâyyyy..." cửa mở. Tôi đi thẳng đến chỗ ông bố chồng. "Cả khu này, và quan tòa phụ trách những khu vực này, tức là mọi người biết rằng Shekure đã được ly dị từ lâu và đã tái giá một cách đàng hoàng theo đúng luật của kinh Koran," tôi nói. "Ngay cả nếu con trai ông, người đã chết từ lâu, sống lại và từ Thiên đàng trở về đây với ông cùng đấng Tiên tri Moses, thì cũng chẳng ích gì vì anh ta đã ly dị với Shekure rồi. Ông đã bắt cóc một phụ nữ có chồng và giữ cô ấy ở đây trái ý muốn của cô ấy. Siyah yêu cầu tôi nói với ông rằng anh ta và người của anh ta sẽ tiến hành trừng phạt ông vì tội này trước khi quan tòa ra tay."

"Vậy anh ta sẽ phạm một sai lầm nghiêm trọng." Ông bố chồng nói nhẹ nhàng. "Chúng tôi chẳng bắt cóc Shekure hay gì cả! Tôi là ông nội bọn trẻ, ơn Thượng đế, Hasan là chú của chúng. Khi Shekure bị bỏ một mình, cô ấy sẽ có chọn lựa gì ngoài việc tìm chỗ trú ở đây? Nếu cô ấy muốn, cô ấy có thể rời khỏi đây bây giờ mang theo bọn trẻ. Nhưng đừng quên, đây là mái nhà đầu tiên của cô ấy, nơi cô ấy sinh con và hạnh phúc nuôi dạy chúng."

"Shekure," tôi nói không suy nghĩ. "Cô có muốn trở về nhà cha cô không?"

Cô ấy bắt đầu khóc vì bài diễn văn về "tổ ấm hạnh phúc." Tôi không có cha," cô ấy nói, hay đó là do tôi nghe thấy như thế? Bọn trẻ lúc đầu ôm chân cô, rồi kéo cô ngồi xuống và ôm lấy cô, ba người bọn họ ôm lấy nhau thành một khối mà khóc. Nhưng Esther không phải là đứa ngốc: Tôi biết rất rõ rằng nước mắt của Shekure nhằm mục đích xoa dịu cả hai bên mà không phải đưa ra quyết định. Nhưng tôi cũng biết đó là những giọt nước mắt thật, bởi vì chúng cũng làm tôi mũi lòng khóc theo. Lát sau, tôi nhận thấy

Hayriye, con rắn độc đó, cũng đang khóc.

Như để trừng phạt ông bố chồng mắt xanh vì là người duy nhất trong phòng không khóc, Siyah và người của anh ta bắt đầu tấn công vào nhà đúng giây phút đó bằng cách nện lên những tấm rèm và phá cửa. Hai người đàn ông đánh vào cửa trước bằng sức gõ phá cửa tạo ra những cú nện rền khắp nhà nghe như tiếng đại bác.

"Ông là một người có kinh nghiệm và danh giá," tôi nói, được khích lệ bởi những giọt nước mắt của mình, "hãy mở cửa và nói với bọn chó đại ngoài đó rằng Shekure đi rồi."

"Chị sẽ cho một phụ nữ không được bảo vệ, lại là con dâu của chị, người đến nướng nấu nhà chị, ra ngoài đường cùng với lũ chó đẻ sao?"

"Tự cô ấy muốn đi," tôi nói. Dùng chiếc khăn tay màu tía tôi chùi mũi, vốn bị nghẹt vì khóc.

"Nếu vậy cô ấy cứ tự mở cửa mà đi," ông ta đáp.

Tôi ngồi cạnh Shekure và bọn trẻ. Với mỗi cú nện, tiếng ồn khủng khiếp của đám người đang phá cửa lại thành một lý do nữa cho nước mắt tuôn nhiều hơn, bọn trẻ bắt đầu khóc to hơn, rồi nó lại khiến Shekure và cả tôi nữa gào to hơn. Tuy nhiên, cho dù kể cả tiếng thét đe dọa từ ngoài và những cú nện của sức gõ chùng như sắp phá vỡ ngôi nhà tới nơi, cả hai chúng tôi đều biết chúng tôi khóc để kéo dài thời gian.

"Shekure xinh đẹp của tôi," tôi nói, "cha chồng cô đã cho phép và chồng Siyah của cô đã chấp nhận mọi điều kiện của cô, anh ta đang chờ cô, cô chẳng còn có việc gì trong ngôi nhà này nữa. Mặc áo khoác, đeo mạng lên, mang theo đồ dùng của cô với bọn trẻ, mở cửa để rồi có thể lặng lẽ về nhà cô." Câu nói này của tôi thậm chí còn làm cho bọn trẻ khóc to hơn, và khiến Shekure mở to mắt kinh hoàng.

"Tôi sợ Hasan," cô nói, "kiểu trả thù của chú ấy thật khủng khiếp. Chú

ấy dữ tợn lắm. Hãy nhớ là tự tôi đến đây."

"Điều này không quan trọng bằng đám cưới mới của cô," tôi nói. "Cô đã bị bỏ bơ vơ, dĩ nhiên cô phải tìm chỗ nương náu ở đâu đó. Chồng cô đã tha thứ cho cô, anh ta chuẩn bị đón cô về. Về phần Hasan, chúng ta sẽ giải quyết với anh ta theo cách chúng ta đã làm lâu nay." Tôi mỉm cười.

"Nhưng tôi sẽ không mở cửa," cô nói, "bởi vì rồi tôi sẽ tự ý trở về với anh ấy."

"Shekure thân yêu, tôi cũng không mở cửa được," tôi nói. "Cô cũng biết rõ rằng điều này có nghĩa là tôi can dự vào việc của cô. Họ sẽ trả thù tàn nhẫn việc can dự như thế."

Qua ánh mắt cô tôi biết cô đã hiểu. "Vậy không ai mở cửa hết," cô nói. "Cứ để họ phá cửa và dùng vũ lực lôi chúng tôi đi."

Tôi biết ngay rằng đây sẽ là chọn lựa tốt nhất cho Shekure và bọn trẻ, và tôi sợ. "Nhưng điều đó có nghĩa là máu sẽ chảy," tôi nói. "Nếu quan tòa không can thiệp vào chuyện này, máu sẽ đổ và một mối huyết hận sẽ kéo dài suốt nhiều năm. Không một người có danh dự nào lại chịu đứng yên nhìn khi nhà mình bị phá cửa và đột kích để bắt cóc một phụ nữ đang trú ngụ trong đó cả."

Một lần nữa tôi hồi tiếc hiểu ra Shekure toan tính và dối trá như thế nào khi cô ôm hai đứa con và than khóc hết sức mình hơn là trả lời. Lòng tôi tự nhủ hãy quên mọi thứ và bỏ đi, nhưng tôi không còn trở ra cửa được nữa, vì cửa đang bị nện đến sắp vỡ tan.

Thực tình, tôi thấy vừa sợ chuyện sẽ xảy ra nếu họ phá sập cửa xông vào, vừa sợ chuyện sẽ xảy ra nếu họ không phá được cửa; tôi vẫn nghĩ rằng người của Siyah, vốn tin cậy vào tôi, đang lo ngại rằng họ đã đi quá xa và có thể rút lui bất cứ lúc nào, mà điều đó đến lượt nó, sẽ khích lệ ông bố chồng. Khi ông ta đến bên Shekure, tôi biết ông ta bắt đầu vờ khóc, nhưng tệ hại hơn, ông ta đang run theo một kiểu không thể là vờ được.

Bước tới cửa, tôi gào lên hết sức lự "Dừng lại đi, đủ rồi!" Tiếng ồn ào bên ngoài và tiếng than khóc bên trong chấm dứt ngay.

"Mẹ, để Orhan mở cửa," tôi nói trong lúc sáng trí và bằng giọng ngọt ngào, như thể tôi đang nói với thằng bé. "Nó muốn về nhà, chẳng ai phàn nàn về điều đó cả." Những lời này vừa ra khỏi miệng tôi thì Orhan vùng thoát khỏi vòng tay mẹ nó, và như một người đã sống ở đây nhiều năm, nó kéo chốt, nâng thanh gỗ lên, mở then, rồi bước lui hai bước.

Hơi lạnh từ ngoài tràn vào khi cánh cửa mở toang. Một sự im lặng bao trùm đến độ chúng tôi nghe một con chó uể oải sủa từ xa. Shekure hôn Orhan, giờ đang ngồi lại trên đùi mẹ nó, còn Shevket thì dọa, "Tao sẽ mách chú Hasan."

Tôi thấy Shekure đứng lên, cầm lấy áo trùm và chuẩn bị túi đồ để đi, tôi nhẹ cả người, tôi e rằng mình sắp bật cười lên. Tôi ngồi xuống và ăn hai thìa xúp đậu lãng nữa.

Siyah đủ thông minh để không đến bất cứ chỗ nào gần cửa. Một hồi lâu, Shevket tự nhốt mình trong phòng người cha quá cố của nó, và mặc dù chúng tôi gọi Siyah đến giúp, nhưng cả anh ta lẫn người của anh ta đều không vào. Sau khi Shekure đồng ý để Shevket mang theo con dao găm cán nạm hồng ngọc của chú Hasan, thằng bé mới chịu rời khỏi nhà đi cùng chúng tôi.

"Coi chừng Hasan với thanh gươm đỏ của nó đấy," ông bố chồng nói với vẻ lo lắng thực sự hơn là vẻ thất trận và báo thù. Ông hôn hai đứa cháu nội, ngửi đầu chúng, ông cũng thì thảo vào tai Shekure.

Khi tôi thấy Shekure nhìn lần cuối vào cánh cửa, các bức tường và bếp lò của ngôi nhà, một lần nữa tôi nhớ đây là nơi cô ấy đã trải qua những năm tháng hạnh phúc nhất cuộc đời bên người chồng đầu tiên của cô. Nhưng cũng có thể cô ấy muốn nói rằng chính ngôi nhà này là nơi nung nấu của hai người đàn ông cô đơn khốn khổ, và rằng nó mang mùi hôi thối của cái chết chẳng? Tôi không đi cùng cô trên đường trở về vì cô đã làm tan nát tim

tôi qua việc trở về đây.

Không phải cái lạnh và cõi đen ngòm của màn đêm đưa hai đứa trẻ không cha và ba người đàn bà - một đầy tớ, một mẹ Do Thái và một góa phụ - lại với nhau, mà chính là những khu xóm xa lạ, những con đường hầu như không thể vượt qua và nỗi sợ hãi Hasan. Đám người chúng tôi, dưới sự bảo vệ của nhóm Siyah, và giống như một cỗ xe ngựa chở châu báu, chúng tôi đi qua những con đường hẻo lánh, những phố nhỏ hẹp và những khu phố hiu quạnh, ít người lui tới, để tránh chạm trán tuần canh, binh lính, những tên côn đồ tò mò trong vùng, bọn ăn trộm và Hasan. Nhiều lần, qua bóng tối như mực đến nỗi xòe tay mình trước mặt cũng không thấy được, chúng tôi phải mò mẫm dò đường, liên tục đụng vào nhau và đụng vào tường. Chúng tôi đi bám chặt vào nhau, hãi hùng trước cảm giác rằng người chết lang thang, âm hồn và ma quỷ có thể từ dưới đất chui lên và bắt chúng tôi vào đêm tối. Ngay đằng sau những bức tường và những tấm rèm đóng kín mà chúng tôi lần mò bằng đôi tay như người mù, chúng tôi nghe tiếng ngáy và tiếng ho của những người trong cái lạnh của đêm cũng như tiếng rống của gia súc trong chuồng.

Ngay cả Esther, vốn đã quen với những vùng tồi tệ và nghèo khổ nhất, kẻ từng đi khắp các con đường Istanbul - trừ những vùng nơi tụ hội đám di dân và các cộng đồng đáng ngại - đôi khi cũng cảm thấy rằng chúng tôi sẽ biến mất trong những con đường này, những con đường quanh co uốn lượn không dứt trong bóng tối bất tận. Nhưng tôi vẫn nhận ra được những góc phố nào đó mà tôi đã kiên trì đi qua vào ban ngày với chiếc túi trên vai; chẳng hạn tôi nhận ra những bức tường của phố Terzi Basi, mùi hăng của phân bón - mà vì lý do nào đó gợi tôi nhớ đến mùi quế - phả đến từ chuồng ngựa kê bên cơ ngơi của Nurullah Hoja; những địa điểm bị hỏa hoạn trên phố Akrobat và Hành lang vòm Sahinci dẫn vào quảng trường với Vòi phun Haji Mù, và vì thế tôi biết chúng tôi không hề đi về phía ngôi nhà của người cha quá cố của Shekure, mà đến một nơi kỳ bí nào khác.

Chẳng ai biết Hasan sẽ làm gì nếu anh ta giận dữ, và tôi biết Siyah đã tìm một chỗ khác để giấu gia đình anh tránh khỏi Hasan và cả tên sát nhân

độc ác ấy. Nếu tôi có thể nhận ra đó là chỗ nào, tôi sẽ nói với các vị bây giờ và với Hasan vào sáng mai - không phải vì ác ý, mà bởi tôi tin chắc rằng Shekure vẫn muốn được Hasan quan tâm. Nhưng Siyah, vốn thông minh như thế, không còn tin tôi nữa.

Chúng tôi đang đi theo một con phố tối đặng sau chợ nô lệ thì nghe tiếng la khóc om sòm cuối phố. Chúng tôi nghe âm thanh của một cuộc xô xát, và tôi sợ hãi nhận ra cuộc hỗn chiến đã bắt đầu: tiếng va chạm của rìu, gươm và gậy và những tiếng rống đau đớn cực độ.

Siyah trao thanh gươm lớn của anh ta cho một trong những người thân tín nhất, giật lấy con dao găm từ tay Shevket khiến thằng bé khóc lên, rồi ra lệnh cho cậu học việc của bác thợ cạo và hai người nữa đưa Shekure, Hayriye và bọn trẻ ra xa đến một khoảng cách an toàn. Tay sinh viên thần học bảo tôi hẳn sẽ đưa tôi về nhà bằng đường tắt; nghĩa là hẳn không để tôi ở lại với những người khác. Đây là một ngã rẽ của số phận, hay một âm mưu tinh khôn nào đó để giữ bí mật chỗ ẩn nấp của họ?

Có một cửa hàng, mà tôi hiểu là quán cà phê, ở cuối con đường hẹp mà chúng tôi đang đi vào. Có lẽ cuộc đọ gươm đã dừng lại ngay khi nó bắt đầu. Những đám người la ó khi họ bước vào hoặc bỏ ra; thoạt tiên tôi nghĩ họ cướp bóc, nhưng không, họ đang đập phá quán cà phê. Họ cẩn thận mang ra các thứ tách gốm, nôi đồng, ly và những cái bàn thấp dưới ánh sáng những ngọn đuốc của người đứng xem và đập nát chúng như một lời cảnh cáo. Họ đâm đá một người đang cố ngăn họ lại, nhưng anh ta thoát được. Ban đầu tôi nghĩ mục tiêu của họ chỉ là cà phê, như chính họ đã tuyên bố. Họ lên án những tác động xấu xa của nó, việc nó tác hại cho thị lực và bao tử như thế nào, làm cùn nhụt trí tuệ và khiến con người mất đức tin ra sao, nó là thuốc độc của bọn Tây vục như thế nào và Muhammad Cao cả đã từ chối cà phê ra sao dù nó do một mỹ nữ dâng lên - đồ Satan trá hình. Có vẻ như đây là màn diễn thái quá cho một đêm giáo huấn về nghi thức đạo đức và nếu rốt cuộc tôi cũng tìm được đường về nhà, tôi nghĩ mình thậm chí có thể rầy la Ne sim, cảnh báo ông ấy không được uống quá nhiều thứ thuốc độc đó.

Vì có quá nhiều nhà trọ và quán rượu rẻ tiền gần đó nên một đám đông tò mò tụ tập lại rất nhanh, gồm những kẻ lang thang nhàn rỗi, bọn vô gia cư và lũ chó lai thối tha nhập cư lậu vào thành phố, và họ khích lệ những kẻ thù cà phê này. Đến lúc đó tôi mới hiểu rằng họ là những kẻ ủng hộ nhà thuyết giáo Nusret Hoja xứ Erzurum. Họ có ý định dọn dẹp mọi hang ổ rượu chè, đi điếm và cà phê ở Istanbul, và trừng phạt nghiêm khắc những ai lạc bước khỏi con đường của Muhammad Cao cả; những người dùng những nghi lễ của phái khổ tu như một cơ để múa bụng theo âm nhạc chẳng hạn. Họ lên án những kẻ thù của tôn giáo, những kẻ hợp tác với Quỷ sứ, bọn ngoại giáo, đám vô thần và dân minh họa. Tôi chợt nhớ ra rằng đây là quán cà phê nơi có treo nhiều tranh trên tường, nơi tôn giáo và vị hoja xứ Erzurum bị bôi nhọ và nơi sự bất kính là không có giới hạn.

Một thợ học việc của người chế biến cà phê, khuôn mặt cậu ta lồm đồm máu, từ trong bước ra, và tôi nghĩ có lẽ cậu ta ngã quy mất, nhưng cậu ta đưa tay áo lên chùi máu trên trán và má, nhập vào nhóm chúng tôi và bắt đầu quan sát cuộc đập phá. Đám đông dẫn ra một chút vì sợ hãi. Tôi thấy Siyah nhận ra ai đó và do dự.

Nhân lúc này những người Erzurum bắt đầu tập hợp lại, tôi biết rằng binh lính hoặc băng đảng nào khác vũ trang bằng dùi cui đang trên đường tới đây. Người ta dập tắt đuốc và đám đông trở thành một đám hỗn loạn.

Siyah nắm lấy cánh tay tôi và bảo anh sinh viên thần học đưa tôi đi. "Lựa những con đường nhỏ mà đi." anh ta nói. "Cậu ta sẽ theo chị về tới nhà." Anh chàng sinh viên cũng muốn chuồn khỏi chỗ này càng sớm càng tốt và chúng tôi hầu như chạy ngay khi khởi hành. Ý nghĩ của tôi hướng về Siyah, nhưng nếu Esther bị đưa khỏi hiện trường, chị ta không thể tiếp tục câu chuyện được, bây giờ chị ta tiếp tục được không?

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 54: Tôi Là Một Phụ Nữ

Tôi có thể đã nghe những lời phản đối của các vị: "Người kể chuyện thân mến của tôi, các vị có thể bắt chước bất cứ ai hoặc bất cứ thứ gì, nhưng không bao giờ bắt chước được một phụ nữ!" Nhưng tôi xin có ý kiến khác. Quả thực, tôi đã lang thang từ thành phố này đến thành phố khác, bắt chước mọi thứ suốt đêm thâu tại các lễ cưới, buổi hội và quán cà phê cho đến khi giọng của tôi khản đi, và vì thế tôi không có số lập gia đình, nhưng điều đó không có nghĩa là tôi không quen biết phụ nữ.

T

Tôi biết phụ nữ rất rõ; trên thực tế, bản thân tôi đã biết bốn phụ nữ, thấy mặt họ và nói chuyện với họ: 1. Mẹ tôi, cầu cho bà được yên nghỉ đời đời; 2. Dì yêu quý của tôi, 3. Vợ của anh tôi (anh ấy chuyên môn đánh tôi), người đã quát "Cút xéo!" trong một dịp hiếm hoi tôi thấy được chị ấy - chị ấy là phụ nữ đầu tiên tôi yêu; và 4. Một quý cô tôi tình cờ thấy tại một cửa sổ mở ở Konya trong những chuyến du hành. Dù chưa từng nói chuyện với cô ấy, tôi đã nuôi những cảm giác thèm muốn đối với cô ấy trong nhiều năm và bây giờ vẫn vậy. Có lẽ đến lúc này cô ấy đã chết rồi.

Việc nhìn một khuôn mặt phụ nữ để trần, nói chuyện với cô ấy, và chứng kiến lòng nhân hậu của cô ấy đã mở đường cho cả lòng thèm muốn nhức nhối lẫn nỗi đau tinh thần sâu sắc trong bọn đàn ông chúng ta, và bởi thế nên giải pháp hay nhất là đừng để mắt đến phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ đẹp, nếu ngay từ đầu ta không cưới được một cách hợp pháp, như đạo giáo cao quý của chúng ta đòi hỏi. Liệu pháp duy nhất cho những thèm khát thể xác này là tìm kiếm tình bạn của những cậu trai xinh xắn, một sự thay thế thỏa đáng cho đàn bà, và đến lúc nào đó, điều này cũng trở thành một thói quen dễ chịu. Trong các thành phố của bọn Tây vực, ở châu Âu, phụ nữ lang thang khắp nơi phô bày không chỉ khuôn mặt họ mà cả mái tóc sáng mượt

mà của họ (sau chiếc cổ, nét hấp dẫn nhất của họ), cánh tay, cổ họng xinh đẹp, và thậm chí, nếu những gì tôi nghe là sự thật, một phần đôi chân tuyệt mỹ của họ nữa; do đó đàn ông của những thành phố đó đi lại rất khó khăn, bối rối và trong nỗi đau đớn cùng cực, bởi vì, các vị biết đó, phía trước của họ cứ cương cứng lên mãi và việc này đương nhiên dẫn đến sự tê liệt xã hội của họ. Rõ ràng, điều này lý giải tại sao mỗi ngày bọn ngoại giáo Tây vực lại dâng thêm một pháo đài cho người Ottoman chúng ta.

Sau khi nhận ra từ khi còn trẻ rằng cách hay nhất để tạo ra niềm hạnh phúc tinh thần và trạng thái mãn nguyện là sống cách xa các mỹ nhân, tôi ngày càng tò mò về những sinh vật này. Lúc đó vì tôi không nhìn thấy bất cứ người đàn bà nào khác ngoài mẹ và dì tôi, nên nỗi tò mò của tôi dần dần có tính cách bí ẩn, đầu tôi có vẻ ngứa ngáy, và tôi biết rằng tôi chỉ có thể biết cảm giác của đàn bà nếu tôi làm những gì họ làm, ăn những gì họ ăn, nói những gì họ nói, bắt chước cách cư xử của họ và, vâng, nếu như tôi mặc được quần áo của họ. Vì thế, một ngày thứ Sáu nọ, khi mẹ, cha, anh và dì tôi đi đến vườn hồng của ông nội tôi bên bờ biển Fahreng, tôi bảo họ rằng tôi như bị ốm nên sẽ ở nhà.

"Cố lên. Nghe này, con sẽ giải trí cho chúng ta bằng việc bắt chước chó, cây và ngựa ở miền quê. Dù sao thì con sẽ làm gì ở nhà một mình?" mẹ tôi nói, cầu cho bà được yên nghỉ.

"Con sẽ mặc quần áo của mẹ và trở thành đàn bà," ấy là một câu trả lời không thể nói ra được. Vì vậy tôi đáp: "bao tử con khó chịu."

"Đừng có đờn hèn như thế," cha tôi nói. "Lại đây, cha con mình vật lộn."

Bây giờ tôi sẽ mô tả cho các vị, nhà họa sĩ và thư pháp anh em của tôi, chính xác những gì tôi cảm thấy sau khi họ rời khỏi nhà và tôi mặc đồ lót với áo dài của bà dì và bà mẹ thân yêu nay quá cố của tôi, cũng như những bí mật tôi biết được trong ngày hôm đó về việc trở thành phụ nữ. Trước hết, cho phép tôi nói thẳng rằng trái với những gì chúng ta đọc được trong sách và nghe mấy nhà thuyết giáo nói, khi các vị là phụ nữ, các vị không hề cảm thấy mình giống Quỷ sứ.

Hoàn toàn không! Khi tôi mặc vào đồ lót len có thêu hoa hồng của mẹ tôi, một cảm giác dễ chịu lan khắp người tôi và tôi cảm thấy mình cũng nhạy cảm như bà vậy. Chiếc áo sơ mi lụa màu xanh lá cây nhạt mà dì tôi chưa bao giờ dám mặc chạm vào làn da trần của tôi khiến tôi cảm thấy lòng yêu mến không cưỡng lại được đối với tất cả trẻ con, kể cả chính tôi. Tôi muốn cho mọi người bú và nấu ăn cho toàn thế giới. Sau khi tôi hiểu đến chừng mực nào đó rằng có vú là thế nào, tôi độn vô ngực mình bất cứ thứ gì tìm được - vớ và khăn mặt - vì vậy tôi có thể hiểu điều khiến tôi thực sự tò mò: cảm giác ra sao khi là một phụ nữ có cặp ngực đồ sộ. Khi tôi thấy hai khối lồi to tướng này, phải, tôi thừa nhận, tôi tự hào như quỷ Satan. Tôi lập tức hiểu rằng đàn ông hẳn nhắc thấy bóng dáng bộ ngực quá khổ của tôi là sẽ đuổi theo chúng và cố tìm cách đút chúng vào miệng họ; tôi cảm thấy mình hết sức mạnh mẽ, nhưng đó có phải là những gì tôi muốn không? Tôi bối rối: tôi muốn vừa có đầy quyền lực vừa là một đối tượng để người ta thương hại; tôi muốn một người đàn ông thông minh, mạnh mẽ và giàu có - tôi chẳng biết ai như thế kể từ Adam về sau - yêu tôi điên cuồng; nhưng tôi cũng sợ một người đàn ông như thế. Luồn vào tay những chiếc vòng xuyên bằng vàng mà mẹ tôi giấu dưới đáy rương quần áo của bà cạnh những khăn thêu hình lá trong những chiếc vớ len thơm mùi hoa oải hương, kể đó đánh phấn hồng mà bà thường thoa lên má sau khi từ nhà tắm công cộng trở về, mặc chiếc áo choàng xanh của dì tôi và đeo tấm mạng mỏng cùng màu, xong thì cột tóc lại, tôi nhìn mình trong chiếc gương có khung cẩn xà cừ, và rùng mình. Dù tôi không động gì đến chúng, những đôi mắt và lông mi của tôi đã trở thành của một phụ nữ. Chỉ có đôi mắt và gò má phô ra, nhưng tôi đã là một phụ nữ cực kỳ hấp dẫn và điều này khiến tôi hết sức sung sướng.

Vũ khí đàn ông của tôi, nhận ra được sự vụ này còn trước cả tôi, đã cương cứng. Dĩ nhiên điều này làm tôi choáng váng.

Trong chiếc gương nhỏ cầm trên tay, tôi thấy từ con mắt dễ thương của tôi một giọt nước mắt lăn dài, và ngay sau đó một bài thơ hiện ra trong đầu tôi một cách đón đầu. Tôi không bao giờ quên được nó bởi vì ngay lúc đó, được Thượng đế truyền cảm hứng, tôi hát bài thơ theo vần điệu ngân nga như một bài ca, cố quên đi những phiền muộn trong lòng:

Trái tim xao xuyến của tôi khao khát trời Tây khi tôi đang ở phương Đông và khao khát trời Đông khi tôi đang ở phương Tây.

Những phân khúc của tôi khăng khăng tôi là đàn bà trong khi tôi là đàn ông và khăng khăng tôi là đàn ông khi tôi là đàn bà.

Làm người thật gian nan làm sao, sống một đời người thậm chí còn tồi tệ hơn.

Tôi chỉ muốn làm vui cho mình cả phía trước vẫn phía sau, là cả Đông lẫn Tây.

Tôi định nói, "Cầu cho những huynh đệ Erzurum của chúng ta không nghe được bài hát phát ra từ trái tim tôi," vì họ sẽ bực mình. Nhưng tại sao tôi phải sợ? Có lẽ họ sẽ không giận dữ gì cả. Nghe này, tôi không nói chuyện này để ngồi lê đôi mách, mà tôi đã biết tay thuyết giáo nổi tiếng Tuyệt-không-phải-Hurset-kính-mến-gì-cả đó, dù đã có vợ, vẫn thích những câu đẹp trai hơn phụ nữ chúng tôi giống như giới họa sĩ nhạy cảm thường thích vậy. Tôi chỉ kể cho các vị những gì tôi nghe được. Nhưng tôi không quan tâm đến bất cứ điều nào trong đó, bởi vì bên cạnh đó tôi thấy ông ta thật đáng tởm, ông ta lại quá già. Răng ông ta đã rụng và, như bọn trai trẻ từng gằn gữ ông ta có nói, miệng ông ta thối hoắc như lỗ đít gấu vậy, xin lỗi vì cách diễn đạt.

Mà thôi, tôi tạm ngưng chuyện đồn đại để trở lại vấn đề đích thực ở đây: Ngay khi tôi thấy mình xinh đẹp ra sao tôi không còn muốn giặt quần áo, rửa chén bát và lang thang khắp đường phố như một nô lệ nữa. Nghèo khổ, nước mắt, u sầu, nhìn hắt hiu vào tấm gương của nỗi thất vọng và khóc thầm ấy là số phận của những phụ nữ xấu và buồn. Tôi phải tìm một người chồng có thể sùng bái tôi, nhưng người đó là ai?

Đó là lý do tại sao tôi bắt đầu, qua một cái lỗ quan sát, nhìn trộm con trai của những vương hầu và quý tộc, những kẻ mà người cha quá cố của tôi đã mời đến nhà chúng tôi với nhiều lý do khác nhau. Tôi muốn tình thế khó xử của tôi giống tình thế khó xử của người đẹp miệng nhỏ có hai con mà nhà

tiểu họa nào cũng yêu. Có lẽ cách tốt nhất của tôi là mô tả cho các vị nghe câu chuyện của Shekure tội nghiệp. Nhưng chờ một chút, tôi hứa kể lại câu chuyện sau đây tối nay:

Câu chuyện được kể bởi một phụ nữ bị Quỷ sứ xúi giục. Chuyện thật hoàn toàn đơn giản. Nó xảy ra ở Kemerustu, một trong những khu nghèo khổ của Istanbul. Một cư dân lỗi lạc nhất vùng, Chelebi Ahmet, thư ký của Tổng trấn Pasha, là một nhân sĩ có vợ và hai con, sống tách biệt. Ngày nọ, qua khung cửa sổ mở, ông thấy một mỹ nhân Bosnia cao gầy, da trắng, mắt đen, tóc đen, và đem lòng si mê. Nhưng, người đàn bà đó đã có chồng, không may may quan tâm gì đến nhà Chelebi, mà chỉ hết lòng với người chồng đẹp trai của nàng. Chelebi bất hạnh không chịu nổi những khổ đau của mình với bất cứ ai, và ngày càng héo hon chỉ còn da bọc xương vì tình yêu, uống rượu mua của một người Hy Lạp, nhưng cuối cùng thì ông ta không thể giấu tình yêu đó trước mắt hàng xóm. Thoạt tiên, bởi những láng giềng rất thích những chuyện tình như thế, ngưỡng mộ và tôn trọng gia đình Chelebi, họ vinh danh tình yêu của ông, nói một hai câu đùa nhẹ nhàng về nó và cứ để cho cuộc sống diễn ra. Nhưng Chelebi, vốn không sao kiểm soát được nỗi đau khổ hết thuốc chữa của mình, bắt đầu uống đến say khướt và hàng đêm lại đến ngồi ngay cửa ngôi nhà nơi người đàn bà xinh đẹp đó đang sống hạnh phúc với chồng, ngồi đó mà khóc hàng giờ liên tục như một đứa trẻ. Cuối cùng chuyện này đánh động xóm giềng. Hàng đêm, khi kẻ si tình này đau buồn than khóc, họ không thể đánh và lôi ông ta đi mà cũng không thể an ủi ông ta được. Chelebi, đúng kiểu một nhân sĩ, bèn học cách khóc trong lòng mà không om sòm hoặc làm phiền lòng ai. Những dần dần mối sầu vô vọng của ông len lỏi lan ra cả khu xóm, trở thành mối sầu chung của mọi người; cư dân ở đó không còn cảm giác hạnh phúc nữa, và giống như vôi nước chảy rầu rĩ trong quảng trường, bản thân Chelebi trở thành bình chứa nỗi sầu. Lúc đầu, chuyện trao đổi về nỗi buồn này lan khắp khu xóm, nó dần trở thành tin đồn về vận rủi và sau đó là về sự bất hạnh chắc chắn. Một số người dọn đi, một số liên tục gặp phải điều xui xẻo và một số không thể hành nghề, bởi họ đã mất ý chí làm việc.

Sau khi cả vùng hoang vắng, một ngày nọ Chelebi thất tình cũng bỏ đi

cùng vợ con, để lại người phụ nữ xinh đẹp có làn da trắng bạc và chồng nàng ở lại lẻ loi. Sự bất hạnh này, mà họ là tâm điểm, dập tắt ngọn lửa tình yêu của họ và khiến họ xa cách nhau. Dù sống chung với nhau đến hết đời, họ không bao giờ có thể hạnh phúc được nữa.

Tôi suýt nói tôi thích câu chuyện này biết bao nhiêu bởi vì nó thể hiện những nguy hiểm của tình yêu và phụ nữ, thì ôi Thượng đế, tôi quên rằng tôi đã mất khả năng lập luận. Vì hiện tôi là một phụ nữ, tôi sẽ nói một điều gì đó hoàn toàn khác. Được rồi, đó là một điều gì đại loại như:

Ôi tình yêu tuyệt vời làm sao!

Coi kìa, người lạ nào đang phá cửa vào vậy?

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 55: Tôi Được Gọi Là "Kelebek"

Tôi thấy đám đông hỗn loạn và biết bọn Erzurum bắt đầu tàn sát những nhà tiêu họa dí dỏm chúng tôi.

T

Siyah cũng ở trong đám đông đó và đang theo dõi cuộc tấn công. Tôi thấy anh ta cầm một con dao găm đi chung với một nhóm người có vẻ kỳ cục, Esther người bán quần áo ai cũng biết và những phụ nữ khác đeo túi vải. Lòng tôi thôi thúc tôi trốn đi sau khi chứng kiến cơ ngơi này bị phá hoại một cách thô bạo và những người uống cà phê bị đánh đập tàn nhẫn khi họ cố chạy đi. Lát sau, một đám đông khác, có lẽ là binh lính, xuất hiện. Bọn Erzurum dụi tắt đuốc rồi bỏ chạy.

Không có ai ngay lối vào tối đen của quán cà phê, và không có ai nhìn. Tôi đi vào bên trong. Mọi thứ đều đổ nát. Tôi bước lên đồng tách, đĩa, ly, chén vương vãi. Một cái đèn dầu treo ở cây đinh cao trên tường không tắt trong cơn hỗn loạn nhưng chỉ soi sáng được những đốm bò hóng trên trần, để cho bóng tối phủ khắp sàn nhà vương vãi đầy những mảnh băng ghé gỗ vỡ, bàn gãy và những thứ tàn tích khác.

Xếp chồng những chiếc nệm dài lên nhau, tôi với lấy chiếc đèn dầu. Trong vòng ánh sáng của ngọn đèn, tôi thấy có nhiều xác nằm trên sàn. Khi nhìn thấy một khuôn mặt bê bết máu, tôi quay đi và bước tới xác kế tiếp. Xác thứ hai đang rên rỉ, và khi thấy ánh đèn của tôi, liền phát ra một tiếng động như trẻ con.

Có ai khác bước vào. Thoạt tiên tôi cảnh giác, dù tôi cảm thấy đó là Siyah. Cả hai chúng tôi cúi bên xác thứ ba nằm rải tay trên sàn. Khi tôi hạ đèn xuống sát đầu người đó, chúng tôi thấy điều mình đã nghi ngờ: Họ đã

giết người kể chuyện.

Không có vết máu trên khuôn mặt trang điểm như phụ nữ của ông ta, nhưng chiếc cằm, chân mày và cái miệng tô son hồng thì bị đập nát, và nhìn cổ ông ta đầy những vết thâm tím, chúng tôi biết ông ta bị bóp cổ. Hai bàn tay ông ta bị vặn ngược qua hai bên đầu. Không khó để hình dung ra rằng một người trong số họ đã vặn ngược hai cánh tay ông già này ra sau lưng trong khi những tên khác đập vào mặt ông ta trước khi bóp cổ ông. Tôi tự hỏi, phải chăng chúng đã nói, "cắt lưỡi hắn đi, để hắn không bao giờ vu khống Đức ngài thuyết giáo Hoja Kính mến nữa", rồi sau đó tiến hành làm như thế chẳng?

"Dem đèn lại đây," Siyah nói. Gân bếp lò, ánh sáng ngọn đèn rọi lên những cối xay cà phê vỡ, những chiếc rây, cân, những mảnh tách cà phê vỡ nằm trong đống cà phê đổ lênh láng. Trong góc nơi người kể chuyện treo các bức tranh của ông ta mỗi đêm, Siyah đang tìm đồ nghề của ông ta, khăn thắt lưng, khăn tay và gậy của nhà ảo thuật. Siyah nói anh đang tìm kiếm những bức tranh và đưa chiếc đèn anh lấy từ tay tôi lên soi mắt tôi: Phải, dĩ nhiên tôi đã vẽ hai bức trong số chúng vì tình cảm anh em. Chúng tôi chẳng tìm được gì ngoài cái mũ chòm Ba Tư mà người chết đã trùm lên cái đầu trọc lóc của ông ta.

Không thấy ai khác, chúng tôi đi ra ngoài trong bóng đêm qua một ngõ hẹp dẫn ra từ cửa sau. Trong cuộc đột kích hầu hết đám đông và các họa sĩ bên trong chắc hẳn đã thoát ra bằng lối này, song những chậu hoa bị đá vỡ và những túi cà phê vung vãi khắp nơi cho thấy rằng ở đây cũng có một cuộc ẩu đả.

Việc quán cà phê bị đột kích và ông thầy kể chuyện bị giết, kết hợp với bóng đêm khủng khiếp, đã đưa Siyah và tôi đến gần nhau hơn. Đây cũng là điều khiến cả hai chúng tôi im lặng.

Chúng tôi băng qua hai con phố nữa, Siyah trả đèn lại cho tôi, rồi anh ta rút dao găm ra kề cổ họng tôi.

"Ta sẽ về nhà anh," anh ta nói. "Tôi muốn lục soát ở đó để được yên tâm."

"Nó đã bị lục soát rồi."

Thay vì bực mình với anh ta, tôi cảm thấy muốn chọc ghẹo anh ta. Việc Siyah tin vào những lời đồn đại xấu xa về tôi không chứng tỏ rằng anh ta ghen tỵ với tôi sao? Anh ta giữ con dao găm mà không tự tin lắm.

Nhà của tôi ở ngược hướng con đường dẫn chúng tôi rời quán cà phê. Chúng tôi rẽ phải rồi trái theo những con đường trong khu này và băng qua những khu vườn trồng trái có mùi ẩm ướt và những hàng cây đơn độc trong khi đánh một đường vòng ngược về phía nhà tôi. Chúng tôi đi được hơn nửa đường thì Siyah dừng lại nói:

"Suốt hai ngày Sư phụ Osman với tôi đã xem xét kiệt tác của các bậc thầy huyền thoại trong Quốc khố."

Lát sau, gần như hét lên, tôi nói, "Sau một tuổi nào đó, cho dù một họa sĩ dùng chung bàn làm việc với Bihzad, những gì ông ta thấy có thể làm vui mắt ông ta và đem đến cho linh hồn ông ta sự thỏa mãn và kích động, nhưng nó sẽ không nâng cao tài năng của ông ta, bởi vì người ta vẽ bằng bàn tay chứ không phải bằng đôi mắt, mà bàn tay thì, ở tuổi của tôi chứ đừng nói ở tuổi thầy Osman, không dễ gì học được những điều mới."

Tin chắc rằng người vợ xinh đẹp đang chờ tôi, tôi nói thật to để nàng biết tôi không về một mình mà tìm cách tránh mặt Siyah - chứ không phải tôi ngán thẳng góc tội nghiệp đang lăm lăm con dao này.

Chúng tôi đi qua cổng vào sân, và tôi nghĩ mình thấy ánh sáng của ngọn đèn di chuyển trong nhà, nhưng ơn Thượng đế, tất cả giờ đã chìm trong bóng tối. Quả là một hành động vi phạm sự riêng tư của tôi khi tên cục súc này cầm dao xông vào ngôi nhà thiên đàng của tôi, nơi tôi đã trải bao tháng ngày, trên thực tế là toàn bộ thời gian của tôi trong việc tìm kiếm và vẽ lại những ký ức của Allah cho đến khi mất một nhòai - rồi tôi làm tình với người yêu

dấu của tôi, người phụ nữ đẹp nhất thế gian - một sự vi phạm quá thô bạo đến độ tôi thề sẽ trả thù hắn.

Hạ thấp ngọn đèn, anh ta xem xét những trang giấy của tôi, một trang tôi mới hoàn tất được phân nửa - những tù nhân bị kết án đang van xin Đức vua tha nợ cho họ và nhận lòng nhân đức của Ngài - thuốc mâu, bàn làm việc, dao, bàn cắt sậy, cọ mọi thứ quanh bàn viết của tôi, rồi lại tới giấy tờ của tôi lần nữa, những viên đá đánh bóng, dao gọt bút, và những khoảng trống giữa những hộp đựng viết và giấy; anh ta nhìn vào các tủ, rương, bên dưới nệm, một trong những kéo cắt giấy, bên dưới tấm nệm đỏ mềm và một tấm thảm trước khi quay trở lại, đưa đèn sát hơn nữa tới từng món và xem xét lại chính những nơi đó lần nữa. Như anh ta đã nói khi lần đầu tiên lời vũ khí ra, anh ta sẽ không lục soát cả nhà tôi, mà chỉ lục soát phòng làm việc thôi. Thực tế, tôi không thể đem giấu vợ tôi - thứ duy nhất tôi muốn giấu - trong căn phòng mà từ đó nàng đang theo dõi chúng tôi sao?

"Có một bức tranh cuối cùng vốn dành cho cuốn sách mà Enishte của tôi đang làm," anh ta nói. "Tên nào giết ông ấy đã đánh cắp bức tranh đó."

"Nó khác những bức tranh khác, tôi nói ngay. "Enishte của anh, cầu cho ông ta yên nghỉ, bảo tôi vẽ cái cây ở một góc trang. Trong hậu cảnh đâu đó... rồi ở giữa trang, trên tiền cảnh, sẽ là phần tranh của ai đó, có lẽ là chân dung Đức vua. Cái khoảng trống này, tôi có thể nói thêm là rất lớn, chưa được vẽ kín. Bởi vì những vật thể ở hậu cảnh thì nhỏ, như theo phong cách châu Âu, nên ông ta muốn tôi vẽ cái cây nhỏ hơn. Khi bức tranh phát triển, nó tạo ấn tượng như ta nhìn thế giới này qua một cửa sổ, chẳng có gì giống một bức tranh minh họa cả. Đến lúc đó tôi mới hiểu rằng trong một bức tranh được vẽ theo phương pháp phối cảnh của người Tây vực, những đường viền và phân mạ vàng thay thế cho một khung cửa sổ."

"Zarif Kính mến chịu trách nhiệm làm những đường viền và mạ vàng."

"Nếu anh muốn hỏi vụ đó, thì tôi đã nói với anh là tôi không giết anh ta mà."

"Kẻ sát nhân không bao giờ thừa nhận tội ác của hắn," anh ta nói nhanh, sau đó hỏi tôi đang làm gì ở quán cà phê trước cuộc đột kích đó.

Anh ta đặt cây đèn dầu ngay cạnh tấm nệm tôi đang ngồi, sao cho nó soi sáng khuôn mặt tôi cùng những tờ giấy của tôi và những trang tôi đang minh họa. Bản thân anh ta đang nhón nháo quanh phòng như một cái bóng trong bóng tối.

Ngoài việc nói với anh ta những gì tôi đã kể với các vị, rằng tôi thực sự là một vị khách không thường xuyên của quán cà phê và chỉ tình cờ đi ngang qua đó, tôi cũng lặp lại rằng tôi đã vẽ hai bức tranh vốn được treo trên tường ở đó - dù tôi thực sự không tán đồng những sinh hoạt kỳ cục ở quán cà phê. "Bởi vì," tôi nói thêm, "nghệ thuật hội họa chỉ đi tới chỗ kết tội và trừng phạt chính nó khi nó mượn sức mạnh từ lòng khao khát kết tội và trừng phạt những cái xấu của cuộc sống thay vì từ tài năng của người họa sĩ, tình yêu nghệ thuật và ước muốn tiếp nhận Allah của anh ta... bất chấp kẻ bị kết án đó là nhà thuyết giáo xứ Erzurum hay là chính Satan. Quan trọng hơn, giá như đám đông trong quán cà phê đó không nhắm vào dân Erzurum thì có thể nó đã không bị đột kích tối nay."

"Cho dù vậy thì anh vẫn đến đó," tên khốn nạn đó nói.

"Phải, vì tôi thấy vui khi ở đó." Liệu hắn có ý niệm mơ hồ nào về mức độ thành thực của tôi không? Tôi nói thêm: "Dù đã biết điều gì đó là xấu và sai, bọn con cháu Adam chúng ta vẫn tìm được lạc thú đáng kể từ đó. Và tôi xấu hổ mà nói rằng tôi cũng thấy đỡ buồn với những tranh minh họa rẻ tiền đó, trò bắt chước và những câu chuyện về Satan, đồng tiền vàng và con chó ấy, vốn được người kể chuyện kể một cách thô sơ không chút vắn điệu."

"Cho dù thế, sao anh vẫn đặt chân vào hang ổ của bọn vô thần đó?"

"Được rồi", tôi đáp, chấp nhận tiếng nói nội tâm của mình, "nhiều lúc cũng có một con sâu nghi ngờ gặm nhấm tôi: Suốt từ khi tôi được không chỉ thầy Osman mà ngay cả Đức vua công khai thừa nhận là người khéo léo và tài năng nhất trong những thợ cả ở xưởng, tôi bắt đầu khiếp sợ lòng đố kỵ

của người khác đến độ, nhiều lúc tôi đã cố đến những nơi họ đến, đánh bạn với họ và rập khuôn theo họ để họ không đột ngột tấn công tôi trong lúc nổi máu trả thù bất chợt. Anh có hiểu không? Và từ khi họ bắt đầu xếp tôi là một tay 'Erzurum,' tôi đã đi đến ổ của bọn vô thần đòi bại đó để người ta bớt quan tâm đến tin đồn này."

"Su phụ Osman nói anh thường hành động cứ như đang biện bạch cho tài nghệ và kỹ năng của anh."

"Thầy ấy còn nói gì nữa về tôi?"

"Rằng anh đã vẽ những bức tranh cực nhỏ, ngó ngẩn trên hạt gạo và móng tay để những người khác tin chắc rằng anh hy sinh cuộc sống vì nghệ thuật. Ông ấy nói rằng anh luôn cố làm vui lòng người khác bởi vì anh bối rối trước tài năng vĩ đại mà Allah đã ban cho anh."

"Thầy Osman ngang hàng với Bihzad," tôi nói một cách thực lòng. "Còn gì nữa?"

"Su phụ liệt kê những khuyết điểm của anh liền một mạch," tên khốn đó nói.

"Vậy kể tôi nghe những khuyết điểm ấy đi."

"Su phụ nói rằng, bất chấp tài năng phi thường của mình, anh vẫn vẽ không phải vì tình yêu nghệ thuật, mà để làm vui lòng người khác. Tỉ như động cơ thúc đẩy anh trong khi vẽ là tưởng tượng ra niềm vui mà người ta sẽ cảm thấy khi xem tranh; trong khi lẽ ra anh phải vẽ vì niềm vui của chính việc vẽ tranh."

Lòng tôi bị tổn thương vì thầy Osman đã thẳng thừng nói ra những gì ông nghĩ về tôi với một kẻ có tâm hồn nhỏ nhen như thế, một kẻ đã hiến đời mình không phải cho nghệ thuật mà để làm một viên thư ký, viết những lá thư và lời nịnh hót sáo rỗng.

Siyah nói tiếp:

"Những bậc thầy vĩ đại thời xưa, như Sư phụ Osman tuyên bố, sẽ không bao giờ từ bỏ những phong cách và phương pháp mà họ đã xây dựng qua việc hy sinh thân mình cho nghệ thuật chỉ vì quyền lực của một ông vua mới, những ý thích của một ông hoàng mới, hoặc thị hiếu của một thời đại mới; vì vậy, để tránh bị buộc phải thay đổi phong cách và phương pháp, họ đã dũng cảm tự làm mù mình. Trong khi đó anh lại nồng nhiệt và nhục nhã bắt chước những bậc thầy châu Âu vì những trang trong cuốn sách cho Enishte của tôi, với lý do rằng đó là ý muốn của Đức vua.

"Vị Trưởng ban Minh họa vĩ đại, Thầy Osman chắc chắn là không có ý xấu khi nói thế." tôi nói. "Cho phép tôi pha cho anh tách trà chanh nhé, anh bạn thân mến."

Tôi bước vào phòng kế bên. Người vợ yêu của tôi trèo lên đầu tôi chiếc áo ngủ nàng đang mặc, mà nàng mua của Esther người bán quần áo, rồi nhại giọng tôi, "Cho phép tôi pha cho anh tách trà chanh nhé, anh bạn thân mến," và thò tay vào dương vật của tôi.

Tôi lấy ra thanh gươm có chuôi bằng mã não giấu trong những tấm vải có mùi hoa hồng ở đáy rương trên sàn gần tấm nệm cuộn của chúng tôi, mà nàng đã trải ra một cách đầy hy vọng, và rút vũ khí khỏi vỏ. Lưỡi nó quá sắc đến độ nếu bạn ném một khăn tay lụa lên nó thì khăn sẽ bị cắt dễ dàng; nếu bạn đặt một miếng vàng lá lên nó, những vết cắt sẽ thẳng tắp như cắt bằng thước kẻ.

Giấu thật kỹ thanh gươm, tôi trở lại xưởng làm việc. Siyah Kính mến hài lòng với việc thăm vấn tôi đến độ anh ta vẫn đi vòng quanh tấm nệm đỏ, dao găm trên tay. Tôi đặt bức minh họa đã hoàn tất một nửa lên chiếc nệm. "Nhìn bức này coi," tôi nói.

Anh ta quỳ xuống vì tò mò, cố hiểu bức tranh.

Tôi bước ra sau lưng anh ta, rút gươm ra, và bằng một động tác tôi vật anh ta xuống đất, lấy thân mình đè cứng người anh ta. Con dao găm của anh ta văng ra. Chộp tóc anh ta, tôi đè đầu anh ta sát đất và kê thanh gươm vào

cổ anh ta từ dưới lên. Tôi đè thân hình mảnh khảnh của Siyah và ép anh ta úp mặt xuống sàn bên dưới thân hình nặng nề của tôi, dùng cằm và bàn tay còn lại của tôi nhấn đầu anh ta cho nó chạm sát lưỡi gương bện ngót. Một tay tôi nắm mớ tóc bần thủ của anh ta, tay kia giữ lưỡi gương sát làn da cổ họng mỏng manh của anh ta. Khôn ngoan, anh ta không động đậy, bởi vì ngay lúc đó tôi có thể kết liễu mạng anh ta. Việc kẻ sát mái tóc xoắn của anh ta, cái gáy anh ta - mà giá vào lúc khác có lẽ tôi đã cho một cái bọp sỉ nhục - và gài gụi đôi tai xấu xí của anh ta đã khiến tôi giận điên hơn bao giờ hết. "Tôi hết sức kiềm chế để không lấy mạng anh ngay lúc này," tôi thì thầm vào tai anh ta như thể đang tiết lộ một bí mật.

Việc anh ta lắng nghe tôi như một đứa trẻ ngoan ngoãn mà không hề kêu rên một tiếng nào khiến tôi hài lòng: "Anh sẽ nhận ra truyền thuyết trong pho Shahnameh," tôi thì thầm. "Vua Feridun, do sai sót, viết di chúc để lại những vùng đất xấu nhất của ông cho hai con trai lớn còn vùng đất tốt nhất, Ba Tư thì cho Iraj, con út. Tur quyết tâm trả thù, bèn lừa gạt em trai mình, Iraj, kẻ mà anh ta ghen tỵ, trước khi cắt cổ Iraj, anh ta nắm tóc em mình giống như tôi đang làm và nằm đè lên em trai. Anh có thấy người tôi nặng không?"

Anh ta không trả lời, nhưng từ đôi mắt của anh ta, nhìn thần thờ giống như đôi mắt của con cừu bị tế thần, tôi có thể nói rằng anh ta đang lắng nghe và tôi thấy hứng khởi: "Tôi không chỉ trung thành với những phong cách và phương pháp Ba Tư trong việc vẽ mà cả trong việc chặt đầu. Tôi cũng đã chứng kiến một phiên bản khác vẽ cảnh tượng dễ thương mô tả cái chết của vua Siyavush này."

Tôi giải thích với Siyah đang im lặng lắng nghe về chuyện Siyavush chuẩn bị cho việc trả thù những anh em của ông ta ra sao, thiêu rụi toàn bộ lâu đài cùng tất cả tài sản và đồ đạc của mình thế nào, rồi ông ta khoan thai chia tay vợ ông ta, leo lên ngựa và ra trận, sau đó ông ta bị bại trận và bị nắm tóc lôi đi dưới đất trước khi bị đè nằm sấp "như anh bây giờ," với một con dao kẻ sát cổ họng, rồi ở đó nổ ra cuộc tranh luận giữa những người bạn và kẻ thù của ông ta về việc liệu họ nên giết hay nên thả ông ta ra, và vị vua bại trận đó, mặt cắm xuống đất, lắng nghe những kẻ bắt giữ mình. Rồi tôi hỏi

anh ta, anh có thích bức minh họa đó không? Geruy xuất hiện sau lưng Siyavush, như tôi làm với anh đây, đè lên ông ta, kê gương sát cổ ông ta, nắm một túm tóc của ông ta và cắt cổ ông ta. Máu đỏ của anh rồi sẽ chảy ra, làm bụi đen dấy lên từ đất khô, nơi mà sau này một bông hoa sẽ nở."

Tôi im lặng, và từ những đường phố xa xôi chúng tôi có thể nghe tiếng bọ Erzurum gào thét trong khi chạy. Nỗi khủng khiếp bên ngoài lập tức khiến hai chúng tôi, vẫn đang nằm đè lên nhau, xích lại gần nhau hơn.

"Nhưng trong các bức tranh đó," tôi nói thêm, giật tóc Siyah mạnh hơn, "người ta có thể cảm thấy cái khó của việc vẽ sao cho đẹp, hai người đàn ông vốn khinh miệt nhau nhưng thân thể họ, giống như thân thể chúng ta, đã trở thành như một. Có vẻ như cõi hỗn mang của sự phản bội, lòng đố kỵ và trận chiến xảy ra ngay trước thời điểm xử trảm trắng lệt và ma quái này đã quá thấm đẫm những bức tranh đó. Ngay cả những bậc thầy vĩ đại nhất của Kazvin cũng khó lòng vẽ được hai người đàn ông nằm lên nhau; họ làm đảo lộn mọi thứ. Trong khi anh và tôi, hãy nhìn xem, chúng ta ngăn nắp và tao nhã hơn."

"Lưỡi gương đang cứa vô," anh ta thì thào.

"Tôi cảm ơn anh vì những lời lịch sự của anh, anh bạn thân mến, nhưng nó không gây chuyện gì như thế đâu. Tôi hết sức cẩn thận. Tôi sẽ không làm bất cứ điều gì phá hỏng tư thế đẹp của chúng ta: Trong những cảnh về tình yêu, cái chết và chiến tranh, trong đó những đại sư phụ thời xưa vẽ những cái xác xoắn lấy nhau như thể chúng là một, chúng chỉ có thể moi được những giọt nước mắt của chúng ta thôi. Hãy nhìn xem: Đầu tôi nằm trên gáy anh như thể nó là một phần của thân thể anh. Tôi có thể ngửi thấy mùi tóc và cổ của anh. Chân tôi, nằm hai bên chân anh, duỗi ra hài hòa với chân anh, đến độ người ngoài nhìn vào có thể lầm chúng ta với một con thú bốn chân tao nhã. Anh có cảm thấy sức nặng của tôi chia đều trên lưng với mông anh không?"

Một khoảng im lặng nữa, nhưng tôi không đẩy lưỡi gương lên, bởi vì nó có thể đã thực sự cứa vào cổ họng anh ta. "Nếu anh không nói, tôi có thể

muốn cắn tai anh đó," tôi nói, thì thăm vào đúng cái tai đó.

Khi tôi nhận ra trong mắt anh ta rằng anh ta sắp nói, tôi nhắc lại câu hỏi đó: "anh có cảm thấy sức nặng của tôi chia đều trên lưng với móng anh không?"

"Có."

"Anh thích không?" Tôi hỏi. "Chúng ta đẹp không?" Tôi hỏi. "Chúng ta có đẹp như những anh hùng truyền thuyết giết chết nhau với vẻ tao nhã như thể trong những kiệt tác của các đại sư phụ xưa không?"

"Tôi không biết," Siyah nói. "Tôi đâu thấy được mình trong gương."

Khi tôi tưởng tượng vợ tôi nhìn chúng tôi từ căn phòng bên kia dưới ánh sáng cây đèn dầu của quán cà phê đặt trên sàn cách đó không xa, tôi nghĩ mình thực sự có thể cắn tai Siyah vì kích động.

"Siyah Kính mến, anh, người đã dùng vũ lực vào nhà tôi, phá rối sự riêng tư của tôi, với dao găm trên tay, để cật vắn tôi," tôi nói, "bây giờ anh có cảm thấy sức mạnh của tôi không?"

"Có, tôi cũng có cảm giác anh quả thực ở phía lẽ phải."

"Vậy thì, một lần nữa, hãy cứ hỏi tôi những gì anh muốn biết đi."

"Hãy mô tả Sư phụ Osman thường vuốt ve anh thế nào."

"Khi còn là thợ học việc, tôi thanh tú, mịn màng và đẹp hơn bây giờ nhiều, và thầy thường cười lên tôi như kiểu tôi đang cười lên anh. Thầy hay vuốt ve cánh tay tôi, nhiều lần thậm chí thầy làm tôi đau, nhưng bởi vì tôi rất kính nể kiến thức tài năng và sức mạnh của thầy, nên việc thầy làm khiến tôi thấy thích, và tôi không bao giờ nuôi dưỡng bất cứ ý xấu nào đối với thầy, bởi vì tôi yêu thầy. Việc yêu Thầy Osman giúp tôi yêu nghệ thuật, màu sắc, giấy, cái đẹp của việc vẽ tranh và minh họa cùng mọi thứ được vẽ ra, và qua đó yêu chính thế giới này và Thượng đế. Thầy Osman còn hơn một người

cha đối với tôi."

"Su phụ có thường đánh anh không?" anh ta hỏi.

"Trong vai trò một người cha, ông ta đánh tôi với ý thức thích hợp về lẽ công bằng; trong vai trò một người thầy, thầy đánh tôi thật đau để tôi rút ra được bài học từ hình phạt đó. Nhờ đau và sợ cây thước gõ lên móng tay mà tôi học được nhiều thứ nhanh hơn và tốt hơn so với khi chỉ có một mình. Vì vậy thầy không nắm tóc tôi và đập đầu tôi vào tường khi tôi là thợ học việc. Tôi không bao giờ làm đổ thuốc màu, không bao giờ lãng phí lớp sơn lót vàng của thầy, ghi nhớ nhanh, chẳng hạn như nét cong ở chân trước của con ngựa, cố che giấu những sai sót của họa sĩ chạy nét, rửa sạch cọ thường xuyên và tập trung hết tinh thần vào trang giấy trước mặt. Vì nhờ những trận đòn tôi mới có được sự tinh thông và tài năng, nên đôi lại tôi đánh các thợ học việc của tôi mà không thấy lương tâm cắn rứt. Hơn thế nữa, tôi biết rằng ngay cả một trận đòn không có lý do chính đáng, nếu nó không làm suy sụp tinh thần người thợ học việc, thì rốt cuộc sẽ có lợi cho anh ta."

"Cho dù thế, anh hiểu rằng trong khi đánh một thợ học việc đẹp như thiên thần, có đôi mắt dịu dàng, thỉnh thoảng anh bị kích động bởi chính niềm vui trong việc đó, và anh biết rằng Su phụ Osman có lẽ cũng trải qua chính cảm giác đó với anh, đúng không?"

"Đôi khi thầy lấy cục đá cẩm thạch dùng để đánh bóng mà gõ thật mạnh sau tai tôi đến độ nó bị ù đặc trong nhiều ngày, và tôi quay mòng mòng choáng váng. Đôi khi thầy vả tôi quá mạnh đến độ trong nhiều tuần má tôi vẫn còn đau, đủ khiến tôi chảy nước mắt liên tục. Tôi sẽ không bao giờ quên, nhưng tôi vẫn yêu thầy."

"Không," Siyah nói, "anh rất giận su phụ. Anh trả thù cho sự giận dữ vốn đã lắng lẽ tích tụ sâu trong lòng anh bằng cách làm minh họa cho cuốn sách bắt chước bọn Tây vực của Enishte của tôi."

"Ngược lại mới đúng kìa. Những trận đòn mà một nhà tiểu họa trẻ nhận từ thầy mình đã ràng buộc anh ta vào người thầy với lòng tôn trọng sâu sắc

cho đến ngày anh ta chết."

"Việc cắt cổ họng Iraj và Siyavush từ phía sau một cách độc ác và phản bội, như anh đang làm với tôi, xuất phát từ sự kình địch giữa anh em ruột, và sự kình địch giữa anh em ruột, như trong Shahnameh luôn luôn do một người cha bất công gây ra."

"Đúng."

"Ông bỏ bất công của những nhà tiểu họa các anh, người đã khiến các anh lao vào cắt cổ lẫn nhau, giờ đang chuẩn bị phản bội anh," anh ta nói một cách trâng tráo. "A, tôi van anh, nó đang cứa tôi đây anh ta rên rỉ. Anh ta khóc hồi lâu trong đau đớn. Rồi anh ta tiếp tục, "Sự thực thì việc cắt cổ họng tôi và để máu chảy ra như một con cừu tế thần sẽ chỉ là một việc làm trong chốc lát. nhưng nếu anh làm chuyện này mà không lắng nghe những gì tôi sắp giải thích - dù sao thì tôi cũng không nghĩ anh sẽ làm, ái, thôi đủ rồi - thì mãi mãi anh sẽ thắc mắc không biết tôi sắp nói những gì. Làm ơn nhích lưỡi gươm ra một tí đi." Tôi làm thế. "Su phụ Osman, người theo sát từng bước chân và từng hơi thở của anh từ nhỏ, người sung sướng theo dõi tài năng thiên phú của anh phát triển thành nghệ thuật giống như một bông hoa mùa xuân dưới sự chăm sóc của ông ta, giờ đã quay lưng lại với anh để cứu họa xưởng của ông ta và phong cách của nó, thứ mà ông ta đã dâng hiến cả cuộc đời."

"Tôi đã kể ba dụ ngôn cho anh vào ngày chúng ta chôn Zarif Kính mền để anh có thể biết thứ mà họ gọi là 'phong cách' thực sự đáng kính tởm như thế nào."

"Những câu chuyện đó liên quan đến phong cách cá nhân của một nhà tiểu họa," Siyah nói một cách thận trọng, "trong khi Su phụ Osman quan tâm đến việc bảo tồn phong cách của cả xưởng vẽ."

Anh ta giải thích, Đức vua cho rằng việc tìm ra kẻ giết Zarif Kính mền và Enishte của anh ta mang một tầm quan trọng lớn lao đến thế nào, Ngài thậm chí còn cho phép họ xem xét Quốc khố vì mục đích này, và Thầy

Osman sử dụng cơ hội này để phá hủy cuốn sách của Enishte của anh ta và trừng phạt những kẻ phản bội thầy qua việc bắt chước người châu Âu. Siyah nói thêm rằng, dựa vào phong cách, Thầy Osman nghi ngờ Zeytin là tác giả vẽ con ngựa có cái mũi bị rạch, nhưng trong vai trò trưởng ban Trang trí, thầy tin chắc rằng tội ác là của Leylek và sẽ giao tay này cho bọn đao phủ. Tôi có cảm giác anh ta đang nói thật dưới sức ép lưỡi gươm của tôi, và tôi thấy muốn hôn anh ta bởi vì anh ta say sưa với những gì anh ta đang nói như một đứa trẻ. Những gì nghe được không khiến tôi bận tâm, việc Leylek bị loại ra có nghĩa là tôi sẽ trở thành trưởng ban Trang trí sau khi Thầy Osman mất - cầu Thượng đế cho thầy sống lâu.

Tôi không xao động vì những gì anh ta nói có thể xảy ra, mà ưu tư vì rất có thể nó sẽ không xảy ra. Suy đoán những gì đằng sau lời kể lể của Siyah, tôi có thể hình dung rằng Thầy Osman sẵn sàng hy sinh không chỉ Leylek mà cả tôi nữa. Nghĩ tới khả năng khó tin đó, tim tôi đập liên hồi và tôi tới gần nỗi kinh hoàng của tình trạng bị bỏ rơi hoàn toàn mà một đứa trẻ cảm thấy khi bất ngờ bị mất cha. Mỗi khi nghĩ đến điều này, tôi phải cố dằn mình không cắt họng Siyah. Tôi không muốn tranh luận điều này với Siyah hay bản thân tôi: Tại sao việc chúng tôi vẽ vài bức minh họa ngu ngốc theo phong cách các bậc thầy châu Âu lại đưa chúng tôi xuống ngang hàng những kẻ phản bội? Một lần nữa, tôi nghĩ rằng đằng sau cái chết của Zarif là Leylek và Zeytin, và những âm mưu của họ nhằm chống lại tôi. Tôi thu thanh gươm khỏi cổ họng Siyah.

"Minh hãy đến nhà Zeytin, rồi lục soát từ trên xuống dưới," tôi nói. "Nếu bức tranh cuối cùng có ở đó, ít nhất chúng ta cũng biết mình phải sợ ai. Nếu không có, mình sẽ kéo anh ta theo để ủng hộ và đột kích tiếp vào nhà Leylek".

Tôi bảo anh ta hãy tin tôi và rằng con dao găm của anh ta là thứ vũ khí đủ cho cả hai chúng tôi. Tôi xin lỗi vì thậm chí không mời được anh ta một ly trà chanh. Khi tôi cầm cái đèn dầu lên, cả hai chúng tôi nhìn một cách đầy ý nghĩa tầm nệm mà trên đó tôi đã đè anh ta. Tôi xách đèn bước đến gần anh ta, nói với anh ta rằng vết cắt nhẹ trên cổ họng anh ta sẽ là một dấu hiệu cho

tình bạn của chúng tôi. Anh ta chỉ chảy máu một chút xíu.

Tiếng huyên náo do bọn người Erzurum và những kẻ đuổi theo họ gây ra vẫn còn nghe thấy được trên đường phố, nhưng không ai chú ý đến chúng tôi. Chúng tôi nhanh chóng đến nhà Zeytin. Chúng tôi gõ cổng ngoài sân, cửa nhà, và nôn nóng gõ lên những tấm rèm cửa sổ. Không có ai ở nhà; chúng tôi gây ồn ào đến độ chắc chắn là không phải anh ta đang ngủ. Siyah nói ra điều cả hai chúng tôi đều nghĩ: "Có nên vào trong không?" Tôi dùng sòng dao găm của Siyah vặn cái khoen khóa cửa, sau đó nhét dao vào khoảng trống giữa trụ cửa và cánh cửa rồi cả hai dùng hết sức bẩy nó ra, chúng tôi đã phá được khóa. Chúng tôi gặp phải mùi hôi của sự ẩm thấp, bụi bặm và sự cô đơn đã tích tụ qua nhiều năm. Dưới ánh đèn, chúng tôi thấy chiếc giường bừa bộn, những chiếc khăn thất lưng ném trên nệm, áo chèn, hai cái khăn xếp, áo lót, cuốn tự điển Ba Tư của Nakshibendi, một cái giá gỗ để máng khăn xếp, một tấm nỉ, kim và chỉ, một cái chảo đồng nhỏ đầy vò táo, khá nhiều nệm, một tấm khăn trải giường bằng nhung, thuốc màu, cọ và tất cả đồ dùng của anh ta. Tôi định lật xem qua xấp giấy viết, từng lớp từng lớp giấy Hindustan được cắt tỉa cẩn thận, và những trang đã minh họa trên chiếc bàn nhỏ, nhưng tôi dẫn lại vừa bởi Siyah háng hái hơn tôi, vừa bởi tôi biết rất rõ một nhà tiểu họa tài hoa sẽ gặp phải xui xẻo ra sao nếu anh ta lục lọi đồ dùng cá nhân của một nhà tiểu họa kém tài hơn.

Zeytin không tài năng như người ta nghĩ, anh ta chỉ được cái nhiệt tình. Anh ta cố che đậy tài năng kém cỏi của mình bằng cách sùng kính những bậc thầy xa xưa. Tuy nhiên, những truyền thuyết xưa chỉ khơi dậy trí tưởng tượng của người nghệ sĩ; chính bàn tay mới làm việc vẽ tranh.

Trong khi Siyah tỉ mỉ lục soát các rương và hộp, rồi kiểm tra tới đáy những chiếc rổ đựng quần áo giặt, tôi không chạm vào bất cứ thứ gì mà chỉ nhìn những cái khăn tắm Bursa của Zeytin, chiếc lược gỗ mun, khăn rửa tay cáu bẩn, những lọ nước hoa hồng, tấm vải thất lưng lố bịch với mẫu in khôi kiêu Ấn Độ, những áo khoác độn bông, áo choàng phụ nữ bản thủ dày cộp có một vết rách, chiếc khay bằng đồng bị mẻ, những tấm thảm nhóp nhúa cùng những đồ dùng khác quá rẻ tiền và luộm thuộm so với số tiền anh ta

kiếm được. Zeytin hoặc quá keo kiệt và cất giấu kín tiền bạc hoặc anh ta phung phí nó theo kiểu nào đó... "Đích thị là ngôi nhà của một tên sát nhân," sau đó tôi nói. "Thậm chí không hề có một tấm thảm cầu nguyện." Nhưng đây không phải là điều tôi nghĩ. Tôi tập trung đầu óc. "Đây là đồ dùng cá nhân của một người không hề biết làm sao để được hạnh phúc..." tôi nói. Nhưng trong thâm tâm, tôi buồn rầu nghĩ sự khốn khổ và gằn gỏi với Quỷ sứ đã nuôi dưỡng hội họa như thế nào.

"Dù biết cần phải có gì để được toại nguyện, người ta vẫn thấy đau khổ như thường," Siyah nói.

Anh ta đặt trước mặt tôi một loạt những bức tranh được vẽ trên giấy Samarkand thô, lót bằng những tờ giấy dày mà anh ta lấy ra từ đáy một cái rương. Chúng tôi nghiên cứu những bức tranh: một con quỷ Satan thỏa mãn mãi tận xứ Khorasan vừa chui từ dưới đất lên, một cái cây, một mỹ nữ, một con chó và bức tranh Thần chết mà tôi đã vẽ. Đây là những bức minh họa mà người kể chuyện vừa bị giết đã treo mỗi đêm khi ông ta kể những câu chuyện bô bác của mình. Bị câu hỏi của Siyah thúc đẩy, tôi chỉ ra bức tranh Thần chết tôi đã vẽ.

"Trong cuốn sách của Enishte của tôi cũng có những bức này," Siyah nói.

"Cả người kể chuyện lẫn chủ quán cà phê đều hiểu sự khôn ngoan trong việc nhờ các nhà tiểu họa vẽ minh họa mỗi đêm. Người kể chuyện sẽ nhờ một người trong chúng ta vẽ nhanh một bức trên loại giấy thô này, hỏi chúng ta một chút về câu chuyện và về những câu nói đùa của chúng ta, sau đó thì cộng thêm vào một ít chất liệu của ông ta, rồi bắt đầu buổi biểu diễn tối hôm đó.

"Tại sao anh vẽ cho ông ta cùng một bức tranh Thần chết mà anh đã vẽ cho cuốn sách của Enishte của tôi?"

"Theo yêu cầu của người kể chuyện, đó là nhân vật duy nhất trên trang giấy. Nhưng tôi không vẽ với sự chú tâm và nỗ lực như tôi đã vẽ cho cuốn

sách của Enishte; tôi vẽ nó nhanh lắm, theo kiểu mà tay tôi muốn vẽ. Những người khác, có lẽ do muốn tỏ ra khôn ngoan, đã vẽ cho người kể chuyện theo kiểu đơn giản và thô thiển hơn những gì họ vẽ cho cuốn sách bí mật đó."

"Ai vẽ con ngựa với lỗ mũi mở hoác đó?" anh ta hỏi.

Hạ đèn xuống, chúng tôi xem xét con ngựa với vẻ ngạc nhiên. Nó giống hệt con ngựa được vẽ cho cuốn sách của Enishte, nhưng nó nhanh hơn, cấu thả hơn và dành cho một thị hiếu đơn giản hơn, như thể ai đó không những đã trả cho nhà minh họa ít tiền và bảo anh ta vẽ nhanh, mà còn buộc anh ta vẽ một con ngựa thô hơn và, tôi tin chắc rằng vì lý do này mà nó giống con ngựa thực hơn.

"Leylek sẽ biết rõ ai vẽ con ngựa này," tôi nói. "Anh ta là một tên gốc tự phụ, kẻ không thể sống được một ngày mà không lắng nghe chuyện tầm phào về các nhà tiểu họa, đó là lý do tại sao anh ta đến quán cà phê đó hàng đêm. Phải, hầu như chắc chắn Leylek đã vẽ con ngựa này."

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 56: Tôi Được Gọi Là "Leylek"

Kelebek và Siyah đến vào lúc nửa đêm; họ trải những bức tranh dưới sàn trước mặt tôi rồi yêu cầu tôi cho họ biết ai vẽ bức nào. Nó gọi tôi nhớ lại trò chơi khăn xếp của ai mà chúng tôi thường chơi hồi nhỏ: Các vị vẽ nhiều kiểu khăn đội đầu khác nhau của hoja, lính kỵ binh, quan tòa, đao phủ, thủ quỹ và thư ký rồi cố xếp chúng vào những tên gọi tương ứng được viết trên những tờ giấy khác lật úp mặt xuống.

K

Tôi bảo họ rằng chính tôi vẽ con chó. Chúng tôi đã thuật câu chuyện về nó cho người kể chuyện. Tôi nói rằng Kelebek điệu dàng, người đang kể con dao găm ngay họng tôi, hẳn đã vẽ bức tranh Thần chết mà trên đó ánh đèn đang nhấp nháy chờ đợi. Tôi nhớ rằng Zeytin đã vẽ Satan một cách hăng say mà câu chuyện về nó hoàn toàn do người kể chuyện vừa chết bịa ra. Tôi đã bắt đầu vẽ cái cây mà những chiếc lá của nó được vẽ bởi tất cả những ai trong chúng tôi đã đến quán cà phê tối đó. Chúng tôi cũng đã nghĩ ra câu chuyện. Với màu Đỏ cũng thế: Một số mực đỏ vương vãi trên một tờ giấy, thế là người kể chuyện keo kiệt hỏi liệu chúng tôi có thể vẽ một bức tranh về màu đỏ không. Chúng tôi nhò một ít mực đỏ nữa lên trang giấy, rồi mỗi đứa chúng tôi phác thảo hình ảnh về một cái gì có màu đỏ trong một góc và thuật câu chuyện về hình ảnh của mình để người kể chuyện có thể kể lại. Zeytin vẽ con ngựa xuất sắc này ở đây - cầu cho tài năng của anh ta được tán dương - và tôi nghĩ chính Kelebek đã vẽ người phụ nữ u sầu này. Chỉ khi đó Kelebek mới lấy con dao găm khỏi họng tôi và nói với Siyah rằng phải, giờ anh ta mới nhớ anh ta đã vẽ người phụ nữ đó như thế nào. Tất cả chúng tôi đều góp phần vào đồng tiền vàng trong chợ, và Zeytin, hậu duệ của một người theo phái Kalenderi, đã vẽ hai tay khỏ tu. Chi phái Kalenderi dựa trên việc quan hệ đồng tính với những chàng trai trẻ và khát thực, và Evhad-ud Dini

Kirmani, giáo chủ của họ đã viết pho thánh thư của giáo phái cách nay hai trăm năm mươi năm, tiết lộ bằng thơ rằng ông ta từng thấy sự toàn hảo của Thượng đế được biểu hiện trong những khuôn mặt đẹp.

Tôi xin các anh em họa sĩ lượng thứ cho tình trạng bừa bộn trong ngôi nhà chúng tôi nay lý do rằng chúng tôi bị viếng thăm bất ngờ, và tôi bảo họ rằng tôi lấy làm tiếc không thể mời họ món cà phê ngon hay cam ngọt vì vợ tôi đang ngủ ở phòng trong. Tôi nói thế để họ đừng xông vào đó và tôi khỏi phải đổ máu với họ khi họ không tìm thấy những gì họ đang tìm trong mớ vải bạt, quần áo có giải rút, khăn thắt lưng mùa hè bằng lụa Ấn Độ và the mỏng, vải hoa Ba Tư và những áo choàng trong mấy cái rổ và rương mà họ hăm hở lục lọi, dưới những tấm thảm và nệm, giữa những trang đã minh họa mà tôi thực hiện cho nhiều cuốn sách khác nhau và trong những trang của những tập sách đã khâu xong.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng tôi thấy khoái trá khi cư xử cứ như tôi sợ họ. Kỹ năng của một họa sĩ tùy thuộc vào việc chú tâm cẩn thận đến cái đẹp của phút giây hiện tại, ghi nhận đến từng chi tiết nhỏ nhất nhất trong khi đồng thời lui khỏi thế giới này, cái thế giới vốn tự coi mình quá ư nghiêm túc, và như thể nhìn vào gương, cho phép có một khoảng cách và sức thuyết phục của một lời nói đùa.

Do đó, khi họ hỏi, tôi nói rằng, phải, khi đám dân Erzurum bắt đầu cuộc đột kích thì cũng như hầu hết các buổi tối, có một đám đông khoảng bốn mươi người ở quán cà phê, trong đó ngoài tôi ra còn có Zeytin, họa sĩ Nasir, nhà thư pháp Jemal, hai phụ tá tiểu họa trẻ, những nhà thư pháp trẻ vốn sống cả ngày lẫn đêm với họ, thợ học việc Rahmi cực kỳ xinh xắn, những cậu đẹp trai mới vào nghề khác, sáu bảy người là thi sĩ, bọn say rượu, nghiện cần sa, dân khổ tu, cùng những người khác đã khéo léo dụ dỗ ông chủ cho phép họ gia nhập nhóm người vui nhộn dĩ dỏm này. Tôi giải thích tình trạng hỗn loạn bao trùm như thế nào ngay khi cuộc đột kích bắt đầu. Khi đám đông khán giả do chủ quán tập hợp để tham gia cuộc giải trí tục tĩu bắt đầu bỏ chạy trong kinh hoàng, không ai nghĩ đến biện pháp thiết lập hàng rào bảo vệ cho cái quán đó hay cho người kể chuyện già nua tội nghiệp ăn mặc như đàn bà.

Tôi có đau lòng trước tai họa này không à? "Có chứ! Tôi, họa sĩ Mustafa, còn được gọi là 'Leylek', người thực sự dành trọn cuộc đời cho việc minh họa, nhận thấy thật cần thiết việc mỗi đêm được ngồi cùng những anh em họa sĩ mà chuyện trò, đùa giỡn, chế giễu, ca tụng, đọc thơ và nói những lời bóng gió," tôi thú nhận, nhìn thẳng vào đôi mắt của Kelebek ngu đần, giấu trong dáng vẻ một chàng trai bụi bặm, có đôi mắt ướt bị giày vò bởi lòng đố kỵ. Thậm chí khi còn là một thợ học việc, tay Kelebek này, mà đôi mắt vẫn dễ thương như đôi mắt một đứa bé là một chàng đẹp trai có nước da tuyệt mỹ, nhạy cảm.

Một lần nữa, khi họ hỏi, tôi mô tả rằng vào ngày thứ hai, khi người kể chuyện, kẻ đang lang thang trong thành phố và vùng lân cận, cầu cho ông ta được yên nghỉ trên Thiên đàng, bắt đầu hành nghề trong quán cà phê, một trong những nhà tiểu họa, có lẽ do ảnh hưởng của cà phê, đã treo một bức tranh lên tường để đùa chơi; người kể chuyện liền thoáng liền chú ý, và như thể để đùa, ông ta bắt đầu một đoạn độc thoại cứ như ông ta là con chó trong tranh, chuyện này gặt hái thành công lớn; từ đó về sau, mỗi đêm ông ta tiếp tục dựa theo các bức tranh do những nhà tiểu họa tài hoa vẽ và kể những câu chuyện dí dỏm mà họ đã thì thầm vào tai ông ta. Do những nhận xét lăng mạ đối với nhà thuyết giáo từ Erzurum lập tức gây phẫn khích cho các nghệ sĩ, những kẻ đang khiếp sợ cơn thịnh nộ của nhà thuyết giáo, và lôi kéo thêm nhiều khách đến quán cà phê nên tay chủ quán quê ở Edirne khuyến khích các buổi biểu diễn như thế.

Họ yêu cầu tôi giải thích những bức tranh mà người kể chuyện treo sau lưng ông ta mỗi đêm, những bức tranh họ tìm thấy trong cuộc đột kích ngôi nhà trống của người anh em Zeytin.

Tôi nói rằng không cần phải giải thích bởi vì tay chủ quán, giống như chính Zeytin, là một tên xấu xa man rợ, trộm cắp, ăn xin thuộc phái Kalenderi. Zarif Kính mến chất phác, do khiếp sợ những lời hô hào của Hoja Kính mến, và nhất là những bài thuyết giáo về hình phạt ở địa ngục vào mỗi thứ sáu, hẳn đã than phiền về họ với người Erzurum. Hoặc thậm chí rất có thể là khi Zarif cảnh báo họ đừng trò tinh nghịch của họ lại thì tay chủ quán

và Zeytin, cả hai có tính khí giống nhau, đã hiệp lực thủ tiêu một cách man rợ tay thợ mạ vàng bạc mệnh này. Người Erzurum, bị kích động bởi cái chết của Zarif, và có lẽ bởi Zarif đã mô tả cuốn sách của Enishte cho họ, đã cho rằng Enishte chịu trách nhiệm về vụ giết người này và giết ông ta; và, họ hẳn đã đột kích quán cà phê để hoàn tất việc trả thù.

Hai gã Kelebek béo và Siyah trầm trọng (trông cứ như một con ma) này dành bao nhiêu chú ý cho những điều tôi nói trong khi họ lục soát tài sản của tôi, khoái trá moi móc mọi thứ, không bỏ sót một chỗ nào. Khi họ tình cờ thấy đôi giày ống, áo giáp và đồ quân trang của tôi trong một cái rương bằng gỗ óc chó chạm trổ, một vệt ghen tỵ hiện rõ trên khuôn mặt trẻ con của Kelebek, và tôi tuyên bố một lần nữa điều mà mọi người biết rõ. Tôi là nhà minh họa Hồi giáo đầu tiên tham gia chiến dịch cùng quân đội, là người đầu tiên nghiên cứu cẩn thận và vẽ lại mọi thứ tôi chứng kiến trong nhiều cuốn biên niên sử chiến công - việc bắn đại bác, những ngọn tháp lâu đài của kẻ thù, màu quân phục của binh lính ngoại giáo, tư thế của những xác chết, hàng đóng đầu lâu bị cắt lia dọc hai bờ sông và hiệu lệnh cùng cuộc xung phong của lính kỵ binh mặc giáp!

Khi Kelebek yêu cầu tôi cho anh ta xem cách tôi mặc áo giáp, tôi lập tức và không hề bối rối cởi áo ngoài, áo lót viền lông thỏ đen, quần dài và quần lót của tôi ra. Hải lòng với cách họ nhìn tôi dưới ánh sáng từ bếp lò, tôi mặc vào chiếc áo lót dài sạch, áo ngắn dày bằng vải đỏ mặc bên trong áo giáp khi thời tiết lạnh, vớ len, đôi ủng da màu vàng, ngoài cùng là đôi ghệt. Lấy áo giáp che ngực khỏi thùng đựng, tôi sung sướng mặc nó vào rồi quay lưng về phía Kelebek và, như thể ra lệnh cho một người hầu, bảo anh ta buộc dây của áo giáp thật chặt và sai anh ta gắn giáp che vai.

Khi tôi đeo mảnh giáp bảo vệ cánh tay, găng, bao gươm dẹt bằng lông lạc đà và cuối cùng là cái mũ sắt bằng vàng mà tôi đội trong lễ hội, tôi tự hào tuyên bố rằng từ nay trở đi những cảnh đánh nhau sẽ không bao giờ được vẽ như người ta đã vẽ hồi xa xưa nữa. "Người ta không còn chấp nhận việc vẽ kỵ binh của hai đội quân đối nghịch giống hệt nhau bằng cách sử dụng cùng một hình mẫu rồi chỉ lật ngược qua để vẽ kỵ binh quân thù," tôi nói. "Từ giờ

trở đi, những cảnh đánh nhau làm ra trong các xưởng của người Ottoman sẽ được vẽ theo cách tôi đã thấy chúng và đã vẽ chúng: một đám hỗn độn những lính tráng, ngựa, những chiến binh mặc giáp và những thân thể đầy máu!"

Lòng đầy ghen tỵ, Kelebek nói, "Nhà minh họa không vẽ những gì anh ta thấy, mà vẽ những gì Allah thấy."

"Phải," tôi nói, "tuy nhiên, đáng Allah Vinh quang chắc chắn thấy mọi thứ như chúng ta thấy."

"Dĩ nhiên, đáng Allah thấy những gì chúng ta thấy, nhưng Người không nhận thức nó theo cách chúng ta nhận thức," Kelebek nói như thể mắng nhiếc tôi. "Cảnh chiến trận lộn xộn kia, mà chúng ta nhận thức trong nỗi hoang mang, Người thì hiểu bằng sự toàn năng của Người rằng ấy là hai đội quân đối nghịch đang dàn trận một cách có trật tự."

Tự nhiên, tôi có phản ứng, tôi muốn nói, "Chúng ta được tùy nghi tin vào đáng Allah và chỉ vẽ những gì Người để lộ cho chúng ta, chứ không phải những gì Người che giấu," nhưng tôi vẫn im lặng. Và tôi im tiếng không phải vì nếu tôi nói Kelebek sẽ lên án tôi là bắt chước người Âu hoặc vì anh ta không ngót chích mũi dao găm vào mũi sắt và lưng tôi, làm như để kiểm tra áo giáp của tôi, mà vì tôi tính toán rằng nếu tôi biết kiểm chế và thuyết phục được Siyah cùng tên ngổ có đôi mắt đẹp này thì có thể chúng tôi sẽ thoát ra khỏi âm mưu của Zeytin.

Khi biết rằng sẽ không tìm thấy những thứ họ đang tìm ở đây họ nói cho tôi biết họ tìm kiếm cái gì. Đó là một bức tranh mà kẻ giết người tàn nhẫn đó đã mang theo hắn... Tôi nói rằng nhà tôi đã bị lục soát vì chính lý do đó; kết quả là tên sát nhân thông minh đó hầu như chắc chắn đã giấu bức tranh ở nơi không ai có thể tìm ra (tôi đang nghĩ về Zeytin), nhưng họ có lưu ý những lời của tôi không? Siyah giải thích về con ngựa được vẽ với cái mũi bị rạch và rằng thời hạn ba ngày mà Đức vua đã ban cho Thầy Osman sắp hết. Khi tôi hỏi kỹ hơn về ý nghĩa của cái mũi bị rạch, Siyah vừa nói với tôi vừa nhìn thẳng vào mắt tôi rằng, Thầy Osman đã phân tích chúng là một manh mối và

đã nối kết chúng với Zeytin, dù thầy nghi ngờ tôi còn nhiều hơn, vì thầy không lạ gì những tham vọng của tôi.

Thoạt tiên, có vẻ họ đến đây gần như với niềm tin rằng tôi là tên sát nhân và muốn tìm chứng cứ cho điều đó, nhưng theo quan điểm của tôi, đây không phải là lý do duy nhất cho cuộc viếng thăm của họ. Họ đến gõ cửa nhà tôi còn vì cô đơn và thất vọng. Khi tôi mở cửa, con dao mà Kelebek chìa vào tôi run run trên tay anh ta. Không những họ đang khiếp sợ, nghĩ rằng tên sát nhân đê tiện, mà lai lịch của hẳn chúng tôi đang cố tìm cho ra, có thể dồn họ vào cảnh tởm tã, sẽ mỉm cười như một người bạn cũ và nhanh chóng cắt cổ họng họ, họ còn mất ngủ vì sợ rằng Thầy Osman có thể bàn bạc cùng Đức vua và Trưởng Ngân khố để giao họ cho bọn tra tấn - ấy là chưa kể đám đông dân Erzurum đang lang thang trên đường phố, vốn cũng làm họ mất tinh thần. Tóm lại họ mong mỗi tình bạn của tôi. Nhưng Thầy Osman đã gieo vào lòng họ một ý niệm ngược lại. Bản phận lúc này của tôi là thành thật giúp họ thấy rõ Thầy Osman đã sai lầm như thế nào, mà dù sao tận trong thâm tâm họ cũng hy vọng điều đó.

Việc tuyên bố một cách đơn giản rằng bậc thầy vĩ đại sai lầm và đã lú lẫn cảm chắc sẽ khơi dậy sự thù địch ở Kelebek. Vì trong đôi mắt ướt của chàng tiểu họa đẹp trai này, với hai hàng mi chớp chớp giống như bướm, loài côn trùng được dùng làm nghệ danh cho anh ta trong khi anh ta dùng dao găm gõ vào áo giáp của tôi, tôi vẫn có thể đọc thấy ngọn lửa tình yêu yếu ớt dành cho người thầy vĩ đại mà anh ta vốn là học trò cung.

Hồi tôi còn trẻ, sự gần gũi giữa hai người này, thầy và thợ học việc đã bị những người khác chế giễu đầy ghen tỵ; nhưng bản thân họ không hề quan tâm, họ nhìn vào mắt nhau rất lâu, và vuốt ve nhau trước mặt mọi người; sau đó, Thầy Osman còn tuyên bố một cách sững sờ rằng Kelebek là cây bút lan lợi nhất và cây cọ tô màu chín chắn nhất. Tuyên bố này - thường rất đúng - trở thành nguồn chơi chữ vô tận giữa các nhà tiểu họa đồ ký quen dùng bút, cột lọ mực và hộp viết trong những khẩu ngữ ám chỉ thô tục, những so sánh quỷ quái và ẩn dụ tục tĩu. Vì lý do này, tôi không phải là người duy nhất có cảm giác rằng Thầy Osman muốn Kelebek kể tục ông làm

trường xương. Từ lâu, qua cách bậc thầy vĩ đại nói chuyện với người khác về tính khí hung hăng, khó hòa hợp và bướng bỉnh của tôi, tôi đã hiểu đây là những gì ông giấu kín trong lòng, ông ta nghĩ, một cách chính đáng, rằng tôi có xu hướng ngả về các phương pháp châu Âu hơn nhiều so với Zeytin hoặc Kelebek, và không bao giờ có thể chống lại những khao khát mới của Đức vua bằng việc khẳng định rằng, "Những bậc thầy vĩ đại thời xưa không bao giờ vẽ theo cách này."

Tôi biết mình có thể hợp tác thân thiết với Siyah bởi vì chú rể mới đây hăm hở của chúng ta hẳn rất muốn hoàn tất cuốn sách của Enishte quá cố, không chỉ để chinh phục trái tim nàng Shekure xinh đẹp và cho nàng thấy rằng anh ta có thể kế nhiệm cha nàng, mà rất có thể còn để lấy lòng Đức vua bằng những biện pháp nhanh nhất mà anh ta có thể nghĩ ra.

Vì thế tôi nêu lên vấn đề này một cách hoàn toàn bất ngờ, bằng cách nói rằng cuốn sách của Enishte là một điều kỳ diệu không gì trên đời này sánh nổi. Khi kiệt tác này được hoàn tất, thuận theo sắc lệnh của Đức vua và ao ước của Enishte Kính mến quá cố cả thế giới sẽ thán phục sức mạnh và sự thịnh vượng của vua Ottoman cũng như tài năng, sự tao nhã và khả năng của chúng ta, những nhà tiểu họa bậc thầy của Ngài. Không những họ sẽ sợ chúng ta, sức mạnh và sự nghiêm khắc của chúng ta, mà họ còn phải bối rối, nhìn cách chúng ta cười và khóc, chúng ta học theo những bậc thầy Tây vực, chúng ta chăm chút những màu sắc tươi sáng nhất và những chi tiết nhỏ nhất nhất ra sao; và sau cùng, họ sẽ kinh hoàng thừa nhận những điều mà chỉ những vị vua thông minh nhất mới có thể hiểu: rằng chúng ta vừa được đặt trong thế giới của những bức tranh vừa có mặt ở nơi xa rất xa cùng với những bậc thầy xưa.

Kelebek cứ gõ vào tôi liên tục, ban đầu như một đứa trẻ hăm hở xác định xem áo giáp của tôi có phải là đồ thiết hay không; kế đến, như một người bạn muốn thử nghiệm độ bền chắc của nó; cuối cùng thì như một kẻ thù đầy ghen tỵ và hết phương cải tạo chỉ muốn làm hại tôi. Sự thực, anh ta hiểu rằng tôi tài năng hơn anh ta; và còn tệ hại hơn, có lẽ anh ta đã nhận ra rằng Thầy Osman cũng biết điều này. Với tài năng Thượng đế ban cho, Kelebek là một

thợ cả tuyệt vời, và lòng ghen tỵ của anh ta khiến tôi càng tự hào hơn: Không như anh ta, tôi trở thành bậc thầy nhờ sức mạnh trong "cây bút sậy" của chính mình, chứ không phải nhờ việc nắm giữ cây bút sậy của thầy tôi, và tôi cảm thấy mình có thể buộc anh ta thừa nhận sự vượt trội của tôi.

Cao giọng, tôi giải thích, thật đáng thương làm sao khi có những người muốn phá hoại cuốn sách kỳ diệu của Đức vua và Enishte quá cố. Thầy Osman giống một người cha đối với tất cả chúng tôi; ông là bề trên của mọi người; chúng tôi học được mọi thứ ở thầy! Tuy nhiên, sau khi lần theo những manh mối trong Quốc khố của Đức vua, vì một số lý do nào đó chưa rõ, Thầy Osman cố che đậy việc ông nhận ra Zeytin chính là tên sát nhân ti tiện. Tôi nói tôi tin chắc rằng Zeytin, người chúng tôi không tìm thấy ở nhà, đang trốn trong nhà nguyện khổ xu Kalenderi bỏ hoang gần Cổng Phanar. Nhà nguyện này bị đóng cửa dưới thời ông nội của Đức vua, không phải vì nó là hang ổ của bọn suy đồi và vô đạo đức mà do hậu quả của những cuộc chiến tranh vô tận với Ba Tư, và, tôi nói thêm thậm chí có lần Zeytin khoe khoang rằng anh ta đang giữ nhiệm vụ canh gác nhà nguyện bị cấm này. Nếu họ không tin tôi, nghi ngờ có âm mưu gì đó sau lời lẽ của tôi thì dao găm vẫn trong tay họ, họ có thể thoải mái trừng phạt tôi ngay lúc đó.

Kelebek thọc dao găm hai cú thật mạnh đến độ hầu như không chiếc áo giáp nào chịu nổi. Anh ta quay sang Siyah, người tin những điều tôi nói, hét vào anh ta như một đứa trẻ. Tôi lên ra phía sau, vòng cánh tay mặc áo giáp quanh cổ Kelebek và lôi anh ta sát vào tôi. Còn tay kia tôi bẻ ngoặt cánh tay anh ta ra sau làm con dao rơi xuống. Chúng tôi không vật lộn, cũng không giỡn với nhau. Tôi kể lại một cảnh tương tự ít được biết đến trong cuốn Shahnameh.

"Vào ngày thứ ba của cuộc chạm trán giữa quân đội Ba Tư và Turania trang bị đầy đủ áo giáp và vũ khí và dàn trận tại chân núi Hamaran, người Turania phái Shengil xảo trá vào chiến trường để tìm hiểu lai lịch của một người Ba Tư bí ẩn, kẻ mà trong hai ngày trước đó mỗi ngày đã giết một chiến binh Turania vĩ đại," tôi bắt đầu nói. "Shengil thách thức người chiến binh bí ẩn đó, và anh ta nhận lời. Các đạo quân, áo giáp lấp lánh trong nắng

chiều, hồi hộp theo dõi. Hai con ngựa vận giáp sắt của hai chiến binh lao vào nhau với tốc độ khiến cho những tia lửa xẹt ra từ cú va chạm của kim loại làm cháy xem da chúng đến bốc khói. Đây là một cuộc tỉ thí kéo dài. Người Turania bắn tên, người Ba Tư điều khiển gươm và ngựa rất tài tình; và cuối cùng người Ba Tư bí ẩn đánh ngã người Turania sau khi chộp đuôi con ngựa của anh ta. Sau đó anh ta đuổi theo Shengil đang cố đào thoát và chộp áo giáp anh ta từ phía sau trước khi nắm lấy cổ. Sau khi thừa nhận thất bại, người Turania, vẫn lơ mơ về lai lịch của người chiến binh bí ẩn, đã hỏi một cách vô vọng về điều mọi người bấy lâu nay thắc mắc, 'Anh là ai?'. 'Với anh', người chiến binh bí ẩn đáp 'Tên tôi là Thần chết.' Vậy hãy nói cho tôi biết, các bạn của tôi: ông ta là ai?"

"Rustem huyền thoại," Kelebek nói với vẻ vui sướng trẻ con.

Tôi hôn lên cổ anh ta. "Tất cả chúng ta đều đã phản bội Thầy Osman," tôi nói. "Trước khi ông ta đưa ra đòn trừng phạt, chúng ta phải tìm ra Zeytin, loại bỏ thứ nọc độc đó đang nằm giữa chúng ta và đi đến một thỏa thuận để chúng ta có thể đứng vững vàng chống lại những kẻ thù muôn thuở của nghệ thuật và những người mong muốn đưa chúng ta thẳng đến những hầm ngục tra tấn. Có lẽ khi đến nhà nguyện khổ tu hoang phế của Zeytin, chúng ta sẽ biết rằng tên sát nhân tàn bạo này thậm chí không phải là một người trong số chúng ta."

Kelebek tội nghiệp không thốt ra một lời nào. Cho dù anh ta tài ba, tự tin và được ủng hộ tốt đến thế nào, nhưng giống như mọi nhà tiểu họa thích kết bầu kết bạn với nhau bất chấp sự ghen tỵ và ghê tởm lẫn nhau, anh ta sợ phát khiếp việc bị bỏ lại một mình trên cõi đời này và phải xuống Địa ngục.

Trên đường đến Cổng Phanar có một ánh sáng vàng xanh thần bí trên đầu chúng tôi, nhưng đó không phải là ánh trăng. Trong ánh sáng này, về ngoài về đêm trung thực, cũ xưa của Istanbul bao gồm những cây bách, những mái vòm xám xịt, những bức tường đá, những ngôi nhà gỗ và những vùng đất bị hỏa hoạn tàn phá bất ngờ trở nên xa lạ, như thể do một pháo đài của kẻ thù gây ra. Khi leo lên ngọn đồi, từ xa chúng tôi thấy lửa cháy đầu đó

ở phía sau Thánh đường Bayazid.

Trong bóng tối dày đặc, chúng tôi gặp một chiếc xe bò chở lưng lửng những bao bột đi về phía tường thành. Trả hai đồng bạc, chúng tôi được cho quá giang. Siyah mang theo những bức tranh, anh ta ngồi xuống một cách cẩn thận. Khi tôi nằm nhìn những đám khói thấp bay lên từ đám cháy, hai giọt mưa rơi trên mũ sắt của tôi.

Sau một chuyến hành trình dài, trong khi tìm kiếm ngôi nhà nguyện khổ tu hoang phế, chúng tôi đã đánh thức mọi con chó trong khu xóm mà vào lúc nửa đêm thế này trông như bị bỏ hoang. Dù chúng tôi thấy đèn đuốc vẫn đang được thắp trong mấy ngôi nhà xây bằng đá như đáp lại tiếng ồn ào của chúng tôi, nhưng gõ cửa đến ngôi nhà thứ tư thì mới có người mở cửa cho chúng tôi, và một người đàn ông đội mũ trùm đầu há hốc nhìn chúng tôi qua ánh đèn như thể chúng tôi là những người chết đội mồ, chỉ đường cho chúng tôi đến ngôi nhà khổ tu hoang phế mà thậm chí không thềm thò mũi ra ngoài trời mưa đang rơi nhanh, và vui vẻ nói thêm rằng khi đến đó chúng tôi cũng không yên ổn được với những âm hồn ma quỷ đâu.

Trong khu vườn của ngôi nhà hoang phế này chúng tôi được chào đón bằng sự yên tĩnh của những cây bách uy nghiêm đứng vững trước cơn mưa và mùi hôi thối của lá cây mục rữa. Tôi dán mắt vào một khe hở giữa những tấm ván đóng vách của ngôi nhà hoang, và nhìn qua lớp rèm của một cửa sổ nhỏ, ở đó, dưới ánh đèn dầu, tôi thấy bóng một người đang cầu nguyện hoặc có lẽ đang giả vờ cầu nguyện, vì biết chúng tôi đến.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 57: Tôi Được Gọi Là "Zeytin"

Tôi có nên bỏ dở bài kinh nguyện mà đứng dậy mở cửa cho họ, hay cứ để họ chờ ngoài mưa cho đến khi tôi cầu kinh xong? Khi nhận ra họ đang nhìn tôi, tôi đọc nốt bài kinh trong tâm trạng hơi bối rối. Tôi mở cửa, và họ ở đó - Kelebek, Leylek và Siyah. Tôi kêu lên một tiếng mừng rỡ rồi ôm lấy Kelebek.

T

"Ôi, hồi gần đây sao mà chúng ta khổ sở thế!" Tôi than thở, vùi đầu vào vai anh ta. "Họ muốn cái gì ở chúng ta? Tại sao họ lại giết chúng ta?"

Mỗi người trong bọn đều biểu lộ nỗi kinh hoàng của việc bị tách ra khỏi nhóm, mà tôi thỉnh thoảng vẫn gặp ở mỗi họa sĩ bậc thầy trong cuộc đời tôi. Ngay cả ở đây, trong ngôi nhà này, họ cũng không muốn tách khỏi nhau.

"Chúng ta có thể ẩn trốn an toàn ở đây trong vài ngày."

"Chúng tôi e rằng kẻ chúng ta cần phải sợ có lẽ nằm trong số chúng ta," Siyah nói.

"Tôi cũng lo lắm", tôi nói. "Vì tôi có nghe mấy lời đồn đại như thế."

Có những tin đồn lan truyền từ các sĩ quan Ngự lâm quân đến ban tiểu họa nói rằng bí ẩn quanh vụ sát hại Zarif Kính mến và Enishte quá cố đã được làm sáng tỏ: Hẳn ta là một người trong chúng tôi, những người đã tham gia làm cuốn sách đó.

Siyah hỏi tôi đã vẽ bao nhiêu bức tranh cho cuốn sách của Enishte.

"Bức đầu tiên tôi vẽ là Satan. Nó là một dạng biến thể của loài quỷ dưới

lòng đất thường gặp trong tác phẩm của những bậc thầy xưa trong các xưởng của xứ Akgoýunly. Người kể chuyện và tôi cùng theo phái Sufi; đó là lý do tại sao tôi vẽ hai người khổ tu. Tôi chính là người đã đề nghị Enishte đưa họ vào cuốn sách của ông, thuyết phục ông rằng có một chỗ đặc biệt cho những nhà khổ tu này trên lãnh thổ Ottoman."

"Có vậy thôi à?" Siyah hỏi.

Khi tôi đáp, "Phải, chỉ có vậy," anh ta bước tới cửa với vẻ bề trên của một ông thầy bắt gặp một thợ học việc ăn cắp; anh ta mang vào một cuộn giấy không bị ướt nước mưa, đặt trước mặt ba họa sĩ chúng tôi như một con mèo mẹ tha con chim bị thương đến cho các con của nó.

Tôi đã nhận ra các trang giấy đó ngay khi chúng còn được kẹp dưới nách anh ta: Chúng là những bức minh họa tôi đã cứu được ở quán cà phê trong cuộc đột kích. Tôi không mất công hỏi làm thế nào những người này vào được nhà tôi và tìm được chúng. Tuy nhiên Kelebek, Leylek và tôi, mỗi người đều lặng lẽ thú nhận những bức tranh chúng tôi đã vẽ cho người kể chuyện, cầu cho ông ta được yên nghỉ. Về sau, duy nhất con ngựa, một con ngựa cực đẹp đầu cúi thấp vẫn chưa được khẳng định là thuộc về ai. Tin tôi đi, tôi thậm chí không nhận ra rằng một con ngựa đã được vẽ ra.

"Anh không phải là người vẽ con ngựa này hả?" Siyah hỏi, như một ông thầy cầm cây roi.

"Không phải tôi," tôi đáp.

"Còn con ngựa trong cuốn sách của Enishte?"

"Tôi cũng không vẽ con ngựa đó."

"Tuy nhiên, dựa trên phong cách của con ngựa, người ta khẳng định rằng anh đã vẽ nó," anh ta nói. "Hơn nữa, chính Sư phụ Osman đã đưa ra kết luận này."

"Nhưng tôi không có phong cách gì cả," tôi nói. "Tôi không nói điều này

vì lòng tự hào nhằm phản công lại những thị hiếu gần đây. Mà tôi cũng không nói thế để chứng minh tôi vô tội. Đối với tôi, việc có phong cách còn tệ hại hơn việc sát nhân."

"Anh có một phẩm chất rõ rệt phân biệt anh với những bậc thầy xưa và những họa sĩ khác," Siyah nói.

Tôi mỉm cười với anh ta. Anh ta bắt đầu kể lại những việc mà tôi tin chắc tất cả các vị bây giờ đã biết. Tôi chăm chú lắng nghe chuyện Đức vua, trong cuộc hội đàm với Trưởng ngân khố để tìm một giải pháp cho những vụ giết người, lắng nghe chuyện ba ngày của Thầy Osman, lắng nghe 'phương pháp gái điếm', lắng nghe đặc điểm trên mũi những con ngựa và lắng nghe chuyện Siyah được cho vào Cấm cung như nhờ một phép màu để xem xét những cuốn sách tuyệt trần đó. Có những phút giây trong cuộc đời tất cả chúng ta khi, thậm chí ngay giữa lúc ta đang trải nghiệm những sự kiện nào đó, ta đã nhận ra rằng mình đang trải qua những sự kiện mà dù rất lâu về sau ta vẫn không bao giờ quên được. Mua roi rầu rĩ. Như thể bực bội vì mưa, Kelebek giữ chặt con dao một cách phiến muộn, Leylek, sau lưng áo giáp phủ đầy bột trắng, mạnh dạn tiến vào giữa ngôi nhà nguyện khô tu, đèn trong tay. Những họa sĩ bậc thầy này, bóng in trên tường như những con ma, là những anh em của tôi, và tôi yêu họ biết bao! Tôi vui vì được là một nhà tiểu họa.

"Anh hiểu được vận may của mình khi được nhìn vào những tác phẩm vĩ đại của các bậc thầy xưa trong nhiều ngày với Thầy Osman bên cạnh không?" Tôi hỏi Siyah. "Ông ta có hôn anh không? Ông ta có vuốt ve khuôn mặt đẹp trai của anh không? Anh có kính sợ tài năng và kiến thức của ông ta không?"

"Ở đó, giữa những tác phẩm vĩ đại của các bậc thầy xưa, Sư phụ đã chỉ cho tôi về phong cách của anh," Siyah nói. "Sư phụ đã dạy tôi rằng khuyết điểm giấu kín của 'phong cách', không phải là cái do người họa sĩ tự ý chọn, mà nó được quyết định bởi quá khứ của người nghệ sĩ và những ký ức đã quên của anh ta. Ông ấy cũng chỉ cho tôi những khuyết điểm, yếu kém và lỗi

lầm ẩn giấu này, có lúc một chuyện xấu hổ như thế được giấu kín để chúng ta không bị xa lìa những bậc thầy xưa, rồi sau đó sẽ xuất hiện để được ca ngợi như 'những đặc điểm cá nhân' hay phong cách,' bởi vì các bậc thầy châu Âu đã truyền bá chúng khắp thế giới. Từ nay trở đi, nhờ những tên ngốc vốn tự hào về những lỗi lầm của chính chúng, thế giới này sẽ là một nơi nhiều màu sắc hơn, ngu ngốc hơn và, dĩ nhiên, thiếu hoàn hảo hơn rất nhiều."

Việc Siyah tin chắc chắn vào những gì anh ta nói đã chứng minh rằng anh ta là một trong những tên ngốc thế hệ mới.

"Thầy Osman có thể giải thích lý do tại sao, trong nhiều năm, tôi vẽ hàng trăm con ngựa với lỗ mũi bình thường trong những cuốn sách của Đức vua không?" tôi hỏi.

"Đó là do tình yêu và những trận đòn mà Sư phụ dành cho anh hồi anh còn nhỏ. Bởi vì Sư phụ vừa là cha vừa là người thân yêu đối với tất cả các anh, nên Sư phụ không thấy rằng ông đã gán bó tất cả các anh với chính ông và từng người các anh với nhau. Sư phụ không muốn mỗi người trong các anh có một phong cách riêng, Sư phụ muốn cả họa xưởng trong cung điện có chung một phong cách. Bởi vì cái bóng đầy kính sợ mà sư phụ đã trùm lên tất cả các anh, các anh đã quên những gì đến từ bên trong, những điều không hoàn hảo, những yếu tố và những khác biệt vốn nằm bên ngoài giới hạn của hình thức chuẩn mực. Chỉ khi các anh vẽ cho những cuốn sách khác, những trang khác, mà Sư phụ Osman không bao giờ thấy được, thì các anh mới vẽ con ngựa vốn đã nằm trong tâm trí các anh bao nhiêu năm nay."

"Mẹ tôi, cầu cho bà yên nghỉ, thông minh hơn cha tôi nhiều," tôi nói. "Một đêm nọ, tôi ở nhà, khóc lóc, nhất quyết không bao giờ quay lại xưởng vẽ bởi vì tôi không những khiếp sợ những trận đòn của Thầy Osman, mà còn sợ cả những trận đòn của những ông thầy cấu kính và khắc nghiệt khác và những trận đòn của các trưởng nhóm vốn luôn luôn hăm dọa chúng tôi bằng cây thước. Trong lúc an ủi, người mẹ quá cố thân yêu của tôi đã khuyên tôi rằng có hai hạng người trên trái đất: những kẻ hoảng sợ và bị khuất phục bởi những trận đòn thời thơ ấu, mãi mãi bị áp bức, bà nói, bởi vì những trận đòn

đã đạt hiệu quả là tiêu diệt những ma quỷ nội tâm; và thứ nhì là những kẻ may mắn mà với họ những trận đòn đã làm kinh hãi và chế ngự được ma quỷ bên trong họ nhưng không tiêu diệt họ. Dù nhóm sau không bao giờ quên những ký ức đau đớn thời thơ ấu này - bà cảnh báo tôi đừng nói điều này với bất cứ ai - nhưng đến lúc nào đó những trận đòn sẽ giúp họ phát triển tính khôn ngoan, thấu hiểu điều chưa biết, có được bạn bè, nhận dạng được kẻ thù, nhận ra những âm mưu ngấm ngầm sau lưng họ và, để tôi nói thêm liên đây, vẽ giỏi hơn bất cứ ai khác. Bởi vì tôi không thể vẽ những cảnh cây một cách hài hòa, Thầy Osman sẽ vả tôi mạnh đến nỗi, giữa những giọt nước mắt cay đắng, những khu rừng sẽ mọc ra um tùm trước mặt tôi. Sau khi giận dữ quát vào đầu tôi, bởi vì tôi không thể thấy những lỗi ở cuối trang, ông ân cần lấy một tấm gương đặt trước trang giấy để tôi có thể thấy tác phẩm đó như mới thấy lần đầu. Sau đó, áp má ông sát má tôi, ông âu yếm chỉ ra những sai lầm hiện ra trong gương như có phép màu đến độ tôi không bao giờ quên được tình yêu thương lẫn nghi thức đó. Buổi sáng sau một đêm tôi khóc ướt trên giường, do lòng tự ái bị xúc phạm vì ông đã trừng phạt tôi bằng cây thước trước mặt mọi người, ông đến hôn cánh tay tôi quá âu yếm đến nỗi tôi biết rất rõ rằng một ngày kia tôi sẽ trở thành một nhà tiểu họa huyền thoại. Không, không phải tôi vẽ con ngựa đó."

"Chúng tôi," Siyah ám chỉ Leylek và chính anh ta, "sẽ lục soát nhà nguyện này để tìm bức tranh cuối cùng mà tên dê tiện sát hại Enishte của tôi đã đánh cắp. Anh đã từng thấy bức tranh cuối cùng đó chưa?"

"Không có gì, đó là điều chấp nhận được đối với Đức vua, những nhà minh họa giống chúng ta bị buộc chặt vào những bậc thầy xưa hoặc những tín đồ Hồi giáo bị buộc chặt vào đức tin của họ," tôi nói và im lặng.

Tuyên bố của tôi càng khiến anh ta hăm hở hơn. Anh ta và Leylek bắt đầu lục soát toàn bộ ngôi nhà, xới tung mọi thứ. Có lúc, chỉ để làm cho công việc của họ dễ dàng hơn, tôi đi theo họ.

Trong một phòng có trần bị dột, tôi chỉ cái hố dưới sàn để họ không bị ngã và để họ có thể lục soát nó nếu họ muốn. Tôi trao cho họ một chìa khóa

lớn của căn phòng nhỏ trong đó vị giáo trưởng đã sống cách nay ba mươi năm, trước khi những người ủng hộ tu viện này gia nhập phái Bektashis và phân tán đi. Họ hăm hở bước vào, nhưng khi thấy toàn bộ bức tường đã sập mất và mưa tạt vào phòng, họ chẳng buồn lục soát nó.

Tôi thấy mừng rằng Kelebek không đi cùng họ, nhưng nếu tìm thấy chứng cứ liên quan đến tôi thì anh ta cũng sẽ đứng vào hàng ngũ của họ. Leylek có cùng ý nghĩ như Siyah, vốn sợ rằng Thầy Osman sẽ giao chúng tôi cho những kẻ tra tấn, và nhất quyết rằng chúng tôi phải hỗ trợ nhau, phải hợp lực lại để đối đầu với Trưởng Ngân khố. Tôi có cảm giác rằng Siyah không chỉ bị thúc đẩy bởi ước muốn tặng cho Shekure món quà cưới đích thực bằng việc tìm ra kẻ giết Enishte của anh ta, mà anh ta còn có ý định đưa những nhà tiêu họa Ottoman đi theo con đường của các bậc thầy châu Âu bằng cách dùng tiền của Đức vua trả lương cho họ để họ hoàn tất cuốn sách của Enishte phỏng theo người Tây vực (điều này không chỉ phạm thượng mà còn lố bịch nữa). Tôi cũng hiểu, với một mức độ chắc chắn nào đó, rằng gốc rễ của âm mưu này là mong ước của Leylek muốn loại bỏ chúng tôi và thậm chí cả Thầy Osman nữa, vì anh ta mơ ước trở thành Trưởng ban Minh họa và (vì mọi người đoán rằng Thầy Osman thích Kelebek hơn) anh ta sẵn sàng dùng mọi cách để gia tăng cơ hội của mình. Nhất thời tôi cảm thấy bối rối. Lắng nghe mưa rơi, tôi cân nhắc hồi lâu. Kế đến, giống như một người trốn khỏi đám đông và cố gắng dâng thỉnh nguyện lên Đức vua và quan Tể tướng khi họ cưỡi ngựa ngang qua, tôi bất ngờ có ý muốn làm cho Leylek và Siyah yêu mến tôi. Dẫn họ qua một hành lang tối và một cửa lớn, tôi đưa họ tới một căn phòng để sợ vốn là nhà bếp. Tôi hỏi liệu họ có tìm được thứ gì giữa đồng đồ nát này không. Dĩ nhiên họ không tìm thấy. Không hề có dấu vết gì của ấm đun nước, nồi, chảo và những ống bễ từng được dùng để nấu ăn cho kẻ lang thang nghèo khổ. Thậm chí tôi chưa từng cố gắng dọn dẹp căn phòng ghê tởm phủ đầy mạng nhện, bụi, bùn, những mảnh vỡ cùng cứt chó và mèo này. Như thường lệ, một cơn gió mạnh, nổi lên như thể từ hư vô, làm mờ ngọn đèn - khiến bóng của chúng tôi khi tỏ khi mờ.

"Các anh đã lục đi soát lại mà không tìm được kho báu cất giấu của tôi," tôi nói.

Theo thói quen, tôi dùng mu bàn tay như một cây chổi quét lớp tro tại chỗ từng là lò sưởi và, khi một miếng lò cũ hiện ra, tôi giở nắp sắt của nó lên gây ra tiếng cọt kẹt. Tôi giờ đèn đến bên miệng lò. Tôi sẽ không bao giờ quên cái kiêu Leylek nhảy xổ tới háo hức chộp lấy mấy cái túi da bên trong trước khi Siyah kịp ra tay. Anh ta sắp mở mấy cái túi đó ngay bên miệng lò, nhưng vì tôi đã quay trở ra phòng khách lớn, theo sau là Siyah vì anh ta sợ phải ở lại đó, nên Leylek phóng cặp chân dài theo sau chúng tôi.

Khi họ thấy một chiếc túi đựng đôi vớ len sạch, chiếc quần dài rút, áo lót màu đỏ của tôi, những chiếc áo lót đẹp nhất, áo sơ mi lụa, dao cạo, lược và những vật dụng hàng ngày khác của tôi, họ thoáng bối rối. Còn cái túi kia mà Siyah mở ra thì có năm mươi ba đồng tiền vàng Venice, những miếng vàng lá tôi đánh cắp ở xưởng trong mấy năm gần đây, cuốn sổ ghi chép những mẫu vẽ mà tôi giấu không cho ai biết, thêm mấy miếng vàng lá đánh cắp nữa giấu trong sổ, những bức tranh bậy bạ - một số tự tay tôi vẽ và một số tôi sưu tầm, một chiếc vòng mã não kỷ niệm của mẹ tôi cùng một lọn tóc bạc của bà, và những cây bút cùng cọ tốt nhất của tôi.

"Nếu thực sự tôi là tên sát nhân như các anh nghi ngờ," tôi nói với vẻ tự hào ngu ngốc, thì bức tranh cuối cùng hẳn phải nằm trong kho tàng bí mật đó của tôi, chứ không phải những thứ này."

"Tại sao những thứ này ở đây?" Leylek hỏi.

"Khi Ngự lâm quân lục soát nhà tôi, như họ đã lục soát nhà các anh, họ đã trắng trợn tịch thu hai trong số những đồng vàng mà tôi đã dành cả đời để sưu tầm. Tôi nghĩ chúng ta có thể bị lục soát lần nữa vì tên giết người dê tiện này - và tôi đã đúng. Nếu tôi có giữ bức tranh cuối cùng đó thì nó phải ở đây."

Đúng là sai lầm khi thốt ra câu cuối cùng này; tuy nhiên, tôi có cảm giác rằng họ cảm thấy nhẹ nhõm và không còn sợ rằng tôi sẽ bóp cổ họ trong góc tối căn nhà nữa. Tôi cũng giành được sự tin cậy của các vị chứ?

Tuy nhiên, vào lúc này lòng tôi tràn ngập một cảm giác bất ổn nghiêm

trọng; không, đó không phải là chuyện những đồng nghiệp minh họa của tôi, những người tôi biết rõ từ hồi nhỏ, đã biết việc tôi tham lam dành dụm tiền bạc trong nhiều năm, tôi mua và để dành vàng, hay thậm chí chuyện họ biết về những sổ ghi chép và những bức tranh tục tĩu của tôi. Thực ra thì, tôi hồi tiếc vì đã cho họ xem tất cả những thứ này trong phút giây hoảng sợ. Chỉ những điều bí ẩn của một người sống hoàn toàn vô mục đích mới có thể bị phơi bày một cách dễ dàng như thế.

"Tuy nhiên," một hồi lâu sau Siyah nói, "chúng ta phải thống nhất xem mình sẽ nói những gì khi bị tra tấn nếu Sur phụ Osman bất ngờ giao nộp chúng ta mà không cảnh báo trước."

Một nỗi se thắt và buồn phiền ập xuống chúng tôi. Trong ánh đèn mờ nhạt, Leylek và Kelebek đang nhìn chăm chú những bức tranh thô tục trong sổ ghi chép của tôi. Họ biểu lộ vẻ hoàn toàn thờ ơ, thực tế, thậm chí họ hạnh phúc theo một kiểu đáng sợ nào đó. Tôi cảm thấy một thôi thúc mạnh mẽ phải nhìn lại bức tranh - tôi có thể đoán ra đó là bức nào; tôi đứng dậy đi vòng ra sau lưng họ, nhìn vào bức tranh tục tĩu mình đã vẽ, rùng mình cứ như tôi đang nhớ lại được một ký ức hạnh phúc những giờ đã xa xôi. Siyah đến bên chúng tôi. Vì lý do nào đó, việc cả bốn chúng tôi cùng nhìn bức minh họa đó làm nhẹ lòng tôi.

"Có thể nào người mù và người sáng là như nhau không?" Cuối cùng Leylek nói. Có phải anh ta ngụ ý rằng cho dù hình ảnh chúng tôi thấy là tục tĩu, nhưng lạc thú của sự nhìn thấy mà Allah ban cho chúng tôi vẫn là vinh quang không? Không, Leylek mà biết gì về những vấn đề như thế? Anh ta chưa từng đọc kinh Koran. Tôi biết rằng những bậc thầy Herat xưa thường xuyên đọc to câu thơ này. Những bậc thầy vĩ đại đã dùng câu thơ này làm câu trả lời cho những kẻ thù của hội họa, những kẻ đã cảnh báo rằng đạo giáo của chúng ta cấm chỉ việc vẽ tranh và các họa sĩ sẽ bị đày xuống Hỏa ngục vào Ngày phán xét. Tuy nhiên, cho đến phút giây ma quái ấy, tôi chưa từng một lần được nghe từ Kelebek những lời này mà hiện có vẻ tự ý chúng thoát ra khỏi miệng anh ta.

"Tôi muốn miêu tả người mù và người sáng không giống nhau như thế nào!"

"Ai là người mù và ai là người sáng?" Siyah hỏi ngây thơ.

"Người mù và người sáng không như nhau, đó là nghĩa của câu 've ma yestevil'ama ve'l basiru'nun' ". Kelebek nói và tiếp tục:

"...mà cũng không là bóng tối và ánh sáng.

Cái bóng và sức nóng không như nhau,

Cả người chết và người sống cũng không như nhau."

Tôi rùng mình trong chốc lát, nghĩ về số phận của Zarif Kính mền, Enishte và người kể chuyện anh em vừa bị giết tối nay. Liệu mấy đứa kia có sợ như tôi không? Chẳng ai động đậy một hồi lâu.

Leylek vẫn để mở cuốn sách của tôi, nhưng có vẻ không thấy hình ảnh thô bỉ tôi vẽ dù rằng tất cả chúng tôi đều nhìn vào nó!

"Tôi muốn vẽ Ngày phán xét", Leylek nói. "Cuộc phục sinh của người chết, và sự chia tách kẻ có tội ra khỏi kẻ vô tội. Tại sao chúng ta không thể vẽ Lời thiêng của đạo giáo chúng ta?"

Hồi chúng tôi còn trẻ, làm việc với nhau trong cùng một căn phòng của xưởng vẽ, chúng tôi thỉnh thoảng cũng ngược mặt khỏi bàn làm việc, như những bậc thầy già thường làm để cho mắt nghỉ ngơi, và bắt đầu nói về bất cứ đề tài nào nảy ra trong đầu. Hồi đó, giống như bây giờ chúng tôi đang làm khi nhìn vào cuốn sách mở ra trước mặt, chúng tôi không nhìn nhau khi tán gẫu. Vì mắt của chúng tôi thường hướng đến một điểm xa xôi nào đó bên ngoài cửa sổ mở. Tôi không chắc có phải là do sự kích động khi nhớ lại một điều gì đó đẹp để khó quên từ thời học việc thanh bình của tôi, do sự hồi tiếc thật lòng mà tôi cảm thấy vào giây phút đó bởi vì đã bao lâu nay tôi không đọc kinh Koran, hay do nỗi sợ hãi trước tội ác mà tôi chứng kiến tại quán cà phê tối đó, nhưng khi đến lượt tôi nói, tôi bất chợt bối rối, tim tôi đập liên

hồi như thể tôi đang gặp mỗi đe dọa hiểm nguy nào đó, và vì không nghĩ ra điều gì khác, tôi chỉ nói như sau:

"Các anh có nhớ những bài thơ ở cuối chương Al-Baqara 1 không? Tôi muốn vẽ chúng nhất: Ôi Thượng đế, xin đừng phán xét chúng con qua những gì chúng con quên và qua lỗi lầm của chúng con. Ôi Thượng đế, xin đừng đặt lên vai chúng con gánh nặng mà chúng con không mang nổi như đã làm với những người đi trước chúng con. Hãy tha thứ và xóa tội cho chúng con về những vi phạm và tội lỗi của chúng con! Hãy cư xử với chúng con với lòng nhân từ, ôi Thượng đế kính yêu." Giọng tôi vỡ vụn và tôi bối rối vì những giọt nước mắt bất ngờ của mình - có lẽ bởi vì tôi thận trọng với lời mĩa mai mà chúng tôi luôn dành sẵn hồi còn học việc để tự bảo vệ và tránh phơi bày cảm xúc."

Tôi nghĩ những giọt nước mắt của tôi sẽ nhanh chóng cạn đi, nhưng không tìm mình được, tôi bắt đầu khóc như mưa gió. Trong khi khóc, tôi có cảm giác rằng từng người trong số họ đều chìm trong những cảm xúc về tình anh em, sự hủy diệt và nỗi buồn. Từ giờ trở đi, phong cách châu Âu sẽ chiếm ưu thế trong xưởng của Đức vua; những pho sách và phong cách mà chúng tôi đã dành cho cả cuộc đời sẽ dần dần bị quên lãng - phải, quả thực, toàn bộ dự án điêu khắc này sẽ đến hồi kết thúc. Và nếu người Erzurum không bóp cổ và kết liễu chúng tôi thì những kẻ tra tấn của Đức vua sẽ làm chúng tôi tàn tật... Nhưng trong khi tôi khóc, nước nở và thở vắn than dài - cho dù tôi vẫn lắng nghe tiếng mưa rơi lộp độp buồn não nuột - một phần tâm trí tôi ý thức rõ rằng những thứ này không phải là thứ tôi đang khóc than. Mấy đứa kia ý thức điều này tới mức độ nào? Tôi cảm thấy hơi có lỗi về những giọt nước mắt của mình, chúng vừa thực lòng, vừa giả dối.

Kelebek đến bên tôi, đặt cánh tay lên vai tôi, vuốt tóc tôi, hôn má tôi và nói những lời ngọt ngào an ủi tôi. Sự thể hiện tình bạn này càng khiến tôi khóc với vẻ thật tình và hối lỗi hơn. Tôi không thấy được khuôn mặt anh ta, nhưng, vì lý do nào đó, tôi đã nghĩ một cách sai lầm rằng anh ta cũng đang khóc. Chúng tôi ngồi xuống. Chúng tôi nhắc lại chuyện cả bọn bắt đầu thời kỳ học việc cùng một năm, nỗi buồn kỳ lạ của việc bị tách khỏi mẹ và bắt

ngờ bắt đầu một cuộc sống mới, cơn đau của những trận đòn chúng tôi hứng chịu trong những ngày đầu, niềm vui từ những món quà đầu tiên của Trương Ngân khố, và những ngày chúng tôi được về nhà, chạy suốt con đường. Thoạt đầu chỉ có anh ta nói trong khi tôi lắng nghe một cách rầu rĩ, nhưng về sau, khi Leylek, và đôi khi sau đó nữa, Siyah - người đến xưởng một thời gian rồi bỏ đi, trong những năm đầu học việc của bọn tôi - tham gia cuộc chuyện trò ảm đạm của chúng tôi, tôi quên rằng mình vừa mới khóc, và bắt đầu nói cười thoải mái với họ.

Chúng tôi hồi tưởng lại những sáng mùa đông chúng tôi dậy sớm, nhóm bếp lò trong căn phòng lớn nhất của xưởng và lau sàn nhà bằng nước nóng. Chúng tôi nhớ lại một "thợ cạo" già, cầu cho ông được yên nghỉ, một người tẻ ngắt và cẩn thận đến độ ông ta có thể suốt một ngày chỉ vẽ được một chiếc lá của một cái cây và khi thấy chúng tôi nhìn những chiếc lá xanh tươi mơn mớn của cây cối mùa xuân qua khung cửa sổ mở thay vì nhìn vào chiếc lá ông ta vẽ, ông không đánh đòn chúng tôi, mà thường quát tháo chúng tôi đến cả trăm lần. "Không phải ngoài đó, trong này này!" Chúng tôi nhắc lại tiếng kêu khóc mà cả xưởng đều nghe thấy của cậu thợ học việc gầy nhẳng đang đi ra cửa, túi xách trong tay, bị đuổi về nhà bởi vì cường độ công việc khiến một con mắt cậu ta bị lác. Kế đến, chúng tôi tưởng tượng cách chúng tôi nhìn (với niềm vui sượng bởi đó không phải là lỗi lầm của chúng tôi) mực đỏ tươi từ một lọ mực bằng đồng bị nứt rỉ ra dần dần lên trang giấy mà ba nhà minh họa đã phải làm suốt ba tháng ròng (nó vẽ quân Ottoman hai bên bờ sông Kinik trên đường tiến về Shirvan, thoát được mỗi nguy chết đói bằng việc chiếm Eresh và lấp đầy bao tử họ). Trong một thái độ tôn trọng và tao nhã, chúng tôi nói về chuyện cả ba chúng tôi cùng yêu và cùng nhau làm tình với một quý cô Circasia, người đẹp nhất trong các bà vợ của một quan chức bảy mươi tuổi, ông ta muốn trần nhà mình được trang trí phông theo những mẫu vẽ trong hành cung săn bắn của Đức vua sao cho xứng với những cuộc chinh phục, sức mạnh và tài sản của ông ta. Sau đó, chúng tôi háo hức nhắc lại những sáng mùa đông chúng tôi ăn món xúp đậu lãng ngay ngưỡng cửa mở toang để hơi nóng của nó không làm mềm giấy. Chúng tôi cũng than thở việc bị tách khỏi bạn bè và thầy dạy trong xưởng khi các thầy buộc chúng tôi đi đến những nơi xa xôi để làm thuê sau khi đã biết nghề. Có lúc, về hòa nhã

của Kelebek thân mến khi anh mới mười sáu tuổi bỗng hiện ra trước mắt tôi: Anh ấy đánh bóng giấy đến độ láng mượt bằng cách dùng miếng vỏ sò láng chà thật nhanh trong khi ánh nắng một ngày hè xuyên qua khung cửa sổ mở chiếu vào cánh tay trần màu mật ong của anh. Trong một chốc anh ngừng công việc đang làm một cách chăm chú và cẩn thận để cúi xuống trang giấy xem xét một chỗ bị hỏng. Sau khi dùng vỏ sò chà vài nhát trên chỗ bị hư bằng những động tác khác, anh ta trở lại động tác cũ, đưa tay tới lui trong khi nhìn ra xa xa bên ngoài cửa sổ, chìm trong mơ mộng. Tôi không bao giờ quên rằng trước khi nhìn ra ngoài lần nữa, anh nhìn thoáng vào mắt tôi - như sau này tôi làm với những người khác. Cái nhìn bi thương này chỉ có một ý nghĩa, mà mọi thợ học việc đều biết rõ: Thời gian không trôi nếu các vị không mơ mộng.

1Al-Baqara: Con Bò.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 58: Tôi Sẽ Bị Gọi Là Tên Sát Nhân

Các vị đã quên tôi rồi, đúng không? Tại sao tôi phải che giấu sự hiện diện của tôi với các vị thêm nữa? Bởi vì nói chuyện bằng giọng này, cái giọng càng lúc càng trở nên mạnh mẽ hơn, đối với tôi đã trở nên quá thú vị. Nhiều lúc, phải cố lắm tôi mới kìm được mình, và tôi sợ rằng sự căng thẳng trong giọng nói của tôi sẽ tố giác tôi là ai. Nhiều lần, tôi tự cho phép mình thoải mái, và đó là khi những lời này, những dấu hiệu của tính cách thứ hai của tôi - mà các vị có thể nhận ra - thốt khỏi miệng tôi; hai tay tôi bắt đầu run, mồ hôi lấm tấm trên trán và tôi lập tức nhận ra rằng những lời thì thào nhỏ nhỏ của thân thể tôi đây, đến lượt chúng sẽ cung cấp những manh mối mới.

C

Nhưng tôi rất toại nguyện ở đây! Khi chúng tôi an ủi nhau bằng hai mươi lăm năm ký ức chúng tôi được gọi nhớ lại không phải về những oán thù, mà về những cái đẹp và niềm vui của hội họa. Cũng có một điều gì đó trong việc chúng tôi ngồi đây với một cảm giác về ngày tận thế sắp đến, vỗ về nhau bằng đôi mắt đầy lệ khi chúng tôi nhớ lại cái đẹp của những ngày đã qua, điều gọi ta nhớ lại những phi tần trong hậu cung.

Tôi lấy so sánh này từ Abu Said xứ Kirman, người đưa những câu chuyện về các bậc thầy xưa của Shiraz và Herat vào cuốn Tarih của ông viết về các con trai của Tamerlane. Cách nay ba mươi năm, vua Jihan, người trị vì Garagoýunly, đến phương Đông, ở đó ông đánh bại những đội quân nhỏ và cướp đất của các đại hãn và tiểu vương Timurid vốn đang đánh lẫn nhau. Cùng những bộ lạc Thổ Nhĩ Kỳ bách thắng của mình, ông đi xuyên Ba Tư vào tới phương Đông, cuối cùng, tại Astarabad, ông đánh bại Ibrahim, cháu nội của vua Ruh vốn là con trai của Tamerlane; sau đó ông chiếm Gorgan và phái quân tấn công pháo đài Herat.

Theo sử gia xứ Kirman nói trên, chiến thắng này, vốn đã tàn phá không chỉ Ba Tư mà cả sức mạnh bất khả chiến bại từ trước đến nay của triều đại Tamerlane vốn cai trị hơn nửa thế giới từ Hindustan đến Byzantium trong nửa thế kỷ, đã gây ra một cơn bão táp hủy diệt đến nỗi mọi đàn ông và phụ nữ trong pháo đài Herat bị bao vây chìm trong hỗn loạn. Sử gia Abu Said gọi lại cho người đọc với một niềm vui tai ác về việc vua Jihan xứ Garagoýunly đã tàn sát tất cả những ai thuộc dòng dõi Tamerlane tại các pháo đài ông ta chinh phục được, rồi tuyển lựa phi tần từ những hậu cung của các tiểu vương và vương hầu mà bổ sung họ vào hậu cung của mình, và nhấn tâm phân tán các nhà tiểu họa và buộc họ làm thợ học việc cho những họa sư của ông ta. Đến chỗ này trong cuốn Tarih, sử gia chuyển sự chú ý từ vị vua và các chiến binh của ông ta, những kẻ đang cố hất văng đối phương ra khỏi các ngọn tháp có lỗ châu mai của những pháo đài, sang những nhà tiểu họa ngồi giữa đống bút và thuốc màu trong xưởng, chờ đợi cao điểm khủng khiếp của cuộc vây hãm mà kết quả của nó từ lâu đã rõ ràng. Ông ta liệt kê tên của các họa sĩ, tuyên bố lần lượt từng người trong bọn họ đã nổi tiếng thế giới như thế nào và sẽ không bao giờ bị lãng quên, và những nhà minh họa này, tất cả họ, giống như các phi tần trong hậu cung của nhà vua, từ lâu đã bị quên lãng ôm nhau khóc, không thể làm gì khác ngoài việc nhắc lại những tháng ngày hạnh phúc tuyệt vời đã qua của họ.

Chúng tôi, giống như những phi tần buồn rầu trong hậu cung, cũng nhớ lại những món quà gồm những áo viền lông và những túi đầy tiền mà Đức vua đã ban cho chúng tôi để trả công cho những chiếc hộp, tấm gương và bản khắc được trang trí đầy màu sắc, những quả trứng đà điều được tô điểm, tác phẩm cắt giấy, những bức tranh tờ đơn, những cuốn sưu tập ngộ nghĩnh, những bộ bài và cuốn sách chúng tôi dâng lên Ngài vào những dịp lễ. Đâu rồi những họa sĩ có tuổi, nhiều đau khổ, làm việc vất vả của thời đó, vốn vẫn hài lòng với những phần thưởng nhỏ bé như vậy? Họ không bao giờ giam mình tại nhà và giấu giếm một cách đầy ghen tỵ những phương pháp của họ với người khác, sợ rằng việc làm thêm ban đêm của họ bị phát hiện, mà vẫn đến xưởng mỗi ngày dù chuyện gì xảy ra đi nữa. Đâu rồi những nhà tiểu họa già công hiến cả cuộc đời cho việc vẽ những họa tiết rắc rối trên các bức tường lâu đài, những lá cây bách mà sự độc đáo của chúng phải xem xét kỹ

mới nhận ra, và những thứ cỏ thảo nguyên bảy lá được dùng để lấp đầy khoảng trống? Đâu rồi những thợ cả tâm thường, những người không bao giờ nhen nhóm chút lòng ghen tỵ, đã chấp nhận sự thông minh và công bằng vốn có trong việc Thượng đế ban phát tài nghệ và khả năng cho một số họa sĩ này và ban sự kiên nhẫn và cam chịu cho một số họa sĩ kia. Chúng tôi nhớ lại những bậc thầy này, một số họ bị còng lưng và không ngớt mỉm cười, một số khác mơ mộng và say sưa, một số khác nữa quyết tâm gả đi một cô con gái lỡ thì; và khi hồi tưởng, chúng tôi đã nỗ lực dựng lại những chi tiết bị quên lãng của xưởng làm việc như nó từng có trong những năm học việc và buổi đầu làm thợ cả của chúng tôi.

Các vị còn nhớ chăng, tay họa sĩ thường độn lười trong má khi anh ta kẻ dòng các trang giấy - độn sang bên trái nếu dòng anh ta kẻ hướng sang phải, và sang phải nếu dòng đi về phía trái; người nghệ sĩ gầy, nhỏ con thường cười một mình, cười như nắc nẻ và lảm bảm, kiên nhẫn, kiên nhẫn, kiên nhẫn, trong khi nhỏ thuốc màu; người thợ mạ vàng bậc thầy bảy mươi tuổi, dành nhiều giờ liền nói chuyện với các thợ học việc của người đóng sách dưới nhà và tuyên bố rằng mực đỏ phết lên trán thì có thể ngăn lão hóa; bậc thầy khó tính, người đã nhờ một thợ học việc cả tin, nếu không thì chặn bất cứ ai ngẫu nhiên đi qua để nhờ họ thử độ đậm đặc của thuốc màu bằng móng tay của họ sau khi móng tay của chính ông ta đã được sơn hết cả; và nhà họa sĩ bệ vệ, kẻ thường khiến chúng tôi cười to mỗi khi ông ta vuốt râu mình bằng cái chân thỏ đầy lông dùng để gom bụi vàng được sử dụng trong việc mạ? Các vị còn nhớ họ không? Tất cả bọn họ đâu rồi?

Đâu rồi những bàn đánh bóng sử dụng quá nhiều đến độ trở thành một bộ phận của thân thể thợ học việc rồi sau đó bị ném sang một bên, và những chiếc kéo cắt giấy bị các thợ học việc làm cho cùn vì trò chơi "kiếm sĩ"? Đâu rồi những bàn viết có khắc tên những bậc thầy vĩ đại để chúng không bị lẫn lộn, mùi thơm của mực Trung Hoa và tiếng kêu lách cách nhẹ nhàng của những bình cà phê đang sôi trong im lặng? Đâu rồi những loại cọ khác nhau chúng tôi làm từ lông cổ và lông trong tai những con mèo con được sinh ra từ lũ mèo mướp của chúng tôi mỗi mùa hè, và những bó giấy Ấn Độ lớn được giao cho chúng tôi để những lúc nhàn rỗi chúng tôi có thể thực hành nghệ

thuật của mình như những nhà thư pháp đã làm? Đâu rồi con dao nhíp cán bằng thép xấu xí mà muốn sử dụng thì phải được Trưởng ban Minh họa cho phép, do đó tạo ra một sự răn đe cho cả xưởng khi chúng tôi phải cạo bỏ những sai sót lớn; và những gì đã xảy ra với những nghi thức vốn xoay quanh những sai sót này?

Chúng tôi cũng đồng ý rằng Đức vua quả là sai khi để cho những nhà tiểu họa bậc thầy làm việc tại nhà. Chúng tôi nhắc đến những chiếc bánh nóng tuyệt vời được người ta bung từ nhà bếp cung điện ra cho chúng tôi vào những tối mùa đông sau khi chúng tôi làm việc đến nhức mắt dưới ánh nến và đèn dầu. Cười to với những giọt lệ trên khóe mắt, chúng tôi nhớ lại cách ông thợ cả mạ vàng già cả lú lẫn, người mắc chứng bệnh run kinh niên và không thể cầm bút hay giấy, vào những lần đến thăm xưởng làm việc hàng tháng, luôn mang theo những chiếc bánh rán tẩm xirô mà con gái ông làm cho bọn thợ học việc chúng tôi. Chúng tôi nói về những trang cực đẹp do Kara Memi quá cố, Trưởng ban Minh họa trước Thầy Osman thực hiện, được phát hiện trong phòng ông, vốn vẫn bỏ trống nhiều ngày sau đám tang của ông, trong cặp giấy nằm bên dưới cái nệm lông ông thường trải ra để ngủ mỗi buổi chiều.

Chúng tôi nói về và đặt tên cho những trang mà chúng tôi thấy tự hào và thỉnh thoảng muốn lấy ra nhìn nếu có bản sao của chúng, theo cách mà Thầy Kara Memi đã làm. Chúng giải thích cách thực hiện bầu trời ở nửa trên của bức tranh vẽ cung điện trong cuốn Huner-nama được minh họa với lớp sơn lót vàng, báo trước ngày tận thế, không phải vì chính màu vàng của nó, mà bởi sắc độ của nó giữa các ngọn tháp, mái vòm và cây bách - cách sử dụng màu vàng sao cho tao nhã.

Chúng thể hiện trạng thái bối rối và khó xử của đáng Tiên tri Vinh quang của chúng ta, khi những thiên thần xóc nách ông giữa lúc ông bay lên Thiên đàng từ một đỉnh tháp; một bức tranh có màu sắc long trọng đến độ khi nhìn vào cảnh tượng đầy ơn phúc này thì ngay cả trẻ con trước tiên cũng run lên với lòng sùng mộ và kính sợ sau đó thì cười to đầy kính cẩn như thể bản thân chúng bị cù.

Tôi đã giải thích cách tôi khắc họa lại dọc theo rìa trang giấy việc quan tể tướng trước đây trấn áp bọn nổi loạn đã chạy trốn lên núi bằng cách xếp chồng những đầu lâu mà ông ta đã chặt một cách đầy tôn kính và tế nhị, vẽ từng cái đầu một cách trang nhã, không như cái đầu của một xác chết bị thương mà như một khuôn mặt độc đáo và riêng biệt theo phong cách của họa sĩ chân dung Tây vực vẽ những nếp nhăn trên trán họ trước khi chết, quét màu đỏ lên cổ họ, làm cho đôi môi muộn phiền của họ lục vắn về ý nghĩa của cuộc đời, mở lỗ mũi của họ cho đến hơi thở gấp gáp cuối cùng, và khép mắt họ lại với cõi đời này; và vì thế, tôi làm cho bức tranh thấm đẫm ánh hào quang kỳ bí khủng khiếp.

Như thế chúng là những ký ức không thể quên và không thể tìm lại được của riêng chúng tôi, chúng tôi nuôi tiếc thảo luận những cảnh trí ưa thích về tình yêu và chiến tranh, nhắc lại những điều kỳ diệu phi thường nhất và những nét tinh tế đến rơi nước mắt trong những bức đó. Những khu vườn biệt lập và bí ẩn nơi các cặp tình nhân gặp nhau trong những đêm đầy sao đi qua trước mắt chúng tôi: cây cối mùa xuân, những con chim kỳ quái, thời gian ngưng trôi... Chúng tôi tưởng tượng những trận chiến đẫm máu kinh hoàng và gần ngay trước mắt như những cơn ác mộng của chính chúng tôi, những thân thể bị xé làm đôi, những con ngựa chiến với áo giáp lấm tẩm máu, những con người đẹp đẽ đâm nhau bằng dao găm, những phụ nữ miệng nhỏ, tay nhỏ, mắt xếch, cúi đầu theo dõi các sự kiện qua cửa sổ mở hé... Chúng tôi nhớ lại những chàng trai tuấn tú cao ngạo, tự phụ, và những vua chúa đẹp trai mà quyền lực cũng như cung điện của họ từ lâu đã chìm vào lịch sử. Giống như những phi tần cùng nhau khóc trong hậu cung của các vị vua đó, chúng tôi hiện biết mình đang chuyển từ cuộc sống sang ký ức, nhưng chúng tôi có chuyển từ lịch sử sang truyền thuyết như họ không? Để tránh bị lôi xa hơn vào cõi kinh hoàng bằng việc kéo dài bóng dáng của nỗi sợ bị lãng quên - thậm chí khủng khiếp hơn cả nỗi sợ chết - chúng tôi hỏi nhau về những cảnh chết chóc mình ưa thích.

Điều đầu tiên chúng tôi nghĩ đến là cách Satan lừa Dehhak, giết cha anh ta. Vào thời điểm xảy ra truyền thuyết đó, vốn được mô tả trong phần đầu của Shahnameh, thế gian vừa mới được tạo ra, và mọi thứ quá đơn giản đến

độ chẳng có gì cần giải thích. Nếu muốn có sữa, các vị chỉ việc vắt sữa một con dê rồi uống; các vị có thể nói "ngựa." rồi cứ thế cuời lên ngựa phóng đi; các vị có thể ngẫm nghĩ "cái ác", thế là Satan sẽ xuất hiện và thuyết phục các vị về cái đẹp trong việc giết cha của chính các vị. Việc Dehhak giết Merdas, người cha dồng dối Ả Rập của anh ta, là đẹp, vừa bởi nó vô cớ, vừa bởi nó xảy ra vào ban đêm trong vườn ngự uyển lộng lẫy trong khi những ngôi sao vàng chiếu lấp lánh trên hàng cây bách và những đóa hoa xuân đầy màu sắc. Kể đến chúng tôi nhớ về Rustem huyền thoại, người vô tình giết con trai mình là Suhrab, chỉ huy quân đối phương mà Rustem đã đung độ suốt ba ngày. Có điều gì đó làm xúc động chúng tôi trong cách Rustem đâm ngực mình, bôi rối và đầy đau đớn, khi ông nhìn thấy dải băng tay mà ông đã đưa cho mẹ đứa bé từ trước đó nhiều năm và nhận ra rằng kẻ thù mà ông đã sung sướng tặng cho nhiều nhất gươm lại chính là con trai mình.

Điều gì đó là cái gì?

Mưa vẫn tiếp tục rơi lộp độp trên mái nhà và tôi đi tới đi lui. Bất ngờ tôi nói ra điều này:

"Hoặc cha chúng ta, Thầy Osman, sẽ phản bội và giết chúng ta, hoặc chúng ta sẽ phản bội và giết ông ấy."

Chúng tôi thấy kinh hoàng bởi điều tôi nói nghe thật đúng; chúng tôi im lặng. Vẫn bước đều, và kinh hoàng trước ý nghĩ rằng mọi thứ sẽ trở lại tình trạng cũ, tôi tự nhủ: "Hãy kể câu chuyện về vụ Afrasiyab giết Siyavush để đổi đề tài. Nhưng đó là một sự phản bội không làm tôi sợ hãi được. Hãy kể lại cái chết của Husrev." Vậy thì được, những kể theo phiên bản của Firdusi trong Shahnameh, hay phiên bản của Nizami trong Husrev o Shirin? Sức thu hút của phiên bản trong Shahnameh nằm ở chỗ Husrev đau đớn nhận ra nhân dạng của kẻ giết người đang xâm nhập vào phòng ngủ của ông! Như một phương sách cuối cùng, Husrev nói rằng ông ta muốn cầu kinh, thế nên ông phải đưa tớ trai chuyên chăm sóc ông đi lấy nước, xà phòng, quần áo sạch và nệm cầu kinh của ông; cậu trai ngây thơ đó không hiểu rằng ông chủ phải mình đi tìm người trợ giúp, nên bèn đi lấy những thứ theo lời ông chủ sai

bảo. Khi chỉ còn một mình với Husrev, việc đầu tiên của tên sát nhân là khóa cửa lại. Trong cảnh này ở cuối pho Shahmameh, người đàn ông mà những kẻ chủ mưu đã tìm được để giao thi hành vụ ám sát này được Firdusi mô tả với sự kính tởm: Hắn bốc mùi hôi thối, lông lá xôm xoàm và bụng phệ.

Tôi đi tới đi lui, đầu óc quay cuồng những ngôn từ, nhưng như trong một cơn mơ, giọng của tôi không nói nên lời.

Ngay khi đó tôi có cảm giác rằng mấy tên kia đang xì xào với nhau, nói xấu tôi.

Họ tóm chân tôi quá nhanh đến độ cả bốn chúng tôi đổ sụm xuống sàn. Có một cuộc vật lộn và đánh nhau dưới đất, nhưng không lâu. Tôi nằm ngửa bên dưới cả ba chúng nó.

Một đứa đè lên hai gối tôi. Người kia trên tay phải tôi.

Siyah ấn hai gối lên hai vai tôi, anh ta đè sức nặng toàn thân lên ngực và bụng tôi, và ngồi lên tôi. Tôi hoàn toàn bất động. Tất cả chúng tôi đều choáng váng và thở hào hển. Đây là những gì tôi nhớ được: cậu tôi có một con trai ngỗ nghịch lớn hơn tôi hai tuổi - tôi hy vọng hắn ta đã bị bắt vì cướp bóc những đoàn thương nhân và đã bị xử trảm từ lâu. Tên khốn nạn ghen tỵ này, do nhận ra tôi hiểu biết nhiều hơn hắn và cũng thông minh và tao nhã hơn hắn, thường tìm mọi lý do để gây lộn, nếu không thì hắn cứ khăng khăng đòi chúng tôi phải đấu vật với nhau, và sau khi nhanh chóng khóa chặt tôi, hắn đè tôi xuống bằng cách ấn đầu gối vào vai tôi y như thế này; hắn thường nhìn vào mắt tôi, như Siyah lúc này, và để một dải nước bọt chảy xuống, đợi đến khi nó tụ thành một dòng đủ lớn thì từ từ hướng nó vào mắt tôi, và khoái chí vô cùng khi tôi cố tránh bằng cách quay đầu hết sang phải lại sang trái.

Siyah bảo tôi không được giấu bất cứ điều gì. Bức tranh cuối cùng ở đâu? Thú nhận đi!

Tôi cảm thấy hối tiếc và giận dữ đến nghẹt thở vì hai lý do: Thứ nhất tôi

đã nói mọi điều tôi biết mà chẳng ích gì, vì không biết rằng họ đã nhất trí với nhau từ trước; thứ hai, tôi đã không chạy trốn, vì không thể tưởng tượng rằng lòng đố kỵ của họ đạt đến mức độ này.

Siyah dọa cắt cổ tôi nếu tôi không giao nộp bức tranh cuối cùng.

Thật lố bịch làm sao. Tôi mím chặt môi như thể sự thật sẽ thoát ra nếu tôi mở miệng. Một phần trong tôi nghĩ rằng tôi chẳng còn làm được gì nữa. Nếu họ đã thông đồng với nhau giao nộp tôi cho Trưởng Ngân khố như là tên sát nhân thì họ sẽ cứu được mạng mình. Niềm hy vọng duy nhất của tôi nằm ở Thầy Osman, người có thể chỉ ra một nghi phạm khác hay một manh mối khác, nhưng lúc đó, liệu tôi có chắc chắn rằng những gì Siyah nói về thầy là đúng không? Anh ta có thể giết tôi ở đây và ngay bây giờ, sau đó đổ trách nhiệm lên đầu tôi, có phải thế không?

Họ kê dao găm sát cổ tôi, và tôi thấy ngay việc này đem đến cho Siyah một khoái lạc như thế nào đến độ anh ta không thể che giấu. Chúng tát tôi. Con dao đang cứa vào da tôi phải không?

Chúng lại tát tôi.

Tôi có thể thoát được nhờ lý luận sau: Nếu tôi có thể giữ được bình tĩnh, thì sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra cả! Điều này cho tôi sức mạnh. Chúng không còn giấu được sự thật rằng ngay từ thời học việc chúng đã ganh tỵ với tôi, tôi, người rõ ràng tô màu theo cách hay nhất, vẽ nét chắc tay nhất và làm tranh minh họa đẹp nhất. Tôi yêu chúng vì lòng đố kỵ cực độ của chúng. Tôi mỉm cười với những anh em yêu dấu này.

Một đứa trong bọn, tôi không muốn các vị biết là ai trong số họ, chịu trách nhiệm cho trò ô nhục tồi tệ này, say đắm hôn tôi như thể anh ta đang hôn người yêu mà từ lâu anh ta khao khát.

Những tên khác ngòì nhìn bên ánh đèn dầu mà chúng mang đến gần bên. Tôi không thể làm gì trừ việc hôn đáp lại người anh em yêu quý của tôi. Nếu chúng tôi đang đến gần sự kết thúc mọi chuyện, hãy để mọi người biết rằng

tôi làm mình họa giỏi hơn ai hết. Hãy tìm các trang của tôi mà nhìn xem.

Anh ta bắt đầu đánh tôi một cách giận dữ, như thể tôi chọc giận anh ta bằng cách đáp lại nụ hôn của anh ta bằng một nụ hôn.

Nhưng những tên kia đã ngăn anh ta lại. Chúng có một phút giây do dự. Siyah bực bội vì giữa họ có sự bất đồng. Như thể họ không giận tôi, mà giận con đường mà cuộc sống của họ đang hướng tới, do đó họ muốn trả thù cả thế giới này.

Siyah lấy từ khăn quàng vai của anh ta ra một vật: một cây kim nhọn hoắt. Trong chớp mắt, anh ta đưa nó tới sát mặt tôi và làm ra vẻ như sắp đâm vào mắt tôi.

"Cách nay tám mươi năm, Bihzad vĩ đại, thầy của những bậc thầy, khi hiểu rằng mọi thứ đang đến hồi kết thúc với sự sụp đổ của Herat, đã tự đâm mù mắt mình một cách đáng kính để không ai có thể buộc ông ta vẽ theo cách khác," anh ta nói. "Ngay khi ông ta cố ý đâm cây kim nhọn này vào mắt và rút nó ra, bóng tối tuyệt diệu của Thượng đế từ từ phủ lên kẻ tôi tớ yêu quý của Người, vị họa sư với bàn tay kỳ diệu đó. Cây kim này vốn được gửi từ Herat đến Tabriz cho Bihzad giờ đã mù và say xỉn, được vua Tahmasp gửi đến làm quà cho cha của Đức vua chúng ta cùng với cuốn Shahnameh huyền thoại đó. Mới đầu Sư phụ Osman không thể xác định tại sao món này được gửi đến. Nhưng hôm nay, ông ấy có thể thấy được ý đồ xấu xa và luận lý đúng đắn ẩn sau món quà độc ác này. Sau khi Sư phụ Osman hiểu rằng Đức vua muốn chân dung của Ngài được vẽ theo phong cách các bậc thầy châu Âu và rằng tất cả các anh, những người mà sư phụ yêu hơn cả con ruột, đã phản bội mình, sư phụ đã bắt chước Bihzad đâm cây kim này vào hai mắt ông vào đêm cuối cùng trong Quốc khó. Bây giờ, nếu tôi đâm anh mù, kẻ đáng nguyên rủa chịu trách nhiệm cho việc hủy hoại xưởng làm việc mà Sư phụ Osman đã dành cả đời tạo dựng, thì đã sao nào?"

"Dù anh có đâm tôi mù hay không, thì cuối cùng chúng ta cũng không thể tìm được một chỗ cho chúng ta ở đây nữa," tôi nói. "Nếu Thầy Osman thật sự bị mù hoặc qua đời, và chúng ta vẽ theo cách chúng ta thấy muốn vẽ,

chấp nhận những khuyết điểm và cá tính của chúng ta dưới ảnh hưởng của người Tây vực để chúng ta có thể sở hữu một phong cách nào đó, thì chúng ta có thể giống chính mình, nhưng chúng ta sẽ không là chính mình. Không, cho dù chúng ta có đồng ý về giống như những bậc thầy xưa, viện cứ rằng chỉ đi theo con đường này chúng ta mới là chính chúng ta, thì Đức vua, người đã quay lưng cả với Thầy Osman, sẽ tìm người khác thay thế chúng ta. Sẽ không còn ai nhìn vào chúng ta nữa, chúng ta sẽ chỉ khơi được lòng thương hại mà thôi. Cuộc đột kích quán cà phê chỉ xát muối vào vết thương của chúng ta bởi vì phân nửa trách nhiệm cho sự cố này sẽ rơi xuống đầu đám tiêu họa chúng ta, những kẻ đã vu khống nhà thuyết giáo đáng kính đó."

Dù tôi đã cố hết sức thuyết phục họ rằng chúng tôi không nên cãi cọ, nhưng chẳng ích gì. Chúng không có ý định lắng nghe tôi. Chúng đang hoảng hốt. Nếu như chúng có thể quyết định nhanh, trước buổi sáng, dù đúng dù sai, rằng ai trong số cả bọn có tội thì chúng tin rằng chúng có thể cứu được mình, thoát khỏi sự tra tấn và rằng mọi thứ có liên quan tới xưởng sẽ tiếp tục tồn tại trong nhiều năm tới như nó đã tồn tại từ trước đến nay.

Tuy nhiên, những gì Siyah đe dọa hành động không làm hai tên kia hài lòng. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu ai khác mới là thủ phạm, và nếu Đức vua biết được chúng đã đâm mù mắt tôi chẳng vì lý do gì? Chúng khiếp sợ cả sự thân cận của Siyah với Thầy Osman lẫn thái độ láo xược của anh ta đối với thầy. Chúng cố giật lại cây kim mà Siyah, trong cơn giận dữ mù quáng, khư khư giữ chặt trước mắt tôi.

Siyah rơi vào nỗi kinh hoàng, cứ như họ đang giật cây kim khỏi tay anh ta, cứ như chúng tôi đứng về một phe chống lại anh ta. Có một cuộc giằng co nữa. Tôi chỉ làm được mỗi một việc là nghiêng đầu tránh cuộc giằng giật cây kim, vốn có nguy cơ gí sát mắt tôi.

Mọi chuyện xảy ra quá nhanh đến độ thoát đầu tôi không thể thấy những gì xảy ra. Tôi cảm thấy một cơn đau nhói nhưng có giới hạn trong mắt phải tôi; trán tôi thoáng tê cứng. Rồi mọi thứ trở lại bình thường, nhưng một nỗi kinh hoàng đã bén rễ trong tôi. Ngọn đèn dầu đã tàn, nhưng tôi vẫn thấy rõ

dáng người trước mặt tôi đâm cây kim một cách dứt khoát, lần này vào mắt trái tôi. Anh ta đã tước cây kim từ tay Siyah vài phút trước đó, và bây giờ đâm cẩn thận hơn, tỉ mỉ hơn. Khi tôi hiểu cây kim đã đâm thấu vào mắt tôi, tôi nằm im như chết, dù vẫn cảm thấy cái cảm giác cháy bỏng đó. Sự tê công trên trán tôi như lan khắp đầu tôi, nhưng ngừng lại khi cây kim được rút ra. Chúng nhìn cây kim rồi nhìn vào mắt tôi. Như thể chúng không chắc những gì đã diễn ra.

Khi mọi người hiểu rõ nỗi bất hạnh đã giáng xuống tôi, cơn kích động dừng lại và sức nặng trên hai cánh tay tôi biến mất.

Tôi bắt đầu gào khóc, gần như rú lên. Không phải do đau đớn, mà do kinh hoàng khi hiểu rõ những gì chúng đã gây ra cho tôi.

Thoạt tiên tôi có cảm giác rằng tiếng khóc của tôi không chỉ làm tôi dễ chịu, mà cả chúng nữa. Giọng của tôi mang chúng tôi lại gần nhau.

Dù vậy, vì tiếng rú của tôi cứ dai dẳng, sự bồn chồn của chúng tăng lên. Tôi không còn thấy đau đớn nữa. Tôi chỉ nghĩ được rằng đôi mắt tôi đã bị chọc thủng bằng một cây kim.

Nhưng tôi chưa mù. Tạ ơn Thượng đế, tôi vẫn có thể thấy chúng đang nhìn tôi trong nỗi kinh hoàng lẫn buồn rầu, tôi vẫn thấy được bóng của chúng chuyển động một cách vô định trên trần nhà. Điều này khiến tôi vừa vui vừa cảnh giác. "Thả tôi ra," tôi gào lên. "Thả tôi ra để tôi có thể thấy mọi thứ một lần nữa, tôi van các bạn."

"Nói cho chúng tôi biết, nhanh lên," Siyah nói. "Anh hẹn gặp Zarif Kính mền đêm đó như thế nào? Rồi tại tôi thả anh ta."

"Tôi từ quán cà phê về nhà. Zarif tội nghiệp đi tới bắt chuyện với tôi. Anh ta rất kích động và bồn chồn. Lúc đầu tôi thấy thương hại anh ta. Nhưng giờ hãy để tôi yên, tôi sẽ kể cho các anh nghe sau. Mắt tôi đang mờ."

"Không mờ ngay đâu," Siyah nói với vẻ dứt khoát. "Tin tôi đi, Sự phụ

Osman sau khi mắt đã bị đâm vẫn có thể nhận dạng những con ngựa có mũi bị rạch cơ mà."

"Zarif Kính mến bất hạnh bảo anh ta muốn nói chuyện với tôi và tôi là người duy nhất anh ta có thể tin cậy."

Nhưng giờ tôi không thương hại anh ta, mà thương hại Chính tôi.

"Nếu anh kể cho chúng tôi nghe trước khi máu đông thành cục trong mắt anh, thì đến sáng anh có thể nhìn thấy thế giới này đến thỏa thích lần cuối cùng," Siyah nói. "Nhìn kìa, mưa tạnh rồi."

"Quay lại quán cà phê đi, tôi nói với Zarif, nhưng tôi lập tức cảm thấy rằng anh ta không thích ở đó, thậm chí nó còn làm anh ta sợ nữa. Đây là lần đầu tôi biết Zarif đã hoàn toàn tách khỏi chúng ta và đi con đường riêng của anh ta sau khi vẽ cùng chúng ta suốt hai mươi lăm năm. Trong tám hoặc mười năm qua, sau khi anh ta cưới vợ tôi thường xuyên gặp anh ta ở xưởng, nhưng tôi thậm chí không biết anh ta đang bận làm gì... Anh ta bảo tôi anh ta đã thấy bức tranh cuối cùng có chứa đựng một tội ác nghiêm trọng đến độ không bao giờ chúng ta có thể sống yên với nó được. Do đó, anh ta khẳng định tất cả chúng ta sẽ bị thiêu trong Hỏa ngục. Anh ta rất lo lắng và bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi, chìm trong cảm giác về sự hủy diệt của một người vô tình phạm phải tội dị giáo."

"Cái gì dị giáo?"

"Khi tôi hỏi anh ta đúng câu hỏi này, anh ta trợn mắt đầy ngạc nhiên như muốn nói, Anh muốn nói là anh không biết hả? Đến lúc đó tôi nghĩ: bạn mình lắm cảm làm sao, như tất cả chúng ta vậy. Anh ta nói Enishte bất hạnh đã tráo sử dụng phương pháp phối cảnh trong bức tranh cuối cùng. Trong bức này, các vật thể không được vẽ theo tầm quan trọng của chúng trong ý nghĩ của đấng Allah, mà như chúng hiện ra trước con mắt trần tục - theo cách mà bọn Tây vực vẽ. Đây là tội phạm thượng thứ nhất. Tội phạm thượng thứ hai là vẽ Đức vua, giáo chủ Hồi giáo, cùng kích cỡ với một con chó. Tội phạm thượng thứ ba cũng dính dáng đến việc vẽ Satan cùng kích cỡ, và

trong một ánh sáng khả ái. Nhưng vượt trên tất cả - một kết quả tự nhiên của việc du nhập sự hiểu biết của bọn Tây vực vào hội họa của chúng ta - là việc vẽ hình Đức vua lớn như người thật và khuôn mặt Ngài với đầy đủ chi tiết! Ciông như những kẻ sùng bái ngẫu tượng vẽ... Hoặc giống như những 'âm chân dung' mà bọn Cơ đốc giáo, những kẻ không thể thoát khỏi xu hướng thờ ngẫu tượng cố hữu của họ, đã vẽ trên những bức tường giáo đường của họ và thờ phượng nó. Zarif Kính mến, người biết được những bức chân dung này qua Enishte của anh, nắm điều này rất rõ, và tin một cách chính đáng rằng nghệ thuật vẽ chân dung là tội lỗi lớn lao nhất, và sẽ là sự sụp đổ của hội họa Hồi giáo. Vì chúng tôi không đến quán cà phê, nơi mà, như anh ta khẳng định, Nhà thuyết giáo đáng kính của chúng ta và tôn giáo của chúng ta đang bị bôi nhọ, anh ta giải thích tất cả chuyện này với tôi trong khi chúng tôi thả bộ dọc phố. Thỉnh thoảng anh ta dừng lại, như thể tìm sự giúp đỡ, hỏi tôi liệu tất cả điều này có thực sự đúng không, phải chăng không còn lối thoát nào khác và liệu chúng tôi có bị thiêu trong Hỏa ngục không. Anh ta hết sức hối tiếc và tự đâm ngực mình với vẻ thống hối, nhưng tôi không tin. Anh ta là một kẻ mạo danh làm bộ hối hận."

"Sao anh biết được?"

"Chúng ta đã biết Zarif Kính mến từ nhỏ. Anh ta rất trật tự, lạnh lẽ, bình thường và tẻ nhạt, giống như việc mạ vàng của anh ta. Làm như người đàn ông đứng trước mặt tôi lúc đó ngu ngốc hơn, khờ khạo hơn, mộ đạo hơn, nhưng hời hợt hơn Zarif mà chúng ta đã biết."

"Tôi nghe nói anh ta cũng rất thân cận với bọn Erzurum," Siyah nói.

"Không một người Hồi giáo nào cảm thấy bị giày vò và hối tiếc vì phạm phải một tội ác vô tình như thế," tôi nói. "Một người Hồi giáo tốt biết rõ rằng Thượng đế vốn công bằng và hữu lý khi xem xét ý định của lũ tội tớ của Người. Chỉ những tên ngu ngốc óc bạng hạt đậu mới tin họ sẽ xuống Hỏa ngục vì vô ý ăn phải thịt lợn. Dù sao thì một người Hồi giáo đích thực cũng biết nỗi sợ bị đày xuống Hỏa ngục chỉ là để răn đe người khác, chứ không phải chính anh ta. Đây là điều Zarif Kính mến đang làm, anh biết đó, anh ta

muốn hù dọa tôi. Chính Enishte của anh là người đã dạy anh ta rằng anh ta có thể làm một điều như thế, và lúc đó tôi biết mọi chuyện quả thực là như vậy. Bây giờ hãy nói hết sức trung thực với tôi đi, những anh em minh họa của tôi, máu đã bắt đầu đóng cục trong mắt tôi chưa, mắt tôi đã mất màu chưa?"

Chúng mang đèn đến nhìn vào mắt tôi, lộ rõ mỗi quan tâm và lòng trắc ẩn của những nhà phẫu thuật.

"Coi bộ chưa có thay đổi gì cả."

Ba người này, đang nhìn vào mắt tôi, có phải là cảnh cuối cùng tôi thấy trên thế gian này không? Tôi biết mình sẽ không bao giờ quên những giây phút này cho đến cuối đời, và tôi kể lại những gì tiếp theo bởi vì dù hồi tiếc, tôi vẫn cảm thấy hy vọng:

"Enishte của anh đã dạy cho Zarif rằng ông ta có can dự đến một dự án bị cấm đoán nào đó bằng việc che đậy bức tranh cuối cùng, bằng việc chỉ để lộ một khoảng trống nào đó cho từng người chúng ta và nhờ chúng ta vẽ cái gì đó vào chỗ trống đó - bằng cách tạo cho bức tranh một vẻ bí ẩn và bí mật. Chính Enishte là người gây ra nỗi sợ hãi tội dị giáo. Chính ông ta, chứ không phải những người Erzurum vốn chưa từng thấy một bản thảo có trang trí nào trong đời họ, là người đầu tiên lan truyền sự kích động và hoang mang về cái tội lỗi đã nhiễm vào chúng ta. Trong khi đó, một họa sĩ với lương tâm trong sạch thì có gì phải sợ?"

"Trong thời đại chúng ta một họa sĩ với lương tâm trong sạch thì có nhiều thứ phải sợ chứ," Siyah nói một cách thỏa mãn. "Thực tế không ai có gì chống đối lại việc trang trí, trừ những bức tranh bị đạo giáo của chúng ta cấm đoán. Bởi vì những bức minh họa của các bậc thầy Ba Tư và ngay cả kiệt tác của những bậc thầy Herat vĩ đại nhất cuối cùng cũng được xem như một bước mở rộng việc trang trí phần viền trang sách, sẽ không ai tranh cãi với họ, lấy lý do rằng họ tôn vinh cái đẹp của văn phẩm và vẻ tráng lệ của thư pháp. Và dù sao đi nữa thì có ai xem tranh của chúng ta chứ? Tuy nhiên, khi chúng ta sử dụng những phương pháp Tây vực, nền hội họa của chúng ta

sẽ ít tập trung vào việc trang trí và mẫu thiết kế phức tạp, mà tập trung nhiều vào việc mô tả trực tiếp. Đây là điều bị kinh Koran Vinh quang cấm đoán và làm phật lòng đáng Tiên tri của chúng ta. Cả Đức vua lẫn Enishte của tôi đều biết điều này rất rõ. Đây là lý do khiến Enishte của tôi bị giết."

"Enishte của anh bị giết bởi vì ông ta sợ." tôi nói. "Giống như anh, ông ấy bắt đầu khẳng định rằng tranh minh họa, cái mà chính ông ta đang làm, không đối lập với tôn giáo hay sách thánh... Đây đúng là cái cớ cho đám Erzurum, những người đã cố sức tìm cho bằng được một khía cạnh đối lập với tôn giáo để vin vào. Zarif và Enishte của anh là một cặp xứng đôi."

"Và anh là người đã giết cả hai, đúng vậy không?" Siyah nói.

Trong một thoáng tôi nghĩ anh ta sẽ đánh tôi, và ngay lúc đó tôi cũng biết người chồng mới của Shekure xinh đẹp, thực sự chẳng có gì phàn nàn về việc Enishte của anh ta bị giết. Anh ta sẽ không đánh tôi, mà cho dù anh ta có đánh, với tôi điều đó chẳng còn quan trọng nữa.

"Trong thực tế, do Đức vua rất muốn có một cuốn sách được thực hiện dưới ảnh hưởng của những họa sĩ Tây vực," tôi bướng bỉnh nói tiếp. "Enishte của anh muốn chuẩn bị một cuốn sách đầy khiêu khích mà sự trái đạo lý của nó nuôi dưỡng lòng tự hào của ông ta, ông ta cảm thấy một sự kính sợ mù quáng đối với tranh của các bậc thầy Tây vực mà ông đã thấy trong những chuyến đi, và ông đã bị lừa bịp hoàn toàn bởi thứ nghệ thuật mà ông kể cho chúng ta nghe trong suốt nhiều ngày - anh chắc đã từng nghe câu chuyện bậy bạ về luật phối cảnh và thuật vẽ chân dung. Nếu anh hỏi tôi, thì chẳng có gì tác hại hay phạm thượng trong cuốn sách chúng ta đang làm cả... Vì ông ta ý thức rõ điều này, nên ông ta giả vờ như mình đang chuẩn bị một cuốn sách cấm và điều này khiến ông ta hết sức hài lòng... Việc được dính dáng vào một dự án nguy hiểm như thế với sự cho phép của đích thân Đức vua với ông ta cũng quan trọng như những bức tranh của các bậc thầy Tây vực. Thực vậy, nếu chúng ta vẽ một bức tranh với ý định trưng bày nó, điều đó sẽ là phạm thượng. Nhưng theo tôi thấy, không một bức nào trong số đó có bất cứ điều gì đối lập với tôn giáo, bất cứ sự mất đức tin, sự bất kính hay thậm chí

sự trái đạo lý nào dù mơ hồ nhất. Anh có cảm thấy điều gì như thế không?"

Đôi mắt tôi hầu như đã yếu đi một cách khó nhận thấy, nhưng nhờ Thượng đế, tôi vẫn có thể thấy đủ để biết rằng câu hỏi của tôi đã khiến chúng dừng lại.

"Các anh không dám chắc, đúng không?" tôi nói, hể hả. "Thậm chí dù các anh bí mật tin rằng dấu tích báng bỏ hoặc bóng đen của việc phạm thượng có tồn tại trong các bức tranh chúng ta đã làm, các anh vẫn không bao giờ có thể chấp nhận niềm tin này và biểu lộ nó, bởi điều này tương đương với việc tin vào những kẻ cuồng tín và bọn Erzurum, những kẻ phản đối và buộc tội các anh. Mặt khác các anh không thể khẳng định với một chút tin tưởng nào rằng các anh trong trắng như tuyết mới vừa rơi, bởi điều này sẽ có nghĩa là từ bỏ cả lòng tự kiêu quay cuồng lẫn thái độ tự mãn thanh cao của việc tham gia vào một hoạt động bí mật, bí ẩn và bị cấm đoán. Anh có biết tôi đã nhận ra rằng tôi đã cư xử huênh hoang theo cách này đến thế nào không? Bằng cách đưa Zarif Kính mền tội nghiệp đến nhà nguyện này vào nửa đêm hôm đó! Tôi mang anh ta đến đây với lý do rằng chúng tôi gần như lạnh cóng vì đi bộ ngoài đường quá lâu. Thực tế, tôi thấy vui khi cho anh ta biết tôi là một mẫu Kalenderi suy nghĩ độc lập theo kiểu xưa, hay còn tệ hơn, rằng tôi khao khát trở thành một người Kalenderi. Khi Zarif hiểu tôi là đệ tử cuối cùng của một dòng khổ tu dựa trên thói đồng tính nam, việc sử dụng cần sa, lối sống lang thang và mọi kiểu hành vi khác thường, tôi nghĩ anh ta sợ và thậm chí còn tôn trọng tôi hơn, và do đó quá sợ hãi mà im lặng. Như số mệnh đã định đoạt, điều hoàn toàn trái ngược đã xảy ra. Người bạn thời trai trẻ đàn độn của chúng ta không thích ở đây, và anh ta nhanh chóng quả quyết rằng những lời buộc tội báng bỏ mà anh ta đã biết được qua Enishte của anh là hoàn toàn chính xác. Vì vậy người bạn thời học việc yêu quý của chúng ta, ban đầu hãy còn van nài: 'Hãy cứu tôi, hãy thuyết phục tôi rằng chúng ta sẽ không xuống Hỏa ngục để tối nay tôi có thể ngủ bình yên,' thì sau đó, bằng một giọng đầy đe dọa mới tìm ra được, lại bắt đầu nhất quyết rằng 'điều này sẽ chẳng dẫn đến cái gì ngoài trừ điều xấu.' Anh ta tin chắc vị hoaja thuyết giáo xứ Erzurum sẽ nghe được những tin đồn rằng trong bức tranh cuối cùng chúng ta đã không theo đúng lệnh của Đức

vua, mà sự sai phạm này Ngài sẽ không bao giờ tha thứ. Thuyết phục anh ta rằng mọi chuyện đều tốt đẹp là việc hầu như không thể. Anh ta đã kể hết cho giáo đoàn ngu ngốc của nhà thuyết giáo đó, cường điệu những sự phi lý của Enishte, những lo lắng về sự lãng mạ đối với tôn giáo và việc vẽ Quỷ sứ với vẻ ưu ái, và đương nhiên họ tin mọi lời vu khống này. Tôi không cần phải nói với các anh rằng không chỉ những nghệ nhân mà toàn bộ cộng đồng thợ thủ công đã ngày càng ghen tỵ với chúng ta từ khi chúng ta trở thành tâm điểm chú ý của Đức vua. Bây giờ tất cả bọn họ sẽ sung sướng đồng thanh tuyên bố â❖❖bọn tiểu họa đã phạm tội dị giáo.' Hơn nữa, sự hợp tác giữa Enishte và Zarif sẽ chứng minh lời vu khống này là sự thật. Tôi nói â❖❖Lời vu khống', bởi vì tôi không tin những gì người anh em Zarif của tôi nói về cuốn sách và bức tranh cuối cùng. Cho đến lúc đó tôi chưa nghe thấy điều gì chống lại Enishte quá cố của anh. Tôi thấy việc Đức vua chuyển thiện cảm của Ngài từ Thầy Osman sang Enishte Kính mến là hoàn toàn thích đáng, và thậm chí tôi tin, tuy chưa đến cùng mức độ những gì Enishte mô tả chi tiết với tôi về các bậc thầy Tây vực và nghệ thuật của họ. Tôi từng thật lòng tin rằng các nghệ sĩ Ottoman chúng ta có thể thoải mái học theo khía cạnh này nọ của phương pháp Tây vực bao nhiêu tùy chúng ta muốn hoặc bao nhiêu tùy chúng ta được thấy trong một chuyến ra nước ngoài, mà không phải đánh đổi với Quỷ sứ hay mang lại thiệt hại to lớn cho chúng ta. Cuộc sống từng đã dễ dàng, Enishte của anh, cầu cho ông được yên nghỉ, đã kế vị Thầy Osman, và là người cha mới đối với tôi trong cuộc sống mới này."

"Chúng ta khoan hãy thảo luận điểm đó," Siyah nói. "Trước hết hãy tả anh đã giết Zarif như thế nào?"

"Vụ này," tôi nói, nhận ra rằng tôi không thể sử dụng từ "vụ sát hại." tôi phạm phải tội này không chỉ vì chúng ta, để cứu chúng ta, mà còn để bảo vệ cả xưởng vẽ. Zarif Kính mến biết anh ta đã trở thành một mối đe dọa lớn. Tôi đã cầu nguyện Thượng đế, van xin Người cho tôi một dấu hiệu cho tôi biết tên vô lại này thực sự đáng khinh như thế nào. Những lời cầu nguyện của tôi đã được đáp lại khi tôi đề nghị đưa tiền cho Zarif. Thượng đế đã cho tôi thấy hắn là kẻ xấu xa đến thế nào. Tôi chợt nghĩ đến những đồng tiền

vàng, nhưng do thần thánh gợi ý, tôi đã nói dối. Tôi bảo những đồng vàng không có trong ngôi nhà này, mà tôi đã giấu chúng ở chỗ khác. Chúng tôi ra ngoài. Tôi dẫn hắn ta qua những con phố vắng và những khu hẻo lánh mà chưa rõ mình sẽ đi đâu.

Tôi không rõ mình sẽ làm gì, tóm lại là tôi sợ. Lúc kết thúc chuyến lang thang của chúng tôi, sau khi đến một con phố mà chúng tôi đã đi qua ban nãy, tay thợ dát vàng Zarif anh em của chúng ta, người đã dành cả cuộc đời cho hình thức và việc lặp lại, đã nhen nhúm nghi ngờ. Nhưng Thượng đế đã dẫn tôi đến mảnh đất trống bị hỏa hoạn tàn phá, và gần đó là một cái giếng khô."

Đến chỗ này tôi biết mình không thể tiếp tục và tôi đã nói với chúng như thế. "Nếu ở vào địa vị của tôi, các anh hẳn cũng cân nhắc đến việc bảo vệ anh em họa sĩ của mình và làm giống như vậy," tôi tự tin nói.

Khi tôi nghe chúng đồng ý với tôi, tôi muốn khóc. Tôi đã định nói rằng chính sự thông cảm của chúng, mà tôi hầu như không đáng được hưởng, đã làm dịu trái tim tôi, nhưng không. Tôi đã định nói rằng đó là bởi tôi lại nghe tiếng huych của cái xác hẳn đung đáy giếng nơi tôi thả hẳn xuống sau khi giết hẳn, nhưng không. Tôi đã định nói rằng đó là bởi tôi nhớ lại mình từng hạnh phúc thế nào trước khi trở thành kẻ sát nhân, tôi từng giống mọi người như thế nào, nhưng không. Người đàn ông mù thường đi qua khu tôi lúc chúng tôi còn nhỏ xuất hiện trong trí tôi: ông ta lấy ra một cái muôi múc nước bằng kim loại bản thiu từ mớ quần áo còn bản thiu hơn, và thường gọi bọn trẻ chúng tôi đang đứng đàng xa cạnh vòi nước nhìn ông ta: "Các bé ơi, đưa nào hứng đầy tách nước từ vòi giùm lão già mù này nào?" Khi không ai đến giúp lão, lão nói, "Đây là một việc làm tốt, các bé ơi, một hành vi mộ đạo!" Màu trông mắt của ông ta đã nhạt, chúng gần như cùng màu với trông trắng trong mắt ông ta.

Bị kích động bởi ý nghĩ mình trở nên giống như ông già mù nọ, tôi thú nhận mình đã giết Enishte Kính mền một cách vội vã như thế nào, mà không hào hứng gì với chuyện đó. Tôi không quá trung thực và cũng không quá lừa

đôi chúng: Tôi đã tìm được một mức độ trung dung, để câu chuyện không làm lòng tôi quá ưu phiền, và chúng tin chắc rằng tôi đã không đi đến nhà Enishte để giết ông ta. Tôi muốn nói cho rõ rằng đây không phải là một vụ giết người có dự tính trước, mà chúng đã suy ra ý đó khi tôi nhắc chúng điều sau đây trong khi cô tự bào chữa cho mình: "Nếu không áp ủ những ý định xấu, người ta không bao giờ phải xuống Hỏa ngục."

"Sau khi gửi Zarif Kính mền đến cho các Thiên thần của Allah," tôi nói một cách đầy trầm tư, "những gì mà người chết biểu lộ với tôi trong những giây phút cuối cùng của hắn ta bắt đầu gặm nhấm tôi như một con sâu. Sau khi làm cho tay mình nhuốm máu, bức tranh cuối cùng ngày một ám ảnh tâm trí tôi hơn, và vì thế, với quyết tâm phải nhìn thấy nó, tôi đến nhà Enishte của anh, người không còn mời bất cứ ai trong chúng ta đến nhà ông ta nữa. Ông ta không những từ chối cho xem bức tranh mà còn cư xử như thể chẳng có vấn đề gì. Ông ta khịt mũi, không có một bức tranh nào mà cũng không có bất cứ điều gì khác quá bí ẩn đến độ gây ra một vụ giết người! Để ngăn không bị làm nhục hơn nữa, và để ông ta chú ý, tôi liền thú nhận chính tôi là người đã giết Zarif Kính mền và ném hắn ta xuống một cái giếng. Vâng, sau đó ông ta lắng nghe tôi hơn, nhưng ông ta tiếp tục sỉ nhục tôi. Một người sỉ nhục con trai mình thì làm sao có thể trở thành một người cha được? Thầy Osman vĩ đại có thể giận dữ chúng ta, thầy ấy có thể đánh chúng ta, nhưng ông chưa một lần sỉ nhục chúng ta. Ôi, những người anh em của tôi, chúng ta đã phạm sai lầm lớn khi phản bội thầy ấy."

Tôi mỉm cười với những người anh em hiện đang tập trung chú ý vào đôi mắt tôi, lắng nghe tôi như thể tôi đang hấp hối. Giống như một người sắp chết, tôi thấy chúng ngày càng mờ dần và biến khỏi mắt tôi.

"Tôi đã giết Enishte của anh vì hai lý do. Thứ nhất, bởi vì ông ta đã trở trên buộc Thầy Osman bắt chước Sebastiano, nghệ sĩ Venice. Thứ hai, bởi vì trong một phút yếu lòng, tôi đã hạ mình hỏi ông ta liệu tôi có phong cách của riêng tôi không."

"Ông ta trả lời sao?"

"Có vẻ như tôi có một phong cách. Những dĩ nhiên theo ông ta, đây không phải là một sự lãng mạn. Tôi nhớ mình đã tự hỏi, trong nỗi xấu hổ, liệu đây có thực là một lời ca ngợi hay không: Tôi xem phong cách như một kiểu mất gốc và ô nhục, nhưng nỗi nghi ngờ đang ăn mòn tôi. Tôi chẳng muốn dính líu gì với phong cách, nhưng Quỷ sứ đang cám dỗ tôi và hơn nữa, tôi tò mò."

"Mỗi người đều thâm ao ước có một phong cách," Siyah nói một cách khôn ngoan. "Mỗi người cũng ao ước mình được vẽ chân dung, như Đức vua ao ước vậy."

"Điều đau khổ này không thể cưỡng lại được sao?" tôi nói. "Khi tai họa này lan truyền, sẽ không có ai trong chúng ta chống chọi được những phương pháp của người Âu."

Tuy nhiên không ai lắng nghe tôi. Siyah đang kể lại câu chuyện về một tù trưởng Thổ Nhĩ Kỳ u uất bị lưu đày mười hai năm đến Trung Hoa vì ông ta đã vội biểu lộ tình yêu của mình dành cho con gái của nhà vua. Vì không có chân dung của người mình yêu, người mà ông ta mơ tưởng tới trong suốt mười hai năm đó, ông ta đã quên khuôn mặt nàng giữa bao mỹ nữ Trung Hoa, và nỗi đau thất tình của ông ta được đấng Allah biến thành một thử thách lớn lao.

"Nhờ Enishte của anh, tất cả chúng ta mới biết được nghĩa của 'âm chân dung' " tôi nói. "Cầu Thượng đế phù hộ, một ngày nào đó chúng ta sẽ can đảm kể câu chuyện đời mình y như cách chúng ta đã sống."

"Mọi truyền thuyết chỉ là truyền thuyết của mỗi người," Siyah nói.

"Mọi sự trang trí cũng là sự trang trí của Thượng đế," tôi nói, hoàn tất bài thơ của thi sĩ Hatifi xứ Herat. "Nhưng khi những phương pháp của người Âu trở nên phổ biến, mọi người sẽ xem việc kể chuyện đời người khác như chuyện đời của chính mình là một tài năng đặc biệt."

"Đây chẳng qua chính là ý muốn của Satan."

"Giờ hãy thả tôi ra," tôi la to. "Hãy để tôi nhìn cuộc đời này lần cuối."

Họ kinh hãi, và một niềm tin mới dấy lên trong tôi.

"Anh sẽ lấy bức tranh cuối cùng ra chứ?" Siyah hỏi.

Tôi nhìn Siyah cái nhìn mà anh ta nhanh chóng hiểu ra tôi sẽ làm thế và anh ta thả tôi ra. Tim tôi bắt đầu đập dữ dội.

Tôi chắc từ lâu các vị đã phát hiện ra lai lịch của tôi, mà tôi đã cố che giấu. Cho dù vậy, đáng ngạc nhiên rằng tôi đang cư xử giống như những bậc thầy Herat xưa, vì họ thường giấu chữ ký không phải để che giấu lai lịch của họ mà vì nguyên tắc và lòng tôn trọng đối với những bậc thầy của họ. Đây kích động, tôi đi qua những căn phòng tối đen của ngôi nhà, đèn dầu trên tay, nhường đường cho chiếc bóng nhợt nhạt của chính tôi. Màn bóng tối đã bắt đầu phủ lên mắt tôi, hay những căn phòng và hành lang này thực sự tối om? Tôi sẽ có bao nhiêu ngày và tuần, bao nhiêu thời gian trước khi tôi bị mù? Bóng tôi và tôi dừng lại giữa những bóng ma trong nhà bếp, giở lên những trang giấy từ góc sạch sẽ của chiếc tủ đầy bụi rồi nhanh chóng quay trở lại. Siyah đi theo tôi như để phòng tôi nhưng anh ta quên mang theo con dao găm. Có lẽ, phải chăng tôi đã cân nhắc việc cầm lấy con dao và đâm mù mắt anh ta trước khi mất tôi mù?

"Tôi vui vì thấy bức tranh này một lần nữa trước khi bị mù," tôi nói đầy tự hào. Tôi muốn tất cả các bạn cũng thấy nó. Nhìn đây!"

Dưới ngọn đèn dầu, tôi cho chúng xem bức tranh cuối cùng mà tôi đã lấy ở ngôi nhà của Enishte vào ngày tôi giết ông ta.

Thoạt tiên tôi quan sát vẻ tò mò và rụt rè của chúng khi chúng nhìn bức tranh tờ đôi. Tôi vòng qua đứng bên chúng, và tôi run rẩy khi nhìn. Cú đâm vào mắt tôi, hoặc có lẽ một niềm sung sướng bất thần, làm tôi phát sốt.

Những bức tranh mà chúng tôi vẽ trên nhiều chỗ khác nhau của hai trang giấy suốt năm ngoái - cây, ngựa, Satan, Thần chết, chó và phụ nữ - bức to

bức nhỏ, đã được sắp xếp theo bố cục mới mẻ và vụng về của Enishte, theo một cách để phân dát vàng và những đường viền của Zarif Kính mền quá có khiến chúng tôi không còn cảm thấy mình đang nhìn vào một trang sách mà đang nhìn thế giới từ một khung cửa sổ. Ngay giữa thế giới này, nơi lẽ ra là chỗ của Đức vua, lại là chân dung của chính tôi, mà tôi nhìn thoáng qua với vẻ tự hào. Tôi ít nhiều không hài lòng với nó vì sau khi lao động vô ích suốt nhiều ngày, nhìn vào gương rồi tẩy xóa và vẽ lại tôi vẫn không thể đạt tới độ cực giống; nhưng tôi vẫn cảm thấy niềm phấn chấn không thể kiềm chế bởi vì bức tranh không chỉ đặt tôi vào trung tâm thế giới bao la này mà, vì một lý do quái quỷ và không giải thích được, nó làm tôi có vẻ sâu sắc hơn, phức tạp hơn và bí ẩn hơn con người thực của tôi. Tôi chỉ muốn những anh em họa sĩ của tôi công nhận, hiểu và chia sẻ sự hồ hởi của tôi. Tôi vừa là trung tâm của mọi thứ, giống như một vị vua, đồng thời cũng là chính tôi. Tình huống này nuôi dưỡng lòng tự hào của tôi cũng như làm tăng sự bối rối của tôi. Cuối cùng hai cảm giác này cân bằng lẫn nhau. và tôi có thể thoải mái và rất thích thú với bức tranh. Nhưng để niềm vui này trọn vẹn, tôi biết mọi điểm trên mặt và áo sơ mi của tôi, mọi nếp nhăn, mảng tối, nốt ruồi và mụn nhọt, mọi chi tiết từ ria mép tôi đến kết cấu vải của quần áo tôi mặc, và tất cả màu sắc của chúng ở mọi sắc độ đều phải hoàn hảo, đến tận những chi tiết nhỏ nhất nhất, đến mức tối đa mà khả năng của những họa sĩ Tây vực có thể đạt tới. Tôi nhận thấy trên gương mặt những người bạn cũ của tôi nỗi sợ hãi, vẻ hoang mang và cái cảm giác không thể lẫn tránh được đang hủy hoại tất cả chúng tôi: lòng ghen tỵ. Ngoài nỗi khiếp sợ giận dữ của chúng đối với một người bị sa lầy một cách vô vọng vào tội lỗi, chúng còn có sự đố kỵ.

"Trong những đêm tôi ở đây chăm chú nhìn bức tranh này dưới ánh đèn dầu, lần đầu tiên tôi cảm thấy Thượng đế đã từ bỏ tôi và chỉ có Satan làm bạn với tôi trong nỗi cô đơn này," tôi nói. "Tôi biết rằng cho dù tôi thực sự là trung tâm của thế giới - và mỗi lần tôi nhìn vào bức tranh thì đấy chính là điều tôi mong muốn - bất chấp vẻ rực rỡ của màu đỏ vốn thống trị bức tranh, bất chấp việc đứng giữa những thứ tôi yêu quý này, kể cả những người bạn khổ tu và người phụ nữ giống như Shekure xinh đẹp. tôi vẫn cô đơn. Tôi không sợ việc có tính cách và cá tính, mà cũng không sợ rằng những người khác cúi đầu và thờ phụng tôi; ngược lại, đấy là điều tôi ao ước."

"Ý anh muốn nói rằng anh không hề cảm thấy hối hận?" Leylek nói giống như một người vừa rời khỏi buổi thuyết giáo ngày thứ Sáu.

"Tôi cảm thấy giống Quỷ sứ không phải bởi vì tôi đã giết hai người, mà bởi vì chân dung của tôi đã được vẽ theo kiểu này. Tôi nghi ngờ rằng tôi giết họ để tôi có thể vẽ bức tranh này. Nhưng bây giờ sự cô đơn tôi cảm thấy khiến tôi kinh hoàng. Việc bắt chước các bậc thầy Tây vực mà không đạt tới sự sắc sảo của họ khiến một nhà tiểu họa trở thành tệ hơn một tên nô lệ. Hiện tôi hết sức muốn thoát ra khỏi cái bẫy này. Dĩ nhiên, tất cả các anh đều biết: Sau khi đã nói và làm mọi chuyện cần thiết, tôi đã giết cả hai để xương vẽ có thể tồn tại như xưa nay, và đáng Allah chắc chắn cũng biết điều này."

"Nhưng điều này thậm chí sẽ mang rắc rối nhiều hơn cho chúng ta," Kelebek thân yêu nói.

Tôi bất ngờ chớp lấy cổ tay của Siyah ngóc nghếch vốn vẫn đang nhìn bức tranh, và vận hết sức bình sinh bấu chặt vào da thịt anh ta, tôi siết chặt và xoắn cánh tay anh ta một cách giận dữ. Con dao anh ta cầm một cách hồ hững rớt xuống. Tôi chớp lấy.

"Bây giờ các anh không thể giải quyết những rắc rối của các anh bằng cách giao tôi cho kẻ tra tấn," tôi nói. Làm như chọc vào mắt anh ta, tôi đưa mũi dao lên mặt Siyah. "Đưa cây kim cho tôi."

Anh ta lấy nó ra và trao cho tôi bằng tay kia, và tôi ghim nó vào khăn quàng. Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt như cừ non của anh ta.

"Tôi thương hại cho Shekure xinh đẹp vì nàng không có chọn lựa nào khác trừ việc cưới anh" tôi nói. "Nếu tôi không buộc phải giết Zarif Kính mền để cứu tất cả các anh khỏi bị hủy hoại thì nàng hẳn đã cưới tôi và hạnh phúc. Thực sự thì tôi là người hiểu đầy đủ nhất những câu chuyện và tài năng của người Âu khi cha nàng kể về họ cho chúng ta nghe. Vì vậy, hãy lắng nghe cho kỹ lần cuối những gì tôi nói với anh: Không còn bất cứ chỗ nào nữa ở Istanbul này cho những nhà tiểu họa bậc thầy chúng ta, những

người chỉ mong được sống bằng khả năng và danh dự. Phải, đây là những gì tôi nhận ra. Nếu chúng ta bị dồn đến mức phải bắt chước những bậc thầy Tây vực như Enishte quá cố và Đức vua mong ước, chúng ta sẽ bị kiềm chế, nếu không bởi người Erzurum và những kẻ như Zarif Kính mến thì cũng bởi sự hèn nhát chính đáng trong chúng ta, và chúng ta sẽ không thể tiếp tục tồn tại. Nếu chúng ta chịu sự chi phối của Quý sứ và tiếp tục phản bội tất cả những gì đã có trước đây trong một cố gắng vô ích hòng đạt được một phong cách và tính cách châu Âu, chúng ta vẫn sẽ thất bại - giống như tôi đã thất bại trong việc tự vẽ chân dung mình bất chấp mọi kiến thức và sự lão luyện của tôi. Bức tranh sơ đẳng mà tôi đã vẽ này, mà thậm chí hao hao giống tôi cũng không đạt được, đã cho tôi thấy những gì chúng ta đã biết từ lâu mà không dám thừa nhận: Phải mất vài thế kỷ mới mong đạt được sự lão luyện của người Tây vực. Nếu cuốn sách của Enishte Kính mến hoàn tất và gửi cho họ, những bậc thầy Venice sẽ cười chúng ta và cái cười chế giễu của họ sẽ tới tai viên pháp quan Venice - chỉ có thế. Họ sẽ châm biếm rằng người Ottoman đã thôi không làm người Ottoman nữa và sẽ không còn sợ chúng ta. Sẽ tuyệt diệu làm sao nếu chúng ta cứ quyết tâm theo con đường của những bậc thầy xưa! Nhưng không một ai muốn điều này, kể cả Đức vua, cả Siyah Kính mến - người đau khổ bởi vì anh ta không có chân dung của Shekure yêu quý. Trong trường hợp đó, các bạn hãy ngồi xuống và chẳng làm gì khác ngoài trừ bắt chước người Âu hết thế kỷ này sang thế kỷ nọ! Hãy tự hào ký tên bạn lên những bức tranh bắt chước của bạn. Những bậc thầy Herat xưa đã cố vẽ thế giới theo cách Thượng đế nhìn nó, và để che giấu tính cách của mình, họ không bao giờ ký tên. Tuy nhiên, các anh thì buộc phải ký tên mình để che giấu việc thiếu vắng tính cách. Nhưng có một giải pháp khác. Mỗi người các anh có lẽ đã được mời gọi, và nếu có chuyện đó, các anh đã giấu không cho tôi biết: Akbar, vua xứ Hindustan, đang vung vãi tiền bạc và những lời tâng bốc, cố tập hợp những họa sĩ tài năng nhất thế giới về triều đình ông ta. Rõ ràng là cuốn sách được hoàn tất cho năm thứ một ngàn lịch Hồi giáo sẽ không được thực hiện ở Istanbul này, mà trong xưởng làm việc ở Agra."

"Một họa sĩ trước tiên phải trở thành một tên sát nhân để được lên cao và mạnh mẽ như anh sao?" Leylek hỏi.

"Không, là kẻ giỏi giang nhất và tài hoa nhất là đủ," tôi nói một cách khinh thường.

Một con gà kiêu hãnh gáy hai tiếng ở xa xa. Tôi gom túi đồ và những đồng tiền vàng của tôi, cuốn sổ ghi chép những mẫu vẽ, và đút những tranh minh họa của tôi vào cặp. Tôi nghĩ xem mình có thể giết từng đũa trong bọn chúng như thế nào bằng con dao găm, mà mũi của nó tôi đang dí vào cổ họng Siyah, nhưng tôi chẳng cảm thấy gì ngoài lòng yêu mến đối với những người bạn từ hồi nhỏ - kể cả Leylek, người đã đâm cây kim nhọn vào mắt tôi. Tôi hét vào mặt Kelebek lúc này đã đứng dậy, vì thế khiến anh ta phải ngồi xuống lại. Bây giờ, tin rằng tôi có thể thoát khỏi ngôi nhà này một cách an toàn, tôi bước vội về phía cửa, và tại ngưỡng cửa, tôi vội vã thốt ra những lời quan trọng mà tôi đã nghĩ ra trước đó:

"Việc tôi bỏ chạy khỏi Istanbul sẽ giống cuộc bỏ trốn của Ibn Shakir khỏi Baghdad dưới sự chiếm đóng của người Mông Cổ."

"Trong trường hợp đó anh phải đi về phía Tây thay vì phía Đông," Leylek đồ kị nói.

"Cả Đông lẫn Tây đều thuộc về Thượng đế!" tôi nói bằng tiếng Ả Rập giống như Enishte quá cố.

"Nhưng Đông là đông và Tây là tây," Siyah nói 1.

"Một nghệ sĩ không bao giờ đầu hàng bất cứ kẻ ngạo mạn nào," Kelebek nói, "anh ta phải vẽ theo cách anh ta thấy phù hợp hơn là lo lắng về Đông hay Tây."

"Quá đúng." tôi nói với Kelebek. "Xin hãy nhận cái hôn của tôi." Tôi đi chưa được hai bước về phía anh ta thì Siyah chộp tôi lại. Một tay tôi cầm chiếc túi đựng quần áo và những đồng tiền vàng của tôi, kẹp dưới nách tay kia là cái cặp đựng các bức tranh. Mãi lo bảo vệ tài sản nên tôi không bảo vệ được mình. Tôi không thể ngăn không cho anh ta chộp cánh tay đang cầm dao. Nhưng may mắn không đứng về phía anh ta, anh ta vấp phải chiếc bàn

làm việc thấp và mất thăng bằng. Thay vì chộp được cánh tay tôi, anh ta chỉ níu vào nó. Dùng hết sức lực đá anh ta và cắn ngón tay anh ta, tôi thoát được. Anh ta rú lên, sợ mình mất mạng. Rồi tôi giẫm lên bàn tay nó, khiến anh ta đau đớn tột độ. Vung con dao trước mặt hai người kia, tôi la to:

"Đứng im!"

Họ ngồi im tại chỗ. Tôi thọc mũi dao găm vào mũi Siyah, theo cách mà Keykavus đã làm trong truyền thuyết. Khi nó bắt đầu chảy máu, những giọt nước mắt cay đắng bắt đầu chảy từ đôi mắt van nài của anh ta.

"Bây giờ, hãy nói cho tôi biết," tôi nói, "tôi có bị mù không?"

"Theo truyền thuyết, máu đóng thành cục trong mắt một số người, song ở một số người khác thì không. Nếu đấng Allah hài lòng với nghệ thuật của anh, Người sẽ ban màn đêm lộng lẫy của Người cho anh và chăm sóc anh. Trong trường hợp đó anh sẽ không nhìn thấy thế giới khốn khổ này, song sẽ thấy những khung cảnh tuyệt đẹp mà Người thấy. Nếu Người không hài lòng, anh sẽ tiếp tục thấy thế giới theo cách anh hiện thấy."

"Tôi sẽ thực hành nghệ thuật đích thực ở Hindustan" tôi nói. "Tôi chưa vẽ được bức tranh để Allah dựa vào đó mà phán xét tôi."

"Đừng nuôi ảo tưởng rằng anh có thể thoát khỏi những phương pháp của người Tây vực," Siyah nói. "Anh có biết rằng Akbar Đại hãn đã khuyến khích tất cả họa sĩ của ông ta ký tên vào tác phẩm của họ không? Những thầy tu Dòng Tên ở Bồ Đào Nha từ lâu đã giới thiệu hội họa và những phương pháp của châu Âu ở đó. Hiện giờ chúng có mặt khắp nơi."

"Luôn luôn có công việc cho người nghệ sĩ nào muốn giữ lại sự thanh khiết, luôn có nơi để trú chân," tôi nói.

"Phải," Leylek nói, "bị mù và trốn tới những quốc gia không tồn tại."

"Tại sao anh muốn giữ nguyên sự thanh khiết?" Siyah hỏi. "Hãy ở lại đây với chúng tôi."

"Vói phần đời còn lại các anh sẽ chẳng làm gì ngoài việc thi đua với người Tây vục để tìm kiếm phong cách cá nhân," tôi nói. "Nhưng chính vì các anh ganh đua với người Tây vục, các anh sẽ không đạt được phong cách cá nhân."

"Chúng ta còn biết làm việc gì khác đâu", Siyah nói một cách nhục nhã.

Dĩ nhiên, không phải nghệ thuật mà chính Shekure xinh đẹp là nguồn hạnh phúc duy nhất của anh ta. Tôi chuyển con dao găm vấy máu khỏi chiếc mũ đang chảy máu của Siyah và đưa nó lên đầu anh ta như lưỡi gươm một đao phủ đang chuẩn bị xử trảm người bị kết án.

"Nếu tôi muốn, tôi có thể cắt đầu anh ngay tức khắc", tôi nói, thông báo một điều đã quá rõ. "Nhưng tôi sẵn sàng tha cho anh vì con của Shekure và hạnh phúc của nàng. Hãy tử tế với nàng và đừng cư xử tàn nhẫn và bừa bãi với nàng. Hứa với tôi đi"

"Tôi hứa," anh ta nói.

"Tôi ban Shekure cho anh," tôi nói.

Nhưng cánh tay tôi hành động theo ý nó, không chú ý đến lời tôi. Tôi đâm con dao xuống bằng tất cả sức lực vào Siyah.

Ngay phút cuối, vừa bởi Siyah đã né, vừa bởi tôi đổi hướng cú đâm, con dao trúng vào vai chứ không ngay cổ anh ta. Tôi hốt hoảng nhìn hành động này hoàn toàn do cánh tay tôi thực hiện.

Khi tôi rút con dao ra, vón đã cắm lút cán vào người Siyah, chỗ đó loang ra một màu đỏ thuần khiết. Việc tôi đã làm khiến tôi vừa sợ hãi vừa xấu hổ. Nhưng nếu tôi mù đi lúc ở trên tàu, có lẽ khi qua vùng biển Ả Rập, tôi biết rằng mình không thể trả thù bất cứ người anh em tiểu họa nào của tôi.

Leylek, do sợ rằng sẽ đến lượt anh ta, và sợ thế là có lý, đã chạy trốn vào những căn phòng tối bên trong. Giơ cao ngọn đèn, tôi đuổi theo anh ta, nhưng liền thấy sợ hãi và quay trở lại. Hành động cuối cùng của tôi là hôn

Kelebek và nói lời giã biệt với anh ta. Vì mùi máu đã xen giữa chúng tôi, tôi không thể hôn anh ta cho thỏa. Nhưng anh ta đã nhận thấy mắt tôi đầm lệ.

Tôi rời ngôi nhà trong sự im lặng chết chóc bị ngắt quãng bởi tiếng rên rỉ của Siyah. Gần như chạy, tôi băng qua khu vườn ẩm ướt và lầy lội rồi qua khu xóm tối đen. Con tàu đưa tôi đến xưởng làm việc của Akbar Đại hãn sẽ khởi hành sau giờ cầu kinh sáng; vào giờ đó con thuyền chèo cuối cùng sẽ rời bến cảng Galleon để ra con tàu đó. Trong khi tôi chạy, nước mắt tôi chảy dài.

Khi băng qua Aksaray giống như một tên trộm, tôi có thể lờ mờ nhìn thấy ánh bình minh ở chân trời. Đối diện vòi nước đầu tiên trong khu xóm mà tôi gặp, giữa những con phố nhìn những đường hẻm hẹp và các bức tường là ngôi nhà đá mà tôi đã trú ngụ trong đêm đầu tiên đến Istanbul cách nay hai mươi lăm năm. Ở đó, bên trong cổng sân mở rộng, một lần nữa tôi thấy cái giếng mà tôi từng muốn nhảy xuống lúc nửa đêm do bị giày vò bởi tội lỗi vì đã mười một tuổi mà còn đái dầm ra tám nệm được một người bà con xa trải ra cho tôi để thể hiện lòng hiếu khách tử tế và hào phóng. Lúc tôi đến được Bayazid, cửa hàng của tay thợ sửa đồng hồ (nơi tôi thường đến để sửa chiếc đồng hồ hư của tôi) cửa hàng bán chai lọ (nơi tôi đến mua những chiếc đèn pha lê rỗng, những tách đựng nước mang về trang trí và những chai nhỏ đem về vẽ những thiết kế hoa cỏ rồi bí mật bán cho bọn giàu có) và những nhà tắm công cộng (nơi một thời bàn chân tôi thường đến theo thói quen vì nó vừa rẻ tiền vừa vắng vẻ), tất cả đứng nghiêm kính cản trước mặt tôi và đôi mắt đầy lệ của tôi.

Chẳng có ai quanh quán cà phê bị thiêu rụi và phá tan hoang này, cũng chẳng có ai ở nhà Shekure xinh đẹp và người chồng mới của nàng, người lúc này đây có lẽ đang hấp hối. Tôi chẳng cầu mong gì cho họ ngoài hạnh phúc. Khi lang thang khắp các ngã đường trong những ngày sau khi tôi để tay mình vấy máu, mọi con chó, những bóng cây, những cửa sổ che kín rèm, những ống khói đen ngòm, những bóng ma và những kẻ dậy sớm làm lụng vất vả và bất hạnh của Istanbul vội đến thánh đường để cầu kinh sớm luôn luôn nhìn tôi với sự oán thù; nhưng từ giây phút tôi thú nhận những tội ác

của mình và quyết định rời bỏ thành phố duy nhất tôi từng biết này, tất cả lại nhìn tôi với vẻ thân thiện.

Sau khi băng qua Thánh đường Bayazid, tôi nhìn xuống cửa sông Halic từ một mũi đất: Chân trời đang sáng dần lên, nhưng mặt nước vẫn đen ngòm. Nhấp nhô giữa những con sóng vô hình, hai chiếc xuồng đánh cá, những con tàu hàng buồm cuộn lại và một con thuyền bỏ không cứ nài nỉ tôi đừng nên bỏ đi. Có phải những giọt lệ từ mắt tôi chảy xuống là do cây kim gây ra không? Tôi tự nhủ hãy mơ về cuộc sống huy hoàng mà tôi sẽ có ở Hindustan nhờ những tác phẩm tráng lệ mà tài năng của tôi sẽ tạo ra ở đó!

Tôi rời con đường, chạy qua hai khu vườn lầy lội và ẩn vào một ngôi nhà đá giữa đám cây xanh. Đây là ngôi nhà tôi đã đến mỗi thứ Ba khi còn là thợ học việc để gặp Thầy Osman và đi theo sau thầy hai bước mang túi, cặp, hộp viết và bàn viết của ông trên đường đến xưởng làm việc của chúng tôi. Nơi đây không có gì thay đổi trừ những cây tiêu huyền trong sân và dọc đường đã quá lớn, đến độ một vẻ hùng vĩ, mạnh mẽ và thịnh vượng gợi nhớ thời vua Suleyman đã phủ trên ngôi nhà và con đường.

Vì con đường dẫn đến cảng đã gần, tôi ngả theo sự cảm dỗ của Quý sứ, và thuận theo nỗi xao xuyến muốn nhìn lại những công vòm của xưởng vẽ nơi tôi đã sống qua một phần tư thế kỷ. Bởi thế nên tôi mới đi theo con đường ngày xưa mình đã đi khi còn là thợ học việc, theo sau Thầy Osman: dọc phố Okçu đầy mùi hoa chanh choáng ngợp vào mùa xuân, đi qua tiệm bánh nơi thầy tôi sẽ mua những chiếc bánh nhân thịt tròn, đi ngược con dốc đầy bọ ăn mỳ và cây mộc qua cùng cây dẻ, đi qua những rèm cửa đóng kín của ngôi chợ mới và bác thợ cạo mà thầy tôi chào mỗi sáng, dọc theo cánh đồng trống nơi những nghệ sĩ xiếc nhào lộn sẽ dựng lều vào mùa hè và biểu diễn, phía trước những ngôi nhà trọ bốc mùi hôi thối dành cho dân độc thân, bên dưới những công vòm Byzantine đầy mùi ẩm mốc, trước mặt lâu đài của vua Ibrahim và cây cột có dạng ba con rắn cuộn quanh trục đứng mà tôi đã vẽ hàng trăm lần, đi qua cây tiêu huyền mà chúng tôi đã vẽ mỗi lần một cách khác nhau, giờ hiện ra trong Hippodrome và dưới cây dẻ cùng cây dâu tằm nơi bọ sê và ác là sà xuống hót líu lo như điên vào buổi sáng.

Cánh cửa nặng nề của xưởng làm việc đóng kín. Chẳng có ai ngay lối vào hay bên dưới hàng hiên có mà vòng cung bên trên. Tôi chỉ mới nhìn thoáng lên những cửa sổ nhỏ đóng kín mà từ đó khi còn là những thợ học việc ngọt ngào vì buồn chán, chúng tôi thường ngắm nhìn cây cối thì có người quát lên với tôi.

Hắn ta có giọng the thé chói tai. Hắn nói rằng con dao găm có cán nạm ngọc dính máu trong tay tôi là của hắn và rằng cháu trai hắn, Shevket, và Shekure đã cùng nhau ăn cắp từ nhà hắn.

Đây là chứng cứ rõ ràng cho thấy tôi là người của Siyah, những kẻ đã đột kích nhà hắn đêm qua để bắt cóc Shekure. Người đàn ông ngạo mạn, giọng nói the thé và giận dữ này cũng biết mặt những người bạn họa sĩ của Siyah và biết họ sẽ quay lại xưởng làm việc. Hắn vung một thanh gươm dài lung linh một màu đỏ kỳ lạ và cho thấy rằng hắn có một số ân oán mà, vì lý do nào đó, hắn có ý định giải quyết với tôi. Tôi định nói với hắn rằng có một sự hiểu lầm nào đó, nhưng rồi tôi thấy vẻ giận dữ kỳ quái trên khuôn mặt hắn. Tôi có thể thấy rõ qua vẻ mặt hắn rằng hắn sắp sửa tấn công tôi quyết liệt. Tôi muốn nói biết bao câu, "Tôi van anh, hãy dừng lại." Nhưng hắn đã ra tay.

Tôi thậm chí không kịp giơ dao lên, tôi chỉ giơ tay cầm túi xách lên.

Túi xách rớt xuống. Bằng một động tác nhẹ nhàng, không giảm tốc độ, lưỡi gươm thoát tiên cắt lìa bàn tay tôi sau đó lướt đến cổ tôi, tiện đứt đầu tôi.

Tôi biết mình đã bị chặt đứt đầu qua hai bước chân kỳ quặc của cái thân tội nghiệp của tôi, bỏ tôi lại phía sau trong cơn bối rối, qua động tác vung vẩy con dao một cách ngốc nghếch và qua cách thân xác lẻ loi của tôi đổ sụm xuống, máu phun ra từ cổ như một vòi nước. Hai bàn chân tội nghiệp của tôi, vốn vẫn tiếp tục di chuyển như thể đang đi, gãy giữa một cách vô ích như chân của một con ngựa đang gãy chết.

Từ mặt đất lầy lội nơi cái đầu tôi rơi xuống, tôi không thể thấy tên sát

nhân mà cũng không thấy túi xách của tôi đựng đầy những đồng tiền vàng và tranh vẽ, mà tôi vẫn muốn ôm thật chặt. Những thứ này ở đằng sau tôi, về hướng ngọn đồi dẫn xuống biển và cảng Galleon mà tôi sẽ không bao giờ đến được. Đầu tôi sẽ không bao giờ còn ngoảnh lại và thấy được chúng hay phần còn lại của thế giới này. Tôi đã quên chúng và để cho ý nghĩ của tôi mang tôi đi xa.

Đây là những gì hiện đến với tôi ngay trước khi tôi bị chém đứt đầu: Con tàu sẽ nhổ neo rời cảng; hình ảnh này trong ý nghĩ của tôi được nối liền với mệnh lệnh bảo tôi nhanh chân lên; đó là cách mẹ tôi thường kêu "nhanh lên" khi tôi còn nhỏ. Mẹ ơi, cổ con đau quá và tất cả vẫn im lặng.

Đây là điều mà người ta gọi là cái chết.

Nhưng tôi biết tôi chưa chết. Đồng tử bị đâm thủng của tôi bắt động, nhưng tôi vẫn có thể thấy rất rõ qua đôi mắt mở to.

Những gì tôi thấy ở tầm sát đất đây trong suy nghĩ của tôi: Con đường hơi dốc lên, bức tường, cổng vòm, mái nhà của xưởng vẽ, bầu trời... bức tranh lùi xa dần theo kiểu đó.

Có vẻ như phút giây quan sát này cứ tiếp tục và tôi hiểu ra việc nhìn đã trở thành một dạng ký ức. Tôi nhớ lại những gì tôi nghĩ khi nhìn hàng giờ liền vào một bức tranh đẹp: Nếu các vị nhìn đủ lâu, tâm trí các vị sẽ bước vào thời đại của bức họa.

Mọi thời điểm giờ đã trở thành thời điểm này.

Có vẻ như không ai thấy được tôi, khi ý nghĩ của tôi mờ nhạt dần, cái đầu lấm bùn của tôi sẽ tiếp tục nhìn vào con dốc u buồn này, bức tường đá và những cây dâu, cây dẻ gần kề bên nhưng đâu có nhiều năm sau nữa cũng không thể nào tới được.

Sự chờ đợi vô tận này bất ngờ có những mức độ tê nhạt và cay đắng, tôi chẳng muốn gì hơn là rời bỏ thời điểm này. -----

1 Câu trước, "Đông và Tây đều thuộc về Allah" là trong kinh Koran chương Al-Baqara (Con bò). Câu sau "Đông là đông và Tây là tây" là câu thơ nổi tiếng của Rudyard Kipling (1865-1936) trong bài "The Ballad of East and West." được tác giả gắn vào miệng một nhân vật ở thế kỷ 16.

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Chương 59: Tôi, Shekure

Siyah giấu chúng tôi trong ngôi nhà của một người bà con xa, ở đó tôi trải qua một đêm không ngủ. Trên giường nơi tôi cuộn người cùng Hayriye và bọn trẻ, thỉnh thoảng tôi có thể ngủ gật giữa tiếng ngáy và tiếng ho, nhưng trong những giấc mơ chập chờn tôi thấy những sinh vật lạ và phụ nữ mà tay chân bị cắt rời rồi được gắn bừa trở lại; họ không ngừng đuổi theo tôi và liên tục làm tôi sợ hãi. Gần sáng, cái lạnh làm tôi thức giấc, tôi đắp chăn cho Shevket và Orhan, ôm chúng, hôn đầu chúng và cầu xin đấng Allah ban cho chúng những giấc mơ vui vẻ, như tôi từng được hưởng trong những tháng ngày hạnh phúc khi tôi còn ngủ bình yên dưới mái nhà người cha quá cố của tôi.

S

Tuy nhiên tôi không ngủ được. Sau bài kinh buổi sáng, nhìn ra đường qua rèm cửa sổ trong căn phòng nhỏ tối, tôi thấy những gì tôi luôn thấy trong những giấc mơ hạnh phúc của tôi: Một người như bóng ma, kiệt sức vì chiến đấu và những vết thương trên người, đang vung gậy như thể đang giơ thanh kiếm, khao khát tiến về phía tôi với những bước chân quen thuộc. Trong giấc mơ của tôi, bất cứ khi nào tôi sắp ôm người đàn ông ấy, tôi đều giật mình thức giấc trong nước mắt. Khi tôi thấy người đàn ông trên đường là Siyah, cái tiếng rú vốn không bao giờ thoát khỏi cổ họng tôi trong các giấc mơ liền bật lên.

Tôi chạy ra mở cửa.

Mặt anh sưng vù, bầm tím vì đánh nhau. Mũi anh rách và đầy máu, anh có một vết thương dài từ vai đến cổ, áo sơ mi của anh chuyển sang màu đỏ tươi của máu. Giống như người chồng trong những giấc mơ của tôi, Siyah mỉm cười yếu ớt với tôi bởi vì anh rốt cuộc cũng đã về được tới nhà.

"Vào trong đi," tôi nói.

"Gọi bọn trẻ đi," anh nói. "Chúng ta về nhà."

"Anh đâu đủ sức về nhà."

"Chẳng có lý do gì để sợ hấn ta nữa," anh nói. "Kẻ sát nhân là Velijan Kính mền, tên Ba Tư."

"Zeytin..." tôi nói. "Anh đã giết tên khốn đó rồi hả?"

"Hấn sẽ trốn đến Ấn Độ trên con tàu khởi hành từ cảng Galleon," anh nói và tránh mắt tôi, biết rằng anh đã không hoàn thành đủ nhiệm vụ.

"Anh đi bộ về nhà được không?" tôi hỏi. "Hay ta bảo họ mang ngựa đến cho anh?"

Tôi có cảm giác rằng anh sẽ chết khi về đến nhà và thấy thương hại anh. Không phải bởi vì anh sẽ chết một mình, mà bởi vì anh chưa bao giờ biết bất kỳ hạnh phúc thực sự nào. Tôi có thể thấy từ nỗi buồn và sự quyết tâm trong mắt anh rằng anh ước gì không ở trong ngôi nhà xa lạ này, rằng anh thực sự muốn biến mất mà không bị bất kỳ ai nhìn thấy trong trạng thái khủng khiếp này. Khá khó khăn, người ta đưa anh lên ngựa.

Suốt chặng đường về, khi chúng tôi đi qua những con phố nhỏ chật hẹp tay ôm chặt những túi đồ, hai đứa trẻ thoát tiên khiếp sợ đến nỗi không dám nhìn mặt Siyah. Nhưng ngồi trên con ngựa đi nước kiệu chậm chậm, Siyah vẫn có thể tả lại anh đã ngăn chặn những âm mưu của tên giết người đôn mạt, kẻ đã giết ông ngoại chúng, và đã thách hấn đấu gươm như thế nào. Tôi có thể thấy bọn trẻ đã nồng nhiệt hơn với anh, và tôi cầu xin đấng Allah: Đừng để anh ấy chết!

Khi chúng tôi tới nhà, Orhan la to, "Về nhà rồi!" với một niềm vui đến độ tôi có trực giác rằng Azrael, Thiên sứ của Thần chết đã xót thương chúng tôi và Allah sẽ ban cho Siyah thêm thời gian nữa. Nhưng qua kinh nghiệm tôi biết rằng người ta không thể biết khi nào Allah Vinh quang đến mang

linh hồn của mình đi, và tôi đã không hy vọng một cách thái quá.

Chúng tôi giúp Siyah xuống ngựa. Chúng tôi đưa anh lên lầu để anh nằm trên giường trong phòng cha tôi, căn phòng có cánh cửa xanh. Hayriye đun nước và mang lên lầu. Hayriye và tôi cởi đồ anh, xé quần áo rồi dùng kéo cắt, cởi chiếc áo đầy máu dính vào da thịt anh, khăn quàng vai, giày và đồ lót của anh. Khi chúng tôi mở rèm cửa sổ, ánh nắng mùa đông dịu dàng đậu trên cành lá trong vườn tràn khắp phòng, phản chiếu trên bình đựng nước, nồi, hộp keo, lọ mút, ly và dao nhíp, soi sáng làn da nhợt nhạt như chết của Siyah và những vết thương màu anh đào ngâm dẫm của anh.

Tôi nhúng những miếng khăn trải giường vào nước nóng và xát xà phòng vào. Sau đó tôi lau chùi thân thể Siyah cẩn thận như đang chùi một tấm thảm cổ quý giá, âu yếm và hăm hở như thể chăm sóc một trong những đứa con tôi. Không chạm mạnh vào những vết sưng trên mặt anh, không làm đau những vết cắt trên mũi anh, tôi rửa sạch vết thương khủng khiếp trên vai anh như một bác sĩ có thể làm. Như tôi vẫn làm khi tắm cho bọn trẻ khi chúng còn bé xíu, tôi thì thầm âu yếm với anh bằng một giọng du dương. Trên ngực và cánh tay anh cũng có những vết cắt. Những ngón tay trái của anh tím bầm vì bị cắn. Những miếng khăn tôi dùng để lau người anh nhanh chóng chuyển sang màu đỏ máu.

Tôi sờ ngực anh; qua bàn tay tôi cảm thấy bụng anh mềm mại; tôi nhìn dương vật anh hồi lâu. Tiếng bọn trẻ vọng lên từ dưới sân. Tại sao một số thi sĩ gọi bộ phận này là "bút sậy"?

Tôi nghe thấy Esther bước vào nhà bếp với giọng vui nhộn và vẻ bí ẩn của chị ta khi mang tin tức đến, và tôi xuống nhà chào chị ta.

Chị ta quá kích động đến nỗi cứ thế nói ngay mà không ôm hôn tôi: Cái đầu bị cắt rời của Zeytin được người ta tìm thấy trước cửa xưởng vẽ; những bức tranh chứng tỏ tội ác của hắn ta và chiếc túi xách của hắn cũng được thu hồi. Hắn có ý định trốn đến Hindustan, nhưng lại quyết định đến thăm xưởng vẽ lần cuối trước khi đi.

Có những nhân chứng về sự việc này: Hasan, khi chạm trán Zeytin, đã rút thanh gươm đỏ mà cắt đầu Zeytin chỉ với một nhát chém.

Trong khi chị ta kể lại, tôi nghĩ về nơi người cha bất hạnh của tôi đang có mặt. Biết rằng tên sát nhân đã nhận sự trừng phạt đích đáng, thoát tiên những sợ hãi của tôi được trút đi. Và sự trả thù đã tạo cho tôi một cảm giác về sự thoải mái và công bằng. Lúc đó, tôi tự hỏi liệu người cha quá cố của tôi có trải qua cảm giác này không; bất chợt tôi thấy rằng toàn bộ thế giới này giống một tòa lâu đài với vô số phòng có cửa ăn thông với nhau. Chúng ta chỉ cần dùng ký ức và óc tưởng tượng là có thể đi từ phòng này đến phòng kế bên, nhưng hầu hết chúng ta do lười biếng nên chẳng mấy khi sử dụng những khả năng này, mà mãi mãi ở trong căn phòng cũ.

"Đừng khóc, cưng," Esther nói. "Cô thấy đó, cuối cùng mọi thứ đều hóa ra tốt đẹp."

Tôi đưa cho chị ta bốn đồng vàng. Chị ta cầm lấy, lần lượt bỏ từng đồng vào miệng mà cắn một cách thô bạo với vẻ hăm hờ và khao khát.

"Tiền đồng bị bọn Venice làm giả khắp nơi," chị ta mỉm cười nói.

Ngay khi chị ta ra về, tôi dặn Hayriye không cho bọn trẻ lên lầu. Tôi lên phòng Siyah nằm, khóa trái cửa lại và nằm sát thân thể trần truồng của Siyah. Rồi vì tò mò hơn vì thèm muốn, vì quan tâm hơn là sợ hãi, tôi làm chuyện mà Siyah muốn tôi làm trong ngôi nhà Người Do Thái bị treo cổ vào đêm cha tôi bị giết.

Tôi không thể nói tôi hoàn toàn hiểu tại sao những thi sĩ Ba Tư suốt nhiều thế kỷ đã so sánh bộ phận của giống đực này với cây bút sậy, cũng như so sánh miệng của phụ nữ chúng tôi với lọ mực, hoặc điều gì nằm đằng sau những so sánh như thế mà nguồn gốc đã bị quên lãng qua việc lặp đi lặp lại như vệt - đó có phải do cái miệng nhỏ không? Sự im lặng bí ẩn của lọ mực? Có phải chính Thượng đế cũng là một nhà trang trí? Tuy nhiên, tình yêu phải được hiểu không phải qua luận lý của một người đàn bà như tôi, kẻ luôn nghĩ cách để bảo vệ chính mình, mà qua tính phi luận lý của nó.

Vì vậy, hãy để tôi nói cho bạn một bí mật: Ở đây, trong căn phòng đầy mùi chết chóc, không phải cái vật trong miệng tôi làm tôi vui thích. Trong khi tôi nằm đó với cả thế giới đang phập phồng giữa hai môi, những gì khiến tôi vui thích là tiếng líu lo hạnh phúc của hai con trai tôi đang gây gỗ đùa giỡn với nhau trong sân.

Trong khi miệng tôi bận ngậm như thế, mắt tôi có thể nhận ra Siyah đang nhìn tôi theo một cách hoàn toàn khác. Anh ấy nói anh ấy sẽ không bao giờ quên khuôn mặt và cái miệng tôi một lần nữa. Như mấy cuốn sách cũ của cha tôi, da anh ấy đã bốc mùi giấy mốc, mùi của bụi và vải trong Quốc khố thấm đẫm tóc anh. Khi tôi buông thả mình và vuốt ve những vết thương, vết cắt và chỗ sưng tấy của anh, anh rên rỉ như một đứa trẻ, càng lúc càng rời xa cái chết, và chính lúc đó tôi hiểu mình sẽ trở nên gắn bó với anh hơn. Giống như một con tàu vững chãi tăng dần tốc độ khi những cánh buồm no gió, cuộc ái ân dần dần tăng tốc đã đưa chúng tôi tự tin đi vào những vùng biển xa lạ.

Qua cung cách anh lèo lái qua những vùng biển này, ngay cả trên giường trong khi gần chết, tôi có thể nói rằng Siyah đã đi qua những vùng biển này nhiều lần trước đây với đủ loại phụ nữ không đứng đắn ai mà đếm xuể bao nhiêu. Trong khi tôi bối rối không biết cánh tay tôi hôn là của tôi hay của anh, tôi đang bú ngón tay của tôi hay cả cuộc đời này, thì anh nhìn bằng một con mắt hé mở, gần như say sưa với những vết thương và khoái lạc của anh, kiểm tra xem thế giới này đang mang anh tới đâu, và thỉnh thoảng anh lại ôm lấy đầu tôi âu yếm, nhìn mặt tôi đầy kinh ngạc, lúc thì như đang nhìn vào một bức tranh, lúc thì như đang nhìn một cô gái điếm Mingeria.

Ở tuyệt đỉnh khoái lạc, anh kêu to giống như những nhân vật huyền thoại bị xả làm đôi bằng một nhát gươm trong những bức tranh huyền thoại vốn đã khiến trận chiến giữa quân đội Ba Tư và Turania trở thành bất tử; việc tiếng kêu đó có thể bị lảng giềng nghe thấy khiến tôi kinh hãi. Giống như một nhà tiểu họa bậc thầy đích thực vào phút giây cảm hứng thăng hoa nhất, cảm cây bút sậy của mình dưới sự hướng dẫn trực tiếp của Allah, nhưng vẫn có thể lưu tâm đến hình thức và bố cục của toàn trang, Siyah tiếp tục hướng dẫn vị

trí của chúng tôi trong thế giới này từ một góc trong trí óc anh đi qua cả cơn kích động cực điểm nhất.

"Em có thể nói với họ rằng em đang bôi thuốc mỡ lên các vết thương của anh," anh nói hụt hơi.

Những lời này không chỉ tạo nên sắc màu cho tình yêu của chúng tôi - vốn đang đến một nút thắt giữa sự sống và cái chết, sự cảm đoán và Thiên đàng, sự vô vọng và nỗi ngượng ngùng, chúng cũng là cái cốt lõi giải tình yêu của chúng tôi. Trong hai mươi sáu năm kế tiếp, cho đến khi Siyah người chồng thân yêu của tôi gục xuống chết cạnh giếng vào một sáng nọ vì đau tim. Mỗi chiều, khi ánh nắng chiếu vào phòng qua rèm cửa, và trong mấy năm đầu chung sống, trong tiếng nô đùa của Shevket và Orhan, chúng tôi làm tình, luôn luôn gọi chuyện đó là "bôi thuốc mỡ vào những vết thương." Đây là chuyện những đứa con ghen tỵ của tôi, mà tôi không muốn chúng phải chịu đòn do những cơn ghen tỵ của một người cha thô lỗ và u sầu, vẫn tiếp tục ngủ chung với tôi trong nhiều năm. Mọi phụ nữ nhạy cảm đều biết tốt hơn là nên ngủ với con của họ thay vì với người chồng ừ ừ đã bị cuộc đời làm cho bầm dập.

Chúng tôi, con tôi với tôi, đều hạnh phúc, nhưng Siyah thì không. Lý do rõ rệt nhất cho điều này là vết thương trên vai và cổ anh không lành hẳn; người chồng yêu quý của tôi đã trở thành "tàn tật," như tôi vẫn nghe người khác nói về anh. Nhưng điều này không ảnh hưởng đến cuộc sống của anh, trừ cái vẻ bề ngoài của nó. Thậm chí có nhiều lúc tôi nghe những người phụ nữ khác, những kẻ thấy chồng tôi từ xa, mô tả anh là đẹp trai. Nhưng vai phải của Siyah thấp hơn vai trái và cổ anh vẫn nghiêng lệch một cách kỳ cục. Tôi cũng nghe người ta tán chuyện rằng một phụ nữ như tôi chỉ có thể cưới một người chồng mà cô ta cảm thấy thấp hơn mình, và nếu như vết thương của Siyah là nguyên nhân cho sự bất mãn của anh, thì nó cũng là nguồn hạnh phúc chung bí mật của chúng tôi.

Về những chuyện đồn đại, có lẽ cũng có một phần sự thực trong đó. Dù tôi có cảm thấy nghèo khổ túng thiếu tới đâu do không thể đi qua những

đường phố Istanbul trên lưng một con ngựa đẹp hiếm có, với những nô lệ, tó gái và người phục vụ vây quanh - những gì mà Esther nghĩ tôi đáng được hưởng - thỉnh thoảng tôi cũng ước ao có một người chồng can đảm và anh dũng luôn ngẩng cao đầu nhìn cuộc đời với vẻ chiến thắng.

Dù thế nào thì Siyah vẫn sầu não. Bởi vì tôi biết rằng nỗi buồn của anh không liên quan gì đến cái vai của anh, nên tôi tin rằng đâu đó, trong một góc bí mật của tâm hồn, anh bị ám bởi một âm hồn đau khổ khiến anh nản chí ngay cả trong những phút giây ân ái cực khoái của chúng tôi. Để xoa dịu âm hồn đó, nhiều lúc anh uống rượu, nhiều lúc anh nhìn chăm chăm những bức minh họa trong sách và quan tâm đến nghệ thuật, nhiều lúc anh cùng các nhà tiểu họa khác theo đuổi những cậu trai xinh đẹp suốt nhiều ngày đêm liền. Có những lúc anh giải khuây bằng cách bầu bạn với đám họa sĩ, nhà thơ pháp và thi sĩ trong những trò chơi chữ, những câu nói hai nghĩa, những lời bóng gió, ẩn dụ và những trò nịnh hót, có những lúc anh quên hết mọi thứ mà chuyên tâm vào nhiệm vụ phụ tá và một chân thư ký công quyền cho Tổng trấn Suleyman Gù, người mà anh đã xin được phục vụ.

Bốn năm sau, khi Đức vua băng hà và lên nối ngôi là vua Mehmed, người hoàn toàn quay lưng với nghệ thuật, thì nhiệt tình của Siyah dành cho trang trí và hội họa chuyển từ một niềm vui công khai thành một bí mật riêng tư, cái bí mật mà anh theo đuổi sau những cánh cửa đóng chặt. Có những lúc anh mở một trong những cuốn sách của cha tôi để lại và nhìn với vẻ có lỗi và buồn bã vào một bức minh họa được làm từ thời các con trai của Tamerlane ở Herat - vâng, Shirin đem lòng yêu Husrev sau khi thấy bức tranh vẽ chàng - không phải như thể nó là một phần trong trò chơi của tài năng vẫn được chơi trong giới quý tộc, mà như thể anh đang ngẫm nghĩ về một bí mật ngọt ngào từ lâu đã chôn vào ký ức.

Trong năm thứ ba của triều đại Đức vua, Nữ hoàng Anh gửi cho Đức vua một chiếc đồng hồ kỳ diệu chứa một nhạc cụ với một ống gió. Phái đoàn Anh lắp ráp chiếc đồng hồ khổng lồ này sau nhiều tuần làm việc vất vả với đủ thứ bộ phận, bánh răng, bức tranh và tượng nhỏ mà họ mang từ Anh qua, dựng nó trên dốc Vườn Thượng uyển đối diện Halic. Nhiều đám đông tụ tập

trên các con dốc Halic hoặc chèo xuống đền để xem kinh ngạc và thán phục, thấy những món trang trí và pho tượng to bằng người thật xoay quanh nhau một cách có mục đích trong khi cái đồng hồ khổng lồ đó phát ra tiếng nhạc ồn ào và khủng khiếp, thấy những pho tượng tự khiêu vũ một cách tao nhã và đầy ý nghĩa theo giai điệu cứ như chúng là những tạo vật của Thượng đế hơn là của tôi tớ Người, và thấy đồng hồ báo giờ với toàn thể Istanbul bằng một tiếng rền vang nghe giống tiếng gõ chuông.

Thỉnh thoảng Siyah và Esther nói với tôi chuyện cái đồng hồ, cũng như việc nó là tâm điểm của sự kinh ngạc bất tận của bọn tiện dân và những đám đông ngốc nghếch ở Istanbul, đã thành một nỗi khó chịu cho những người sùng đạo và Đức vua như thế nào vì nó biểu tượng cho sức mạnh của bọn ngoại giáo. Vào một thời điểm khi những lời đồn kiêu này rộ lên, vua Ahmed, người kế vị vua Mehmed, thức dậy lúc nửa đêm dưới sự thúc đẩy của đấng Allah, đã cầm lấy vương trượng và đi từ hậu cung đến vườn Thượng uyển, ở đó Ngài đập vỡ tan cái đồng hồ và những bức tượng của nó thành từng mảnh vụn. Những người kể cho chúng tôi nghe tin tức và những lời đồn này giải thích rằng khi Đức vua ngủ, Ngài thấy khuôn mặt đáng kính của Đấng tiên tri chìm trong ánh sáng thần thánh và vị Tông đồ của Thượng đế này đã cảnh báo Ngài: Nếu Đức vua cho phép thần dân của Ngài kính sợ những bức tranh và, còn tệ hại hơn, kính sợ những vật thể giống hệt Loài người và qua đó cạnh tranh với những tạo vật của Allah, thì vị vua này đang xa rời ý muốn của thánh thần. Họ cũng thêm rằng Đức vua cầm lấy vương trượng khi vẫn đang mơ. Đây hầu như là chuyện Đức vua đã đọc cho sử gia trung thành của Ngài chép lại. Ngài giao cuốn sách này, nhan đề "Những tinh hoa của các bộ sử," cho các nhà thư pháp thực hiện và ban thưởng hậu hĩ cho họ những túi đầy vàng, dù Ngài cấm các nhà tiểu họa làm minh họa trong đó.

Vì vậy niềm vui của việc vẽ tranh và minh họa, vốn nở rộ suốt một thế kỷ ở Istanbul và được nuôi dưỡng bởi nguồn cảm hứng từ những vùng đất Ba Tư, giờ đã héo khô. Mối xung đột giữa những phương pháp của các bậc thầy Herat xưa với những bậc thầy Tây vực, vốn mở đường cho những cuộc tranh cãi giữa các họa sĩ và những tình huống khó xử bất tận, không bao giờ

được giải quyết. Vì ngành hội họa đã bị từ bỏ, các họa sĩ vẽ không giống người phương Đông mà cũng không giống người phương Tây. Các nhà tiểu họa không trở nên giận dữ và nổi loạn, mà giống như những ông già lặng lẽ chết vì bệnh, họ dần chấp nhận tình cảnh này với sự đau khổ và nhẫn nhục. Họ không tò mò mà cũng không mơ về tác phẩm của những bậc thầy vĩ đại của Herat và Tabriz, những người họ từng học theo với lòng tôn kính, hoặc những bậc thầy Tây vực với những phương pháp cách tân mà họ từng khao khát, họ bị kẹt một cách tiến thoái lưỡng nan giữa lòng đố kỵ và sự căm ghét. Giống như cánh cửa của ngôi nhà bị đóng lại vào ban đêm và thành phố bị rơi vào bóng tối, hội họa cũng bị từ bỏ. Người ta đã nhận tâm quên rằng chúng ta từng nhìn thế giới của chúng ta một cách hoàn toàn khác.

Cuốn sách của cha tôi, buồn thay, vẫn chưa hoàn tất. Những trang đã hoàn tất bị Hasan bỏ lại bừa bãi dưới đất được chuyển đến Quốc khố; ở đó, một thủ thư có năng lực và khó tính đã khâu chúng lại cùng những tranh minh họa khác không ăn nhập gì của xưởng, và vì thế chúng bị tách thành nhiều cuốn sưu tập tranh. Hasan bỏ trốn khỏi Istanbul và biến mất, không ai còn nghe về chú ấy. Shevket và Orhan không bao giờ quên rằng không phải Siyah mà chính chú Hasan của chúng mới là kẻ sát hại cha tôi. Thế chỗ Thầy Osman, người chết hai năm sau khi bị mù, Leylek trở thành Trưởng ban Trang trí, Kelebek, người cũng rất kính nể tài năng của người cha quá cố của tôi, đã dành hết phần đời còn lại để vẽ những họa tiết trang trí thảm, vải và lều. Những phụ tá thợ cả trẻ tuổi của xưởng cũng đắm mình vào công việc tương tự. Không ai coi việc từ bỏ tranh minh họa là mất mát lớn lao. Có lẽ bởi vì không ai từng thấy khuôn mặt của chính mình được vẽ chính xác trên trang giấy.

Toàn bộ cuộc đời tôi, tôi rất muốn được vẽ thành hai bức tranh, điều mà tôi chưa từng đề cập với bất kỳ ai:

1. Chân dung của chính tôi; nhưng tôi biết những nhà tiểu họa của Đức vua dù cố gắng đến đâu rồi cũng sẽ thất bại, bởi cho dù họ có thể thấy nhan sắc của tôi, nhưng tiếc thay, sẽ không ai trong bọn họ tin rằng khuôn mặt một phụ nữ là đẹp nếu không vẽ đôi mắt và đôi môi cô ta giống mắt và môi

một phụ nữ Trung Hoa. Nếu họ thể hiện tôi như một mỹ nhân Trung Hoa, theo cách mà những bậc thầy Herat xưa vẽ, có lẽ những ai nhìn nó và nhận ra tôi có thể thấy được khuôn mặt tôi đằng sau khuôn mặt của người đẹp Trung Hoa. Nhưng những thế hệ sau, cho dù nhận ra rằng đôi mắt tôi không xéch như vậy, họ cũng chẳng bao giờ xác định được khuôn mặt tôi thực sự như thế nào. Hiện nay tôi hạnh phúc biết bao trong tuổi già - tôi sống được là nhờ nguồn an ủi từ con cái - ôi, giá như tôi có một bức chân dung mình hồi trẻ!

2. Một bức tranh hạnh phúc: Những gì mà thi sĩ Blond Nazim xứ Ran đã nhắc đến trong một khổ thơ của ông. Tôi biết rõ bức tranh này phải được vẽ như thế nào. Hãy tưởng tượng bức tranh vẽ một người mẹ với hai đứa con; đứa nhỏ được nàng bế trên tay, vừa nâng niu nó vừa mỉm cười, nó đang sung sướng bú bầu ngực căng tròn của nàng và cũng mỉm cười. Đôi mắt thoáng vẻ ghen tỵ của đứa lớn và đôi mắt của người mẹ phải cố định. Tôi thích mình là người mẹ trong bức tranh đó. Tôi muốn chim trên bầu trời được vẽ như thể đang bay, và đồng thời, chúng cứ lơ lửng một cách hạnh phúc và vĩnh viễn ở đó, theo phong cách của những bậc thầy Herat xưa, những người có khả năng dừng thời gian lại. Tôi biết điều đó không dễ dàng.

Orhan của tôi, đưa đủ góc để trở nên hợp lý trong mọi vấn đề, một mặt nhắc tôi rằng những bậc thầy Herat dừng được thời gian đó không bao giờ vẽ được tôi như vậy, còn các bậc thầy Tây vực những người thường vẽ những bức chân dung Mẹ và Con, lại không bao giờ có thể dừng được thời gian. Nó khẳng khẳng trong nhiều năm rằng dù theo kiểu nào thì bức tranh hạnh phúc của tôi cũng không thể vẽ được.

Có lẽ nó đúng. Trong thực tế, chúng ta không tìm những nụ cười trong các bức tranh hạnh phúc, thay vào đó, chúng ta tìm hạnh phúc trong chính cuộc sống. Những họa sĩ biết điều này, nhưng đó chính là điều họ không thể vẽ. Đó là lý do tại sao họ lấy niềm vui của việc nhìn thay thế cho niềm vui của cuộc sống.

Trong niềm hy vọng rằng nó có thể viết lại câu chuyện này, vốn không thể mô tả bằng tranh, tôi đã kể lại cho con trai Orhan của tôi. Không chút do

dự, tôi đưa cho nó những lá thư mà Hasan và Siyah đã gửi cho tôi, cùng những bức minh họa con ngựa thô sơ với vết mực nhòe, được tìm thấy trên người Zarif Kính mền tội nghiệp. Đặc biệt, bạn đừng để Orhan lừa nếu nó mô tả Siyah có vẻ đãng trí hơn thực tế, nói về cuộc sống của chúng tôi khó khăn hơn sự thực, Shevket tồi tệ hơn, và tôi đẹp hơn và khắc nghiệt hơn tôi ngoài đời. Để có được một câu chuyện thuyết phục và thú vị thì không có lời dối trá nào mà Orhan không dám nói ra.

1990-92, 1994-98

Hết

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Phụ Lục

TÊN TÔI LÀ ĐỎ

Orhan Pamuk

Phụ Lục: Niên Biểu

336-330 tr. C.N: Darius trị vì Ba Tư. Ông là vị vua cuối cùng của triều đại Achaemenid và để mất đế quốc mình vào tay Alexander Đại đế.

3

336-323 tr. C.N: Alexander Đại đế thành lập đế quốc. Ông chinh phục Ba Tư và xâm chiếm Ấn Độ. Những kỳ công trong vai trò người hùng và quân vương của ông đã thành huyền thoại trong khắp thế giới Hồi giáo thậm chí cho đến thời hiện đại.

622: Hegira. Cuộc di cư của Tiên tri Muhammad từ Mecca đến Medina, và cũng là sự kiện khởi đầu lịch Hồi giáo.

1010: Shahnameh (Sách các vua) của Firdusi. Thi sĩ Ba Tư Firdusi (sống khoảng năm 935-1020) dâng tặng Shahnameh của ông cho vua Mahmud xứ Ghazni. Những tình tiết của nó về lịch sử và thần thoại Ba Tư - gồm cuộc xâm lược của Alexander, những chuyện về anh hùng Rustem và cuộc chiến giữa Ba Tư và Turan - đã truyền cảm hứng cho các nhà tiểu họa từ thế kỷ 14.

1202-1227: Triều đại của Thành Cát Tư Hãn. Ông xâm lược Ba Tư, Nga và Trung Hoa, và bành trướng đế quốc của ông từ Mông Cổ đến châu Âu.

Khoảng 1141-1209: Lúc sinh thời của Thi sĩ Ba Tư Nizami. Ông viết bộ sử thi lãng mạn Khamse (Ngũ bảo), gồm những câu chuyện sau, tất cả đều đã truyền cảm hứng cho những nhà tiểu họa: Makhzan al-Asrar, Khusraw o Shirin, Layli o Majnun, Haft Peykar và Eskandarname.

1258: Vụ cướp phá thành Baghdad. Hốt Liệt Ngột (trị vì 1251-1265), cháu nội của Thành Cát Tư Hãn, chinh phục Baghdad.

1300-1922: Đế quốc Ottoman, một cường quốc Hồi giáo dòng Sunni, cai trị đông nam châu Âu, Trung Đông và Bắc Phi. Vào lúc bành trướng nhất, đế quốc này vươn tới các cổng thành Vienna và Ba Tư.

1370-1405: Triều đại của vua Tamerlane Thổ Nhĩ Kỳ. Đã chinh phục những vùng đất mà Garagóyunly cai trị ở Ba Tư. Tamerlane chinh phục những lãnh thổ từ Mông Cổ đến Địa Trung Hải bao gồm các phần của Nga, Ấn Độ, Afghanistan, Iran, Iraq và Anatolia (nơi ông đánh bại vua Ottoman Bayazid I năm 1402).

1370-1526: Triều đại Timurid, do Tamerlane thiết lập, thúc đẩy sự hồi sinh đời sống trí tuệ và nghệ thuật, trị vì ở Ba Tư, Transoxiana và Trung Á. Các trường phái tiểu họa tại Shiraz, Tabriz và Herat hưng thịnh dưới sự cai trị của dòng họ Timurid. Đầu thế kỷ 15, Herat là trung tâm hội họa của thế giới Hồi giáo và là quê hương của bậc thầy vĩ đại Bihzad.

1375-1467: Garagóyunly (tiếng Anh: Blacksheep, Cừu đen) một liên minh bộ tộc Thổ Nhĩ Kỳ, cai trị nhiều vùng đất của Iraq, đông Anatolia và Iran. Vua Jihan (trị vì năm 1438-1467), vua cuối cùng của Garagóyunly, bị Uzyn Hasan (tiếng Anh: Tall Hasan, Hasan Cao) của nước Akgoýunly đánh bại năm 1467.

1378-1502: Akgoýunly (tiếng Anh: Whitesheep, Cừu trắng) liên minh bộ tộc Thổ Nhĩ Kỳ cai trị bắc Iraq, Azerbaijan và đông Anatolia. Vua Akgoýunly là Uzyn Hasan (trị vì năm 1452- 78) đã không kìm hãm được sự bành trướng về phía đông của đế quốc Ottoman, nhưng ông đã đánh bại vua Jihan của Garagóyunly năm 1467 và Abu Said của Timurid năm 1468, mở rộng lãnh thổ đến Baghdad, Herat và Vịnh Ba Tư.

1453: Vua Ottoman Fatih Mehmet (Mehmet Kẻ Chinh phục) chiếm Istanbul. Chấm dứt đế quốc Byzantine. Vua Mehmet về sau đặt Bellini vẽ chân dung mình.

1501-1736: Đế quốc Safavid cai trị ở Ba Tư. Việc xác lập Hồi giáo dòng Shia thành quốc giáo đã giúp thống nhất đế quốc. Kinh đô của đế quốc thoát

tiên đặt ở Tabriz, sau chuyển đến Kazvin, và sau đến Isfahan. Vị vua đầu tiên của Safavid, vua Ismail (trị vì 1501-1524), đã chinh phục những vùng đất do Akgoýunly cai trị ở Azerbaijan và Ba Tư. Ba Tư suy yếu đáng kể dưới triều vua Tahmasp I (trị vì 1524-1576).

1512: Cuộc trốn chạy của Bihzad. Nhà tiểu họa vĩ đại Bihzad đã di cư từ Herat đến Tabriz.

1514: Vụ cướp phá tòa lâu đài Bảy tầng trời. Vua Ottoman Yavuz Selim, sau khi đánh bại quân Safavid tại Chaldiran, đã cướp bóc lâu đài Bảy tầng trời ở Tabriz. Ông trở về Istanbul với một bộ sưu tập quý giá gồm các tranh tiểu họa và sách Ba Tư.

1520-1566: Kanuni Suleyman (Suleyman Phi thường) và Thời đại Hoàng kim của nền văn hóa Ottoman. Triều đại vua Ottoman Kanuni Suleyman. Những cuộc chinh phục quan trọng đã bành trướng đế quốc về phía đông và tây, trong đó có cuộc vây hãm Vienna lần thứ nhất (1529) và chiếm lấy Baghdad từ đế quốc Safavid (1535).

1556-1605: Triều đại Akbar, Hoàng đế Hindustan, hậu duệ của Tamerlane và Thành Cát Tư Hãn. Ông đã lập các xưởng vẽ cho các nhà tiểu họa ở Agra.

1566-1574: Triều đại vua Selim II của đế quốc Ottoman. Những hòa ước được ký với Áo và Ba Tư.

1571: Trận đánh Lepanto. Một trận thủy chiến kéo dài bốn giờ giữa các lực lượng Thiên chúa giáo liên minh và quân Ottoman sau cuộc xâm lược Cyprus của người Ottoman (1570). Dù Ottoman bại trận nhưng Venice vẫn nhượng Cyprus cho Ottoman vào năm 1573. Trận đánh có tác động lớn lên tinh thần người Âu và là đề tài cho nhiều bức tranh của Titian, Tinteretto và Veronese.

1574-1595: Triều đại vua Murat III của Ottoman (triều đại xảy ra các sự kiện trong tiểu thuyết này). Triều đại của ông chứng kiến một loạt cuộc đấu

tranh trong khoảng 1578-1590, được gọi là những cuộc chiến Ottoman-Safavid. Ông là vị vua Ottoman quan tâm nhất đến tiểu họa và sách, từng cho thực hiện Huner-nama (Sách các kỹ năng), Sur-nama (Sách các lễ hội) và Zafar-nama (Sách các chiến thắng) ở Istanbul. Những nhà tiểu họa Ottoman nổi bật nhất, trong đó có Osman nhà tiểu họa (Su phụ Osman) và những học trò của ông, đã góp công vào những sách đó.

1576: Đề nghị giảng hòa của vua Tahmasp với Ottoman. Sau nhiều thập niên thù địch, vua Safavid Tahmasp đã gửi lễ vật cho vua Ottoman Selim II sau khi vua Kanuni Suleyman băng hà nhằm thúc đẩy một nền hòa bình lâu dài. Trong số những món quà gửi đến Edirne có một phiên bản cực hiếm của cuốn Shahnameh, được thực hiện trong thời gian hai mươi lăm năm. Cuốn sách này sau được chuyển vào Quốc khố trong lâu đài Topkapi.

1583: Nhà tiểu họa Ba Tư Velijan (nghệ danh Zeytin), khoảng mười năm sau khi đến Istanbul được triệu đến làm việc cho triều đình Ottoman.

1587-1629: Triều đại của vua Safavid Abbas I, bắt đầu bằng việc phế truất người cha Muhammad Khodabandeh của ông. Vua Abbas làm suy yếu thế lực của người Thổ Nhĩ Kỳ ở Ba Tư bằng việc chuyển kinh đô từ Kazvin đến Isfahan, ông giảng hòa với Ottoman năm 1590.

1591: Câu chuyện của Siyah và các họa sĩ cung đình Ottoman. Một năm trước lễ kỷ niệm lần thứ một ngàn (tính theo năm âm lịch) cuộc di cư Hegira, Siyah từ phương đông trở về Istanbul bắt đầu những sự việc được kể lại trong tiểu thuyết này.

1603-1617: Triều đại của vua Ottoman Ahmet I, người phá hủy cái đồng hồ lớn cùng nhiều bức tượng được Nữ hoàng Elizabeth I gửi đến cho Đức vua làm quà tặng.

THỬ TÌM MỘT CÁCH GIẢI MÃ TÊN TÔI LÀ ĐỒ

(Thay lời bạt)

Đến đây các bạn đã đọc xong Tên tôi là Đỏ. Chúng tôi, những người dịch, vốn đã sống với tiểu thuyết này vài tháng để hoàn tất bản dịch, rất muốn bàn bạc trao đổi với quý bạn những suy nghĩ của mình, trong một nỗ lực thấu hiểu được tác phẩm với tư cách người đọc, chứ không phải với tư cách một nhà phê bình chuyên nghiệp.

Chúng tôi tin rằng (mà niềm tin thì không đòi hỏi phải chứng minh, nên rất mong các bạn lượng thứ cho chúng tôi việc chứng minh này) mọi sáng tác văn học và nghệ thuật đều có nhiều cách đọc, hiểu và lý giải khác nhau. Do đó, chắc chắn một kiệt tác như Tên tôi là Đỏ cũng vậy (nó là kiệt tác vì nó đủ thuyết phục và hấp dẫn đối với nhiều tầng lớp người đọc ở nhiều nền văn hóa khác nhau, Đông cũng như Tây). Nên chúng tôi tin rằng (lại "tin" nữa) tác phẩm này có thể có ba tầng ý nghĩa, hay ba cách đọc khác nhau. Và chúng tôi gọi "ba tầng" cho dễ hiểu chứ không có ý đồ cho rằng tầng này thâm sâu hơn tầng kia, nghĩa là, mỗi tầng đều có giá trị như nhau.

Thứ nhất, bạn có thể xem nó như một tiểu thuyết hình sự. Xét cho cùng, tiểu thuyết hình sự không có gì là kém cỏi, hay thiếu tính văn chương, vì tác giả phải có tay nghề đủ cao để buộc người đọc lật sang trang kế tiếp cho đến hết cuốn sách, buộc người đọc phải suy nghĩ, lý giải (tức là "sống"), cùng nhân vật cho đến kết thúc. Nói cách khác, tiểu thuyết hình sự cũng khó viết như mọi loại hình tiểu thuyết khác, thậm chí còn khó viết hơn loại tiểu thuyết tự sự, với nhân vật xưng "tôi" (ngôi thứ nhất), và quyền tùy nghi phát biểu mọi điều mình nghĩ mà không cần chứng minh hay lý giải cho tác giả.

Tên tôi là Đỏ cũng kể về chuyện sát nhân (không chỉ một, mà là hai vụ sát nhân), quá trình điều tra, truy cứu, và sau cùng, tìm ra thủ phạm (nếu nhìn theo hướng này thì Tội ác và Trừng phạt của Dostoyevsky cũng là một tiểu thuyết hình sự). Cách kể chuyện theo lối tự thuật (account) của nhiều nhân vật đã cho phép tác giả mô tả suy nghĩ và diễn biến tâm lý của từng nhân vật mà không cần dựng lên tình huống làm lộ ra tâm lý đó, nghĩa là, tác giả có thể thọc lưỡi dao mổ xẻ của mình vào mỗi nhân vật, sâu hay nông tùy thích. Và cách kể chuyện đó dẫn dắt độc giả bóc trần từng lớp vỏ tâm lý, vì không hẳn mỗi nhân vật đều thú thật ngay từ dòng đầu những suy nghĩ của

mình, cho đến khi nhận ra thực chất của mỗi nhân vật, và mỗi vấn đề theo những cách nhìn khác nhau.

Tiểu thuyết hình sự phải duy trì sự tò mò, căng thẳng và hồi hộp của người đọc cho đến phút chót. Thậm chí, tiểu thuyết hình sự còn phải cung cấp cho người đọc một kết thúc có hậu (thí dụ như thiện thắng ác thua, kẻ tốt được tưởng thưởng và kẻ xấu bị trừng phạt, hay thủ phạm bị vạch mặt còn công an điều tra được vinh danh) phù hợp với cách nghĩ của mọi người (điều này lý giải tại sao một truyện hình sự, hay một truyện ma, dù rùng rợn tới đâu, cũng không gây đau tim và bất ngờ như một trận bóng đá). Tên tôi là Đò hội đủ những tiêu chuẩn trên. Nên các bạn đừng ngạc nhiên khi nhiều bài phê bình nhận định đã gọi tác phẩm này là "truyện hồi hộp" (thriller) hay "kỳ án" (mystery), có lẽ vì mục đích thúc đẩy độc giả tìm đọc tác phẩm này.

Không chỉ có vậy, Tên tôi là Đò còn là một tiểu thuyết lịch sử. Nó kể về một giai đoạn trong lịch sử nghệ thuật hội họa Thổ Nhĩ Kỳ (nên nhớ, Pamuk học kiến trúc trước khi viết văn, điều đó lý giải tại sao ông am tường nghệ thuật truyền thống Thổ Nhĩ Kỳ). Bối cảnh câu chuyện là cuối thế kỷ 16 (chính xác là năm 1591 như tác giả định rõ và Pamuk, trong nhiều lần trả lời phỏng vấn, đã kêu gọi độc giả đọc kỹ, và đọc lại nhiều lần, phần Niên biểu ở cuối sách).

Cuối thế kỷ 16 là giai đoạn suy tàn của nền tiểu họa Thổ Nhĩ Kỳ, hay nền hội họa Hồi giáo nói chung. Trong thế giới Hồi giáo, hội họa không được trọng vọng, thậm chí còn bị cấm đoán vì giáo lý đạo Hồi cấm tôn thờ ngẫu tượng (tức hình ảnh của thần thánh mang hình dáng con người). Từ thế kỷ 9 đến thế kỷ 16, hội họa Thổ Nhĩ Kỳ, dù đạt đỉnh cao và để lại nhiều tác phẩm có giá trị, vẫn chỉ đóng vai trò minh họa cho văn bản. Nhà thư pháp (người biết đọc biết viết và có thể chép lại cổ thư) luôn được coi là nghệ sĩ đích thực trong khi nhà minh họa chỉ vẽ tranh để thể hiện những cảnh trí hay chi tiết của câu chuyện được ghi trong cổ thư, và bị đánh giá thấp hơn. Ban đầu họ chỉ vẽ tranh ở phần lề trang sách, do đó họ được gọi là "tiểu họa" (những bức tranh cực nhỏ), rồi sau đó mới giành được quyền có tranh minh họa chiếm nguyên cả trang sách.

Do giáo luật cấm thờ ngẫu tượng, nên hội họa Thổ Nhĩ Kỳ không mang tính tả chân mà chỉ có tính ước lệ. Họ vẽ người có hình dáng người (nghĩa là có chân tay, mặt mũi, áo quần, vân vân, của con người, chứ không giống một ai cụ thể), và xác định đó là ai qua trang phục, màu sắc hay cử chỉ trong tranh. Từ Giáo luật này, các giáo sĩ suy ra rằng hội họa không được quyền sáng tạo (vì "sáng tạo" là độc quyền của Thượng đế) mà chỉ có quyền thể hiện những khái niệm, hay những câu chuyện, mà mọi người đều đã biết, qua những hình ảnh ước lệ, tựa như trong nghệ thuật "hát bội" (không phải "hát bội") của Việt Nam, một diễn viên kẹp một cây chổi giữa hai chân phải được hiểu là "một người đang cưỡi ngựa", không cần biết người đó là vua quan hay thứ dân. Tư tưởng này đưa tới cách vẽ hoàn toàn mô phỏng theo những bậc thầy xưa chứ không dám tìm ra một phong cách mới, và điều đó được coi là duy trì, hay phát huy, truyền thống cổ, và là một việc làm "tốt hoặc hợp đạo giáo." Cách vẽ này, tức cách vẽ của những bậc thầy xưa, cũng chẳng có gì sáng tạo mà chỉ là ít nhiều mô phỏng hoặc chịu ảnh hưởng hội họa Trung Hoa, vốn lan tới Tây Á theo sự bành trướng của đế quốc Mông Cổ vào thế kỷ 12-13. Đó là cách vẽ không theo luật phối cảnh, vật ở gần hay ở xa đều giữ nguyên vai trò của nó chứ không thay đổi theo tầm nhìn gần hay xa. Đó là cách vẽ theo cái nhìn "Từ một đỉnh tháp," giống như cách nhìn thế giới của Thượng đế, tức là "Nhìn từ trên cao." quan điểm này được biện minh bằng lý luận rằng "nếu theo luật phối cảnh thì một thánh đường Hồi giáo, hay nhà vua, hay Thượng đế, khi ở xa, sẽ nhỏ hơn một con chó, hay thậm chí, nhỏ hơn một sợi lông chó. Và vẽ như thế là phạm thượng hoặc báng bổ."

Cuối thế kỷ 16, theo chân các nhà truyền đạo Thiên chúa giáo và những đội quân viễn chinh chiếm thuộc địa, hội họa Tây phương bắt đầu lan vào thế giới Hồi giáo, cụ thể là phong cách tả thực và luật phối cảnh. Thế là ở đây nảy sinh xung đột giữa Đông và Tây, tức giữa hai nền văn hóa, chủ đề chính của tiểu thuyết này. Các họa sĩ trong truyện bị giằng xé giữa hai lựa chọn: học theo phong cách Tây phương, hoặc tiếp tục đi theo truyền thống, và hai lựa chọn này còn nghiêm trọng hơn vì chúng gắn liền với ý thức tôn giáo (theo truyền thống nghĩa là tôn trọng giáo luật, còn theo phương Tây là trái giáo luật).

Dĩ nhiên, những người muốn học theo phong cách Tây phương cũng tìm được cơ sở lý luận, dựa vào tôn giáo, cho quyết định của mình.

Họ trích dẫn một câu trong kinh Koran: "Đông và Tây đều thuộc về Thượng đế", để biện minh rằng vẽ theo kiểu nào cũng là thuận theo ý muốn của Thượng đế chứ không có gì là trái giáo luật cả.

Và theo quy luật tất yếu, cái mới sẽ thắng cái cũ. Nền hội họa phương Tây đã lấn át hội họa Hội giáo (hay phương Đông) truyền thống và đẩy nó vào lịch sử, và từ thế kỷ 17 trở đi, nền tiểu họa, và cả hội họa Thổ Nhĩ Kỳ, bước vào buổi suy tàn và các họa sĩ Thổ bắt đầu vẽ theo phong cách Tây phương, cho đến tận hôm nay. Đó cũng là bi kịch xảy ra với các nhà tiểu họa trong tác phẩm này.

Ở tầng thứ ba, theo chúng tôi, Tên tôi là Đỏ chính là tiếng kêu bi thương của nghệ thuật trước những thế lực phi nghệ thuật. Nghệ thuật, và người làm nghệ thuật không còn được quyền là chính mình và phục vụ trước hết cho chính mình. Nghệ thuật, để tồn tại, phải phục vụ cho những thế lực phi nghệ thuật, có thể là thế quyền (vua chúa, những kẻ có quyền lực) hoặc thần quyền (như tôn giáo, guồng máy chế ngự tinh thần và tư tưởng của con người). Dĩ nhiên, nghệ thuật có thể phục vụ cho bất kỳ ai, bất kỳ thế lực nào hay chủ trương nào, để đổi lấy tiền bạc, những ưu đãi hay danh vọng cho người làm nghệ thuật. Nhưng đó, theo chúng tôi tin, không phải là vai trò hay nhiệm vụ duy nhất của nghệ thuật.

Nhưng thôi, chúng ta không nên rơi vào cuộc tranh luận muôn thuở và nhạy cảm, giữa "nghệ thuật vị nhân sinh hay nghệ thuật vị nghệ thuật". Trong tác phẩm này, những nhà tiểu họa, tức những người làm nghệ thuật, đã sống, suy nghĩ và làm việc theo kiểu những người khác (cụ thể là giới thế quyền và thần quyền) đã suy nghĩ và làm việc. Họ không biết, và không có khả năng, suy nghĩ và sáng tạo độc lập với tư cách con người và tư cách nghệ sĩ. Và nói theo kiểu của Karl Marx và những tiền bối của ông, họ đã vong thân (đánh mất, hay bỏ quên, chính mình). Đó là tình trạng mà trong đó con người không hiểu mình là ai, đang giữ vai trò gì, và do đó phải hành xử

ra sao, và con người đành rơi vào hoặc trôi theo, cung cách suy nghĩ và hành động của người khác của giai cấp khác, và thậm chí của kẻ thù của mình.

Các nhà tiểu họa trong đây đã yêu, ghét, vui, buồn, hay thậm chí giết nhau, không phải vì họ muốn như thế, mà hoàn toàn là do họ bị chi phối bởi một đạo giáo, triết lý, hay cách tư duy của người khác, hay cách nghĩ được xã hội thừa nhận.

Đến đây, xin bạn đọc cho phép tôi được kể một chuyện ngoài lề. Trong tác phẩm *The Painted Bird* (Con chim bị sơn), Zerzi Kosinski (nhà văn Ba Lan, 1933-1991) đã mô tả một thợ bẫy chim sống một mình trong rừng, và thú giải khuây của ông ta là lấy những con chim nhỏ, không bán được nhiều tiền, rồi phết sơn lên lông của chúng. Khi được thả ra, những con chim này liền cất tiếng kêu. Tiếng kêu đó thu hút đồng loại của nó, nhưng khi những con chim đồng loại tới gần, chúng lại rất đỗi hoang mang vì nghe tiếng kêu thì thấy quen thuộc, nhưng nhìn hình dáng thì rất xa lạ (trọng mắt mà rẻ tai). Sự hoang mang này đã đẩy một số con tấn công, và có khi giết chết, con chim bị sơn. Dĩ nhiên, bạn có thể kết luận rằng những con chim giết nhau vì khác biệt bề ngoài, nhưng tôi lại nghĩ rằng, ở một tầng ý nghĩa khác, Kosinski đã tạo nên một ẩn dụ tuyệt vời về kiếp vong thân, ở cả hai phía, không sơn và bị sơn.

Trở lại với Tên tôi là Đỏ, chúng tôi tin rằng Pamuk đã nhấn mạnh ý nghĩa này khi ông rất nhiều lần, mô tả tình yêu thương bạn bè và thầy trò giữa các bậc thầy tiểu họa, ngay cả khi họ quyết định giết nhau, qua lời tự thuật của kẻ sát nhân cũng như các nạn nhân của y. Nghĩa là, tuy rất thương nhau nhưng họ vẫn giết nhau, không phải vì họ muốn thế, mà bởi vì khác biệt trong tư duy và niềm tin tôn giáo, và dĩ nhiên cũng vì lòng vị kỷ, muốn bảo toàn sinh mạng hay những gì mình đã có được.

Đôi mắt với bi kịch đó, người nghệ sĩ có những phản ứng riêng, có kẻ bỏ nghề hay làm những công việc nghệ thuật tầm thường để kiếm sống, như trang trí thảm, đồ gốm, hay chai lọ, và cực đoan hơn, tự đâm mù mắt mình để khỏi phải thay đổi phong cách hay sáng tác theo ý người khác, nhất là ý

muôn của giới thông trị (như trường hợp Sur phụ Osman và Bihzad trong tác phẩm này). Ta hãy khoan phê phán việc làm đó là đúng hay sai, mà hãy cố hiểu tại sao họ làm như thế. Chi tiết này trong truyện không chỉ là sự kiện, mà còn là một biểu tượng, và qua đó, tác giả lại buộc ta tiếp tục suy nghĩ về kiếp vong thân của con người.

Tôi đã đọc, dịch và yêu mến tác phẩm này, rồi kính trọng cả tác giả vì những hiểu biết và tình cảm mà ông đã dành cho truyền thống văn hóa của đất nước Thổ Nhĩ Kỳ của ông. Chắc chắn rằng, qua tác phẩm của ông, độc giả thế giới đã được tiếp cận, thấu hiểu và yêu mến, dù ít hay nhiều, nền văn hóa Thổ cũng như cả nền văn minh Hồi giáo, dù rằng trong bối cảnh hiện đại, nền văn minh ấy đang bị gắn liền, hay gán ghép, một cách ít nhiều sai lạc, với những hành vi khủng bố.

Chúng tôi mong rằng các bạn sẽ xem đây là những ý nghĩ vụn vặt của một người đọc (chỉ là người đọc thôi) chứ không phải là nhà phê bình hay giảng dạy về lý luận văn học, nên do đó chúng tôi rất mong nhận được ý kiến trao đổi, chia sẻ hoặc phản bác của bạn đọc gần xa.

Và sau đó, qua một vài trống canh, các bạn có thể quên hết những ý kiến trên và trực tiếp thưởng thức lại danh tác này.

PHẠM VIÊM PHƯƠNG.